ALEXANDRE DE RHODES

LỊCH SỬ VƯƠNG QUỐC ĐÀNG NGOÀI

HISTOIRE DU ROYAUME DE TUNQUIN

Bản việt ngữ của Hồng Nhuệ
Bản pháp ngữ của Henri Alhi

TỦ SÁCH ĐẠI KẾT
ỦY BAN ĐOÀN KẾT CÔNG GIÁO TP.HỒ CHÍ MINH • 1994

ALEXANDRE DE RHODES

LỊCH SỬ VƯƠNG QUỐC ĐÀNG NGOÀI

TIMSACH.COM.VN

HISTOIRE DU ROYAUME DE TUNQUIN

BẢN DỊCH VIỆT NGỮ CỦA HỒNG NHUỆ

BẢN PHÁP NGỮ CỦA HENRI ALBI

ỦY BAN ĐOÀN KẾT CÔNG GIÁO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
1994

LỜI NÓI ĐẦU

Nhân kỷ niệm 400 năm sinh của Alexandre de Rhodes (1593-1993), chúng tôi đã cho thực hiện cuốn PHÉP GIẢNG TÁM NGÀY, phát hành tháng 6/1993 như một di sản văn hóa quí của Công giáo và của Dân tộc.

Nay chúng tôi xuất bản cuốn LỊCH SỬ VƯƠNG QUỐC ĐÀNG NGOÀI, gồm hai phần: phần một về tình hình chính trị - xã hội và phần hai, về công cuộc truyền giáo ở xứ Đàng Ngoài (Tunquin) từ 1626 đến 1648.

Trước hết là bản dịch Việt ngữ cùng với bài giới thiệu và một số chú thích của HỒNG NHUỆ...

Đây là một tài liệu cũ nên khó chuyển dịch hết tất cả mọi tình tiết. Vì vậy, chúng tôi cho in phần PHỤ LỤC, gồm bản chụp ấn bản Pháp ngữ năm 1651 để bạn đọc có thể tham khảo.

Trang sách của ấn bản năm 1651 khổ 12x18 được thu nhỏ thành khổ 10x16 cho phù hợp với khổ phổ thông của Tủ sách Đại Kết của Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh.

Tác phẩm, mà chúng tôi giới thiệu với giới nghiên cứu, đã được biên soạn cho đọc giả châu Âu vào thượng bán thế kỷ XVII.

Công giáo châu Âu, từ giữa thế kỷ XVI, do khủng hoảng trầm trọng trước các phong trào Cải cách Tôn giáo, có xu hướng muốn tự khẳng định mình bằng cách phủ định tất cả những gì ngoài Công giáo.

Đọc Allexandre de Rhodes, cũng như đọc thư từ và tường trình của các thừa sai châu Âu trước đây, bạn đọc không công giáo chắc chắn không thể không bất bình trước những thái độ trịch thượng, coi tất cả các tôn giáo ngoài công giáo là lầm lạc, mê tín, dị đoan... Nhưng đây chỉ là phản ánh một não trạng mà người Công giáo ở Việt Nam cũng như trên khắp thế giới ngày nay coi như là những lỗi lầm đáng tiếc của quá khứ, hết sức tai hại cho việc hội nhập của Kitô giáo vào văn hóa châu Á, châu Phi châu Mỹ nói chung và Việt Nam nói riêng.

Để tránh những ngộ nhận không cần thiết, đối với những bạn đọc không chuyên môn, mong rằng khi đọc sách này, độc giả coi đây chỉ là những ghi chép và nhận xét cá nhân của tác giả trong cuộc hành trình và truyền giáo ở thời kỳ đó. Còn đối với giới nghiên cứu, thì đã có bản Pháp ngữ được xuất bản dưới sự giám sát của chính tác giả.

Kính mong sự đồng cảm và đóng góp của bạn đọc.

Tủ Sách Đại kết

---

* *Ấn bản Pháp ngữ được thực hiện trên bản Photocopie của linh mục Đỗ Quang Chính và linh mục Gomez Ngô Minh.*

LỜI GIỚI THIỆU

Sau khi ở Đàng Trong năm năm (1618-1622) C.Borri đã soạn bản TƯỜNG TRỊNH VỀ ĐÀNG TRONG và cho phát hành bằng tiếng Ý và tiếng Pháp năm 1631. Còn A. De Rhodes, sau khi truyền giáo ở Đàng Ngoài ba năm (1627-1630) đã viết bản TƯỜNG TRỊNH VỀ ĐÀNG NGOÀI hay LỊCH SỬ ĐÀNG NGOÀI và cho ấn hành bằng tiếng Ý năm 1650, tiếng Pháp năm 1651 và tiếng latinh năm 1652.

Người ta còn giữ được một bản viết tay về bản Tường trình này soạn vào năm 1636 khi De Rhodes ở Macao. Nhưng hẳn ông đã bổ túc để viết không phải cho tới 1636 và cho tới năm 1647 để được ấn hành năm 1650. Vì thế ông đã nói : giáo đoàn này còn mới mẻ trẻ trung vì mới được "hai mươi ba tuổi" (1627-1650).

Cuốn về Đàng Trong của Borri rất quí đối với chúng ta, nhưng cuốn về Đàng Ngoài này quan trọng hơn nhiều. Đàng Trong dẫu sao cũng thuộc về nước Việt Nam. Chúa Nguyễn vẫn nhận vua Lê là lãnh tụ và dòng dõi nhà Lê làm vua toàn cõi. Nhà Nguyễn ở miền Nam lúc đó chưa dám tách biệt khỏi nhà nước Việt Nam, dẫu sao hành chính nhà Nguyễn lúc đó chưa bắt chước hoàn toàn nhà Lê ở Bắc. Trái lại Đàng Ngoài mới là đất đai của tổ tiên, của vua Hùng, nhà Lý, nhà Trần; Đông kinh tức Kẻ Chợ đã có từ lâu đời và nhất là từ năm nhà Lý dời đô về Thăng Long đầu thế kỷ 11.

Vì thế bản tường trình của De Rhodes có một tầm vóc lớn lao. Vì ông tinh thông ngôn ngữ nên ông học nói với người đương thời trực tiếp, ông ghi nhận tinh tường và thành thạo về tình hình chính trị, quân sự và xã hội, kinh tế và văn hóa của nước Việt Nam vào đầu thế kỷ 17, lúc có sự tiếp xúc với người ngoại quốc, nhất là người Hòa Lan và người Bồ, đặc biệt với người Bồ. Là người truyền giáo, ông quan tâm đặc biệt tới các tôn giáo, các tín ngưỡng cũng như những mê tín dị đoan của người bản xứ. Ông không quên những phong tục và nhất là tiếng nói của người Việt Nam.

Chúng tôi không cần giới thiệu nhiều lời, độc giả chỉ đưa mắt coi qua mục lục nhan đề các chương của cuốn sách ở quyển một, thì cũng biết sự phong phú đặc biệt của những đề tài : về danh hiệu, vị trí Đàng Ngoài, về vua Lê, về chúa Trịnh, lúc này là Trịnh Tráng, về lực lượng, về số thuyền chiến, về các nguồn lợi, về hành chính, về khoa thi... Tất cả có 31 chương trong phần một hay quyển một.

Là giáo sĩ đi truyền đạo, thế nên sau phần thứ nhất nói về tình hình trong nước, ông viết về sự du nhập Kitô giáo vào xứ này. Đó là ngày 19 tháng 3 năm 1627, tàu của thương gia người Bồ đã đưa ông tới Cửa Bạng thuộc Thanh Hóa, sau chỉ có một tuần lễ hành trình trên biển khơi từ Macao. Thế là ông đặt tên cho cửa biển này là cửa Thánh Giuse. Vì đã tinh thông tiếng nói học được ở Đàng Trong nên ông bắt đầu giảng đạo thánh Đức Chúa Trời và rửa tội cho một số người ở chung quanh bến đó. Khi được tiếp xúc với chính quyền thì chính lại là chúa Trịnh Tráng đưa vua Lê đi đánh chúa Nguyễn : đó là trận thứ nhất giữa hai chúa Trịnh Nguyễn, giữa hai xứ Bắc Nam mà sử ta có nói tới.

Chúng tôi nhường lời cho cuốn sách, quyển 2, với 51 chương, trong đó giáo sĩ kể lại tất cả hoạt động của ông và các người kế tiếp ông để đem Tin mừng của Đức Kitô đến cho Đàng Ngoài.

Như trên chúng tôi đã nói, vì thạo tiếng Việt mà giáo sĩ đã rất dễ dàng truyền bá đức tin. Một giáo đoàn đã bắt đầu thành lập. Đã có nhiều người tham gia vào công việc chung, như chép kinh, biên soạn sách giáo lý, soạn lịch công giáo. Chính giáo sĩ đã có một thời gian không đi giảng được, thì đã viết thư chung gửi cho bổn đạo. Cùng cộng tác với ngài còn có những người có tên tuổi, có công trạng như giáo sĩ Gaspar d'Amaral, người đã soạn một cuốn TỰ VỊ VIỆT BỒ (ngày nay thất lạc), giáo sĩ Antôn Barbosa đã viết cuốn TỰ VỊ BỒ VIỆT (ngày nay thất lạc), tuy cả hai cuốn đã giúp cho cha A. De Rhodes soạn cuốn TỰ VỊ VIỆT BỒ LA ấn hành tại Rôma năm 1651. Chính De Rhodes cũng đã cho in cuốn PHEP GIANG TÁM NGÀY, hẳn với những bài giảng cho dân xứ Bắc trong thời gian ông ngụ tại đây. Cũng phải kể tới giáo sĩ Maiorica, người biên soạn tới hơn hai mươi cuốn sách bằng chữ Nôm hiện còn những bản thảo hay bản viết tay nằm trong thư viện quốc gia Pháp ở Paris.

Rồi cũng đã có văn sĩ, thi sĩ đầu tiên của giáo đoàn Kitô, như bà Catarina rất tinh thông chữ nghĩa, bà đã viết bằng thơ tất cả lịch sử cứu rỗi, từ tạo thiên lập địa cho tới Chúa Kitô chịu chết và phục sinh, bà còn thêm một cuốn kể lai lịch cuộc truyền giáo ở xứ này. Thật là đất Đông kinh ngàn năm văn hiến. Chúng tôi có thể tưởng tượng như cuốn THIÊN NAM NGỮ LỤC với hơn tám ngàn câu thơ lục bát cũng vào thời kỳ này.

Về tổ chức giáo đoàn và xây dựng đoàn thể, phải kể tới hội các thày giảng với một trường đào tạo trong đó đã có chừng một trăm thày. Về sinh hoạt phụng vụ cũng rất sốt sắng với mùa Vọng và lễ Giáng sinh, mùa Chay và lễ Phục sinh. Đặc biệt De Rhodes đã cho tổ

chức ngắm 15 sự thương khó Chúa Giêsu, dựa theo nghi lễ hát kinh đêm trong ba ngày Tuần thánh.

Kết quả của việc truyền giáo, cũng theo Tường trình Đàng Ngoài này, năm 1628 đã có hơn 1.600 giáo hữu, tới năm 1630 lên chừng 5.000 và cho tới năm 1639 đã có 82.500 giáo hữu với hơn một trăm nhà thờ lớn, một trăm hai mươi nhà thờ nhỏ. Bản đồ giáo sĩ cho vẽ đã ghi những địa danh có người theo đạo, như chung quanh cửa Bạng, chung quanh Kẻ Chợ (Hà Nội). Có nhiều tên chúng tôi chưa nhận ra nhưng cũng có mấy nơi chúng tôi rất quen biết như Chăm Hạ, Kẻ Trù, Kẻ Vôi...

Chúng tôi chú ý tới hai chương quan trọng, một chương ở quyển một nói về các dấu trong việc phiên âm TIẾNG VIỆT, đó là chương khai đề cho cuốn NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT sau này của De Rhodes đi song song với cuốn TỰ VỊ VIỆT BỒ LA danh tiếng và chương ở quyển hai *bàn về phương pháp dạy giáo lý mà De Rhodes chủ trương. Chương này nói lên phương pháp dạy giáo lý trong cuốn* Phép Giảng tám ngày. *Chúng tôi đã có dịp nghiên cứu sơ qua về bản viết tay năm 1636 nói trên; trong bản viết tay này không có chương 16 :* "Phương pháp chúng tôi dùng để dạy giáo lý." *Như thế có nghĩa là khi ở Macao năm 1636 giáo sĩ chưa viết hoặc chưa dám viết chương này, vậy có thể phải đợi cho tới khi giáo sĩ đã về tới Âu châu, ngài mới viết để cho ấn hành trong cuốn Tường trình.*

Có người cho chúng tôi đã quá đề cao thanh thế của giáo sĩ De Rhodes vừa về mặt ngữ học vừa về mặt truyền giáo. Thế nhưng suy cho cùng, De Rhodes rất đáng được một chỗ riêng, ít ai bì được, không những về việc hình thành chữ quốc ngữ - chúng tôi có thể dành cho một bài khác - mà về cả công cuộc truyền giáo ở xứ Bắc. Độc giả đọc cuốn Tường trình này rồi thì sẽ có một ý kiến vững chắc về ngài.

Thế cho nên để ghi nhớ ngày ngài cập bến Cửa Bạng ngày 19 tháng 3 năm 1627, Giáo hội Việt Nam đã nhận Thánh Giuse làm Đấng Bảo trợ cho mình và nhà thờ Chính tòa Hà Nội thủ đô là nhà thờ kính Thánh Giuse bổn mạng Giáo hội Việt Nam. Và De Rhodes kết luận cuốn Tường trình như sau :

"Những điều nói trên cũng đủ cho chúng ta nhận thấy một nét về nhân đức và sự trọn lành của bộ mặt trẻ trung của Giáo hội Đàng Ngoài, mới được hai mươi ba tuổi, nhưng từ ngày nhận ánh sáng Phúc âm thì đã được tô điểm tráng lệ. Ước mong Thiên Chúa ban cho Giáo hội này luôn luôn tăng tiến về sự trọn lành và được đầy ơn Thiên Chúa, để cho ta xem thấy một kỳ công kiệt tác của vinh quang Người".

HỒNG NHUỆ

TIMSACH.COM.VN

LỊCH SỬ VƯƠNG QUỐC ĐÀNG NGOÀI

VÀ NHỮNG TIẾN TRIỂN LỚN LAO
MÀ PHÚC ÂM RAO GIẢNG
ĐÃ LÀM Ở XỨ NÀY
ĐỂ CHINH PHỤC LƯƠNG DÂN

TỪ NĂM 1627 TỚI NĂM 1646,
SOẠN BẰNG TIẾNG LATINH
DO CHA ALEXANDRE DE RHODES,
DÒNG TÊN
VÀ DỊCH RA TIẾNG PHÁP
DO CHA HENRI ALBI,
DÒNG TÊN.

TIMSACH.COM.VN

LYON

CHEZ JEAN BAPTISTE DEVENET
EN RUE VERCIÈRE, À LA CROIX D'OR
1651

NGỎ CÙNG ĐỘC GIẢ

Khi nghe nói về những sự mới lạ (những sự mới lạ cũng như những người xa lạ) thì người ta thường cảm phục hơn là ưu đãi : điều này có lẽ đúng với cuốn Lịch sử mà tôi nhận được bản La ngữ của cha Alexandre de Rhodes; tôi sợ có người không công nhận những điều tường thuật trong đó vì là những điều vừa mới vừa lạ. Có nhiều khi vì những truyện ở những lãnh thổ xa lạ, nhất là những lãnh thổ thuộc thế giới mới, thấy có những bài tường thuật gian dối bởi vì chép theo lời người khác kể lại, nên đã đánh lừa lòng tin của độc giả. Nhưng tôi cam đoan với những người muốn giải trí đọc cuốn Lịch sử này, tác giả cho chúng ta biết về tình hình đời và đạo hiện nay ở xứ Đàng Ngoài, người đó không có ý lừa dối chúng ta. Vì về tình hình và các việc đời của xứ này, tác giả tuyên bố là không tường thuật gì mà mắt không chứng kiến. Còn về việc thiết lập và sự tiến triển của Kitô giáo thì tác giả đã trung thành trích ra hoặc từ những bản ký sự đã khởi thảo tại chỗ, những sự việc đã xảy ra trong thời ông hoạt động trong khu truyền giáo này, hoặc từ những thư tín và thông báo ông nhận được từ những người thợ đã thay thế ông đến làm việc trong vườn nho đó.

Ông đã được triệu hồi hồi từ khu truyền giáo Đàng Trong nơi ông cư trú hai năm để tới khu truyền giáo Đàng Ngoài, nơi cha Juliano Baldinotti thuộc dòng chúng tôi đã đi theo các thương gia Bồ bắt đầu tới buôn bán trong xứ này. Cha Baldinotti cũng là người thứ nhất vào xứ đó và phát giác những ruộng vườn mênh mông sẵn sàng được cày cấy và nhận thấy những khuynh hướng lớn lao để nhận hạt giống đức tin và Kitô giáo. Cha Alexandre de Rhodes tới đó năm 1627 và may mắn rao giảng Phúc âm, với những thành quả mà hình như cả trời lẫn đất đều đồng tình phù hộ và giúp đỡ để chinh phục các dân này, còn địa ngục từ bao nhiêu thế kỷ nay đã đóng cửa cứu rỗi thì bây giờ không còn sức, không còn quyền ngăn cản. Thế nhưng sau ít lâu, ma qui bực tức và

điên rồ vì bị trục xuất khỏi lãnh thổ của chúng và vì một phần lớn các tín đồ cũ của chúng đã bỏ chúng, thì chúng võ trang tất cả phe đảng và đồng lõa, gây nên nhiều cuộc bắt bớ, vu cáo kết tội để làm nhơ thanh danh ngài và vinh quang Phúc âm ngài rao giảng, chúng còn phao tin ngài là thày phù thủy vừa làm mê hoặc vừa tàn sát người ta bằng hơi thở của ngài, làm cho chúa trước đây rất quí mến và rất nể ngài thì nay không còn ưa ngài và công việc ngài làm để rồi sau cùng trục xuất ngài ra khỏi lãnh thổ năm 1629. Nhưng bởi vì ngài lại theo chiếc tàu người Bồ tới buôn bán mà trở lại xứ này, thì chúa lại ra lệnh lần thứ hai trục xuất ngài năm 1630 không còn hy vọng trở lại, sau khi đã không mệt nhọc hoạt động trong ba năm trời, với những thành quả và những biến cố rất khác nhau và đã để lại trong các tỉnh tới năm nghìn Kitô hữu và trong khắp nước những mầm mống báo hiệu một mùa gặt dồi dào do mồ hôi ngài đã tưới và sau này các thày giảng do ngài thiết lập sẽ thâu lượm được khi ngài không còn ở đó nữa.

Vì những kẻ thù đức tin đã gieo vào tâm tưởng chúa nên Bề trên dòng (để cất hết nguyên nhân làm cản trở việc rao giảng và tiến triển Phúc âm) đã phái những thợ khác tới khu truyền giáo như sẽ thấy trong cuốn Lịch sử này, những người này tiếp tục công việc của những người trước và dốc hết nhiệt tình để làm tăng số những người trở lại rất nhiều, nên ngày nay ở xứ Đàng Ngoài có hơn hai trăm nghìn Kitô hữu, hai trăm nhà thờ rộng lớn, không kể một số nhà nguyện, đền thánh và sáu trụ sở cư trú của các cha dòng. Hy vọng rằng Thiên Chúa nhân từ theo sự quan phòng của Người, Người cho thực hiện những ý định vẻ vang, Người sẽ ban phúc tràn đầy và sung mãn cho công trình của Người và tất cả các dân tộc Đông phương, không những xứ Đàng Ngoài mà cả các nước lân cận, Đàng Trong, Thái Lan, Lào, Campuchia, nơi các thợ Phúc âm ngày nay đang làm việc, tất cả các nước ấy sẽ thần phục Nước Đức Giêsu Kitô, Đấng mà hết các quốc gia trong hoàn cầu đều phải thờ phụng.

ĐẶC QUYỀN

Tôi ký tên dưới đây, giám tỉnh dòng Tên, tỉnh dòng Lyon, chiếu theo đặc quyền cấp cho dòng do các vua rất Kitô giáo, tôi cho phép Gioan Baotixita Devenet, nhà buôn bán sách ở Lyon, được cho in và bán cuốn sách nhan đề *Lịch sử Đàng Ngoài và những tiến triển lớn lao mà Phúc âm rao giảng đã làm ở xứ này để chinh phục lương dân từ mấy năm nay*, do cha Alexandre de Rhodes biên soạn và do các cha dòng nhận được, và như vậy trong hạn sáu năm, cấm tất cả những người khác không được in hay cho in, nếu không sẽ bị phạt như đã ghi trong đặc quyền.

Làm tại Avignon, ngày mồng một tháng ba năm 1651.

JEAN GAYET

QUYỂN MỘT

TÌNH HÌNH THẾ TỤC
XỨ ĐÀNG NGOÀI

CHƯƠNG I.

DANH HIỆU VÀ VỊ TRÍ

Xứ Đàng Ngoài[1] thời xưa (*bị coi*) là một trong những tỉnh lớn nội thuộc Trung Quốc, chúng ta gọi theo danh hiệu đã được công nhận. Vì như Bắc Kinh (bây giờ là thành phố thịnh vương nhất Trung Quốc và là đế đô thường trú của các vua), có nghĩa là triều đình hay thành phố các vua ở miền Bắc, và Nam Kinh là triều đình hay thành phố của các vua ở miền Nam, thì *Đông Kinh* cũng có nghĩa là triều đình ở miền Đông; *Đông* trong tiếng Tàu có nghĩa là mạn hay phương Đông và *Kinh* là nơi vua họp triều đình. Thực ra Đông Kinh chúng tôi nói ở đây không ở vào phía đông nước Tàu, nếu nhằm thẳng vị trí, nhưng ở về phía Nam. Nhưng vì thời xửa xưa, đế chế Trung Hoa lan rộng tới mãi các nước Lào và Xiêm thuộc về phía Tây, nên đối với họ nước Đông Kinh được gọi là nước ở vào phía Đông và như thế gọi cho thuận tiện đối với tất cả những tỉnh ở về phía Tây, những tỉnh này phải đi mất sáu tháng mới tới, nếu cần phải nại tòa án đặt ở Bắc Kinh và Nam Kinh, nơi vua thay đổi cung điện tùy

tiện. Nhưng từ khi những nước ở vào miền Tây này thoát khỏi đế chế Trung Hoa thì tỉnh Đông Kinh vẫn phải triều cống[2] và được gọi là *Annam* nghĩa là nghỉ yên phía nam; hiện nay danh hiệu này là tên gọi chung cho hai xứ Đàng Ngoài và Đàng Trong, cả hai chỉ là một quốc gia, một cộng đồng chung nhau về phong tục, tập quán và ngôn ngữ; và trước đây chỉ là một nước, tuy sau này chia làm hai như tôi sẽ nói khi có cơ hội.

Và để nói thêm về danh hiệu đặt cho Đàng Trong ngày nay[3] tách biệt khỏi Đàng Ngoài, thì phải biết thủ đô cả nước *Annam* gọi là *Kẻ Chợ* và các thương gia Nhật Bản buôn bán trong tỉnh đó đã đọc sai và gọi là *Coci* vì thế người Bồ giao tiếp với họ, để phân biệt với tỉnh *Cocin* ở miền Đông Ấn, không xa thành phố Goa, đã lập thành danh từ *Cocinchina*, như muốn nói xứ *Cocin* gần Trung Quốc (Cocinchina). Danh hiệu này không quá mới vì từ một thế kỷ nay, như chúng ta được biết, trong thư của mình , Thánh Phanchicô Xavie đã tường thuật một trận bão ghê rợn xảy ra ở bờ biển xứ này, khi ngài đáp tàu đi Nhật Bản. Còn cái xứ ngày nay ta gọi là Đàng Ngoài, lúc đó cũng được kể chung với danh hiệu *Cocinchina*. Cho nên không nên bỡ ngỡ nếu trong nhiều bản đồ, ngay cả những bản đồ mới họa đây, xứ Đàng Ngoài được gọi theo danh hiệu *Cocin* và được liệt vào lãnh thổ *Cocinchina* hoặc như thể thuộc về *Cocinchina*. Tuy vậy từ mấy chục năm nay hai xứ này chia rẽ nhau, nên ở đây tôi sẽ chỉ nói về xứ Đàng Ngoài, biệt lập với xứ Đàng Trong. Còn khi nào nói về điều gì chung cho cả hai xứ thì sẽ dùng danh từ *Annam*, danh hiệu chung cho cả hai. Đó là về danh hiệu.

Còn về vị trí thì toàn nước Annam ở về phía bắc, từ vĩ tuyến 12 tới vĩ tuyến 23. Từ vĩ tuyến 12 tới vĩ tuyến 17 thuộc về Đàng Trong, còn ra là thuộc Đàng Ngoài. Tuy có sự khác biệt này là dân ở cả hai xứ coi Đàng Ngoài như một cái áo, Đàng Trong như thắt lưng, Đàng Ngoài trải rộng như một cái đĩa bằng phẳng có bốn góc, còn Đàng Trong thì bị thu hẹp trong một dãy núi, đến nỗi chỗ hẹp nhất chỉ dài chừng hai mươi mốt dặm Pháp kể từ bờ biển

chạy tới dãy núi ngày nay có người dân tộc sơ khai gọi là Rợ Mọi, nước da họ đen, tiếng nói khác với tiếng các dân ở nước Annam. Từ Nam chí Bắc, lãnh thổ họ rộng chừng 146 dặm Pháp.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG 2.

NGUỒN GỐC XỨ ĐÀNG NGOÀI

Nước này bắt đầu thoát ly khỏi đế chế Trung Quốc từ hơn tám trăm năm nay[5], khi người Đàng Ngoài không thể chịu được cái nhục đô hộ Tàu, thì họ vùng lên sau khi giết quan trấn thủ. Vừa để truyền cho hậu lai kỷ niệm chiến thắng đó vừa để ghi muôn đời cuộc khởi nghĩa bằng một vài sự việc thì họ ra lệnh từ nay dân Đàng Ngoài không kết tóc bọc trong lưới trên đầu như người Tàu, và để tỏ ra độc lập, họ bỏ tóc dài tỏa trên vai. Hơn nữa họ không đi giày như đã quen, vì đất rất lầy lội thường xuyên trong toàn cõi, họ luôn đi chân không ở miền quê, không có giày, để được tự do chạy nhảy và chiến đấu với người Tàu khi cần. Thế nhưng sau mấy năm, để bớt căng thẳng đưa tới chiến tranh liên tục thì người Đàng Ngoài đã làm hòa với người Tàu và *cứ ba năm một lần họ đến triều đình Bắc Kinh* triều cống vua Tàu với lễ vật để tỏ sự thuần phục; đó là điều họ còn giữ cho tới ngày nay. Nhưng đến lượt chính họ (sau khi nổi lên chống người Tàu) trong nước họ lại xảy ra nội loạn và cảnh huynh đệ tương tàn, làm cho nước Annam xưa kia chỉ là một quốc gia thống nhất, bây giờ phân chia ra dưới quyền thống trị của nhiều chúa, mỗi chúa xưng hùng một phương.

Cuộc nội loạn thứ nhất và chính yếu đã xảy ra ngay trong triều vua và giữa kinh thành Kẻ Chợ *chừng hai trăm năm nay*[6]. Lúc đó khi vua về mien quê giải trí ít ngày thì *người được vua giao quyền canh cửa và giữ điện đài đã nổi loạn*. Ông âm mưu bí mật bên trong và bên ngoài, truất phế vua lúc đó bất thần không chống cự nổi. Ông đặt ách độc tài trên bốn tỉnh chính yếu và kinh thành, từ đó không ai ngăn cản, rồi sau ông và con cháu kế vị thừa hưởng hậu quả của lòng phản nghịch. Thấy mình bị tước đoạt một phần lãnh thổ tốt đẹp nhất và lớn nhất trong nước, không còn phương thế rửa nhục do kẻ phản loạn gây nên và không còn hy vọng khôi phục

những tỉnh đã mất, vua liền dự định mở mang bờ cõi về phía Nam (...) Tham vọng được thỏa mãn, vua vui mừng và hiển hách thấy quốc gia mình được mở rộng ngoài bờ cõi, nên không còn lo đẩy mạnh chiến thắng xa hơn, vua quyết định ngừng chiến và về nghỉ ngơi trong tỉnh *Thanh Hóa*, giao việc chinh chiến cho viên tướng lãnh, viên này gánh hết công việc binh đao.

Nhưng tướng lãnh này nắm hết quyền lực võ trang và do tham vọng cá nhân chứ không do nhiệt thành theo công lý, ông bỏ việc chinh phục Chiêm Thành, chỉ để lại một số đạo binh, và đem quân chống lại kẻ nghịch thần đã cướp một phần lớn Đất Nước Đàng Ngoài. Ông giao chiến mấy lần nhưng cả hai bên lúc được lúc thua. Thực ra ông có ý định khôi phục những tỉnh đã mất, nhưng không phải để trao lại cho nhà vua, một *vị vua mà ông thấy không đủ khả năng trị nước, lại yếu sức, kém tài và truỵ lạc*, mà là chiếm cho mình và con cháu mình. Vì ông rất thông thạo việc nước nên ông được nể trọng và qui mến, vua thì tín nhiệm giao cho quyền cai quản không những quân binh mà tất cả công việc trị nước.

Thế là quyền thống lãnh quân binh được đặt vào tay ông cùng hết các việc nước, chiến tranh cũng như hòa bình đều hoàn toàn thuộc về ông, ông lại có quyền truyền lại cho con với sự thỏa thuận của nhà vua. Thế là theo thế lực của thông tục và của võ trang, vua trong nước chẳng còn quyền hành gì, chỉ có danh hiệu là vua, tất cả lực lượng hợp với binh đao võ bị đều ở vị tướng lãnh.

Cách đây chừng một trăm năm[7] vị tướng lãnh nhận trọng trách này cũng là cụ tổ chúa Đàng Trong, đã giao tranh với kẻ nghịch thần chúng tôi nói ở trên, trong miền ghi trên bản đồ giữa kinh thành và Lào, thấy mình bị địch bao vây và nguy hiểm cho tính mạng, thì đã công khai hứa gả con gái cho viên tướng nào giải vây được : nghe thấy vậy thì có một binh sĩ can tràng và mạnh bạo cưỡi voi thúc quân hăng hái đánh về phía địch rất đông tiến đánh đạo quân yếu ớt của tướng, làm cho địch phải lùi, cứu viên tướng thoát vòng vây nguy hiểm, đưa lên voi đem về nơi an toàn, làm cho viên tướng có phương thế thu quân để mạnh bạo tấn công. Viên tướng lãnh chịu

ơn binh lính, không những đã gả con gái cho như đã hứa mà con giao cho một phần đạo binh.[8] Thế là ông này đã đạt tới bậc cao danh vọng mà vận mệnh dành cho ông. Rồi sau khi viên tướng lãnh mất, con thì còn nhỏ dại, không được kế vị cha cầm đạo binh như nhà vua đã ban quyền, trái lại người con rể đã lập được nhiều chiến công và lấy con gái duy nhất, liền nắm hết việc trị nước và điều khiển quân sĩ. Thế nhưng được vua ưng chuẩn, ông vừa lên cầm quyền thì đã tỏ ra ganh tỵ và ghen ghét người em vợ, người em này tính tình khoan hậu mỗi ngày mỗi khôn lớn và có tham vọng chính đính, tìm cách với thời gian khôi phục sự nghiệp lẽ ra thuộc về mình do cha để lại, nhưng chỉ vì tuổi còn nhỏ mà chưa làm được. Thế là người anh rể quyết định ám hại tính mạng em vợ trước khi để cho em dấy nghiệp. Dự định đó (tôi không biết bằng cách nào), người vợ biết và vì thương em nên định cứu em thoát nạn và cứu chồng khỏi mắc trọng tội sát nhân.[9] *Bà liền khuyên chồng cho em vào Đàng Trong làm trấn thủ lãnh thổ đó*, viện lý do cho em ra trận và giữ vững vùng đất mới chiếm. Thế là sự việc được thi hành, người thanh niên có tài ba lại có tư cách hiền hậu, nhận ra mưu mô anh rể và dự định ám hại mình, liền khôn ngoan và ăn ở khéo léo trong việc cai trị đến nỗi sau khi được lòng dân và cẩn thận đề phòng, thì cho giết những kẻ chủ mưu toan tính sát hại mình. Và nơi đây ải ông làm thành quê hương, đất ngoại lai thành di sản và gia nghiệp. Trong một thời gian ngắn ông làm bá chủ tất cả những lãnh thổ ông cai trị và toàn cõi Đàng Trong, xưng vương dưới danh hiệu *chúa ông*; nhưng để duy trì hòa bình và giữ thế thủ, ông nhận triều cống chúa Đàng Ngoài. Thế là nhờ lời khuyên của bà chị khôn ngoan mà ông em được thuận lợi mà chồng cũng không bị thiệt hại, ông này được rảnh tay nghĩ kế và đem binh dẹp quân nghịch thần đã cướp phần tốt đẹp nhất của Đất Nước. Ông dùng võ khí đuổi được và kết thúc cuộc giao tranh xảy ra từ bao năm nay : ông hiển hách tự xưng và truyền cho

con kế vị danh hiệu là *chúa Bằng*,[10] nghĩa là chúa công bằng với nhiều quyền hành, chỉ để lại cho vị đế vương cả nước gọi là *vua* một ít đặc quyền danh dự, chúng tôi sẽ nói sau.

Nhưng quân nghịch thần bị *chúa Bằng* đánh bại trận thì rút lui cùng toàn gia quyến về miền núi giáp ranh giới nước Tàu và lập đồn đắp lũy tự xưng là *Chúa Canh* như từ trước vẫn có. Và có thời giờ thong thả khôi phục lực lượng đem quân đánh phá quân Đàng Ngoài và cướp miền đồng bằng. Tuy nhiều lần bị quân Đàng Ngoài chống cự và ông bị thua, nhưng ông vẫn còn sức không để cho quân Đàng Ngoài nghỉ yên.

CHƯƠNG 3.

NGƯỜI ĐÀNG NGOÀI TÔN THỜ VUA CỦA HỌ THẾ NÀO

Trong những phong tục người Đàng Ngoài kính cẩn theo, thì có một phong tục chính yếu họ giữ vào đầu năm mới, đó là *lễ tịch điền*, nghĩa là mở đất và cày ruộng. Đầu năm nơi xứ này cũng như nơi người Tàu, thường vào giữa đông chí và xuân phân, đúng ngày tuần trăng mới tương đương với ngày mồng 5 tháng 2 theo cách tính của chúng ta; vào ngày mồng ba, do các nhà toán học hay ma thuật chỉ định (vì ở các nước này có nhiều dị đoan), mọi người có trọng trách, chức vụ hay cấp bậc trong ngành quan võ hay quan văn đều phải tới đền vua với những phù hiệu và y phục chức vụ mình để theo *vua* trong đám rước long trọng qua khắp thành cho tới một thửa ruộng, theo thể thức và thủ tục tôi sẽ tả sau đây.

Mở đầu là binh sĩ tập hợp từ khắp nước về đây, nghiêm chỉnh hàng lối và rất đông, có tới mấy nghìn,

tất cả đều mang khí giới, kẻ đem cung, tên, người mang gươm giáo và súng ống. Sau đó là sĩ quan và hàng quý tộc một phần đi ngựa cảnh, một phần cưỡi voi, chừng ba trăm tất cả, có trải thảm quý, đã được huấn luyện dừng bước và tuân lệnh. Vị tướng lãnh cai trị nước như phó vương gọi là *chúa thành đô vương*[11] đi sau hàng quý tộc, ngự trong chiếc xe kéo thấp thiếp vàng. Theo sau là một cỗ voi phủ áo sang trọng, có người dắt, chúa tùy tiện có khi cưỡi voi, tùy tính khí mỗi khi muốn làm đẹp lòng dân đứng nghinh tiếp và ca ngợi. Sau đó là một đám rất đông các ông nghè, ông cử, ông tú mặc áo dài bằng lụa và thứ hàng quí màu tím sẫm, mỗi người với phù hiệu chức vụ hay cấp bậc mình. Cuối cùng là *vua* ngự trên ngai lộng lẫy do nhiều người khiêng trên vai, ngai phủ một tấm thảm thêu vàng và xanh, màu sắc dành riêng cho một mình ngài. Với đoàn thể và quân ngũ, vua ra khỏi nhà gọi là *đền* rộng chừng bằng một thành phố lớn, rồi qua những phố chính trong kinh thành gọi là *Kẻ Chợ*, rồi tới một cánh đồng rộng xa kinh thành chừng một dặm, nơi đây tất cả đoàn thể đến trước đang chờ ngài với rất đông dân chúng. Ngài bước xuống ngai, rồi sau khi đọc lời khấn và long trọng bái Trời, ngài cầm cán cày được trang hoàng nhiều màu sắc và chạm trổ kỳ công, cày mấy phút và mở một luống trong thửa ruộng, để dạy cho dân biết cách làm việc, không nghỉ và chăm sóc đất ruộng. Rồi tới lượt *chúa* là vị cai trị cả nước, vị có quyền thế đầy đủ và thế giá cao cả trên tất cả thần dân, ông là người đầu tiên tiến đến bái kính đức vua, sấp mình trên đất. Sau ông là các hoàng tử, tướng lãnh và toàn thể hoàng tộc, sau cùng là quân sĩ và toàn dân bái phục đức vua và hoan hô chúc mừng. Đó là cách cung kính vĩ đại nhất và sự nhìn nhận long trọng nhất đối với vua, một lần vào dịp đầu mỗi năm.

Rồi mỗi tháng hai lần, *vào mồng một và ngày rằm*, những vị tiến sĩ chính yếu và những bậc quan văn đều đến chầu vua ngự trong đền và cung kính bái yết

không phải chỉ là bậc quân vương mà còn là đấng đã ban cấp bậc cho mình sau kỳ thi tuyển mà chúng tôi sẽ nói sau đây. Bởi vì chính nhà vua ban cho tất cả hoàng tộc và kể cả trong nước các *chức tước* thuộc hàng quí tộc, mặc dầu bao giờ cũng qua ý kiến và thỏa thuận của chúa là người nắm mọi quyền trị nước. Người ta cũng *tính các năm, ghi các ngự chỉ, sắc lệnh* và hết các giấy tờ công cũng như tư kể từ ngày vua lên ngôi và làm lễ đăng quang, truy tôn niên hiệu, theo phong tục, kể từ ngày nào gọi bằng tên nào. Và nếu trong năm có xảy ra tai họa chung nào trong toàn quốc, như mất mùa, đói kém, dịch tả hay điều gì tương tự, thì đầu năm sau niên hiệu nhà *vua* sẽ thay để cho tai họa ngừng lại với tên cũ và người ta bắt đầu lại từ ngày *đổi niên hiệu*, để đếm những năm trị vì, như thể một vua mới vừa lên ngôi. Mặc dầu việc lập vua mới bao giờ cũng dựa vào hàng hoàng gia thâm niên nhất mà toàn dân đều biết, thế nhưng ngày nay việc lựa chọn tuyệt đối tùy thuộc vào phán đoán của *chúa* mà từ nay trong cuốn Lịch sử này tôi gọi là "roi du pays", vị này có quyền (bởi vì ông đã chiếm đoạt) vì ích quốc lợi dân thay đổi và lựa chọn người nào khác trong cùng một hoàng tộc. Hoàng tộc của nhà vua được chọn ngày nay là hoàng tộc thứ tư chừng *tám trăm năm nay*[12] và từ khi bắt đầu có nước Đàng Ngoài và gọi là nhà *Lê*, rất danh tiếng và được người Tàu công nhận và *cứ ba năm một lần vua sai sứ thần được chúa* chỉ định. Điều chúng tôi nói về các chúa Đàng Ngoài thì cũng có nhiều liên quan với những điều người ta kể về các "đairy" Nhật Bản.[13]

CHƯƠNG 4.

VỀ CHÚA HAY PHÓ VƯƠNG CAI TRỊ XỨ ĐÀNG NGOÀI VÀ VỀ QUYỀN HÀNH CỦA NGÀI

Sau khi *chúa Bằng* chúng tôi đã nói ở trên[14] trị nước rất khôn khéo, dùng võ lực rất hùng mạnh, lại rất kiên trì và chịu đựng gian khổ do chiến tranh trong bốn mươi năm thì sau cùng đuổi được quân nghịch thần đã cướp đoạt bốn tỉnh trong nước và hạ được cường bạo lập ngôi vương. Thanh thế ông vang lừng và ông bắt toàn dân Đàng Ngoài phải đồng tình để cho ông lấy danh hiệu là *vương*, tiếng chữ Hán có nghĩa là *vua*, theo tiếng Đàng Ngoài. Thế là chính nhà vua trị vì lúc đó cũng chấp nhận, không những để ông lấy danh hiệu là chúa mà còn nắm hết chức vụ và mọi quyền, và mọi người cũng bằng lòng. Cho tới ngày tuổi đã quá cao và bị bệnh rồi mất, thì người con cả nóng lòng không chờ cho cha khuất đi, người con này đã lọt vào guồng máy cai trị và phạm mấy vụ bạo lực do tính ngạo mạn xấc láo. Người cha hay tin thì khá buồn bực và dự tính không để cho đứa con đó chết yên ổn, liền cho lệnh phải thi hành ngay, nghĩa là cho cắt gân hai vế đùi để cho chết. Đứa con tham quyền này mất đi chỉ vì vội vã hấp tấp, thì người em, khi anh mất và cha băng (người cha vốn tỏ lòng thương vì tính tình hiền hòa và ăn ở đức hạnh) lên ngôi thế vị cha, không những với danh hiệu là *chúa thanh đô*[15] như tướng lãnh của vua cao cả mà với danh hiệu *vương* nghĩa là chúa mà đức thân phụ đã tự truy tôn, bởi có công trạng và không trái ý ai. Thực ra ai cũng nhận thấy nơi vị chúa trẻ tuổi này có nhiều đức tính đáng khen.

Việc đầu tiên ông làm và tỏ ra can đảm khi bắt đầu cầm quyền đó là thiết lập nền hòa bình chắc chắn và lâu bền trong các tỉnh khắp nước, không để cho kẻ

nghịch thần có phương tiện gây xáo động. Ông đã đạt được kết quả nhờ vào việc mộ sáu mươi ngàn binh lính trong ba tỉnh vốn ở trung thành và thần phục nhà vua, số binh này được bảo quản trong triều và thành phố vua ngự gọi là *Kẻ Chợ*, không kể đến bốn tỉnh trước kia phản ngụy, để tuân lệnh chúa, bảo vệ bản thân và duy trì an ninh Đất Nước. Kinh thành này ở giữa, như ở giữa toàn lãnh thổ, các tỉnh khác không thể nổi loạn được vì đã có đủ võ lực để đàn áp, có vô số binh sĩ do chúa sai đi để đánh dẹp. Hơn nữa, không nên quên rằng trong khắp nước có nhiều sông vừa rộng vừa sâu, thế nên trong quá khứ đã có nhiều cuộc phiến loạn gây xáo trộn trong các tỉnh, chúng có những đội thuyền chiến chừng hai trăm chiếc với đầy đủ khí giới để di chuyển và cướp phá. Chúa liền quyết định thiết lập ở mấy cửa sông lớn trong nước nhiều đội thuyền chiến vừa tàu thường vừa tàu chiến với đủ binh sĩ và thủy quân làm cho chúa trở nên hùng mạnh khiến ngụy quân phải khiếp sợ.

Nên nói ở đây một ít *về tàu và chiến thuyền*. Thuyền thì dài và thấp như thuyền của ta, có nhiều thuyền dài hơn, thường có hai mươi nhăm hoặc ba mươi và nhiều khi ba mươi nhăm và bốn mươi tay chèo mỗi bên. Tay chèo thì nhẹ hơn nhiều bởi gỗ nhẹ, cho nên chỉ một hay hai người đủ để cầm tay chèo. Họ không kéo chèo vào mình như chúng ta, nhưng họ đứng lên lấy hết sức mình đẩy ra trước mặt.[16] Nghề này không có gì là hèn hạ, nhục nhã như nơi chúng ta. Người chèo trong các tàu chiến thường là các binh lính và không có một người nào (nhất là khi chúa có mặt trong thuyền) lại không coi việc chèo là một vinh dự. Các thuyền chiến này không thiếu võ khí và súng ống cần cho việc binh đao. Không có thuyền nào mà không có một khẩu súng lớn hoặc một khẩu súng nhỏ ở ngay mũi thuyền và hai khẩu ở đuôi thuyền. Còn về binh lính thì họ rất thành thạo sử dụng mọi thứ vũ khí. Về súng tay và súng hỏa mai, họ bắn rất thiện

nghệ. Do đó có người kể lại câu truyện một lính Bồ rất giỏi bắn súng bị một lính Đàng Ngoài thách bắn đạn giả. Người Đàng Ngoài bắn thâu qua vòng giữa đích. Còn người Bồ sợ mình thua cuộc và để cứu danh dự liền lập mưu bắn không đạn : khi tìm xem đạn có bắn trúng vòng giữa hay không, thì chẳng thấy vết tích gì. Người Bồ liền đáp, là vì đã bắn trúng điểm và lọt vào đúng cái lỗ hòn đạn người kia đã bắn thâu qua.

CHƯƠNG 5.

VỀ LỰC LƯỢNG THUYỀN CHIẾN CỦA ĐÀNG NGOÀI VÀ ĐÀNG TRONG

Thuyền chiến của Đàng Ngoài cũng giống như thuyền chiến ở Đàng Trong, chỉ khác là ở Đàng Ngoài có nhiều hơn, vững hơn và trang hoàng đẹp đẽ hơn vì sẵn sàng đưa *từ Tàu tới Đàng Ngoài.* Nhưng cả hai đều có thuyền nhanh nhẹn và sẵn sàng xung chiến. Đây là câu truyện tôi kể.

Chúa Đàng Ngoài tấn công chúa Đàng Trong, như tôi sẽ nói sau, ba lần đem quân đi đánh nhưng đều thất bại. Chúa liền cầu cứu với thương gia người Hòa Lan chiếm đóng bến tàu Java Cả, gọi là Jaquetra hay Tân Hòa Lan. Chúa phái người đem lễ vật tới xin cung cấp cho mấy chiếc tàu tròn của họ, để nhờ đó chúa quyết định phá hủy hạm đội người Đàng Trong. Người Hòa Lan nhận lời ngay vì biết là để tấn công chúa Đàng Trong đã công khai từ mấy năm nay tự xưng thù địch với nước mình.

Họ liền phái tới chúa Đàng Ngoài ba chiếc tàu tròn trang bị đầy đủ và có mấy khẩu súng. Đoàn tàu vô ý tới gần một hải cảng Đàng Trong vì bị gió đánh dạt, đúng lúc tình cờ chúa đang có mặt[17] với mấy thuyền chiến. Chúa nhận thấy đây là viện trợ người Hòa Lan gửi chúa Đàng Ngoài để gây chiến. Cơn giận nổi lên

(như thể chúng dám táo bạo thách thức ở biên giới), chúa liền bàn xem có nên cho thuyền đuổi theo. Chúa hỏi ý kiến một người Hòa Lan mấy năm nay sống sót sau cơn bão biển và ở lại phục vụ chúa lo việc binh đao. Tên lính này kiêu căng và khinh thị đáp rằng đoàn tàu này chỉ sợ có thế lực và thịnh nộ võ khí của ông Trời. Tức giận vì thái độ hỗn xược, chúa không thèm đáp, nhưng ra lệnh cho các thuyền trưởng lập tức cho nhổ neo rời bến và tấn công đoàn tàu Hòa Lan trông rõ ở ngoài khơi. Nhờ lúc này biển lặng, chỉ có gió nhẹ thổi, nên việc tấn công đem lại kết quả : chỉ có chiếc tàu nhỏ hơn cả của người Hòa Lan nhờ gió nhẹ thổi mà chạy thoát, còn chiếc kia muốn chạy trốn đoàn thuyền rượt theo, mất hướng dụng phải cồn vỡ tan và chìm dưới làn sóng. Chiếc thứ ba lớn hơn hết dĩ nhiên nặng nề hơn cả, gió không đẩy nổi, liền bị bốn thuyền chiến bao vây và chiếm giữ, sau khi hết sức chống cự và bắn vô hiệu vào đoàn thuyền chiến rất thấp đã tới sát nách. Tay lái và cột buồm bị phá. Trong cơn nguy khốn cùng cực, thuyền trưởng và lính Hòa Lan mất hết hy vọng cứu thoát giữa biển khơi, liền châm lửa vào kho thuốc súng đốt chiếc tàu cùng thủy thủ, tất cả chừng hai trăm, trừ bảy ngươi tránh ngọn lửa nhảy xuống biển trôi theo làn sóng, được thuyền chiến Đàng Trong vớt và đem trình chúa ở trên bến đang đợi đoàn tàu chiến thắng trở về. Chúa thấy bảy người Hòa Lan thoát hỏa tai và đám tàu chiến quì phục dưới chân, liền quay về phía người Hòa Lan xấc xược đã khoe tàu nước họ vô địch và chế giễu hắn : này, ngươi, hãy hỏi xem lính nước ngươi ở đâu mà đến ? Xấu hổ, hắn lí nhí trong miệng và run sợ thưa : chúng thoát nạn do tàu chiến của chúa đánh bại tàu người Hòa Lan. Chúa tiếp : thế thì chẳng phải đợi thế lực võ trang của Trời để thắng, vì đoàn thuyền chiến của ta đủ để phá vỡ. Rồi chúa truyền cho binh sĩ của chúa : Bớ ba quân, bây giờ hãy chặt đầu tên kiêu căng và gỡ cho thế giới thoát khỏi loài sâu bọ không đáng sống này. Tức thì lệnh được thi hành. Chúa còn

cho cắt đầu mũi không những của tám tên lính sẽ đem đi chém đầu mà còn của tất cả những tên khác bị cháy hay đắm tàu, bỏ vào một thúng gửi ra biếu chúa Đàng Ngoài kèm theo vài lời chua chát, đắng cay tương tự như : xin nhận một phần dạo binh chúa đã chuẩn bị để tấn công và xin lần sau chuẩn bị một viện binh khá hơn. Việc này làm cho chúa Đàng Ngoài rất xúc động đến nỗi chúa chẳng còn muốn đón tiếp chiếc tàu thứ nhất của người Hòa Lan chạy trốn theo chiều gió, chúa cũng chẳng thèm cung cấp cho lương thực cần để sống, chiếc tàu này đành phải về tới Trung Quốc tìm lương thực, xa chừng sáu trăm dặm ngàn. Theo truyện này thì biết thuyền chiến xứ Đàng Ngoài và Đàng Trong hùng mạnh đến thế nào, cả hai như tôi đã nói, đều tương tự như nhau.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG 6.

VỀ SỐ VÀ CÁCH ĐÓNG THUYỀN CHIẾN XỨ ĐANG NGOAI

Thật khó mà biết rõ số thuyền bến và thuyền chiến do chúa Đàng Ngoài bảo quản. Thế nhưng chắc chắn là nhiều hơn số thuyền chúa Đàng Trong. Trong *ba bến ở Đàng Trong*, có biết phỏng chừng là bao nhiêu. Một bến ở vào cửa sông lớn, có lần người ta đếm tới sáu mươi tám chiếc. Một bến khác rộng lớn hơn ở vào giữa lãnh thổ gọi

là Kẻ Chàm[18] có rất nhiều dùng để bảo vệ đất nước và buôn bán với người Tàu thường tới bến này. Còn bên thứ ba thì ở vào biên giới nước Chiêm Thành (...) Thuyền của chúa Đàng Trong rất có thể lên tới con số ít ra *hai trăm* và đúng như người ta nói, chúa Đàng Ngoài có thể có gấp ba hay bốn lần, thế cho nên người ta đoán có tới *năm hay sáu trăm* thuyền chiến Đàng Ngoài. Mà thuyền Đàng Trong cũng chẳng thua kém về kích thước rộng lớn, về vũ khí và về trang trí.

Chúng tôi ghi thêm ở đây về *cấu trúc và trang trí* những thuyền này. Mũi thuyền (ngược với thuyền của chúng ta[19] là nơi hệ trọng hơn cả, ở đây có một phòng hay một ngai chạm trổ và trang hoàng nhiều tranh ảnh quí, với vàng son óng ánh. Gỗ ở đuôi thuyền cũng sơn vàng son, chạm trổ cầu kỳ ở tất cả bên ngoài : dĩ chí đến mái chèo và cột buồm cũng được trang trí đặc biệt. Khi hành trình thì theo hiệu lệnh do một dụng cụ bằng thanh tre đập nhịp điều hòa, tiếng vừa trầm vừa cao. Người chèo chèo rất khéo, rất lẹ, mặc dầu thường chèo cùng một lúc tới ba, năm hay bảy chiếc song song, thế nhưng không chiếc nào vượt lên trước, và nếu phải ngừng, lượn vòng, rẽ, lùi, họ làm rất có mực thước, điều hòa, như thể chỉ là một, do một cử động chung vậy.

Khi chúa *du ngoạn ngoài biển thì có hai mươi ba chiếc tháp tùng* thuyền rồng ở giữa, phòng ở mũi thì dát vàng, ở đuôi thì được trang trí và chạm trổ rất tinh vi, buồm óng ánh và trang hoàng đẹp đẽ, giây thừng, giây chão đều bằng lụa. Thuyền lướt đi cũng như thuyền của ta, buồm căng khi thuận gió và thỉnh thoảng vừa căng buồm vừa chèo khi muốn tiến nhanh hơn. Đôi khi có cuộc đua, họ tranh nhau đoạt giải nhanh trước mặt nhal chúa họ chèo hay lên buồm khi có gió hoặc không có gió hoặc vừa có chút gió. Trong cuộc thi đua, người thắng bao giờ cũng được (ngoài danh dự) phần thưởng quí do nha chúa đại lượng ban phát. Còn nếu trong cuộc thi danh dự này, có kẻ nào chèo mà làm gẫy tay chèo, miễn là làm sao cho hòa hợp với người khác và theo nhịp phách, thì vẫn được nhận phần thưởng. Thật là kỳ thú (tôi còn nói thêm tuy

ra ngoài đề) vừa có tiếng chuông ra hiệu lệnh thì tất cả đều nhanh nhẹn xếp vào hàng lối, lao xuống nước và rẽ đường tiến lên. Vì ở bên, mỗi thuyền đều có chỗ đậu riêng biệt, có mái lợp để tránh hư hỏng vì thời tiết : kể từ lúc ra hiệu có đến lúc khởi hành không đầy một khắc đồng hồ, thế mà không có chiếc nào còn ở ngoài hàng ngũ, để rồi theo hiệu lần thứ hai, đã nằm trên nước trong tư thế lướt đi.

CHƯƠNG 7.

VỀ SỐ DÂN VÀ SỐ BINH LÍNH CỦA CHÚA ĐÀNG NGOÀI

Điều làm cho chúa Đàng Ngoài hùng mạnh và đáng sợ cho hết các vua lân bang, đó là số dân rất đông sống trong bảy tỉnh thuộc về nhà vua[20]. Có thể phỏng đoán thế này. Chỉ xem số rất đông người thường trú trong kinh thành chúa ngự gọi là *Kẻ Chợ*, nơi có triều đình. Vì tuy *kinh thành* này chỉ dài bằng sáu ngàn bước và rộng cũng như vậy, phố phường thì rất rộng và rất có thể để cho mười hay mười hai con ngựa qua lại dễ dàng được. Thế nhưng mỗi tháng hai lần vào ngày mồng một và ngày rằm, họ nghỉ việc và người ta thấy rất đông dân chúng đi đi lại lại, rảo khắp phố phường, đụng chạm nhau, đến nỗi nếu ai vội, nhưng mỗi lúc mỗi bị ngừng, thành thử mất nhiều thời giờ mà chỉ tiến được chút ít. Rồi thêm vào nhiều phỏng đoán khác, theo dư luận chung thì dân cư ở kinh thành lên tới một triệu người[21]. Có một chứng cớ chính (bỏ các chứng cớ khác) để hiểu số đông dân ở đây. Số là người dân có thói quen dùng một thứ trái cây để tăng cường sức khỏe và có mùi vị thơm ngon, gọi là *trầu cau*, làm bằng một lá cây và một trái cây như chúng tôi sẽ nói sau. Họ có tục đem theo một túi con

hay một bị con đầy, đeo ở thắt lưng, họ để mở trong khi qua lại phố phường để gặp bạn bè. Khi gặp họ bắt đầu chào hỏi nhau rồi mỗi người lấy ở trong túi của bạn một miếng trầu để ăn. Vì thế những ai có việc vào thành thì ở nhà bắt người làm têm sẵn trầu cau để tiếp đãi nhau theo đúng phép xã giao. Nhưng còn đa số quần chúng vẫn ăn hằng ngày nhưng không có người phục dịch để têm sẵn ở nhà. Người ta nói có tới năm mươi ngàn người bán lẻ và bán lẻ ở nhiều địa điểm trong thành phố. Vì thế có thể kết luận là số người tới mua thì đông vô lường.

Và từ số dân đông đúc và công dân này mà nhà chúa nắm được hai mối lợi. *Thứ nhất* khi cần, chúa có thể *thành lập nhiều sư đoàn quân sĩ* như chúa muốn. Bởi vì ngoài những binh lính thường trực trong các trại kinh thành và sẵn sàng xuất trận khi có lệnh, chúa còn dễ dàng tùy theo cơ hội chiêu mộ hơn một trăm ngàn binh lính trong toàn tỉnh thuộc quyền chúa. Như chúa đã làm cách đây không lâu khi chúa đưa quân giao chiến với chúa Đàng Trong ở ngay bên cạnh, chủ ý khôi phục lại những lãnh thổ đáng tiên vương đã chiếm cứ được, trước đây là một phần, một lãnh thổ của Đàng Ngoài. Ngài đã chuẩn bị một sư đoàn hoàn bị và hùng mạnh trên biển, còn trên đất có tới hai mươi ngàn người. Dĩ nhiên những đoàn binh đó được ngài bảo quản nhưng không cho phép ngài chiến thắng và bên địch bại trận Ngài sẽ thắng và bên địch sẽ bại nếu ngài bớt số quân đi. Bởi vì ngài chỉ chuẩn bị lương thực và quân nhu cần thiết cho đạo binh trong ba bốn tháng, theo dự tính thời gian chúa Đàng Trong sẽ phải ra hàng và trao trả lãnh thổ cho ngài hoặc ra khỏi đất nước. Thế nhưng đụng phải sức kháng cự lâu dài hơn, cương quyết hơn, ngài đành phải rút quân về Đàng Ngoài vì sợ đạo binh chết đói. Công cuộc khôi phục Đàng Trong dĩ nhiên phải bỏ một cách nhục nhã. *Ngài đã thất bại vì mộ quân quá nhiều nên không đủ lương thực nuôi họ.*

CHƯƠNG 8.
VỀ NHỮNG NGUỒN LỢI CỦA CHÚA ĐÀNG NGOÀI

Còn một lợi ích khác của chúa Đàng Ngoài vì có rất đông dân số, ngoài điều tôi nói ở trên, đó là thuế và những nguồn lợi khác. Hết *các công dân thuộc phái nam* ở Đàng Ngoài, trừ những người chúa đặc ân miễn thuế chúng tôi sẽ nói sau, kể từ mười chín tuổi cho đến sáu mươi, đều phải nộp thuế cho chúa. Nhưng có sự khác biệt này : những người cư trú ở ba tỉnh vẫn trung thành với chúa và không theo nghịch thần,[22] chúng tôi đã nói, thì không phải nộp tiền, tính vào tiền chúng ta là vào khoảng hai đồng écu, mỗi đồng chừng sáu mươi xu, nhưng trong bốn tỉnh khác đã không qui thuận chúa, mỗi đầu người phải nộp gấp bốn, không kể những thuế phụ đảm khác kể như tiền phạt vì tội đồng lõa phản nghịch. Ngoài thuế gọi như thuế thân mà nhân viên thu thuế thi hành mỗi nơi mỗi khác, lại không phân biệt người nghèo người giàu (thật là bất công) những người có của, những người chỉ sống bằng thủ công, còn một thứ thuế lợi tức đánh vào *ruộng đất*, đúng hơn một lễ vật thanh lịch và tự nguyện ở mỗi người, một thứ thuế hay một thứ viện trợ thực sự. Mà thường thì không ai dám tự miễn cho mình, vào thời phải nộp, nghĩa là ba hay bốn kỳ một năm. Kỳ thứ nhất là vào cuối hay đầu năm kể như đồ *lễ Tết*. Kỳ thứ hai khi chúa theo tục lệ mừng ngày *khánh đản*. Kỳ thứ ba là ngày *Giỗ* chúa thăng hà. Kỳ thứ bốn là vào thời hoa *trái đầu mùa*. Tuy nhiên những phẩm vật đó không bó buộc phải nộp, còn về thuế thân thì phải trả. Toàn tỉnh hay làng xã đều làm chung với nhau và chọn người đại biểu có tín nhiệm nhất đem tiến nhà chúa, thay mặt cho toàn xã.

Mà đa số các tỉnh và xã trong nước, rất đông không sao lường được, tất cả *trực tiếp nộp cho chúa* hay cho người đứng ra thu cho ngài, thế nhưng *có nhiều tỉnh hay xã chỉ nộp cho quan* tỉnh, cho tướng lãnh, cho binh sĩ hay cho người mà chúa xét là xứng đáng, chúa chỉ định có một ít nơi với quyền thu loại thuế thông thường; hoặc để công nhận giá trị của họ và thưởng công họ; hoặc vì dòng họ, hoặc để tiêu dùng trong chức vụ mà chúa giao cho họ, hoặc vì nhiều phần thưởng nào khác : đã thành luật cho toàn quốc là lợi lộc chúa rộng lượng ban cho, nhưng không được truyền cho con cháu và người thừa kế, trừ khi rõ rệt là của chúa ban. Hơn nữa khi người cha còn sống, thì chúa vẫn luôn có quyền thu hồi của chúa đã rộng lượng ban cho và tự ý không cho hưởng thụ, như thỉnh thoảng có xảy ra, tuy hầu như chúa chưa bao giờ xử như thế với ai, trừ khi để phạt tội người đó phạm. Thực ra về việc này, chúa chỉ ban phát hậu hĩ đối với dòng họ máu hay thông gia, chiếu theo lẽ phải và đối với những chức vụ bậc nhất trong quân ngũ. Thế nhưng cũng thấy có những tướng lãnh rất thường cũng được hưởng một số địa điểm vì có công can trường và việc hiến hách trong ngành binh đao. Thực ra để không giấu giếm gì ở đây, không có người nào được ơn vua lộc chúa theo thông tục mà không mỗi năm ba bốn kỳ đem tiến chúa vàng, bạc theo tỷ lệ ơn nhận được, và không ai dám thiếu sót trong việc này, và cũng để tránh không cho chúa nhận thấy lòng vô ơn và tính keo kiệt của mình, có thể làm cho chúa rút hết các ơn huệ. Mà vì trong nước có tới hơn *một ngàn tướng lãnh* thực thụ, thì người ta có thể thu biết bao tiền bạc, thật là lớn và quá đáng những nguồn lợi chúa thu được của dân.

CHƯƠNG 9.
VỀ CÁCH CHÚA TRẢ LƯƠNG CHO QUÂN SĨ

Cũng như chúa ban một số thôn xã và địa điểm cho tướng lãnh để trả công và những lao khổ họ chịu thì ngài cũng ban cho quân sĩ như thế thay vì trả lương hay để thưởng đức dũng cảm của họ. Chỉ khác là ngài ban cho một tướng lãnh nhiều địa điểm, còn một địa điểm cho nhiều quân binh, do đó chỉ một tỉnh nhỏ thường cũng đủ để trả lương cho tất cả quân binh một thuyền chiến, những người này có quyền thu thuế thuộc về chúa như chúng tôi đã nói ở trên, ở nơi nào chúa đã chỉ định. Còn quân binh cấp dưới thì đã có tướng lãnh của họ thay mặt chúa trả lương cho. Do đó để một phần chi tiêu vào việc này và để bảo dưỡng một số quân binh khác mà chúa ban cho nhiều tỉnh để thu thuế. Vì quân binh được lương bổng từ tay tướng lãnh nên thường phải để thời giờ phục dịch ông, khi không có chiến tranh hay không có thao luyện binh đao, họ phải làm việc và hầu hạ các ông, nếu họ muốn kiếm việc nữa thì hoặc là làm cho chúa trong những việc công như xây cất, hoặc là sơn sửa thuyền chiến, bắc cầu hay dựng lại cầu và những công việc tương tự, như vậy không bao giờ họ rảnh rỗi, không bao giờ thất nghiệp.

Hết các tướng lãnh cư trú trong kinh thành thì phải mỗi sáng vào chầu chúa và dự các buổi triều yết mỗi ngày trong phủ để cho dân đến kêu cầu. Mỗi lần vào phủ chúa họ đem theo một số quân binh đi trước họ, theo hàng lối chỉnh tề, có vũ khí, mặc nhung phục màu tím sẫm. Chúng cũng theo từ phủ chúa tới nhà tư lúc đã mãn phiên chầu : đó là những công tác danh dự chúng luân phiên thi hành đối với các tướng lãnh. Còn khi chúa ra khỏi phủ hoặc để đi giải trí ở nhà tiêu chiến nơi thôn dã, hoặc để thử thuyền chiến mới đóng

xong ở bến, hoặc để xem quân binh tập bắn và đô vật tổ chức mỗi tháng hai lần trước mặt chúa, thì tất cả tướng lãnh trong phủ đều theo hầu danh dự, quân binh cũng không thiếu và rất đông, thắng nhung phục chỉnh tề và trang bị theo lề thói lúc đi hầu chúa, thế là lại linh đình như đám rước mỗi lần chúa ra khỏi phủ hoặc chúa trở về phủ. Mỗi lần chúa về miền quê như đã nói, không những có đoàn quân binh hùng mạnh đi theo mà còn có một số ky binh chọn lọc để làm hàng danh dự và hơn một *trăm cỗ voi với thảm quí*, đưa cung phi và hoàng gia với đoàn phục dịch, ngồi an toàn trong những lầu tháp rất vững chắc trên lưng voi. Con vật này rất khỏe có thể chở trong bành tới sáu người, không kể người quản tượng cưỡi trên cổ. Khi chúa ra khỏi kinh thành để dự cuộc thao diễn trận chiến hay cuộc đô vật do các quân binh thi hành thì đây là một nguyên nhân khích lệ rất mạnh để làm cho giỏi cho tốt, để ngoài chúa ra còn có một đoàn khách bàng quan sang trọng chứng kiến. Họ mong được người ta công nhận và khen lao tài nghệ khôn khéo và có giá trị của họ. Một nhận xét khác thường về cuộc đô vật của quân binh không nên quên ở đây : người đô vật nào bị đồng sự vì nhanh nhẹn hay sức mạnh vật ngã xuống đất thì chưa bị xử hay tuyên bố là thua cuộc khi mới ngã sấp hay ngã ở bên cạnh, nhưng phải ngã ngửa và vai đo đất.

CHƯƠNG 10.

VỀ Ý TỨ, KHIÊM TỐN VÀ KỶ LUẬT QUÂN BINH

Có một điều đáng khen, đáng trọng nơi quân binh xứ Đàng Ngoài rất đông dưới sự điều khiển của nhiều tướng lãnh, họ thường tập hợp nhau để canh gác và thao luyện vũ khí hoặc trong phủ chúa hoặc ngoài

thao trường, dược chúa và các tướng lãnh chiêu đãi nhiều lần để khích lệ tinh thần, thế nhưng không bao giờ thấy họ đánh lộn nhau hoặc gây sự với nhau, xúc phạm đến nhau bằng những lời thóa mạ hay khinh dể. Không bao giờ thấy họ ám hại nhau hay rút gươm đấu với nhau.[23] Thật là xấu hổ cho quân sĩ Kitô giáo của ta, không bao giờ sống chung đụng mà không có xích mích và mỗi ngày chỉ vì một lời nói xúc phạm mà đâm cãi nhau để đi tới chỗ sử dụng võ khí, thật là tỏ ra không biết chế ngự, không biết điều khiển các dục vọng bằng lương tâm. Sự ý tứ giữ gìn này là do tính hiền hòa không dễ phật ý khi bị lăng nhục: thực ra trước hết là do lòng trọng kính và tôn sùng chúa và các tướng lãnh. Họ thường gọi vua chúa là thiên tử và trọng kính như những vị linh thiêng từ trời xuống cai trị họ : vì thế họ không dám làm gì hay hành động trước mặt các ngài làm cho các ngài không hài lòng hay giận dữ. Đó là cơ sở một thứ dị đoan họ giữ mỗi năm như sau đây.

Vào tháng sáu, thường trùng với tháng tám của ta, chúa ban sắc cho tất cả quân binh và tướng lãnh phải sẵn sàng tới ngày đó đến thề trung thành với chúa.[24] Đây là nghi lễ. Người ta dựng ở các công trường và ngã ba đường phố chính nhiều bàn thờ trang hoàng lộng lẫy để kính các thần hay đúng hơn ma qui mà dân này tôn sùng. Ở giữa đặt lời thề viết bằng chữ lớn, có thể đọc được từ chân bàn thờ. Lời thề này đại khái không có gì là không hợp pháp, không có gì là đáng khen. Người thề hứa trung thành với chúa, nhận tất cả tai họa nếu mình bất trung. Thế nhưng theo bối cảnh và nại tên các thần giả dối và ma qui để làm chứng và báo oán nếu bất trung, thì lời thề trở thành tội ác và dị đoan. Trong nghi lễ này để tránh lầm lẫn có thể xảy ra vì quá đông quân sĩ đến thề và tất cả phải xong trong một ngày, thì người ta dựng rất nhiều bàn thờ, mỗi bàn thờ đều được chỉ cho một số tướng lãnh với quân binh của mình, thêm một tiến sĩ được

chúa phải tới chủ tọa và sau mỗi lần thề thì phát cho mỗi quân sĩ một tấm thẻ chứng nhận đã thề và được chúa cho vào phục dịch. Tướng lãnh mỗi đạo binh trước hết đến long trọng thề trung thành với chúa đương thời, rồi theo sau trong trật tự là các quân binh, mỗi người thề xong thì nhận được từ vị chủ tọa một tấm thẻ ghi chép khác nhau, tùy cung giọng lúc thề. Người nào đọc mạnh dạn, tiếng lên cao và rõ ràng thì trong thẻ ghi là *minh*, nghĩa là rõ ràng. Còn người nào đọc với giọng trầm và thấp thì được ghi là *bất minh*, nghĩa là không rõ. Rồi sau cùng người nào đọc giữa hai cách kể trên, tiếng và giọng bình thường thì được ghi là *thuần* có nghĩa là thông thường. Những cách ghi đó không phải vô ích vì lễ xong, mỗi quân binh phải đem thẻ tới trình tướng lãnh, vị này đã lui về nhà sau khi thề, mỗi quân binh nhận được từ tay ông món quà của chúa : một tấm áo dài hay một tấm áo ngắn, đẹp hơn và dài hơn, nếu được thẻ thứ nhất, được áo ngắn hơn vải kém hơn nếu là thẻ thứ nhì, được áo vải thô và đường may kém hơn nếu là thẻ thứ ba. Thế là suốt năm mọi người nhìn vào áo mặc của quân binh mà nhận ra là người trung thành nhiều hay ít và được kết nạp vào việc phục dịch Chúa.

Có lần một giáo dân tân tòng được xướng danh đến thì như những người khác anh mạnh bạo tiến lên và để tỏ ra anh không để ý tới bàn thờ mà anh cho là mê tín, anh quay về phía chủ tọa công việc này ở góc bàn thờ thay mặt chúa và không thèm để ý tới lời thề chung viết trên giấy, anh lớn tiếng thề như sau : Tôi lấy tên đức Chúa trời thật dựng nên trời đất, đức Chúa Cha, đức Chúa Con và đức Chúa Thánh Thần, ba vị thần linh rất thánh và tất cả triều đình thiên quốc, làm chứng cho lời tôi thề trung thành phục dịch đức *Thánh Đô Vương* của tôi cho đến chết, nếu tôi nói dối, nếu tôi thề gian trái với lương tâm tôi thì tôi bằng lòng để đức Chúa trời thật, đấng dựng nên trời đất giết tôi ngay giờ này và cho sấm sét thiên lôi thiêu hủy

tôi. Anh đọc với giọng rất quả quyết, rất cao và với lòng can đảm rất chân thành làm cho chủ tọa viết ngay vào thẻ lời phê giá trị nhất, đáng khen nhất.

CHƯƠNG 11.

VỀ HÀNH CHÍNH TRONG NƯỚC

Xứ này trước kia là một trong những tỉnh thuộc đại quốc gia Tàu và theo luật pháp Trung Hoa, nhưng rồi từ khi dân ở đây quật cường nổi lên khôi phục nền độc lập tự chủ thì có thay đổi trong chế độ quân chủ, nhưng ít thay đổi trong cách cai trị : cuộc tổng khởi nghĩa đã đưa một vua mới lên ngôi, nhưng không thêm gì khác về quyền thế ngài, trừ việc ngài tùy tiện và tùy ý cân nhắc và xét xử rất nhiều sự việc mà không cần hỏi ý kiến ai. Thực ra trong các đại sự, ngài thường bàn với các cố vấn. Vì thế trong triều có Viện tối cao, gồm một số đông tiến sĩ quyết định và tối hậu xét xử những vụ thuộc dân chính và hình sự. Trước viện này có thể bác bỏ án các quan và tòa án thành lập ở các tỉnh chỉ có quyền thẩm phán hạn định. Ngoài Viện này thì đặt quan tổng trấn trong mỗi tỉnh có chức vụ và quyền thuộc pháp lý và có thể xử tử nếu là trường hợp phải thi hành ngay, nhất là khi tỉnh đó cách xa triều đình : thế nhưng những vụ tử hình thường được gửi về Viện tối cao. Nói chung thì việc thi hành pháp lý trong nước này thu vào hai thủ lĩnh, một thuộc hàng *văn* và một thuộc hàng *vũ*. Hàng *văn* thì có các tiến sĩ giải thích pháp luật, họ luôn mặc áo dài, màu đen, đầu đội mũ đen có cắm cành lá cọ, trừ khi đến chầu chúa, lúc đó họ chỉ được mặc áo theo chức vụ nhưng màu tím. Còn hàng *vũ* thì là những người có khả năng chọn ngành các tướng lãnh để xử kiện, họ đi đâu cũng mang võ khí. Đó là những tổng trấn các tỉnh, thường được chọn trong các hoàng tử

hoặc hoàng gia và các tướng lãnh chính yếu trong nước, mỗi vị được kèm thêm một tiến sĩ là phó và cố vấn trong các xử án.

Ngoài ra còn hai tòa án đặt ở tỉnh ly của mỗi tỉnh, một là tòa cao cấp hơn để xử những vụ quan trọng gọi là *nha tố*, hai là tòa thấp hơn để xử những vụ thông thường gọi là *nha hiến*. Cả hai đều chung cho toàn tỉnh và đều gồm những vị quan văn. Ngoài hai tòa án chung cho tỉnh còn ba tòa án riêng phụ thuộc lẫn nhau. Thấp hơn là trong mỗi *huyện* gồm những công dân và những kỳ mục để xử những vụ thuộc dân sự giữa người đồng hương. Từ tòa này có thể nại tới tòa cao hơn gọi là *nha huyện* gồm chừng mười hay mười hai *huyện* có một quan riêng gọi là *cai huyện* để xử những vụ đưa tới tòa. Từ tòa này có thể nại thẳng le tòa *cai phủ* rồi từ tòa này có thể nại thẳng tới tòa đã nói ở trên chung cho toàn tỉnh. Lý do sự phân chia về ngành pháp lý này là vì tỉnh thì quá rộng lớn, phải chia ra cho có trật tự và thuận tiện cho người khiếu nại, thành những phần chính gọi là *phủ* và mỗi phần này lại trao cho một quan hoặc một tướng lãnh chính yếu, có thể so về chức với bá tước hay hầu tước của ta. Và mỗi *phủ* hay mỗi phần đó lại chia thành *huyện* như chúng tôi đã nói, dưới quyền một quan, có thể so với nam tước của ta. Sau cùng mỗi *huyện* gồm một số *xã* có một quan cấp dưới gọi là *cai xã* có thể so với các lãnh chúa của ta. Thế nhưng những so sánh về các chức tôi đưa ra ở đây thì không hoàn toàn đúng. Những vị này chỉ có chức vụ cai trị khi sinh thời, không có quyền truyền lại cho con và cả những trấn thủ các tỉnh thường cũng được giữ nhiệm vụ trong ba năm.[25]

CHƯƠNG 12.

TRONG NƯỚC NÀY THÌ ĐỖ TIẾN SĨ THẾ NÀO

Như chúng tôi đã nói, vì tất cả các cố vấn của chúa thường là những tiến sĩ hay cử nhân luật cho nên chúng ta nên biết họ đi tới cấp bậc đó như thế nào để rồi bước lên chức vụ cao hơn trong ngành pháp lý. Theo tục lệ thì cứ ba năm có niêm yết ở nơi công những kỳ thi long trọng. Tới ngày hết những người đã dùi mài kinh sử thì đến điện nhà *vua* gọi là *đền* để chịu sát hạch theo cách thức sau đây. Người ta dựng trong đền vua một số phòng hay lều đủ cho các thí sinh đến trình diện để thi. Thí sinh phải làm bài (để theo bài, người ta xét xem có đủ khả năng) do các tiến sĩ chính yếu được cử ra chủ tọa kỳ thi. Họ bị nhốt trong một phòng đã dọn sẵn, không được mang theo gì ngoài giấy, mực và một bút lông để viết. Mỗi người có một lính hay một người canh gác để phục dịch khi cần và cũng để canh không cho ai tới gần để giúp hay trao dụng cụ gì cho. Người ta cho cả một ngày để làm bài thi, sau khi xong thì nộp cho chủ khảo. Vị này đóng ấn và số riêng vào bản. Ông ký lưỡng xem xét những lỗi. Những người ông cho là có khả năng và tỏ ra trí thông minh trong cuộc thi, thì được cấp tú tài gọi là *sinh đồ* với văn bằng có chữ ký của vua, không những để làm bằng chứng khả năng của mình mà còn được đặc ân miễn một phần nửa thuế hằng năm.

Kỳ thứ hai thì thi về pháp chế và dân luật. Cũng như kỳ trước và cũng có những điều khoản như trước, trừ sự khác biệt này. Ban giám khảo không nhận bất cứ ai nộp đơn xin vào thi như kỳ thứ nhất, nhưng chỉ nhận những ai từ ba năm đã thi tú tài mà thôi. Những người đậu kỳ này được lên cấp cử nhân gọi là *hương cống*. Họ cũng được văn bằng có chữ ký của vua và

được hoàn toàn miễn thuế. Trong những người đậu kỳ này, chúa bổ làm quan tòa để xử những vụ không quan trọng lắm ở những tòa cấp dưới như chúng tôi đã nói ở trên.

Sau cùng là kỳ thi để đậu tiến sĩ chỉ dành cho những người từ ba năm nay đã đỗ cử nhân luật. Về việc tiến cử này, vì trong nước chỉ có một số tiến sĩ đã chỉ định trước, nên tất cả những người có khả năng không được đậu hết, nhưng chỉ những người xuất chúng tài ba lỗi lạc và chiếu theo những chức vụ chưa có người thay thế mà thôi. Những người khác không được lên cấp và phải đến vào kỳ sau, ba năm nữa. Tuy nhiên họ vẫn được trọng dụng và thường được bổ vào những văn phòng pháp lý trong và ngoài triều đình vua. Những người cuối cùng được đậu vào kỳ này thì gọi là *tiến sĩ*. Không những họ được miễn thuế thông thường mà con cái họ cũng được miễn mặc dầu chúng không bao giờ đỗ đạt và mặc dầu họ làm một nghề khác. Họ được bổ dụng vào những chức vụ lớn và quan trọng trong và ngoài nước. Trong đám người này ba năm một lần, chúa chọn người làm sứ thần phái sang triều cống vua Tàu theo lệ nhân danh vua và nước Đàng Ngoài. Cũng trong số đó người ta chọn các quan tòa và trưởng Viện tối cao đặt trong đền vua. Và tất cả những người được cấp bằng này đều được vua đặc biệt quí trọng như những người có công. Trong số các cận thần nhà vua bao giờ cũng có một số người này. Thời xưa còn một cấp thứ tư nữa nhưng ngày nay không thông dụng. Có một điều rất thông dụng đó là sự tôn trọng hán học. Không có người nào cao trí hay thấp kém mà không cho con cái theo học bí mật của chữ từ khi còn nhỏ tuổi, vì thế trong nước này, người nào cũng biết vọc vạch một vài chữ và không ai là hoàn toàn mù chữ.

CHƯƠNG 13.
VỀ NHỮNG HÌNH PHẠT TỘI PHẠM

Sau khi nói về các quan tòa thì không phải là ngoài đề nếu nói thêm ở đây về những vụ xử kiện giản dị về thủ tục, tờ bồi và biên bản mà người *chương lý* và *trạng sư* của ta thường dùng. Thí dụ, khi có người bị tố cáo về một tội nào và bị điệu tới quan tòa, thì người ta nghe chứng nhân rồi đối chiếu với bị cáo, sau đó nghe lời buộc tội và những thẩm tra khác, nếu đúng với những lời khai thì không tìm kiếm gì hơn nữa, chỉ hỏi xem bị cáo nếu muốn đối kháng hay cãi lại chứng nhân và những lời họ khai. Nếu theo câu trả lời, quan tòa thấy cần phải dãn phiên tòa để thu lượm chứng cớ đầy đủ hơn thì giao bị cáo cho lính giam giữ và đưa về ngục, không có cùm sắt, không có gông cổ, gông này làm bằng hai tấm gỗ dài buộc chặt như hình cái thang để ở vai cho thăng bằng rồi buộc hai tấm khác và ghì chặt vào cổ làm cho không thể nới rộng được. Chiếc *gông* này rất bất tiện không tưởng tượng được, vì phải mang đêm ngày, ngay cả trong ngục. Chỉ có cái tiện là tù nhân không có gì để sinh sống nên được tự do ra khỏi ngục mà không có cách nào chạy thoát, cứ mang hình khổ ô nhục này ngay giữa phố chợ và xin khách qua đường của bố thí để có thể sinh sống trong tù.

Còn có cách khác để cầm giữ đàn bà phạm tội. Người ta đặt dây thừng ở cổ, hai đầu dây cho thông qua chiều dài của tấm gỗ đục thủng, rồi buộc ép vào cổ một đầu dây, còn đầu kia thắt nút cho tấm gỗ không rơi. Buộc như thế khác nào như buộc cổ chó, rồi dẫn đi hành hình khi bị kết án.

Khi người có tội hoặc do chứng nhân khai hoặc do chính mình khai nhận vì quan tòa bắt phải nói lên do một phương pháp *tra khảo dịu dàng* là bóp các ngón tay hay ngón chân, không đến nỗi mạnh lắm, vì sợ nếu

quá dùng võ lực thì người ta nhận bừa bãi và nói dối sai với người vô tội. Người ta dẫn tới trước tòa rồi các thẩm sát giải thích hết các sự việc đã thu lượm được trong vụ án hình sự, sau đó chủ tọa lên án. Nếu không bị án tử hình, thì xử ngay sau khi các quan tòa rút lui. Thí dụ tên trộm lần thứ nhất nhận đã ăn cắp một đồ vật gì không đáng giá thì bị *chặt một ngón tay* trỏ ở tay phải, nếu lần thứ hai bị bắt nữa thì chặt tất cả các ngón còn lại, lần thứ nhất của ăn trộm ước lượng là một trăm đồng écu. Còn kẻ bắt trẻ con thì bị án tử hình.

Khi quan tòa lên *án tử hình* một tội nhân thì không dẫn họ từ tòa án đến nơi xử ngay, nhưng cho đưa về ngục để cho phép vợ con thân quyến bạn bè tự do đến thăm, phục dịch và an ủi, trừ khi là kẻ phạm tội khi quân. Thường thì lên án vào buổi sáng, nhưng chỉ thi hành khá muộn vào buổi chiều cùng ngày. Về án tử hình thì thường bị chém đầu. Người ta thi hành như sau. Vào khoảng bốn giờ chiều, vị tướng lãnh một đội binh được giao cho việc thi hành đem quân binh đến, người dẫn đầu đưa tội nhân từ trong ngục, cổ vẫn đeo gông như đã nói. Khi mọi người tới nơi hành hình thì quân binh đứng vây quanh tội nhân, người này quì gối xuống. Sau khi tháo gông rồi thì người ta dọn một bàn có nhiều thịt thà và bảo tội nhân ăn, muốn chọn gì thì mặc sở thích, nhưng rất ít người còn thèm ăn. Bàn đã dọn đi rồi thì tướng lãnh rung chuông nhỏ ra hiệu hành hình. Tên lính phải làm việc này giơ gươm quay về bốn phương trời và cúi xuống lạy như thể cáo lỗi vì công việc mình sắp làm, trong khi đó các lính khác trói tội nhân, rồi tên đao phủ lại gần, chém một nhát đứt ngay đầu, rồi trao cả thủ cấp cả thân mình cho gia quyến người chết đem đi chôn, trừ khi có lệnh chúa truyền (như thỉnh thoảng xảy ra tội cực kỳ ghê rợn) bêu đầu và thân mình mấy ngày ở nơi công không cho chôn. Nếu chúa cho ân xá tha không xử tử về tội đáng chết thì chỉ cạo trọc đầu và không bao giờ được cho

tóc mọc, để nhớ lại hình phạt trọng tội và ân xá chúa đã ban và cũng để bó buộc phải nhận tội đó.

Trong khắp nước này còn thi hành một việc kỳ dị và nghiêm khắc không thấy ở các nước mà tôi biết để phạt *tội ngoại tình*, đàn ông cũng như đàn bà kể cả vợ lẽ. Kẻ bị bắt quả tang ngoại tình thì bị trói tay dẫn ra khu ruộng, nơi đây có con voi đã được luyện để vâng theo mệnh lệnh chủ, khi được lệnh thì nó lấy vòi hất tội nhân lên rồi lại đỡ lấy. Tội nhân rơi đúng vào răng sắc nhọn đâm thủng vào thân, sau đó nó rũ xuống đất và lấy chân đè bẹp, nạn nhân trút hết máu và cũng trút linh hồn, nếu chưa chết khi từ trên rơi xuống. Sau khi người ngoại tình chết thì kẻ đồng lõa cũng bị voi giày như vậy.

CHƯƠNG 14.

VỀ NHỮNG THỔ SẢN CỦA XỨ ĐÀNG NGOÀI

TIMSACH.COM.VN

Trong khắp nước này không có nho cho nên cũng không có *rượu nho*, người ta cũng không gieo lúa mì nên cũng không có *bánh mì*. Cũng không thấy cây ô liu nào, thế cho nên chẳng có dầu *ô liu*. Đó là những thổ sản chính mà Thiên Chúa đã ban. Thế nhưng ở đây có rất nhiều hoa trái khác, nên cũng chẳng phải áy náy về sự thiếu sót, trừ về việc dâng thánh lễ, thì phải đưa cho đủ bánh mì và rượu nho từ Macao tới. Ngoài ra về các nguồn lợi thì có thóc gạo là dồi dào và đất rất phì nhiêu. Có hai mùa gặt vào tháng sáu và tháng một, vì thế giá rẻ tới ba lần so với Tàu. *Cơm gạo* ở đây thay cho bánh mì. Từ thứ gạo này người ta cất một thứ rượu ngon và thơm, không hại dạ dày và để thay cho rượu nho của ta. Còn về canh cháo (potage) và các thứ thịt khác, chúng ta dùng dầu thì họ đổ một chất lấy ở tổ *chim*,[26] giống như chim sẻ ở trên các

mỏm núi đá và cồn đá ngoài biển gần bờ. Họ trộn với thịt nấu chín làm cho có một hương vị khá tinh vi. Những thứ tổ chim này không có ở nơi nào khác trên thế giới, thành thử rất quí đối với những nơi người ta biết tới. Những thương gia người Tàu mua lại rất đắt để đem về bán ở Tàu. Chỉ có người giàu có sang trọng ở xứ Đàng Trong mới có phương tiện sử dụng. Còn đa số quần chúng thì chỉ dùng một thứ nước cốt gọi là *mắm*,[27] ép ở một loại cá muối đánh được ở biển. Thứ nước cốt này vừa dùng như dầu và như nước ép ở nho ra, trộn vào thịt làm cho món ăn có mùi vị thơm ngon. Mà vì người ta còn trộn với cơm thay bánh mì, nên nhà nào dầu sang dầu hèn đều có tích trữ. Bây giờ tới trái cây.

Không nói tới những trái cây chung cho xứ Đàng Ngoài và các miền Ấn Độ như vả, lê, dứa, mít, carambola, xoài và những trái cây tương tự, chúng tôi đã kể và giới thiệu với người Âu châu, còn có những trái cây riêng, theo tôi biết, không có ở đâu chỉ có ở xứ này.

Thứ nhất, thứ ngon nhất là trái vải màu sắc và hình thù giống như trái coing của ta, nhưng thêm một vòng triều thiên để chỉ sự đặc biệt của nó mà trái của ta không có. Vòng này không như vòng ở trái lựu của ta, không thơm ngon và như thứ trang hoàng vô bổ, nhưng vòng ở trái này chứa đầy nước ngọt giống như vú dầy căn có yếm bao bọc. Ngoài thứ đặc biệt về vòng này, c n nhiều thứ khác không có vòng, nhưng không kém ngon thơm. Người ta bóc vỏ có vị đăng đắng rồi ăn. Trừ một thứ lớn hơn hết, người ta bóc lớp vỏ thứ nhất như da, rồi ăn tất cả, có mùi vị như trái đào và trái lê của ta. Thứ này không những chỉ ăn vì mùi vị và để giải khát mà còn bồi bổ sức khỏe, nên ăn bao nhiêu cũng không sao, có lần tôi dùng tới mười hay mười hai trái một lúc. Vì thế hết các nơi đều thấy bày bán với giá rất rẻ, rất thông thường, khắp xứ này đều có. Loại cuối cùng rất hiếm tuy có thể tìm thấy.

Người bình dân không dùng chỉ kẻ giàu sang là thích thú, nhưng cũng lành mạnh, mùi vị thơm ngọt như nho muscat, trái lớn như thứ vừa nói ở trên.

Còn một loại trái thứ hai có màu sắc "coing" nhưng trái thì to như trái đào lớn, mùi vị thì giống như trái lê khi chín muồi, người ta quí trái này vì còn dùng làm thuốc rất hiệu nghiệm để chữa bệnh lị, không những dùng thịt trái và da mà còn cả vỏ cùng lá cây nữa.

Lại còn hai loại trái có mùi vị như trái "cerises" của ta nhưng vỏ cứng như vỏ "chataignes" và ruột thì trắng. Từ thứ trái này, nhất là thứ người Tàu gọi là *lệ chi* người ta cất được một thứ rượu khá ngon.

Ở xứ này còn một thứ như trái vả, mùi vị và hình thù giống trái của ta : sắc thì đo đỏ khi thật chín, mềm như trái của ta nhưng lành hơn. Khi còn xanh và khá cứng thì không có mùi vị. Tôi không muốn quả quyết là trái của ta tốt hơn ngon hơn, thế nhưng khi chúa Đàng Ngoài thưởng thức những trái vả Âu châu chúng tôi trồng trong vườn thì ngài rất khen và muốn dành tất cả cho ngài.

Mía thì có rất nhiều đường và rất ngọt, rất phổ thông, nhưng người Đàng Ngoài không có kỹ thuật lọc nên đường hóa ra đen, tuy sắc đen mà người ta vẫn chuộng và mua, nhất là người Nhật.

CHƯƠNG 15.

VỀ SÚC VẬT THƯỜNG THẤY Ở NƯỚC ANNAM

Nước này có rất nhiều *ngựa*, đẹp và khỏe, hiền lành dễ chăn nuôi và tính khá thuần dễ tập luyện đi đứng chạy nhảy theo như người ta muốn. Cũng có rất nhiều

bò to lớn và vạm vỡ, thịt rất tốt và ăn rất ngon. *Lợn* thì rất thường, lành và thịt ngon, không có dịp lễ nào mà không giết lợn đãi khách, ngay cả những người nghèo không có phương tiện lớn. *Trâu* thường thì rất cao lớn, vai dô lên, vạm vỡ và rất chăm làm. Chỉ một con cũng đủ để kéo cày, cho dầu cày cắm sâu trong đất, thịt khỏng đến nỗi xoàng, nhưng thịt bò thì thông dụng hơn và ngon hơn.

Về *voi*[28] thì cả nước Annam có những con to lớn và khoẻ mạnh thường đưa từ nước Lào ở ngay kế cận. Họ bán cho người ngoại quốc với giá rất đắt, mua được rồi còn phải nuôi, cũng rất tốn kém, vì một con voi phải đủ lương thực bằng nuôi mười người.Chúa Đàng Ngoài nuôi chừng ba trăm con, thỉnh thoảng mới dùng tới và một phần để thêm lộng lẫy khi chúa ngự ra khoi kinh thành. Nhưng khi thao luyện một đạo bộ binh thì cho tất cả voi đi diễu. Vì thế rất tốn kém để bảo dưỡng quản tượng làm huấn luyện viên. Thật là lạ lùng khi thấy chúng rất ngoan và dễ dàng để tập nói chuyện với người, thường đi rảo khắp kinh thành mà không làm hại ai hay phá phách gì. Chúng còn giúp rất nhiều cho dân trong thành khi có hỏa tai, thường hay xảy ra, bởi vì nhà làm bằng gỗ. Thế là người ta dẫn mấy con tới để dỡ những nhà ở cạnh ngôi nhà đang cháy không cho lửa bén sang có thể làm thiêu rụi cả thành phố, nếu không dùng cách này để dập tắt. Chúng thi hành rất chính xác, rất khéo léo. Chúng vâng theo hiệu lệnh quản tượng, lấy vòi dỡ nóc nhà, rồi lấy chân lật đổ tường mà không làm quá lệnh người ta ra cho chúng.Có một vài lần tôi thấy chúng phải qua một nhịp cầu bằng gỗ, chúng lấy vòi lay thử xem ván có vững không, có thể chịu được sức nặng của chúng, và khi thấy không đủ vững thì chúng tìm con đường khác, chứ không chịu đi qua cầu đó. Có một con bị cột ở một nơi trong thành, trẻ con đến nghịch chơi lấy đá ném rồi đi lẩn trốn. Voi tức giận liền dùng vòi thay tay cầm đá và khi thấy lũ trẻ thò đầu ra thì ném theo rất

khéo, rất mạnh, đến nỗi nếu trẻ không nhanh lẩn trốn sau bức tường thì đã bị thương nặng. Người ta kể về những con voi đó, về tính dễ bảo và về nhiều sự rất lạ lùng mà tôi chưa thấy, nên tôi không nói gì thêm ở đây, tôi chỉ kể điều tôi chứng kiến mà thôi.

Về *tê giác*,[29] người Bồ gọi là "bada", tôi chỉ thấy đầu một con người ta vừa giết được ở trong rừng, phải hai người lính mới khiêng nổi, tôi đoán nó phải to lớn gấp đôi voi. Tôi còn được ăn thịt, cũng khá ngon và mùi vị thơm hơn tất cả thú rừng hay thú săn bắn mà tôi được biết. Người ta cho rằng thịt con vật này cả da, xương và nhất là răng, móng và sừng đều là những liều thuốc chống mọi nọc độc.

Những người đi săn trong rừng thỉnh thoảng cũng bắn được *mèo rừng* rất đen và nhỏ, người Đàng Ngoài rất chuộng, họ tiến chúa và các quan lớn. Có rất ít dê, không có chiên cừu, cũng không có lừa, chỉ dùng bò và trâu để làm những việc nặng, còn những việc thông thường và nhẹ trong quảng đại quần chúng thì đàn ông cũng như đàn bà họ đều quảy gánh trên vai.

Khắp xứ đầy gia súc nhất là *gà*, giá rất rẻ, không khác gà của chúng ta. Nhưng gà trống thì to gấp đôi, giá rất đắt, vì họ dùng làm gà chọi. Họ thường hay tổ chức chọi gà, nhiều khi còn cho cầm than củi và thứ gươm nhỏ để thành một cuộc chiến đẫm máu, như thể võ khí tự nhiên vẫn chưa đủ.Có khi người ta bán một con tới mười hay mười hai êcu, thứ gà chọi thiện chiến. Cũng có chuồng để nuôi chim bồ câu như chúng ta. Còn chim gáy thì nuôi trong những lồng lớn, rất thông thường, chỉ năm xu mà mua được mười lăm hai mươi con.

Có rất nhiều *cá*, rẻ mạt lại rất tươi và to, to nhất có thể nặng tới mười hay mười hai líu[30] cũng chỉ giá chừng năm xu. Nhiều như thế là vì có rất nhiều bến và nhiều ngư phủ trong toàn cõi. Người ta đếm được tới chừng năm mươi hải cảng và (khi Trời cho phép) có

tới hơn mười ngàn thuyền đi đánh cá. Cho nên thức ăn ở nước này chủ yếu là cơm gạo và cá. Tôi kể ở đây, một hôm chúa Đàng Ngoài hỏi tôi về *ngày kiêng của* đạo ta thì được dùng thịt gì. Khi biết chúng ta kiêng thịt nhưng không kiêng cá, thì chúa nói, như vậy các người sẽ tìm được rất nhiều công dân của ta vì sống với các người và kiêng như các người thì chẳng khó gì. Nhưng ta không tin các người tìm được kẻ muốn sống trinh khiết và kiêng đàn bà như các người. Thật là câu chuyện buồn cười của một ông chúa lương dân không hiểu biết gì về Thiên Chúa và đặc ân đạo Kitô: ngay ở thời kỳ vừa mới đặt cơ sở đạo ta, ơn Chúa Kitô đã ban cho giáo dân tân tòng ở nước này. Chúng tôi đã thấy một số người rất đông nam cũng như nữ, trai cũng như gái đã dâng mình cho Thiên Chúa muốn giữ độc thân và trinh khiết. Chúng tôi đã đếm được trong số đó có một trăm thày giảng và sinh viên can đảm hứa phụng sự Thiên Chúa hiển vinh trong bậc độc thân, trong số này có ba người đã hiến thân cho Giáo Hội mới này bằng máu can tràng đổ ra vì tin vào Thiên Chúa Kitô, như tôi sẽ nói đầy đủ hơn chỗ khác.

CHƯƠNG 16.

VỀ THƯƠNG MẠI VÀ HÀNG HÓA CỦA NGƯỜI ĐÀNG NGOÀI

Người Đàng Ngoài *không đi buôn bán* ở các nước ngoài vì ba lý do chính này. Thứ nhất, họ không biết nghệ thuật địa bàn và nghề hàng hải, không bao giờ xa bờ biển hay dãy núi của họ. Thứ hai, thuyền của họ không đủ sức chống lại với sóng lớn biển cả và những cơn bão lớn thường nổi lên trong cuộc hành trình lâu dài: ván và gỗ không được ghì chặt và đóng đinh hay

chốt, nhưng chỉ được cột lại, nên mỗi năm mỗi phải làm lại. Và thứ ba, chúa không cho phép họ ra nước ngoài, nơi ngành thương mại bắt các thương gia phải qua lại, vì sợ mất thuế thân công dân nộp cho chúa. Tuy vậy mỗi năm chúa phái tàu tới các nước Campuchia và Thái Lan, bởi vì những nước này không xa Đàng Ngoài và tàu thuyền không rời khỏi bờ biển của họ, không cần ra biển khơi biển cả.

Nhưng tuy không ra khỏi nước Annam gồm có (như đã nói) cả Đàng Ngoài lẫn Đàng Trong , thương gia trong nước cũng buôn bán rất sầm uất vì có rất nhiều hải cảng thuận tiện. Họ cũng kiếm được rất nhiều nhuận lợi, số vốn lên gấp đôi, hai hay ba lần trong một năm mà không bị nguy hiểm hay tai nạn thường xảy ra nơi biển khơi. Trong suốt dọc *bờ biển* nước Annam dài chừng 350 dặm Pháp, đếm được chừng 50 cửa biển có thể chứa được ít ra mười hay mười hai tàu lớn, nơi có nhiều sông chảy tới. Những người đi biển mỗi đêm có thể tới ẩn náu ở những bến này, không cần bỏ neo mà qua đêm an toàn, không sợ những nguy hiểm thường có ở biển cả.[31] Còn đối với thương gia ngoại quốc thì thực ra có người Nhật và người Tàu, họ vẫn tới buôn bán ở các bến Annam, họ buôn tơ lụa, buôn trầm hương.[32] Người Tàu ngày nay vẫn còn tiếp tục buôn bán : họ đem đồ sứ, đồ hàng hoa và nhiều hàng hóa tiêu dùng và xa xỉ. Người Nhật xưa kia đem bạc rất nhiều tới đây buôn tơ lụa, đem nhiều gươm đao và đủ các thứ vũ khí để bán,nhưng từ hai mươi nhăm năm nay họ không tới nữa. Hoàng đế Nhật đã nghiêm khắc cấm hết công dân phải bỏ việc thương mại vì biết có rất nhiều giáo dân, kể từ năm 1614 bắt đầu có sắc lệnh cấm đạo, đã kéo nhau lũ lượt đi, nhất là vào mùa Chay, và cả ngoài mùa này nữa, mọi năm ba hay bốn lần, để được xưng tội với các cha dòng biết nói tiếng Nhật và rước lễ, và mỗi lần có ới ba hay bốn chiếc tàu. Họ tự do đi, lấy cớ buôn bán. Và cứ thế từ gần mười năm nay họ tiếp tục và rất được mãn nguyện và

yên ủi về thiêng liêng. Nhưng vua cấm đạo hung bạo đã không cho họ được yên ủi này và ra lệnh lên án xử tử hết các công dân nếu còn vượt biển ra khỏi lãnh thổ và truyền cho những người ở nước Annam phải trở về Nhật vì sợ có người sẽ hồi hương với chức linh mục để thừa hành nhiệm vụ trong nội địa nước nhà. Vì cấm đoán này mà dân nước Annam thua thiệt về tiền tệ và những lợi nhuận khác do việc thương mại với người Nhật. Còn giáo dân Nhật thì không còn được chịu các phép bí tích và những việc đạo đức, mỗi năm họ thực hành mấy lần để được ích về phần hồn.

CHƯƠNG 17.

VỀ TIỀN BẠC TRAO ĐỔI TRONG NƯỚC

Ở nước này người ta không đúc tiền như ở Trung Quốc, trừ tiền bằng đồng. Người Đàng Ngoài dùng *vàng và bạc* để buôn bán những hàng hóa quan trọng, nhưng họ không dùng vàng hay bạc giập khuôn hay cối đúc, chỉ chặt thành miếng hay thành thỏi, sau khi nấu trong lò. Về bạc[33] họ dùng thì có những thứ dùng trong việc thương mại, thường là bạc nén, tương đương với mười êcu, còn về vàng thì nhẹ hơn nhiều, về giá thì tùy theo trọngg lượng, tùy theo giá cao hay thấp.

Hơn nữa về bạc, không bao giờ nhận mà không cho thử và cân trước. Thí dụ, giữa thương gia với nhau họ thỏa thuận bao nhiêu líu lụa, thí dụ mười lăm hay hai mươi, mỗi đồng bạc giá mười êcu, khi bán lụa thì cân 15 hay 20 líu lụa và trong cân thì đặt đồng bạc, nếu đúng số cân thí dụ mấy đồng bạc nặng một líu. Họ thi hành như thế cách gọn gàng và không gian dối. Nếu ai còn nghi ngờ về vàng hay bạc tốt xấu thì có quyền đập ra thành mảnh con để dễ nhận hơn.

Còn thứ tiền đồng trao đổi giữa người Đàng Ngoài thì có hai loại, loại lớn hay loại bé. *Loại lớn* thông dụng trong khắp nước và đa số do thương gia Tàu đem tới và xưa kia do người Nhật nữa. Còn *loại nhỏ* thì chỉ dùng trong kinh thành và trong bốn tỉnh ở chung quanh chứ không dùng ở Đàng Trong. Hẳn là vì từ khi bốn tỉnh chính đã li khai với các tỉnh khác do cuộc phản nghịch chúng tôi nói ở trên. Tất cả loại tiền đồng, lớn hay bé đều nhẵn và tròn, có khắc bốn chữ trên mặt và tất cả đều có lỗ ở giữa, để dùng dây xỏ vào theo thường lệ.[34] Vì thế mỗi dây buộc chừng sáu trăm hoặc mười lần sáu mươi có đánh dấu để phân biệt mỗi sáu chục đồng. Như vậy rất thuận tiện để quàng vào cánh tay hay khoác lên vai khi đi chợ, không cần dùng túi như chúng ta, chỉ dùng dây mà thôi. Còn về giá của thứ tiền này, thì chưa bao giờ chắc chắn và hay thay đổi, bởi chỉ có qui luật theo sự có nhiều hoặc có ít trong việc trao đổi trong nước. Do đó, mấy năm trước đây mười một trăm tiền đồng lớn giá bằng năm đồng êcu và cũng những năm đó ba đồng lớn giá bằng năm đồng nhỏ. Nhưng vào một thời gian khác, giá những đồng này thay đổi và cao hơn vì trong nước có ít bạc hơn.

CHƯƠNG 18.

VỀ NHỮNG MÊ TÍN DỊ ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐÀNG NGOÀI VÀ VỀ GIÁO PHẬN THỨ NHẤT

Người Đàng Ngoài cũng như người Tàu nói chung, tin theo ba thứ tôn giáo gọi là *tam giáo*. Nhưng dân tộc này tuy rất chất phác và rất có lương tri, lại theo rất nhiều dị đoan trước khi ánh sáng Phúc âm đến soi sáng cho họ. Từ khi đức tin Kitô giáo được rao giảng

và nhiều người nhận biết đức Giêsu Kitô thì họ đã thoát khỏi u minh và tăm tối sai lầm bao trùm lên họ. Họ thoát khỏi cảnh nô lệ khốn đốn ma quỉ bắt họ chịu.

Giáo phái thứ nhất và thời danh hơn cả là *đạo nho.* Người khai sáng đạo này là một người Tàu tên là Khổng Tử, sinh sống ở nước Tàu, theo sử liệu vào cùng thời với Aristote bên Hilạp, nghĩa là vào khoảng ba trăm năm trước Thiên Chúa giáng sinh. Người Đàng Ngoài tôn ông là *thánh nhân*, nhưng vô lý và trái lẽ, như tôi đã có lần thuyết phục họ. Bởi vì, theo tôi, nếu ngài được gọi là *thánh nhân*, thì ngài phải biết có một đức Chúa trời dựng nên trời và đất, nếu ngài không biết thì sao có thể là *thánh* được; không biết đấng là cội nguồn và là nguyên nhân mọi sự thánh, ngài chỉ thông truyền cho loài có lý trí bằng sự hiểu biết và yêu mến Thiên Chúa cao cả. Nếu ông nhận biết, vì ông tự xưng là bậc tiến sĩ và tôn sư thì ông phải giảng dạy sự hiểu biết cần thiết cho sự cứu rỗi, đàng này ông không dạy như rõ ràng trong kinh sách của ông, ông không đề cập tới Thiên Chúa nguyên lý mọi sự, thì sao có thể gọi ông là thánh?[35]

Khi tôi giảng như thế trong nhà thờ trước mặt chừng bốn chục người theo đạo này và là đồ đệ của Khổng Tử, thì tôi trách giáo dân tân tòng và không cho họ được gọi ông như thế nữa để khỏi phạm tới tên thánh và khỏi trái với lương tâm, thì người ta rất chăm chú nghe và rất bằng lòng, nhưng phái của Khổng Tử ở trong nhà thờ liền rút lui buồn nản và xấu hổ nhưng vẫn ngoan cố trong sai lầm như xưa, trừ một người đã lôi cuốn được mấy người khác, ông đã ở lại với chúng tôi, chứ không theo đám kia và ông đã nhận được lời giáo huấn đầy đủ về các chân lý đạo Kitô và chịu phép rửa tội, tôi đặt tên là Gioan, ông đã muốn làm đồ đệ đức Giêsu Kitô hơn là môn đồ của Khổng Tử mà cho tới nay ông đã theo.

Thực ra Khổng Tử nhà hiền triết này, trong những sách ông để lại, có nhiều giáo huấn về thuần phong mỹ

tục : như khi ông nói, trước hết hãy sửa mình và muốn thế thì xét mình mỗi ngày ba lần để sửa điều lầm lỗi. Sau đó mới đem tâm trí và chuyên cần xếp đặt và điều khiển gia đình. Và sau khi đã cẩn thận chu toàn chức vụ đầu tiên này chứ không trước khi đó, thì bấy giờ mới lo dìu dắt và cai trị quốc gia[36].

Ông còn luận về nhiều điều liên hệ tới pháp lý dân chính, về xét xử các vụ kiện và về thi hành công lý, do đó các tiến sĩ Đàng Ngoài nghiên cứu kinh sách của ông một cách chuyên cần như chúng ta khảo sát hiến pháp hay bộ luật. Ông còn trình bày và phân giải những châm ngôn về chính trị và luật pháp tự nhiên. Vì thế ông không nói trái với những nguyên lý của Kitô giáo và cũng không nói những gì phải bác bỏ hay bị kẻ tin theo lên án.

Nhưng khi ông đề cập trong một bộ sách về nguyên lý độc nhất của vạn vật thì ông rơi vào một cảnh hỗn độn to lớn và mù quáng trí khôn và lý luận không sao hiểu được. Ông nhận nguyên lý đệ nhất thuộc vật thể và vô tri không đáng được kính thờ. Thế nhưng ông muốn cho người ta tôn kính và thờ cúng Trời mà ông công nhận đã phát sinh và thoát ra từ nguyên lý đệ nhất mà ông chối không cho tôn thờ đó. Và những sự tôn thờ này ông còn cho rằng tất cả mọi người không đồng hàng xứng đáng được thực hiện, chỉ có các bậc vua chúa trị dân mà thôi, như thể nghĩa vụ tôn giáo không chung cho người dân cũng như bậc vua chúa. Lại còn đáng trách hơn nữa, trong giáo thuyết và kinh sách nhà hiền triết, đó là ông không đề cập tới đời hằng sống và hồn bất tử, nghĩa là ông chỉ coi con người thuộc về vật thể và nếu có hồn thì cũng là thứ hồn vật lý, chìm trong khối và tan trong các phần thân thể, như hồn súc sinh mà thôi. Ông cho con người chết là hết, không còn gì, những yếu tố cấp trên nhận di hài những phần tinh vi và những yếu tố cấp dưới thì nhận di hài những phần thô kệch. Rõ ràng là đưa tới vô thần và mở xấu, chỉ còn để lại một hình ảnh, một cái bóng hay hiện tượng bên ngoài của nhân đức.

Thế mà người Đàng Ngoài, sang hay hèn, đều có lòng tôn kính Khổng Tử rất mực và thờ kính như một Thượng đế. Họ dạy con cái lòng tôn thờ đó ngay từ khi chúng còn nhỏ, vì ngay ngày đầu tiên đến trường để học chữ Tàu, thì ông thầy trước khi nhận trò làm môn đồ, đã quì gối cùng trò và dạy bài thứ nhất cho trò biết cách phải xưng Khổng Tử thế nào và phải kêu xin ngài phù hộ cho để được trí khôn minh mẫn và dễ dàng học những điều người ta chỉ bảo cho, gọi là *sáng dạ* nghĩa là có bụng sáng. Điều mơ ước này còn tha thứ được vì họ tưởng các khoa học cũng như thịt thà được nhận và chứa trong bụng; họ tin rằng từ một người chết và vô đạo, họ hy vọng nhận được một trí thông minh. Cả những tiến sĩ và các văn nhân cũng rơi vào diên cuồng này, khi họ đi thi để được bằng cấp, và khi được rồi thì tới phục dưới đất trước bàn thờ ông Khổng để lễ tạ. Thật là một dị đoan điên dại thông dụng nơi lương dân. Nhưng giáo dân tân tòng chỉ nhận có đức Giêsu Kitô là nguyên lý tối cao và là ánh sáng soi tất cả, do đó mà nảy sinh trí minh mẫn. Họ phục lạy ba lần trước ảnh Người, từ lúc còn thơ ấu, xin Người ban ơn vì được hạnh phúc khởi sự, được tiến bộ trong việc học hành và thành đạt trong thi cử. Họ còn tạ ơn Người vì những ơn huệ đã được.

CHƯƠNG 19.

VỀ GIÁO PHÁI DỊ ĐOAN THỨ HAI CỦA NGƯỜI ĐÀNG NGOÀI

Giáo phái thứ hai người Đàng Ngoài tin theo (gọi là *Đạo Thích*). Người sáng lập đạo này, theo kinh sách của họ, và tập truyền của họ, là con một vua Ấn Độ, người Nhật gọi là *Xaca*, người Tàu gọi là *Xechia* và người Đàng Ngoài gọi là *Thích Ca*, mỗi nơi đọc sai đi một chút. Họ nói là ngài sống vào khoảng một ngàn năm trước công lịch[37]. Thân phụ ngài là *Tịnh Phạn* cai trị nước Ấn Độ

cùng một thời với vua Salomon. Đức Thích Ca chưa đầy mười bảy tuổi thì đã kết duyên với một công chúa trẻ tuổi tên là Adulala, con gái một vua Ấn khác. Hai năm sau thì sinh hạ được một con gái tên là *Hầu La*. Nhưng (...) ngài đã rút lui ẩn dật trong rừng hẻo lánh, ngoài ý của thân phụ ngài (người rất không bằng lòng), cũng như vợ ngài, bà rất phàn nàn về sự ly thân này. Sau năm năm, ngài trở về cung điện vua cha (...), nỗ lực phổ biến học thuyết của mình trong tâm trí dân chúng. Nhưng vì do những nguyên lý đệ nhất của lý trí, tính tự nhiên con người không nhận sai lầm và khó bỏ được niềm tin tưởng từ bên trong cho biết là có một thần thánh, nghĩa là một hiện hữu và nguyên nhân đệ nhất làm cội nguồn cho tất cả những gì không thể có hiện hữu tự mình được, nên ngài không tìm được kẻ tin theo ngài và làm môn đệ ngài. Đức Thích Ca bực tức vì không được kết quả trong công việc, liền dựa vào lời bàn của thần thánh quen thuộc để (...) gieo rắc một thứ truyện hoang đường về thần thánh (...) Thế là có thành quả ngay đến nỗi trong bốn mươi năm hoạt động ..., vừa dựa vào quyền thế, vừa dựa vào ma thuật, ngài đã cho thành lập và phổ biến khắp Ấn Độ tín ngưỡng trước đây chưa ai biết...

Ngài còn khôn khéo làm cho dân chúng theo tin tưởng mà ngài đã nghiền ngẫm, đó là những thưởng công trên trời đối với kẻ lành và hình phạt dưới địa ngục đối với kẻ dữ. Do cách này mà đạo được lan tràn ở Ấn Độ (...)

Ngài nói là tất cả những gì ngài giảng dạy chỉ là một bức màn che, màn che những bí quyết về thân xác mà ngài đã giải thích sơ lược (...) Thế rồi sau khi đã giảng dạy như vậy thì ngài qua đời ...

Đạo Thích Ca do Ngài khởi xướng bởi đâu mà truyền đạt từ Ấn qua Trung Quốc, rồi sau đó vào tới Đàng Ngoài như chúng tôi đã nói, lúc đó chỉ là một tỉnh nội thuộc nước Tàu. Thật khó mà biết đích xác vì sự việc đã cũ kỹ lắm rồi. Nếu theo sử liệu Tàu thì do một sứ thần Trung Quốc đã được vua Hán Minh Đế phái tới Tây phương để thỉnh chính đạo, theo như Thượng đế đã báo cho ông trong mộng. Đáng lẽ ông phải qua Tây phương, như lệnh

và việc Người ủy thác cho ông, nhưng ngại đường xa và những khó khăn hành trình, ông đã dừng lại ở Ấn Độ. Ở đây ông học hỏi với người Balamôn, được biết kinh sách và giáo thuyết Phật (nghĩa là) nhà hiền triết, tên người ta đặt cho Thích Ca như chúng tôi đã nói. Ông đã đưa về cho vua Trung Quốc là người đầu tiên cho gia nhập vào nước mình đạo giáo này...

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG 20.

VỀ CÁC THẦN THÁNH NGƯỜI ĐÀNG NGOÀI THỜ KÍNH

Mong sao cho người Đàng Ngoài đã rũ ách nô lệ người Tàu thì cũng bỏ được những dị đoan người Tàu truyền lại và dạy dỗ cho. Nhưng những nguyên lý tôn giáo dầu tốt dầu xấu đã ăn sâu vào lòng người do tập quán lâu đời thì không dễ dàng xóa bỏ đi được. Thế nên người Đàng Ngoài sau khi không còn chịu người Tàu đô hộ nữa thì vẫn còn duy trì những mê tín của họ và tất cả giáo thuyết về thần thánh du nhập từ Ấn Độ. Từ thời đó tới nay họ còn thêm nhiều dị đoan khác và trở nên mê tín hơn cả người Tàu. Thật ra ngày nay trong nước Đàng Ngoài có rất nhiều đền chùa và thần thánh, không một làng xã nhỏ bé nào mà không có chùa chiền và dân chúng rất mê theo, dù đền chùa đó dơ bẩn, bệ rạc vì các thày sãi không sửa sang, thường nhận cúng lễ để chi dùng cho mình và cho vợ con mình, không chủ ý trang hoàng đền chùa và lau chùi tượng thánh cho sạch sẽ.

Nhưng mỗi tháng hai lần, nghĩa là vào ngày mồng một và ngày rằm, dân mộ đạo tới đền chùa nghi ngút khói hương, họ cầu khẩn và cúng tế. Họ rất kính cẩn tin theo, không một ai dù túng bấn đến đâu cũng không đem đồ lễ tới và đặt dưới chân tượng đầy bụi bặm. Rồi họ quì phục ít là bốn lần, mặt sát đất, sau đó (nếu không ai đi theo) họ tụng kinh và khấn vái, bắt đầu bằng việc xưng tên mình, quê quán, tưởng như thần thánh không biết. Nếu có nhiều người và thường là như vậy, thì người nào giàu sang hơn lên tiếng thỉnh cầu nhân danh tất cả, những người khác chỉ đồng tâm theo bằng việc sấp mình xuống

lạy. Còn các thày sãi thì thu của lễ, dành cho thày nhất và chính yếu sử dụng mà không ai được biết sử dụng và phân phát thế nào. Ấy là chưa kể nhiều ruộng công dành riêng cho chùa chiền chính yếu mà các thày sãi được thụ hưởng.

Thế nhưng ở xứ này không thấy có những cộng đồng các sư như ở Trung Quốc, mỗi *sãi ông* (tức thày sãi chính yếu) ở một phòng sát cạnh chùa với bà vợ và con cái cùng những thày sãi khác cũng làm việc trong chùa, coi như người phục dịch và thường là những người hy sinh đời mình để phụng thờ thần thánh. Về các con của thày sãi thì họ không để cho thừa kế chức vụ, trong khi còn sống họ tìm cho một chức vụ khác khá hơn, vì thế ở xứ này có dư luận không tốt đối với các thày sãi; để thừa kế công việc, họ đặt một trong những thày phục dịch mà họ cho là có khả năng hơn, có lòng nhiệt thành săn sóc chùa chiền và thần thánh hơn.

Số các thày phục dịch không những được dùng trong chùa chiền mà cả trong các đám tang kẻ giàu sang, không phải để chôn cất, việc này thuộc về người khác, như chúng tôi sẽ nói sau, mà để tụng kinh cầu hồn ở giữa ngã ba đường phố, họ dựng bàn thờ với những đồ tang, các thày đứng thành hai hàng và suốt đêm tụng niệm theo cung điệu rất bi thảm, với tiếng nặng nề và cao thấp không đều. Người ta còn nghe hát những kinh bằng thứ tiếng chính người hát cũng không hiểu, họ nói là các bậc tiền bối truyền lại, người ta cho là những kinh theo tiếng cổ Ấn Độ từ buổi đầu đã truyền lại cùng với dị đoan.

CHƯƠNG 21.

VỀ GIÁO PHÁI THỨ BA CỦA NGƯỜI ĐÀNG NGOÀI VÀ NHỮNG PHÙ PHÉP LÀM CHO NGƯỜI ĐAU YẾU

Giáo phái tôi nói ở đây thì tệ hại hơn hết tất cả những giáo phái thịnh hành ở xứ Đàng Ngoài, vì rất phổ thông và rất liên quan tới ma quỉ. Vì những kẻ tin theo thường dùng ma thuật và tận tụy tuân lệnh thần linh ma quái. Người sáng lập là *Lão Tử*,[38] nhà ma thuật đời xưa rất danh tiếng, đã có và còn có rất nhiều đồ đệ có uy tín với chúa và tất cả kẻ sang trọng trong nước. Chẳng có gì đáng khen, chính chúa và các quan trong phủ cũng bị truyền nhiễm. Điều làm cho giáo phái này được uy tín đó là việc chữa lành các bệnh làm cho dư luận tin theo. Tuy trong nước cũng có lương y rất có khả năng chữa bệnh, thế nhưng những người có thế giá vẫn quen chạy đến các thày phù thủy mà họ rất tin, những người này quả quyết dùng bùa ngải để chữa bệnh, chứ không cần thuốc của lương y.

Thế nên khi có ai ngã bệnh thì liền sai gia nhân ra phố chợ, nếu bệnh nhân không thể đi được, để hỏi một *thày pháp* của giáo phái này (không bao giờ thiếu, nhất là những người nghèo và mù sống bằng nghề này) xem bởi đâu và tại ai mà người này mắc phải bệnh.

Vì họ mê muội tin rằng họ chỉ lâm bệnh vì có người trong họ hàng hay tổ tiên đã mất, nhưng không được con cháu cúng tế cho phải đạo hiếu. Thế là thày pháp ném một đồng tiền lên như để bắt thăm, sau đó ông quả quyết bởi người họ hàng nào đó làm cho sinh bệnh. Người bệnh tin và theo lời ông được tin như lời thần thánh không được hồ nghi, bệnh nhân cho mời một thày pháp khác tới nhà để thày dùng phẩm vật và

đồ cúng cầu khấn người mà thày pháp trước cho là kẻ đã gây nên bệnh. Thày liền cho dọn một ít thịt ngon để làm nguôi lòng người quá cố. Người ta dựng một bàn thờ nhỏ trên đó thày gieo quẻ để xem bệnh nặng nhẹ thế nào. Cách gieo quẻ như sau. Người ta làm thịt một con gà, cắt lấy hai chân ném vào chậu nước sôi, rồi xem kỹ cách đặt và hướng các móng chân để biết điềm chết hay khỏi. Nếu có nguy cơ thì vào khuya thày cầu khấn hồn giận dữ người đã mất, rung chuông đặt trên bàn thờ để mời hồn tới. Rồi thày gọi hồn mà thày tôn là chúa, thày van nài hồn phù hộ chống đối kẻ gây nên bệnh hoạn. Nếu thấy bệnh thêm nặng thì thày lên cơn nguyền rủa hồn người thân quyến đó và suốt đêm rung chuông inh ỏi làm cho bệnh nhân đau đầu khó chịu và không ngủ nghỉ được. Rồi giả tảng như hồn người chết đã hưởng hương khói và mùi thịt ngon, thày cho đem về nhà để vợ con cùng thày hưởng dùng. Vào buổi sáng thày cho dọn một thuyền nhỏ bằng sậy và giấy đưa ra bến sông gần đó, có gia nhân người bệnh và mấy lính bồng súng đi theo. Theo lệnh thày pháp, gia nhân cho thuyền chìm xuống nước như thể dìm hồn người quá cố, còn lính thì bắn ba bốn phát súng để làm cho hồn hãi sợ không dám trở về nữa. Nếu sau đó, bệnh nhân (như thỉnh thoảng xảy ra) được phục hồi sức khỏe thì thày pháp đắc thắng nhận thành công này là do quyền phép mình và đòi công khá cao. Trái lại thày sẽ rút lui xấu hổ nếu bệnh nhân chết, không nhận được gì do phù phép của thày. Mới đây xảy ra cái chết của hoàng tử con cả của chúa, hoàng tử còn trẻ, tài giỏi và có nhiều triển vọng, chúa đã trao cho một phần lớn việc trị nước để tập luyện ngay khi chúa còn sống. Để chữa bệnh, các thày pháp đã vô ích sử dụng hết các phép và đưa ra hết các bí quyết ma thuật, nhưng khi thấy bệnh càng nặng thì các thày dùng tới phương dược cuối cùng. Các thày cho đưa bệnh nhân sang một nhà khác xa lạ và đem một người khác đặt trên giường bệnh để cho thần chết tuyệt vọng gieo họa đã sửa soạn chống lại hoàng tử trẻ

tuổi. Nhưng thần chết không khi nào chịu sự chèn ép của võ lực, hay bị ma thuật lừa dối, thần đã tới tìm bệnh nhân trong giường xa lạ và vừa diệt sự sống vừa diệt hết các niềm hy vọng đẹp đẽ của chúa và của toàn quốc.

Ở đây tôi không muốn bỏ một sáng kiến điên rồ thỉnh thoảng họ dùng khi bệnh nhân sắp lìa đời hay bất thần có triệu chứng nguy hiểm hồn chuẩn bị ra khỏi thân xác. Lúc đó họ thắng yên cương cho ngựa và chuẩn bị hành trình đón hồn sắp ra đi trong khi bạn bè vây quanh giường khóc lóc thảm thiết, gọi tên người bệnh để cầm hãm tinh thần sắp lìa bỏ họ, cho tới khi tắt thở và hồn khốn nạn được đem đi, không phải trên lưng ngựa đã sẵn sàng mà do ma quỉ dẫn xuống địa ngục.

Tôi còn thêm ở đây, ma thuật *dùng chân gà* để biết thành quả của bệnh nhân. Phép này được sử dụng ở toàn cõi Đàng Ngoài để biết điềm lành dữ và xem xét hiện tượng xảy ra. Vì thế nếu họ phải khởi hành trên đất hay trên biển, nếu họ xuất trận cưới hỏi, khởi công làm bất cứ việc gì quan trọng, thì quẻ và hướng chân gà[39] nếu chỉ cho biết điềm thành công, lúc đó họ mới can đảm làm và không còn sợ hãi. Nếu họ nhận thấy trong hướng xấu của chân gà có điềm xấu thì họ không dám tiến hành và đành bỏ cuộc. Điều này cản trở khá lớn các công việc của họ. Vì thế có một lần tôi thấy xảy ra ở một hải cảng, nơi có hai mươi chiếc tàu chuẩn bị đầy đủ, buồm đã căng và sẵn sàng khởi hành. Thương gia người Đàng Ngoài chưa dám bắt đầu làm trước khi chưa bói chân gà. Mà vì hướng không đúng nên họ phải đổi dự định, gấp buồm lại và hoãn cuộc hành trình. Nhưng đồng thời tôi có mặt trong một thuyền sắp sửa trẩy đi vì gió thuận đã thổi bất chấp điềm dữ chân gà mà tôi chẳng thèm để ý. Tôi giục chủ thuyền (là lương dân nhưng có cảm tình với đạo ta) lên buồm, chớ bỏ cơ hội đẹp trời mời ra đi. Thế là chúng tôi trẩy đi thuận buồm xuôi gió và may mắn cập

bến đúng ngày chúng tôi dự tính. Còn thuyền các thương gia (ngày hôm sau thời tiết xấu) không thể trẩy đi, phải đợi mười lăm hay hai mươi ngày, trong thời gian đó có sóng lớn và gió rất mạnh, làm cản trở không ít công việc của họ và bắt họ phải suy nghĩ về phù phép vô dụng và về sự tin điên rồ của họ.

CHƯƠNG 22.
VỀ CÚNG TẾ NGƯỜI CHẾT DO CÁC THẦY PHÁP LÀM

Thật là sửng sốt khi thấy người Đàng Ngoài khờ dại để cho các thày pháp lợi dụng chữa chạy cho cha mẹ họ hàng và con cái đau yếu, khi họ chết lại còn dùng chúng và chịu cho chúng thi hành những pháp luật điên rồ. Sau khi người ốm tắt thở thì thày pháp cùng gia đình buồn sầu của người chết đi tới nhà một cô hồn được người ta trọng nể.[40] Bà này khấn vái ma thuật gọi hồn dưới danh hiệu người qua đời để tới nhận và yên ủi gia đình mình vừa gây nên tang tóc. Hồn tức thì nhập vào thân xác bà đồng (Thiên Chúa cho phép như vậy để phạt tội bất trung của dân này) và lay động rất dữ dội, trên khuôn mặt lúc thì đỏ như sắt nung, khi thì nhợt và tựa như màu mỡ gà rồi đen đáng ghê sợ, để tỏ ra có người dữ dằn nhập vào bà. Sau đó *cô hồn* làm giả tiếng người chết, gọi tên một người trong gia đình và bàn về một công việc trước đây cả hai đã làm chung với nhau, lại còn quả quyết về cảm tưởng của mình hay đưa ra những cảm nghĩ mới để thi hành. Điều này làm cho cả gia đình khóc lóc và cảm phục, quì xuống đất để tôn kính hồn người họ đã nghe và thấy mới đây, lúc này họ tin là đang hiện diện. Thế rồi họ hỏi mấy câu và hồn trả lời không rõ, với những lời lẽ hai nghĩa làm cho họ rất khổ tâm. Và đừng quên xin cho thày pháp và cho cô hồn người bạn tốt những

món thịt thà hồn giả vờ là thèm thuồng. Tức thì người ta đem tới để cúng người quá cố. Thỉnh thoảng cũng có lần hồn không nói qua miệng cô hồn, nhưng cô giãy giụa, mặt mày nhăn nhó kinh khủng, nói lảm nhảm nhiều điệu như thể người quá cố nói, chiều theo ý thày pháp chỉ dẫn; cô xin được điều cô muốn và được kính cẩn vâng theo ngay như thể người chết hiện diện thật.

Cũng có cách khác các thày pháp dùng qua hồn người chết để lừa gạt thiên hạ. Họ cho người chết hiện qua một tấm gương thần, làm cho người chết nói và xin những điều mình muốn. Nhưng có lần hỏng việc và làm cho cô hồn rất xấu hổ. Bởi vì hai quân binh Kitô hữu dùng lời cầu nguyện và thế lực cây thánh giá họ đeo ở cổ tay để can ngăn. Mặc dầu *cô hồn* suốt đêm kêu cầu và gọi hồn đến giúp, hai giáo dân trái lại suốt đêm không ngừng xin Thiên Chúa cấm không cho âm hồn làm việc trong dịp này để sự lừa gạt không đạt được kết quả và cô hồn phải xấu hổ. Họ đã được Thiên Chúa nhận điều họ xin, thế lực của cầu nguyện đã thắng thế lực ma thuật.

Lần khác cũng xảy ra như vậy ở một công trường có rất nhiều người kéo nhau tới xem một vụ *ảo thuật* mà một thày pháp thường quen làm trước mặt mọi người. Hắn làm cho một hình nhân làm bằng nứa đi đi lại lại trong công trường và bẩy được một tảng đá lớn nhiều người khỏe chung sức mới nâng nổi. Nhưng có một giáo dân trẻ tuổi tên là Mathêu đi qua đó, và vì xúc động thấy sự gian tà và sự mê hoặc đồng hương, anh tin vào quyền thế đức Giêsu Kitô và vào thế lực cây thánh giá anh đeo trong người, anh liền kín đáo trừ ma qui mà thày pháp muốn dùng vào việc này. Anh lấy danh Chúa Cứu Thế đã toàn thắng trên thập giá mà khiến tà ma phải rút lui về địa ngục và không còn được lừa dối thiên hạ. Anh bắt tà ma phải vâng lời, trong khi đó thày pháp cầu khẩn trước bàn thờ và khi không nhận thấy hiện diện và thế lực của tà ma, thì giang hai tay như điên, ngồi đủ các kiểu, lúc đứng khi

quì, hoặc phục trên đất, dùng đủ cách để giục hồn đã bỏ hắn phải trở về với hắn. Suốt ba bốn tiếng đồng hồ không được gì, rồi cứ tiếp tục cho tới khuya, hắn giận dữ và như điên cuồng vì bị dân chúng chế nhạo, sau cùng nhờ tay đánh đổ bàn thờ đâm ra nguyền rủa nghề mình và ma quỉ đã ruồng bỏ hắn khi hắn đang cần, rồi hắn xấu hổ lui về nhà. Anh Mathêu tới kể cho các cha với vẻ đắc thắng và hiên ngang. Các cha khuyên anh nên từ tốn và giữ kín ơn Thiên Chúa đã ban cho anh và đừng phổ biến việc vừa xảy ra vì sợ lương dân lấy cớ mà ngược đãi giáo dân.

CHƯƠNG 23.

VỀ NHỮNG DỊ ĐOAN TRONG ĐÁM TANG VÀ CHÔN CẤT NGƯỜI CHẾT

Trong khắp cõi đất có người ở này, có lẽ không có nước nào trọng kính và tôn sùng hồn và xác người quá cố bằng dân nước Annam. Điều tôi sẽ nói sau đây đủ để mà tin.

Khi người nào vừa tắt thở thì họ giữ ba điều này để tôn kính người chết. Thứ nhất, họ kiếm cho được một quan tài lộng lẫy nhất có thể có được theo khả năng của họ để liệm xác. Những người giàu có thì sắm rất đắt tiền một cỗ quan tài chạm trổ, sơn son thiếp vàng rất tinh xảo.

Thứ hai họ lo cho có thật nhiều người đi theo đám tang. Ngoài gia quyến, thông gia, bạn bè không bao giờ thiếu, còn mời tất cả cư dân sở tại trong số đó thường có quan tòa, ông có mặt trong tất cả những đám người sinh quán ở đó. Nếu người quá cố thuộc hàng quí tộc thì có cả dân cư miền lân cận. Nếu là một quan tòa hay một tướng lãnh thì có đội quân binh đi theo đám tang với cờ xí và đồ võ trang như khi đi trận. Hầu hết trong các đám tang, họ có thói quen mở đầu đám bằng

một tấm trướng bằng lụa cao bằng năm mươi gang tay, có bốn người khỏe mạnh cầm, trên đó viết bằng chữ vàng tên người quá cố, những chức sắc và chức vụ lúc sinh thời và mấy lời khen ngợi công lao hiển hách. Con cái, nếu còn sống và vợ thì đi trước linh cữu, mặc áo tang, thảm thiết rêu rao những việc tốt và những ân cần săn sóc mình đã nhận được ở người quá cố. Họ làm vẻ buồn rầu và giọng thương xót, họ rên rỉ, khóc lóc làm cho mọi người động lòng thương. Có khi họ quay về linh cữu, lăn xuống đất để cho người khiêng dẫm chân lên. Theo cách thức tôi đã nói, tất cả đám tang tiến tới nơi chôn cất thường xa thành phố chừng mấy dặm.

Điều thứ ba, hết các dân ở nước Annam đều tin dị đoan và không sợ tổn phí chọn nơi thuận lợi để chôn xác cha mẹ. Họ điên rồ tin rằng tất cả vận tốt của gia đình về của cải, danh vọng, cả sức khỏe đều phụ thuộc vào việc chọn đất để mả. Để làm việc này họ dùng một số người gian dối biết thuật xem đất cát gọi là thày *địa lý*. Thày đem địa bàn xoay xở trong cánh đồng và dùng một ít dụng cụ toán học khác, chăm chỉ làm như thể tìm vàng, sau cùng vờ như tìm được chỗ thuận tiện để chôn xác, dĩ nhiên những người thừa kế trả công họ khá hậu hĩ và tức khắc làm nhiệm vụ sửa soạn và thu xếp chỗ đất theo lệnh và chỉ thị của kẻ gian xảo đã kiếm được đất tốt. Hoặc (để nâng cao giá trị nghề mình) ông sử dụng đồ nghề chỉ định đâu là chỗ đặt đầu, đâu là nơi chân nhìn tới, để cho người quá cố nghỉ yên và không về quấy rối con cháu. Thực ra thường dân không lo để mồ để mả cha mẹ ở những nơi bí ẩn và xa đường cái quan, trái lại người giàu sang rất cẩn thận vì sợ có kẻ thù phạm đến mồ mả cha mẹ và cha mẹ oán phạt con cháu đã không săn sóc bảo đảm an toàn cho mình.

Thế nhưng nơi họ là một trọng tội tòa phạt rất nặng, nếu ai phạm tới mồ mả bất cứ bằng cách nào, mặc dầu mộ đó ở nơi công cộng. Thật là điều đáng

khen. Cũng vậy họ chăm chỉ cất chôn cha mẹ chết ngoài quê quán. Những người quyền quí giàu sang thì họ thi hành ngay và với tất cả nghi lễ long trọng vì họ có khả năng. Còn dân thường thì họ cũng không trễ nải việc thi hành nhiệm vụ ít là sau ba năm để tang.

Theo tập quán bất khả xâm phạm ở dân nước này thì con cái để tang cha mẹ, vợ để tang chồng ba năm. Về cách để tang thì có sự khác nhau và kỳ dị về áo mặc; cách thông thường và chung cho mọi người là tóc. Phái nam không có tang thì để tóc phía trước cắt nửa vòng tròn trên trán, khi có tang thì để tóc dài xuống tới mắt, khá vướng. Trái lại phái nữ có tang thì cắt một phần tóc không cho dài ra, suốt ba năm tang, nếu là người góa bụa thì cấm và bị phạt nặng nếu tái giá trong thời gian này, gọi là thời *tang tóc*. Hết tang thì họ bốc mộ và sau khi đã tẩm hương thơm xương cốt và bọc trong vải trắng thì họ đặt vào một cái tiểu, đậy lại như trước. Hoặc nếu người quá cố chết ở ngoài quê quán thì họ đưa về chôn ở nơi sinh trưởng. Nếu sau đó xảy ra tai họa gì cho bản thân họ hay con cháu họ và các thày pháp, như đã nói ở trên, bảo phải cất mộ hay dời mộ thì họ lại đào lên và đem tiểu chứa hài cốt, thu xếp chôn cất chu đáo ở nơi khác, để các người được nghỉ ngơi an toàn hơn, nhìn đồng ruộng thảnh thơi không có hòn đá nào làm mất an tĩnh và do đó không còn phá hại con cháu.

CHƯƠNG 24.

VỀ YẾN TIỆC TƯ NHÂN VÀ CA VUA CHÚA THẾT ĐÃI VONG LINH NGƯỜI QUA CỐ

Một trong những dị đoan rất thông thường và rất quyến rũ dân xứ này tin theo vì chữ hiếu, đó là yến tiệc họ sửa soạn để tưởng nhớ cha mẹ quá cố, gọi là lễ

giỗ. Trong việc này có ba cái lầm lớn. Thứ nhất họ tưởng cha mẹ được tự do trở về nhà con cháu khi các người muốn hay được mời. Họ không biết có những hàng rào vĩnh viễn ngăn cách các hồn lỗi phạm đó với chúng ta. Thứ hai, họ ngây dại tin rằng (điều thánh Autinh đã quở trách và lên án trong thời ngài) hồn người chết cũng dùng thịt thà và dự yến ẩm của chúng ta.[41] Do đó họ có thói sửa một bữa giỗ rất thịnh soạn có thể được. Người con trưởng và người thừa kế, khi bày bàn tiệc rồi thì đọc một bài khấn thân phụ, như thể người có mặt, tương tự như sau :

"Xin cha đáng kính về nhà của cha, nơi cha đã lâu ngày vắng bóng và xa các con cháu hằng thương nhớ, con cháu cha đã nuôi nấng dạy dỗ và hết mình săn sóc, con cháu mà cha đã vất vả và bù đắp. Tất cả sự yên ủi của chúng con và tất cả ước vọng của chúng con là được biết cha luôn ở giữa chúng con và được thi hành nhiệm vụ đối với cha đã thương yêu chúng con. Xin cha nhận lễ hèn mọn chúng con dâng cúng để đáp đền ơn hải hà cha đã ban cho và để phần nào yên ủi chúng con trong thời tang tóc vắng bóng cha".

Đọc lời khấn xong thì người con trưởng cùng cả gia quyến lăn xuống đất kêu gào và bái lạy người quá cố, như thể người này có mặt, rồi mời người ngồi vào bàn và dùng bữa với họ. Họ tưởng rằng người quá cố làm theo họ. Và sau đây là cái lầm thứ ba, vô lý hơn hai cái lầm trước, có thể nói như một xúc phạm, đó là sự sống, sức khỏe, an vui trong gia đình và tất cả sự thịnh vượng vật chất trong nhà đều lệ thuộc vào cha mẹ đã khuất. Cuối cùng người con thừa kế, nhân danh các anh em và mọi người trong nhà, nài xin cha đừng quên các con và xin săn sóc gia đình, ban cho mọi người được sức khỏe, sống lâu và dư dật của cải. Cuối cùng toàn thể gia đình quỳ xuống, trán chạm đất, như để xin người quá cố chúc phúc lành cho.

Nghi thức này được tái diễn nhiều lần trong thời gian còn tang và nhất là vào ngày giỗ. Nếu người thừa

kế quên thì họ hàng có thể đưa ra tòa và chắc chắn là sẽ không được hưởng gia tài vì vô ơn đối với người đã cho thừa kế. Bổn phận này được coi là rất công bằng đến nỗi (như tôi đã nói ở trên) nếu chúa ban cho địa vị và bổng lộc cho tướng lãnh và những người nào khác có tài năng để thưởng công thì của ban đó người vợ góa và các con còn được hưởng trong ba năm để tang, để cho họ có phương tiện cúng giỗ tỏ lòng kính tôn người quá cố và không những chỉ mời họ hàng mà còn mời cả quân binh của người nữa.

Vị chúa đương thời cũng giữ việc mê tín này đối với đức thân phụ đã mất với những quá đáng không thể tin được.[42] Ngài cho dựng trong phủ một tòa nhà lộng lẫy, một thứ đền chùa lớn hơn những đền chùa trong toàn quốc, chủ ý để cúng bái vong linh đức thân phụ ngài. Ở đây mỗi ngày có thắp hương nhang và bày la liệt thịt thà với những lễ phẩm như thể lúc người còn sống. Để đứng đầu việc này, còn cắt đặt một viên quan riêng biệt thường là hỏa đầu quân và trích ra một nguồn lợi nhuận lớn để tiêu hằng năm vào việc này. Có mấy viên quan cao cấp cũng bắt chước, họ có phòng rộng lớn trong nhà để cúng tế theo dị đoan, tuy chi phí ít hơn, và làm nghi lễ tôn thờ vong linh song thân. Nơi dân chúng thì vẫn thấy có ít là một góc nào đó trong nhà làm bàn thờ để thỉnh thoảng kính viếng tưởng nhớ vì tin rằng hồn cha mẹ hiện giờ có mặt ở đây.

Ngoài những bữa ăn thường mà chúa cho dọn mỗi ngày để cúng hồn đức thân phụ, *mỗi năm* cũng ở nơi này, ngài đặt một bữa đặc biệt và rất long trọng. Khắp nước đều tìm về đây cũng như từ các nơi người dân phải đem phẩm vật thịt thà đến bày trên bàn hoặc đóng góp vào chi phí quá đáng trong đám giỗ. Theo tục lệ chung cho cả nước, người ta dọn bàn thấp và tròn (mâm), nhưng về ngày giỗ thì đặt bàn cao bằng mấy gang tay, nhiều ít tùy bữa. Còn về cỗ sang trọng chúa cho dọn để cúng đức chúa quá cố thì tất cả các bàn

đều được xếp có trật tự và rất nhiều, lại rất rộng lớn, cao tới mười hai hay mười lăm gang tay, sơn son thiếp vàng và nhiều chỗ trang trí bằng mảnh vàng nạm trong gỗ. Về thịt thà trên bàn thì rất nhiều, thịt gà và thịt thú săn thì vô kể. Ngoài ra có bàn để nguyên một con bê béo và một con heo quay, không kể mứt kẹo đủ thứ rất đặc biệt và bày ở khắp các bàn. Có một điều rất kỳ khôi trong đám này, đó là trong số những bàn này có mấy bàn chỉ bày toàn những đồ bằng giấy vàng, giấy bạc, họ tưởng tượng và diên dại cho rằng những đồ này phải được đổi ra vàng thật, bạc thật, để người quá cố sử dụng khi đốt đi.

Bữa yến tiệc lộng lẫy và long trọng này được dọn trong gian nhà rộng chúng tôi đã nói, rồi chúa cùng cả hoàng tộc tới, có các quan trong phủ và các tướng lãnh theo hầu. Ngài đến cúng bái hồn đức thân phụ theo nghi lễ chúng tôi đã nói ở trên. Sau đó ngài lui về để đức thân phụ được thong dong hưởng phần yến tiệc đã dọn. Và như thế người đã dùng thỏa thuê rồi thì hôm sau chúa trở lại chính nơi này để phân phát, trước hết là cho các quan, rồi tới quân binh và còn thừa thì đến dân. Thành thử rất ít người trong phủ không nhận được, trừ các sư sãi (vì kiêng, coi là thứ thịt dơ) một phần do chúa phân phát.

Trong năm còn có những lễ khác ít long trọng hơn theo tập tục những người sang trọng giữ để cúng tế ông bà, cụ cố và tiên tổ, bên nội cũng như bên ngoại cho tới *tám đời*, mỗi vị đều có một ngày riêng. Và bởi vì rất khó cho dân chúng nhớ đúng ngày, thì mỗi năm có hai tháng là *tháng bảy* và *tháng chạp* được chỉ định cho dân chúng giỗ cha mẹ quá cố, không ai dám sai sót. Thật là xấu hổ cho giáo dân, ít chuyên chú thi hành đức hiếu và tôn kính vong linh người quá cố. Lời cầu nguyện của họ giúp rất nhiều cho các người hơn là lương dân tin theo dị đoan vô ích, để cầu cho cha mẹ đã qua đời được an nghỉ.

CHƯƠNG 25.
VỀ MẤY MÊ TÍN KHÁC ĐỐI VỚI NGƯỜI QUA CỐ

Người Đàng Ngoài có tâm tình hiếu thảo rất đặc biệt đối với cha mẹ đã qua đời và tiêu phí quá đáng để cúng giỗ. Vì thế không những họ đâm ra nghèo túng mà còn làm cho họ mắc nợ nần, bởi muốn theo tục lệ và phép xã giao nên phải chi dụng không những về cỗ bàn mà còn về các nghi lễ khác, vừa vô ích, vừa phù phiếm, nhưng theo phép xử thế, họ không sao tự miễn cho mình được. Thí dụ họ thi đua dựng nhà, sắm các dụng cụ bếp núc làm bằng tre nứa và giấy *hoa rồi đem đi đốt*. Họ điên dại tin rằng nhờ đồ vàng mã này người quá cố được nhà đẹp, đồ dùng tươm tất trong thế giới các người tới.[43] Cũng điên dại như thế, vào ngày cuối năm, họ sắm quần áo cũng làm bằng giấy hoa rồi đem đốt. Họ kỳ khôi tưởng rằng hàng mã này sẽ hóa thành áo mới, vải đẹp để dùng trong năm mới. Vì thế chúng tôi đã công khai công kích dị đoan và chế giễu tập quán kỳ dị này rằng : họ dám gửi cho cha mẹ những áo giấy mà kẻ nghèo nàn nhất cũng chẳng thèm mặc. Họ nói những đồ vàng mã đó sẽ hóa trong lửa, (đúng lắm chúng tôi đáp), một phần chúng hóa ra tro và một phần ra lửa : các người muốn gửi phần nào, tro hay lửa ? Nếu là tro thì cha mẹ sẽ bị rét run, nếu là lửa thì cha mẹ bị thiêu trong áo nóng hổi. Nhưng để nói lên sự thật, các người gửi áo lửa, để thêm vào ngọn lửa các ngài chịu trong hỏa ngục bởi đã dạy các người những mê tín điên dại này. Tốt hơn hết (trong trường hợp linh hồn cha mẹ chịu đền tội trong lửa luyện ngục và sắp được cứu rỗi) là rộng rãi phát áo cho kẻ cùng khổ để họ che thân và Thiên Chúa nhận việc bác ái làm vì lòng mến Người, Người sẽ cho hóa thành việc giảm bớt hình phạt cha mẹ các người chịu. Lời lẽ này có hiệu lực đối với tâm trí không những giáo dân mà cả

mấy lương dân, làm cho người cùng khổ được hưởng. Đến nỗi có một người trong bọn người nghèo đã thú nhận được của bố thí trong một năm tới hai mươi tám cái áo, người ta dặn chia cho người nghèo khổ khác.

Lại còn việc (thực ra là một thứ đạo đức trá hình bên ngoài khá đẹp), người ta săn sóc và tin mê tín dị đoan không những giúp hồn cha mẹ mà cả những người không có con cái hay họ hàng gần, như bị bỏ rơi không ai cứu giúp gọi là *cô hồn*. Người Đàng Ngoài có tục, vào tháng sáu âm lịch, theo lịch của ta cũng vào chừng tháng sáu, đốt áo hoa, họ cho rằng (trong thuyết luân hồi bịa đặt ra) những áo này có thể cho người nghèo bị bỏ rơi dùng. Hơn nữa, có một tục ngộ nghĩnh để giúp các cô hồn bơ vơ : trong lớp học, học sinh mỗi tháng hai lần, ngày mồng một và ngày rằm, họp nhau rảo trong thành xin tiền để mua gạo nấu cháo. Sau khi ăn một ít còn thì đổ trên mái nhà, cho rằng những hồn lang thang đó về dùng. Rồi dựng một bàn thờ nhỏ trong lớp và đến cầu khấn các cô hồn xin cho có trí sáng để học và trở nên thông minh.

Ngoài những nghi lễ và mê tín chúng tôi nói tới đây, còn có những người quyền quí làm riêng những việc rất tốn phí tương tự như những việc thông thường nơi dân chúng. Khi một người có quyền thế và giàu có qua đời thì những người thừa kế dựng một lâu đài ở giữa đồng ruộng bằng vật liệu sơ sài và có thể thiêu đốt dễ dàng được, tất cả đều được trang trí và vẽ nhiều hình tượng, họ làm bàn ghế, giường, tủ và những đồ vật thường dùng trong nhà cùng những hình nổi cũng bằng vật liệu nhẹ nhõm như voi, ngựa, chó, mèo và các gia súc khác. Họ tiêu một số tiền rất lớn, vì những tượng hình này giá từ mười tới mười hai êcu và tất cả số vàng mã này thường lên tới hơn một nghìn êcu, thế rồi (và đây là điều đáng chế nhạo hay phẫn nộ) họ đem thiêu đốt hết. Bởi vì sau một bữa tiệc long trọng có mời nhạc công và người thổi sáo, các sư sãi và thày pháp, thì người thừa kế đem tất cả hàng

mã này châm lửa đốt.[44] Họ quá tin nhảm nhí và khó mà gột rửa cho khỏi tâm trí người cao sang cũng như kẻ nghèo hèn điều dị đoan làm cho họ tin rằng hồn người quá cố sẽ nhận được tất cả những đồ vật còn nguyên vẹn ở cái thế giới mới mà họ tới.

CHƯƠNG 26.

NGÀY ĐẢN NHẬT
CHÚA ĐÀNG NGOÀI MỪNG THẾ NÀO

Trước ngày sinh của chúa, từ hết các tỉnh thuộc lãnh thổ chúa, người ta đem tới phẩm vật để bày trên rất nhiều bàn đặt trong phủ và sửa soạn bữa tiệc linh đình chúa thiết đãi hết các tướng lãnh và quân binh bảo vệ ngài. Dĩ nhiên họ thắng nhưng phục chỉnh tề, mặc áo mới để theo tục lệ làm lễ thề trung thành với chúa.

Nghi lễ chính làm vào chính ngày sinh, lễ này dựa vào một sai lầm thông thường trong triết học của người Đàng Ngoài. Họ cho rằng mỗi người, ngoài ba thần trí họ có gọi là *ba hồn*, những hồn này hoạt động lộn xộn trong thân xác chúng ở, lại còn bảy tinh thần cũng ở trong thể xác, nhưng họ không chỉ định sự phụ thuộc của mỗi tinh thần ấy thế nào, như chúng ta phân biệt giác hồn và súc sinh hồn, cũng không đặt tên cho mỗi tinh thần đó, chỉ gọi chung là *bảy vía*. Thế nên khi một người nào bất ngờ bị một cơn sợ hãi do một tai nạn đột khởi thì họ nói là mất vía. Mà phái nữ thường hay sợ hơn phái nam, và hay mất nhiều hơn, nên họ gán cho những *chín vía*. Thực ra còn một lý do khác để họ đặt cho phái nữ một số vía nhiều hơn, được bảo tồn lâu dài, vì thường thường đàn bà sống lâu hơn đàn ông và các bà già sống lâu hơn các ông già.

Còn về chúa, người ta mơ màng tin tưởng rằng mỗi năm tới ngày sinh, ngài nhận được một vía mới, thay

thế cho vía đã yếu nhược hay suy tàn vì việc trị nước suốt trong năm qua. Thế là vào tang tảng sáng, trước khi mặt trời mọc, có một cỗ xe của chúa đi ra khỏi kinh thành, xe không người, có rất nhiều quân binh võ trang tháp tùng và nhiều dân đi theo. Tới một cánh đồng rộng và đẹp có nhiều cây cối và cành lá tươi xanh, thì xe dừng lại ở giữa, trong khi đó quân binh và dân chúng rảo khắp vùng lân cận hái thật nhiều hoa nở trong mùa và chặt những cành đẹp, những chùm lá xanh tươi để kết hoa cho ngai chúa, trang trí cỗ xe bằng hoa lá. Sau đó đánh xe trở về theo hàng lối và long trọng như khi chiến thắng trở về vì họ tưởng tượng rằng vía mới của chúa ngự trên ngai để cho họ cúng tế. Khi xe vào kinh thành cách uy nghi thì đồng thời chúa cũng ra khỏi phủ ngự trên một xe danh dự khác, có hết các hoàng gia trong phủ, các tướng lãnh và quân binh cận vệ tháp tùng để đón tiếp vía tưởng tượng đưa từ miền quê tới. Gặp cỗ xe chúng tôi đã nói, kết hoa lá, thì chúa nhảy lên hôn hít những cành lá bao phủ, rồi sau khi tỏ ra đón tiếp rất nồng hậu con ma tưởng tượng, như thể được vía mới, chúa rất vui sướng và đắc thắng lên cỗ xe đã đưa chúa ra để trở về phủ. Toàn dân theo sau lớn tiếng reo hò mừng rỡ. Ở đây hết các hoàng tử và tướng lãnh, quì gối trước mặt chúa, nhân dịp chúa vừa nhận được vía mới, tỏ lòng cung kính và vâng phục, trong khi đó quân binh và dân chúng đã đi theo lại tiếp tục lớn tiếng hoan hô *vạn tuế* cùng những lời hoan hỉ vang khắp phủ. Nghi lễ kết thúc bằng một bữa tiệc trọng thể như yến tiệc nhà vua, không những các hoàng tử, các quan chính yếu trong phủ và tướng lãnh được dự mà cả quân binh nữa.

CHƯƠNG 27.
VỀ MỘT ÍT DỊ ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐÀNG NGOÀI

Để hiểu một trong những dị đoan chung còn thịnh hành nơi người Đàng Ngoài, đúng hơn, nơi tất cả người nước Annam, thì phải biết họ chia ngày làm mười hai giờ, mỗi giờ của họ bằng hai giờ của ta. Mười hai giờ có mười hai biểu hiệu. Mười hai tháng trong năm cũng có mười hai biểu hiệu như thế. Cũng theo những biểu hiệu này, mỗi ngày trong năm luân chuyển qua một vòng và mỗi năm trong thế kỷ. Họ ghép những biểu hiệu đó với mười ký hiệu khác[45] làm thành một vòng sáu mươi năm, cuối cùng lại bắt đầu trở lại. Nhưng trong cách nhận định toán học đó, có điều vướng trở tâm trí họ và thường làm cho họ sợ sệt (bởi vì họ rất tò mò) là khi họ biết rõ rệt giờ sinh và theo dấu hiệu nào họ đã sinh ra thì họ tưởng rằng sự rủi ro tiền định của họ đều tùy thuộc tất cả vào số tử vi, hoặc *năm, tháng, ngày và giờ* nữa. Thế cho nên họ không dám khởi công làm một việc gì quan trọng trong năm, tháng, ngày, giờ theo cách tính toán học của họ đã được xếp đặt và lệ thuộc vào dấu hiệu đó làm cho họ sợ gặp rủi ro trong công việc đã trù liệu. Tuy kinh nghiệm là mẹ chân lý thỉnh thoảng đã dạy họ biết rằng cho dù có tinh tú và số tử vi, họ có thể tránh được bất hạnh mà thời gian và giờ không may làm cho họ sợ. Hẳn họ cũng thấy thí dụ đáng ghi nhớ xảy ra cho chúa Đàng Trong, bị đạo binh chúa Đàng Ngoài tấn công. Chúa Đàng Ngoài đã chọc thủng biên giới, lúc đó có các nhà toán học cùng đi với ngài và theo ngài. Họ cho ngài xem trong đồng hồ chiêm tinh thấy giờ phải sửa soạn xông đánh quân địch là một giờ nguy hiểm vì có dấu hiệu rủi ro. Nhưng chúa hoặc vì bực mình hoặc vì khinh thường những nhận định mơ hồ, liền lấy chân đạp đồng hồ và phán : thật vậy à, như

thế ta sẽ thấy quân địch xông vào lãnh thổ ta mà ta khoanh tay không dám đẩy lui sao, như thể ta bó tay chịu tai họa lớn lao mất nước và kẻ ngoại lai xâm chiếm ư ? Rồi quay về phía quân sĩ đang chờ quyết định và mệnh lệnh, ngài cao giọng quả quyết phán : Gắng lên, gắng lên, bớ quân sĩ, hãy cầm võ khí, vì là giờ tốt bênh vực chính nghĩa và sẽ là một giờ may mắn cho chúng ta và rủi ro cho quân địch, nếu chúng ta đuổi họ ra khỏi lãnh thổ ta và bắt chúng bỏ chạy. Thế là chúa cũng đứng lên với quân sĩ chống lại địch đã khá vào sâu trong lãnh địa và sau khi nâng đỡ cố gắng của quân sĩ, chúa quyết định xông đánh và cuối cùng bắt địch phải rút lui. Thế mà chính lại là giờ mà người Đàng Trong (cũng tin dị đoan như người Đàng Ngoài) được coi như giờ rủi ro, nhưng lại thành giờ may mắn.

Vì tin dị đoan mà họ còn giữ một số điều ngộ nghĩnh khác tỏ ra trí óc họ còn yếu và ảo tưởng còn mạnh, làm cho ma quỉ, khốn thay, được vui thích. Đó là điều thường làm cho họ rất mực áy náy trong những việc tốt và khẩn cấp mà họ nắm trong tay. Nếu buổi sáng lúc ra khỏi nhà để làm việc gì tốt và hệ trọng tới kết quả của công ăn việc làm mà *gặp đàn bà* chứ không phải đàn ông, thì họ trở về và rầu rĩ ngồi ở nhà, vì cho rằng việc này (nếu cứ tiếp tục) sẽ hỏng, cho dù họ biết rằng nếu bỏ thì sẽ mất. Cũng vậy, khi ra khỏi nhà, bất cứ vào giờ nào, nếu họ hắt hơi hoặc người nào họ gặp khi vừa ra khỏi nhà, thì họ không dám tiếp tục đi, nhưng đành trở về nhà, vì sợ có tai họa xảy ra cho họ nếu họ cứ tiến hành và đi tới nơi họ đã định. Họ còn rất nhiều kiêng ky dị đoan lương dân rất tin theo. Trái lại hết những người bỏ đạo huyền hoặc và những dị đoan điên dại, họ được giải thoát (như đã có rất nhiều người và mỗi ngày mỗi thêm), những người này tin theo và thờ Thiên Chúa thật, họ công nhận những chân lý của đạo Kitô và những sai trái cùng vô lý của lầm lạc.

CHƯƠNG 28.

NGƯỜI ĐÀNG NGOÀI LÀM LỄ CƯỚI THẾ NÀO

Chế độ đa thê vẫn còn là thông lệ ở nước này, nơi những kẻ quyền quí và không ai bị truy tố hay bị trừng phạt nếu lấy vợ bé; hoặc giữ vợ cả như những người có thế giá thường làm, hoặc bỏ vợ cả như thỉnh thoảng xảy ra nơi dân chúng. Dẫu sao về hôn nhân, tất cả thường theo cách thức như sau :

Cha mẹ đôi bên bắt đầu đề cập tới khế ước hôn nhân, ngay khi con cái còn nhỏ dại và còn ít tuổi, mặc dầu thủ tục đầu tiên luôn luôn bắt đầu từ bên nhà trai. Họ muốn làm thông gia với một gia đình khác cùng ngang hàng với mình, thì họ nhờ một đệ tam nhân đến hỏi bên nhà gái xem có bằng lòng gả con gái cho con trai mình không. Nếu bằng lòng thì bên nhà trai sẵn sàng chính thức đề cập tới. Họ đến nhà gái mang theo phẩm vật và tiền cưới tùy theo gia cảnh. Khi đã nhận sính lễ thì sự hứa hôn được công nhận và kể là có thỏa thuận để ăn hỏi, từ lúc này hai bên không được tự ý từ chối trừ khi có lý do quan trọng. Nhưng người bố vợ tương lai có thể tìm hiểu phong cách và giá trị tinh thần và thân thế người rể tương lai, ông đòi người rể tương lai đó vừa tới tuổi trưởng thành phải đến ở *nhà mình*. Ông giao cho công việc làm để thử, việc nhà cũng như việc ở ngoài. Nếu trong cuộc thử này, ông thấy có tính nết xấu, không có giáo dục, lười biếng và không biết cách quán xuyến thu xếp công việc nhà thì bấy giờ theo lương tri và thông tục cho phép, ông trả lại nhà trai cùng với tiền bạc đã nhận trước đây. Còn trái lại nếu ông hài lòng thì sau cuộc thử này ông giữ lại một hay hai năm hoặc lâu hơn, nếu con gái chưa tới tuổi lấy chồng. Sau đó mới tiến hành lễ hôn nhân như sau.

Trước hết phải *thông báo* cho cả họ hàng bên nhà trai cũng như bên nhà gái để xem có cản trở về họ máu do luật nước cấm. Vì con của hai anh em các cháu ở cấp nào tuy xa cũng không bao giờ được lấy nhau. Các cháu của anh em trai và chị em gái thuộc ba đời thì có thể lấy nhau, nhưng trong hai đời thì không được. Còn con của hai chị em gái có thể lấy nhau tuy mới có hai đời. Khi đã báo tin cưới cho tất cả họ hàng gần (những người này không quên gửi quà tới cho buổi lễ thêm phần long trọng) thì cũng phải đưa tin cho quan cai trị và những vị kỳ hào nơi mình ở, cũng mời họ đến dự tiệc cưới làm một ngày đã chỉ định. Việc thông tin công cộng này thay cho việc thông báo chính thức và là việc rất cần thiết vì nếu bỏ thì coi như không có phép cưới và không chính thức thành phép, có khi còn bị pháp luật và tục lệ trong nước trừng phạt như thể làm trộm vụng. Thế nên có thể biết rằng những hôn nhân trộm vụng đều bị truy tố, ngay cả nơi lương dân, chỉ theo ánh sáng tự nhiên.

Xong các việc này rồi thì chú rể vì phải chịu *tiền cưới* xin cho cô dâu nên đem số hai bên đã thỏa thuận đến nhà gái. Nhà gái không được giữ cho mình nhưng phải dùng tất cả vào việc sắm sửa áo quần và đồ dùng cho cô dâu, tuy không bó buộc phải tiêu pha gì thêm nữa. Dẫu sao để cho phải phép lịch sự thì ông bố thường cho con gái thêm tùy gia cảnh để con đem theo về nhà chồng. Vì thực ra để sắm sửa thì đã dùng một phần ở tiền cưới đã đem tới từ hôm trước với nghi thức long trọng và cảnh trí tưng bừng, có những người thế giá nhất đến dự, nếu đôi tân hôn thuộc dòng họ sang giàu. Còn nếu là thường dân thì tất cả làm trong ngày cô dâu được *đón về* nhà chú rể do quan tỉnh cùng với họ hàng và số đông người đi theo.

Tất cả đoàn thể rước dâu về nhà trai, đứng vây quanh *bàn thờ tổ tiên* dựng ở phòng tiệc có hương hoa thơm phức. Ở đây bố chồng (hay người chú bác nếu bố chết) quì trước bàn thờ và cô dâu chú rể quì hai bên,

ông thưa với tổ tiên mà ông tôn thờ linh thần kể như có mặt trên bàn thờ, tương tự như sau : "Thưa thân phụ rất đáng kính, hôm nay cháu trai cưới cháu gái Mỗ... này và chính thức nhận làm bạn trăm năm, xin chứng kiến cho các cháu và phù hộ cho các cháu được hạnh phúc, sống lâu hòa hợp, được khang cường, hoan lạc và thịnh vượng, xin cho các cháu sinh con xinh đẹp, khỏe mạnh, ngoan ngoãn và đức hạnh làm cho cha mẹ vui mừng và sung sướng. Để tỏ niềm vui trong dịp cưới xin này, chúng con sửa mâm cỗ xin mời song thân trước hết làm gia chủ chứng kiến cho và xin phù hộ trước hết cho hai cháu tân hôn". Khấn xong là vào tiệc và hôn nhân chính thức thành và bền chặt, nhất là về phía người vợ, không bao giờ được bỏ nhà hay bỏ chồng, mặc dầu người chồng, vì một tệ lạm không thể dung thứ được đã chen lấn nơi người nước này, họ giữ quyền được bỏ vợ vì một nết xấu vô danh nào đó hoặc vì thay lòng đổi dạ hay chán ghét.

Điều này ít thấy nơi dân nghèo khó, vì nơi kẻ quyền thế, họ thường lấy nhiều vợ, thế nên khá ít người bỏ vợ khi có bất hòa hay vì thay lòng đổi dạ; thực ra theo luật nước này thì cấm người đàn bà có chồng không được lấy chồng khác. Ở nghi lễ làm trong dịp cưới xin này, không thấy tỏ sự hai bên ưng thuận : dẫu sao, sự im lặng và tư thế ngồi cạnh người cha khấn vái cho họ và lời tuyên bố sự phối hợp của họ, là những bằng chứng đầy đủ về sự đôi bên thỏa thuận và lời lẽ họ trao đổi cho nhau : họ biểu lộ bằng cách thức đó, theo thông tục và tập quán trong xứ.

Ở đây tôi thêm một điều đặc biệt làm cho ta tưởng đức tin đạo Kitô đã gia nhập nước Đàng Ngoài này. Đó là khi một *trẻ vừa lọt lòng mẹ* thì người ta dùng mực hay phẩm hồng vạch hình thập tự trên trán : lần đầu tiên tôi thấy vẽ trên trán đứa bé, tôi đã hỏi cha mẹ vì cớ nào họ làm như vậy. Họ trả lời là để cho ma quỉ (thù địch của đứa bé) không làm hại trẻ hay gây tai họa cho đứa bé. Tôi gạn hỏi thêm xem họ biết tại sao

hình đó có phép trừ tà ma thì họ không thể đáp gì hơn là họ giữ một tục lệ có từ lâu đời mọi người trong nước này đều làm. Đây là một dấu hiệu khá hiển nhiên tỏ ra niềm tin vào đức Kitô xưa kia đã được rao giảng cho họ và ơn cứu rỗi bởi cây giá họ đã nhận được mà ngày nay họ còn kính cẩn giữ lại dấu hiệu. Chúng ta tin vào Thiên Chúa nhân từ, rồi đây sẽ để cho dấu hiệu vạch trên trán đó chuyển qua tâm hồn hết mọi lương dân.

CHƯƠNG 29.

VỀ NHỮNG TỤC LỆ NGƯỜI ĐẠNG NGOÀI GIỮ VÀO CUỐI NĂM VÀ ĐẦU NĂM VÀ VỀ MẤY DỊ ĐOAN KHÁC

Có một tục lệ lâu đời nhưng kỳ dị còn giữ ở khắp xứ Đàng Ngoài, đó là những người già, cả nam cả nữ, vào cuối năm, họ sợ sệt trốn trong chùa như một nơi trú ẩn để tránh thế lực tà ma họ gọi là *Võ Tuấn*.[46] Họ cho rằng việc của vị này là sát hại và bóp cổ hết những người già nua tuổi tác thuộc cả hai giới. Do đó những kẻ khốn đốn này trong ba hay bốn ngày cuối năm, họ đến trú trong nội địa chùa chiền, đêm ngày không dám ra cho mãi tới ngày mồng một Tết mới trở về nhà, vì cho rằng quyền lực của tà ma hãm hại và là thù địch của người già đã chấm dứt. Đó là điều còn xảy ra vào cuối năm nơi người già cả.

Còn những người khác có phận sự trong nhà như gia trưởng thì vào cuối năm họ có thói dựng gần cửa nhà *một cột dài* vượt quá mái nhà,[47] trên ngọn treo một cái giỏ hay một túi đục thủng nhiều lỗ và đựng đầy thứ tiền bằng giấy vàng giấy bạc. Họ điên dại tưởng tượng là cha mẹ họ mất, vào cuối năm có thể bị túng thiếu và cần đến vàng hay bạc để trả nợ. Cũng còn một tục lệ khác là không một ai, từ người giàu

sang tới kẻ nghèo khổ, khất *nợ* quá hạn năm mà họ đã vay mượn, trừ trường hợp không thể trả nổi mà thôi. Thật là đáng khen nếu họ làm không phải vì mê tín dị đoan như họ thường làm, vì sợ chủ nợ bực mình nên đem lời khiển trách động tới tổ tiên và tổ tiên oán thán con cháu và kẻ thừa kế. Họ rất sợ bởi vì nếu ai bị tố cáo và bị tòa chứng nhận đã xúc phạm tới danh dự người khác vì lăng nhục chạm tới tổ tiên, thì người đó bị quan tòa trừng phạt cũng nghiêm khắc như phạm một tội trọng. Họ còn lo trả nợ trước cuối năm vì một lý do mê tín, họ sợ chủ nợ ngày mồng một Tết, đến đòi nợ, dĩ nhiên là bắt họ trong ngày đó phải xuất tiền của ra trả và họ cho là một việc rất bực tai hại và là một điềm dữ.

Trong tất cả những dị đoan thông dụng nhất và họ khó vứt bỏ, đó là sự tin các thần trong nhà gọi là *tiên sư*, nghĩa là những thày cũ. Vì không nhà nào mà ở ngay cửa ra vào không có một bàn thờ nhỏ kính *tiên sư*. Hàng ngày họ cúng tế thắp hương nhang tốt xấu tùy theo gia cảnh, sáng khi thức dậy và chiều trước khi đi ngủ, họ đều cúng lễ. Cũng vậy những người làm nghề thủ công, thày lang, ngành văn hay ngành võ cũng đều khấn vái xin các thần phù hộ. Nhờ các tiên sư mà họ có công ăn việc làm và sự khôn khéo trong ngành nghề hay chức vụ. Ngay cả đến kẻ trộm cướp cũng có thần bảo hộ và theo cách thức của họ, họ cũng tôn thờ các tiên sư của họ, và dị đoan này ăn sâu vào tâm khảm làm thành một cản trở cho việc trở lại đạo.

Có một lương y tôi được may mắn ông chữa khỏi bệnh và để tỏ lòng biết ơn, tôi muốn giúp ông. Tôi đã cẩn thận thuyết phục ông cho ông thấy đạo giả trá của ông mà bỏ đi. Tôi đã thành công vì ông sẵn sàng chịu phép rửa tội và gạt hết các mê tín dị đoan khác. Thế nhưng khi đặt vấn đề phá bàn thờ *tiên sư* thì ông không thể chấp nhận được. Thế là ông ngoan cố giữ và chết khốn khổ trong sai lầm. Cũng xảy ra cho một tướng lãnh có thế giá và làm quan cai trị một tỉnh, ông đã thọ bát

tuần. Tôi đã khuyên dụ ông tin theo. Tôi đã mặc áo dòng trắng, sắp sửa rửa tội cho ông, còn ông, ông nhất quyết bỏ hết các mê tín dị đoan mà đạo ta lên án, trừ *tiên sư* ông xin giữ không phải vì xác tín, ông nói, nhưng vì các quân sĩ. Thế là tôi không dám rửa tội cho ông. Có thể Thiên Chúa sẽ ban cho ông ơn nhận biết Người và thắng được khó khăn này.

Tôi sẽ thêm ở đây (về cứu cánh độc hại nhất và chung cho tất cả) một dị đoan điên dại nhất phổ thông nơi dân xứ này. Trong mỗi thành phố hoặc mỗi thôn xã, đều có một đền lớn gọi là *đình* thờ tà ma hay thành hoàng, nơi đây các kỳ hào hội nhau bàn việc chung trong thôn xã và chỉ muốn làm trước mặt và dưới sự che chở của vị thần. Mỗi năm để tôn vị thành hoàng thì họ tổ chức lễ lạc công cộng, có ca hát múa nhảy và tiệc tùng trong một hay hai tháng vì họ cho rằng tất cả sự thịnh vượng làm ăn, sự phì nhiêu của ruộng đồng và sức khỏe của dân làng và súc vật đều phụ thuộc vào vị thành hoàng. Nhưng sự chọn thành hoàng hay vua dị đoan này thì được thực hiện do một nguyên nhân rất kỳ dị rất điên rồ và bỉ ổi. Vì nếu có đứa trộm cướp trứ danh nào hay một kẻ trọng tội nào bị quan tòa hành hình ngoài thành và nếu vì tai nạn hay mưu mô ma quỉ mà có con bò, con trâu hay con heo nào bị ngã hay chết ở chỗ đó, ngay cạnh thi hài hay trên mộ phạm nhân thì người ta đổ thổi là tội nhân qua con vật ngẫu nhiên được họ nhận, từ nay sẽ được coi như vị thành hoàng. Hơn nữa (có thể chỉ là hiệu quả của một chuyển dịch mê tín và một ảo tưởng hoàn toàn của tà ma) nếu có con vật nào hay một người nào nhỡ chân té ngã bên cạnh con chó dại bị đuổi và bị giết ở ngoài thành thì con chó thối thây này được họ nhận làm thành hoàng và được cúng lễ như cúng lễ thần thánh.

Còn có một chuyện rất phổ biến trong nước. Có một con vua Tàu vì sống quá bê tha nên vua cha bắt ném cho chết đuối dưới biển, nhưng thi hài nổi lên và

trôi giạt vào một cửa biển Đàng Ngoài. Ở đây có người dân sở tại bị tai nạn xảy ra cạnh thi hài người con gái này. Dân làng không những đem chôn cất mà còn dâng kính cửa biển như dâng kính một nữ thần bảo hộ và ngày nay đặt tên cửa biển đó là *cửa chúa* nghĩa là cửa biển bà chúa. Từ nơi này chuyện dị đoan đã lan tràn khắp nước Annam, đến nỗi không có một cửa nhỏ ở suốt dọc bờ biển mà không có một đền dâng kính người con gái bê tha đó. Hết các thương gia và thủy thủ đều đến cúng lễ cho nữ hải thần và vị ngự trị các biển. Một ngày kia Thiên Chúa sẽ cho thấy, như chúng tôi hy vọng, những đền ngoại đạo thờ bà chúa lăng loàn đáng phỉ nhổ này, được dâng kính đức Trinh nữ Nữ Vương thiên quốc, ngôi sao biển đích thực, đấng chỉ đạo và phù hộ cứu vớt người trần.

CHƯƠNG 30.

VỀ CUNG GIỌNG VÀ DẤU TRONG TIẾNG NÓI THÔNG DỤNG NƯỚC ANNAM

Mặc dầu tiếng nói thường dân ngày nay phổ thông khắp nước Annam khác với tiếng Tàu, thế nhưng cũng đọc với những cung giọng không quá khác với cung giọng tiếng Tàu.[48] Tiếng Tàu chỉ có năm giọng nói, còn tiếng Annam thì có những sáu, rất đáp ứng với những dấu nhạc của ta, làm cho các tiếng đều khác nhau về nghĩa, đến nỗi không có tiếng nào mà không ghi thêm một trong sáu dấu là như hồn và đặc tính ý nghĩa của tiếng. Những dấu hay thanh thì không ghi trong chữ viết của họ, nhưng chỉ phô diễn trong giọng nói mà thôi : điều này làm cho chúng tôi rất khó hiểu sách vở của họ. Thế nhưng chúng tôi đã nghĩ cách ghi các giọng khác nhau đó bằng tất cả cách viết của chúng ta, làm cho chúng ta học biết sự khác biệt trong cung giọng, để hiểu ý nghĩa.

Thanh thứ nhất là thanh trầm,[49] hạ giọng để đọc, như ta hát giọng trầm trong ca nhạc và chúng tôi ghi dấu huyền của người Hy Lạp, thí dụ *dò* có nghĩa là cái bẫy. Thanh thứ hai là thanh hầu như trầm hoặc gần như trầm, phải có chút cố gắng để đọc, như phát ra từ lồng ngực và chúng tôi ghi bằng một cái chấm dưới nguyên âm theo cách người Hy Lạp đặt chữ iota, thí dụ *rẹ*, có nghĩa là rễ cây. Thanh thứ ba là thanh uốn trầm, uốn giọng mà đọc và có một chút cố gắng ở ngực, và chúng tôi ghi bằng dấu uốn của người Hy Lạp, thí dụ *mĩ* là tên một gia đình quí tộc trong xứ. Thanh thứ tư là thanh bằng đọc mà không cần cung giọng thí dụ *fa* hay đúng hơn *pha* có nghĩa là trộn, vì trong tiếng này không có chữ F bật hơi. Thanh thứ năm là thanh uốn nhưng dịu hơn, đọc như thể chúng ta đặt câu hỏi và chúng tôi cũng ghi bằng dấu hỏi của người Latinh, thí dụ *sổ* có nghĩa là danh mục, quyển ghi chép. Thanh thứ sáu là thanh sắc, đọc với giọng bẳn gắt như thể người nào nói khi giận dữ, và chúng tôi ghi bằng dấu sắc của người Hy Lạp, thí dụ *lá* có nghĩa là lá cây. Như vậy sáu thanh (như tôi đã nói) có thể đáp ứng với sáu nốt nhạc của ta *dò*, *rẹ*, *mĩ*, *pha*, *sổ*, *lá*.[50]

Có một điều rất khó trong ngôn ngữ của họ đối với những người muốn học, đó là tất cả sự khác biệt về thanh và giọng đều ở trong một tiếng hay một vần, gây thành nhiều khác biệt về nghĩa, thí dụ tiếng *ba* đọc với thanh trầm thì có nghĩa là *bà* có nghĩa là bà : bà nội, ngoại; nếu đọc với thanh gần như trầm thì có nghĩa là *đính* hay vật bỏ đi; nếu đọc với thanh uốn trầm thì có nghĩa là cặn, chất còn lại của cây cỏ hay trái cây sau khi đã ép hết chất ngọt; nếu không có thanh và đọc bằng phẳng thì có nghĩa là con số ba; nếu đọc với thanh uốn dịu như hỏi thì có nghĩa là một cái tát, tát; nếu đọc với thanh sắc thì có nghĩa là vợ mọn của chúa. Do đó chỉ một tiếng đọc tiếp mỗi lần với những thanh khác nhau *ba*, *bà*, *bả*, *bá*, có nghĩa là

ba bà vả bá. Cũng vậy vần *ca* đọc với các giọng khác nhau thì thành bốn nghĩa khác nhau, vì với thanh trầm *cà* có nghĩa là thứ trái táo dại, với thanh bằng *ca* có nghĩa là *ca* hát, với thanh hỏi *cả* có nghĩa là lớn và với thanh sắc *cá* có nghĩa là con cá.

Vì thế những ai chưa thông thạo các thanh hoặc các dấu đó thì thường rất bực mình và dùng lẫn một nghĩa kỳ khôi hoặc hỗn xược với một nghĩa khác, như đã xảy ra khi một cha dòng chúng tôi muốn sai đầy tớ người bản xứ đi mua cá, cha nói rõ tiếng *ca* nhưng đọc với thanh trầm, đáng ra phải đọc với thanh sắc, thế là thay vì cá cha có ý bảo mua thì người đầy tớ lại đem về cho cha một thúng đầy trái táo dại (cà) và người đầy tớ thích thú xin lỗi vì lời sai bảo anh đã nhận được. Một cha khác một lần sai người ở đi đánh mấy gốc *tre*, nhưng đọc với thanh hỏi lại có nghĩa là trẻ con, chứ không đọc với thanh bằng có nghĩa là tre. Thế là tất cả lũ trẻ con đang ở trong nhà nghe thấy lời sai bảo đó liền chạy trốn hết, tưởng người ta muốn đánh đập mình. Người ta chỉ bảo chúng trở lại được sau khi cho chúng biết ý người truyền khiến và sự lầm lẫn bởi chưa biết đủ giọng nói. Vì chưa biết các dấu khác nhau này nên còn có thể xảy ra ngộ nhận ý nghĩa, muốn nói sự thánh thiện lại hóa ra nói sự tục tằn; cho nên những người rao giảng lời Thiên Chúa phải rất cẩn thận để không làm cho lời Thiên Chúa thành ngộ nghĩnh và đáng khinh bỉ trước mặt lương dân.

CHƯƠNG 31.

VỀ THAY ĐỔI TÊN GỌI NƠI NGƯỜI ĐÀNG NGOÀI

Thật là kỳ dị, người Đàng Ngoài còn theo dị đoan trong sự đặt tên và đổi tên gọi của mình. Thí dụ, nếu có đứa con nào chết, thì họ tránh không lấy tên đó đặt

cho người con khác vì sợ tà ma, họ cho là chúng đã giết đứa bé mới chết, nay nghe thấy cũng tên đó đặt cho đứa trẻ mới sinh thì lại đến giết như đã giết đứa thứ nhất. Cũng vì họ cho tà ma hay ghẹn ghét và xảo quyệt gây hết các thứ bệnh và tai họa xảy đến cho cọn cái họ, nên họ thường lấy những tên xấu xí bẩn thỉu mà đặt cho con, họ điên dại tưởng rằng với tên nhơ bẩn này họ làm cho tà ma hay hãm hại không dám động tới bản thân con cái họ, họ không biết rằng kẻ công khai ghen ghét sự lành và sức khỏe của họ, chúng không ưa thích gì ngoài những rác rưởi.

Rồi vì điên dại tưởng tượng như thế nên họ để cho bản năng tà ma đưa họ tới một thói kỳ quặc lạ thường làm người cha trở nên hung ác giết con. Nếu đứa con thứ nhất chết, theo họ tưởng, vì tà ma ghen ghét và sau đó đứa con thứ hai lại ngã bệnh vô phương cứu chữa, thì trước khi đứa bé này chết, họ đưa nó ra ngoài đồng và dùng dao hung ác chặt làm hai, tưởng làm cho tà ma sửng sốt vì hành động vô nhân đạo này và làm cho nó sợ, không còn tiếp tục hãm hại những trẻ khác sẽ sinh sau này nữa. Do đó tà ma đã làm cho họ trở nên vô nhân đạo viện lý là nhân đạo và vì họ điên dại sợ nên đã cho phép người cha tội tệ phạm tội giết con. Cũng vì thế mà ngày nay giáo dân tân tòng rất sợ, nên rất ân cần can ngăn lương dân phạm tội hung ác hoặc ít ra rửa tội để cứu linh hồn, khi thấy trẻ con lâm bệnh nặng hoặc không thể cứu sống được. Sự nhiệt thành này làm xúc động một giáo dân lành thánh tên là Antôn. Ông trao phó mọi việc nhà cho vợ để rảnh rỗi chuyên lo về việc này, không mệt nhọc rảo khắp tỉnh, không để trẻ con chết mà không được chịu phép thánh tẩy. Ông chịu khổ nhưng thành công lượm được kết quả. Trong một năm ông rửa tội được hai trăm, ông còn ẩn thận ghi tên và đem sổ về cho chúng tôi.

Còn một tục lệ khác nơi người nước này, đó là khi sinh đứa con thừa kế và nối nghiệp nhà, thì người ta

đặt tên cho con (vào đúng ngày sinh), rồi không những người cha mà cả ông nội và tất cả những người trong gia đình đều đổi tên. Thí dụ khi người con đặt tên là *Đồng* thì người cha bỏ cái tên chính của mình, dầu đẹp, dẫu đáng kính đến thế nào đi nữa, để từ nay sẽ gọi là *cha Đồng*, còn người ông nội của đứa bé thì gọi là *ông Đồng*, cũng vậy người mẹ và bà nội. Chỉ khác điều này là ông nội và bà nội thì không còn đổi tên khi có chắt. Còn người cha và người mẹ, khi con trưởng có con thì bỏ tên là cha là mẹ và lấy tên ông, bà đứa cháu. Còn bác chú cô dì, nếu chưa có con thì lấy tên cháu và gọi là *bác Đồng, cô Đồng*. Và người con thừa kế này cũng sẽ không mang tên là Đồng do cha mẹ đặt cho khi mới sinh, nếu có một em trai. Lúc đó bỏ cái tên thứ nhất và sẽ gọi là anh của người em, cho tới khi chính mình có con và lấy tên là cha của người con cả mình sinh ra.

Thực ra phải nhận ở đây là tục lệ này chỉ giữ nơi thường dân, còn về người quyền quí thì vì muốn tôn trọng mà người ta tránh không xưng chính tên của họ. Không ai dám gọi họ bằng tên đã đặt khi họ sinh ra, gọi là *tên tục*, có nghĩa là tên xấu, mà không xúc phạm đến họ và làm cho họ bực tức. Cũng vậy phải cẩn thận chớ xưng tên họ khi nói trước mặt họ hay trước mặt con cái họ, cả khi trong bài diễn văn nếu nhắc tới thì lúc đó phải dùng một chữ khác hoặc xoay trở tiếng đó để khỏi mất lòng những người này. Cũng có một tục lệ phổ thông nơi người quyền quý là khi họ chết thì con cháu, để ghi nhớ công ơn họ, đặt cho họ một tên mới có ý tâng địa vị mà họ tỏ nguyện vọng muốn trở nên người quyền quý như vương, hầu, bá, tước và tương tự, hoặc tỏ công trạng họ có hay chưa có. Và tên đó bao giờ cũng được ghi bằng chữ vàng ở tấm trướng chúng tôi đã nói ở trên, được long trọng mang trong đám tang.

Tới đây là phần tôi đã trung thành lượm được nói về tình hình tài sản vật chất, về phong tục và dị đoan

của người Đàng Ngoài làm cho chúng ta ái ngại cho một nước rất tài ba lỗi lạc và có rất nhiều kiến thức lịch thiệp và thánh thiện lại nhiễm sai lầm và bị xiềng xích khốn đốn của tà ma hung hãn. Nhưng cũng làm cho chúng ta hy vọng, ánh sáng Phúc âm và ơn đại thắng của Chúa Cứu Thế sẽ cởi bỏ hết các ảo tưởng cầm buộc tâm trí đêm ngày và phá tan mọi gông cùm giam giữ họ và sẽ chỉ dẫn cho họ nhận biết thánh danh, đức tin và vâng theo Thiên Chúa sự thật. Việc này đã được thực hiện nơi một số đông giáo dân tân tòng trở lại đạo Công giáo, như chúng tôi sẽ nói ở quyển sau.

TIMSACH.COM.VN

QUYỂN HAI

VỀ SỰ GIA NHẬP VÀ TIẾN TRIỂN CỦA ĐỨC TIN TRONG XỨ ĐANG NGOẠI

CHƯƠNG 1.

PHÚC ÂM GIA NHẬP VÀO XỨ NÀY THẾ NÀO

Cha Hienrô Rodriguez người Bồ, kinh lý Nhật Bổn và Phó kinh lý Trung Quốc thuộc dòng Tên, một nhân vật rất đạo hạnh và rất trung thực, vì có sự bất đạo gắt gao ở Nhật[1] và bắt hết các người tin theo Chúa Kitô, nên bó buộc phải rời khỏi Nagasaki nơi lâu năm ngài cai quản viện của dòng đã được thành lập ở đó. Cha cùng một số người bị cuộc bắt đạo này trục xuất khỏi Nhật, nên rút lui về Macao là một hải cảng của đế quốc Tàu thuộc tỉnh Quảng Châu, nơi vẫn có Viện chính yếu của tỉnh dòng Nhật Bản và chủng viện độc nhất của các vùng truyền giáo thuộc tỉnh dòng này. Ở đây cha nhận thấy những thiệt hại thảm thương do cuộc bắt đạo dữ dằn gây nên cho giáo đoàn Nhật Bản và các thợ lành nghề ở bên cạnh cha nay không còn phương tiện để thi thố nhiệt tình ở Nhật Bản. Họ được chỉ định ở đó để giúp đỡ giáo dân,

nhưng nay thành vô ích và trở nên thất nghiệp ở Macao. Vì thế cha nhất định phân chia họ đi những nước lân cận đang xin viện trợ, nơi ánh sáng đức tin chưa chiếu soi. Họ có thể được kết nạp đích đáng vào công việc và đem sử dụng nhiệt tình đúng chỗ.

Theo quyết định, năm 1624 cha sai cha Gabriel de Mattos người Bồ từ Rôma tới làm quản lý tỉnh dòng Nhật Bản cùng với năm cha khác đến xứ Đàng Trong (gọi tên này theo thư các cha truyền giáo ở đó), nơi hạt giống mới đức tin sửa soạn một mùa gặt vinh quang và phong phú, cho dân xứ này trở lại. Đồng thời cha cũng đề cha Julio Caesar Margico người Ý tới nước Thái Lan, một cánh đồng sẵn sàng sinh nhiều hoa trái. Ngay buổi đầu đã thấy hứa hẹn một khu đất phì nhiêu và cha can đảm hoạt động, nhưng cha đã kết thúc đời mình và công cuộc của mình do sự phản bội của mấy người chối đạo bỏ thuốc độc cho cha khi cha bị chúng nhốt trong tù. Cha kinh lý đợi hai năm sau, tức vào đầu năm 1626 mới sai cha *Juliano Baldinotti*[2] người Ý với một thầy phụ tá tên là *Juliô Piani* tới xứ Đàng Ngoài, nhân dịp có chiếc tàu của thương gia người Bồ từ Macao đi, không phải để hoạt động mà để thăm dò xứ này nổi tiếng khắp nơi và để xem có hy vọng đến rao giảng Phúc âm và đức tin Kitô giáo. Cùng với người đồng sự, cha khởi hành từ hải cảng Macao ngày mồng 2 tháng 2 lễ Nến kính Đức Mẹ, điềm tốt về ánh sáng đẹp của đức tin đem tới xứ tối tăm ngoại đạo. Cha may mắn xuống tàu người Bồ và nhờ thuận buồm xuôi gió,[3] tàu đã đưa cha tới bến Đàng Ngoài. Được tin tàu cập bến, chúa rất hài lòng, vì ngài đang muốn thông thương với người Bồ trong nước ngài. Ngài liền ra lệnh cho các tướng lãnh khắp nơi đón tiếp nồng hậu. Chính ngài rất niềm nở và săn sóc bằng mọi thứ tỏ tình quí mến khi họ tới. Ngài còn sợ chỗ ở luộm thuộm trong chốn kinh thành quá đông người và sợ xảy ra hỏa hoạn vì nhà thường làm bằng gỗ, nếu có kẻ ma quái châm lửa đốt nhà. Ngài truyền dựng ở miền ngoại ô rất rộng một nhà để

cho họ ở và giữ các thương gia. Ngày đêm cho một đội quân binh canh gác để được an toàn.

Sau những săn sóc đầu tiên và những tỏ tình đặc biệt của chúa thì hai bên theo thông tục, trao đổi phẩm vật quí cho nhau. Thuyền trưởng người Bồ dâng tiến trước những phẩm vật rất được chúa ưa thích về hai quyến rũ, giàu sang và hiếm có. Còn chúa, chúa cũng đáp lễ ngay và ban đổi dào đến nỗi đủ phần phân chia cho mọi người tháp tùng. Cha Baldinotti trong dịp này cũng không quên tiến chúa phẩm vật, tuy đơn sơ và là đồ thuộc về tôn giáo, nhưng chúa rất vui lòng vì mới lạ và chưa bao giờ thấy. Dẫu sao, cha cũng chưa có khả năng dâng ngài kho tàng quí báu Phúc âm vì chưa thông thạo ngôn ngữ và cũng chưa có người thông dịch để giải thích các mầu nhiệm. Tuy nhiên, sự im lặng và phong cách từ tốn trang trọng của cha cũng đủ cho chúa và các quan triều thần nhận ra có một cái gì lạ lùng và cao cả hơn sự thông thường ẩn nấp dưới bề ngoài khiêm nhượng cua chiếc áo nghèo nàn trên người cha. Trước mặt cả triều thần người Bồ tỏ ra trọng kính cha và tư cách đó không ít làm cho người ta càng quí mến cha. Chúa nhận thấy viên thuyền trưởng ăn mặc sang trọng lộng lẫy và toàn thể người Bồ tháp tùng y phục đẹp đẽ, đều tôn trọng cha, cha ăn mặc rất xuềnh xoàng. Họ kính nể và nhường bước cho cha đi trước, vì thế dư luận cho cha một cái gì hơn cái bề ngoài của cha. Thế là chúa bắt đầu trọng kính cha và từ đó thường cho một thày *sãi* là một trong những chư tăng chính yếu của giáo phái chúa tin theo và chúa coi như bậc tôn sư, đến thăm cha. Với vị này cha Giuliano tỏ tình rất thân thiết và hai bên cố gắng tìm cách thông giao với nhau. Cha hy vọng vào tính tình ngay thật của thày *sãi*, để đưa thầy vào niềm tin đích thực (thày có thể là một phương tiện rất thuận lợi để vun trồng đức tin trong xứ này), nếu cha thông thạo ngôn ngữ Đàng Ngoài hoặc có người thông ngôn để rao giảng và dạy dỗ những chân lý đạo ta.

'77

CHƯƠNG 2.

CÁC THỢ PHÚC ÂM ĐƯỢC GỌI TỪ ĐÀNG TRONG TỚI ĐÀNG NGOÀI THẾ NÀO

Trong thời gian cha Giulianô cư trú ở Đàng Ngoài cha cẩn thận xem xét thấy người Đàng Ngoài có tính tình cởi mở và dễ bảo. Như cha xét đoán, phong tục người Đàng Ngoài cho phép và nhận chân lý đạo Kitô, nếu có người giảng cho họ bằng tiếng của họ, và cũng không nên trì hoãn vì là việc quan trọng có hệ tới sự cứu rỗi đời đời của biết bao tâm hồn. Cha biết rằng từ ít lâu nay có một số các cha đã tới Đàng Trong để giảng cho người xứ đó biết đức tin. Cha cũng quyết đoán rằng các cha đã có thể nghe và nói ngôn ngữ xứ này, thứ ngôn ngữ không khác tiếng nói ở xứ Đàng Ngoài. Thế là cha quyết định xin cho được một người từ khu truyền giáo Đàng Trong biệt phái tới gieo hạt giống đầu tiên Phúc âm trên đất Đàng Ngoài. Tất nhiên cha không phải không biết có sự thù địch giữa hai chúa làm cho việc di chuyển các cha từ Đàng Trong ra Đàng Ngoài thêm khó khăn. Cha còn ngại nếu chúa Đàng Ngoài biết có sự trao đổi thư tín của chúng ta từ xứ này qua xứ kia thì ngài đâm nghi ngờ sợ có mưu cơ bí mật nào giữa chúng ta và chúa Đàng Trong mà ngài biết từ lâu năm đã liên kết với người Bồ.[4] Sau khi đã sốt sắng trao phó sự thành công trong việc này cho Thiên Chúa thì cha hết sức giữ bí mật sai một sứ giả và hứa trả công rất hậu, đem thư viết cho cha Gabriel de Mattos lúc này giữ chức vụ kinh lý Đàng Trong. Cha cho biết trong khắp xứ Đàng Ngoài người ta rất sẵn sàng nhận hạt giống Đức tin nếu được những thợ thông hiểu ngôn ngữ họ đến gieo và làm thửa ruộng đẹp đẽ, lại kèm theo những ý hướng tốt lành nhận thấy nơi chúa và những vị quan chức chính yếu trong xứ để công nhận hoạt động của chúng ta và thừa hành chức vụ tôn giáo của ta. Vì thiết tha với vinh quang Thiên Chúa và sự cứu rỗi

biết bao linh hồn mà cha khẩn khoản sắp xếp cho công việc này một cha nào trong chúng ta đang ở trong trú sở truyền giáo Đàng Trong. Mà vì có khó khăn và nhất là có nguy cơ nếu thợ nào đi thẳng từ Đàng Trong ra Đàng Ngoài bởi vì giữa hai chúa có sự chia rẽ và hai bên đang sửa soạn giao chiến sắp tới đây, nên cha nhắn người nào trong chúng ta được chọn làm việc này, thì nên rẽ về Macao phía Trung Quốc, rồi mới từ Macao tới Đàng Ngoài để tránh cho người Đàng Ngoài khỏi nghi ngờ về việc đến lãnh thổ họ.

Sứ giả đã may mắn cầm thư của cha Giulianô tới. Các bề trên chúng ta ở Đàng Trong, sau khi đọc đơn xin rất chính đáng thì nghĩ ngay đến tôi đã cư trú gần hai năm trong xứ và trong thời gian đó đã học hỏi chút ít về ngôn ngữ thông dụng. Thế là tôi chuẩn bị theo ý cha Julianô trở về Macao. Tôi rất may mắn đáp tàu về tới nơi sau có một ít ngày và theo dự định đã sắp đặt, tôi chờ có dịp để trẩy đi xứ Đàng Ngoài.

Thế nhưng mặc dầu đã tức thời được trở lại và gửi về với thư trả lời cam đoan với cha Giulianô là chúng tôi theo ý cha thi hành lời bàn giải cha đã khôn ngoan đưa ra, sứ giả Đàng Ngoài khi về đã không cẩn thận làm cho cha Giulianô nóng lòng trông đợi và sợ hãi khổ sở. Chúng tôi còn cho rằng, chúa Đàng Ngoài biết sơ qua hoặc ít ra nghi ngờ về những thư gửi từ Đàng Ngoài vào Đàng Trong, vì thấy ngài tỏ ra ngờ vực. Thế nhưng vì không muốn tuyệt giao với người Bồ mà ngài vừa sợ thế lực vừa muốn giao hảo, nên để phá tan mối lo sợ nghĩ ngợi về dự định tôn giáo của họ, ngài bằng lòng bắt họ thề là không có ý xấu phản lại bản thân và đất nước ngài.[5] Thế là họ đã làm, cha Giulianô có mặt (để cho trong việc này không xảy ra điều gì trái lương tâm hay tôn giáo) và thề, nhân danh Thiên Chúa Chúa trời đất, Chúa sự sống và sự chết làm chứng mình không làm gì chống lại bản thân chúa Đàng Ngoài hay xứ Đàng Ngoài. Như vậy chúa an tâm. Nhưng người Bồ không hài lòng vì cuộc rắc rối trong phủ này mà họ phải hoãn ngày trở về Macao

một thời gian và chỉ trẩy đi với cha Giulianô hai tháng sau khi tôi đã từ Đàng Trong tới Macao.

CHƯƠNG 3.

NHỮNG NGƯỜI ĐEM PHÚC ÂM TỚI ĐẠNG NGOẠI KHỞI HÀNH VÀ MAY MẮN TỚI NƠI

Trong khi đó cha Anrê Palmier người Bồ, giữ chức kinh lý trong tám năm ở Ấn Độ đã từ Ấn Độ tới, để tiếp tục chức vụ này trong tỉnh dòng Nhật và phó tỉnh dòng Trung Quốc. Cha đem việc truyền giáo ở Đàng Ngoài ra bàn lại vì có mấy điều khó khăn mà ma quỉ thù ghét những việc lành đã gây nên để ngăn cản hay cấm đoán không cho thi hành. Bởi vì một đàng người Bồ tỏ vẻ e ngại chúa Đàng Ngoài nghi ngờ họ, cũng như e ngại ý xấu mà một quan ở trong phủ Đàng Ngoài có tín nhiệm đối với chúa đã tỏ ra chống đối quốc gia Bồ. Và đàng khác các thương gia lần cuối cùng buôn bán ở Đàng Ngoài nhận thấy bị lỗ vốn nhiều nên làm cho người khác chán ngán và không tìm được thương gia nào muốn khởi hành đi một chuyến mới, nếu không hy vọng kiếm lời và cầm chắc lỗ vốn. Thêm vào đó, cha Giulianô cũng tỏ ra lạnh lùng không muốn trở lại xứ này. Mặc dầu cha công bố những điều kỳ diệu và mùa gặt thiêng liêng phong phú được chuẩn bị trong cánh đồng rộng lớn nhưng vì thấy mình không tinh thông ngôn ngữ nên dầu có ý muốn tốt nhưng vô hiệu. Do đó cha không tỏ a nhiệt tình trở lại Đàng Ngoài nữa. Cha vẫn thiết tha với việc truyền giáo ở Nhật, nơi cha hy vọng lượm được nhiều kết quả hơn, bởi vì cha thông hiểu ngôn ngữ Nhật. Nhưng dự định mới mà Thiên Chúa quan phòng đã sắp xếp thì khác, đã không đem lại thành công như nhiệt tình của cha cho phép cha mong chờ. Bởi vì khởi hành từ hải cảng Macao để đi Nhật cùng bốn đồng sự, vừa đi được một chút thì gặp cơn bão bất

thần và hung bạo đánh gẫy lái tàu, bắt phải trở về bến. Thế là trong khi cha đợi ngày này qua ngày khác may ra có dịp trẩy đi Nhật thì Thiên Chúa cho cha một việc khác làm ở trên trời, để lãnh phần thưởng về những công lao và ý chí cao cả cha có sẵn để làm việc truyền giáo ở Nhật. Cũng như để thưởng những gì cha ân cần săn sóc để khởi sự và thành lập việc truyền giáo ở Đàng Ngoài nơi cha không có phương tiện vì không có thông thạo ngôn ngữ và không có thông ngôn (như cha mong muốn) để giảng và công bố Phúc âm cho những người có khả năng lãnh nhận, cha chỉ rửa tội được bốn trẻ nhỏ hấp hối. Đó là hoa đầu mùa của dân tộc trở lại đạo này, cha đã gửi về trời. Ở đây hẳn chúng khẩn nài Thiên Chúa cho dự định truyền giáo được thực hiện và cho phương tiện thành đạt vì vinh danh Người và việc cứu rỗi xứ Đàng Ngoài.

Thật vậy khi người ta gần như mất hết hy vọng thì có một người muốn khởi hành đi Đàng Ngoài. Số là có một người Bồ quen biết ở Macao, cao sang về đức hạnh và về cả đại lượng và tâm huyết tên là Gioan *Pinto de Fonseca,* ông chuẩn bị một chiếc tàu và chất đầy đủ những gì cần thiết cho một hành trình, ông không quên lương thực thiết yếu cho các cha dòng và để các cha có phương tiện đem Phúc âm tới xứ này. Ông khôn ngoan nghĩ đến ích lợi thiêng liêng hơn, cho dù có lỗ về của cải vật chất. Việc này làm cho cha Anrê Palmier vui mừng khôn tả. Cha liền cho tôi một đồng sự là cha Pierre Marquez người Bồ làm bề trên đoàn truyền giáo, một người có tuổi và có nhiều kinh nghiệm trong những đoàn truyền giáo Đông phương, tuy cha không biết tiếng nói ở xứ cha được gửi tới.

Vậy ngày 12 tháng 3 ngày lễ thánh Grêgôriô Cả chúng tôi khởi hành từ Macao và căng buồm theo chiều gió đưa chúng tôi đi qua kính chào mộ xưa kia chôn cất thánh Phanchicô Xavie ở đảo Tam Châu, rồi từ đó vào biển *Hải Nam* nổi tiếng về những trận bão thường xuyên hành hạ dữ dội các tàu biển, thế nhưng đối với chúng tôi thì lặng và lành nhờ các thiên thần

hộ mệnh xứ Đàng Ngoài che chở, trong ba ngày chúng tôi đi theo bờ biển rộng lớn. Nhưng sau sáu hay bảy ngày thuận buồm xuôi gió và khi gần tới bến thì trời nổi mây đe dọa trên đầu chúng tôi. Đêm tới tàu chúng tôi bị một trận bão rất lớn, làm tàu lay chuyển rất hiểm nghèo và đồng thời trên không có sấm sét vạch thành những hình thù quái dị do ma quỉ gây nên làm cho thủy thủ rất sợ hãi. Mãi tới sáng ngày lễ thánh Giuse hiển vinh, trời trở nên quang đãng, hình quái dị tan và sóng hạ, chúng tôi khám phá ra *một cửa biển người Đàng Ngoài gọi là Cửa Bạng*. Chúng tôi muốn gọi là cửa thánh Giuse, vì chúng tôi may mắn được vào bến đúng ngày lễ kính Người và chúng tôi hy vọng Thiên Chúa để Ngài làm vị quan thày bảo hộ và làm cha nuôi giáo đoàn Đàng Ngoài mới khai sinh này. Viên hoa tiêu liền xuống một chiếc xuồng để thăm dò bến, khi thấy là tốt và có thể cập bến được thì chúng tôi dễ dàng đi xuống và cảm tạ Thiên Chúa đã dẫn chúng tôi may mắn tới nơi.

Chúng tôi vừa cập bến thì một số đông dân xứ này thấy chúng tôi đến gần liền lấy thuyền của làng lân cận đến mừng chúng tôi, chất vấn chúng tôi xem chúng tôi là những người nào, từ đâu mà tới và đem những hàng hóa mới lạ nào. Tôi làm thông ngôn cho tất cả đoàn thể, tôi đáp đây là một *chiếc tàu người Bồ, những người khắp vùng Đông phương đều khá biết về giá trị võ khí và hàng hóa tinh xảo từ lâu vẫn đem tới xứ nầy và nhân dịp này họ tới bán* cho người Đàng Ngoài một *hạt trai quí* mà không đất để cho người nghèo khó nhất cũng có thể mua được miễn là có ý ngay lành. Thấy dân chúng tỏ ra muốn xem, thì tôi cho họ hiểu là hạt trai này không thể coi bằng con mắt thân thể nhưng bằng con mắt tinh thần biết phân biệt thật giả. Nói tóm lại, người ta đến giảng dạy đạo thật có giá hơn hết các hàng hóa của người Ấn Độ và một mình nó có thể mở đường tới cõi phúc đích thực và trường cửu.

Khi nghe nói về điều mà họ thường gọi là *đạo* theo ngôn ngữ các nho sĩ và *Đàng* theo ngôn ngữ bình dân

có nghĩa là đường lối thì họ tò mò muốn tôi cho biết đạo thật và đàng thật mà chúng tôi định rao giảng. Sau đó tôi lấy đề tài thảo luận với họ về nguyên lý vạn vật, tôi quyết định công bố dưới danh hiệu Chúa trời đất,[6] vì không tìm được trong ngôn ngữ họ một tên riêng để chỉ Thượng đế, vì họ thường gọi là *Phật* hay *Bụt* với nghĩa nơi họ là một thần. Nhưng biết việc tôn thờ vị này không được trọng dụng nơi những người quyền quí và các nho gia trong nước, nên tôi tưởng không nên dùng danh hiệu ấy để xưng Thiên Chúa, nhưng tôi dùng danh hiệu mà thánh Phaolô tông đồ đã xưng khi giảng cho người thành Atênê đã dựng bàn thờ kính Thiên Chúa vô danh, Thiên Chúa mà theo như ngài, đã nói với họ : các người thờ mà chẳng biết, đó là *đức Chúa trời đất*. Thế là dưới danh hiệu đầy uy nghi trong tâm trí lương dân, ngay ban đầu tôi rao giảng đạo thật trước hết và chính yếu nhất là thi hành nghĩa vụ chính đáng của ta đối với đức Chúa trời đất theo cách thức Người mạc khải cho ta. Giảng cho họ như thế, tôi tin là họ có đủ khả năng hiểu và hai người trong đám thính giả đã động lòng, sau mấy ngày được dạy dỗ đầy đủ hơn về những niềm tin của chúng ta và đã chịu phép rửa tội cùng cả gia đình. Người thứ nhất chúng tôi gọi là *Giuse* để dâng kính bạn thánh đức Trinh nữ mà ngày lễ Người là ngày chúng tôi cập bến, còn người thứ hai là *Inhaxu* vị tổ phụ dòng chúng tôi.

CHƯƠNG 4.

NHIỀU NGƯỜI NHẬN ĐỨC TIN TRONG XÓM THÁNH GIUSE VÀ NHỮNG XÓM LÂN CẬN

Đã qua đi mười lăm ngày trước khi chúa Đàng Ngoài nhận được tin chúng tôi tới lãnh thổ ngài. Trong những ngày này chúng tôi không ra khỏi cửa thánh Giuse và để tránh vô công rồi nghề, thì chúng

tôi đàm đạo với rất nhiều người ở xóm thánh Giuse cũng như trong những xóm lân cận. Thiên Chúa đã chiếu giọi những ánh sáng đầu tiên của ơn Người để kích động các tâm hồn. Cuộc chinh phục quan trọng đầu tiên để gây dựng đức tin đó là một thày đồ dạy chữ hán cho thanh thiếu niên xóm này và dạy cả những giáo thuyết sai lầm tà giáo. Nhưng sau khi đã làm thày và làm tiến sĩ dạy sai lầm thì thày trở lại làm đồ đệ chân lý với tất cả gia quyến mà thày lôi cuốn theo gương thày.

Chúng tôi đặt tên rửa tội cho ông là *Phêrô* và trao cho ông những bản kinh đạo Kitô viết trên giấy để ông dạy trẻ em trong lớp học của ông,[7] vào những ngày chủ nhật. Để thay thế ông trong công việc, chúng tôi còn cho con ông lấy tên rửa tội là *Phaolô*, một người rất có tinh thần và đã rất thông thạo chữ hán.

Từ một xã khác đã đến trình diện chúng tôi một thày phù thủy danh tiếng, trong nhà ông cho dựng tới hai mươi nhăm bàn thờ thần phật, ông bị chúng hành hạ rất dữ dằn. Ông xin tôi cách để thoát nạn nô lệ khổ sở ông vô phúc đã dấn thân vào. Ông có nhiều ý tốt muốn từ bỏ sự tin theo dị đoan và tôn thờ những thù địch hung hãn của sự sống và phá đổ các bàn thờ ông dâng kính chúng. Nhưng ông sợ chúng hành hạ ông hơn sau khi làm chúng giận dữ. Chúng tôi khuyên can ông can tràng và cho ông đầy niềm tin vào đức Giêsu Kitô và trông vào thánh giá mà ma quỉ rất sợ hãi. Chúng tôi hoãn chưa cho ông chịu ơn phép thánh tẩy, cho tới khi ông phá đổ các bàn thờ vô đạo ông đã dựng. Rồi khi ông đã kính cẩn làm trọn mọi nhiệm vụ thì ông được chịu phép rửa tội, được kể vào số những con cái Thiên Chúa và nhà ông được thoát khỏi ma quỉ hãm hại nhờ dấu thánh giá và rảy nước phép.

Cũng trong thôn này còn gặp một người thờ thần Phật, nhưng khi nhận thấy những giả trá và bịp bợm thì không những ông bỏ hết việc phục dịch trong đền mà vì lòng rất nhiệt thành đối với niềm tin, ông được

đặt làm thày và dìu dắt giáo dân tân tòng. Từ đó ông chăm chỉ hội các người đó trong nhà ông vào ngày chủ nhật, để cùng nhau đọc kinh chung theo thể thức Kitô giáo, vì chưa được hạnh phúc dự thánh lễ và sử dụng thánh đường.

Lúc này là vào tuần thánh, trong thời gian chúng tôi đợi trả lời, thì chúng tôi bàn chung với người Bổ *dựng cây thánh giá trên đỉnh ngọn* núi bên cạnh đó, từ ngoài xa khơi đều trông thấy, không những để tôn sùng và ghi nhớ sự thương khó Chúa Cứu thế và làm gương cho giáo dân tân tòng biết kính trọng và tôn thờ dụng cụ thánh của ơn cứu rỗi, mà còn để nhờ vào thế lực dấu này xua đuổi ma qui từ lâu năm chiếm đoạt những lãnh thổ này và cứu người Đàng Ngoài thoát khỏi đô hộ tàn bạo của chúng. Thật vậy trong cửa biển này có một đền kính dâng người thiếu nữ Trung Hoa vô đạo bị chết đuối ngoài biển, như trên tôi đã nói, đến này chúng tôi không có quyền phá, chúng tôi chỉ tin rằng thánh giá bao quát cửa biển này sẽ dùng thế lực của mình mà xua đuổi ma qui được thờ ở đó. Thế là chúng tôi hạ một cây cao nhất trong rừng gần đó và làm thành cây thánh giá, rồi tất cả giáo dân cũ cũng như mới, vào ngày thứ sáu tuần thánh, chúng tôi vác lên vai đưa lên đỉnh cao nhất của quả núi này, sau những lời làm phép thông thường, chúng tôi dựng lên như chiến tích vinh quang thắng mọi thế lực hỏa ngục và chúng tôi khiêm nhường và cung kính thờ lạy. Chúa Đàng Ngoài đã thấy thánh giá khi chúa đi qua cửa bến này để chuẩn bị chiến dịch chống Đàng Trong. Ngài hỏi xem có phải đó là dấu hiệu người Bồ đã dựng trên các bến và một người tháp tùng có thịnh tình với giáo dân đã trả lời là từ xa khi người ta thấy dấu hiệu này ở đâu thì đều bị thu hút tới đó. Chúa hài lòng vì cho rằng nhờ cách này mà tàu người Bồ bị thu hút tới hải cảng của ngài để thông thương buôn bán.[8]

CHƯƠNG 5.

CHÚA TIẾP ĐÓN CHÚNG TÔI VÀ NGƯỜI BỒ, KHI NGẠI ĐI GIAO CHIẾN VỚI ĐANG TRONG

Trong khi chúng tôi ân cần dạy dỗ và chinh phục những thôn xã lân cận với bến chúng tôi đậu và chúng tôi đã rửa tội được ba mươi hai người là những hoa quả đầu mùa chúng tôi hái được ở Đàng Ngoài, thì có một sứ giả nhân danh chúa cho chúng tôi hay rằng vì chúa thân chinh xuất trận đánh Đàng Trong[9] nên chúa đợi chúng tôi trên quãng đường chúa đi.

Thế là chúng tôi từ biệt các giáo dân tân tòng và khuyên họ trung kiên giữ đức tin đã nhận được, rồi chúng tôi xuống một chiếc thuyền dành cho chúng tôi do viên hoạn quan được chúa sai đến để dẫn chúng tôi. *Hai ngày sau chúng tôi vào một sông lớn rộng hơn mười dặm* và chúng tôi được gặp chúa và đoàn thuyền chiến hùng mạnh của hải quân xếp hàng rất trật tự như tôi sẽ nói sau.

Trước thuyền của chúa, mở đầu là hơn trăm thuyền chiến rất trau chuốt, lóng lánh vàng, và tô những bức họa đẹp. Quân binh đều mặc nhung phục như chúng tôi đã phác họa ở trên, và mỗi người đều đội thứ mũ tròn màu tía với võ khí hợp thời đẹp và bóng loáng. Tất cả quân binh đều tỏ ra vừa trịnh trọng vừa làm cho người ta khiếp sợ. Điều làm cho hết các người trông thấy đều cảm phục và thực ra người ta đã để ý tới, đó là tất cả đoàn tàu đông đúc đó tiến, quay, dừng đều hòa, bằng nhau coi như chỉ có một cơ thể, chỉ có một sức chuyển làm lay động tất cả. Theo sau là đoàn tháp tùng chúa, gồm *hai mươi bốn* thuyền chiến, dài hơn các thuyền khác và tô điểm lộng lẫy hơn. Gỗ thì chạm trổ và sơn son thiếp vàng, chão buộc hay giữ buồm thì bằng tơ lụa đỏ sẫm. Chiếc thuyền rất đẹp chở chúa thì ở giữa các thuyền khác.

Ngài tiếp chúng tôi rất nhân hậu và tỏ ra rất hài lòng thấy chúng tôi tới lãnh thổ ngài.

Người Bồ đi với chúng tôi dâng ngài những phẩm vật rất thích hợp và rất đúng lúc, nghĩa là những vũ khí đẹp và hoàn bị để bảo vệ bản thân ngài nếu ngài muốn sử dụng khi ra trận.[10] Còn chúng tôi, chúng tôi dâng chúa những phẩm vật thuộc tôn giáo rất khiêm tốn, chúa nhận mặc dầu nhỏ mọn và thưởng chúng tôi những đồ vật quí. Ngài không có thời giờ để đàm đạo lâu hơn, vì tất cả chí hướng đều qui về cuộc tấn công chúa sắp thi hành. Nhưng chúa truyền cho chúng tôi đi theo cho tới chỗ ngài để chúng tôi dừng lại. Thế là chúng tôi theo đạo binh trong chiếc thuyền đã đến đón chúa và chúng tôi có dịp thấy đoàn thủy quân cùng đoàn hậu quân cũng nhiều bằng đoàn hải quân mở đầu, không kể vô số thuyền nhỏ và một số lớn đàn bà sẽ để lại ở tỉnh *Thanh Hóa* sắp tới, để tránh xa tầm quân địch. Người ta đếm được *năm trăm thuyền* theo sau và chở lương thực cần thiết để nuôi thủy quân và lục quân đã tới trước theo bờ biển gần đó với *ba trăm cỗ voi kéo súng*. Chúng tôi có thể ước lượng đạo quân mỗi bên có tới gần *hai trăm ngàn binh* trực chiến. *Chúng tôi ở trong đoàn quân theo chúa chừng tám ngày*, trong thời gian đó, chúng tôi không thiếu dịp, nhất là khi đạo quân lên đất để giải khát, để đàm đạo với những người lại gần chúng tôi và cho họ biết đạo thật. Nhưng mặc dầu họ để ý tới lời tôi giảng, nhưng tâm trí họ dồn cả vào trận chiến và không tha thiết nghe theo. Một hôm chúa dừng lại cùng tất cả đạo binh ở một cánh đồng rộng lớn, gần một thôn gọi là *An Vực* để cúng tế khi thấy mỏm núi đá cao bên bờ sông lớn, giống như một kim tự tháp cao, trên đỉnh xây một đền thờ thần. Những cỗ voi mới đây từ nước Lào đánh về và chưa được luyện nên đi lộn xộn đẩy một tên lính xuống nước từ bờ sông rất cao. Tưởng là người đó chết và thật ra khi kéo lên khỏi nước thì không thấy dấu hiệu sống. Vì bác ái, chúng tôi chạy tới và sau khi cầu nguyện Thiên Chúa và cho uống một chút gì, thế là trong chốc lát chúng tôi cho hồi

phục và lấy lại sức, rồi cầm khí giới trở lại đơn vị. Được tin này chúa rất khen sự cứu độ nhân ái của chúng tôi đối với người lính này, rồi ngài truyền cho chúng tôi chờ ngài ở tỉnh này cho tới khi chúa đi trận về. Chúa giao chúng tôi và người Bồ cho một hoạn quan trong phủ, một người chính đáng săn sóc chúng tôi và cắt lính gác để không ai làm gì phiền lụy đến chúng tôi. Viên quan này thừa hành rất tốt, ông còn sửa soạn cho chúng tôi một nơi ở khá rộng, bằng gỗ, theo kiểu nhà trong xứ này, nơi chúng tôi đặt một nhà nguyện và một bàn thờ với ảnh Chúa Cứu thế.

Không phải là ngoài đề nếu chúng tôi thêm ở đây cái nguyên nhân tại sao chúa Đàng Ngoài lại tuyên chiến với chúa Đàng Trong. Số là khi *chúa ông*[11] (như đã kể ở quyển nhất) chiếm đoạt những tỉnh Đàng Trong nơi anh rể phải đi làm quan trấn thủ và để giữ tình hòa hảo ông phải trả một thứ thuế. Từ đó ông tiếp tục nộp (ông cùng con ông là *chúa Sãi* kế nghiệp ông) cho chúa Đàng Ngoài họ hàng với ông, thế nhưng xảy ra việc *chúa Sãi* thông thương với người Bồ dám ra gan dạ và hiếu chiến, lại dựa vào tình thân thiện và giúp đỡ của mấy viên quan Đàng Ngoài có thế lực trong phủ chúa nên chúa Sãi nhất quyết không nộp thuế mà đức thân phụ đã buộc mình phải trả. Thế nhưng để không cắt đứt với họ hàng, chúa cho người đem phẩm vật là hai cái tráp chạm trổ rất đẹp đựng đầy những của lạ vật hiếm tuyệt diệu chúa lấy được của người Bồ hay mua lại của các thương gia Trung Quốc và Nhật Bản. Người đem đi đã rõ ràng được chỉ thị (sau khi chúc mừng chúa Đàng Ngoài nhân danh thân chủ mình) thì dâng một tráp lên chúa, còn tráp thứ hai thì dâng các hoàng tử trong phủ lúc đó cũng có mặt.

Việc này làm cho chúa giận vì chúa cho là khinh miệt phạm tới thế giá của chúa. (chúa phẫn nộ nói với sứ giả) : thế là chủ ngươi dùng hai phẩm vật bằng nhau để tỏ ý công nhận hai chúa ở Đàng Ngoài và xứ với ta bằng vai với thần dân ta phải không; ngươi hãy về đi trả tráp cho chủ ngươi và nhân rằng ta không

cần phẩm vật; còn về thuế phải nộp thì ta sẽ thân hành đi lấy lại các tỉnh của ta cùng với đạo binh ta. Đó là nguyên nhân cuộc chinh chiến của chúa Đàng Ngoài theo đuổi, khi chúng tôi tới lãnh thổ ngài, cuộc chiến đã được chuẩn bị từ hơn ba năm nay.

CHƯƠNG 6.

RẤT ĐÔNG LƯỢNG DÂN TUỐN ĐẾN NGHE LỜI THIÊN CHÚA TRONG NHA THỜ ĐẦU TIÊN CỦA CHÚNG TÔI Ở ĐÀNG NGOÀI

Ngay khi chúng tôi có một nơi riêng để thừa hành chức vụ và giảng Phúc âm thánh, thì có rất nhiều thính giả tuốn đến và sau khi được dạy dỗ về đức tin thì họ chịu phép rửa tội. Trong số đó mấy vị sư mở đường làm gương cho dân chúng trở lại. Vị *Sãi* chính yếu và kỳ cựu hơn cả được các đồng sự trong tỉnh cảm phục và tôn trọng như bề trên, cũng là người đầu tiên theo đức tin và Kitô giáo, tuổi đã tám mươi lăm và lấy tên rửa tội là *Gioakim*, một nhân vật có thế giá và đạo hạnh, đã thu hút được nhiều người khác thuộc cả hai giới. Trong những nhân đức của vị lão thành đáng kính này, đặc biệt tôi nhận thấy một nguyện vọng hăng say học hỏi những gì cần cho sự cứu rỗi. Ông thu xếp ở với chúng tôi luôn để học biết sâu rộng hơn về các chân lý đạo Kitô và những mầu nhiệm đức tin. Một ngày kia sau bữa tối, tôi nhờ một cậu bé viết mấy kinh công giáo[12] cho giáo dân tân tòng mà không nhờ tới vị lão thành, vì tôi tưởng là tôi tôn trọng thời giờ ông dành để nghỉ ngơi. Khi biết việc này thì ông khiển trách tôi nặng lời vì tôi đã nhờ một người khác chứ không nhờ ông là bậc tôn sư và tiến sĩ của sai lầm. Theo lẽ phải, trong việc tôi muốn tìm người giúp tôi để giảng dạy chân lý thì tôi phải dùng ông hơn người nào khác. Tôi khen lòng nhiệt thành của ông và hứa sẽ dùng ông khi có dịp và xét ra có ích. Vì thực ra

ông tinh thông chữ hán hơn những người khác nên ông viết đúng hơn và nhanh hơn những điều tôi đọc cho ông viết. Không những ông chỉ làm việc này giúp ích cho giáo đoàn mới của xứ sở ông, nhưng còn nhận thấy nơi chúng tôi dâng thánh lễ và giảng dạy lời Thiên Chúa thì quá chật hẹp đối với số người hội họp tới nghe. Ông liền dâng một thửa ruộng cạnh đấy thuộc về ông để dựng một nhà thờ rộng hơn, nhà thờ làm bằng gỗ như lối bản xứ do lòng sốt sắng của giáo dân tân tòng và trang trí do hảo tâm của người Bổ. Chúng tôi làm phép trọng thể ngày mồng 3 tháng 5, ngày tìm thấy thánh giá.

Đồng thời xảy ra một vụ một quân binh của chúa ngã bệnh nặng ở thôn chúng tôi đang ở gọi là *No*. Mấy giáo dân cho chúng tôi biết, thế là chúng tôi đến thăm và trong câu chuyện chúng tôi gợi nên những tâm tình tin tưởng chân thật làm cho anh xin chịp phép rửa tội. Anh đã sốt sắng chịu trước khi nhắm mắt mấy hôm. Ở đây chúng tôi nhận thấy có những dấu hiệu lớn về Thiên Chúa tiền định. Chúng tôi làm đám tang hết sức linh đình và trọng thể, có tất cả người Bổ chính tề tham dự cùng các giáo dân tân tòng. Việc này chúng tôi làm công khai cho rất đông lương dân trông thấy, không những họ cảm phục về bác ái người giáo dân mà còn xúc động về tinh thần của đạo ta.

Người em gái của chúa lúc đó cũng ở trong thôn này. Bà biết sự thể xảy ra và cho mời chúng tôi đến để chúng tôi cho bà biết về niềm tin của chúng tôi. Thế là trong thời gian tôi đàm đạo với bà trước mặt hai trăm quân binh thị vệ của bà. It lâu nay bà mất chồng là một vị quan trọng yếu trong phủ chúa, bà quá thương xót và bà mê mải muốn dùng quyền thế của mình để tìm cách giúp ông trong cõi đời sau ông vừa tới. Thế là bà đặt câu hỏi thứ nhất : các ông thấy người quân binh vừa mất có công trạng gì mà được an táng thân thương đến thế ? Chúng tôi đáp không phải vì công trạng nhưng vì lòng nhân hậu và thương xót của Thiên Chúa mà anh nhận được ơn tin theo đức Kitô trước khi chết và nhờ ơn đó anh có bảo đảm

một cuộc sống đời đời hạnh phúc ở đời sau. Bà bỡ ngỡ về câu trả lời và vì bà dồn hết tâm trí và thương yêu vào việc cứu giúp chồng bà hơn vào sự cứu rỗi, nên bà khóc lóc đặt câu hỏi thứ hai, xem chúng tôi có cách nào hiệu lực giúp người chồng quá cố ? Chúng tôi theo lời Sách thánh mà đáp lại rằng cây ngả bên nào, Nam hay Bắc, thì cứ nằm đó không chỗi dậy được. Còn chúng tôi, chúng tôi không được Chúa trời đất sai đi giảng Phúc âm cho người chết, nhưng cho người sống, vì thế chúng tôi bất lực không sao cứu được những người đã chết trong vô đạo. Nghe lời này bà hết sức buồn khổ khóc lóc vì tình trạng bất hạnh chúng tôi nói về chồng bà đã chết mà chúng tôi không làm gì được, cũng không sao cứu linh hồn ông được. Nhưng có mấy bà trong phủ nhận ngay lấy cơ hội tốt và quyết định ngay khi còn sống phải sắm cho mình việc tốt lành chúng tôi rao giảng. Một bà thầm nghĩ, vì sau đó bà kể cho tôi biết, nếu những người ngoại quốc này muốn bợ đỡ bà em của chúa trong khi bà âu sầu và cho bà tin rằng họ có cách giúp đỡ hồn chồng bà trong đời sau, thì chắc chắn họ sẽ được lòng bà và sự tin cậy của bà và sẽ được tất cả những gì họ muốn. Nhưng vì họ ít quí trọng sự che chở của bà và những ích lợi họ có thể nhận được từ nơi bà trong cơ hội này, thì phải tin đạo họ giảng là thật và phải tin theo để được sự tốt lành đã hứa. Đó là lý luận khôn ngoan của bà này. Thế là bà quyết định trở thành giáo dân và chịu phép rửa tội cùng mấy người khác bà lôi cuốn được bằng gương sáng và lời thuyết phục của bà. Tên bà là *Monica. Còn bà em gái chúa tuy sao nhãng* việc cứu rỗi, *nhưng để cho mẹ chồng đã có tuổi và rất đau yếu theo đạo*. Bà cho mời chúng tôi tới để dạy đạo và làm phép rửa tội, lấy tên là Anna. Bà còn sống được ít lâu sau khi trở lại đạo, rồi trở về trời, như chúng tôi hy vọng, hưởng đời tốt lành hơn, hạnh phúc hơn.

CHƯƠNG BẢY.

Ở NHỮNG THÔN LÂN CẬN VỚI TRỤ SỞ ĐẦU TIÊN CỦA CHÚNG TÔI CÓ MẤY LƯƠNG DÂN TRỞ LẠI

Từ nơi chúng tôi làm trụ sở thứ nhất, việc rao giảng Phúc âm được truyền bá tới vùng lân cận và các thôn xã gần đó cũng bắt đầu trở lại. Một trong các viên quan chính yếu của tỉnh này đã mời chúng tôi đến nhà nhân ngày lễ lớn ông ăn mừng cùng rất đông người, thế là chúng tôi được dịp đàm đạo sâu rộng hơn trước mặt một đám hội lớn về những mầu nhiệm chính yếu của đức tin. Buổi đàm đạo này chẳng làm ích gì cho ông bởi vì ông quá mê của cải, nhưng nhiều người khác được dịp nhận chân lý đức tin mà tới nay họ không biết. Trong số này có một ông *sãi* rất danh tiếng trong vùng, ông giữ chức quản trị ngôi đền xây trên đỉnh núi hình kim tự tháp chúng tôi đã nói ở trên. Ông cũng được mọi người trong cả nước kính trọng về nhân đức và thánh thiện, chúa đi đánh Đàng Trong cũng nhờ ông cúng lễ. Nhưng ngay khi nhận biết đạo sai lầm của ông và sự thật đạo ta thì ông bỏ Đền dị đoan mà ông đã phụng thờ tà ma cùng tất cả những dụng cụ mê tín ma quái và chịu phép thánh tẩy lấy tên là *Gioan*, vợ thì gọi là Anna và tất ca gia quyến. Ông đã cho biến nhà ông thành một nhà nguyện và một đền thánh. Đa số dân xã *An Vực* trước kia theo giáo phái dị đoan ông giảng dạy, nay xúc động về gương sáng và lời khuyên giải của ông, đã xin chịu phép rửa tội sau ông. Thế là giáo dân Kitô trở lại thêm đông số. Anna vợ ông cũng không kém chồng về nhân đức và nhiệt thành làm tiến triển việc Thiên Chúa, bà hăng hái hoạt động với họ hàng và bạn hữu một cách chuyên cần và kiên trì đến nỗi khi chồng bà còn sống và sau khi mất, bà thu phục được mọi người

nhận biết đức tin, sự tốt lành bà đã nhận được thì bà cũng muốn cho mọi người cùng hưởng.

Ở một thôn bên kia sông gọi là *Van Nô* có một bà lão xưa kia thờ mê tín, nhưng từ khi nhận đức tin với phép rửa tội thì hết sức nhiệt thành chinh phục mọi đồng hương. Bà đã sửa soạn được một số đông tin theo đạo thật, nhờ lời cầy lửa nóng cũng như nhờ những việc bác ái mà bà đạo đức Lina (người ta gọi bà như vậy) không ngừng thi thố. Bà chỉ buồn phiền vì ông chồng phản đối không nhận ơn thánh và lời mời Phúc âm, ông vẫn dấn thân ở cái tuổi gần đất xa trời vào những dục vọng điên dại và bê tha không sao cởi bỏ được. Nhưng những lời *Lina* cầu xin tha thiết cho chồng trở lại và sự kiên trì khuyên dụ ông theo sự lành, cuối cùng làm mềm được lòng cứng rắn của ông để nhận ơn đức Thánh Linh, sau khi ông bỏ vợ bé làm cho ông nô lệ tội lỗi thì ông được chịu phép thánh tẩy và lấy tên là *Giuse* và với ông có tất cả những con cái của bà vợ mọn ông giữ lại trong nhà. Và hai ông bà già này chuyên chú làm các việc bác ái và biến nhà mình thành một nhà nguyện thờ kính cho giáo dân tới, lại còn hăm hở làm các việc nghĩa, thêm vào việc nhà thờ (giáo dân tân tòng đã dựng ở đây) lại có một nhà thương cho người nghèo,[13] trong đó hai ông bà thi thố các việc bác ái rất đáng khen.

Không xa nhà thờ chúng tôi, có một bệnh xá cho một số *người cùi*. Chúng tôi đã đi thăm và không mất nhiều khó nhọc để thuyết phục họ nhận chân lý đức tin và sửa soạn chịu phép rửa tội (theo tình trạng) chúng tôi cho họ biết nếu đời này họ chịu một cuộc sống đau buồn và đầy thống khổ thì họ có thể một ngày kia được một đời sống khác hạnh phúc hơn, đầy những điều lành và vui sướng. Người chính yếu trong họ gọi là *Simon* vì khá thông thạo chữ hán, nên đã viết các kinh và mười điều răn chúng tôi đọc cho,[14] để ông học và dạy cho người khác và ông mẫn cán thi hành. Vì bệnh tật hôi thối và sống xa biệt với người khác, nên họ đã dựng trong hàng rào họ ở một nhà

nguyện để hội nhau mỗi chủ nhật để đọc kinh trước ảnh chúng tôi cho họ.

CHƯƠNG TÁM.

CÁC THẦY SÃI HAY CHƯ TĂNG PHẢN ĐỐI CHÚNG TÔI

Trong một thời gian ngắn đức tin Kitô giáo đã tiến triển khả quan làm cho ma quỉ điên rồ chống đối chúng tôi. Không tự mình làm được thì chúng dùng các thày sãi, nghĩa là chư tăng và đồ đệ tay sai để làm hại chúng tôi. Họ bực mình thấy đạo họ bị nhiều người chính yếu bỏ rơi, ngay cả mấy vị sư danh tiếng trong giáo phái cũng đi theo phía chúng tôi. Thế là bực tức, có một ngày kia, họ hội nhau và kéo đoàn lũ đến phản đối chúng tôi và khiêu khích muốn tranh luận với chúng tôi về vấn đề tôn giáo. Chúng tôi sẵn lòng nhận điều họ yêu cầu. Và vì đa số người bao vây chúng tôi (cả lương dân) muốn chúng tôi mở đầu cuộc *tranh luận* bằng việc trình bày một vài điều thuộc đức tin và nhất là về nguyên lý tiên khởi và tác tạo vạn vật, còn họ trái lại họ đòi bắt đầu cuộc tranh luận (chúng tôi đã được báo tin) bằng việc đọc một tờ giấy đầy những lời xúc phạm và phỉ báng đạo Kitô. Chúng tôi nói là chúng tôi không ngăn cản để họ nói trước và để họ đọc tờ giấy của họ, miễn là làm việc này ở ngoài nhà chúng tôi vì nếu ở đây chúng tôi chịu những lời phạm thượng thì chúng tôi sợ Thiên Chúa chúng tôi thờ sẽ oán phạt họ và trừng phạt chúng tôi. Chúng tôi cũng muốn phá ý xấu của họ nên chúng tôi lịch sự xin họ cho biết người soạn bản viết họ muốn công bố đó, để căn cứ vào giá trị của chữ viết mà biết thế giá của người biên soạn. Nhưng họ ngoan cố không chịu công bố. Thế là trước mặt mọi người chúng tôi mở Kinh Thánh chứa đựng những điều Thiên Chúa mạc khải cho chúng tôi và lớn tiếng đọc mấy lời đầu tiếng bằng tiếng latinh trong sách Sáng thế : từ nguyên thủy

Thiên Chúa dựng trời dựng đất. Mọi người đều khen cuốn sách đóng rất gọn và chữ rất rõ (tuy nhỏ). Họ khẩn khoản chúng tôi cắt nghĩa bằng tiếng họ lời chúng tôi vừa đọc. Thế là các sư sãi kêu la để làm rối cuộc và lại yêu cầu để cho họ đọc tờ giấy của họ. Không được như lời mong muốn, họ giận dữ lăng mạ chửi bới chúng tôi và chắc là họ có thể dùng võ lực nếu không có một viên hoạn quan trong phủ chúa tình cờ đến (một người có quyền thế) và dẹp tắt cơn điên rồ của họ. Trước mặt viên hoạn quan này họ không còn dám động đậy nữa và chúng tôi được tự do giải nghĩa (như chúng tôi đã làm) những lời sách Sáng thế, trong khi đó các thày *sãi* rút lui oán thù và đe dọa tai họa đổ xuống trên những kẻ tin theo giáo lý chúng tôi giảng. Nhưng điều này không làm cho mấy người, kể cả đồ đệ của họ, đứng vào phe chúng tôi và từ bỏ dị đoan.

Gần trụ sở chúng tôi có một công trường, mỗi sáng có nhiều người tới đó, cũng là nơi chúng tôi phải đi qua. Thấy có dịp gặp những kẻ vô công rồi nghề tụ họp nhau, thì thỉnh thoảng chúng tôi giảng về đời sau và về phần thưởng đời đời hay hình phạt, thưởng công hay phạt vạ tội loài người. Và vì lời Thiên Chúa là hạt giống làm sinh sôi nảy nở nên không bao giờ không sinh trái, bao giờ cũng được đón nhận và sinh ích trong một số người lòng thành. Một hôm có một thanh niên có tinh thần tốt lành và thông thạo chữ hán, cảm xúc về bài giảng, đã theo chúng tôi về tận nhà để được dạy dỗ sâu rộng hơn và đã dễ dàng tin chân lý Kitô giáo, tuy trước đây rất sùng dị đoan. Anh đã nhất quyết bỏ để tin đức Kitô. Anh còn tỏ ý muốn nhiệt thành từ đây sống với chúng tôi và theo chúng tôi đi dạy dỗ và chinh phục những người khác. Việc này anh không thể làm được vì anh còn ở trong bậc vợ chồng và không thể bỏ gia đình được. Nhưng anh hằng nhiệt tình giúp đỡ chúng tôi trong những việc anh có thể làm được. Một người khác tên là *Simon*, sau khi trở lại, cũng muốn theo chúng tôi và chúng tôi phải vất vả đuổi anh ra khỏi nhà chúng tôi để lui về

với vợ con anh. Sau đó anh đem cả gia đình đến xin nhận đức tin. Cuối cùng trong những thính giả đó có một người đã luống tuổi ở một thôn bên cạnh gọi là *Hai An*, khi nghe giảng rồi thì tin theo Thiên Chúa và được vào sổ các giáo dân bởi phép rửa tội. Ông có lòng nhiệt thành làm cho người khác được ơn ông đã được. Sau khi cho gia nhân của ông nhận biết chân lý thì ông đem lòng nhiệt thành tới hết các người trong thôn xóm, ông vừa làm thày giảng vừa làm cha giảng và làm tông đồ trong thôn xã của ông. Khi biết có một bà sang trọng bị ma quỉ hành hạ, thì ông đến thuyết phục bà trở lại đạo nếu bà muốn thoát khỏi địch thù hung hãn làm cho bà mất an nghỉ. Bà bằng lòng và với phép rửa tội, bà nhận được hiệu quả đã hứa là thoát ách ma qui hành hạ. Tất cả gia quyến bà đều theo bà chịu phép thánh tẩy và trở thành Kitô hữu. Chúng tôi được mời tới làm phép nhà. Ma quỉ thì chịu rút lui, nhường chỗ cho ảnh đức Trinh nữ chúng tôi đem tới : Người tới chiếm đoạt vậy.

CHƯƠNG 9.

CHÚA ĐÀNG NGOÀI ĐI ĐÁNH ĐÀNG TRONG TRỞ VỀ

Đã qua đi hai tháng, kể từ khi chúa Đàng Ngoài đi giao chiến với Đàng Trong để chúng tôi ở lại trong tỉnh *Thanh Hóa*. Ở đây chúng tôi đã chinh phục được hai trăm giáo dân, một đoàn nhỏ mọn, nhưng đầy nhiệt huyết và tinh thần ơn thánh và ma quỉ phải sợ hãi. Khi chúa thấy khó xâm nhập được nước chúa tấn công hơn lúc ban đầu chúa tưởng và để khỏi tan vỡ đạo binh vì lương thực bắt đầu thiếu và cũng để tránh cảnh hỗn độn quẩn hồi vô phèng, nếu chúa còn ngoan

cố muốn vào cho kỳ được nơi địch rất can đảm chống giữ; hơn nữa chúa còn sợ có nội loạn trong hàng ngũ quân nhân[15] trong đó chúa Đàng Trong có nhiều thân thuộc quyền thế và bạn hữu, thế là chúa quyết định bỏ cuộc tiến quân và rút lui toàn đạo binh, lục quân cũng như thủy quân. Lúc này không thiếu người báo tin cho chúng tôi, cho chúng tôi nghĩ rằng chúa Đàng Ngoài rất giận chúng tôi, vì người Bồ đã cung cấp võ khí cho chúa Đàng Trong chống lại chúa. Điều này không đúng, tuy ban đầu có tin đồn như vậy, do mưu kế người Đàng Trong dùng, họ đặt trên đỉnh núi ở biên giới một số rất đông hình nộm mặc theo người Bồ, cầm gậy và nhằm súng đe dọa người Đàng Ngoài không cho họ đến gần, thực ra chỉ là mưu kế vô tội dọa cho sợ mà thôi.

Nhưng người Đàng Trong còn khéo dùng một mưu mô tinh quái khác tác hại rất nhiều cho đạo binh chúa Đàng Ngoài. Đó là trong bến thứ nhất gọi là *cửa Sài*, nơi các thuyền chiến Đàng Ngoài phải chắn giữ để cho quân kéo xuống, đây là của một sông lớn đoàn hải quân phải vào, chúa Đàng Trong giấu dưới nước nhiều dây chão lớn căng ngang mặt nước với những cọc nhọn và mũi sắc mục đích là để ngăn cản thuyền chiến không cho tiến gần. Thế là đã xảy ra như đã trù tính, vì một phần đoàn tàu dễ dàng vào bến, nhưng khi muốn tấn công thuyền địch đậu ở cửa sông để ngăn chặn quân Đàng Ngoài đi xuống thì bị cạm bằng dây chão đã căng làm lật đổ một số và cọc nhọn làm bị thương và sát hại gần hết binh sĩ ngã xuống nước, đến nỗi chết mất chừng ba nghìn ở lối vào bến. Tuy thế vẫn không ngăn nổi một số thuyền vượt qua và một phần đạo quân đổ bộ và giao chiến. Nhưng một phần vì quân Đàng Trong cầm cự rất hăng hái, một phần vì chúa Đàng Ngoài sợ cạm bẫy mới nào khác hoặc vì thiếu lương thực cho đạo quân, nếu chúa ngoan cố, thế là ngài cho rút quân về.[16]

Vậy *là chúa trở về*, còn chúng tôi tuy bâng khuâng không biết tâm trí chúa thế nào đối với chúng tôi và với thương gia người Bồ, chúng tôi nhất định ra đón

ngài và tỏ vui mừng vì bản thân ngài được an toàn. Thế là chúng tôi còn giữ trong các đồ đạc lặt vặt của chúng tôi một *sách hình cầu*[17] Euclide mà một cha ở bên Tàu đã dịch ra chữ Tàu và có trang trí nhiều hình toán học *rất đẹp*, chúng tôi liền lấy ra đem dâng chúa sau khi bái chào ngài. Mặt ngài hớn hở và tỏ ra rất hài lòng nhận phẩm vật, ngài ra lệnh cho chúng tôi ngồi bên ngài để nói chuyện với ngài và cắt nghĩa về cuốn sách. Chúng tôi khởi công làm việc ngay, nhưng đêm tới và cũng đã khá khuya chúng tôi vẫn đàm đạo về bầu trời bao la và vận chuyển điều hòa các tầng trời. Chúa rất chú ý nghe và rất thỏa thích. Tuy ngài mệt vì cuộc hành trình và bề động nhưng vẫn còn muốn cho chúng tôi tiếp tục nói. Ngài lịch sự (đây là một nét tỏ ra tính tình rất nhân hậu của ngài) xin chúng tôi cho phép ngài được nằm nghỉ trên giường và điều này không ngăn cản ngài chú ý tới những gì chúng tôi nói. Chúng tôi cám ơn về mối thịnh tình. Thấy ngài nằm nghỉ và sẵn sàng nghe chúng tôi, chúng tôi tiếp tục giảng giải về vận chuyển các tinh tú, từ đó mới dễ dàng chuyển qua về Người Thợ toàn năng đã làm tất cả cơ giới này và về triều đình nơi Người đặt những khối lớn lao đó để làm sáng tỏ vinh quang Người, nơi Người cho tất cả triều thần được hạnh phúc và vinh hiển muôn đời. Người đón về đó sau khi đã trung thành phụng sự Người ở đời này. Buổi đàm đạo này dài gần hai tiếng đồng hồ và đã quá khuya, thế mà chúa cùng các quan không tỏ dấu chán n˙n, khi chúng tôi xin phép chúa ngừng để khỏi làm phiền đến ngài. Thế là chúng tôi tạm biệt ngài. Ngài cho quân binh theo chúng tôi cùng cho nhiều phẩm vật và tiền bạc. Chúng tôi an tâm, không những chúa không giận mà còn ưu đãi và quí mến chúng tôi. Chúng tôi cảm tạ Thiên Chúa, coi như một việc quan trọng không hy vọng mà đã xảy đến với chúng tôi.

Chúng tôi còn vững dạ hơn trong suy nghĩ lo toan của chúng tôi vì lời Thiên Chúa không trở về vô hiệu với kẻ rao giảng vì mục đích lành thánh. Tuy không ảnh hưởng gì mấy tới tâm trí chúa vì chúa chưa được

ơn đức Thánh Linh sửa soạn trước, nhưng viên tướng lãnh đội thị vệ đã bị xúc động cách rất rõ ràng và rất mạnh mẽ, vì sau đó ít lâu ông đến tìm chúng tôi xin được học các chân lý đức tin và chịu phép rửa tội. Chúng tôi đã rửa tội cho ông và cả gia đình theo gương ông và những tâm tình của một thủ lãnh.

CHƯƠNG 10.

CHÚA ĐÀNG NGOÀI NHẤT ĐỊNH ĐƯA CHÚNG TÔI VỀ PHỦ ĐỂ Ở VỚI NGÀI

Chúng tôi được chúa trân trọng và thịnh tình tiếp đón, đến nỗi chúng tôi được tự do lại gần bản thân ngài. Nhưng trong phủ chúa, trong số những người quí mến chúng tôi, chúng tôi chưa tìm được ai nhận lời hoặc dám xin chúa cho chúng tôi một việc rất quan trọng đối với chúng tôi, đó là được ở lại trong nước ngài khi tàu người Bồ trở về Macao. Khi chúng tôi còn đang áy náy và khẩn khoản phó thác việc đó nơi Thiên chúa thì vào ngày vọng lễ thánh Gioan tẩy giả,[18] tôi được hân hạnh đến chầu ngài. Vừa thấy tôi, chúa liền cho tôi xuống thuyền ngài, rồi ngài đem *đồng hồ* có bánh xe và *đồng hồ cát* tôi đã dâng ngài trước đây khi ngài vào Đàng Trong. Ngài hỏi chúng tôi xem dùng đồng hồ thế nào, vì chưa bao giờ ngài thấy và không còn nhớ những điều chúng tôi đã nói về cách sử dụng. Tôi liền vặn cho đồng hồ đánh đúng giờ đã định, rồi chúng tôi xoay trở đồng hồ cát và nói với chúa rằng khi cát trong ngăn trên rơi hết xuống ngăn dưới thì chuông đồng hồ đánh một giờ khác. Chúa rất chú ý và muốn đợi cho đánh giờ, ngài còn đặt vào tay chúng tôi cuốn sách chữ hán chúng tôi đã dâng ngài mấy hôm trước để cắt nghĩa cho ngài một vài điều. Chúng tôi tuân theo và trong khi cắt nghĩa thì cát đã rơi xuống hết, chúa vẫn để ý và chờ. Ngài nói : kìa, cát đã rơi hết, nhưng đồng hồ chưa đánh. Vừa nói xong thì đồng hồ đánh giờ, chúa rất bỡ ngỡ

và rất vui mừng không thể cầm giữ được. Thế rồi đồng thời có *một tiến sĩ chính yếu* trong nước, được chúa rất quí trọng, tiến đến. Chúa cho ngồi bên chúa. Chúa liền khoe và rất khen chiếc đồng hồ cũng như sách toán học. Vị tiến sĩ rất thích. Nhưng khi rút lui thì thưa với chúa rằng : thưa chúa, về nghệ thuật chiếc đồng hồ thì thật là đáng khen và xứng với sự hám của lạ của một vị chúa, nhưng về cuốn sách thì đức Khổng của chúng ta là đủ cả cho nước Annam chúng ta không cần sách nào khác, nói rồi ông bái chào và đi ra.[19]

Nhưng chúa tỏ thịnh tình và quí mến chúng tôi, (Thiên Chúa đã an bài như thế) nhờ những phẩm vật nhỏ mọn đó mà chúa biệt đãi chúng tôi, thêm vào mối lợi nhờ có người Bồ đến buôn bán trong nước, nên ngài muốn giữ chúng tôi ở lại, nếu chúng tôi nhận. Thế là chúa quay về phía chúng tôi và thân thiện nói tương tự như sau : Tàu người Bồ đã đưa các người tới, lại sắp sửa trở lại nơi cũ, còn phần các người, các người sẽ làm vui lòng ta và ta yêu cầu các người ở lại với ta một người hay cả hai người cũng được, để đàm đạo với ta về nhiều việc. Tôi liền kính cẩn thưa là chúng tôi hoàn toàn sẵn sàng vâng lời chúa, nếu chúa truyền và nếu chúa hài lòng về việc phục dịch của chúng tôi trong nước ngài thì không phải một hay hai năm mà thôi, nhưng suốt đời chúng tôi. Rồi chúa hỏi xem chúng tôi muốn ở lại cả hai hay chỉ một mình tôi là người biết tiếng bản xứ ? Tôi đáp là không nên chia rẽ hai chúng tôi và nhất là đối với tôi còn trẻ, tôi được người bạn đồng sự mà tôi coi như cha, vậy nếu ngài đoái thương tới thì cả hai chúng tôi đều ở lại phụng sự ngài. Chúa rất bằng lòng và thêm rằng, chúa thấy không nên để tôi ở lại một mình và không có bạn đồng sự trong một xứ ngoại quốc và không quen biết. Sau khi cảm tạ chúa, chúng tôi vui mừng trở về nhà chúng tôi để sửa soạn tiếp tục hành trình với chúa. Chúng tôi nhận thấy ở việc này có sự quan phòng của Thiên Chúa, Người đã gợi ý cho chúa giữ chúng tôi lại mà không cần nhờ đến ai khác trong phủ để làm đơn

xin, điều này có thể làm cho chúa nghi ngờ. Còn giáo dân tân tòng thì rất hớn hở thấy chúa ưu đãi và quí mến chúng tôi. Chúng tôi dặn dò họ hãy quí trọng sứ mệnh của mình và kiên trì giữ đức tin nhận được bởi ơn riêng Thiên Chúa ban. Chúng tôi tạm biệt họ và lên buồm khi chúa trẩy đi cùng cả đạo binh.

CHƯƠNG 11.
NHỮNG ĐIỀU XẢY ĐẾN TRONG CUỘC HÀNH TRÌNH THEO CHÚA

Tất cả hành trình và con đường chúng tôi đi theo chúa về kinh thành, kể từ lúc rời bỏ tỉnh Thanh Hóa, *đó là không qua đường biển mà qua đường các sông lớn chảy khắp xứ* và thông với nhau rất thuận tiện, nên có thể từ sông này qua sông kia rất dễ dàng. Một hôm có tổ chức một buổi ca hát rất hay trong thuyền để mua vui cho chúa. Chúa phái người đưa một chiếc thuyền nhỏ sơn son thiếp vàng đến đón và đưa chúng tôi tới thuyền ngài, nơi ngài muốn cho chúng tôi dự buổi ca hát. Chúng tôi trịnh trọng đi theo và thấy chúa ham thích cách tiêu khiển tao nhã này. Chúa cho chúng tôi được hân hạnh ngồi cạnh chúa và hỏi chúng tôi xem trong xứ chúng tôi người ta đàn hát thế nào. Chúng tôi cắt nghĩa cho chúa biết qua, thế nhưng tôi rất khen (cho phải phép) *ca nhạc* của chúa.[20] Khi tôi nói thì chúa để ý tới cổ tràng hạt đức Trinh nữ buộc ở thắt lưng tôi. Chúa liền xin và khi nhận được thì chúa để vào cổ một đứa cháu gái đã ba năm đau bệnh ngồi trên lòng chúa và chúa vuốt ve (chúa chỉ cách dùng trong đạo ta) tưởng rằng đứa bé sẽ được lành bệnh nếu mó vào tràng hạt và được hồi phục sức khỏe thân xác mà không nghĩ đến sức khỏe linh hồn. Thế nhưng tôi suy nghĩ và đề cập tới liều

thuốc phép thánh tẩy hiệu nghiệm hơn : tôi thấy nên hoãn lại cho tới khi về tới phủ chúa.

Thế nhưng (thật là thế sự đổi thay) khi chúa vui thích nghe ca hát, chỉ nghĩ đến thưởng thức thì có một sứ giả đến báo tin, *nghịch thần chúa Canh* thấy Đàng Ngoài cùng triều đình đang còn ở trong rừng núi, và thừa lúc vắng chúa vì bận việc chiến tranh nơi xa, liền kéo quân xuống miên đồng bằng và đổ vào các sông với hai trăm chiếc thuyền, để đánh phá trong nước và cướp bóc như thường lệ. Thế là chúa rất xúc động, ngài liền truyền cho tất cả đạo quân tiến đánh tên địch thù của nước chúa và sự an bình của toàn dân. Khi tên ngụy biết thì vội vã chuẩn bị trốn về miền rừng núi: thế nhưng muộn quá rồi. Chúa Đàng Ngoài cho một số rất lớn các thuyền chiến đi nhanh hơn thuyền của chúng rượt theo. Thấy quân chúa tới gần, ngụy quân không nghinh chiến nổi và cũng không cầm cự hết sức được, liền cho toàn quân bỏ thuyền và lẩn trốn trong đêm tối, vội vã rút lui quá cánh đồng, bỏ lại tất cả thuyền trống rỗng cho quân rượt theo. Thật là một thiệt hại lớn. Đạo binh chúa Đàng Ngoài, vào ban sáng, không thấy đoàn tàu ngụy chống cự, tất cả quân sĩ đã bỏ thuyền, thế là chúa cho lệnh lên bộ và hết sức lùng bắt. Nhưng vì chúng đã được cái lợi lớn là đi suốt đêm nên chỉ bắt được chừng năm mươi tên, chúa truyền chém đầu tất cả ở nhiều nơi khác nhau.

Phần tôi, thấy những người cùng khổ này bị điệu đi xử tử và không thể phân chia tôi cho mọi người để giúp họ chết lành, tôi đã theo một người và chạy lại gần hắn, tôi còn thời giờ giảng về những mầu nhiệm rất cốt yếu của đức tin và chuẩn bị cho hắn chịu phép rửa tội. Hắn vui lòng nhận. Tôi nhìn xem nơi nào có nước để làm phép rửa, nhưng chung quanh tôi không có. Tôi sợ quân lính hành hình trong khi tôi xuống sông lấy nước. Trong khi ấy náy, tôi tiến lên mấy bước thì thấy có nước trong một hố đất vì đêm qua đã mưa. Tôi cho là không phải mưa để tưới đất mà là để cứu người cùng khổ này. Tôi lấy lòng bàn tay múc đủ

để rửa tội và tôi đã rửa cho hắn đặt tên là Phêrô[21] vì hôm đó là ngày lễ thánh Phêrô. Vừa làm xong nghi lễ thì tên lính đã chém một nhát gươm, hắn ngã xuống, hồn được sạch bởi ơn phép bí tích, lên trời (tôi tin vậy). Tôi chạy lại kiếm những người khác, hy vọng có thể cứu giúp họ, nhưng tôi chỉ thấy tất cả đã bị chém đầu, chỉ có một mình Phêrô nhờ Thiên Chúa thương (thật kỳ diệu sự tiền định nơi các thánh đã được chọn) đã nhận được ơn phép thánh tẩy; tôi chỉ làm được cho Phêrô mà không làm được cho những người khác, do Thiên Chúa đã thúc đẩy tôi.

Sau đó tôi trở về thuyền của chúa và thấy người ta đang chuyên chú chuẩn bị các nghi lễ dị đoan để chúa cử hành lễ tạ trời vì chiến thắng vừa được đối với quân nghịch thần. Tôi lại gần chúa và sau khi tỏ vui mừng vì chiến thắng hiển hách mà không hao tổn quân sĩ. Tôi cũng thổi phồng cái may mắn chúa được và cũng nhẹ nhàng làm cho ngài hiểu là nhờ Thiên Chúa, đức Chúa trời đất ban cho mọi chiến thắng và người ta phải biết ơn, chứ không phải nhờ trời là một vật vô tri vô giác không thể biết việc chiến thắng ngài đã được. Ngài đáp lại là ngài tạ ơn trời vì chiến thắng đã được, theo cách các tướng lãnh tin tưởng; và khi về tới phủ, ngài sẽ có thời giờ rảnh rang hơn để xem xét về cách tạ lễ và cám ơn khác. Vì không thể ngăn cản việc cúng tế dị đoan, tôi lui về thuyền chúa đã chỉ định, chờ kết thúc phần còn lại của hành trình.

CHƯƠNG 12.

CHÚNG TÔI MAY MẮN TỚI PHỦ CHÚA VÀ LẦN ĐẦU TIÊN RAO GIẢNG PHÚC ÂM.

Chúng tôi đến xứ Đàng Ngoài lần đầu tiên vào đúng ngày lễ thánh Giuse vinh quang như chúng tôi đã nói ở trên, còn chúng tôi vào tới phủ chúa (Thiên Chúa sắp đặt như vậy) là ngày lễ Đức Trinh nữ và Nữ vương Thiên quốc đi thăm viếng. Như vậy là nhờ

những điểm rất tốt đẹp nơi đức Nữ vương cao cả mà ánh sáng Phúc âm gia nhập phủ chúa Đàng Ngoài, như thể Người đã đem phúc lành tới nhà thánh nữ Isave.

Ngày mồng *2 tháng 7 năm 1627*, chúng tôi vào phủ chúa và kinh thành *Kẻ Chợ* tháp tùng chúa và đồng hành với chúa đi giao chiến với Đàng Trong về, hay đúng hơn mới ba ngày nay rượt đuổi *chúa Canh* và thắng một trận rất quan trọng đối với toàn quốc dân. Thực ra nếu chúa vắng mặt lâu hơn trong nước thì ngụy quân đã tước hết những lực lượng chính yếu của chúa và còn nhân cơ hội này thu được thắng lợi và lấy lại bốn tỉnh xưa kia đã chiếm giữ vì đã huy động một số lớn thuyền chiến và quân sĩ, hay ít ra ngụy quân cũng đánh phá vùng lãnh thổ thịnh vượng nhất trong nước mà chúng đã đột nhập. Vì thế đây là nguyên nhân của một niềm vui chung rất lớn trong toàn cõi : dân chúng tất cả đều ra khỏi phủ đi nghênh đón chúa, họ rước chúa như người thắng trận trở về và hoan hô theo ngài cho tới cung điện.

Chúng tôi theo vào phủ và ở trong đám người toàn thắng trở về, nhưng không biết sẽ cư trú ở đâu vì trong kinh thành chưa có ai trở lại làm giáo dân để cho chúng tôi trọ. Thế nhưng Thiên Chúa đã đánh động lòng một lương dân có thế giá trên là *Măn tai*.[22] Ông quí trọng chúng tôi và trước hết không cần kiểu cách ông dành nhà ông cho chúng tôi để chúng tôi lui về đó và thừa hành chức vụ, cho tới khi chúa ban cho chúng tôi một nơi ở, theo mối thịnh tình của ngài đối với chúng tôi thì chúng tôi có thể hy vọng thế. Thật là lạ lùng, viên quan này quí mến tất cả những công việc của chúng tôi. Ông còn dọn bàn thờ để chúng tôi dâng thánh lễ. Ông kiên trì nghe bài giáo lý và bài giảng. Ông còn muốn cho vợ ông và tất cả gia nhân (sau khi được dạy dỗ về đức tin của đạo ta) thì xin chịu phép rửa tội, còn ông thì không, vì chưa đủ sẵn sàng, còn vướng mắc một vài điều ông chưa đủ can đảm thắng đoạt. Ông luôn luôn cam đoan rằng ông sẽ chưa chết khi chưa được chịu phép thánh tẩy, ông *chỉ*

xin khất tới thời gian khác mà thôi. Thế là ông nuôi niềm tin tưởng và ao ước của những kẻ mong muốn điều lành cho ông, muốn cởi những dây trói buộc tự do của ông. Ông phiêu lưu trầm trọng trong công việc cứu rỗi vì không thể nắm chắc ơn Thiên Chúa trong thời gian đó, ơn mà ông vẫn lần lữa đợi thời quá mức và trì hoãn việc trở lại tới một ngày mai. Nhưng Thiên Chúa nhân hậu nhận lời cầu nguyện của vợ con ông và có lẽ nhờ vào việc bác ái trọng khách ông đã tận tâm làm, mà Thiên Chúa đã chờ ông mười năm sau khi ông ngã bệnh. Vợ ông, một bà nhân đức tên là Agata liền cho chúng tôi hay, thế là chúng tôi rất sẵn sàng và rất vui vẻ đến ngay để giúp ông lần cuối cùng, bù đắp lại ơn chúng tôi đã được. Thấy ông sẵn sàng chịu phép rửa tội vì đã đuổi ra khỏi nhà ngăn trở chính yếu không cho ông trở lại, hơn nữa từ lâu ông đã hiểu biết mọi mầu nhiệm và các điều về đức tin, chúng tôi rửa tội cho ông và đặt tên là Gioan. Sau đó không lâu ông đã tắt thở và hạnh phúc (như chúng tôi hy vọng) bước qua đời này về đời hằng sống và hoan hỉ.

Vừa được tin chúng tôi tới phủ và đã ra nhà ở, thì rất đông người thuộc mọi tầng lớp tuốn đến. Chúng tôi rất khó nhọc mới làm hài lòng tất cả. Người nổi bật nhất và cũng là người thứ nhất trong đám người chịu phép rửa tội và nhận đức tin, chính là *bà em gái của chúa*.[23] Bà rất thông chữ hán lại rất giỏi về thơ, chúng tôi gọi bà là *Catarina* vì bà giống như thánh nữ, về nhiệt tâm cũng như về đạo hạnh, về những đức tính tinh thần cũng như sang trọng về dòng họ. Thế là bà đã nhanh nhẹn thông báo cho cụ thân mẫu ơn Thiên Chúa đã ban cho bà và đưa bà vào đạo Kitô. Thật là một thu phục rất quan trọng của giáo đoàn mới khai sinh này. Vì bà rất tinh thông hán học và trước đây bà rất sùng đạo tà cho nên các vị *sãi* gọi bà là *thày* nghĩa là bậc tôn sư, vì khả năng bà có để giáo huấn kẻ khác. Bây giờ bà thay đổi đạo bà cũng thay đổi chức vụ, bà chuyên chú giáo huấn các bà còn trẻ về phong cách và đạo đức Kitô giáo.

Còn con gái bà, bà Catarina, bà ham mê học biết và suy ngẫm các mầu nhiệm và vì bà rất giỏi về thơ bản xứ[24] nên bà đã soạn bằng thơ rất hay tất cả lịch sử giáo lý, từ tạo thiên lập địa cho đến Đức Kitô giáng thế, cuộc đời, sự thương khó, phục sinh và lên trời của Người. Lại còn thêm ở cuối bài thơ, một đoạn tường thuật việc chúng tôi tới Đàng Ngoài và công cuộc khởi sự rao giảng Phúc âm. Tác phẩm này rất có ích vì không những giáo dân tân tòng ngâm nga trong nhà, nơi thành thị cũng như chốn thôn quê, mà cả nhiều lương dân khi ca hát và thích thú về lời ca dịu dàng thì cũng học biết những mầu nhiệm và chân lý đức tin.

CHƯƠNG 13.

VỀ MỘT THẦY SÃI DANH TIẾNG TRỞ LẠI VÀ NHIỀU NGƯỜI KHÁC THẦY ĐƯA VỀ ĐỨC TIN

Đây là một điều chúng tôi nhận thấy ở xứ Đàng Ngoài, trong tất cả lương dân chúng tôi săn sóc và cố gắng làm cho họ nhận biết đức tin đích thực thì không thấy ai sẵn sàng tin theo đạo ta hơn, kiên trì giữ đạo ta hơn những người trước kia rất sùng tà đạo. Trong những người thờ dị đoan, ở đây có lý mà kể tới một thầy *sãi* rất được trọng kính, ngụ ở một thôn tên là *Vũ Xá* xa kinh thành chừng một hay hai ngày đường. Thầy được chọn vì đức hạnh gương mẫu do một cung phi có quyền có thế trong thôn xóm, để trông coi một đền tà đạo bà đã cho xây cất. Trong đền có một bàn thờ ở cuối và một khám chạm trổ rất đẹp, sơn son thiếp vàng và trang trí tranh ảnh, bà điên dại tin rằng sau khi bà mất thì hồn sẽ ở trong khám đó.

Nhưng đột nhiên thày *sãi* nhận sự giáo huấn của chúng tôi, lại được ánh sáng đầu tiên của ơn Thiên Chúa và được gọi gia nhập đạo Kitô. Thày không màng tới những lợi lộc trần gian và lòng tin tưởng của kẻ đã đặt thày lên chức vụ săn sóc đền. Người này rất có thể nổi giận nếu thày bỏ họ. Thế là thày ra đi như thể ra khỏi một nơi có hại cho niềm tin thày sắp nhận và với vợ thày lui về nhà tư để sốt sắng dọn mình chịu phép rửa tội. Thày sãi này được gọi là *Antôn và vợ là Paula*. Từ đó Antôn hết sức nhiệt thành, làm cho ơn đã nhận được sinh hoa kết trái, nhà thì biến thành nhà thờ, và vì thày có danh tiếng nên thày hô hào và thôi thúc dân trong thôn xóm này lũ lượt kéo đến để chịu giáo huấn, còn đền tà đạo thì vắng ngắt, không tìm được ai thay thế sau khi Antôn đã bỏ. Thế là bà cung phi, có quyền thế trong vùng, khi biết sự việc xảy ra thì ra như điên rồ. Bà nhờ người em bà giữ chức cai quản thôn xã thay bà phải làm cho thày sãi trở lại đạo, phải tái hồi nhận chức vụ cũ và trong trường hợp thày từ chối thì phải trừng trị, đem ra phố chợ đánh đòn. Ông này thừa hành ngay, vì Antôn can đảm từ chối. Người ta trói thày vào cột ở giữa phố chợ và dữ dằn đánh đòn trước mặt cả dân xã rùng mình ghê sợ. Nhưng Antôn can tràng chịu đựng, không nản lòng vì bị hành hạ bất công đến thế, trái lại, còn hiên ngang vì được làm chứng giữa nơi công cộng về đức tin của mình. Thày còn nhiệt thành hơn trước để rao giảng Phúc âm đức Kitô và mời gọi mọi người vào hàng ngũ mình. Trong khi đó Paula không nhường cho chồng phần nhiệt thành và đạo hạnh. Paula chuyên cần giáo huấn phái nữ và chuẩn bị cho họ chịu phép thánh tẩy. Bà cung phi được tin thì bà đổ cơn giận lên đầu Antôn. Nhưng bà sợ không dám giết một người lương thiện không chê trách vào đâu được, bà chỉ có quyền trục xuất thày ra khỏi lãnh địa của bà và tịch thu tài sản. Còn thày, thày can đảm bỏ hết vì Thiên Chúa và vì vinh quang thánh danh Người. Thày không buồn phiền vì thiếu thốn, nhưng chỉ buồn phiền vì phải xa chừng một

trăm giáo dân thày đã chinh phục được cho Thiên Chúa, những người này còn ngây dại trong đức tin và yếu đuối khi phải chống cự cơn dỗ dành tàn bạo. Chính họ cũng rất buồn sầu không ai yên ủi được vì thấy mình trong một ngày mất hai người thiết yếu, họ coi như cha như mẹ. Cơn sầu muộn cũng được dịu bớt vì trong bơ vơ họ xoay trở cách khác, nghĩa là họ làm các việc đạo đức trong một thôn khác thuộc về một quan khác, nơi họ tin chắc được tiếp nhận và được tự do tỏ niềm tin như trước.

Cuộc đầy ải Antôn do dục vọng của một người đàn bà ngạo mạn gây nên, thực ra lại có lý do và chiều theo dự định của Thiên Chúa. Thiên Chúa quan phòngg đã như phái Antôn tới lãnh thổ xa lạ để thày khôn khéo và nhiệt thành dạy dỗ nhiều lương dân nhận đức tin. Thế nên vừa tới nơi, thày đã bắt đầu làm chức vụ thày giảng và làm tông đồ, giảng dạy và công bố các mầu nhiệm đạo tà, lay động lương tâm, thuyết phục các tâm hồn và tấn công ma quỉ. Thực thế, không bao giờ thày tới kinh thành (thày thường tới) mà không dẫn người theo để xin chịu phép rửa tội, lần thì hai mươi, lần ba mươi và một lần tám mươi giáo dân tân tòng. Trong số này có nhiều người tinh thông hán học mà chính thày thì không giỏi cho lắm và nơi người Đàng Ngoài, những người không có khả năng như thế thì thường không được trọng : nhưng Thánh Thần Thiên Chúa ngự trị trong linh hồn thày và thúc đẩy tất cả những gì từ nơi thày, để làm cho thày được trọng kính, ngay đối với hàng trí thức và lời thày có hiệu lực rất mạnh, ngay đối với những kẻ cứng lòng nhất. Có lần thày nhận thấy một giáo dân tân tòng biếng nhác việc đạo đức và vô cớ bỏ lễ chủ nhật và hội họp chung, thế là thày đến tìm và báo cho biết tình trạng xấu ông đang sống và cái vực sâu mở rộng cho tan hoang đổ vỡ. Thày cho biết phải sẵn sàng trở về với bổn phận và theo ơn Thiên Chúa. Thày cũng đưa ra gương viên trưởng đội Longinô, từ vết thương dữ dằn nơi nương long Chúa Cứu thế, đã nhận được ánh sáng và ơn thiên quốc. Phần chúng

tôi, chúng tôi cũng không biết thày đã học từ người nào khác ngoài Đức Thánh Linh, về thí dụ mà thày đã dùng để thuyết phục người giáo dân sa ngã.

CHƯƠNG 14.

MỘT SỐ ĐÔNG LƯỢNG DÂN CHỊU PHÉP RỬA TỘI

Không xa kinh thành có một cầu danh tiếng gọi là *Cầu Giền*, tên cả một vùng lân cận có nhiều người lương dân ở, cả đàn ông và đàn bà, cùng chung một nghề riêng. Họ góp sức làm những việc công ích như sửa cầu đò, cất nhà cho khách hành hương và những việc tương tự. Mà vì những người bên phái nam làm nghề này thì gọi là *sãi*, còn về phái nữ thì gọi là *vãi* và để chỉ chung địa vị và chức nghiệp của họ thì gọi bằng một tên ghép là *sãi vãi*. Do đó mà những kẻ mê theo thần ngoại và đặc biệt lo săn sóc làm những việc từ thiện như thế thì được gọi là *sãi vãi*. Vậy có một số đông *sãi vãi* ở thôn *Cầu Giền*, xa kinh thành chừng nửa dặm, được tin chúng tôi tới và được một ơn bí ẩn nào đó của Đức Thánh Linh đánh động, họ tức khắc kéo từng đoàn lũ đến tìm chúng tôi, bất chấp thời tiết mưa dầm và đường xá lầm lội, để được chịu giáo huấn về đạo chúng tôi rao giảng. Rồi từ đó họ tỏ ra rất ham học hỏi, không bỏ một ngày nào, bất chấp thời tiết nào, họ siêng năng tới nhà thờ vào giờ chúng tôi dạy giáo lý. Thế là ít lâu sau mười hai người trong bọn họ đã học được đầy đủ hơn thì được chịu phép rửa tội. Những người này từ đó giúp rất nhiều cho việc tiến triển Kitô giáo trong xứ này và rất nhiệt thành xây cất và trang bị bệnh viện thứ nhất để đón nhận người nghèo, được dựng lên trong xứ Đàng Ngoài.

Không phải chỉ có kẻ thờ tà thần và những người chất phác mới đón nhận ách chân lý, mới được gọi tin theo Kitô giáo trong những buổi đầu này, nhưng còn có nhiều văn nhân và người trí thức đến với chúng tôi, rất mực khiêm tốn, để lãnh nhận những giáo huấn tiên khởi về đức tin. Trong số này có một *ông Nghè* (tên gọi những văn nhân đã hay đang giữ chức vụ một nhiệm sở nào) đã bảy mươi tuổi. Ông tới cùng bà vợ cũng đã có tuổi, xin chịu giáo huấn chúng tôi giảng cho những người khác và sau đó xin chịu phép rửa tội. Hai ông bà tỏ ra biết ơn Thiên Chúa đã chờ họ lâu năm đến thế và gìn giữ họ cho tới tuổi này để đem ánh sáng đức tin soi cho họ. Họ hết sức khoe ơn họ được và để tỏ lòng biết ơn họ dẫn tới chúng tôi một số họ hàng từ các tỉnh khác nhau, để những người này được hưởng sự lành thánh họ rất quí trọng. Sau ông này còn một *ông cử* trẻ tuổi rất khôn ngoan, ông không mặc cả nhiều về sự trở lại và được gọi là Gioan khi chịu phép rửa tội, rồi từ đó rất vui sướng được gieo rắc tâm tình của mình vào tâm trí thân mẫu và tất cả gia đình. Ông dẫn tất cả tới chúng tôi, tất cả đã hiểu biết giáo lý của đạo, để được chịu phép rửa tội. Thân phụ ông thì bằng lòng, nhưng chưa đủ tâm huyết và chưa nhất định tin theo. Ngay từ buổi đầu có nhiều văn nhân đi lại nhà chúng tôi. Họ đến vì tọc mạch hơn là vì nhiệt tình tin theo hoặc vì mong muốn học hỏi những gì có ích cho họ; thế nên không sinh nhiều hoa trái, vì họ bị mù quáng bởi tinh thần hư vô tự mãn của họ, họ tìm cách chống đối những điều chúng tôi nói và giảng về các mầu nhiệm hơn là chịu giáo huấn bổ ích cho họ. Thật là xác minh lời Con Thiên Chúa đã phán : nhiều người được gọi, nhưng ít kẻ được chọn.

CHƯƠNG 15.

CHÚA ĐÀNG NGOÀI CHO DỰNG GẦN CUNG ĐIỆN NGÀI NHÀ Ở VÀ NHÀ THỜ CHO CHÚNG TÔI THỪA HÀNH CHỨC VỤ CHO RẤT ĐÔNG GIÁO DÂN

Tàu người Bồ đã đem chúng tôi tới Đàng Ngoài, nay sắp sửa trẩy đi, nhưng chúa đã gia ơn giữ chúng tôi lại, lại còn quá tốt muốn viết một *thư* lịch thiệp gửi tàu đem tới cha Anrê Palmier lúc này làm kinh lý để cám ơn cha đã phái chúng tôi đến nước ngài và trình bày cho cha biết ngài hài lòng về việc chúng tôi tới. Để tỏ lòng quí mến và trang trọng, ngài không muốn viết trên giấy bản xứ quá thông thường (mặc dầu có giấy rất đẹp vẽ hoa và thiếp vàng rất nghệ thuật) nhưng trên một tấm bạc tráng mỏng rồi khắc và gấp thành cuộn.

Thế nhưng tàu gặp tai nạn và đắm ở đảo Hải Nam. Thế là bức thư của chúa rơi vào tay dân ở đảo vì họ lượm nhặt được những mảnh tàu đắm. Sau đó cha Palmier đã chuộc lại và đem về Macao.[25]

Nhưng rồi chúng tôi thấy *nhà* chúng tôi ở chật hẹp quá, khó thừa hành các chức vụ và không đủ chỗ cho số rất đông người đến với chúng tôi. Chúng tôi liền vào chầu chúa và từ tốn trình bày sự khó khăn, xin ngài cho chúng tôi một nơi nào khác thuận tiện hơn và ngài cho là tốt hơn. Không những chúa ưng thuận và còn gia ơn quyết định dựng cho chúng tôi một nhà ngay trong phủ chúa. Thế là chúng tôi chọn nơi chúng tôi cho là thuận tiện cho chức vụ chúng tôi và ngài sẽ tức thời cho xây cất phù hợp với việc sử dụng của chúng tôi. Về điều này không thiếu người có ý tốt khuyên chúng tôi nhận lời chúa và ở bên trong lũy phủ chúa để bảo đảm về nguy cơ hỏa hoạn thường xảy

ra trong kinh thành cũng như về trộm cướp thường có do những kẻ gian hoành hành. Thế nhưng vì việc ra vào đi lại phủ chúa có nhiều thủ tục, nên rất khó cho giáo dân tân tòng lui tới, chúng tôi liền chọn ở ngoài phủ với một chút bất tiện, tuy không xa, để dễ đi vào chầu chúa khi được vời. Thế là trong một ít ngày sau, chúng tôi đã được một nhà do lệnh chúa cho dựng, ở địa điểm chúng tôi chọn, với tất cả những sự thuận tiện chúng tôi mong muốn. Ngôi nhà chỉ bằng gỗ theo kiểu nhà người bản xứ, nhưng khá rộng và cấu trúc cũng giống như các nhà của những bậc quyền quí.[26]

Thế là vào cuối tháng 9, bốn tháng sau khi chúng tôi tới kinh thành, chúng tôi sang ở *nhà mới*, một phần dùng làm *nhà thờ* và là nơi (ngay khi chúng tôi tới ở) rất đông người tới, đến nỗi chúng tôi phải giảng mỗi ngày sáu buổi, ba buổi vào ban sáng và ba buổi vào ban chiều, để làm thỏa mãn sự chờ đợi của những người liên tiếp luân phiên nhau tới. Kết quả lượm được từ những việc chúng tôi làm và từ hạt giống lời Thiên Chúa chúng tôi gieo thì rất lớn đến nỗi chúng tôi phải bỏ ra hai ngày trong tuần để làm phép rửa tội cho những người xin và thường là hai mươi và thỉnh thoảng tới bốn mươi, trong số đó có người thuộc thành phần quyền quí, cả trong hoàng tộc. Thực ra ngay từ đầu chúng tôi còn phải đáp lại những câu phản đối giáo lý chúng tôi rao giảng. Không những việc này làm xáo trộn thứ tự các bài giảng, làm mất thời giờ quí giá dành cho họ để đáp lại câu họ chất vấn và giải quyết những nghi ngờ, nhưng còn gieo xáo trộn tâm trí và ngăn cản không cho Phúc âm sinh hoa kết trái. Thế là chúng tôi quyết định không nhận cho ai chất vấn nếu suốt tám ngày[27] chưa nghe liên tục chúng tôi giảng giáo lý. Kết quả hoặc là những kẻ có tinh thần soi mói rút lui vì không đủ nhẫn nại chờ cho tới cuối, hoặc là họ kiên trì nghe suốt thời gian đã chỉ định, họ được soi sáng về các nghi ngờ và không còn gì để phản đối. Như vậy ít mất thời giờ và ít có

nguy cơ làm xáo trộn những thính giả thiện chí vì có những tranh luận phù phiếm.

CHƯƠNG 16.

PHƯỢNG PHÁP CHÚNG TÔI DÙNG ĐỂ DẠY GIÁO LÝ

Mặc dầu có nhiều người rao giảng giáo lý Phúc âm cho những nước lương dân chủ trương trước hết phải hủy diệt sai lầm tà giáo và làm cho tâm trí từ bỏ những quan niệm mơ hồ, trước khi xây dựng và giảng dạy những điểm và những nguyên lý của Kitô giáo, theo lệnh Thiên Chúa đã truyền cho một tiên tri rằng : Ta đặt ngươi để diệt và nhổ, để dựng và trồng, còn về mầu nhiệm cao cả về Thiên Chúa Ba Ngôi thì chỉ trình bày cho người tân tòng vào lúc họ đã sẵn sàng chịu phép rửa tội, trước là để không làm rối trí họ vì những hoài nghi có thể nảy sinh về mầu nhiệm cực kỳ cao cả và khôn lường đó. Thế nhưng theo kinh nghiệm, giữa hai cách trên đây, tôi chọn một phương pháp giáo huấn cho các dân nước này.[28] Nghĩa là không chống đối sai lầm các giáo phái Đàng Ngoài trước khi đặt một số các nguyên lý mà chỉ ánh sáng tự nhiên cũng hiểu biết được, như về việc sáng tạo vũ trụ, về cứu cánh và nguyên lý tuyệt đối vạn vật đã được dựng nên và về an bài những loài có lý trí và nhiệm vụ phải nhận biết Người và phụng thờ Người.[29] Như vậy để đặt vào tâm trí họ một nền tảng chắc chắn trên đó đều dựa vào mọi niềm tin khác để không làm cho họ chán nản khi nghe người ta đả phá và khinh dể những thờ tự của mình mặc dầu là giả dối và những tập tục mê tín, đó là sự thường xảy ra. Tôi đã thành công hơn, theo như tôi nhận xét, nếu tôi đem cho họ một ít tâm tình hiếu thảo và mộ mến tự nhiên đối với Đấng Hóa Công và Nguyên lý đệ nhất bản thể họ. Rồi khi đề cập tới truyện đại hồng thủy và lộn lạo các ngôn ngữ thì cho họ biết sợ Thiên Chúa họ

phải tôn kính và thờ phượng, từ đó mới đả phá tà đạo mà ma quỉ cũng chỉ đưa vào thế gian sau đại hồng thủy.[30] Rồi sau đó tôi mới đồng ý với những người khác là chưa trình bày cho lương dân mình muốn chinh phục những mầu nhiệm Ba Ngôi thánh, sự Nhập thể và thương khó của Con Thiên Chúa và gieo mầm các chân lý đó trong tâm hồn họ, trước khi nhổ những sai lầm và mê tín dị đoan.[31]

Thế nhưng tôi thiết nghĩ không nên chờ tới lúc gần chịu phép rửa tội mới giảng cho kẻ tân tòng về niềm tin Ba Ngôi Thiên Chúa, nhưng nên bắt đầu trình bày mầu nhiệm này đã rồi mới dễ dàng xuống tới sự nhập thể Con Thiên Chúa là Ngôi thứ hai, sau đó nói về việc Người chịu thống khổ để cứu chuộc trần gian bị sa đọa vì tội lỗi, về phục sinh và những mầu nhiệm khác trong đạo. Đó là thứ tự và phương pháp các tông đồ đã giữ trong kinh tin kính và truyền lại cho chúng ta. Phần tôi, suốt bao nhiêu năm tôi giảng dạy lương dân, chưa bao giờ tôi thấy người nào thối lui vì đức tin của ta, vì sự trình bày bí ẩn không thể hiểu nổi của mầu nhiệm Ba Ngôi. Trái lại tôi thấy họ khó tin hơn về mầu nhiệm nhập thể. Lý do là vì họ không cho là kỳ dị đấng Thiên chúa mà với lý luận tự nhiên họ coi là bản thể khôn lường và cao cả vượt lên hết mọi nhận thức, Đấng không thể dùng lời mà cắt nghĩa những đặc tính và khó trình bày cho người ta tin theo được. Nhưng điều rất khó đối với chúng tôi là thuyết phục được rằng Đấng là một Thần Linh thuần túy, hằng hữu và bất tử, Đấng ngự trên trời vinh quang chói lọi, lại mặc lấy xác thịt, sinh trong thời gian, chết (như mọi người) và chịu đủ thứ cực hình và thống khổ. Vì thế khi phải trình bày cho kẻ tân tòng những mầu nhiệm thương khó thì phải rất khôn khéo và làm khác với cách chúng ta trình bày cho giáo dân của ta và phải giữ ba điều này.[32] Thứ nhất phải nhấn mạnh đến những điều lạ xảy ra khi Đức Kitô tắt thở, như thể toàn vũ trụ đều kinh sợ vì tội phạm tới bản thân Người, tỉ như mặt trời không chiếu sáng và không muốn soi cho trái đất đã phạm tội ghê gớm tới

Người, tỉ như mồ mở tung và muôn loài tỏ ra sự đau đớn vì Đấng dựng nên mình đã tắt thở. Do đó kết luận rằng nếu Người tắt thở thì là vì Người muốn và vì Người cho phép kẻ sát nhân thi hành để cứu chuộc và cứu rỗi loài người. Thứ hai sau khi đã cắt nghĩa Người đã chịu thống khổ và chịu chết vì Người muốn tỏ tình thương bao la và nhân đức đặc biệt, thì lúc đó lần đầu tiên trưng bày ảnh thánh giá để cho họ tôn thờ, với nến thắp và những nghi lễ tôn sùng tương tự. Thứ ba, không bao giờ cắt nghĩa sự thương khó và sự chết của Chúa Cứu thế mà không tức khắc kể truyện Người sống lại hiển vinh, thực ra Người tự quyền phép mình mà sống lại ngày thứ ba và toàn thắng ra khỏi mồ người ta đã chôn cất Người, để cho thấy rõ nếu Người đã tự cho mình sự sống bằng thắng cái chết, thì Người là Chủ sự sống và sự chết và như vậy Người có quyền không để cho mình chết và tự cứu mình khỏi tay người Dothái, nếu Người muốn. Và lời giảng này phải được lập lại luôn và in vào tâm khảm, để họ được lòng mộ mến và kính trọng Chúa Cứu thế. Kinh nghiệm cho chúng tôi nhận thấy rằng họ càng mộ mến và tôn thờ sự thương khó Chúa Cứu thế thì họ càng là những giáo dân vững chãi và kiên trì thực hành nhân đức.

CHƯƠNG 17.

MẤY CƠ HỘI LÀM CHO GIÁO DÂN RẤT VỮNG LÒNG TIN

Trong những người kiên trì đến nghe giáo lý chúng tôi giảng dạy mỗi ngày trong nhà thờ, có một *thày sãi* mà *hoàng thái hậu*, trước khi trở lại đạo đã trao cho chức vụ quản lý một trong những đền tà thần, ở cạnh phủ chúa mà bà đã cho xây cất. Trong

năm ngày liền ông đến dự và đặc biệt chăm chú nghe chúng tôi cắt nghĩa giáo lý. Nhưng đến ngày thứ năm vợ ông hốt hoảng và giận dữ như một nữ thần nông chạy đến. Thấy ông trong đám người nghe, bà liền mắng ông : kìa, bây giờ ông điên rồi, ông mất trí khôn rồi, ông đi theo một đạo bắt ông phải bỏ thần bỏ thánh bỏ đền. Hử, ông điên rồi, ông bỏ việc quản lý đền thì ai sẽ nuôi ông, ông lấy của đâu bảo dưỡng cả nhà, vợ ông, con cái ông ? Ông kiếm đâu ra để chi tiêu vào tất cả sự cần dùng ? Thế là bà lớn tiếng giận dữ kêu la, còn ông sãi thì không hé môi đáp lại một lời hay cưỡng lại khi bà lôi ông ra khỏi nhà thờ và dẫn ông về nhà. Ông đã có thái độ hèn nhát làm cho những người đặt hy vọng vào ông thì đều tiếc.

Nhưng sự hèn nhát của ông sãi này không ít làm cho kẻ tân tòng thêm mạnh tin, do một câu truyện ông này đã kể và (không còn nghi ngờ gì nữa) đây là hiệu quả của việc Thiên Chúa quan phòng đặc biệt. Ông sãi này lúc đó có tâm hồn thấm nhuần mọi điều trong giáo lý đạo Kitô mà ông đã nghe, một buổi sáng ngày chủ nhật kia ông bước vào nhà thờ, vào đúng giờ giáo dân sửa soạn dự thánh lễ. Ông giơ cho xem một cuốn *sách bằng chữ hán* ở trang đầu có in thánh danh Chúa Giêsu bằng chữ đại tự. Tôi đã coi và tức thì nhận thấy đây là sách từ Trung Quốc đưa về do một cha dòng chúng tôi soạn. Nhưng tôi bỡ ngỡ tự hỏi bởi đâu ông sãi lại có trong tay cuốn sách này. Thế là ông kể cho biết, khi xưa thân phụ ông đi theo sứ thần cứ ba năm một lần sang thăm viếng và triều cống vua Trung Quốc, chính thân phụ ông đã đem sách này từ triều đình Bắc Kinh về.[33] Cha ông cẩn thận giữ sách này cho tới khi mất, lối lại cho các con và như một kho tàng quí báu ông mến chuộng hơn tất cả của cải nào khác, chính cha ông cũng cho biết thêm là khi ở Bắc Kinh đi theo sứ thần thì cha ông đã được những tiến sĩ đại Tây dương làm quà cho, lại căn dặn rằng người nào tin và giữ điều chứa trong sách này thì sẽ vượt qua đời này cách lành thánh và sung sướng vào thiên quốc. Từ khi thân phụ ông mất để ông mồ côi từ

nhỏ, mới lên sáu tuổi, ông quí mến giấu sách này trong một nơi kín trong ba mươi năm trời, rồi thỉnh thoảng mở ra và đọc những điều trong sách, ông chẳng hiểu gì cho tới ngày cuối cùng đây, sau khi nghe giảng, ông bắt đầu hiểu một chút. Tôi hỏi xem ông có biết nghĩa những chữ đại tự in ở đầu cuốn sách, nhưng ông thành thực trả lời là không. Thế là tôi đem cho ông coi những chữ như thế trong một cuốn sách của chúng tôi, đó là thánh danh Đức Giêsu. Đây là việc làm cho hết các kẻ tân tòng đều mừng rỡ và làm cho họ càng tin những chân lý chúng tôi giảng dạy. Họ đã nhận thấy, khi tôi cho họ coi, là nội dung cuốn sách ông sãi đem tới cũng là nội dung giáo lý của họ, không khác về thứ tự các điều, hay phương pháp giảng dạy. Giáo dân chúng tôi yêu cầu ông sãi để lại sách đó cho chúng tôi để chúng tôi sao chép lại, nhưng ông không chịu và muốn đem về. Ông cũng chân thật cho mọi người biết, cũng không ai ép uổng ông, rằng đức tin Kitô giáo bàn giải trong cuốn sách của ông và đức tin chúng tôi rao giảng đều phù hợp nhau, đó là đường cứu rỗi đích thực và bảo đảm. Và nếu chính ông chưa tin theo điều lương tâm nói thì là tại sự nghèo khó, bởi ông không có phương tiện sinh sống ở chỗ nào khác, không có cách nào nuôi gia đình ngoài việc phục dịch trong đền. Ước gì Thiên Chúa cho ông một ngày kia nhận biết Người và thắng được trở ngại còn giữ ông trong tà đạo.

Giáo dân tân tòng còn được vững đức tin và quí mến thực hành đạo Kitô khi thấy nhiều phép lạ Thiên Chúa làm trong cũng một thời gian này bởi phép cây thánh giá và nước thánh, nhất là khi chúng tôi làm cho các bệnh nhân, cả người hấp hối và những người bị thần dữ ám. Bởi thế khi chúng tôi được mời tới giúp những kẻ xin chúng tôi (mà thường chúng tôi chưa đủ sức làm hết) có rất nhiều lương dân đi theo chúng tôi, trà trộn với giáo dân và kẻ tân tòng, họ đón đường chúng tôi đi qua. Họ tọc mạch đến xem nghi lễ đặt tay trên bệnh nhân; chúng tôi đặt tay trên người bệnh, rẩy nước thánh và đặt thánh giá trên người bị

quỉ ám. Họ thường rất bỡ ngỡ và rất mừng thấy bệnh nhân được khỏi tức thời và người bị quỉ ám được thoát khỏi ma quỉ hành hạ.

CHƯƠNG 18.

GIÁO DÂN TÂN TÒNG DỤNG NƯỚC PHÉP VÀ THÁNH GIÁ LÀM PHÉP LẠ CHỮA NGƯỜI BỆNH

Người ta có thể áp dụng rất đúng vào giáo hội mới Đàng Ngoài lời thánh Grêgôriô Cả nói về giáo hội nguyên thủy : như phải tưới cho cây non vừa mới trồng cho tới khi chúng đâm rễ và bám chắc trong đất, thì giáo hội Kitô sơ khai cũng phải được bồi dưỡng bằng những phép lạ, cho tới khi lớn lên và có đủ sức để tồn tại. Và tôi cũng muốn nói rằng vào buổi đầu để tăng sức cho giáo dân tân tòng của giáo hội Đàng Ngoài thì Thiên Chúa đã làm nhiều phép lạ để ứng chuẩn niềm tin họ xưng tụng. Họ thường vẩy nước phép hay cho bệnh nhân uống từng giọt nhỏ mà chữa khỏi nhiều thứ bệnh. Vì thế họ rất sùng kính nước thánh. Không những họ giữ trong nhà mà còn khi đi đường đem theo những lọ nhỏ như một thứ nước hoa thơm quí báu để dùng cho mình và cho người khác.

Có một quân binh tên rửa tội là *Simon*, ông trở về quê quán xa kinh thành chừng mấy dặm. Ông xin chúng tôi một lọ con đựng đầy nước thánh để đem theo. Vừa tới nhà, ông thấy có nhiều đồng hương bị bệnh, ông đã chữa cho lành hết, bằng cho uống một chút nước phép. Vì rất đông người từ các nơi mời ông tới và ông chỉ cho uống một vài giọt, thế mà trong một thời gian thì đã gần hết. Thấy chỉ còn chút ít dưới đáy và không muốn để cho những người mời ông tới không nhận được ơn lành bệnh họ mong mỏi, ông

liền nhất định, mà hẳn là Thiên Chúa gợi lên cho ông, đi đến một suối nước trong núi gần đấy. Ông đổ đầy nước suối vào, ông cũng ngây thơ vô tội đọc mấy kinh công giáo ông đã học và bỏ mấy hạt muối vào như ông đã thấy chúng tôi làm. Và thật là kỳ diệu, từ đó ông cho rất nhiều bệnh nhân uống và họ được lành tất cả, Thiên Chúa cho vậy, như Người đã làm trong Giáo Hội nguyên thủy.

Có một viên quan lớn, còn là lương dân, rể của chúa, thấy trong một thôn thuộc lãnh thổ mình, hầu hết dân đều bị chứng bệnh *truyền nhiễm* phá hoại cả một miền và đem đi một số dân làm cho lợi nhuận của ông sụt xuống trầm trọng. Ông đến khẩn khoản chúng tôi đem thuốc đến chữa và nhất là đem nước phép để chặn đứng thứ bệnh dịch tàn phá mọi vật. Để làm việc này ông truyền cho hai gia nhân đưa hai bình lớn để đem đầy nước chúng tôi làm phép về. Chúng tôi vui lòng làm theo điều ông xin, cho rằng đây là việc của Thiên Chúa và chúng tôi chọn sáu giáo dân nhiệt tâm để đi làm việc bác ái cho thôn xóm đau khổ đó. Họ rất can đảm ra đi mỗi người đeo thánh giá và tràng hạt. Vừa tới nơi thì trong nhà thứ nhất họ đến, họ lập bàn thờ với ảnh thánh, rồi họ đọc một kinh vắn tắt nhưng rất sốt sắng, sau đó họ làm ba cây thánh giá lớn đem cắm hai cây ở hai đầu và một cây ở giữa, biểu hiệu của cuộc đại thắng. Xong đâu đấy, họ chia tay nhau, hai người một, rảo khắp các nhà có người bệnh, trong mỗi nhà cột một thánh giá ở nơi trọng nhất, chú ý để đuổi tà ma ám ảnh. Ở vài nơi nghe thấy chúng kêu la, than van lẩm bẩm vì bị võ lực đàn áp. Trong tám ngày, nhờ thế lực cây thánh giá và cho bệnh nhân uống nước phép, họ chữa khỏi được hết, con số lên tới hai trăm bảy mươi người, trừ một người hấp hối gần chết, họ đã rửa tội sau khi sơ lược dạy những mầu nhiệm đức tin và việc ăn năn tội mà người bệnh sẵn sàng làm. Người ta nhận thấy hết những người được khỏi bệnh truyền nhiễm sau khi uống chút nước phép thì nhổ ra một thứ nước bẩn và

hôi thối, là dấu chỉ có bùa ma quỉ họ đã nhận và cũng là dấu họ được khỏi.

Những giáo dân tốt lành này khi trở về thì công bố những chiến thắng đã đạt được của Satăng và tỏ ra rất vui mừng. Thế nhưng lại buồn phiền vì một tai họa xảy đến cho người chúng tôi đặt làm bề trên và thủ lĩnh của đoàn. Ông này đã *chết bất thần* ít ngày sau khi trở về và không thuốc nào chữa khỏi. Về cái chết đột ngột này, khi chúng tôi tỏ ra xúc động và không sửng sốt, (thì một trong các đồng sự nói) xin đừng lấy làm lạ về cái chết của người này : đây là hình phạt công bằng của Thiên Chúa, vì ông đã được biết phải làm việc đạo đức và bác ái này nhưng không như đã được lệnh, nhưng ông đã không làm như thế, ông đã nhận một bộ áo viên quan cai trị miền chúng tôi đến biếu để thưởng công. Người giáo dân này đã tường thuật trước mặt các người khác, thế là tất cả đều rất sợ. Và chúng tôi nhớ lại bệnh cùi mà Grêzi đã mắc phải vì tội biển lận tương tự, Grêzi bị phạt mắc cũng thứ bệnh mà Naaman được khỏi, bởi đã nhận thưởng vì sức khỏe đã giúp cho người khác. Việc này từ đây làm cho giáo dân dè dặt hơn về điểm này, họ còn áy náy cả lúc ăn uống nơi bệnh nhân họ đến chữa.

CHƯƠNG 19.

CÓ MẤY GIÁO DÂN TÂN TÒNG HIẾN THÂN SUỐT ĐỜI PHỤC DỊCH CHÚNG TÔI

Ở xứ Đàng Ngoài có tục lệ, nghĩa là có những người nhiệt tình giả trá hiến thân suốt đời phụng sự tà thần hay ma qui làm cho họ thành nô lệ quyền lực của chúng. Có một quân binh tốt lành là giáo dân tên là *Antôn*, thân thể cường tráng và chừng ba mươi xuân xanh, xúc động bởi một tâm tình rất đạo hạnh và rất thánh, đến xin tướng lãnh còn là lương dân cho

mình nghỉ việc quân binh phục vụ hàng ngũ chúa Đàng Ngoài để phục vụ đức Chúa trời đất và đức Giêsu Kitô trong giáo hội Người. Được rồi, anh không muốn cho hoặc bán võ khí của anh cho người khác có thể dùng vào việc xấu, nhưng anh ném xuống một hồ sâu, để không ai có thể bị hại. Thế rồi anh đến nhà chúng tôi, rất khiêm tốn và nhiệt thành xin được ở với chúng tôi như những người đầy tớ sẵn sàng (theo anh nói) phục dịch và vâng lời chúng tôi trong mọi điều chúng tôi truyền, không mong phần thưởng nào của chúng tôi, ngoài phần thưởng của Thiên Chúa mà anh phụng sự nơi bản thân chúng tôi. Chúng tôi rất bằng lòng nhận thiện chí của anh và để anh ở nhà chúng tôi. Anh giúp rất nhiều việc cho chúng tôi, nhất là anh gánh trên vai, từ sông ở khá xa nhà, đưa về tất cả số nước cần dùng không những cho việc bếp núc mà cho cả việc làm phép nước thánh. Vì mỗi ngày phải dùng tới rất nhiều nước, để làm thỏa mãn lòng sốt sắng của những người đến xin. Đó cũng là một lý do khiến anh *Antôn* siêng năng lạ lùng, vì anh tưởng tượng nước anh gánh được dùng vào việc trừ ma qui, chữa lành bệnh nhân và làm cho danh Thiên Chúa và vinh quang đức Kitô lan rộng. Anh kiên trì suốt hai mươi năm, cho tới bây giờ, trong những việc khiêm tốn. Anh rất quí mến và kính trọng chúng tôi, ngay trong những lúc khó khăn nhất, như sẽ nói sau.

Thiên Chúa không những thương ban cho chúng tôi người phục dịch việc trong nhà mà còn ban cho người giúp đỡ để chinh phục và dạy dỗ dân chúng. Vì một mình tôi cáng đáng hết, tôi phải vừa giảng vừa dạy giáo lý bốn, năm hay sáu lần mỗi ngày. Người đầu tiên có khả năng giữ chức vụ này là *Phanchicô*, ngày nay còn hoạt động rất có ích và rất nhiệt thành. Ông đã trở lại đạo như sau. Một hôm, trước mặt giáo dân tân tòng và lương dân, tôi bài bác đạo giáo của Xaca hay Thích ca mà tôi đã nói ở trên ... Phanchicô có mặt trong buổi nói truyện. Lúc này ông giữ chức vụ thày *sãi*... Sau bài giảng đó, ông đứng lên và lớn tiếng nói với tôi trước mặt mọi người tương tự như sau. Tôi đã trải qua mười bảy năm tuổi đời để trung thành và kiên trì phụng sự nhà chùa, vì tôi xác tín rằng

với những việc phục dịch của tôi, tôi được các thần tôi tôn thờ trả công cho tôi, nghĩa là ở đời sau các ngài đối đãi tốt với vong linh cha tôi đã quá cố bỏ tôi từ hồi tôi còn nhỏ dại. Nhưng khi nghe bài giảng của cha, tôi thấy tôi đã phí phạm thời giờ ... Bây giờ tôi phải làm gì để đền tội và sửa sai ? Tôi đáp là tôi khuyên ông can đảm và Thiên Chúa cao cả làm chủ mọi việc, một mình Người đáng cho ta phục dịch, Người rất nhân hậu, Người không bỏ những kẻ thành tâm trở lại cùng Người. Vậy ông nên làm như người lữ hành đã mất một phần ngày lạc đường, nhưng vừa thấy mình lạc thì tìm đường ngay nẻo chính để chuyên chú tiến bước, không còn để mất thời giờ tìm lại nữa. Phần ông đã bỏ mất những năm tháng tốt đẹp để phụng thờ hư vô và tội ác biết bao thần giả trá, thì không trì hoãn, ông phải bỏ việc đã làm và nhập hàng ngũ những kẻ tin theo chân lý ông đã bắt đầu nhận biết. Ông sẽ được tha thứ các tội và được thưởng công xứng đáng. Ông thành tâm nghe lời tôi khuyên bảo và thực hành ngay tức thì. Ông liền bỏ đền ông đã phục dịch và những bổng lộc lớn ông được để vâng theo chức vụ và ơn Đức Thánh Linh. Ông cũng thông truyền cho một số lương dân tin tưởng nơi ông và bây giờ ông dẫn dụ cho biết chân lý. Còn ông (được rửa tội ngày lễ thánh Phanchicô Xavie) ông lấy tên rửa tội là Phanchicô. Lòng sốt sắng của ông không ngừng ở đây, và mấy ngày sau, ông đến tìm chúng tôi và nài xin chúng tôi cho ông được ở với chúng tôi. Chúng tôi sẵn sàng đón nhận ông, vừa để có ông là chứng nhân quan trọng của đời tư chúng tôi và vừa để cho ông tinh thông các điều giáo lý mà chúng tôi đọc cho ông mỗi ngày một giờ để ông học thuộc lòng trong mấy tháng. Ông chăm chỉ học cho có đủ khả năng dạy kẻ khác, như ông vẫn làm cho tới nay, với nhiều kết quả. Thế rồi ông tự thú với chúng tôi rằng một trong những lý do ông tìm đến sống với chúng tôi, chính là để khám phá xem đời sống chúng tôi có phù hợp với giáo lý chúng tôi dạy và khi nhận thấy chúng tôi còn sống khắc khổ hơn điều chúng tôi khuyên răn kẻ khác thì bấy giờ ông mới chịu khuất phục và vững vàng tin theo. Từ đó ông vào dòng chúng tôi, mười lăm năm sau khi ông trở

lại, ông không bao giờ ngừng (cả ngày trong thời gian nhà tập vì cần phải có thợ) làm chức vụ thầy giảng mà ông thừa hành rất xứng đáng và có kết quả không lường được.

CHƯƠNG 20.

CHÚA ĐÀNG NGOÀI BẮT ĐẦU XA LÁNH CHÚNG TÔI

Chúng tôi ước mong được những thành quả lớn lao và tốt đẹp trong giáo đoàn mới ở Đàng Ngoài. Vì thực ra từ lễ giáng sinh cho tới lễ phục sinh đã trở lại hơn năm trăm lương dân, trong đó có mấy người thuộc hàng đệ nhất quí tộc và rất nhiều người khác có nhiều vợ trước khi chịu phép rửa tội, theo phong tục bản xứ, nay đã can đảm bỏ, chỉ giữ lại một vợ chính thức mà thôi. Đây là một thắng lợi làm đẹp lòng Thiên Chúa và để thưởng công, Người đã cho một số nhờ lời cầu nguyện được ơn trừ qui khỏi người chúng ám.

Nhưng cũng là điều làm cho ma quỉ điên rồ chống lại chúng tôi. Từ đó, chúng dùng hết thế lực của chúng để gây trong tâm trí nhà chúa sự ghen ghét chúng tôi và các công việc chúng tôi làm. Trước hết chúng lợi dụng chính các bà *vợ bé* mà các giáo hữu tân tòng lại li dị. Các bà này khinh dể không chịu lấ những người chồng ở giai cấp thấp hơn những người trước, nên gây xôn xao trong kinh thành, đến nỗi các tiếng đồn và tiếng than vãn tới

tai chúa, ngài cũng có nhiều cung phi và không muốn bỏ, nên phật ý vì thấy có thần dân tốt hơn và có lương tâm hơn mình. Do đó chúa giận chúng tôi vì chúng tôi bắt dân tân tòng phải li dị các vợ mọn. Chúa gửi một văn thư tai hại và khá chua xót không phản chiếu mối thịnh tình tới nay chúa vẫn có đối với chúng tôi. Văn thư này được thảo tương tự như sau : "Đạo nào (hỡ các ngươi) các ngươi giảng trong nước ta ? Các ngươi truyền cho thần dân ta chỉ được lấy một vợ mà ta thì muốn có nhiều để sinh nhiều con trung thành với ta. Từ nay các ngươi hãy gạt đi đừng giảng đạo đó nữa : nếu các ngươi không tuân lệnh thì ta sẽ chém đầu các ngươi và ngăn cấm các ngươi từ nay chớ tiếp tục làm điều ta cấm". Nhận được văn thư mà người ta nói là do chúa gửi tới, chúng tôi hơi nghi ngờ không biết có thật do chúa, ngài chưa bao giờ nói với chúng tôi với cung giọng này hay với những lời lẽ như thế, hoặc nếu không phải do sự bày đặt của người mang văn thư mà chúng tôi biết là có rất nhiều vợ. Chúng tôi nhớ lại việc đã xảy ra ít lâu nay, có một tên *trộm ban đêm* đột nhập nhà chúng tôi và gặp một ông già không ngủ được, hắn nói, để ngăn cản không cho ông hô hoán lên, rằng nó được lệnh chúa đến giết tôi trong giường, thế là ông già ngậm miệng để nó vào phòng tôi lấy hết những gì nó thích, thế nhưng không động đến bản thân tôi. Do đó chúng tôi vẫn nghi ngờ không sao giải quyết nổi và cũng không dám lên trình chúa. Chúng tôi vẫn tiếp tục như thường lệ : phấn đấu và lên án đa thê, không sợ đe dọa bị chết, vì đó là điều chúng tôi mong mỏi và vì là phần thưởng vinh quang nhất về những việc nhỏ mọn chúng tôi làm và biết rằng hạnh phúc của chúng tôi ở đời này là sửa soạn vinh quang đó.

Ma quỉ còn khích động nhiều thù địch hơn nữa nơi chúa, đó là những *hoạn quan* có nhiệm vụ săn sóc các cung phi. Họ sợ chúa trong quá khứ vẫn quí mến chúng tôi, nếu ngài tin đạo và chiều theo đạo thì phải ruồng bỏ các cung phi, mà họ thì dựa vào các bà để được mọi nguyện vọng, thế là họ thuyết phục chúa

rằng tôi la thày phù thủy làm mê hoặc người ta bằng lời nói của tôi, tôi sai khiến làm các việc theo ý tôi và có thể sát hại nếu tôi muốn bằng hơi thở của tôi. Họ vận động thế nào mà chúa không còn muốn nghe tôi nói và không còn vời tôi đến gần chúa, bởi vì (theo họ phao tin) hơi thở tôi có thể làm cho chết. Tôi không biết cảm tưởng xấu họ đổn về tôi thế nào, nên tôi sửng sốt thấy chúa chẳng còn vời tôi đến đàm đạo với chúa và dự tiệc như trước vẫn có lệ, như cho tôi ngồi cạnh ngài và tự tay tiếp thức ăn cho tôi, thực ra nếu tôi được vời và thường rất hiếm, để thưa truyện với chúa, thì bây giờ tôi phải đứng ra, đến nỗi như thể chúa nặng tai, phải có viên hoạn quan đem lời tôi đến chúa, mà thường hoạn quan tự ý làm sai lạc lời tôi nói. Tôi không biết việc thay đổi này bắt nguồn từ đâu.

Tin đồn tôi là phù thủy và tôi giết hại bởi hơi thở tôi nếu ai đến gần tôi, tin đó đã gieo rắc sâu trong phủ chúa, đến nỗi một hôm có một tướng lãnh trong phủ đến nhà thờ chúng tôi đúng lúc tôi đang giảng. Ông đứng ngoài cửa. Vì lịch sự tôi cho mời ông lại gần tôi để nghe rõ điều tôi giảng, nhưng ông đi ra và rút lui, sau này người ta cho tôi biết, vì ông sợ đến gần tôi khi tôi mời ông, tôi có thể làm ông chết vì hơi thở của tôi. Thật ra tôi thán phục những con người ngây ngô và ma quỉ mưu mô xảo quyệt đã làm cho người ta xa lánh không nghe lời Thiên Chúa. Tên quỉ quái này còn dùng cách đó để gièm pha và làm cho người ta nghi ngờ phép rửa tội chúng tôi cử hành. Bởi vì một ngày chủ nhật, sau cơm tối, tôi sửa soạn làm phép rửa tội cho hơn tám mươi người, tới nghi thức muối phép đặt trên dĩa thì có một lương dân do ma quỉ xúi giục bước vào nhà thờ và lớn tiếng kêu lên : hãy coi chừng, quân khốn nạn, hãy coi chừng bùa ngải trong dĩa. Nói xong, hắn chạy mất. Thế là buộc lòng tôi phải giơ cho mọi người dự xem trong dĩa chỉ là thứ muối bản xứ đã làm phép. Mọi người đều tin và không bị ngăn cản chịu phép rửa tội cách sốt sắng.

CHƯƠNG 21.

NHỮNG CÁCH THẾ CHÚNG TÔI DÙNG ĐỂ XOA DỊU TÂM TRÍ CHÚA VÀ ĐÁNH TAN NGỜ VỰC TRONG KHI THÙ ĐỊCH THEO DÕI CHÚNG TÔI

Trong khi chúng tôi không được chúa vời tới như trước và được chúa tin cậy thì xảy ra *nguyệt thực*. Chúng tôi cho phổ biến hình vẽ và viết trên trang giấy mấy ngày trước khi xảy ra, với mấy lời cắt nghĩa sơ qua về độ lâu, từ đầu cho tới cuối. Phải thêm rằng mặc dầu người ta theo tục lệ đưa ra tất cả súng ống trong nước, nhưng không làm cho độ lâu ngắn lại một phút, và khi người ta không làm gì được để cứu mặt trăng và để đuổi hay dọa con rồng nhất quyết cắn xé vật đó, thì mặt trăng vẫn cứ bị ăn toàn khối như chúng tôi đã phác họa. Và vì chúng tôi không còn được tự do đi lại nơi phủ chúa, thì chúng tôi đã có cách chuyển đến tay chúa hình ảnh chúng tôi công bố. Chúa xem kỹ và cấm ngặt, nếu không sẽ bị trừng trị nặng, không cho bắn một phát súng nào, chỉ được làm những gì theo tục lệ trong đêm có nguyệt thực mà thôi. Và khi đã thấy mọi sự xảy ra như chúng tôi đã nói trước, thì chúa rất khen sự hiểu biết của chúng tôi và bắt đầu bênh vực chúng tôi chống lại những kẻ nói xấu chúng tôi. Dầu sao ngài vẫn còn một chút sợ chúng tôi, không tin chúng tôi như trước, tâm trí ngài còn vương vấn vào hai hạng người ra tay làm hại chúng tôi.

Hạng người thứ nhất là những *thày phù thủy*. Vì chúa tin theo dị đoan điên dại và ma quái, nên họ cũng dễ làm cho chúa nghe theo vu khống của họ. Điều làm cho họ ghét chúng tôi đó là thấy giáo dân tân tòng khắp nơi làm phép lạ chữa bệnh nhân, như thế pháp thuật của họ bị xuống giá, người ta ít dùng và nguồn lợi nhuận cũng giảm. Thực ra cũng có một

số bệnh nhân chết, chúng tôi đã rửa tội trước, vì chúng tôi tới thì đã quá muộn. Do đó họ gọi đạo chúng tôi là *đạo chết* và phao tin đến tai chúa là chúng tôi đến để sát hại thần dân của chúa và những quân binh tốt nhất của ngài, chúng tôi làm chúng yếu sức để rồi rơi vào tay địch. Thật là một vu khống bỉ ổi, nhưng được cái là chúa dễ dàng lấy lượng khoan hồng và lý trí mà bênh chúng tôi.

Nhưng chúa dễ nghe theo những tố cáo của các *thầy sãi*. Những người này rất ghét chúng tôi vì thấy đền thờ của họ trở nên hoang vu, lợi lộc suy giảm. Thế là họ vận động chúa vì chúa rất ưng việc thờ cúng tà thần, coi chúng tôi là thù địch. Lúc này xảy ra việc trở lại đạo của viên quan rất tốt cùng cả gia quyến (khi ông còn là lương dân) ông đã cho dựng một nhà dùng làm đền tà thần, nhưng chưa dựng bàn thờ và đặt tượng. Nhưng vì ông chịu phép rửa tội, nên ông thay đổi dự định và nhất quyết biến nhà đó làm nhà thờ, để thờ phượng Thiên Chúa và đức Giêsu Kitô Con Thiên Chúa. Ông mời chúng tôi đến làm phép theo cách thức và các nghi lễ thông dụng nơi giáo dân. Chúng tôi chỉ muốn làm hay nhận sau khi đã đến coi và xem xét tình trạng. Chúng tôi sợ nhà đó còn ở trong tình trạng một đền khác ở ngoại ô kinh thành. Đền này đã do mấy giáo dân dựng trước khi trở lại đạo, rồi sau dâng cho chúng tôi để làm thành nhà thờ. Nhưng nhà này còn đầy dị đoan và tượng thần vẫn còn ngự trên bàn thờ. Thế là chúng tôi không muốn nhận, trái lại cứ để cho thành hoang vu đổ nát, vì sợ nếu chúng tôi đập phá tượng thì làm phật ý những kẻ mê tín sùng bái và chúng tôi bị họ ghét và bị bắt. Đó cũng là lý do giáo luật rất khôn ngoan đề phòng. Nhưng nhà này, sau khi chúng tôi đến thăm và thấy có đủ điều kiện, vì chưa dùng vào việc thờ tà thần thì chúng tôi nhận và long trọng dâng kính đức thánh mẫu Mẹ Thiên Chúa, đặt ảnh Người trên bàn thờ, Người bồng Con là Đấng Cứu Thế có Ba Vua quỳ chầu. Rồi chúng tôi còn dâng thánh lễ và sau cùng là một bài giảng riêng về nghi lễ

cung hiến, trước mặt đông dân chúng gồm có cả giáo dân tân tòng và lương dân, tất cả đều rất hài lòng.

Thế là ma quỉ điên rồ và phẫn nộ xúi các thày sãi vu khống chúng tôi nơi chúa rằng chúng tôi đập *phá tượng thần ở các đền*. Chúng xin chúa thu xếp và xét xem đạo chúng tôi giảng là *đạo hủy diệt các thần và phá đổ tôn giáo* cổ truyền trong nước, có nên được dung thứ không. Không điều tra thêm, chỉ dựa vào một cuộc họp vội vã, chúa liền ra sắc lệnh phạt rất nặng và cấm thần dân trong nước từ nay không được theo đạo Kitô là đạo phá đổ thần phật từ mọi đời vẫn được thờ cúng. Sắc lệnh được niêm yết ở cửa nhà chúng tôi, trước mặt chúng tôi và trước mặt đa số giáo dân. Việc này làm cho chúng tôi rất lo sợ và bắt buộc chúng tôi phải tức thì chạy tới chúa và xin ngài cho chúng tôi được đến triều yết. Ngài bằng lòng. Chúng tôi trình bày, tại sao địch thù mỗi ngày vì ghen ghét chúng tôi mà đặt ra những vu khống sai lạc để làm hại chúng tôi, và chỉ có sự khôn ngoan sáng suốt như khôn ngoan sáng suốt của chúa mới khám phá ra, đâu là những ơn huệ và biệt đãi chúng tôi nhận được do lòng nhân ái của chúa, do đó làm cho họ thù ghét và vu khống chúng tôi là những người vô tội. Chúng tôi khiêm tốn khẩn nài ngài đừng lên án chúng tôi, theo những lời địch thù tố cáo trước khi chưa nghe chúng tôi thưa trình. Muốn thế trong khi chờ đợi điều tra thêm, xin ngài hủy bỏ sắc lệnh đã niêm yết, theo ngài truyền, ở cửa nhà chúng tôi. Kỳ lạ thay, lời khẩn nài đã làm dịu cơn giận chúa và lấy lại được lòng ngài. Tức khắc ngài nhận lời cho chúng tôi quyền rộng rãi để giảng đức tin với điều kiện là không được đập phá tượng thần. Chúng tôi chân thành cảm tạ ơn huệ ngài ban và cho ngài tin chắc rằng không bao giờ chúng tôi dạy giáo dân đập phá tượng, trái lại chúng tôi cấm ngặt không để họ lăng mạ và nghiêm chỉnh căn dặn họ phải sống hòa bình với hết mọi người. Thế là chúa rất hài lòng đến nỗi còn ban cho nhiều thứ thịt ngon, chúng tôi chia cho giáo dân, khi chúng tôi vào chầu, còn họ ở lại trong nhà thờ để cầu xin cho chúng tôi.

Khi thấy chúng tôi trở về được như ý và hồi phục ơn huệ chúa ban (cứ theo quà chúa ban cho thì biết), họ liền đội ơn Thiên Chúa nghìn lần.

CHƯƠNG 22.

GIÁO DÂN TÂN TÒNG SỐT SẮNG MỪNG CÁC LỄ TRONG NĂM.

Chúng tôi đã mừng *lễ Giáng sinh*[34] hết sức long trọng, nghĩa là chúng tôi bắt đầu rửa tội công khai mấy kẻ tân tòng, được tái sinh trong Chúa Kitô vào chính ngày Người giáng sinh. Hơn nữa, trong đêm Noen giáo dân tân tòng sốt sắng và hoan hỉ hát các bài ca sinh nhật và những bài ca tôn giáo khác. Mà vì ban đêm, không cho phép phái nữ vào nhà thờ theo thuần phong mỹ tục xứ này, nên mới tảng sáng, họ đã dậy sớm và đến nhà thờ rất đông. Chúng tôi trình bày ảnh đức Giêsu hài đồng cho họ bái thờ và hôn kính, mọi người đều tỏ ra xúc động và cảm mến không sao tả được.

Tới ngày đầu năm, theo tục lệ lương dân, thường có những cúng bái mê tín dị đoan trong ba ngày Tết.[35] Chúng tôi truyền cho giáo dân làm những việc đạo đức trong ba ngày này : để thay thế cái hộp treo ở đầu cây nêu cao dựng ngay ở cửa nhà, như chúng tôi đã nói ở quyển một, thì chúng tôi khuyên họ đặt cây thánh giá : họ làm theo. Thế là trong khắp phố phường trong kinh thành người ta xem thấy biểu hiệu đáng kính của việc cứu rỗi được dựng cao vót quá mái nhà làm cho ma quỉ sợ hãi và các thiên thần vui mừng. Chúa cũng nhận thấy khi vào ngày đầu năm ngài đi qua phố, trong đám rước long trọng đã kể ở trên; thấy thánh giá cắm cao chót vót thì ngài nói : đây là biểu hiệu của giáo dân. Trong ba ngày đầu, chúng tôi đã cho huấn dụ và cho giữ như sau. Ngày mồng một Tết kính công việc tạo thành và gìn giữ (muôn loài), kính dâng Thiên Chúa Cha. Ngày mồng

hai, nhận biết ơn cứu chuộc, cao cả khôn sánh, kính dâng Con Thiên Chúa và ngày mồng ba, khiêm tốn cảm tạ Chúa Thánh Linh vì ơn được gọi vào đạo Đức Kitô. Và không ai là không hăm hở làm các việc này,, không ai là không vui mừng sung sướng.

Sau đó ít ngày là lễ đức *Trinh Nữ Dâng mình* vào Đền thánh. Chúng tôi long trọng làm phép nến.[36] Mỗi giáo dân tân tòng đều cầm nến sáng bước vào nhà thờ. Họ làm rất vui vẻ và với những tâm tình sốt sắng. Rồi họ được đem nến về nhà dùng trong trường hợp có người chết để ghi nhớ lại. Họ rất sung sướng. Lương nhân thường sợ không muốn nhắc đến cái chết và không ai dám đọc tên đó ra trước một người quyền quí, vì thế để khỏi làm phật ý, họ phải nói trại đi hoặc nói quanh. Còn giáo dân, ngay cả những người cao sang, họ không còn ngại nghe nói tới cái tên thường làm cho người khác không bằng lòng, họ còn lợi dụng để học cách dọn mình chết lành. Họ tin nến làm phép này giúp họ trong giai đoạn tối hậu và nguy hiểm của đời sống, để xua đuổi tướng lãnh tối tăm và địch thù của ơn cứu rỗi.

Tới *mùa chay thánh*, trong giáo hội Kitô giáo người ta giữ chay rất sốt sắng, còn đối với người Đàng Ngoài thì không khó khăn gì. Chúng tôi biết lương dân giữ chay rất ngặt để tôn sùng tà thần, họ không những kiêng thịt và trứng, lại kiêng cả sữa là thứ không thông dùng ở xứ này, kiêng cả hết các thứ cá, và không phải trong một hay hai tháng mà suốt đời, đến nỗi họ điên dại mê tín tin rằng họ phạm một trọng tội nếu giết một con vật nào hay bất cứ một con chim nào, vì không phân biệt giữa tội giết một người với giết một con gà. Dẫu biết Giáo hội không bắt giữ chay nghiêm khắc như thế, song tất cả những người Giáo hội không chuẩn cho, đều giữ rất sốt sắng trong suốt mùa chay. Vào đầu *mùa Vọng* thì tôi cho họ biết là cũng có nhiều người nhiệt tình ăn chay trong mùa này cho tới lễ Sinh Nhật. Vì thế cũng không ít giáo dân nồng nàn giữ chay.

Theo tục lệ trong Giáo hội, vào cuối mùa chay,[37] chúng tôi *làm phép lá*. Mà bởi vì trong khắp nước Annam không có cây ôliu, chỉ có rất nhiều cây dừa xanh tốt, nên chúng tôi sử dụng lá dừa trong nghi lễ. Không những có rất nhiều giáo dân mà cả lương dân cũng đến dự nghi lễ làm phép lá. Cả nhà thờ, cả ở ngoài cũng không đủ chứa, mặc dầu có sân rất rộng, thành thử có ít người phải ra ngoài. Giáo dân sốt sắng giữ lá phép và đem về nhà dùng để xua đuổi tà ma và quỉ ám. Trong thời gian thánh này, mọi người đều xưng tội rất sốt sắng, nhưng tất cả không được rước lễ vì thiếu bánh thánh, tất cả bánh chúng tôi lưu trữ đều bị hỏa tai đem đi hết. Không sao nói hết tâm tình thương mến và khóc lóc khi họ đến thờ lạy ảnh thánh giá ngày thứ sáu tuần thánh, nghi lễ này làm cho họ rất động lòng sốt sắng và xót thương.

Chúng tôi không cử hành nghi thức kinh đêm trong tuần thánh vì chúng tôi có ít người và giáo dân tân tòng không giúp chúng tôi được việc gì vì không hiểu biết sách (latinh). Để cho họ khỏi bị thiệt thòi, thì chúng tôi đã chia các mầu nhiệm thương khó làm *mười lăm đề tài chính*. Cứ sau khi đọc chung mười kinh chuỗi hạt thì ngắm một đoạn và suy niệm một trong mười lăm sự thương khó, sau mỗi lần như thế thì lại tắt một trong mười lăm ngọn nến sáng theo tục lệ trong Giáo hội Rôma. Trong nghi lễ, họ khóc lóc, kêu gào và rên rỉ tỏ lòng mến thương những thống khổ và cái chết Chúa Cứu thế chịu, người lân cận cũng đến nghe. Vì thế phải khuyên họ kiềm chế để làm cho lương dân không còn cớ phán đoán sai lầm về lòng đạo đức của họ, chính lương dân làm gì có những tâm tình đó.

CHƯƠNG 23.

CÁI CHẾT LÀNH THÁNH CỦA MẤY GIÁO DÂN

Trong tuần bát nhật Phục sinh mà chúng tôi đã cử hành rất hoan hỉ và long trọng, thì Thiên Chúa đã gọi về cháu Người ba giáo dân sốt sắng nhất như thể Người hái những trái chín nhất đem về đời vĩnh phúc.

Người thứ nhất mới là giáo dân được bảy tháng và có tên rửa tội là *Tađêô* một người lương thiện và rất nhiệt thành tuân thủ bổn phận một giáo dân tốt. Thân thể thì ốm yếu nhưng tinh thần thì mạnh mẽ, ngày đêm chỉ suy niệm luật Thiên Chúa. Ông ngã bệnh nặng và thấy cái chết không xa. Ông mời chúng tôi đến để học cách ăn ở của người giáo dân tốt. Chúng tôi đến ngay và thấy ông đã quá yếu sức, chúng tôi khuyên ông chịu các phép bí tích để vượt qua bước cuối cùng và nguy hiểm, ông bắt đầu bằng việc xưng tội. Ông hỏi chúng tôi xem có phải xưng các tội trước khi chịu phép bí tích thứ nhất. Chúng tôi đáp là không, vì các tội đó đã hoàn toàn được xóa bỏ bởi phép bí tích đầu tiên và tuy cũng nên tái thống hối tất cả những tội cũ, nhưng chỉ buộc phải xưng những tội phạm từ khi chịu phép rửa tội là chất liệu của phép giải tội, thường gọi là bàn thứ hai sau cơn đắm tàu. Tađêô nghe vậy thì tạ ơn Thiên Chúa, ông nói, tôi chỉ biết xưng tội, lương tâm tôi không khiển trách tôi từ ngày tôi chịu phép rửa tội, tôi luôn luôn chuyên chú làm đúng theo hết sức tôi lề luật và huấn giới Thiên Chúa truyền. Trên đầu ông, ông để cuốn sách kinh trong đó có mười lề luật Thiên Chúa. Tôi cầu nguyện cho ông bên cạnh giường ông, theo tục lệ và sau khi khuyên bảo ông đôi lời tôi lui ra để cho ông nghỉ, sau đó tôi trở vào thì tôi đã thấy ông trút hơi thở cuối cùng trong Thiên Chúa, tay vẫn nắm chặt trên ngực cuốn sách kinh[38] ông quí mến trong đó có chép mười điều răn thánh.

Hai người khác cũng chết hầu như cùng một lúc, cả hai đều nổi tiếng về dòng dõi sang trọng, nhưng nhất là về nhân đức và đạo hạnh. Cả hai đều có tên rửa tội là *Phêrô* và cả hai đều chết vào ngày Giáo hội cho đọc Phúc âm thánh Phêrô đến viếng mộ Chúa Giêsu. Chúng tôi và tất cả giáo dân đều rất tiếc vì thấy hai cột trụ của Giáo hội sơ sinh Đàng Ngoài đã đổ ngã. Người thứ nhất là viên *tướng lãnh* đã nói ở trên. Ông rất trung thành với chúa đương thời và với đức tiên vương thân phụ. Viên tướng lãnh nhân đức này khi vừa xung phong làm quân binh đức Kitô thì đã tuyên bố với các con rất đông rằng ông sẽ không nhận chúng là con nếu chúng không nhận Thiên Chúa đấng tạo thành vạn vật làm Cha và đức Giêsu là Con Người. Vì thế ông lôi cuốn chúng tin theo đạo Kitô cùng vợ ông và gia nhân. Ông còn tỏ lòng nhiệt thành và sốt sắng trong sự kiên trì đi nhà thờ. Vì khi đã làm các việc thuộc chức phận trong phủ chúa và tháp tùng chúa khi chúa ra triều yết để hộ vệ bản thân ngài, thì ông đến nhà thờ và sau khi làm việc đạo đức riêng rồi thì ông đứng ở cửa nhà thờ để ngăn cản không cho có tiếng ồn ào và lũ người tới làm át tiếng giảng, thành thử ông như chân gác cửa. Mà vì ông được chúa tín nhiệm nên ông canh chừng cho mọi người làm việc bổn phận và giữ không để lương dân chỉ đến nhà thờ vì tọc mạch. Thiên Chúa cho ông dọn mình chết vì một việc bác ái và kiên tâm chịu khó vào cuối mùa chay. Trong thời gian này ông chứa trong nhà tới mười sáu bệnh nhân, trẻ cũng có mà tôi tớ của ông cũng có, trong số người này có người đã chết. Đêm ngày ông tận tâm tận lực thi hành đủ thứ bác ái. Ông tỏ ra kiên trì và không mệt mỏi để hầu hạ cũng như giúp họ tắt thở. Những khó nhọc ông nhẫn nại chịu đựng đã làm cho ông ngã bệnh. Chúng tôi không bao giờ bỏ ông, hằng giúp đỡ ông cho tới khi ông sốt sắng, chân thành phó thác linh hồn nơi Thiên Chúa. Chúng tôi mong cho ông sống lâu hơn để được nâng đỡ và được nhiều ích lợi nhờ thanh thế của ông. Nhưng Thiên Chúa quan phòng đã kín đáo muốn an

bài cách khác. Sau khi ông mất chúng tôi có nhiều lý do luyến tiếc và sợ hãi, vì ngôi nhà giáo hội cùng khổ này rạn vỡ, từ khi cột trụ lớn đã đổ. Địch thù của chúng tôi, chúng đã âm mưu quỉ quái vu khống cho chúng tôi là đã làm phù phép để giết hại một người rất cần cho chúng tôi. Chúng còn muốn thuyết phục chúa ghét chúng tôi.

Cùng một ngày cái chết của người thứ hai cũng tên là *Phêrô* đủ làm cho chúng tôi đau đớn vì tang tóc. Đó là viên quan đã nói ở trên. Ông biến nhà ông thành nhà thờ, nơi xưa kia ông cúng tế tà thần. Ông là người rất được người em của chúa quí mến và thân thiện. Ông đã đi *công cán* mấy việc quan trọng ở tỉnh Thanh Hóa. Ở đó ông ngã bệnh nặng nhưng không muốn nhắm mắt khi chưa được nhìn thấy chúng tôi và được sự giúp đỡ của chúng tôi. Ông hết lòng cầu xin Thiên Chúa cho ông có đủ phương tiện. Thấy lương y cho bệnh ông là bệnh bất trị thì ông sai quân lính cáng ông về kinh thành, xa chừng mấy ngày đàng, không ngại đường trường và nhọc mệt hành trình, ngay cả cái chết đã nắm chắc, miễn là ông có thể về đến nơi và còn sống để trông thấy chúng tôi. Thiên Chúa cho ông điều ông nhiệt tâm cầu mong. Vừa tới nhà thì ông đã kiệt sức và chỉ còn thoi thóp thở, chỉ còn chút sức do lòng can đảm và sốt sắng. Được tin ông trở về, chúng tôi chạy lại thăm ông. Chúng tôi chưa tới sớm hơn thì ông đã bắt đầu như một Simong thứ hai, bằng lòng chết trong khi ca hát trao phó linh hồn trong tay chúng tôi để chúng tôi chuyển vào tay đấng Tạo Hóa. Ông muốn tạ ơn Thiên Chúa và muốn vậy thì ông quì gối xuống để cầu nguyện theo thường lệ rồi ông yên hàn tắt thở, rất nhẹ nhàng trong tay những người nâng đỡ ông. Vợ ông rất đạo đức tên là Anna, bà xin chúng tôi táng xác ông theo nghi lễ đạo Kitô trong nhà thờ. Chúng tôi hết sức cử hành long trọng, giáo dân tân tòng hội nhau đi dự đông đủ.

CHƯƠNG 24.

CHÚA BAN SẮC LỆNH MỚI CẤM GIẢNG ĐẠO TRONG TOÀN CÕI

Cái chết của hai người có thế giá làm cho thù địch phao tin đồn nhảm và vu khống chúng tôi để cho người ta khiển trách chúng tôi và đạo chúng tôi rao giảng, và cũng để chúa vẫn có ý đồ nay lại ghét chúng tôi. Vì thế chúng tôi rất sầu muộn và sợ hãi trong mùa Phục sinh là mùa vui vẻ, tuy chúng tôi vẫn được tự do tiếp tục giảng Phúc âm và làm các chức vụ và có kết quả khả quan vì rất đông người chịu phép rửa tội và thêm số giáo dân, vào năm 1628 đã lên tới hơn một nghìn sáu trăm trước lễ Ba Ngôi. Trong đa số các tỉnh, số người sẵn sàng theo không phải là nhỏ; một số giáo dân hội nhau trong kinh thành, họ rất nhiệt thành muốn cho người đồng hương được dự phần vào sự tốt lành họ đã nhận được. Do đó thỉnh thoảng chúng tôi thấy đem tới đây những kết quả của cuộc chinh phục, gồm những toán người họ hàng và bạn hữu đến xin chịu phép thánh tẩy. Có một quân binh tên là Phêrô rất đặc biệt, từ quê ông cách xa chừng hơn hai trăm dặm, ông đưa vợ và các con ông còn nhỏ tuổi tới để xin chịu phép rửa tội làm con Thiên Chúa, không quản khó nhọc, không nề đường trường, để tiến bước về thiên quốc.

Thế nhưng ma quỉ không nghỉ yên, nó vẫn có mưu đồ từ đầu ngăn cản tiến triển tốt đẹp của Kitô giáo trong xứ Đàng Ngoài. Nó xúi một người bị án tử hình đã mất lương tâm, một người bản xứ thuộc *chúa Canh*.[39] Ông này trong một thời gian đã làm thày sãi không đủ sống vì ít người đi lại đền kể từ ngày rao giảng Phúc âm. Ông đành làm một nghề khác và đứng đầu một bọn thổ phỉ đánh du kích dưới chiêu đề *chúa Canh* và cướp phá trong khắp xứ Đàng Ngoài. Nhưng quân của chúa giải đi khắp xứ để bắt được hắn và giam ngục. Thấy mình không thể thoát chết, hắn

tìm cách trì hoãn hứa (nếu được hưởng ân xá) thì sẽ phát giác một âm mưu bí mật chống chúa và quốc gia. Người ta bằng lòng nghe hắn và hắn tố giác đạo trưởng Tây dương giảng tự do giữa kinh thành và nơi phủ chúa Đàng Ngoài làm mật vụ *gián điệp cho chúa Canh* cũng như cho chúa Đàng Trong; họ đã thông đồng với nhau khi đến thời điểm, mỗi bên đều có một đạo binh tinh nhuệ kết hợp với giáo dân mà châm lửa đốt phủ chúa và trong trận chớp nhoáng này họ dễ dàng bắt chúa và toàn quốc qui phục quyền họ. Đó là vu khống mà tên đạo tặc đặt ra để chống chúng tôi. Chúa nhận được tin này, toàn thể giáo dân cũng biết và tức khắc báo cho chúng tôi hay. Nhưng chúng tôi tin vào lòng ngay thẳng vô tội của chúng tôi nên thấy không cần bào chữa, chỉ cậy nhờ sự săn sóc của Thiên Chúa quan phòng, Người nhận việc bảo vệ chúng tôi. Chúng tôi không nói gì, cũng không tự thanh minh cho tới khi chúa vời gọi chúng tôi.

Thế nhưng theo tin đồn chồng chất các vu cáo cũ và mới đối với chúng tôi, chúa không biết nên tin hay nên làm thế nào. Chúa liền quyết định ngăn cản chúng tôi hoạt động và làm cho vô hiệu những công việc của chúng tôi ở xứ này. Chúa ra *sắc lệnh* long trọng tuyên bố như sau. "Ta, chúa Đàng Ngoài, được biết khá đầy đủ các tây dương đạo trưởng ở trong phủ ta, tới bây giờ không dạy dân đạo lý tà vạy và xấu xa. Thế nhưng không biết trong tương lai sẽ làm những gì hay hiện tại mưu đồ những gì. Vậy từ nay ta cấm hết các thần dân ta, chúng sẽ bị xử tử nếu còn đi lại với họ hoặc theo đạo họ giảng". Lời lẽ sắc lệnh tương tự như vậy, không phải chỉ niêm yết như thường lệ mà khắc trên ván gỗ và dựng ở trước nhà chúng tôi.

Đó là ngày lễ Ba Ngôi. Suốt ngày có sự xôn xao từ trong kinh thành cho tới nhà chúng tôi. Suốt ngày lương dân đi đi lại lại trước nhà. Họ họp từng đàn từng toán để chửi rủa chúng tôi, cho chúng tôi đã bị chúa ruồng bỏ, rồi họ rút lui với nhiều hăm đe, đến nỗi trong *cơn náo động* và lo sợ này chúng tôi không dám dâng thánh lễ và giáo dân không dám vào nhà

thờ để cầu nguyện Thiên Chúa hay yên ủi chúng tôi. Có người còn cam đoan với chúng tôi là ngay ngày hôm nay người ta sẽ giết chúng tôi. Chúng tôi không bỡ ngỡ lắm nếu chúng tôi được vinh quang thuộc về chúng tôi đó, nếu ngày hôm nay Chúa Cứu thế truyền cho chúng tôi đi giảng cho hết các dân và rửa tội cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, thì chúng tôi rất mực sung sướng được đổ máu mình để xưng tụng Ba Ngôi rất thánh và hằng hữu. Thế rồi chúng tôi vĩnh biệt hết các giáo dân có mặt và cho họ lui về vì sợ họ bị liên lụy trong dịp này. Vừa quì gối trước bàn thờ để chờ lúc Thiên Chúa định cho chúng tôi sẵn sàng theo ý Người thì này đây tiến vào không biết một kẻ nào đó, cầm một cây gậy lớn ra lệnh cho chúng tôi phải đập phá bàn thờ và cất ảnh trên đó đi. Chúng tôi trả lời là nhà này và bàn thờ này được dựng do lệnh của chúa và bây giờ phải có lệnh của chúa thì mới cất đi và dời đi được. Nhưng hắn lên tiếng ngạo mạn (nói) chính ta ra lệnh và muốn lật đổ tất cả xuống đất. Vừa nói hắn liền giơ gậy, giận dữ và cuồng tín, hắn phang một gậy vào ảnh Chúa Cứu thế gắn trên bàn thờ, ảnh bị nhàu và rách tay. Nhưng khi hắn phạm tới ảnh thì cũng chạm đến tim gan chúng tôi đến nỗi không còn chịu để hắn tiếp tục xúc phạm đến Người, chúng tôi cầm lấy ảnh và lấy toàn thân chúng tôi che lấp ảnh, đưa vai cho hắn đập, miễn là cứu được ảnh an toàn. Hắn ra khỏi nhà thờ sau khi đã huênh hoang giận dữ. Nhưng công bằng Thiên Chúa không để tội phạm thánh này không bị trừng trị, vì chừng bốn tháng sau, hắn bị bắt quả tang ăn trộm và quan tòa đã lên án chặt các ngón tay hắn như cách hắn đã cắt và xé tay ảnh Chúa Cứu thế.

CHƯƠNG 25.

GIÁO DÂN CHỊU TANG TÓC, CHÚNG TÔI ĐƠN ĐỘC VÀ VIỆC RAO GIẢNG TẠI GIA

Bàn thờ bị đập phá, nhưng họ không đụng tới chúng tôi, nhà chúng tôi vẫn được tự do và toàn vẹn. Giáo dân không được phép lại gần chúng tôi vì luôn có lính gác không cho ai lui tới. Họ rất tiếc, rất buồn vì phải ở nhà mình, họ khóc lóc và như chịu tang tóc vì vắng chúng tôi và không được tới nhà thờ. Có lần chúng tôi đã nhất quyết vào hầu chúa và cho chúa biết sự thể nhưng lính gác can ngăn. Chúng tôi đành yên lặng và kiên nhẫn chờ đợi những gì Thiên Chúa an bài cho chúng tôi. Nhưng trong khi nghỉ các công việc liên tiếp suốt bảy tháng tròn, chúng tôi đâm ra có một chút chán nản và sức lực suy giảm chưa bao giờ cảm thấy, ngay trong những cơn nhọc mệt gay go nhất, căng thẳng nhất. Được nghỉ ngơi đôi chút do thù địch bắt bớ chúng tôi gây nên, chúng tôi liền lấy mười lăm ngày để làm việc tĩnh tu với mục đích tân trang tinh thần vừa tu sửa vừa tăng thêm sức lực linh hồn. Thiên Chúa xử rất nhân từ đối với chúng tôi, Người an bài rất đặc biệt, cho chúng tôi cách thế vừa được nghỉ vừa được bồi dưỡng sức thân xác đã suy vi vì tiếp tục chịu khó nhọc. Chưa được cải tạo tinh thần và thể xác, lại không được công khai giảng như chúng tôi vẫn thường hoạt động cho tới nay, chúng tôi quyết định xoay xở cách khác để đi giảng trong các nhà tư. Thực ra vì quí mến chúng tôi nên giáo dân đã dùng mưu kế khôn khéo để đến với chúng tôi, người thì ăn mặc như kẻ hành khất để lẻn vào nhà chúng tôi, như thể đi ăn mày ăn xin, người khác thì bí mật đục vách nhà hàng xóm và với sự đồng lõa của họ, có người lợi dụng đêm tối khi lính gác ngủ say mà đến với chúng tôi. Nhưng chúng tôi vẫn sợ lính phát giác ra lúc đó liều mình chịu vạ chịu phạt, nên thà rằng chúng tôi

bí mật đi ra và tới tìm họ trong nhà họ, để yên ủi họ cũng như để làm phép rửa tội cho người xin chịu.

Người thứ nhất chúng tôi đến thăm là một người quyền quí tên là *Inhaxu*, tướng lãnh một đội ky binh. Ông rất ước ao được gặp chúng tôi, nhưng không dám đến với chúng tôi trong khi chúng tôi bị quản thúc, chỉ sai gia nhân đến và nhất là một giáo dân còn trẻ chừng mười bảy tuổi tên là Linus mà ông đã nhận làm dưỡng tử bởi vì ông không có con trai. Một thanh niên khỏe mạnh, nhưng rất nhiệt thành và khôn khéo, là người đầu tiên trở lại trong gia đình Inhaxu, anh đã lôi cuốn và chinh phục được không những cả gia nhân mà cả cha nuôi. Thế là trong nhà này Inhaxu đã sửa soạn một phòng nguyện rất tiện vừa có thể giảng ở đó vừa có thể làm phép thánh tẩy cho những kẻ đã được chuẩn bị. Chúng tôi ở đây mấy ngày và thu được kết quả chẳng kém gì khi ở nhà. Thế nhưng chúng tôi lại được mời về thôn quê nơi chúng tôi chắc đã sẵn mùa gặt lớn và giáo dân trở lại nóng lòng trông đợi chúng tôi, chúng tôi chỉ tìm cơ hội để đến với họ. Một người trong nhà rất vui mừng đón chúng tôi là một giáo dân nhiệt thành tên là Phêrô. Ông không những đã đem về đạo tất cả gia quyến mà còn rất nhiều người khác, ở nơi ông cư trú cũng như ở các vùng lân cận. Ông thu xếp mời tất cả đến nhà ông để học giáo lý chúng tôi dạy, mỗi ngày còn nhiều người khác tuốn đến vì mục đích này. Nhà ông tuy khá rộng nhưng cũng không đủ chứa hết. Và chúng tôi nhận thấy có sự khác biệt giữa những bài giảng ở thôn quê với những bài giảng trước đây ở kinh thành. Ở kinh thành nhiều người đến vì tọc mạch, chỉ có ít người được khích động bởi lời Thiên Chúa và sinh hoa kết trái, còn ở thôn quê, mặc dầu số người đến nghe ít hơn, nhưng vì họ chú ý tới nghe nên có nhiều người trở lại hơn, kết quả là theo tỉ lệ thời gian, chúng tôi rửa tội được nhiều người ở thôn quê hơn ở kinh thành.

Ở đây không bỏ sót truyện một gia chủ rất tốt săn sóc gia nhân làm các việc đạo đức.[44] Mỗi ngày ông dậy trước hết mọi người, rất sớm và thu họp tất cả trước

bàn thờ ông dựng với một ảnh đẹp. Ông lớn tiếng *xướng kinh* bằng tiếng bản xứ và mọi người đọc theo, như thế chừng nửa giờ đồng hồ. Trước khi đi ngủ cũng vậy. Tôi để ý tới một trẻ nhỏ, chỉ độ năm tuổi, thỉnh thoảng lại ngủ gà ngủ gật trong van kinh, ông bố lấy roi đánh đứa bé và đứa bé không than trách, không kêu la, ngoan ngoãn khoanh tay tiếp tục đọc kinh chăm chỉ. Tôi động lòng thương đứa bé vô tội, tôi xin ông bố nên dịu dàng với nó và cho đọc kinh vào trước cơm tối, lúc này trẻ con chưa buồn ngủ.

CHƯƠNG 26.

BỞI ĐÂU GIÁO DÂN LẠI ĐƯỢC PHEP HỘI NHAU TRONG NHÀ THỜ

Trong thời gian bắt bớ cấm giáo dân hội nhau trong nhà thờ, nhưng họ không bỏ hội nhau vào những ngày chủ nhật và ngày lễ trong nhà tư. Trong kinh thành, họ chia nhau thành sáu toán với những khu phố và nhà nào được chỉ định để hội nhau vào giờ nào để đọc kinh cầu nguyện và làm các việc đạo đức. Chúng tôi rất được yên ủi vì thấy cơn bắt bớ không làm cho họ giảm lòng sốt sắng và trong cơn giông tố lòng triu mến của họ lại càng tăng thêm lửa. Vì thế để duy trì những tâm tình nhiệt thành của họ thì mỗi lần họ hội nhau, chúng tôi gửi đến họ những bức *thư chung*[41] gồm có những lời khuyên bảo thiêng liêng trích trong Phúc âm hay ngày lễ các thánh trong tuần. Mỗi đoàn thể đều nhận được một bản. Họ đọc cho mọi người chăm chú và sốt sắng nghe như thể là lời bởi trời mà đến. Những buổi hội tư như thế cứ tiếp tục trong suốt bốn tháng kể từ khi có sắc lệnh. Sau đó xảy ra một tai nạn làm cho chúng tôi được một chút tự do để thừa hành các chức vụ trong kinh thành và cho giáo dân được đến gần chúng tôi. Số là trong buổi hội vui bên sông, có chúa dự và viên pháo thủ là một

giáo dân phục dịch chúa sau khi đã làm việc với người Bồ. *Viên pháo thủ* bị chết cháy vì tình cờ thuốc nổ trong khi ông bắn súng hỏa pháo, theo lệnh chúa trong dịp hội công cộng này. Xúc động về cái chết bất thần xảy ra vào dịp này, chúa truyền cho giáo dân thay mặt chúa, tổ chức đám tang long trọng hết sức. Chúng tôi đảm nhận và thu tập được hơn một nghìn giáo dân long trọng đưa linh cữu cho tới nơi chỉ định để hạ huyệt ở vùng thôn quê. Ở đây tôi giảng trước mặt mọi người với lời mở đầu trích trong Ca đệ nhất : Đông tàn và mưa tạnh. Tôi minh chứng rằng những cơn bắt bớ Thiên Chúa cho phép xảy đến với giáo hội là để thử lòng trung thực của giáo dân. Là điều chắc chắn và được công nhận là người tốt thì càng vững đức tin, như cây trồng sâu thì mùa đông bám rễ rất mạnh, còn kẻ hèn nhát thì suy sụp và bị cơn cám dỗ cuốn lôi đi như trấu bay theo gió. Tựu trung phải trông vào Thiên Chúa nhân hậu làm cho sự bắt bớ gieo tang tóc trong giáo hội sơ sinh Đàng Ngoài càng làm cho giáo hội thêm vững. Thế nhưng không nên làm quá sức mình, chỉ mong sao cho dịu bớt căng thẳng và cho chúng ta có phương tiện hội họp nhau. Khi tôi trình bày các lý lẽ thì mọi người đều khóc chảy nước mắt. Tôi cũng khuyên họ giữ điều độ trong việc dùng phép được đến gần chúng tôi để không làm cho lương dân lấy cớ tung ra những vu khống mới.

Có một điều cất bớt sầu khổ và giúp rất nhiều cho lòng nhiệt thành và đạo đức của giáo dân, đó là hầu hết các nhà ở cạnh chúng tôi đều thuộc về giáo dân. Chúng tôi có phương tiện rất dễ để hội nhau kín đáo hơn và làm các chức vụ âm thầm hơn, đó là cử hành trong những nhà này. Ở đây cũng có ích lợi chẳng kém cho người ở trong kinh thành cũng như những người từ rất xa tìm đến chúng tôi.

Trong đám người này có một *bà tám mươi tư tuổi* đã được ơn gọi đặc biệt. Nghe nói tới đạo Kitô trong nơi bà ở xa kinh thành chừng một trăm dặm và được Thiên Chúa soi sáng, bà lên đường chỉ vì lần đầu tiên được biết và biết một cách còn lờ mờ, để tới chịu giáo

huấn. Tới kinh thành, bà không nghỉ khi chưa gặp chúng tôi, bà rất chăm chú nghe cắt nghĩa giáo lý và ít lâu sau bà sẵn sàng được chịu phép rửa tội. Thế nhưng khi biết chúng tôi không nhận những người chưa thuộc lòng kinh các tông đồ, kinh lạy Cha và kinh thập điều thì bà không nản lòng và vì không muốn được miễn vì tuổi tác, bà hăm hở chuyên chú học bốn ngày cho tới khi thuộc. Thế là bà sốt sắng chịu phép thánh tẩy lấy tên là Anna. Bà vui vẻ trở về quê quán là người giáo dân, như thể đem về được một kho tàng.

Chúng tôi còn nhận được những dấu hiệu nhiệt thành và sốt sắng của một bà *Anna* khác đã là giáo dân, vợ viên quan tỉnh *Kẻ Đông*.[42] Bà khôn khuyên được chồng trở lại đạo, chỉ vì ông ham mê sắc dục, nhưng bà chinh phục được tất cả gia quyến. Bà rất sung sướng và rất khéo léo làm cho một số đông người trong tỉnh có cảm tình tốt với đạo ta, đến nỗi không bao giờ bà *vào phủ để lo các việc hành chính thay chồng* mà bà không đem theo những người đã hoàn toàn được chuẩn bị để trở lại đạo. Được vậy là nhờ Inhaxu chúng tôi đã nói tới và sẽ còn nói ở chỗ khác, Inhaxu giúp rất nhiều bằng lời dạy dỗ nhiệt thành.

CHƯƠNG 27.

SAU CÙNG CHÚA ĐẬY CHÚNG TÔI THẾ NÀO

Chúa cũng đủ biết, tất cả những tố cáo địch thù tung ra để làm mất uy tín chúng tôi, chỉ là những khiển trách bịa đặt và gán ghép vu khống mà thôi. Thế nhưng (như chúng tôi đã khám phá ra) nguyên nhân chính làm cho chúa cầm giữ chúng tôi lại trong nước đó là *cùng với sự có mặt của chúng tôi thì có sự buôn bán với các thương gia người Bồ* và từ khi chiếc

tàu đưa chúng tôi tới đây khi trở về Macao đã bị đắm ở đảo Hải Nam thì chưa có tàu nào khác tới. Thế là chúa tưởng người Bồ bỏ rơi chúng tôi. Do đó ngài quyết định trục xuất chúng tôi, rồi thấy có dịp thuận tiện là có *mấy chiếc tàu Trung Quốc trở về*, thì ngài cho người nói với chúng tôi xem chúng tôi có muốn trẩy đi với họ. Chúng tôi đáp lại là chúng tôi sẵn sàng vâng theo lệnh chúa, nhưng chúng tôi không có công việc gì với người Tàu và chúng tôi sợ xảy ra sự gì không tốt trong cuộc hành trình; hơn nữa khi chúng tôi đang chuẩn bị ra đi trong tàu của người Bồ thì lúc đó chính ngài đã bắt chúng tôi ở lại. Vậy chúng tôi rất khiêm tốn xin ngài cho phép chúng tôi đợi chuyến khác. Chúa không nói thêm được điều gì ngài quyết định không ép chúng tôi và chờ cho tới khi có tàu người Bồ thuận tiện tới Đàng Ngoài.

Đó là năm 1629, khi chúa không thấy tàu người Bồ cập bến như thường lệ, mùa đi biển đã qua, thì ngài sai một viên thư lại thay ngài đến nói với chúng tôi rằng chúng tôi phải sắp sẵn vào Đàng Trong, ở đó sẽ có tàu người Bồ đưa chúng tôi về Macao. Và trong những lý do viên thư lại nói với chúng tôi là chúa trục xuất chúng tôi vì trong số những người chúng tôi rửa tội đã có mấy *người chết* sau đó ít lâu. Có lẽ đây là tố cáo độc nhất hay tố cáo chính yếu người ta đưa ra để chống đối chúng tôi và chúa đã để trong tâm trí. Chúng tôi trả lời là không thể làm khác được, rất nhiều người bệnh vào lúc chót mới cho mời chúng tôi đến làm phép rửa và chỉ có mấy người chết sau khi chịu. Viên thư lại như động lòng thương và nói : tôi lấy làm lạ rằng vì dân không hiểu biết nên đã buộc tội cho các ông và buộc tội cho phép rửa, vì bệnh nhân thập tử nhất sinh đã chết, trong khi đó thực ra các ông đến giúp đỡ họ hoặc rửa tội cho họ, ngoài họ ra còn có nhiều người l hác các ông vẫn có thể giúp ích. Chúng tôi cảm ơn viên thư lại đã tỏ tình quí mến chúng tôi. Chúng tôi cho ông hiểu rằng lời ông nhắc nhủ rất có ích cho chúng tôi và chúng tôi phải theo, nếu chúng tôi chỉ săn sóc về thân xác, nhưng Thiên

Chúa đã chủ yếu ra lệnh cho chúng tôi phải săn sóc về linh hồn, nên chúng tôi không thể sao nhãng việc cứu giúp những kẻ đang chờ sự chết sắp tới, những kẻ mà người ta hết hy vọng hồi phục sức khỏe và sự sống thân xác, những kẻ chúng tôi làm phép rửa tội để cứu linh hồn. Ông rất khen tổ chức và sự nhiệt tâm của chúng tôi, nhưng ông nhắn nhủ chúng tôi sắp sẵn, theo ý chúa, để trẩy vào Đàng Trong.

Vừa được tin lệnh truyền này thì giáo dân tuốn đến nhà chúng tôi tỏ sự đau buồn với rất nhiều nước mắt. Cả những lương dân đã biết qua về đạo ta cũng tới giục chúng tôi cho họ chịu phép thánh tẩy trước khi chúng tôi trẩy đi. Do đó trong một ít ngày chúng tôi còn được phép đi lại trong kinh thành, chúng tôi không thất nghiệp. Mấy ngày sau, chúa sai một hoạn quan trong phủ đem cho chúng tôi hai đồng êcu vàng và vải quý để cho chúng tôi may mặc, với lệnh rõ rệt là lập tức phải xuống thuyền đang đợi chúng tôi. Rồi theo lệnh chúa ông giao chúng tôi cho viên thuyền trưởng có mặt và các quân binh. Chúng tôi khẩn khoản hết sức để được phép vào bái yết chúa và tạ ơn ngài đã thương ban cho nhiều ơn huệ suốt hai năm chúng tôi cư trú trong nước ngài, nhưng người ta từ chối. Người ta cũng không để cho giáo dân đến gần chúng tôi vì vẫn có quân binh bao vây chúng tôi. Vì thế mà có từng đoàn lũ kéo đến, đàn ông cũng như đàn bà đứng hai bên đường phố chúng tôi sắp đi qua, *họ kêu gào thảm thương và rên rỉ tha thiết* đến nỗi lương dân phải sửng sốt. Họ theo chúng tôi ra mãi bến sông và vì không được phép theo chúng tôi xuống thuyền như họ mong muốn, thì họ lội xuống nước để được tới gần thuyền chúng tôi. Để từ biệt họ, tôi nói một bài ngắn khuyên họ tin tưởng vào Thiên Chúa, Người không bỏ họ, nhưng hằng che chở và tuyệt đối ban ơn giúp đỡ họ kiên trì trong đức tin họ đã nhận được và tôi tin là họ sẽ trung kiên giữ cho tới khi chết. Mà vì có nhiều người ao ước xưng tội mà chưa được và buồn sầu vì không sao làm được sau khi chúng tôi rời bỏ họ, thì để cho họ được như ý trong

lúc khẩn cấp này tôi cho mọi người biết là họ hãy dọn mình thống hối và tỏ ra ăn năn các tội phạm và đấm ngực, sau đó tôi làm phép giải tội. Họ làm theo và đọc kinh ăn năn tội, tất cả chừng một nghìn năm trăm, đấm ngực với những lời rên rỉ và khóc lóc. Tôi đã ban phép giải tội thông thường theo số nhiều : tôi tha cho các anh chị em v.v... và cho họ ra đi trong Thiên Chúa. Tôi có cảm tưởng là có mấy giáo dân tốt đi theo chúng tôi có thể sắp chết mà không được chịu phép giải tội (làm cho tôi sử dụng phương dược trong trường hợp nguy hiểm khẩn cấp đắm tàu), cảm tưởng đó không phải vô ích. Vị tiến sĩ Gioakim giữ chức vụ hành chính trong tòa án, hơn bảy mươi tuổi, ông rất buồn phiền vì chúng tôi phải trẩy đi, ông dõi theo chúng tôi, khóc lóc và rên rỉ như đứa trẻ con mất mẹ. Không thể theo chúng tôi bằng thân xác thì ông vĩnh biệt chúng tôi, khi chúng tôi trẩy đi, ông mặc áo thụng dài theo chức vụ ông, sấp mình bốn lần xuống đất (là một biểu hiệu kính trọng thông dụng trong nước này), rồi lui về nhà lòng quặn đau và buồn đến nỗi, không bị bệnh tật gì, ông đã tắt thở mấy ngày sau.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG 28.

THI HÀNH ÁN PHẠT VÃNG VÀ NHỮNG SỰ XAY RA TRONG CUỘC HÀNH TRINH

Vào cuối tháng *ba năm 1629 chúng tôi bỏ kinh thành Kẻ Chợ trên chiếc thuyền* chúa đã cho sửa soạn. Thuyền thì bé, *chỉ có mười lăm mười sáu tay chèo* mỗi bên, nhưng thuận tiện để đi trên các sông chúng tôi phải đi. Thuyền trưởng ban đầu tỏ ra nghiêm khắc, nhưng khi thấy lòng yêu mến và kính trọng giáo dân tỏ ra khi chúng tôi trẩy đi, trong số đó có mấy người quyền quí, thì ông cũng bắt đầu tôn trọng vị nể chúng tôi và nhường chỗ chính yếu của

ông trong thuyền cho chúng tôi. Trong thuyền chỉ cho phép hai giáo dân chọn trong số nhiều người đến trình diện xin theo chúng tôi trong cuộc hành trình, đó là thày giảng *Inhaxu* và *Antôn* xưa kia là quân binh tự nguyện phục vụ chúng tôi từ một năm rưỡi nay lúc ông trở lại đạo. Chúng tôi giao cho hai thày giảng ở lại (Phanchicô và Anrê) việc chính yếu săn sóc giáo dân tân tòng và quyền ban phép rửa tội cho những người có đủ điều kiện.

Trong cuộc hành trình, mỗi ngày vào buổi tối chúng tôi không quên giảng về các mầu nhiệm trong đạo cho viên thuyền trưởng và các quân binh trong thuyền, làm cho họ cũng trở nên hiền hòa và biệt đãi chúng tôi. Inhaxu mỗi buổi chiều cũng ru ngủ họ bằng những bài ca tôn giáo ông sáng tác,[43] nhờ đó ông cho họ thưởng thức đôi chút về các chân lý đạo Kitô. Lòng nhiệt thành của giáo dân cũng chuẩn bị cho chúng tôi trên đường đi (chỗ bỏ thuyền lên cạn) nhiều việc làm đẹp đẽ. Vì có mấy người không ở kinh thành, khi được tin chúng tôi bị đuổi đi phát vãng và biết con đường chúng tôi phải đi thì họ nhanh nhẹn ra dọn nơi chúng tôi qua và chuẩn bị những người đã học giáo lý để chịu phép rửa tội. Tôi kể lòng sốt sắng của một vị quan cai trị một nơi gọi là *Kẻ Bờ* cách kinh thành chừng một trăm dặm. Ông đem quân binh của ông tới đón thuyền chúng tôi, ông yêu cầu thuyền trưởng cho phép chúng tôi xuống nhà ông với lời hứa là sẽ đưa chúng tôi an toàn về thuyền, và ông đã được phép. Ông thu tập trong nhà nguyện tư khá rộng một số đông người tân tòng chính ông đã dạy dỗ về đức tin. Trong khi chúng tôi giảng dạy cho tất cả và cho họ đủ mọi điều cuối cùng để chịu phép rửa thì vị quan đạo hạnh tên là *Phaolô* cùng bà vợ (một bà nhân đức) tên là Luxê, đi tiếp đãi thuyền trưởng và quân binh với quà bánh và đồ giải khát do gia nhân đem tới để cho họ nhẫn nại chờ đợi chúng tôi trở lại. Chúng tôi đã làm xong việc của Thiên Chúa và sau đó trở về thuyền cũ với viên quan muốn tiễn chúng tôi đi : mà vì để xuống thuyền, phải lội qua chỗ bùn lầy, không những

ông để cho quân binh giúp chúng tôi mà chính ông, ông muốn cõng chúng tôi trên vai, mặc dầu chúng tôi không muốn và phản đối không chịu. Ông lấy làm hân hạnh được phục vụ những tôi tớ của Thiên Chúa đại đế.

Từ đó, tiếp tục hành trình. Một hôm chúng tôi tới thôn gọi là *Ke No* là trụ sở cũ và thứ nhất của chúng tôi, khi chúng tôi mới tới xứ Đàng Ngoài và cũng là nơi đã dựng nhà thờ công giáo đầu tiên, thêm một bệnh viện khang trang để săn sóc các giáo dân cùng khổ và chữa các bệnh nhân, cả người lương dân tỏ lòng muốn trở lại đạo. Ở đây chúng tôi cũng được phép khi đi qua, khuyên bảo giáo dân trước kia đã chịu phép rửa. Chúng tôi giao phó họ cho những bổn đạo cũ săn sóc và cho một bà nhân đức tên là Anna, bà tự nguyện chăm lo bệnh nhân. Nhưng khu nhà thờ, như chúng tôi được tin về sau, không còn. Bởi vì sau khi *ông già Gioakim* chết (như chúng tôi đã nói), chính ông đã dâng đất để dựng nhà thờ, đến thời các con chúng không được thừa kế lòng đạo đức của cha như thừa kế của cải chúng xin tòa án đòi lại đất, lấy cớ có lệnh chúa ra chống đối giáo dân. Tòa cho chúng được kiện rồi nhà thờ bị lửa cháy chỉ còn đống tro tàn, nhưng mấy ngày sau khi bị thiêu, bà Anna đạo đức bới đám tro tàn và tìm xem còn có gì thoát nạn hỏa tai, thì bà thấy nhan đề ảnh thánh giá còn nguyên vẹn, không suy suyển, một bên là chữ latinh và một bên là chữ hán : biểu hiệu thánh của Chúa thật trời đất. Chúng tôi đã bỡ ngỡ thấy khi đi đây trở về, lúc qua nơi này và chúng tôi tin chắc Thiên Chúa đã làm phép lạ bảo vệ được chữ viết này khỏi ngọn lửa đã thiêu hủy xà cột nhưng không để cho hư nát và xóa bỏ đạo thánh trong xứ Đàng Ngoài. Và sự tiên đoán của chúng tôi không sai, bởi vì từ đó đức tin đã nảy nở cách kỳ diệu ở nơi này (nhưng ở bên kia sông) thấy một nhà thờ xây cất đàng hoàng và một trụ sở của dòng chúng tôi với những kết quả lớn lao trong lãnh thổ này.

Rồi chúng tôi lên buồm đi từ tỉnh *Thanh Hóa* tới tỉnh *Nghệ An* và chúng tôi thấy hiện ra bến bà chúa, người bản xứ gọi là *cửa chúa*, nơi thờ cúng người con gái hoang dâm chúng tôi đã nói ở trên và là nơi (Thiên Chúa cho phép để trừng trị những dị đoan ma quỉ được sùng bái ở đó) ma quỉ làm trên những lương dân bản xứ nhiều điều hung dữ và làm cho người ngoài xứ qua lại đó phải sợ hãi. Thuyền trưởng còn là lương dân, khi tới gần, ông cũng bắt đầu sợ xảy ra tai nạn và ông chuẩn bị cúng tế dị đoan để lấy lòng ma quỉ. Nhưng chúng tôi xin ông đừng làm và nên tin vào Chúa thật trời đất và biển cả, Người có quyền cứu ông khỏi mọi nguy hiểm đe dọa và may mắn đưa tới bến. Theo lời chúng tôi, ông không cúng tế nhưng ông xin chúng tôi cầu khấn Chúa vạn vật, theo cách của chúng tôi. Chúng tôi đã làm và may mắn chúng tôi cập bến như đã định.

Có quân binh tốt lành tên là *Simon*, trên kia chúng tôi đã nói và đã nói về những phép lạ chữa bệnh bằng nước phép, ông này không ở xa bến. Được tin chúng tôi tới, ông vội vã ra đón và được thuyền trưởng cho phép chúng tôi đến tận nhà ông. Ở đây, ông đã thu xếp cho rất nhiều họ hàng và bạn hữu đến xin chịu phép rửa. Ông cũng dọn sẵn nhiều chum vại đầy nước để chúng tôi làm phép theo nghi lễ thông thường. Sau đó, ông dẫn chúng tôi trở về thuyền vào ban đêm, như ông đã hứa.

Một quân binh khác tên là *Anrê*, ông này đã bỏ kinh thành và vội vã trở về trước chúng tôi, ông tưởng sẽ gặp chúng tôi ở bên này, xa nơi ông ở chừng mấy dặm, như vậy ông có thể đưa chúng tôi về nhà và xin cho mẹ, mẹ vợ và vợ ông chịu phép rửa. Nhưng vì ông về trễ quá sau khi chúng tôi đã khởi hành, lại cũng về đêm, không có thuyền để rượt theo, thế là ông dành đi theo đường bộ đưa mẹ, mẹ vợ đã có tuổi và vợ ông đi đường tắt thông qua rừng núi để gặp chúng tôi trước khi chúng tôi tới Đàng Trong. Mà vì ông sợ bị đẩy lui ở biên giới do chiến tranh giữa hai

chúa, nên tất cả đã vác theo bị lúa giả vờ đem đi bán. Thiên Chúa đã ban cho họ được dễ dàng gặp chúng tôi ở nơi họ đã trù tính và được chịu ơn lành, họ đã sốt sắng mong mỏi và đã từ xa tìm đến với rất nhiều nghị lực.

Thế là chúng tôi tới biên giới hai xứ, giữa tỉnh *Nghệ An* và tỉnh *Bố Chính, ở đây phải sang thuyền, vì thuyền đem chúng tôi tới đây không đủ vững để chịu sóng và cồn.* Và vì các quân binh đưa chúng tôi tới đây phải chèo thuyền trở về kinh thành, thì có một phần trong bọn xúc động khi nghe giảng về đạo thật trong mười lăm ngày đường, nhất là chừng mười bảy hay mười tám người nói với chúng tôi : (họ nói) cha thường cho chúng tôi hiểu chỉ trông được cứu rỗi trong đạo của cha và nhờ phép rửa. Vậy ở đây có nước, xin cha rửa cho chúng tôi trước khi chia tay. Chúng tôi trả lời là nếu họ hết lòng tin Thiên Chúa thật và Đấng Tạo hóa thật dựng nên trời và đất và Con Người là đức Giêsu Kitô đấng cứu chúng tôi, đã lấy máu mình mà chuộc chúng tôi, theo những điều chúng tôi đã rao giảng và nếu họ sẵn sàng bỏ hết mê tín dị đoan hư vô và không còn cúng tế tà thần chỉ là thần giả tạo, thì chúng tôi cho chịu phép rửa. Họ bằng lòng xưng đức tin và hứa theo những điều chúng tôi đã giảng dạy, thế là chúng tôi rửa tội cho họ ở bên bờ và biên thư giới thiệu với các bổn đạo cũ ở kinh thành nơi họ trở về và họ đã ra về sung sướng và giàu có hơn lúc trẩy đi.

CHƯƠNG 29.

QUÃNG HÀNH TRÌNH CÒN LẠI VÀ VIÊN THUYỀN TRƯỞNG THEO ĐẠO

Vào chính tuần thánh, người ta sửa soạn một tàu khác để đưa chúng tôi tới tỉnh *Bố Chính* (vì chúng tôi ở giữa một nước hư đốn và ngoại dạo) nên không dễ gì làm các nghi lễ bề ngoài để ghi nhớ sự thương khó

Chúa Cứu thế. Khi mọi sự đã được chuẩn bị rồi thì vào khoảng ban đêm trước lễ Phục sinh có gió thuận nổi lên, thế là chúng tôi *căng buồm trẩy đi cùng viên thuyền trưởng* và sáu quân binh ông giữ lại. Chúng tôi đã năn nỉ ông, trước khi quyết định cho tàu khởi hành, thì đừng làm lễ cúng tế dị đoan lương dân thường làm để cầu cho gió thuận sóng yên, nhưng chỉ tin tưởng vào đức Chúa cai trị đất và biển, đấng mà mọi sóng gió phải vâng lệnh. Hình như ông tin lời chúng tôi. Nhưng gió thuận lúc đó giục ông trẩy đi, thì sau đó một ít lại đổi thành một trận bão lớn làm đổ sóng hung dữ đánh chiếc tàu va vào cồn. Thế là ông thịnh nộ và nổi cơn sóng gió. Ông chưa dám oán trách chúng tôi và đánh thức chúng tôi dậy (vì biết trong lúc đó chúng tôi ngủ), nhưng ông giận Inhaxu đã khuyên ông khi ra khỏi bến chớ theo tục dị đoan lương dân ngoại đạo. Lửa giận cũng bốc cao vì ông để ý tới vị thần ở trên mỏm núi ngay trước mặt tàu chúng tôi đậu, ông tưởng vị thần này đã gây ra cơn bão táp hành hạ tàu chúng tôi, để phạt về tội ông sao nhãng không cúng tế. Ông giận đến nỗi ông đe giết Inhaxu và ném xuống biển. Những lời đe dọa nặng nề và gay go ấy đã đánh thức chúng tôi dậy và chúng tôi cố gắng làm dịu cơn tức giận. Sau khi trách nhẹ ông đã nhổ neo trẩy đi mà không đánh thức chúng tôi dậy và để cho chúng tôi có phương tiện khẩn cầu Thiên Chúa cho đi biển bằng yên, thì chúng tôi cam đoan với ông là sóng sắp lặng và gió sẽ yên. Thế rồi chúng tôi khấn thánh Lorensô quan thày, xin ngài ban cho yên lặng. Vừa đọc xong một lần kinh Lạy Cha và kinh Kính Mừng thì gió ngừng và trời thanh mây tạnh, một ngọn gió dìu dịu và thuận lợi bắt đầu thổi từ phía đền thần làm cho thuyền trưởng nguôi giận và san phẳng làn sóng nhè nhẹ đưa chúng tôi cập bến. Viên thuyền trưởng sung sướng thấy sóng gió dữ dần thay đổi đột ngột, ngoài sức tưởng tượng và giữa lúc ông ngại xảy đến một tai họa ông cho là ghê gớm tột bực không tài nào thoát khỏi. Thế là ông quyết định xin theo đạo có Đấng Thiên Chúa được thờ phượng như

đấng cứu giúp bầy tôi gặp nguy khốn. Chúng tôi không trì hoãn, vì ông không cần phải biết hơn những gì ông đã học được trong suốt cuộc hành trình, lại là người lương tri và thông tinh hán học. Sau khi để cho sáu quân binh chịu phép rửa, những người này cũng được những tâm tình như ông và cũng được chuẩn bị đầy đủ như ông, thì đến lượt ông công khai chịu phép thánh tẩy và được gọi là *Augustinô*.

Việc trở lại xảy đến vào dịp này, đúng vào cuối cuộc hành trình, thật là một việc kỳ diệu Thiên Chúa thương ban cho viên thuyền trưởng và là một dấu tỏ ra Thiên Chúa quan phòng đối với chúng tôi. Nếu chúng tôi bị đày vào xứ này, thì chẳng lợi gì cho giáo dân Đàng Ngoài cũng chẳng ích gì cho các cha dòng chúng tôi ở Đàng Trong. Chúng tôi còn sợ chúa Đàng Trong lợi dụng cơ hội này để trục xuất các cha dòng ra khỏi xứ ngài. Augustinô (từ khi trở lại thì sẵn sàng nghe theo ý kiến chúng tôi) có lệnh phải trao chúng tôi cho quan cai trị tỉnh *Bố Chính* để quan này đưa chúng tôi tới Đàng Trong và chuẩn bị cho chúng tôi rút về Macao trong tàu người Bồ. Chúng tôi liền xin ông thuyết phục quan tỉnh nói trên để chúng tôi tự do tìm kiếm tàu theo ý chúng tôi và không đưa chúng tôi tới Đàng Trong nơi người ta được biết năm vừa rồi không có một chiếc tàu nào của người Bồ. Augustinô ngoan đạo đã khôn khéo làm như lời chúng tôi xin.

Viên quan này là một người rất có thế giá vì rất thanh liêm trong việc tòa án của tỉnh, ông đã tới bát tuần, không những ông đối xử rất lịch thiệp lại còn rộng rãi chịu hết chi phí trong thời gian chúng tôi ở tỉnh ông. Chúng tôi muốn tỏ lòng biết ơn thì muốn tặng ông một của quí giá hơn hết các phẩm vật, đó là việc học giáo lý Kitô giáo. Chúng tôi còn đưa cho ông bản chữ *viết bằng hán tự* mà ông rất tinh thông.[44] Nhưng ông chối ơn Thiên Chúa ban cho ông và chết sáu tháng sau trong ngoại đạo, tỏ ra không xứng được đặc ơn Thiên Chúa ban cho. Cũng xảy ra như vậy đối với người chứa trọ chúng tôi, nơi chúng tôi được mọi dễ dàng. Ông này cũng đã có tuổi, ông không cho là

xấu khi bằng lòng cho vợ cũng đã có tuổi và người con gái của nàng hầu trở lại đạo, còn ông, ông không muốn cắt đứt liên hệ kết tình điên dại cầm giữ ông từ mấy năm nay. It lâu sau, ông chết trong tội và sai lầm.

CHƯƠNG 30.

TỪ BỐ CHÍNH CHÚNG TÔI TRỞ VỀ NGHỆ AN

Trong khi thuyền trưởng làm xong công tác và trở về kinh thành với thư giới thiệu cùng giáo dân tân tòng để họ nhận biết ông, thì chúng tôi không nhàn rỗi ở nơi chúng tôi dừng lại. Chúng tôi giảng ở chốn phố phường và ở bãi biển, có hai mươi nhăm lương dân nghe lời giảng và trở lại đạo, trong số đó có một ông cử tinh thông hán học, chúng tôi viết các kinh công giáo trao cho ông để ông dạy giáo dân tân tòng trong tỉnh và chuyên chú giáo huấn họ. Từ tỉnh này chúng tôi nghĩ là có ích hơn nếu chúng tôi trở về Nghệ An, chúng tôi mới bỏ trước đây.

Nhà thứ nhất chúng tôi ở là nhà hai giáo dân sốt sắng, *Phêrô và Anrê*. Hai ông rất nhiệt thành chinh phục tất cả đồng hương và hết sức chuẩn bị tinh thần cho mọi người, đến nỗi chúng tôi không còn phải vất vả thêm lời giảng dạy, chúng tôi rửa tội cho một trăm mười hai người trong ba ngày cư trú ở đây. Rồi từ đây chúng tôi kéo thẳng tới bến chính của tỉnh gọi là *Rum* nơi ở của quan tỉnh niềm nở tiếp đón chúng tôi. Nhưng dân ở đây vì biết chúng tôi bị đày và vì tin đồn là vì chúng tôi mà không có mưa, nên họ không ưa chúng tôi, đến nỗi chúng tôi khó tìm được người chứa chấp chúng tôi. Nhưng Thiên Chúa không bỏ con cái Người, Người xóa bỏ những gì dân xứ này sợ hãi vì chúng tôi bằng một trận mưa lớn sau khi chúng tôi vừa tới, làm cho họ rất mực vui mừng. Thế là viên

quan để chúng tôi tự do giảng lời Thiên Chúa và cho giáo dân các vùng lân cận dễ dàng đến nghe. Họ không còn sợ, họ chạy đến chúng tôi khi biết chúng tôi được quan tỉnh bảo vệ và săn sóc che chở. Chúng tôi càng được trọng đãi nhân cơ hội có *nhật thực*. Chúng tôi đã nói trước rõ ràng về giờ bốn ngày trước khi xảy ra, chúng tôi trình bày hình ảnh và tả rõ cho quan tỉnh với những chi tiết theo sau. Ông rất khoái trá vì thấy đã xảy ra đúng như những chỉ dẫn của chúng tôi. Vì thế ông rất quí mến chúng tôi và từ đó ông bênh vực chúng tôi ở các nơi, chống lại những kẻ chê trách chúng tôi hoặc phản đối giáo lý của chúng tôi. Ngoài ra ông còn dùng lý lẽ này, ông nói, nếu họ tiên đoán rất chắc chắn và xác thực về những bí mật trên trời và các tinh tú chúng ta không biết và vượt quá khả năng của chúng ta, thì phải tin rằng họ không lầm trong sự nhận biết đạo Chúa trời đất và những chân lý họ rao giảng, mặc dầu những chân lý ấy rất xa lạ đối với tâm trí chúng ta và không dễ cho ta am hiểu ?

Thực ra những biệt đãi chúng tôi nhận được nơi viên quan tỉnh này và sự chuẩn y giáo lý của chúng ta đã làm cho chúng tôi được trọng kính nơi đa số người ở đây, vì thế rất đông dân kéo đến xin học biết đức tin và đạo chúng tôi giảng; đến nỗi trong thời gian lưu đày chưa được *tám tháng tròn*, chúng tôi đã rửa tội hơn sáu trăm giáo dân tân tòng, không kể những người đã trở lại và chịu phép rửa tội vì khẩn cấp do các thày giảng. Lòng nhiệt thành của *thày Inhaxu* không bao giờ rời chúng tôi, đã giúp không ít vào việc sửa soạn tâm thần kẻ trở lại đạo. Vì thày rất khôn khéo và rất tinh thông các giáo phái Đàng Ngoài, nên thày đã soạn bằng tiếng bản xứ một bản ca *bằng thơ lưu loát* và cung giọng du dương,[45] trong đó thày chế nhạo và giễu cợt hết các sai lầm và mê tín dị đoan, thành thử sau khi đã chinh phục được bằng giọng thánh thót dịu dàng thì cuối cùng làm cho người ta bỏ dị đoan mà học giáo lý đạo ta. Thế nhưng có những lương dân rất sùng mê tín, họ giận dữ thấy dị đoan bị

chế nhạo và bác bỏ nhưng cũng không thể trách chúng tôi hay thày Inhaxu không thuộc quyền họ vì thày sinh ở nơi khác, thế là họ đổ tất cả cơn giận trên đầu người chứa trọ chúng tôi đã trở lại đạo. Họ vận động và dùng uy lực để làm hại ông, họ tịch thu hết gia sản của ông, làm cho ông phải rời bỏ quê quán ra đi cùng bà vợ, nhưng ông chịu đựng rất kiên trì và quí mến đạo, ông chịu bắt bớ vì đạo vậy.

CHƯƠNG 31.

TRỌNG, CƠ CỰC VÀ NGHÈO TÚNG NƠI ĐÂY AI, THIÊN CHÚA NHÂN LÀNH CHE CHỞ CHÚNG TÔI THẾ NÀO

Thù địch biết rõ tin về sắc lệnh trục xuất chúng tôi, không cho chúng tôi cư trú ở tỉnh thuộc về xứ Đàng Ngoài này. Họ tung tin là hết những ai cho chúng tôi trú ngụ thì bị khép vào trọng tội và bất tuân sắc lệnh chúa và sẽ bị phạt tịch thu tài sản và đó mới chỉ là hình phạt nhẹ hơn cả. Nhưng giáo dân chịu đựng một cách vui vẻ lạ lùng, họ coi là có phúc chịu mất mát thiệt thòi để được cứu rỗi, họ quí trọng vinh quang danh nghĩa giáo dân hơn gia sản tiêu tán của mình. Tuy nhiên để tránh tai họa chúng tôi có thể gây cho họ và nỗi cơ cực họ phải chịu làm cho chúng tôi động lòng thương xót, lại thấy những bắt bớ chúng cố tình theo đuổi để gieo đau khổ cho chúng tôi, đến nỗi họ *cầm đá ném chúng tôi* và ném vào nhà chúng tôi ở, nên chúng tôi quyết định rời thành phố và lui về một chiếc thuyền nhỏ đậu trên sông, chịu đựng nhiều bất tiện về nơi, về mưa gió và nhất là về thiếu lương thực. Mặc dầu lúc từ Macao trẩy đi, chúng tôi đã đem theo tiền của cần dùng cho một năm, thế nhưng chúng tôi đã cư trú ba năm ở Đàng Ngoài, dù chúng tôi rất tiết kiệm, chúng tôi cũng đã tiêu hết với tất cả số chúa ban. Chúng tôi không muốn để giáo dân chịu, cũng chẳng muốn xin của bố thí mà họ rất vui lòng cho, họ

sẵn sàng khoét mắt đem dâng cho chúng tôi nếu chúng tôi xin, như vậy để cho họ xác tín rằng chúng tôi đến tìm các linh hồn chứ không tìm kiếm của cải. Điều này làm cho họ rất cảm phục và dùng làm minh chứng về tình yêu thương vô vị lợi chúng tôi đem tới để cứu vớt họ, để thuyết phục giáo dân nhận thấy nhân từ và thánh thiện của đạo ta và chân lý đức tin chúng tôi rao giảng.

Tuy nhiên để cho họ không bị thiệt thòi vì không được thi ân thi phúc thì chúng tôi khuyên họ gửi về *chủng viện* chúng tôi[46] đã lập để bảo dưỡng các thày giảng thuộc người nước họ, những của cải họ muốn dâng chúng tôi. Chúng tôi cũng cho họ biết là chúng tôi chờ Macao đem viện trợ đến cho chúng tôi sinh sống. Thực ra giáo dân rất rộng rãi đã cho nhiều tiền của đến nỗi có thể nuôi tới một trăm thày giảng. Các thày đã bỏ hết để tự nguyện hy sinh phụng sự Thiên Chúa và Giáo hội, các thày đã thu được những kết quả vô giá, ngày nay các thày đã và còn là những trợ lực, đồng sự và tay phải của chúng tôi trong cùng một chí hướng chinh phục các dân ở đây. Thế nhưng chúng tôi rơi vào tình trạng cơ cực quá mức và rất nguy hiểm nếu chúng tôi còn ngoan cố không muốn nhận để giáo dân viện trợ về sinh sống. Chúng tôi quyết định sai thày Antôn cầm thư đến gặp giáo dân *Kẻ Chợ*, cho họ biết cảnh quẫn bách chúng tôi đang chịu, chỉ vì tàu người Bồ chậm tới và chúng tôi đợi từ hai năm nay. Do đó chúng tôi bị dồn vào sự thiếu thốn tột bực, chúng tôi xin họ của ít lòng nhiều giúp chúng tôi hoặc bằng của cúng dâng hoặc của cho vay cho tới khi thương gia người Bồ tới. Antôn vội vã cầm thư và đến gặp không phải những người giàu mà là những người đạo đức trong cộng đồng giáo dân mà thày biết rõ. Được tin chúng tôi lâm cảnh cơ cực, họ động lòng thương chảy nước mắt. Họ nhanh chóng gom góp chung nhau được chừng hai mươi đồng êcu đưa cho thày Antôn cầm về cho chúng tôi, để gọi là dùng vào việc cấp cứu trước đã, trong khi họ sửa soạn tự nguyện đến thăm chúng tôi và đem thêm tất cả

những sự cần dùng cho chúng tôi. Trong dịp này có một bà đạo đức tên là *Monica*, giàu có về bác ái hơn là về của cải, bà làm hơn tất cả những người khác vì bà gửi cho chúng tôi mười đồng êcu để cứu giúp chúng tôi, bà tự bóc lột của bà để viện trợ cho sự nghèo khổ của chúng tôi.

Mặc dầu *Antôn* đã mau lẹ và nhanh chóng đem viện trợ của giáo dân *Kẻ Chợ* về cho chúng tôi, nhưng trước khi thầy về tới, thì chúng tôi bị dồn vào một tình trạng rất thảm thương vì mùa này là mùa mưa lũ và bão táp lớn làm rung chuyển và lay động chiếc thuyền đã quá cũ và nước tràn vào tứ phía làm cho chúng tôi không thể sống trên sông mà không có nguy cơ hiển nhiên chết rét. Hơn nữa, lương dân hết sức hành hạ chúng tôi, họ thường ném đá vào chúng tôi, thách thức và chửi bới cảnh cơ cực của chúng tôi. Thế nhưng không có giáo dân nào dám cho chúng tôi trú ngụ trong nhà vì sợ những khốn đốn lương dân đe dọa, chúng cố kết hãm hại chúng tôi. Điều này đánh động lòng thương của một người nghèo khó nhưng là giáo dân đạo đức tên là *Simêon*. Ông có một túp lều ở chân núi, ông muốn dâng cho chúng tôi, ông không có của cải gì mà phải sợ mất, nếu bị lên án vì chứa chấp chúng tôi trong túp lều nhỏ bé. Chúng tôi nhận, còn ông và cả gia quyến thì tìm cách đi ở chỗ khác trong một thời gian. Ông hiên ngang vì đã mua được công phúc lớn lao và quí hóa bằng một bất tiện nhỏ mọn ông chịu.

CHƯƠNG 32.

ĐƯỢC TIN CÓ TÀU NGƯỜI BỒ MỚI TỚI, CHÚNG TÔI THOÁT CẢNH ĐẦY ẢI

Đã qua đi mười lăm ngày kể từ khi thày Antôn trẩy đi kinh thành. Khi thày trở về đem của giáo dân bố thí và một thư của cha *Gaspar d'Amaral*[47] thuộc dòng chúng tôi, cha tới cùng *tàu người Bồ đậu ở bến tỉnh*

Nghệ An nơi chúng tôi đang có mặt. Chúng tôi hằng nhận thấy một dấu hiệu đặc biệt của lòng nhân lành và sự quan phòng của Thiên Chúa. Để yên ủi và nâng đỡ chúng tôi Người đã chỉ đường dẫn lối cho chiếc tàu đến cái bến hẻo lánh này, trước đây chưa bao giờ *và sau này không bao giờ có tàu người Bồ* tới, vì bất an toàn và quá xa kinh thành. Tin mừng này làm cho lòng chúng tôi đầy tràn hoan lạc và làm tiêu tan hết những cơ cực đã qua, chúng tôi ra khỏi túp lều ông già Simêon tốt lành đã cho chúng tôi mượn và đi thẳng tới tàu vừa cập bến. Được gặp các cha chúng tôi từ rất lâu và rất mong ước chờ đợi, chúng tôi ôm nhau thân thương và mắt nhỏ lệ, giòng châu đôi bên chan hòa. Ngày còn lại và một phần ban đêm chúng tôi hỏi tin tức các cha và tin tức thế giới, từ ba năm nay chúng tôi không nghe nói tới, không biết mất còn ra sao ! Vì chúng tôi đã ở gần tám tháng mà không dâng thánh lễ bởi thiếu nguyên liệu nên vừa chỗi dậy ban sáng, chúng tôi xin người Bồ dọn một nơi sạch sẽ trong tàu, chứ bên ngoài không có, để chúng tôi dâng thánh lễ. Họ đã làm theo và đó là vào ngày lễ thánh Simon và Giuđê,[48] chúng tôi sung sướng dùng bánh hằng sống và thỏa lòng đói khát và thèm muốn tột bực từ rất lâu mong mỏi.

Ít ngày sau chúa sai một hoạn quan đem *giấy thông hành* để đưa tàu và các thương gia *người Bồ tới kinh thành*. Họ làm khó dễ cho chúng tôi muốn đi theo vì sắc lệnh trục xuất chưa bị hủy. Nhưng người Bồ nhất định từ chối nếu chúng tôi không đi cùng mấy cha họ đem theo. Sau cùng viên hoạn quan phải chịu, mặc dầu chưa có lệnh của chúa, để chúng tôi *trở về kinh thành*, nơi từ chừng tám tháng nay chúng tôi bị trục xuất.

Đồng thời thày *Anrê* rất sốt sắng và tay thợ không mệt mỏi của giáo đoàn mới Đàng Ngoài, thầy nóng lòng sốt ruột muốn gặp lại chúng tôi kể từ khi chúng tôi xa vắng. Khi chúng tôi trẩy đi thì thày đau bệnh ở lại *Kẻ Chợ*, thày tới thăm chúng tôi ở nơi đây ải và cùng giúp chúng tôi trong nhữ , việc chúng tôi giao

cho thày. Nhưng khi thấy chúng tôi ngược nơi thày xuôi xuống, tức thì thày trở gót về kinh thành, tới đâu thày cũng làm việc và sốt sắng dạy dỗ để đến thời đến lúc sẽ sinh hoa kết trái. Trong cuộc hành trình này Thiên Chúa ban cho thày có dịp tốt đẹp để kiên tâm chịu đựng. Số là trên quãng đường thày không ngờ hơn cả, thày bị quân gian cầm gậy đón đánh đập thày rất tàn nhẫn (không biết ai đã xúi đẩy họ nếu không là ma quỉ). Thày bị thương như tử và như chết nằm tại chỗ. Sau đó thày chổi dậy và sau khi đã cầu nguyện cho những kẻ hành hạ mình, thì thày tiếp tục lên đường, đau đớn, khắp mình đầy vết thương, nhưng tâm hồn đầy vui sướng vì thấy mình xứng đáng chịu một sự gì vì lòng mộ mến Thiên Chúa.

Còn thày *Inhaxu* đã theo chúng tôi, thày vội vã đi suốt mấy ngày dài để về kinh thành đến trước chúng tôi và loan báo cho giáo dân tin mừng chúng tôi trở về, và nhất là theo lệnh chúng tôi, cấm không được tỏ vui vẻ ra bề ngoài và nơi công cộng có thể làm cho lương dân phật ý và muốn hãm hại chúng tôi, và phải giữ gìn hết sức trong buổi gặp gỡ đầu tiên. Đây là một chỉ thị quan trọng và thiết yếu để kiềm chế niềm vui quá khích lôi cuốn họ để tỏ lòng quí mến chúng tôi. Thực ra mặc dầu họ nhận chỉ thị nhưng không sao giữ nổi niềm vui sướng nồng nàn quá đáng để tiếp đón chúng tôi và thông cho nhau tin mừng chúng tôi trở lại. Họ cảm tạ Thiên Chúa đã đưa chúng tôi về để làm ích cho họ và yên ủi họ.

CHƯƠNG 33.

CHÚNG TÔI LẠI THỪA HÀNH CHỨC VỤ TRONG KINH THÀNH

Mặc dầu chúng tôi trở lại *kinh thành*, nhưng không bao giờ chúng tôi được đến gần chúa vì mưu mô và ác ý của các hoạn quan, chúng là những người canh gác thường nhật các cung phi và phú chúa,

chúng không cho chúng tôi lại gần. Nhưng hoặc là chúa cho phép hoặc là ngài dung thứ, nên chúng không thể ngăn cản chúng tôi tiếp tục thừa hành chức vụ như trước khi chúng tôi bị đày. Chúng tôi làm hết các việc thông thường như dạy giáo lý, rửa tội và giải tội cho giáo dân. Lương dân cũng gây một chút xôn xao nhất là về việc giải tội cho nữ giới. Họ không chịu để chúng tôi thừa hành trong thầm kín, mặc dầu là ở nơi công và trước mặt mọi người, và giữa họ với chúng tôi (theo tục lệ) vẫn có tấm phên ngăn cách. Có lần chúng tôi không thể ngăn cấm lính mà không làm xôn xao, chúng vào nhà thờ và tới gần tòa giải tội để nghe trong thầm kín của phép giải tội. Để tránh khó khăn, chúng tôi bàn nhau dùng hai nhà liền kề của giáo dân, trong một nhà để cho phái nữ tới xưng tội, còn chúng tôi thì ở trong một nhà thứ hai để nghe xưng tội. Tuy nhiên lương dân còn giận dữ vì thấy số rất đông tân tòng và người chầu nhưng mỗi ngày kéo đến để học giáo lý và chịu các phép bí tích. Chúng tôi nhất định dựng một nhà thờ mới xa chỗ chúng tôi ở chừng hơn hai dặm để cho giáo dân và chầu nhưng chia nhau ra. Thành thử lại thêm nhiều vất vả cho chúng tôi, nhưng có thể nói là cứu chúng tôi khỏi bị lương dân bắt bớ và ghen ghét.

Thực ra từ khi chúng tôi trở lại *kinh thành*, lòng nhiệt thành và sốt sắng của giáo dân tân tòng vươn lên rất cao trong mọi sự, nhất là để đến gần các phép bí tích giải tội và rước lễ. Chúng tôi không sao làm thỏa mãn hết được, nhiều khi chúng tôi thức suốt mấy đêm để ngồi tòa. Họ rất ân cần chuyên chú làm việc này và sửa soạn lương tâm rất cặn kỹ đến nỗi nếu có khiển trách họ về một lỗi nào dù không trầm trọng hay đáng phạt, thí dụ đã quên sót hay nhỡ ăn thịt ngày thứ sáu hay ngày thứ bảy, thì họ chẳng dám đi ngủ trước khi đã đi xưng tội. Còn về việc rước lễ khi chúng tôi xét họ có đủ điều kiện chịu thì trong mấy ngày họ dọn mình tỉ mỉ kỹ lưỡng với lòng mộ mến, ước ao và làm việc thiện một cách rất nhiệt thành. Còn chúng tôi, để giúp họ luôn nhớ đến bữa tiệc

thánh và con Chiên vô tội họ được phúc ăn ở bàn thánh, thì chúng tôi phát cho họ mỗi người một *ảnh Chiên Thiên Chúa bằng sáp thánh bọc lụa họ đeo ở cổ*. Vì không đủ cho mọi người, nên bà *Catarina*, em gái của chúa (đã nói ở trên) đã tự tay làm rất khéo, không kém những ảnh chúng tôi đem từ Macao tới hay từ Âu châu. Nhất là chúng tôi vui sướng thấy họ sốt sắng tôn kính sự thương khó Chúa Cứu Thế. Thực vậy chúng tôi thường quan sát thấy không bao giờ họ nhìn ngắm ảnh thánh giá mà không đổ giòng lệ châu do lòng sốt sắng mộ mến để chảy ra trong khóe mắt. Họ cũng rất nhiệt tâm và kiên trì đi dự thánh lễ, khi có, cả vào những ngày trong tuần. Còn ngày chủ nhật, những kẻ ở xa kinh thành chừng ba hay bốn dặm, họ bỏ nhà ra đi từ rất sớm để tới đúng giờ dự thánh lễ và nghe giảng. Sau đó họ trở về mà không bồi dưỡng thân xác, nhưng tinh thần thì no nê lời Thiên Chúa và mạnh mẽ nhờ ơn Người. Còn những kẻ ở xa kinh thành quá, ban sáng không thể tới đúng giờ để dự thánh lễ thì họ ra đi từ chiều thứ bảy sau cơm tối và chỉ trở về vào ngày chủ nhật sau khi đã làm hết các việc đạo đức. Chúng tôi dâng thánh lễ và giảng rất muộn để tiện cho những người ở xa kinh thành tới cho kịp. Còn những người ở kinh thành và những người khác đến nhà thờ từ sáng sớm thì họ đọc kinh và nguyện ngắm suốt mấy tiếng đồng hồ trước thánh lễ.

Việc đạo đức này đã thành thói quen trong khắp xứ Đàng Ngoài, nơi có giáo dân mà không có thánh lễ thì họ sốt sắng dùng thời giờ đó để đọc kinh cầu nguyện và nếu không thể hội nhau để làm chung được thì họ làm trong nhà tư, cả gia đình hội nhau, hoặc một mình khi đi xa ở chốn thôn quê hay ở ngoài biển khơi. Họ rất nghiêm túc trong tất cả những gì thuộc về việc đạo đức và để nhớ những ngày lễ và ngày chủ nhật, họ đã tìm cách soạn một *cuốn lịch* ghi nhớ các ngày lễ và ngày chay trong năm. Các thày giảng đem đi in ở kinh thành rồi phát cho khắp xứ.[49]

CHƯƠNG 34.

MA QUỈ PHIỀN NHIỄU GIÁO DÂN THẾ NÀO

Trong kinh thành có một nữ giáo dân tên là *Monica, ngoan đạo,* nhưng trước khi chịu phép rửa, đã theo mê tín pháp thuật và làm nghề gọi cô hồn. Bà thường bị ma quỉ ám và giãy giụa rất kinh khủng làm cho chồng hoảng sợ. Ông này không dám xưng mình là chồng mà trọng kính tự xưng là dưỡng phụ, như thể bà là con gái một hoàng tử trao phó cho mình để mình bảo dưỡng. Chúng tôi hằng nhắn nhủ bà cũng như những người khác xưa kia dấn thân làm tôi ma quỉ, phải đề phòng tên địch thù ghê gớm nó không quên rình mò để cướp đoạt của Thiên Chúa và cố gắng hết sức để chiếm lại địa vị đức Kitô đã lấy của nó và để trở lại nhà cũ, sau khi đã được dọn dẹp và rửa sạch hết rác rưởi. Muốn vậy chúng tôi dặn bà không bao giờ ra khỏi nhà mà không làm dấu thánh giá và lấy nước phép. Có một lần bà quên không làm, thì vừa ra tới phố, ma quỉ liền nhập vào thân xác, vật bà ngã xuống đất làm bà run rẩy rất kỳ dị đến nỗi từ đôi mắt bắn ra tia lửa giận dữ và đe dọa. Chồng bà là Gioan rất ngoan đạo, được mấy người công giáo giúp, đã dùng sức lực dìu bà về tới nhà (vì ma quỉ còn tiếp tục hành hạ bà). Người ta mời tôi đến làm phép trừ tà và xua đuổi ma quỉ. Tôi đã tới làm và sau khi nhân danh Thiên Chúa tôi khiến nó để cho Monica nghỉ ngơi và khoáng đạt tâm thần, tôi cũng chưa hỏi xem người bị quỉ ám có muốn xưng tội hay không, thì ma quỉ đã không chịu được lời lẽ đó, nó tự rút lui ngay và bỏ không còn chiếm đoạt như trước đây đã bất công lấy lại. Thế là Monica dịu dàng trả lời là rất ước ao được rửa sạch linh hồn bằng phép giải tội, làm hòa cùng Thiên Chúa, lại từ bỏ hết mọi giao du với hỏa ngục mà trước đây bà vẫn theo, và từ đó bà hoàn toàn thoát khỏi tà ma quỉ dữ.

Nhưng ma quỉ đã bỏ Monica và Thiên Chúa không cho nó quyền nhập vào một gia nhân nào của Gioan thảy đều là giáo dân, thì nó đi nhập vào một người tân tòng còn trẻ vẫn kể là lương dân vì chưa chịu phép rửa, ông này có họ với Gioan và lúc đó đang ở trong một gian khác trong nhà này. Anh bắt đầu run rẩy ghê sợ và có dấu hiệu rõ rệt bị quỉ ám. Người ta đem tới chúng tôi để chúng tôi dùng thuốc trừ tà chữa cho khỏi. Nhưng Thiên Chúa không muốn cho thuốc có hiệu lực, trước khi chưa chịu phép thánh tẩy, do đó chỉ sau khi đã chịu thì được thoát khỏi nơi thân xác và linh hồn thì được thoát khỏi Satan. *Một giáo dân người ngoại* quốc trước kia làm tôi tớ cho một người Bồ. Hắn đã trốn và không phục vụ chủ nữa, nay sống giữa lương dân, không những hắn bỏ đạo mình mà còn công khai tin theo tà giáo và mê tín dị đoan. Nhưng do phán xét công bằng của Thiên Chúa, hắn bị Satan ám ảnh, bị tên bạo chúa hung ác hành hạ dữ dằn đến nỗi cả lương dân cũng ghê sợ và động lòng thương hại. Họ liền dẫn hắn từ nơi thôn xã hắn trú ngụ tới kinh thành để giao vào tay chúng tôi. Được mời tới nhà một lương dân hắn được đưa tới đó, chúng tôi thấy hắn nằm sóng sượt bị ma quỉ hành hạ rất ghê gớm, mắt thì nó bắt nhắm chặt đến nỗi không thể mở mí được. Trong tình trạng này hắn còn quyết chắc là hắn thấy một con ma thân hình vạm vỡ kinh khủng bước qua mái nhà hắn đương nằm. Chúng tôi dùng nghi thức trừ tà thông thường và khuyên bảo hắn xưng tội. Hắn nghe theo và ngay sau đó, hắn thong dong mở mắt và được thoát khỏi quỉ ám.

Tôi thêm ở đây một điều đáng ghi nhớ về một giáo dân ngoan đạo tên là *Isave* Thiên Chúa cho phép ma quỉ ám, không phải để phạt tội mà để luyện nhân đức và thêm công phúc. Số là xưa kia bà rất sùng tà đạo, trước khi bà trở lại tin đức Kitô, và để thương lòng nhiệt thành của bà và sự sốt sắng nồng nàn tin dị đoan và thờ ma quỉ hơn tất cả những người khác cùng niềm tin dị đoan như bà, thì ma qui luôn hành hạ bà rất dữ dằn và rất hung ác. Thế là bà quyết định từ bỏ

các chủ đó, đúng hơn các bạo chúa đã không biết cách thưởng công việc phục vụ bà làm. Bà đã trở về tin theo đạo Kitô và học được những đức tính cao cả và những công phúc khôn sánh ở lớp giáo lý dạy ở nhà thờ chúng tôi. Thế là bà sốt sắng chịu phép rửa, nhưng chưa hoàn toàn thoát khỏi phiền nhiễu thông thường của ma quỉ. Thiên Chúa cho phép như vậy để làm cho chúng thện thuồng và để luyện nhân đức của Isave. Bà chịu đựng những khổ đau này cách rất kiên nhẫn và hoàn toàn vâng theo ý Thiên Chúa, làm cho ma quỉ phải khiếp sợ. Bà dùng thế lực kinh nguyện mà xua đuổi quỉ ra khỏi người khác, nhưng bà không thể hay đúng hơn chưa muốn xua đuổi ra khỏi thân xác bà. Điều này không ngăn cấm bà làm hết các việc đạo đức và bác ái. Bà đã đổi lòng nhiệt thành giả tạo đối với các tà thần, thành lòng sốt sắng mộ mến Thiên Chúa và đồng loại : không những bà đã thuyết phục được một mình chồng bà theo công giáo lấy tên rửa tội là Tôma và tất cả gia quyến, mà còn chinh phục được nhiều người khác, ở chính nơi thường trú của bà đối diện với kinh thành bên kia sông, cũng như trong quê hương bà là tỉnh Thanh Hóa; ở cả hai nơi bà dựng nhà thờ cho giáo dân sở tại hội nhau trong các ngày lễ để cầu nguyện và làm các việc đạo đức.

CHƯƠNG 35.

CHÚNG TÔI ĐÀNH PHẢI RA KHỎI ĐÀNG NGOAI VÀ TRỞ VỀ MACAO

Giáo hội Đàng Ngoài đang ở trong tình trạng chúng tôi đã tường thuật cho tới đây. Chúng tôi đã hoạt động *trong thời gian ba năm*,[50] với những thành công và bất trắc rất khác nhau. Tính ra được *năm ngàn giáo dân* và những hạt giống đức tin đã được gieo trong đa số các tỉnh, hứa hẹn trong tương lai một

mùa gặt lớn lao và rất phong phú. Khi tàu của thương gia người Bồ sắp sửa trở về Macao (từ đó đã tới) thì chúa cho chúng tôi biết phải sẵn sàng trẩy đi cùng chiếc tàu đó. Thật là một tin buồn đối với chúng tôi và một sắc lệnh không thích hợp với những triển vọng đẹp đẽ nhất của chúng tôi, nhưng xét ra không thể làm cho chúa thay đổi, vì người ta làm khó dễ không để cho chúng tôi lại gần chúa và các hoạn quan trong phủ chúa không phục vụ tốt đối với chúng tôi nơi chúa, họ hằng xúi xiểm ngài không chịu để chúng tôi ở lại. Họ sợ chúa tin theo Kitô giáo và ruồng bỏ các cung phi, lúc đó họ không còn chức vụ và bị đuổi ra khỏi phủ.

Tuy nhiên, theo lệnh từ nơi chúa đưa ra, chúng tôi còn năm hay sáu ngày trước khi khởi hành, chúng tôi dùng để giải tội cho lương dân rất đông đến với chúng tôi, không để cho chúng tôi mỗi đêm một giờ để nghỉ ngơi đôi chút. Tất cả đều khóc lóc tỏ ra buồn khổ thấy chúng tôi một lần nữa bỏ ra đi không còn săn sóc họ : nhưng chúng tôi yên ủi họ hết sức có thể của chúng tôi, dựa trên hy vọng có tàu người Bồ sẽ đến và đưa các cha tới.

Một điều làm cho chúng tôi áy náy. Chính *các thày giảng* cũng bàn với chúng tôi. Số là có giáo dân mong cho các thày lấy vợ trong gia đình mình, tưởng rằng qua sự thông gia với những người có khả năng dạy dỗ người khác, thì một của đáng lý phải thuộc của chung hết các giáo dân sẽ thành của riêng trong gia đình mình. Ì muốn làm tan ý định đưa tới sự đổ vỡ giáo đoàn của xứ này mà chúng tôi tìm một phương kế đưa ra thi hành đối với các thày giảng, đó là bắt các thày phải thề không được lấy vợ, ít ra cho tới khi có một số các cha tới xứ này để nâng đỡ giáo đoàn và săn sóc giáo dân. Các thày đều đồng ý. Thế là ngày cuối cùng chúng tôi dâng thánh lễ cho giáo dân, lễ và rước lễ xong, ba thày chính yếu là Phanchicô, Anrê và Inhaxu, trước mặt hết các giáo dân, quì gối, tay đặt trên sách Phúc âm, lần lượt thay phiên đọc lời thề gồm ba điểm, thứ nhất, để thong dong làm chức vụ

thày giảng đã đặt cho mình và để tránh bận bịu về việc khác làm cho mình không thừa hành chu đáo chức vụ, thì các thày không được tự liên kết bằng phép hôn phối với một người đàn bà nào cho tới khi có các linh mục mới đến nhận chức vụ dạy dỗ giáo dân. Thứ hai, các thày không được giữ tiền bạc hay của cải riêng nào cho mình, những của bố thí giáo dân cúng phải để làm của chung. Thứ ba các thày phải vâng lời người chúng tôi đặt làm bề trên cho đến khi có các cha tới. *Phanchicô* bắt đầu và đọc lời thề cách rất sốt sắng và cung giọng kiên quyết đến nỗi làm cho giáo dân phải rơi lệ. *Anrê* và *Inhaxu* tiếp tục sau, cũng tỏ ra nhiệt tình như vậy. Chúng tôi cho kèm thày *Antôn* từ lâu nay đã tự nguyện hiến thân phục vụ trong nhà chúng tôi và đã trung thành theo chúng tôi đi khắp các nơi để làm thày trợ sĩ trong các việc thuộc vật chất, thày cũng thề như ba thày kia. Và có thể nói rằng từ đó giáo dân coi họ như cha và thày vì rất kính trọng họ, còn họ, họ ăn ở nhân đức và làm gương tốt, rất có tín nhiệm trong giáo đoàn mới, đến nỗi không làm gì mà không có sự thỏa thuận và uy quyền của các thày. Gương giảng dạy và đời sống tốt lành của họ đã thu hút được rất nhiều thanh niên noi theo, đến xin họ dạy dỗ và giúp mình trong chức vụ thiêng liêng và trần thế, làm thành một hội gần một trăm người[51] rải rác trong nước và đem lại nhiều kết quả khôn lường còn tồn tại cho đến ngày nay. Thiên Chúa muốn cho biết rằng thần linh Người thổi ở nơi nào Người muốn, Thần Linh đã chọn các tông đồ và những người thừa hành chức vụ giảng Phúc âm nơi Người muốn được thờ phượng. Chúng tôi đã để lại nội qui và mệnh lệnh phải theo và họ hằng nghiêm chỉnh tuân thủ.

Thu xếp xong công việc này thì chúng tôi vĩnh biệt giáo dân. Chúng tôi để lại tất cả tình thương yêu đối với họ với những dặn dò lành thánh. Chúng tôi xin họ cầu nguyện vì những ơn huệ họ tự nhận là đã nhận được từ nơi chúng tôi. Họ vui lòng hứa cũng như từ hai mươi năm[52] nay họ hằng đọc kinh riêng cầu

nguyện cho chúng tôi mỗi ngày sáng tối, trong nhà tư của họ và các ngày chủ nhật và ngày lễ, khi đọc kinh chung. Có mấy người ra trình diện và xin đi theo chúng tôi, nhưng chúng tôi chỉ nhận có thày Phanchicô vì chúng tôi còn phải bàn luận với thày về ích lợi của giáo đoàn này và mấy người khác, trên đường đi, những người này sẽ dẫn tôi tới nhà họ, nơi họ đã chuẩn bị một số người xin chịu phép thánh tẩy.

Dọc đường, chúng tôi ngừng lại mấy nơi để giải tội và giúp việc linh hồn cho một ít giáo dân tân tòng. Trong số đó có người ngoan đạo *Phaolo Ke Bo* chúng tôi đã có lần nói tới, ông tỏ ra quí mến chúng tôi rất đặc biệt, cho chúng tôi cư trú trong nhà và chúng tôi đã rửa tội cho nhiều người. Ông cũng định trong tương lai dành một thửa đất để dựng một nhà thờ và một trụ sở cho các cha dòng chúng tôi.

Tiếp tục cuộc hành trình, chúng tôi nhân tiện vào một thôn xóm gọi là *Ke Bich ở ven biển*, nơi đây chúng tôi gặp trong nhà Toma và Isave, tám mươi người tân tòng đã thuộc giáo lý và chỉ đợi chúng tôi làm phép rửa tội cho. Cuối cùng sau khi đã đi *qua các nơi* và ban lời yên ủi và khuyên dụ thích hợp với hoàn cảnh, thì chúng tôi tới cửa bể gọi là *cửa chúa, nơi đây có tàu người Bồ đang chờ chúng tôi* và *nơi đây phải ngừng lại* một thời gian để cho giáo dân từ các miền lân cận kéo đến xin xưng tội cũng như chịu phép rửa tội. Chúng tôi đã làm phép thánh tẩy cho hai mươi hai người tân tòng, do hai giáo dân nhiệt thành và sốt sắng, Phaolo và Antôn từ kinh thành tới đây dạy dỗ và chờ chúng tôi đi qua. Từ đây chúng tôi sửa soạn lên buồm và phải *từ biệt Phanchicô đã theo chúng tôi từ Kẻ Chợ*. Thày quá xúc động vì sự vĩnh biệt này, thày khóc lóc và thương tiếc gục dưới chân chúng tôi. Thày nài nằng viện những lý do rất thánh thiện xin chúng tôi đưa thày đi Macao để sống và chết trong dòng chúng tôi, nhưng chúng tôi cho thày biết nhu cầu của giáo hội Đàng Ngoài cần đến thày phải có mặt và săn sóc, thày không thể bỏ mà không làm trái bổn phận và ơn gọi của thày. Thế là thày dịu dần nghe

chúng tôi nói. Chúng tôi cho thày tin chắc là rồi đây thày sẽ được gặp các cha dòng chúng tôi trên đất Đàng Ngoài.

CHƯƠNG 36.

BỨC THƯ GIÁO DÂN ĐÀNG NGOÀI ĐỆ TRÌNH ĐỨC THÁNH CHA GIÁO HOÀNG URBANÔ 8

Tôi ghi ở đây nội dung bức thư giáo dân tân tòng của giáo hội Đàng Ngoài trao cho chúng tôi khi chúng tôi bỏ kinh thành để chuyển đệ tới đức thánh Cha giáo hoàng Urbanô VIII[53] vị chăn chiên tối cao của Giáo hội chung toàn thế giới, viết *bằng chữ Đàng Ngoài*, chúng tôi dịch sát ý ra tiếng latinh không thay đổi gì như sau :

"Chúng tôi thuộc đạo đức Giêsu Kitô, sấp đầu xuống đất tạ ơn đức Chúa trời đất, dám dâng bức thư này lên đức thánh Cha thay mặt đức Giêsu Kitô ở dưới đất này.

Đức thánh Cha nhiệt tình tôn kính Thiên Chúa đã truyền và sai các linh mục từ khắp cõi đất để chỉ đàng sự thật. Từ những thế kỷ đầu cho tới thời sau cùng đây, ánh sáng đạo thật chưa chiếu tới Đất Đồng kinh chúng tôi. Sau cùng vào thời chúng tôi, chúng tôi có phúc được đón hai cha dòng chúa Giêsu từ Đại Tây dương, các ngài khinh thường sóng gió ghê rợn và bão táp kinh hoàng biển khơi, qua đàng rất hiểm trở, tới Nước chúng tôi và công bố đạo thật, khuyên bảo, giảng dạy, thuyết phục thế gian trọng kính và tôn thờ Chúa thật trời đất. Sau đó hơn năm nghìn người chúng tôi bằng lòng và tự nguyện theo đạo thánh và còn nhiều người nữa đang sẵn sàng theo. Mặc dầu chúa cai trị xứ này và mấy vị hoàng tử (không hiểu

biết sự thật) phản đối các cha và ngoan cố chống đối, thế nhưng đạo các cha giảng không bị kết án. Còn phần chúng tôi, dầy tớ của Đức Giêsu Kitô, chúng tôi kiên trì, không nản trong sự thật và quyết định kiên trung mãi mãi trong đức tin chúng tôi đã được. Và để củng cố và giữ vững ý ngay lành chúng tôi có, thì chúng tôi dâng lá thư này lên đức thánh Cha như người Cha chung các tín đồ, để xin cho nước chúng tôi sự cứu giúp thuận lợi. Chúng tôi khẩn nài Người đưa mắt nhân từ và đem lòng săn sóc của một người Cha tới chúng tôi, mặc dầu chúng tôi còn thô thiển và vô lễ, chúng tôi quì dưới chân đức thánh Cha, tin tưởng trông đợi và mong ước được các vị tiến sĩ Phúc âm, để qua giáo lý cao vời, tất cả dân trong nước chúng tôi, lớn bé đều bỏ sai lầm, vâng theo đạo thật, được thoát trầm luân đời đời và hưởng phúc ngàn thu.

Chúng tôi, quân binh đức Giêsu Kitô, cúi đầu xuống đất, dâng bức thư này lên đức thánh Cha, năm 1630".[54]

Chúng tôi đã gửi bức thư này kèm theo một thư của chúng tôi viết tới cha Nuntiô Vitelleschi, bề trên Cả dòng chúng tôi, xin ngài đệ lên đức giáo hoàng nhân danh các giáo dân Đàng Ngoài, ngài đã làm như thư ngài viết cho chúng tôi vào năm 1633 như sau :

"Chính tôi đã đệ lên đức Thánh cha bức thư giáo dân Đàng Ngoài viết, Người đã nhận và tỏ ra rất vui mừng. Khi chúng tôi được Người trả lời thì chúng tôi sẽ chuyển tới miền Đông Phương. Đức Thánh cha sẽ cho giáo dân nhiệt tình biết lòng yêu thương và săn sóc đặc biệt Người thường ấp ủ họ và liên kết họ như Chúa chiên tối cao thương yêu và ấp ủ đàn chiên giáo hội công giáo...".

Thư trả lời nói ở đây dẫu sao nếu đã gửi, cũng chưa tới giáo dân Đàng Ngoài.

CHƯƠNG 37.
CÁC CHA DÒNG CHÚNG TÔI TRỞ LẠI ĐÀNG NGOÀI

Năm chúng tôi từ Đàng Ngoài trở về Macao là năm 1630. Ở đây chúng tôi gặp cha Anrê Palmier, sau khi đi thăm vùng truyền giáo ở Tàu thì cũng trở về Macao như chúng tôi. Được biết tình hình khu truyền giáo Đàng Ngoài, nơi rất nhiều giáo dân bị bỏ rơi vì không có linh mục, cha liền quyết định tìm hết phương cách để sai người đến khu vực truyền giáo này, trong khi giáo dân còn giữ lòng nhiệt thành thuở ban đầu. Mà vì cha *Gaspar d'Amaral* cũng vừa cùng về với chúng tôi, cha đã thành thạo về phong tục và năng khiếu của những người xứ đó, nên bề trên chỉ định ngài đi. Trước đây cha có ý hướng đi vùng truyền giáo Nhật Bản, đã rất thông tinh tiếng Nhật và đã mấy lần xuống tàu đi tới nhưng vô ích, cha luôn luôn bị ngăn cản bởi một bí ẩn nào đó của Thiên Chúa quan phòng dành một thợ rất tốt cho khu truyền giáo Đàng Ngoài. Vì cha nhận thấy rõ ràng Thiên Chúa gọi cha tới đó, nên cha vui lòng vâng theo lệnh và để tỏ ra có đủ khả năng, cha chuyên chú hết mình để học tiếng bản xứ,[55] cho tới lúc trẩy đi. Cùng đi với cha thì có cha *Antôn de Fontes* người Bồ đã làm việc sáu năm ở vùng truyền giáo Đàng Trong và lúc này đang ở Macao và cha *Antôn Cardim* đang suy tính qua Đàng Ngoài để tới nước Lào. Khi ở Thái Lan, cha đã học tiếng Thái cũng là tiếng chung với tiếng Lào, như chúng tôi sẽ nói sau.

Tàu buôn phải lên buồm đi Đàng Ngoài đã sẵn sàng khởi hành vào ngày mồng *8 tháng hai năm 1631*. Các cha đã xuống tàu và sau hành trình may mắn một tháng thì *cập bến xứ Đàng Ngoài ngày mồng 1 tháng ba* cùng năm.[56] Các cha đến thì đã đem vui mừng

khôn tả cho mọi giáo dân. Họ sung sướng thấy các cha đến cứu giúp họ và yên ủi họ, những thày dạy tốt lành họ vô cùng mong mỏi. Còn các cha cũng không kém vui mừng thấy giáo dân tốt lành kiên trung trong đức tin đã lãnh nhận. Có *ba điều chính* yếu rất yên ủi các cha. Thứ nhất là lòng nhiệt thành rất hăng say của *các thày giảng*, Phanchicô, Anrê và Inhaxu, trong vòng mười tháng chúng tôi đi vắng, đã rảo hầu hết các tỉnh và đã dạy dỗ và rửa tội được ba nghìn ba trăm bốn mươi người. Mặc dầu họ đã hạn định lời thề không lập gia đình cho tới khi có các cha đến, nay họ muốn kéo dài cho tới hết đời mình. Do đó có nhiều người theo gương họ cũng tự nguyện hiến mình cho chức vụ này. Điều thứ hai rất yên ủi các cha đó là lòng sốt sắng và *đạo hạnh của giáo dân* tân tòng, trong khi chúng tôi vắng mặt, đã chung nhau dựng được hai mươi nhà thờ, để tiện việc hội họp trong các ngày chủ nhật và đọc kinh chung với nhau. Ngoài ra họ đoàn kết và thương yêu nhau, đó là đặc tính của Kitô giáo và là dấu hiệu đích thực của đồ đệ Chúa Cứu Thế. Mọi người yêu thương nhau như anh em và người giàu khiêm tốn đối xử mà không khinh dể người nghèo, lại còn có lòng giúp đỡ thương yêu đặc biệt. Cách ăn ở của họ rất thành thật và đời sống trong sạch, giữ nghiêm ngặt luật đạo Kitô : điều này làm cho một người Bồ, sau khi giao tiếp và đi lại với họ đã nhận là có thể so sánh họ với không những giáo dân ở Âu châu giữ đạo rất sốt sắng mà còn với những tu sĩ tập sự ở các dòng tu canh tân. Các cha còn nhận thấy rõ hơn trong tòa giải tội, vì không thấy có chất liệu đủ để làm phép giải, họ có linh hồn trong trắng và lương tâm không vết tội. Cuối cùng, các cha được rất nhiều yên ủi vì thấy có một giáo dân *kiên trì chịu những hình khổ* dữ dằn và chịu chết để làm chứng đức tin, như tôi sẽ tường thuật trong chương sau.

CHƯƠNG 38.

LÒNG KIÊN TRÌ CỦA MỘT GIÁO DÂN TÂN TÒNG CHỊU CHẾT ĐỂ GIỮ ĐỨC TIN KITÔ GIÁO VÀ MẤY PHÉP LẠ

Giáo dân này tên là *Phanchicô* và mới được đức tin với phép rửa từ hai năm nay, nhưng đức tin rất sâu sắc và ông rất thấm nhuần ơn gọi đến nỗi người ta thấy ông không bao giờ ngừng làm việc bác ái và yêu thương, nhất là đi chôn xác ông thường vác trên vai cho tới huyệt. Việc này đến tai em của chúa, một người hung dữ và rất ghét giáo dân. Phanchicô giúp việc nhà ông và là một trong số những người khiêng cáng cho ông. Ông gọi Phanchicô tới và cấm không được tiếp tục theo đạo Kitô và không được làm công việc bẩn thỉu. Ông cho là một việc nhơ nhớp và bất xứng vì mó vào cáng và võng của ông sau khi đã đụng tới xác chết. Phan khiêm tốn nhưng can đảm tỏ mình thật là giáo dân và thừa hành chức vụ đó, mà vì mình làm theo luật Chúa Giêsu Kitô, là luật thánh và cần cho sự cứu rỗi, nên mình không thể bỏ mà không phạm tội bất trung, bất nghĩa, cũng không thể bỏ việc bác ái và thương xót đạo dạy nếu không thì là kẻ hèn nhát đáng khinh. Còn về việc phục dịch, Phan không bao giờ sơ sót. Nhưng ông cũng xin đừng coi là việc xấu nếu ông trung thành giữ luật Chúa Giêsu Kitô mà ông tin theo và giữ mãi cho tới hơi thở cuối cùng. Câu đáp này không có gì là xúc phạm, thế nhưng hoàng tử không bằng lòng vì lời lẽ tự do đó, tức thì truyền cho ông phải ra khỏi tư dinh và không bao giờ được đến trước mặt ông. Phan vâng lời, bỏ tư dinh và việc phục dịch hoàng tử em chúa, để hoàn toàn hiến thân cách vui vẻ vào việc phụng sự Chúa muôn chúa trong hết các công việc từ thiện bác ái do lòng sốt sắng nơi ông. Được tin đó hoàng tử giận dữ cho gọi ông và lại

truyền cho ông phải bỏ đức tin và đạo Kitô. Phan can đảm phản đối, ông không thể làm được vì đó là phạm một tội không thể tha thứ và là bỏ việc cứu rỗi. Hoàng tử điên lên vì Phan không vâng lời, liền truyền cho đánh đòn và bắt giam trong ngục chật hẹp và chịu tra tấn ở vế đùi. Sau cùng ông càng kiên trì hơn trong lúc bị hành hạ để bắt ông đổi ý định. Thế là tên bạo chúa truyền chém đầu ông. Đây là nạn nhân thứ nhất của Chúa Giêsu Kitô dâng máu mình cho giáo hội Đàng Ngoài và là hoa trái đầu mùa giáo đoàn mới hiến dâng Thiên Chúa, lấy hương thơm xức và làm vui lòng hết các giáo dân xứ này và những thợ mới vừa tới để chung vai sát cánh gây nhiều hy vọng hái quả tương lai do hạt giống giòng máu thứ nhất gieo xuống.

Ngoài đức kiên trì bất khuất của giáo dân tân tòng là một bằng chứng xác thực về đức tin được duy trì rất sống động trong lòng giáo dân Đàng Ngoài tôi còn thêm một bằng chứng thứ hai rất lớn về đức tin mạnh mẽ của họ, đó là một số vô kể các phép lạ được làm nơi họ và theo lời cầu nguyện của họ. Các cha muốn ghi vào sổ sách và điều tra về những phép lạ làm cho bệnh nhân được khỏi và đuổi ma qui ra khỏi người bị ám, nhưng người ta trả lời là không sao đếm nổi. Các cha dễ dàng tin, khi được biết chỉ một giáo dân trong đoàn thể tên là *Phêrô, là một công chức*, bằng lời cầu nguyện đã cứu được ba mươi người bị quỉ ám. Trong tỉnh *Nghệ An* cũng xảy ra những việc kỳ lạ tương tự, trong số đó có một việc lạ lùng làm cho đạo Kitô được người ta rất kính trọng. Số là có một nữ giáo dân tên là Maurô, bà này có người con trai (cũng là giáo dân) tên là Bênêditô, một thanh niên rất sùng đạo và đã tìm đến với các thày giảng để sống dời tông đồ, nhưng các thày thấy vì chữ hiếu anh nên sống với mẹ và giúp đỡ mẹ trong cảnh nghèo khó. Bà mẹ ngã bệnh nặng và bệnh lâu năm, cuối cùng bà chết. Khi người ta sắp sửa lo đám tang và đem chôn thì anh còn quá thương tiếc mẹ, không phải vì cái chết nhưng vì mẹ chết mà chưa được chịu các phép bởi vì không có các

cha, anh liền qui gối và lấy lòng tin rất mạnh xin tất cả giáo dân tới chia buồn và phúng viếng hãy góp lời cầu nguyện với anh để được hiệu quả là cho mẹ anh chờ. Rồi anh đứng dậy, giỏ mấy giọt nước phép vào miệng người quá cố, tức thì Maurô hồi sinh làm cho mọi người giáo dân cũng như lương dân có mặt đều sửng sốt. Tin phép lạ đã được mọi người chứng kiến phao đồn đi khắp tỉnh, rất nhiều người tuốn đến để xem người phục sinh và do đó có rất nhiều người trở lại đạo.

Không phải việc kỳ diệu khi Thiên Chúa làm rất nhiều *phép lạ* do lời cầu nguyện của giáo dân là con cái Người, mà Người còn làm qua trung gian những kẻ tân tòng chưa chịu phép rửa, như đã xảy đến cho một người trong số đó. Đó là một người một hôm ở trong rừng đã gặp một người nửa sống nửa chết và vì không có nước phép giáo dân thường dùng để chữa bệnh, mà ông thì động lòng thương tình cảnh kẻ cùng khổ này, thế là ông lấy nước sông rồi làm phép bằng dấu thánh giá ông đã học và đọc kinh Lạy Cha. Ông lấy nước phép đó vẩy mấy giọt trên người xấu số và tức thì người bị bỏ rơi này được lành bệnh.

CHƯƠNG 39.

MẤY LƯƠNG DÂN CO THỂ GIA TRỞ LẠI

Trước hết chúng tôi nói tới việc trở lại của *một thày pháp*, một tay trùm trưởng tin theo dị đoan mê tín hằng chống đối các chân lý đức tin và Kitô giáo. Nghe tin đồn về các phép lạ giáo dân làm, nhờ lời cầu nguyện, thì ông quyết định trước hết tự học lấy, xem đạo đó thế nào. Ông được một cuốn *sách giáo lý*[57] và khi ông bắt đầu mở ra đọc thì mặt ông sưng phồng lên rất ghê sợ làm ông cực kỳ đau đớn. Ông đành bỏ sách

không đọc nữa. Đó là một hậu quả của Satan ghen ghét và xảo quyệt muốn đóng cửa không cho ánh sáng chân lý lọt vào tâm hồn ông. Không chỉ làm thế, nó còn hành hạ ông khắp thân thể làm cho ông đau đớn một cách rất hung ác, để cho ông không còn có ý định học đạo Kitô. Nhưng vô ích, vì từ bên trong Thiên Chúa cho ông biết tình trạng cơ cực ông chịu và ông thấy rằng ông bị trừng phạt đích đáng về các tội và về những phiền nhiễu bất công ông đã làm đối với giáo dân. Thế là ông nhớ đến lòng thương yêu của những kẻ ông đã ghen ghét và ông xin họ chịu phiền đến nhà ông và dùng kinh cầu nguyện xin ơn tha thứ các tội ông phạm và cứu ông thoát thù địch hung ác hành hạ ông. Giáo dân chưa làm và chưa truyền cho ma quỉ rút lui nhân danh Đức Giêsu Kitô thì nó đã ra khỏi người ông và để cho ông được tự do. Nhưng tên quỉ dữ lại nhập vào vợ ông còn sùng bái dị đoan ma quái như ông. Thế nhưng nó lại phải bỏ mà ra đi nhờ thế lực kinh cầu nguyện của giáo dân. Nhưng thày phù thủy chưa chịu phép rửa tội và vẫn còn bị đau mắt mãi cho tới khi ông thấy trong mộng một bà đáng kính khuyên nên dùng phương dược thánh và có ích đó để được khỏi bệnh. Ông liền xin học đạo và sau khi chịu phép thánh tẩy cùng với vợ và cả gia quyến thì ông hoàn toàn được khỏi, được sáng thân thể và sáng linh hồn. Từ đó ông nhiệt thành thu phục lương dân theo đạo thật cũng như khi xưa ông muốn người ta từ bỏ. Sau trường hợp này, còn một trường hợp đáng ghi nhớ hơn của một *viên quan trong phủ*, làm cho các cha mới đến rất vui mừng. Số là viên quan này đã biết khá về đức tin và về luật của giáo dân, ông đã cho phép *bà vợ và con gái lấy người em út của chúa*, cả hai chịu phép rửa tội và sống theo đạo Kitô. Còn ông, ông ngoan cố trong sai lầm, không bị ràng buộc bởi một tin tưởng nào ngoài tình mê say nàng hầu vợ mọn. Nhưng Thiên Chúa muốn ông thoát khỏi tai họa do lòng mê sắc dục để cứu linh hồn ông. Người cho ông ngã bệnh nặng nguy hiểm làm cho ông rất kiệt sức và cho người vợ mới theo đạo được bốn năm và lấy

tên rửa tội là Anna, nghĩ đến cách lợi dụng dịp này để cho chồng biết vì ông có ít hy vọng cứu mạng sống thì nên nằm c ắc cứu lấy phần hồn và chịu phép rửa tội để được ơn đó. Nhờ Thiên Chúa ban ơn soi sáng hợp với lời bà vợ bàn thì ông động lòng, không những ông quyết định chịu phép rửa tội và do đó bỏ hết các vợ mọn mà còn khẩn dựng một nhà thờ đẹp đẽ để kính dâng Thiên Chúa mà ông muốn phụng thờ, nếu ông được khỏi bệnh. Mọi việc đã xảy ra, *con rể ông, là em út của chúa đương thời* cũng ưng chuẩn quyết định của ông và chứng kiến phép thánh tẩy ông chịu ngay không trì hoãn, lấy tên là Gioakim. Tức thì tình trạng sức khỏe rất khả quan và bước vào giai đoạn tĩnh dưỡng yên hàn. Sự trở lại này làm cho mọi giáo dân rất vui mừng và tin tưởng, vì đã chinh phục được một tay nâng đỡ có thế giá và một cột trụ vững chãi cho giáo đoàn Đàng Ngoài, nhất là trong tỉnh Nghệ An, nơi vang danh tiếng ông.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG 40.

CHÚA CƯ XỬ THẾ NÀO VỚI CÁC CHA DÒNG CHÚNG TÔI CHO TỚI KHI TÀU NGƯỜI BỒ TRỞ LẠI

Lòng nhiệt thành của lương dân có thịnh tình với đạo và tỏ ra sẵn sàng nhận đức tin thì rất lớn trong hai tháng các cha dòng chúng tôi hoạt động trong xứ này, đó là thời gian các *thương gia người Bồ đưa các cha tới và* cư trú ở đây, trong thời gian này có hơn một nghìn người tân tòng xin chịu phép rửa tội. Để giúp rất đắc lực vào việc này thì có *dư luận về các cha được lòng chúa, chúa tỏ ân cần săn sóc khi các cha tới cùng đi với người Bồ.* Chúa mong họ giúp đỡ chúa trong việc chiến tranh với chúa Đàng Trong. Đó là lý do trước hết chúa cho phép tự do giảng đức tin đạo Kitô trong khắp xứ và làm phép rửa tội cho hết mọi

kẻ xin theo, miễn là không được phá phách tượng thần người ta sùng kính trong nước. *Nhưng từ khi biết rõ người Bồ rất trung thành và kiên trì trong tình thân thiện không từ bỏ liên kết cũ đối với chúa Đàng Trong* để cầm khí giới chống lại chúa thì chúa liền bớt hẳn thịnh tình và cho các cha dòng chúng tôi biết rằng ý ngài là các cha phải rút về Macao trong chiếc tàu người Bồ, khi họ sửa soạn trẩy đi. Thế là mọi niềm vui đều giảm xuống và chúng tôi tìm hết cách để chúa đổi ý định. Nhưng không thể nhận được gì khác nơi chúa, chúa chỉ cho một hai người ở lại mà thôi với điều kiện là không được nhận ai tin theo mầu nhiệm của đạo.

Vậy tàu người Bồ trẩy đi, còn hai cha chúng tôi ở lại. Các ngài không nản lòng, quyết định giữ theo lời chúa, ráng làm đẹp lòng ngài nhưng cũng âm thầm lo săn sóc giáo dân. Cứ vậy, mỗi ngày một trong hai ra mắt chúa giữa các cận thần để cho chúa thấy, để ngài có cảm tưởng là các cha không làm việc dạy dỗ giáo dân, mặc dầu các cha không chểnh mảng việc giúp đỡ cần thiết một cách kín đáo. Các cha càng dễ dàng hành động khi có một *chiếc tàu người Bồ khác tới đem* theo hai cha nữa, cha *Hiênrô Majorica*[58] và cha *Bernadino Regiô* cả hai là người Ý. Cha Majorica rất thông thạo tiếng vì đã học được trong thời gian cư trú ở Đàng Trong. Và từ đó luôn luôn có vài ba cha ở trong phủ, trong khi các cha khác hoạt động ở các nhà tư có giáo dân tập hợp. Lương dân không để ý, cũng không để ý khi họ hội nhau trong nhà thờ để đọc kinh, trong đó các cha cũng ít khi có mặt để tránh không cho lương dân nghi ngờ.

Nhưng không thể giữ như thế trong dịp lễ *Giáng sinh* vì giáo dân cử hành lễ rất long trọng, làm hang đá máng cỏ rất đẹp để diễn sự tích Thiên Chúa giáng sinh và chung quanh đó là các mầu nhiệm thời niên thiếu của Người. Việc này chưa bao giờ thấy, có rất đông người thuộc mọi tầng lớp đến coi, không những giáo dân mà cả lương dân, nhờ đó mà chúng tôi cắt nghĩa các mầu nhiệm cho họ hiểu, đến nỗi trong thời

gian sáu tháng trước khi tàu cuối cùng trẩy đi, có hơn ba nghìn người được chịu phép rửa tội và lòng sốt sắng của giáo dân không phải là ít trong suốt tuần bát nhật, vì ba cha chúng tôi luôn luôn bận giải tội, trong đa số hầu như chỉ tìm vừa đủ chất liệu để ban phép giải, lương tâm họ rất mực trong trắng. Thế mà họ không bao giờ đến gần phép bí tích này mà không *ăn chay* nghiêm ngặt một ngày và *đánh tội* để giục lòng ăn năn thống hối. Họ cũng có thói quen *đánh tội* mỗi ngày thứ sáu trong năm để tưởng nhớ sự thương khó Chúa Cứu Thế. Họ không bao giờ bỏ, ngay khi đi hành trình hay đi biển. Việc này một lần làm cho một người Bồ cùng đi trong chiếc thuyền với mấy giáo dân phải bỡ ngỡ. Bởi vì ban đêm ông này nghe thấy tiếng đánh tội. Ông thích thú tưởng như có mưa hay mưa đá rơi lúc đó, mặc dầu trời quang đãng như chưa bao giờ thấy. Nhưng khi biết đó là thứ đá giáo dân Đàng Ngoài để trên vai thì ông không ngừng ca tụng khắp nơi về những gương đạo đức đó. Nhưng mọi nơi còn thưởng thức hương thơm các nhân đức của họ, đó là sự đoàn kết và thương yêu nhau một cách lạ lùng. Họ sốt sắng giúp đỡ không những người ngoại quốc mà nhất là người nghèo khổ cần được cứu trợ, tỉ như người bị tòa kết án. Họ xin phép quan tòa cho vào ngục để yên ủi và dạy dỗ về đức tin đạo Kitô, theo họ tới nơi hành hình, ra lệnh không để cho họ chết mà không được chịu phép rửa tội và lo an táng chu đáo làm cho mọi người phải ngợi khen với tất cả sự trang trọng kính nể như trong nước có các vua chúa theo Kitô giáo. Đó là tất cả những hoạt động bắt buộc lương dân phải kính nể đạo Kitô, mặc dầu họ có chút ghen ghét.

CHƯƠNG 41.

MẤY TRINH NỮ CHỊU HÀNH HẠ ĐỂ BẢO VỆ ĐỨC TRINH

Có mấy sử gia trong Giáo hội đã nhận thấy rằng đời sống dâm dật và những trụy lạc của hoàng đế Nêrô đã nhen nhóm những ngọn lửa đầu tiên gây nên cuộc bắt bớ Giáo hội sơ khai trong thành Rôma, nhận xét này được xác minh trong cuộc bắt bớ giáo hội Đàng Ngoài vì đời sống trụy lạc, nếu không phải là của vua chúa thì ít ra của mấy người trong xứ. Một nữ giáo dân trẻ tuổi tên là *Đariê có sắc đẹp lạ* thường, nhưng còn có đức hạnh thầm kín đặc biệt hơn nữa. Cô bị viên quan sở tại đòi làm vợ lẽ (việc thông thường trong xứ này). Nhưng cô rất ghét tục lệ ô nhục và bất nhân này. Cô sợ người ta dùng tới võ lực nên chạy đến giáo dân bản hạt để thoát nguy cơ cho danh giá và lương tâm, cũng để cô ẩn lánh an toàn. Nhưng viên quan ngoại đạo nổi cơn điên rồ vì mồi ngon của hắn đã chạy thoát, hắn liền nhờ giáo dân thuộc quyền hắn, vì hắn nghi là Đariê đã cho họ biết ý định trốn lánh của mình. Hắn cũng dùng uy quyền truyền cho họ phải cho hắn biết cô trốn ở đâu và phải đưa về cho hắn nếu không sẽ bị trừng phạt. Thế nhưng tất cả tới sáu chục người đều can đảm trả lời là đạo Kitô không cho phép Đariê làm vợ lẽ và họ không thể trao cô cho hắn để làm việc đó mặc dầu họ biết chỗ cô trú ẩn. Viên bạo quan vô đạo nổi cơn giận vì lời lẽ táo bạo đó, sau khi đổ cơn thịnh nộ đầu tiên trên họ, nào là đe dọa đủ thứ, nào là trách mắc chửi rủa, hắn cho lính tự do hành hạ bằng mọi thứ bạo lực, trên bản thân và tài sản họ. Bọn lính vâng lệnh hung ác và bất công, không những chúng cướp phá nhà cửa và tài sản làm ra ổi cho chúng mà còn đánh đập mấy người rất tàn nhẫn, nhân danh quan bản hạt bắt mọi người phải bỏ đạo mới họ vừa tin theo và cúng tế thần phật, nếu không thì đàn ông sẽ bị bắt giam tù và bị

kết án theo luật, còn đàn bà thì cho chết đuối trôi sông. Được lệnh, họ bàn nhau về cách đối phó và sau khi đã thề và hứa với Thiên Chúa là không bao giờ họ bỏ niềm tin vào đức Kitô mặc dầu có mất của cải và mạng sống vì một nguyên cớ vinh quang như thế, thì họ quyết định bỏ nhà cửa và tất cả của cải ở bản quái và bí mật kéo nhau đến kinh thành, nơi họ rất khó bị phát giác vì có rất đông dân cư. Thế là họ rất mực can đảm đem ra thi hành. Tới nơi họ được tiếp đón và bảo dưỡng trong nhà một giáo dân rất tốt và rất thương người. Rồi họ viết thư cho các cha biết lý do việc rút lui về đây, họ xin các cha đến giải tội cho họ trước khi họ chia tay nhau để tránh viên bạo quan lùng bắt. Các cha đã đến nhà đó thăm họ và rất vui mừng thấy họ tỏ ra được hân hạnh chịu thiệt hại vì lòng sốt sắng và vinh quang đạo thánh mà họ mến chuộng hơn tất cả đế quốc tiền tài. Quyết định quảng đại của họ gợi tình bác ái của giáo dân trong kinh thành và đánh động lòng thương của một bà có thế giá, bà nhận bao bọc Đariê và bảo vệ giáo dân không cho viên quan quấy nhiễu và hành hạ.

Một nữ giáo dân khác tên là *Pia* cũng phải đương đầu trong một trận đánh để giữ gìn đức trinh khiết. Cô được vinh hiển vì bị nguy cơ dữ dằn, tưởng như gần thua trận. Số là cô được đức tin và chịu phép rửa mà cả cha mẹ vẫn còn là lương dân, cả người sang trọng đã nuôi cô trong nhà từ lúc cô còn nhỏ tuổi để sau này làm vợ bé cho người ta, tất cả đều không biết cô theo đạo. Theo giáo huấn cô nhận được về sự thánh thiện của đạo thì cô rất tha thiết chuộng sự trinh khiết của thân thể và lương tâm. Vì thế cô từ chối hết mọi lời dụ dỗ bỉ ổi của người bõ nuôi và những lời khuyên răn bất xứng của cha mẹ cô để thuyết phục cô, để cô bằng lòng nhận việc vô nhân đạo. Người sang trọng nổi cơn giận vì bị từ chối và bị lừa sau khi đã đợi chờ và mất nhiều công của, nhưng vô ích. Lúc thì hắn hứa hẹn, dỗ dành, khi thì đe dọa bắt bỏ đạo cô đã tin theo mà không cho hắn biết. Để bắt cô theo ý hắn, hắn quyết định thi hành, hắn cho hành hạ cô,

tát, đánh, quất roi rất tàn nhẫn nhiều lần đến nỗi cô phát ốm liệt giường, yếu hẳn vì bị đánh đập và hành hạ, nhưng cô luôn luôn mạnh bạo và kiên quyết trong ý định. Người sang trọng càng lên cơn điên, thấy mình không được việc gì, liền đổi yêu ra ghét, hẳn nhất định giết cô. Được biết ý dữ đó, cô bí mật trốn khỏi nhà con sư tử và nấp ẩn trong nhà một nữ giáo dân ngoan đạo đã có tuổi tên là *Phanxica*, bà này đã cứu danh dự và tính mạng cô.

Tôi có thể kể ra đây rất nhiều thí dụ can tràng mà mỗi ngày giáo dân tỏ ra để bênh vực danh giá đức hạnh và tôn giáo họ tin theo. Tôi không thể không nói tới lòng kiên trung bất khuất của một thanh niên tên là *Inhaxu* đã theo đạo chống lại ý muốn của cha mẹ còn là lương dân. Cậu bị cha mẹ hành hạ tàn nhẫn không thể tưởng tượng được, để bắt cậu bỏ đạo, nhưng cậu kiên trì mặc dầu chịu sự khắc nghiệt cha mẹ gây nên, ở vào cái tuổi chưa thể định đoạt về một việc khá xa bản năng, nếu không là bản năng từ trời xuống. Cha mẹ cậu dựa vào một cơ hội đặc biệt để cho tái diễn cuộc hành hạ trong mùa chay. Cậu thì muốn kiêng thịt theo luật và tục lệ giáo dân cấm, còn cha mẹ thì vô ích dùng hết các thứ lý lẽ và mưu mô để bắt cậu ăn. Sau cùng họ vừa đe dọa, vừa đánh đập đến nỗi đã dùng roi vọt đánh cậu rất tàn nhẫn đến chảy máu, họ cởi áo tốt áo lành và cho cậu mặc áo xấu áo rách. Không những thế họ còn long trọng tuyên bố từ cậu, đuổi cậu ra khỏi nhà và bêu rếu cậu ở ngoài đình để cho dân làng xỉ vả. Họ cũng chống đối cậu và cố gắng thuyết phục cậu vâng lời cha mẹ và theo đạo cổ truyền của họ. Nhưng khi thấy họ nói như nói với cục đá và chỉ phí lời, mất thời giờ thì họ mắc cỡ đuổi cậu ra khỏi thôn xã. Còn cậu, cậu hiên ngang vì nhận Thiên Chúa là Cha và Trời làm quê hương không ai có thể lấy mất được, cậu đến xin trú ẩn ở nhà chúng tôi tại *Kẻ Chợ*, tự nguyện làm tôi tớ, mà không xin tiền lương nào ngoài ơn tự do phụng thờ Thiên Chúa trong nhà chúng tôi.

CHƯƠNG 42.

CÁC CHA DÒNG CHÚNG TÔI THỨ TỪ ĐANG NGOÀI VÀO NƯỚC LÀO.[59]

Đạo công giáo tiến triển nhiều trong xứ Đàng Ngoài đến nỗi ở những nước lân cận người ta cũng quí mến và ca ngợi nhân đức giáo dân ở xứ này. Có một *sứ thần của vua Lào lúc đó* đang ở trong phủ chúa Đàng Ngoài, ông tọc mạch muốn biết về đạo và học hỏi riêng qua cuộc đàm thoại với các cha dòng chúng tôi. Ông được thuyết phục đến nỗi ông nhận đưa các cha qua nước Lào khi ông trở về. Thế nhưng *cha Gaspar d'Amaral* lúc này giữ chức vụ điều vùng truyền giáo này, cha xét không nên nhận lời mời thân thiện của sứ thần trước khi dò ý nhà vua và biết rõ ràng lời lẽ công bố đồng tình của nhà vua. Cha liền viết thư đệ lên vua *năm 1634*, trong đó cha xin phép tới nước ngài để rao giảng đạo và Phúc âm đức Giêsu Kitô cho thần dân ngài. Đồng thời cha thấy nên sai hai giáo dân Đàng Ngoài rất tinh thông là *Gioan* và *Tôma* cùng đi với sứ thần và đem kính biếu vua một bức họa Chúa Cứu thế rất đẹp làm phẩm vật và làm bằng chứng về ý tốt lành của các cha. Vua nhận thư và phẩm vật với rất nhiều thịnh tình. Ngài trưng bày ảnh trước mặt triều thần và tỏ lòng thành kính và tôn trọng đặc biệt. Nhưng ngài không chỉ nhận có vậy mà thôi, theo ý kiến triều thần. Ngài phúc đáp cha Gaspar d' Amaral và cho biết ngài vui lòng hơn nếu cha chịu phiền tới nước ngài và rao giảng đạo thánh. Ngài muốn cho sứ thần đem thư này trở lại xứ Đàng Ngoài cùng với thày Tôma (còn Gioan thì ở lại gần vua) với lệnh truyền là nếu cha sẵn sàng đi thì Tôma trở về một hay hai ngày trước thông báo cho ngài để ngài chuẩn bị đón tiếp long trọng khi cha vào kinh thành.

Thật là kỳ diệu khi thấy có sự sẵn sàng tin theo Phúc âm trong toàn cõi nước này. Cả những viên

quan chính yếu trong triều khi dự những buổi đàm đạo tư với Tôma về các mầu nhiệm của đạo ta thì cũng tỏ ra sẵn sàng theo đạo và chịu phép rửa khi cha tới. Thế nhưng cha d'Amaral mặc dầu rất ước ao trẩy đi nhưng lại bị giữ lại vì ba lý do. Thứ nhất cha có trách nhiệm điều khiển vùng truyền giáo Đàng Ngoài, nên không thể bỏ đi khi chưa thông báo cho bề trên để đặt người thay thế. Thứ hai, cha rất yếu và kiệt sức, vì quá nhọc mệt và vất vả làm việc truyền giáo ở đây, cha *Bernadinô Rêgiô* người đồng sự lại mới mất vì quá làm việc nặng nhọc và liên tục để cho giáo dân được toại nguyện. Sau cùng cha thấy có một cản trở rất lớn, nếu muốn sớm mở vùng truyền giáo mới này, đó là thiếu thợ, không đủ người làm các công việc lớn lao và mới mẻ đương mở ra mỗi ngày trong xứ Đàng Ngoài. Thế là cha cáo lỗi với nhà vua, vì bệnh của cha, cha không theo lệnh truyền của ngài được, cha khẩn xin nhà vua cứ giữ mối thịnh tình tốt đẹp cho tới năm sau, lúc đó cha hy vọng phục hồi sức khỏe để vâng lệnh nhà vua tới phục dịch ngài. Kèm theo thư, cha còn thêm một phẩm vật mới là ảnh thánh để xoa dịu tâm thần nhà vua và để cho nhà vua vui lòng nhận lời cáo lỗi.

Cha d'Amaral thông báo tất cả cho cha Emmanuel Dias đã thay cha Anrê Palmier qua đời làm kinh lý. Cha Dias rất sốt sắng điều động các thợ lành nghề đến giúp các vùng truyền giáo mới, và mới đây đã sai tới Đàng Ngoài cha *Félix Morelli*, người thành Rôma, vào đầu năm 1637. Cha cũng được biết thêm về tất cả công việc xảy ra, nên phái hai thợ lành nghề nữa cho hai vùng truyền giáo Đàng Ngoài và Lào, cha lấy ở học viện Macao và chọn trong số những người tự nguyện, đó là cha *Gioan Baotixita Bonel* người Ý có chức viện trưởng và cha *Raymondô de Gouea* người miền Aragon giữ chức giám học. Cha còn thêm cha *Martinô Coelho* người Bồ, tất cả ba đều dấy can đảm để đi hoạt động trong những vùng truyền giáo này và tự nguyện hy sinh để phụng sự Thiên Chúa và Giáo hội Người.

CHƯƠNG 43.

HÀNH TRÌNH ĐI LÀO, BẤT HẠNH VỀ PHÍA ĐÀNG NGOÀI, THÀNH CÔNG VỀ PHÍA BÊN KIA

Cha Bonel trẩy đi vùng truyền giáo Đàng Ngoài và được giữ chức vụ kinh lý. Cha hết sức nhiệt thành hăm hở giúp đỡ những nước chưa được viện trợ thiêng liêng để lo việc cứu rỗi và sau mấy tháng ở Đàng Ngoài, cha can đảm tự nguyện đi khởi sự truyền giáo ở Lào và dạy dỗ các dân mà cha biết rất sẵn sàng tin theo mầu nhiệm Kitô giáo. Cha đã năm mươi ba tuổi, thân thể gầy yếu vì làm nhiều việc, nhưng có can đảm nhiều hơn sức khỏe. Cha khởi hành bằng đường bộ với *Anrê thày giảng* cha đã chọn để theo cha, thật cha như một tay thợ rất mực nhiệt thành và không sợ gian lao khổ tứ. Lại thêm mấy *thày giảng trẻ tuổi, cùng thày Tôma* đã biết qua về nước này. Họ lên đường vào đầu tháng 10 năm 1638. Họ tiếp tục đi được một thời gian, không phải là không vất vả, nhưng được yên ủi trong tâm hồn, có vui sướng trong đau khổ và không có gì đáng sợ đối với kẻ tin tưởng vào Thiên Chúa và ăng lòng sốt sắng lo cho vinh quang Người. Thế nhưng vào cuối tháng, phải ở trên rừng núi phân chia hai nước Đàng Ngoài và nước Lào, trên những đường rừng rất đáng sợ, họ bị một thứ lạnh tê tái (nhất là về đêm cực kỳ lạnh, không đem theo gì để đắp) làm máu trong cơ thể như đông lại. Cha Bonel là người đầu tiên bị lạnh rất dữ dằn. Sức lực và nhiệt độ trong người bị tê cứng làm cho hoàn toàn suy sút, thế mà mới đi được nửa đường. Thiên Chúa cho cha thấy giờ đã điểm, cha rất mực bình tĩnh và tâm trí thanh thản hết sức để dọn mình chết. Cha ưng nhận và ôm lấy cái chết tự tay Thiên Chúa ban. Cha vui lòng chết trên rừng thiêng nước độc và trên giường sương tuyết cũng như trên đệm hoa thơm cỏ lạ. Rồi sau khi lấy tay chỉ vạch mấy điểm thuộc chức

vụ của cha, cha *nài xin Anrê* (mà cha đặt làm bề trên các thày khác và đứng đầu khu truyền giáo) hãy can đảm và tiếp tục hành trình để khởi sự vì vinh quang Thiên Chúa và dưới sự hộ phù của Chúa Cứu thế, Người sẽ không bỏ họ, Người sẽ giúp họ thực hiện ý định đi rao giảng lề luật và Phúc âm Người. Cha thôi thúc và yên ủi họ theo sức của cha, yếu ớt nhưng còn nhiệt tình, cha sốt sắng và nhẹ nhàng trút linh hồn nơi Thiên Chúa, ngày mồng 4 tháng 12, ngày lễ kính thánh Carôlô Borrômêô mà cha tôn sùng đặc biệt.

Thày giảng *Anrê* theo mệnh lệnh cha ban, tiếp tục hành trình cùng các bạn đồng sự. Sau rất nhiều vất vả và rất nhiều khó khăn vì là mùa mưa và đường rừng thì tới nước Lào. Các thày liền sốt sắng bắt đầu giảng đạo thánh và lề luật đức Giêsu Kitô đã học được ở xứ Đàng Ngoài. Nhưng nhà vua và triều thần chú ý tới bản thân người giảng hơn là lời các thày giảng, nên chê chối không nghe. Thêm vào đó có một khó khăn khác đó là việc chê bai đạo thờ tà thần người ta đã dạy họ (vì từ Đàng Ngoài là nước lân bang mà tà giáo đã gia nhập nước Lào). Nếu các thày muốn cho lời mình có uy tín thì phải đem theo mình một đạo trưởng Tây dương như đã hứa và được họ tin tưởng. Các thày giảng tốt lành thưa lại là đã đem theo nhưng người đã chết dọc đường. Thế nhưng họ vẫn chưa hài lòng, họ vẫn nài nằng cho được xem thấy một Tây dương đạo trưởng. Họ sẽ tin theo và vâng lời người. Các *thày giảng Đàng Ngoài phải chờ đợi vô ích suốt một năm trời*, xem có cha nào ở vùng truyền giáo Đàng Ngoài tới cứu giúp (điều này không thuộc quyền các thày vì thiếu người có thể bỏ công việc lúc này). Thế là các thày trở về. Nhưng trong khi trở về, thày *Anrê*, tay thợ rất quí và có lòng nhiệt thành khôn sánh, nhờ thày mà giáo hội Đàng Ngoài được hàng nghìn người trở lại, thày đã chết vì buồn phiền và đau khổ, cùng với *Hiênrô* người trai tráng có rất nhiều triển vọng. Thiên Chúa muốn như vậy, việc truyền giáo được khởi sự với những ý nghĩ rất tốt lành nhưng không thành công như người ta mong đợi.

Vinh quang và công phúc lại dành cho cha *Gioan Maria Leria*, sau khi bị trục xuất khỏi Đàng Trong, nơi cha sốt sắng hoạt động cho vinh quang Thiên Chúa và cứu rỗi các linh hồn, thì cha tự nguyện đem lòng nhiệt thành đi chinh phục nước Lào. Cha thử đi qua Thái Lan. Nhưng theo lối này thì gặp nhiều cản trở và sau cùng cha tìm được đường vào thuận tiện qua con sông Campuchia từ miền rừng núi Lào chạy xuống Campuchia và ra tới biển. Cha khởi hành rất may mắn, đem theo *mấy thày giảng người Đàng Trong* để giúp cha, Thiên Chúa ban phúc lành cho dự định và lao khổ của cha. Cha rất được lòng nhà vua và triều thần, nhờ mấy phẩm vật ảnh thánh cha đem theo và môn toán học cha rất thông thạo. Bây giờ cha hoạt động đắc lực để chinh phục họ. Một số đông dân nước này xin chịu phép rửa tội và tin theo đạo Kitô, với hy vọng số dân trở lại càng ngày càng đông và đức tin sẽ có ngày ngự trị và thánh giá với Phúc âm Chúa Cứu thế được tôn thờ.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG 44.
MỘT VỤ BẮT BỚ DO NGƯỜI TÀU GÂY NÊN, NHƯNG ĐÃ XOAY TRỞ LẠI LÀM CHO HỌ XẤU HỔ VÀ LÀM VINH DANH CHO GIÁO DÂN ĐÀNG NGOÀI

Trong khi cha d'Amaral được gọi về Macao do lệnh bề trên để cha tĩnh dưỡng và chữa bệnh dài hạn cha chịu ở vùng truyền giáo Đàng Ngoài cha cai quản và để cha phục hồi sức khỏe rất cần cho các dân này, thì giáo dân tỉnh *Nghệ An* chịu cơn bất bớ, nhưng Thiên Chúa đã gặt ở nơi Người không gieo, Thiên Chúa được vinh quang và giáo dân được yên ủi và công phúc. Số

là trong tỉnh này giáo dân số khá đông đã dựng một nhà thờ đẹp ở thôn *Rum* để hội nhau và để mỗi ngày thu hút lương dân có cảm tình với đạo. Thế là những kẻ thờ tà thần không chịu nổi nhưng không dám dùng võ lực do lòng ghen ghét và giận dữ thôi thúc. Họ liền xúi mấy thương gia người Tàu theo tà giáo buôn bán ở cửa biển này để (như họ đã làm) phạm tới bản thân giáo dân và nơi dùng vào việc phụng tự. Đó là ngày giáo dân hội nhau trong nhà thờ và cha *Hiênrô Majorica* dạy giáo lý và làm việc đạo đức như thường lệ. Thế là chừng năm mươi người Tàu hung hăng xông vào nhà thờ mang theo võ khí đánh đập không những mấy giáo dân mà cả cha Hiênrô. Cha bị một tên phang mấy nhát búa trên vai. Có một gia nhân của chúng tôi không thể chịu được việc này và theo gương thánh Phêrô, để trả thù cho thày mình, anh liền đánh lại tên người Tàu phạm thánh đó và tất cả giáo dân đều xúm lại đuổi bọn chúng bắt bọn người Tàu phải ra khỏi nhà thờ. Nhưng ngày hôm sau người Tàu đem xác chết một người trong bọn họ đã đánh đập cha Hiênrô và đã bị gia nhân của ta đánh lại. Đồng thời họ kiện chúng tôi ở quan tòa, ghép cho giáo dân tội sát nhân. Viên quan vốn ghét đạo ta liền bỏ tù cha Hiênrô bị thương nặng, cùng mấy giáo dân. Việc này xảy ra trước khi cha được giải về phủ để xử trước mặt chúa. Nhưng được biết vụ này và nhận thấy lời tố cáo không căn cứ và gian dối của người Tàu thì chúa liền bịt miệng họ và tuyên bố cha vô tội. Mà vì vụ án mạng của cha được xử ở phủ nên lương dân lợi dụng sự bối rối của giáo dân tân tòng, chúng đến phá nhà thờ và tiếp tục hoành hành cho tới khi cha Hiênrô trở về tỉnh đem theo bản án của chúa tuyên bố long trọng là cha vô tội. Thế là hạ hẳn sự xấc láo hỗn hào của những người theo tà đạo và đem lại đầy đủ yên hàn cho giáo dân. Không những giáo dân tỏ ra rất mừng rỡ vì cha trở về, mà viên đệ nhất quan tòa của tỉnh, khi nhận biết cha vô tội thì đón mừng cha, mời cha dùng cơm tại nhà, cho cha hoàn toàn tự do đi lại với giáo dân và truyền phải dựng lại nhà thờ y như cũ

Thật là thanh bình đã trở lại sau cơn bão táp do người Tàu gây nên. Chúng đã ngăn chặn đường tiến triển của Kitô giáo trong tỉnh này mà trong chỉ một năm *1639* đã tính được hai nghìn bốn trăm bảy mươi hai lương dân trở lại đạo và được rửa tội do tay cha. Lại còn một niềm vui mới yên ủi giáo dân khi có một chiếc thuyền khác của người Tàu cập bến tỉnh này. Họ vào nhà thờ mới dựng lại và đến trước ảnh Chúa Cứu thế, thuyền trưởng rất có thịnh tình với giáo dân và cả những người đi theo đều quì gối tạ tội cho những người nước mình và tặng cha quà đem từ Trung Quốc.

Tôi không quên ở đây việc Thiên Chúa công bằng báo oán những người Tàu phạm thượng, những người đã đập phá trong nhà thờ như chúng tôi đã nói, nhạo báng các sự thánh và ngạo mạn mặc áo lễ. Khi biết chúa Đàng Ngoài định phạt chúng về tội xấc láo thì chúng âm mưu với các thương gia Hòa Lan và đồng tình trốn sang Nhật Bản. Nhưng vì sự ma quái của kẻ dữ bao giờ cũng lên tới mức thái quá, nên trong cuộc hành trình, chúng đã làm một việc rất mực phản trắc. Một hôm chúng thấy người Hòa Lan uống rượu và đã quá chén say sưa, chúng liền giết tất cả và chiếm hết số tơ lụa chiếc tàu này chở. Chúng chia làm ba phần và để trong ba chiếc tàu khác nhau để tránh bị phát giác. Một chiếc cập bến Trung Quốc, liền bị các quan tỉnh đó bắt và tịch thu. Chiếc thứ hai tới Đàng Trong cũng bị giữ lại và các con buôn bị trừng trị vì đến từ một lãnh thổ thù địch. Còn chiếc thứ ba thì vào tới nước Campuchia và các sĩ quan của nhà vua nhận thấy những kiện hàng có đóng dấu Hòa Lan, thế là lái buôn Tàu bị giữ lại để tra khảo và theo lời đầu thú chúng bị án tử hình vì tội chúng đã phạm. Thật là Thiên Chúa công bằng đã rượt bắt tất cả bọn phạm thánh trong khi chúng định tẩu thoát và Người đã ra án phạt chúng rất xứng đáng.

CHƯƠNG 45.

NHỮNG TIẾN TRIỂN LỚN LAO CỦA GIÁO ĐOẠN ĐÀNG NGOÀI VÀ CÓ MẤY THỢ MẤT TRONG KHI HÀNH SỰ

Cho dù hỏa ngục và trái đất chống đối sự trở lại của những dân tộc này, nhưng Ơn Thiên Chúa vẫn mạnh hơn, đến nỗi số giáo dân tăng lên rất nhiều trong xứ Đàng Ngoài. Năm 1639 chúng tôi tính sổ được tám mươi hai nghìn năm trăm giáo dân, chỉ trong một năm đã có mười hai nghìn hai trăm ba mươi người gia nhập giáo hội, không kể những người được rửa tội trong tỉnh *Bố Chính*. Có hơn một trăm nhà thờ lớn dựng ở nhiều nơi để giáo dân hội nhau chịu các phép bí tích và nghe lời Thiên Chúa, khi các cha tới thăm và một trăm hai mươi nhà thờ nhỏ để đọc kinh trong các ngày lễ và chủ nhật, ngoài ra còn một số rất lớn nhà nguyện làm trong các nhà tư. Trong một tỉnh *Nghệ An* có bảy mươi thôn đã nhận đức tin : điều kỳ diệu và đó chỉ là do ơn Chúa Thánh Linh muốn được những đền sống động ở nơi dân tộc này, nên không có một thôn xã nào mà không có thanh niên, thiếu nữ khấn ở trinh khiết trọn đời. Có những đôi tân hôn cũng khấn như vậy ngay hôm đầu mới cưới. Có mấy người khác sống trong bậc phu phụ trong mấy năm, họ đã tỏ ra rất tiếc vì không được biết sớm hơn về đức tin và cái nhân đức đẹp đẽ đó để khấn hứa lúc còn trẻ tuổi. Các bà quả phụ thường cũng khấn ở tiết phụ. Có khá nhiều trường hợp thanh niên thiếu nữ đã chịu khổ sở nhiều vì những người ngoại quốc để bảo vệ đức trinh khiết của mình và vì chính cha mẹ mình, để giữ không lập gia đình. Thật khó thấy một nước nào có những công dân mới tin theo Kitô giáo mà lòng mộ mến đức trinh khiết chiếm chỗ độc tôn như vậy.

Nhưng trong khi giáo hội Đàng Ngoài tăng rất nhiều số giáo dân và cách ăn ở thánh thiện, thì những

công việc vất vả đè nặng trên vai một số ít *thợ* làm cho giảm số lượng. Một vài người ngã bệnh không hoạt động được; các người khác đã qua đời trong khi thừa hành chức vụ nặng nề. Từ khi cha d'Amaral rút về Macao,[60] kiệt sức trong việc truyền giáo, thì cha Emmanuel Dias kinh lý đã sai hai thợ khác đến hỗ trợ, cha *Balthasar Calderia* thuộc dòng quý phái bậc nhất ở Bồ và cha Giuse Maurô quốc tịch Y. Vừa tới, thì tỉnh *Thanh Hóa* là nơi có rất đông số giáo dân, được chia về phần cha Maurô, vì ngài là một người rất nhiệt thành và rất sốt sắng, nên ngài làm hết mọi chức vụ, giải tội, giảng, dạy giáo lý và làm phép rửa tội cho trẻ em và người tân tòng, nhưng với lòng chuyên cần đặc biệt và không bao giờ cho thân xác nghỉ ngơi, đến nỗi trước cuối năm, ngài bị sốt cấp tính. Nhận thấy ngay là giờ chót đã điểm, ngài đưa tin cho cha Balthasar lúc đó tình cờ đang ở trong một thôn xã không xa. Tức thì cha chạy đến giúp đỡ ngài, mặc dầu có trận mưa lớn như muốn giữ ngài ở lại. Vừa xưng tội xong thì cơn sốt làm cho ngài bất tỉnh rồi ngài bỏ đời này luôn để được (chúng tôi hy vọng thế) đời hằng sống, ngài mới trọn ba mươi mốt tuổi. Mọi người đều thương tiếc ngài, không những giáo dân trong tỉnh từ đây mất người nhiệt thành cứu trợ mà cả hết những người được biết tinh thần và nhân đức ngài có để phục vụ dân chúng.

Cha *Antôn Barbosa*[61] cũng vất vả mà không được may mắn trong vùng truyền giáo này, bởi vì sau khi đã hoạt động bốn hay năm năm một cách rất can đảm và quá sức của ngài thì ngài bị sốt cách nhật làm cho ngài kiệt lực tuy không giảm bớt tinh thần để ngài vẫn tiếp tục làm các việc như trước, những việc mà ngài chỉ rời bỏ khi rời bỏ sự sống. Các bề trên đã lấy quyền rút ngài khỏi vùng truyền giáo và những việc làm cho ngài đau yếu để cố gắng săn sóc ngài trong một môi trường khác và trong sự tĩnh dưỡng. Nhưng cho dầu có thuốc thang để chữa chạy, cơn sốt vẫn phá hoại một chút sức khỏe còn lại và trong ít năm đã chấm dứt công phúc của một đời người hao mòn vì

vinh quang Thiên Chúa và vì công ích. Bây giờ Thiên Chúa cho linh hồn ngài hưởng nơi thiên quốc.

CHƯƠNG 46.

CÁI CHẾT CÓ PHÚC VÀ LÀNH THÁNH CỦA MẤY GIÁO DÂN TÂN TÒNG

Tôi bắt đầu chương này bằng cái bất đắc kỳ tử mà một viên quan hung bạo con rể của chúa đã bắt thày giảng *Gioan* phải chịu, trong tỉnh Bố Chính. Số là người thợ không biết mệt mọi này đã hoạt động bảy hay tám năm, giúp ích vô kể cho những dân đã trả công thày trước mặt Thiên Chúa và loài người. Thày được Thiên Chúa cho ơn chữa bệnh, làm cho mọi người đều kính trọng nhân đức và bản thân thày. Ngay cả lương dân và cả chính viên quan tuy còn là lương dân cũng tỏ ra kính trọng thày. Tất cả đều quí mến và muốn được kết thân với thày. Có một bà vợ mọn được viên quan say mê, nhưng lại là thù địch của giáo dân và đạo Thiên Chúa, mụ này ngã bệnh nặng. Vì rất yêu mụ nên viên quan cho tìm Gioan tới đọc kinh để chữa, như ông hy vọng, nhưng người đầy tớ trung thành của Thiên Chúa được huấn luyện sai lạc về lương tâm cho rằng mình không thể dùng ơn Thiên Chúa ban cho trong dịp này để chữa một mụ xấu xa thù địch của đức Giêsu Kitô và phỉ báng đạo và danh thánh Người. Thế là thày kiên quyết từ chối không đi và cho dầu mấy lần được mời và khẩn khoản nài xin, kể cả đe loi, nếu không vâng theo lệnh quan truyền, thày vẫn một mực thà chết hơn là làm theo ý quan truyền và là điều Thiên Chúa cấm. Thế là viên quan lên cơn giận dữ, truyền cho bảy tên lính lôi thày ra cánh đồng và dùng dao đâm chết. Chúng đã tàn bạo xử người lương thiện không sợ chết chỉ sợ tội, tưởng là mình phạm nếu uốn nắn lương tâm, như đã được giáo huấn, theo ý viên quan. Thiên Chúa cũng không trì hoãn bênh vực người vô tội này và báo oán về tội

phạm tới sinh mạng thày. Người đã để cho vợ và con viên quan rơi vào tay chúa Đàng Trong, rồi bị giam tù trong một dịp đi kinh lý tỉnh quan cai trị. Còn chính ông, ông cũng bị tống ngục do chúa Đàng Ngoài mà ông đến trú ẩn. Vì mấy tội phản quốc nào đó mà ông đã *thú nhận*, nên ông bị kết án bỏ cho chết đói trong ngục và thi hài phơi giữa phố chợ ba ngày, đó là hình phạt ô nhục nhất đối với người Đàng Ngoài.

Cái chết của giáo dân khác cũng đáng có chỗ ở đây. Một người tên là *Caiô* người rất nhiệt thành để chinh phục lương dân trở lại và rất sốt sắng làm tiến triển công việc Thiên Chúa. Ông được hạnh phúc bị bắt, bị trói và bị hành hạ vì đạo và được danh nghĩa kẻ làm chứng đức tin hằng rao giảng công khai trong khi chịu tra tấn. Nhưng khi đã thắng được cơn thử thách khó khăn đó thì (Thiên Chúa muốn vậy để cho thêm công phúc) ông lại ngã vào một thử thách kỳ lạ hơn, đó là một thứ *bệnh phong* rất ghê gớm và thối tha không ai chịu nổi kể cả các con ông. Khắp mình đầy vết thương và hôi thối như một ông Giốp thứ hai. Ông đau đớn vô cùng, thế mà không bao giờ nghe ông than vãn, không bao giờ có một lời gì tỏ ra không kiên nhẫn, vẫn hiền từ và câm lặng như cá, trong biển chua cay, trừ khi phải khuyên bảo con cái kính mến Chúa Cứu thế và trung thành tuyệt đối với lề luật và đạo Người. Sự hôi thối và nọc độc của bệnh chỉ trong mấy ngày đã nhập vào tim. Ông thấy mình sắp tới giờ, ông bảo các con ném xác hôi thối của mình vào hố rác công cộng hay trong một nơi nào rất sâu để cho không ai ngửi thấy. Sau đó ông nâng tâm hồn lên tới Thiên Chúa và kêu xin Người, rồi chết cách lành thánh trong cuộc đàm thoại rất dịu dàng, rất sốt sắng với Đấng ông hằng quí mến, hằng trông mong, Đấng ban thưởng vì những đau khổ ông đã chịu.

Một giáo dân khác cũng chịu khổ tương tự như vậy vì đạo, tên là *Gioakim*. Ông đã bỏ tiền bỏ của ra dựng một nhà thờ trong thôn xóm để hội họp giáo dân, mà vì lòng nhiệt thành đối với đức tin và đạo Kitô mà ông bị nhóm ngoại đạo hành hạ bằng nhiều cách, bị bắt

giam tù, bị đánh đập, bị trục xuất ra khỏi xứ và điều làm ông buồn hơn cả là thấy nhà thờ bị đốt. Ông đã chết nặng trĩu năm tháng và công nghiệp vào tuổi bát tuần. Khi thấy các con lo lắng sắm cho ông một áo mới theo tục lệ để liệm xác thì (ông nói) : hỡi các con, đừng lo che tấm thân thối nát, chỉ cần linh hồn được Thiên Chúa thương sắm cho áo vinh quang trên trời nơi hy vọng Người ban cho do máu Người đã đổ ra cho ta.

Tôi còn phải thêm cái chết lành thánh của *ba thày giảng Inhaxu, Tađê và Tôma* mà giáo đoàn Đàng Ngoài phải nhớ ơn. Thật thế, không bao giờ hậu thế được quên các thày,[62] nhất là thày Inhaxu, người bạn đồng sự của các cha bị đày ải và kẻ bênh vực đức tin bất khuất, đã cắt ngắn đời mình bằng lao khổ liên tục về thể xác và tinh thần và bằng cuộc đời rất nhiệm nhặt. Thày đầy công phúc kết thúc đời mình vào tuổi bốn mươi nhăm bằng một cái chết lành thánh.

Sau cái chết của ba thày giảng thì kèm theo cái chết của *ba người thanh niên* Carôlô, Phanchicô và Angêlô. *Người thứ nhất* vì đã chuộng đời sống Kitô giáo khiêm tốn hơn là một di sản giàu có và sang trọng, nên đã chết (như các thánh) vì bệnh sốt dai dẳng trong tuổi đời non trẻ. *Người thứ hai* tự nguyện phục vụ giáo dân trong khi cần di chuyển, phải đi liên tục, nên kiệt sức tinh thần và hao mòn sức khỏe thể xác ở cái tuổi trai tráng để làm việc bác ái, đến nỗi bị bệnh phổi và thổ huyết với những cơn đau dữ dằn làm cho người ta thương xót và các thiên thần quí mến. *Người thứ ba* thật đúng cái tên Angêlô là thiên thần. Angêlô đã sống thực sự như thiên thần, được tất cả giáo dân tỉnh miền nam rất quí mến. Sau khi bị lương dân hành hạ chỉ vì anh tỏ ra ở nơi công cộng lòng nhiệt thành đối với đạo; mấy giờ sau chót trước khi chết, anh đàm đạo rất thân mật với Chúa Cứu thế, đức Trinh nữ và các thiên thần, anh nói chuyện như thể các đấng có mặt, như thể tất cả thiên đường chuyển xuống phòng anh.

Phái nữ cũng không kém phái nam về nhiệt tình và thành tín. Có nhiều người sống rất lành thánh và chết cái chết kết thúc tất cả cuộc đời tốt lành. Một bà có thế giá tên là *Colomba* rất sùng kính đức trinh nữ. Bà đã dựng một nhà nguyện trong nhà bà ở kinh thành và rất thương người nghèo khó. Bà rộng rãi cho họ và cho các thày giảng tiền của để sinh sống. Bà ngã bệnh nặng và chết trong khi đi đường. Trước khi chết bà dặn người ta chôn theo bà một thánh giá quí bà vẫn mang trong người. Một lương dân có bổn phận lo an táng, bốn mươi ngày sau khi bà mất, lúc mở huyệt để lấy lại thánh giá thì thấy xác bà Colomba còn nguyên vẹn, không hư nát như thể vừa mới tắt thở, lại xông hương thơm phảng phất làm cho người lương dân cảm động phải đưa tin đó ra. Tất cả giáo dân đều vui mừng khi biết tin và nhận ra sự lạ lùng này.

Một bà khác rất giàu về của cải và nhân đức tên là *Lina*, một trong những người đầu tiên theo đạo trong xứ Đàng Ngoài. Suốt mười bảy năm bà công khai giữ đạo, bà lo liệu và lôi cuốn nhiều người nhìn nhận nhân đức và các chân lý đạo ta. Bà cũng rất rộng rãi phân phát của cải, trang hoàng nhà thờ, cứu giúp người nghèo khó, bảo dưỡng các thày giảng. Bà cũng cho dựng một nhà rất thuận tiện. Bà qua đời rất dịu dàng và vui thú trong linh hồn làm cho tất cả giáo dân giúp bà chết lành đều hết lòng ngợi khen và chúc tụng Thiên Chúa bao giờ cũng dồi dào quảng đại và tình thương. Hình như Thiên Chúa muốn cho bà trước khi chết được một bằng chứng và một tiền vị phúc thanh nhàn dành riêng cho bà ở trên trời, bởi vì lúc bà còn cầm ảnh đức trinh nữ trong tay và nói cách triu mến thì có một ánh sáng chói lọi từ ảnh phát ra, với một hương thơm dịu dàng làm cho trái tim người bệnh vui thú và kẻ vây chung quanh thấy ánh sáng và ngửi hương thơm phải ca ngợi lòng nhân từ Thiên Chúa cho cái chết người lành thánh có giá trị đặc biệt làm cho người ta thèm được chết như vậy.

Tôi chấm dứt chương này, sẽ không bao giờ hết nếu tôi còn muốn kéo dài ra, bằng truyện một thiên cảm huy hoàng mà một giáo dân tốt lành tên là *Yves* đã thấy và cái chết lạ lùng của ông. Theo người ta kể lại, ông chết do một tai nạn bất thần và mọi người cho là ông đã chết thật vì không còn mạch, không còn dấu hiệu sống. Sau mấy giờ đồng hồ, ông thoắt đứng dậy làm cho mọi người vây quanh ông phải chạy trốn vì sợ, coi như một người chết sống lại. Ông vẫy tay và lên tiếng gọi họ và khi thấy họ vững tâm không còn sợ hãi thì ông kể cho họ biết, trong thời gian họ thấy xác ông nằm như chết thì về tinh thần ông đã được sáu người trai tráng rất đẹp dẫn dưa qua một con đường trải bạc trong một xứ cực lạc, nơi ông thấy một vị vua đáng kính chói lòa ánh sáng huy hoàng ngự trên một ngai vàng; hai người khác cũng ngự hai bên và cũng chói lọi vinh quang như thế. Những người chỉ đạo cho ông hiểu đó là ba Ngôi Thiên Chúa rất cao cả, rất đáng thờ lạy. Bên dưới (ông nói) tôi thấy khắp nơi theo hình bán nguyệt nhiều ghế đẹp bằng thủy tinh, trong số những người ngồi đó, tôi nhận ra có mấy người thuộc nước tôi mới chết được ít lâu nay, các người mời tôi ngồi gần các người. Nhưng chỉ đạo viên không cho phép tôi dừng lại lâu hơn ở xứ đẹp đẽ này, họ bắt tôi xuống một nơi tối tăm trong đó tôi thấy một hang thấp và rộng, một nửa thì đầy ngọn lửa, nửa kia thì là một hồ lớm chởm tuyết đông, ở đây có mấy người tôi không biết, họ bị hành hạ khổ sở vì đã sống dữ và nay bị phạt chịu những hình khổ dữ dằn. Sau cùng (ông nói thêm) các chỉ đạo viên truyền cho tôi phải trở về thân xác tôi, kể cho mọi người nghe những gì tôi đã thấy, săn sóc song thân tôi chỉ còn được sống cho tới đầu tuần trăng mới và sau khi làm hết bổn phận cuối cùng và an táng xong thì họ cam đoan đến tìm tôi đưa tôi về xứ ánh sáng và vinh quang đã chỉ cho tôi xem thấy. Đó là lời lẽ Yves kể về thiên cảm của ông, làm cho tâm thần giáo dan có nhiều hy vọng và sợ hãi lành mạnh. Rồi đã xảy ra cái chết của song thân ông cũng như cái chết của chính ông, thế là

minh chứng thiên cảm của ông không phải là bịa đặt hay chỉ là một giấc mơ mòng trống rỗng. Bởi vì hai tháng sau song thân ông qua đời và được an táng cùng một ngày và hôm sau, sau khi thu xếp các công việc của mình và nhẫn nhủ vợ tôn sùng Thiên Chúa và kiên trì trong đức tin, thì Yves lên giường nằm, ngả đầu dịu dàng trên gối như ngủ, rồi tắt thở không bị sốt hay bệnh tật gì và được phúc về trời mà ông đã thấy hình ảnh, và như lòng nhiệt thành và đời sống lành thánh của ông cho phép ông trông đợi.

CHƯƠNG 47.

GIÁO HỘI ĐÀNG NGOÀI QUA MỘT CƠN BẤT BỚ LỚN VÀ MỚI, NHƯNG ÍT LÂU SAU ĐƯỢC THOÁT KHỎI

Năm 1640 là năm thứ mười bốn kể từ khi chúng tôi vào xứ Đàng Ngoài, giáo hội mới được gần một trăm nghìn giáo dân và khắp nơi người ta sẵn sàng tin theo, làm cho chúng tôi hy vọng con số giáo dân sẽ lớn hơn lên và thêm lên trong giáo đoàn này, nhưng số thợ thì ít, nên không làm việc cho đủ được. Thế là bề trên ở Macao phải thỉnh thoảng sai các tông đồ viện trợ đến làm việc trong khu truyền giáo này. Người thứ nhất là cha *Tôma Rodriguez* người Bồ, người không biết mệt mỏi, lúc đầu cha nhẹ nhàng thu lượm kết quả của công việc, rồi sau đó ít lâu quỵ ngã dưới gánh nặng để lại cho mọi người biết nhân đức với những hậu quả, và mối thương tiếc lâu dài. Thay thế cha Tôma thì có cha *Phêrô Albert* và *Emmanuel Cardozo* lại người Bồ; rồi lại tiếp đến cha *Phaolô Calobrozi* người Ý và *Ônôphôrô* Borgez người Thụy Sĩ, tất cả đều vào tuổi hoạt động và đầy can trường với sức lực để chịu đựng lâu dài những khó khăn vất vả để chinh phục các linh hồn mà Chúa Cứu thế đã lấy máu Người mà cứu chuộc.

Thế nhưng đàng khác, Satan tên đại thù địch của Thiên Chúa và việc cứu rỗi các dân, hắn không ngừng mọi nỗ lực để chiếm giữ một lãnh địa hắn cai trị từ bao nhiêu thế kỷ nay. Hắn lại nhóm lên ngọn lửa mới và đúng vào lúc người ta ít nghĩ tới, thì hắn đã gây nên một *cuộc bách hại* mới làm cho giáo dân khốn đốn hơn những cuộc bách hại có trước đây. Bởi vì ngoài sắc lệnh chúa niêm yết ở cột trước nhà chúng tôi, cấm giáo dân từ nay không được theo Kitô giáo và không được đi lại với chúng tôi, và chúng tôi cũng bị cấm không được giảng cho dân những sai lạc và gian dối, chúa còn truyền cho vào lửa và đốt ảnh trưng bày, tràng hạt và sách giáo lý chứa đựng những giáo huấn về Kitô giáo. Thế là người ta đã thi hành. Trong những cuộc bắt bớ về trước, chưa bao giờ hung ác đến thế. Do đó buộc các cha chỉ còn đặc biệt cậy vào Thiên Chúa và xin Người cứu giúp và cầu khẩn đức trinh nữ, thánh Xavier quan thày khu truyền giáo này cứu khỏi cơn âu sầu lớn lao và đột khởi làm cho họ sửng sốt. Họ cũng ăn chay, cầu nguyện và đánh tội cùng những hành xác khác không vô ích trước mặt Thiên Chúa. Bởi vì mấy tuần sau, tâm thần nhà chúa tự nhiên dịu hẳn (không biết bởi đâu, cách nào), ngài cho vời cha *Majorica* (lúc này làm bề trên vùng truyền giáo) và rất dịu dàng tỏ cho cha biết ngài phàn nàn tự trong thâm tâm về sự cứng rắn ngài đối xử với các cha và với giáo dân trong sắc lệnh ngài đã ban hành và nhất là đã cho đốt sách giáo lý, đã để cho mình quá nghiêm khắc, vì thần dân ngài than vãn tố cáo giáo dân đã đập phá tượng thần phật. Nhưng rồi ngài cho phép các cha được ở lại trong nước và sống an toàn như trước. Sự thay đổi bất ngờ của chúa và những lời nói dịu dàng làm cho các cha vững dạ và làm sống lại mọi niềm vui. Sau khi khiêm nhường cảm tạ chúa thì cha trở về ngay, đem tin mừng cho các đồng sự, tất cả mọi người đều đồng thanh ngợi khen và ca tụng Thiên Chúa nhân lành không bỏ những kẻ phụng thờ và tin tưởng Người. Thế nhưng sắc lệnh chúa vẫn còn niêm yết trước cửa nhà chúng tôi, như thể khiển

trách giáo lý chúng tôi rao giảng và xỉ vả Kitô giáo. Cha Majorica lại can đảm vào triều yết chúa và khẩn xin ngài cho cất bảng niêm yết còn cho chúng tôi là kẻ phạm pháp, sau ơn huệ chúa đã ban cho chúng tôi. Chúa vui lòng chấp nhận và tức thì sai lính đến cất bảng niêm yết và sắc lệnh. Giáo dân rất đỗi vui mừng và lương dân cũng đến chia vui với chúng tôi.

Vụ bách hại này *kéo dài tới ba tháng*, trong đó không thiếu dịp cho giáo dân tân tòng ở trong cũng như ở ngoài phủ chịu nhiều đau khổ. Nhà chúng tôi liên tục bị chiếm giữ hoặc có bọn lính hỗn xược tới đóng trong tám ngày đầu, chúng thiêu đốt tất cả những gì chúng tìm được trong nhà chúng tôi như ảnh thánh và các đồ vật thánh. Giáo dân cũng bị kẻ thù hành hạ : có mấy người của cải bị cướp phá hay tịch thu, có người khác bị xỉ nhục để bắt phải bỏ đức tin và bỏ đạo. Lòng kiên trì của *ba thiếu nữ* tỉnh gọi là *miền đông* đã khẩn giữ trinh khiết và quyết định của họ khi được tin có vụ bách hại thật là đặc biệt. Họ viết một bức thư rất hay cho các cha dòng để bày tỏ lòng can đảm Thiên Chúa đã cho họ đến tự xưng là giáo dân trước mặt chúa và cam đoan họ sẵn sàng đổ máu để duy trì danh hiệu và danh tánh vinh hiển, họ chỉ muốn sống và chết dưới danh hiệu là giáo dân. Những trinh nữ này tên là Monica, Nympha và Vitta. Sau đó ít lâu Thiên Chúa còn sửa soạn cho họ một thử thách lớn để thử can đảm của họ và cho họ có dịp tốt lập công. Vitta bất thần bị rời xa các bạn và bị một tên lính xấc láo muốn làm hại danh dự mình, đến nỗi hắn tuốt gươm trần đặt trên ngực và đe dọa giết nếu không theo ý hắn. Người con gái anh hùng không thèm bàn cãi đã (trả lời) : được rồi, mi cất mạng ta chứ không danh dự thân xác ta đã dâng Thiên Chúa, rồi cô đưa cổ và ngực nói thêm : đây, mi đâm đi ở bất cứ chỗ nào, ta vui lòng chết, nghìn lần hơn là theo ý dâm dãng và tội phản đấng Thiên Chúa ta thờ. Quyết định này làm cho tên lính sửng sốt và cứu được danh dự cho người trinh nữ. Còn hai người kia cũng tỏ ra can đảm chẳng kém trong một thử thách đức tin bị

tấn công. Hai cô ra kinh thành cùng một bà có tuổi tên là Phanchica để chịu các phép bí tích và được bồi dưỡng sức chống lại những tấn công của vụ bách hại. Giữa đường gặp mấy tên lính ngoại đạo. Bị hỏi về theo đạo nào và khi các cô xưng rõ ràng, không sợ đe dọa của bọn chúng và sau khi chịu nhận những lời hỗn xược thì các cô bị chúng quẳng xuống hố lấp đất lên tới cổ và ở đó suốt đêm cho tới sáng. Thiên Chúa cho mấy giáo dân đi qua và thấy sự thể, người ta mới lôi ra khỏi và dẫn vào kinh thành. Từ đó cả ba trinh nữ được ẩn nấp trong một nơi an toàn và có năm sáu cô khác cũng có những quyết định như vậy và cùng tự nguyện trói buộc mình bằng những lời khấn ở trinh khiết trọn đời, tất cả đều đến họp với ba cô trong một nhà làm thành một tu viện trinh nữ sống đời sống các thiên thần. Tôi không thể bỏ quên ở đây hình phạt tức thời Thiên Chúa ra để phạt một thanh niên dâm đãng vì một bà quả phụ đã khấn thủ tiết. Hắn định dùng võ lực bắt ép bà, còn bà thì trong lúc cùng cực bà kêu cầu sự phù hộ của đức Trinh nữ mà bà hằng tôn sùng và hết lòng xin Người bảo vệ. Lời cầu xin tức thì được nhận và hình phạt tới ngay tên dâm đãng : một tay vô hình nào đã giơ lên và hắn ngã chết ngay tại chỗ.

CHƯƠNG 48.

THIÊN CHÚA BẠN NHIỀU ƠN CHO GIÁO DÂN

Chúng tôi có thể nói thật rằng từ khi Phúc âm được rao giảng và được đón nhận ở xứ Đàng Ngoài, không những các sai lầm phổ thông trong dân gian đã nhường chỗ cho *chân lý đức tin*, mà những *nhân đức Kitô giáo* cũng đã thắng những thói hư tật xấu. Hơn nữa không những giáo dân thực hành các nhân đức thông thường, mà còn giữ những nhân đức cao hơn và khó hơn trong đạo Kitô, nhất là những nhân đức thuộc về sự quên mình theo Phúc âm và sự hành xác

mà họ thường sốt sắng làm đến nỗi cần phải kiềm chế chứ không khuyến khích thêm. Có nhiều người không muốn mặc hai áo trong mùa đông vì sợ kích động nhục dục, có người nằm ngủ trên đất bằng, không đệm không ổ để chế ngự thân xác và bắt thân xác chịu đau đớn một chút. Có người cha giải tội hỏi tại sao gầy còm ốm yếu hơn mọi khi thì đã được trả lời là các cha đã dạy đường lên thiên đàng là dường chật hẹp và cửa thì nhỏ bé, vì thế tôi hết sức bắt thân xác tôi hạ thấp xuống và gầy bớt đi để có thể dễ dàng lọt. Còn có thể kể ra vô số thí dụ về kiên trì, khiêm tốn, bác ái, tôi phải bỏ nếu không thì cuốn sách dày quá.

Nhưng khi những giáo dân tốt lành này ra sức thực hành mọi nhân đức thì Thiên Chúa cũng ban cho nhiều phúc lành và ơn thánh dồi dào, kể cả ơn *làm phép lạ và truyền khiến ma quỉ* cùng dã thú. Bây giờ thành một tục lệ khá thông thường trong xứ Đàng Ngoài là khi lương dân bị quỉ ám, họ chỉ vào nhà thờ lúc giáo dân đọc kinh thì cũng được khỏi. Người ta còn thấy hổ báo không đến phá phách mấy thôn xóm kể từ khi giáo dân dựng nhà thờ, nhưng đã từ rừng sâu hang dữ trở lại và gây tang tóc ngay sau khi nhà thờ bị phá trong vụ bách hại. Một điều ai cũng nhận thấy là có viên quan một địa phương, trong thời bắt đạo đã ra lệnh ngày mai phải triệt hạ nhà thờ, thì đêm hôm trước con ông chết trong giường. Trong một thôn khác, lương dân đốt nhà thờ, thì tất cả những kẻ chủ mưu và nhúng tay vào việc xúc phạm này đều bị Thiên Chúa phạt, đến nỗi trong một năm tròn, không mưa một hạt nào trên đồng ruộng, thế mà ở lân cận đó thì mưa sũng nước. Người ta cũng biết tin do một lương dân chân chính mới trở lại đạo kể là lương dân đắc trọng tội đó đã xin lỗi giáo dân và hứa bồi thường thiệt hại, nghĩa là tám mươi người trong bọn họ xin phép rửa tội, thế là cả ruộng nương của họ cũng được Thiên Chúa cho mưa xuống.

Tôi thêm điều này, Thiên Chúa nhận đời sống trong trắng của giáo dân tân tòng và ban cho nhiều ân huệ và ơn sống trong trắng. Có một giáo dân rất

thanh sạch tên là *Simon ở thôn gọi là Tamdang* thuộc tỉnh miền tây, sau khi sốt sắng giữ chay và kiêng thịt trong mùa chay thì vào lễ Phục sinh đã trông thấy một con heo rừng đang lục soát trong khu rừng. Ông rất đơn sơ thành thực đọc kinh cầu nguyện xin Thiên Chúa, bởi vì ông đã nghiêm chỉnh giữ luật Giáo hội trong suốt mùa chay kiêng thịt và bây giờ là thời được phép ăn, thì xin Người ban cho ơn xưa kia Người đã ban cho kẻ nào sống trong trạng thái vô tội, nghĩa là xin cho mình có quyền truyền khiến và bắt con heo rừng phải vâng phục mình. Nguyện kinh rồi, ông làm dấu thánh giá và đọc một kinh Lạy Cha, sau đó ông điềm đạm và tin tưởng bảo con heo rừng tới gần ông. Con heo vâng theo và để cho Simon cắt cổ mà không cầm cự như con cừu. Thế là ông dọn một bữa cỗ cho giáo dân và cho gọi những người nghèo khó tới nữa, ông cũng khuyên mọi người ca ngợi và chúc tụng Thiên Chúa vì ơn Người vừa ban cho.

Không phải Thiên Chúa chỉ làm những sự lạ lùng cho giáo dân mà thôi, nhưng thỉnh thoảng cho cả lương dân. Trong một thôn xã gọi là *Ke Ro* có một người sang trọng trong một thời gian rất ác cảm với giáo dân. Ông còn sát hại người bỏ nuôi các con trai của ông chỉ vì ghét đạo mà người này tin theo. Nhưng rồi tâm trí ông nguôi dần vì thấy rất nhiều phép lạ Thiên Chúa làm vì lòng tin của giáo dân, nhất là bằng dấu thánh giá họ tôn sùng. Ông liền ao ước tự mình thí nghiệm xem quyền lực và thế giá mà ông kính phục nó đi tới đâu. Vì thấy cả bày gia súc của ông chết ở ngoài đồng, không có thuốc nào chữa khỏi, ông liền cắm cây thánh giá của giáo dân ở giữa ruộng gia súc đang gặm cỏ, thế là không còn con nào chết, và từ đó cũng không. Ông liền tin theo Kitô giáo và dấu hiệu được tôn thờ, đến nỗi không những ông muốn trở thành giáo dân mà ngay trong khi bùng lên vụ bách hại trong toàn xứ và người ta phá gỡ nhà thờ của giáo dân thì ông lại đứng lên bỏ tiền dựng một nhà thờ và xin làm phép long trọng.

CHƯƠNG 49.

MỘT TOÁN THỢ PHÚC ÂM BỊ CHẾT ĐUỐI THẢM THƯƠNG

Cha Emmanuel d'Azeuedo tân kinh lý tỉnh dòng Nhật Bổn và phó tỉnh dòng Trung Quốc đã từ Ấn Độ tới Macao và khi được biết những thành quả lớn lao Thiên Chúa làm qua hoạt động của các cha ở xứ Đàng Ngoài và mùa gặt đã chín muồi ở đảo *Hải Nam* mà chỉ có một thợ để gặt đó là cha Beneditô de Mattos người Bồ, thì cha liền sai bảy cha dòng chúng tôi, bốn người tới xứ Đàng Ngoài và ba người cho đảo Hải Nam. Người chỉ đạo và thủ lãnh toán này là cha Gaspar d'Amaral đã hồi phục sức khỏe và sinh lực ở học viện Macao, trước kia bị yếu nhược và kiệt sức khi làm việc ở khu truyền giáo Đàng Ngoài, nay cha cương quyết trở lại. Đi theo cha thì có các đồng sự cha *Phêrô Albert* người Bồ đã làm việc truyền giáo ở đó, cha Gioan *Inhaxu Leviski* người Balan và cha *Phanchicô Ascanio Ruida* người Ý, *tất cả đều thông thạo tiếng Đàng Ngoài*. Ba cha còn lại, cha Gioan Anrê Lubelli, Antôn Constantinô, cả hai là người Ý và cha Valentinô Noguera người Bồ thì đi đảo Hải Nam.

Toán quân tinh nhuệ mới đi chinh phục các linh hồn này khởi hành từ hải cảng Macao ngày *23 tháng 2 năm 1646*. Trời hơi xấu và biển động. Ngày hôm sau là ngày lễ thánh Mathias thì tới đảo *Tam Xuyên* danh tiếng có mộ thánh Phanchicô Xavie, vị đại tông đồ Đông Phương. Người ta thấy một tảng đá lớn cao chừng mười lăm gang tay, khắc chữ của chúng ta và chữ Hán kính dâng đấng thánh. Tàu đậu lại ở đây một ngày vừa đợi cho biển lặng vì sợ có bão lớn, vừa để có thời giờ cho các cha kính viếng và khấn xin nơi mộ thánh Phanchicô Xavie. Sáng hôm sau thì nhổ neo. Sóng biển lúc này vì có bão lớn nên đã khá cao và suốt ngày hôm đó cho tới gần nửa đêm vẫn không ngừng thổi về phía đảo Hải Nam một trận gió không

đến nỗi mạnh lắm. Nhưng sau nửa đêm thì nổi lên một trận bão lớn xô tàu đụng mạnh vào cồn. Cha Albert nằm trên sống dọc tàu bị văng xuống biển và đột nhiên (thật là lạ lùng) lại bị sóng do tàu đụng vào cồn dâng lên và hất vào trong tàu. Tai nạn này không còn làm cho ai ở trong tàu không tin chắc là sẽ chết hết. Các cha nghĩ ngay đến việc cứu linh hồn những lương dân cùng đi biển với mình hơn là nghĩ tới mình, nên đã làm hết bổn phận dạy dỗ sơ lược cho họ biết về đức tin và rửa tội cho họ. Trong khi sợ hãi và mất hy vọng cứu được tàu khỏi tan vỡ vì bị đụng mạnh, thì thủy thủ xuống một chiếc xuồng không có người buộc theo sau tàu để bảo vệ mạng sống. Thế là chiếc tàu thủy thủ bỏ rơi, đã bị vỡ một nửa, nước ập vào tứ phía, rồi chìm xuống lòng biển, trong đó có thuyền trưởng, các cha và hầu hết những người khác ở trong tàu, tất cả đều chết đuối hết, trừ có cha Anrê Lubelli và rất ít người khác sống sót. Trong một thời gian cha bị sóng đánh vật vờ, không hy vọng sống, cha quyết định làm một việc phụng sự Thiên Chúa trước khi chết là cứu linh hồn những kẻ sắp chìm dưới làn sóng như cha. Cha đã làm phép giải tội cho một người, sau khi xin cha thì người đó cùng cha gần như chìm dưới đáy. Thế nhưng cha lại ngoi lên mặt nước có ý tìm một người nào khác trong cơn cùng cực này, nhưng (cũng là Thiên Chúa thu xếp như vậy) cha vớ được một mảnh ván và bám vào đó, rồi sóng đánh dạt vào bờ. Những thủy thủ đã lên đất nhờ chiếc xuồng liền đến kéo cha vào và đặt cha nửa sống nửa chết cạnh ngọn lửa hồng. Được sưởi ấm, cha hồi tỉnh dần dần và khi được tin hầu hết các bạn đồng sự đều chết thì cha ứa nước mắt khóc (như lời cha viết trong thư) hối tiếc vì chỉ một mình cha được sống sót, như một trong số đầy tớ của ông Giốp, một mình thoát nạn để kể lại tai họa của những người khác hoặc như Gionas trốn chạy, được sóng gió mửa trên bờ vì mình làm nên tội.

Trong những người sống sót, ngoài cha Anrê và các thủy thủ thì còn một giáo dân còn trẻ người xứ Đàng Ngoài tên là *Gilles*, anh theo cha Albert từ xứ Đàng

Ngoài về Macao lo các việc, và cùng cha trở lại Đàng Ngoài. (Vì anh khôn khéo) anh thấy tàu thế nào cũng đắm, anh lăn vào một chiếc thuyền nhỏ còn lại, một kiện hàng trong đó có những đồ đạc rất quí của các cha và anh xuống thuyền đó chèo vào bờ cùng một chiếc khác chèo theo sau. Từ đó anh Gilles tốt lành và chung thủy đã về tới một bến Đàng Ngoài cách xa chừng năm mươi dặm rồi anh đến trình diện các cha, đưa tin vụ đắm tàu đau đớn và cái chết của những người phải đến yểm trợ các cha. Mọi người đều đau đớn. Nhưng trong tai họa này còn nhận được yên ủi trong kiện hàng mà anh Gilles chung thủy trả lại cho các cha, trong đó chứa nhiều đồ vật để nuôi dưỡng các cha và mấy của hiếm để làm phẩm vật dâng tiến chúa: việc này không phải là nhỏ để mua lòng chúa. Chúa cũng tỏ ra thương tiếc không những vì sự mất mát của chúng tôi mà vì chiếc tàu người Bồ đến buôn bán trong xứ ngài, một việc mà ngài rất hãnh diện và rất ham muốn.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG 50.

VỀ PHÍA TRUNG QUỐC ĐÃ ĐEM LẠI MỘT LÝ DO CHO NGƯỜI TA TRỞ LẠI ĐÔNG ĐỨC.

Cho tới ngày nay Phúc âm đức Giêsu Kitô đã tiến triển rất nhiều ở xứ Đàng Ngoài đến nỗi các người thừa hành lời Thiên Chúa đều vui mừng thấy hậu quả lớn lao của ơn thánh và thành công trong các công việc đã vượt mức trông đợi. Nhưng Thiên Chúa giàu lòng thương yêu khi người ta ít nghĩ tới thì lại sửa soạn cho thêm lý do khiến các dân trở lại đông đúc hơn.

Số là có một cha dòng chúng tôi tên là *Anrê Xaviê Allemand*, một nhà toán học lỗi lạc, năm 1644 đã tới Trung Quốc, để hoạt động trong vườn nho rộng lớn. Do nhân đức và tinh thông toán học mà trong một

thời gian ngắn cha đã được viên phó vương theo Kitô giáo tên là Luca cai quản một tỉnh ngay ở biên giới xứ Đàng Ngoài, đem lòng quí mến và đặc biệt thân tín. Trong khi đó *có một sứ thần của chúa Đàng Ngoài từ Bắc Kinh trở về*, ông nhân danh chúa đi triều cống vua Trung Quốc theo tục lệ. Cha Anrê muốn lợi dụng cơ hội này để giúp khu truyền giáo Đàng Ngoài thi yêu cầu phó vương biệt đãi và quí trọng sứ thần với ý định để ông đem lòng quí mến các cha dòng chúng tôi. Cha cũng thuyết phục phó vương viết một bức thư cho chúa Đàng Ngoài, trong thư ông ca tụng Kitô giáo mà chính ông cũng tin theo, sau khi nhận biết sự thánh thiện và công phúc. Ông cũng giới thiệu nhân đức các cha dòng đang giảng đạo trong xứ mình là những người đáng được gia ơn thi phúc và bảo vệ. Thư này, không trao cho sứ thần, nhưng cho một quân binh của phó vương đi theo sứ thần đem thẳng tới tay chúa, nhân danh phó vương và kèm theo những lời khiêm tốn quí trọng và sẵn sàng phục dịch. Người quân binh trung thành làm theo. Và khi chúa đọc trong thư phó vương (ngài muốn chuyển cho hoàng tử là người sẽ nhận kế vị) có những lời giới thiệu Kitô giáo mà một người có thế giá như thế đã tin theo, lại thêm bằng chứng lớn lao về sự quí mến nhân đức và công lao các cha được gọi là tôn sư, thì chúa đánh giá Kitô giáo và các cha dòng rất cao. Cả hai, tiên vương cũng như chúa đương thời sẽ tuyên bố những cảm tình quí mến bằng những lời giới thiệu đích đáng làm cho mọi dân nghe tin đều bị lay chuyển. Vì thế chưa đầy sáu tháng đã cho gần mười hai nghìn người theo đạo công giáo và một mình cha Antôn de Fontes người Bồ, thợ kỳ cựu của khu truyền giáo, trong thời gian này, đã rửa tội được bốn ngàn. Từ đó số người mới trở lại tăng lên rất nhiều và ngày nay tính trong xứ Đàng Ngoài có hơn hai trăm nghìn giáo dân. Hy vọng ở khắp nơi rất khả quan đến nỗi có thể trông một ngày kia niềm tin vào đức Kitô sẽ thống trị hết các tâm hồn và thánh giá được dựng lên và được tôn thờ trong khắp nước mà không gặp cản

trở. Đó là điều đem lại yên ủi cho những người hoạt động trong khu truyền giác này và làm cho những người khác khi biết thành quả tốt đẹp như thế thì đều ao ước đến hỗ trợ số thợ rất ít mà mùa màng thì lớn và nhiều. Vì thế mặc dầu đã mất mấy người bị đắm tàu không đến xứ Đàng Ngoài được, nhưng được dạt vào bến Trung Quốc là nơi Thiên Chúa chỉ định cho, thì có năm cha khác may mắn tới thay thế vào *cuối năm 1646*. Đó là cha *Gioan Cabral* kinh lý khu truyền giáo này, trước kia là viện trưởng học viện Macao và phó tỉnh dòng Nhật Bản, cha *Phanchicô Rongel*, giáo sư thần học, cha Phanchicô *Figueira* giảng viên danh tiếng, cả ba đều là người Bồ, với hai cha *Phanchicô Montescoli* và *Stanislas Torrente* người Ý, tất cả đều cương quyết sử dụng lao khổ, sức lực và sinh mạng mình để cứu rỗi các dân.

CHƯƠNG 51.

NHỮNG ĐIỀU CHÚNG TÔI MỚI NHẬN ĐƯỢC VỀ GIÁO DÂN ĐÀNG NGOÀI

Lịch sử được tiếp tục ghi cho tới đây bao gồm sự tiến triển của Kitô giáo trong khu truyền giáo Đàng Ngoài từ năm 1627 cho tới năm 1646. Còn những điều sẽ nói sau đây, trong chương này, chúng tôi đã trích trong hai bức thư, một thư của cha Gioan Cabral chúng tôi vừa nói, kinh lý khu truyền giáo, viết về cha bề trên Cả, vào tháng *10 năm 1647*. Trong thư, cha điều trần về cuộc kinh lý của cha và về những thành quả mới hái được trong khu truyền giáo. Thư thứ hai là của cha Gioan Barbosa thợ kỳ cựu ở đây, cũng là người rất hiểu biết các công việc trong khu vực này.

Cha Cabral cam đoan nhận rằng chỉ trong hai năm 1645 và 1646 giáo hội Đàng Ngoài đã được hơn hai mươi bốn nghìn giáo dân trở lại đạo. Trong xứ có hai trăm nhà thờ cỡ lớn với nhà ở cho các cha ngay cạnh

đó, đây là nơi thường trú hoặc tạm trú khi các cha tới làm việc. Trong năm 1646 chỉ có bảy cha phân ra trong năm trụ sở, còn một cha tên là *Phaolô Caloprosi* người thành Napoli, thợ rất can đảm và không biết mệt, cha đã mất ít lâu sau. Ngoài bốn thợ mới ghi ở trên còn có một người thứ sáu là cha *Philipphê Marini* người thành Genôva bị chặn lại không qua nước Campuchia như đã được chỉ định. Phải dựng một trụ sở thứ sáu để dễ bề phục vụ số rất đông giáo dân trở lại. Cha đã nhận thấy từ khi ở xứ này, dân Đàng Ngoài dễ tiếp xúc hơn và dễ tin theo đạo hơn, không có một dân Đông Phương nào, về luân lý trong trắng hơn và có ít thói hư tật xấu chung cho mọi nơi khác, làm ngáng trở cho đức tin và gây những khó khăn gần như không vượt nổi, để thực hành các nhân đức của Kitô giáo. Giáo dân tân tòng rất vững vàng trong đức tin, như thể đã nhận từ mấy thế kỷ nay, họ cũng xa những khuynh hướng, những mê tín dị đoan như thể chưa bao giờ biết tới. Họ thi hành các nhân đức Kitô giáo, gớm ghét những đổi bại chung, rất nghiêm chỉnh giữ luật Thiên Chúa, rất sốt sắng làm các việc đạo đức và đọc kinh cầu nguyện. Mọi người đều dậy thật sớm, sau khi thức dậy thì họ đọc kinh ít là nửa giờ và cũng vậy trước khi đi ngủ; họ rất vâng lời và kính trọng các cha, công nhận khó nhọc của các cha bằng sự biết ơn và không gì làm phật ý họ bằng từ chối không nhận phẩm vật họ đem tới. Khi các cha đến thì họ tỏ vui mừng thái quá đến nỗi họ tổ chức cuộc vui và ngày hội công cộng để thổ lộ ra.

Cha còn nói nhiều điều mà tôi bỏ qua để tôi thêm lời kết thúc, đó là bằng chứng về mối thịnh tình đặc biệt chúa Đàng Ngoài để lại qua bức thư gửi cha *Felix Morelli*, bề trên khu truyền giáo, bức thư này cho chúng ta những triển vọng lớn lao thấy giáo đoàn mở rộng trong thời ngài trị nước và Chúa Cứu thế được tôn thờ trong khắp lãnh thổ ngài. Trước khi lên cầm quyền nối nghiệp đức tiên vương, ngài đã có lần nói với cha Morelli, để tỏ lòng ngài quí mến cha thì ngài muốn nhận cha làm dưỡng tử (trong xứ này đó là

bằng chứng các người quyền thế tỏ tình thương yêu những người họ quí mến), nhưng vì trọng kính đức thân phụ là người ghét các cha, nên ngài chưa muốn công khai tỏ ra. Nay ngài được tôn lên bậc chúa và nắm guồng máy cai trị quốc dân với sự thỏa thuận và đồng ý của đức thân phụ đã có tuổi và yếu sức, lại có cuộc gặp gỡ tốt lành, các cha bên Tàu được phó vương tín nhiệm, các sứ thần của chúa Đàng Ngoài được hậu đãi và được một ít viện trợ cần thiết khi trở về; chúa đương thời nhận thấy đức thân phụ đã theo dõi điều trần các sứ thần nói về sự giúp đỡ các cha đã làm cho mình khi ở bên Tàu, nên ngài bắt đầu công nhận, ca tụng và giới thiệu công việc của chúng tôi là những việc hữu ích cho quốc dân. Vì thế ngài quyết định công bố, theo thể thức trong xứ, bằng một chứng thư danh dự, lòng quí mến của ngài đối với cha Morelli, để lưu lại bằng chứng công khai đó cho cha. *Ngày 11 tháng 3 năm 1647* ngài viết và gửi chứng thư trên giấy hoa và bằng chữ Hán, nội dung dịch sát nguyên bản như sau :

"Ta điện hạ *Kien Thượng* vương toàn quyền và tối cao trong xứ Đàng Ngoài, ta gửi ngươi chứng thư tự tay ta thảo, để làm bằng chứng ta quí mến ngươi, Felix bậc tôn sư đệ nhất và tiến sĩ đạo trưởng thờ Chúa trời đất.

Từ khi ngươi vào xứ ta, ta đã đặc biệt quí mến ngươi hơn hết các tôn sư ngoại quốc đến dạy đạo ở đây. Ta coi ngươi như vườn ruộng trồng hoa hướng dương quay về mặt trời soi sáng và sưởi ấm, ta cũng coi ngươi như quí tử của ta. Để tỏ cho ngươi biết lòng ta quí mến ngươi, ta đặt cho ngươi một tên mới là *Phúc Chân*, có nghĩa là một người chân thật có phúc cao cả. Thế nên từ nay ngươi chỉ có ý nghĩ hay không có ý nghĩ như ta, như tất cả những ai phải làm khi quí mến nhau và chỉ có một tâm hồn. Nếu ngươi làm như vậy thì ngươi được kể vào số những kẻ có thế giá và có nhiều danh vọng vì đã giữ luật nhân ái và ngươi được ta quí mến".

Đó là lời lẽ bức chứng thư của chúa đương thời, ngài nhận cha Morelli làm nghĩa tử. Thư này ngài sai người đem tới tận nhà chúng tôi với đám rước linh đình trọng thể với các bậc cận thần, họ được tiếp đón với tất cả danh dự và ghi ơn về phía các cha dòng chúng tôi. Viên thuyền trưởng người Bồ và các tùy viên cũng dự buổi lễ này, nhà chúng tôi và tất cả vùng lân cận đều vang lừng tiếng kèn, tiếng trống; cũng ngày hôm đó người ta rước cha vào phủ chúa để đáp lễ cám tạ. Tất cả những điều này đều trích trong thư cha Gioan Cabral kinh lý khu truyền giáo.

Còn cha *Gioan Barbosa* trong thư tường thuật dài dòng về lòng đạo đức và sốt sắng của giáo dân tân tòng Đàng Ngoài, cha so sánh họ với các nhà tập dòng cải cách của chúng ta. Tôi trích và viết vắn tắt sau đây. Thứ nhất cũng như cha Cabral đã viết, cha ca tụng họ rất siêng năng và kiên trì đọc kinh sáng và kinh tối, họ không bao giờ bỏ trừ khi quá bận rộn và phải làm việc đã hẹn. Vì thế trong hết các nhà, họ đặt bàn thờ, trang hoàng các đồ thờ đẹp để theo khả năng mỗi người, họ bớt những sự cần dùng về ăn, về mặc một chút hơn là thiếu sót về việc này. Trên bàn thờ, ngoài ảnh và thánh giá bằng chất liệu quí như mai rùa và ngà voi rất nghệ thuật, còn có một bình đẹp đựng nước phép với tràng hạt và các dụng cụ hành xác mà họ thường dùng. Cha còn thêm và là điều rất đáng khen, họ có những bàn thờ nhỏ và nhẹ, vẽ màu và sơn son thiếp vàng, họ đem theo khi đi đường và dựng ngay trong nhà trọ và trong những nơi họ phải nghỉ đêm, để làm các việc đạo đức. Họ còn nói thêm rằng họ rất muốn dự thánh lễ hằng ngày khi cư hành ở nhà thờ, vì thế mọi người đều muốn dự tất cả, đến nỗi chúng tôi buộc lòng phải xua họ ra và phân chia từng phiên vào những ngày khác giờ khác để cho lương dân không ghen ghét vì thấy quá đông giáo dân tụ tập nhau. Các cha phải vất vả nhiều để cho lòng sốt sắng của họ được toại nguyện bởi vì họ muốn xưng tội và rước lễ mỗi tháng hai ba lần. Họ có lòng tôn

kính, quí mến và biết ơn các cha không thể tưởng tượng được, không có gì làm họ giận bằng từ chối những của họ dâng cúng. Họ có lòng thương yêu nhau làm cho mọi lương dân đều khen ngợi. Có mấy người sống chung với nhau và kẻ có chút của hơn người khác thì bao giờ cũng dọn bàn ăn để niềm nở đón tiếp khách hành hương và kẻ xa lạ, thỉnh thoảng xảy ra vụ lữ hành ngoại đạo giả làm giáo dân để được tiếp đón và được đãi ngộ tử tế hơn trong hành trình. Thường thường họ rộng rãi quá sức họ để bố thí cho người nghèo và cho các thày giảng và nhất là cho những người bị trưng thu tài sản để bảo vệ đức tin, những người này thường chẳng còn gì để ăn, để mặc; nhờ đó họ và vợ con họ không thiếu sự cần dùng. Sau cùng có một số rất đông giáo dân nhiệt tình (muốn thi hành lời khuyên Phúc âm), họ buộc mình khấn giữ đức vâng lời làm cho chúng tôi miễn cưỡng phải từ chối; nhiều người phân phát hết của cải cho người nghèo để khiêm nhường làm việc lành cứu rỗi và được tự do hơn để lo phần rỗi kẻ khác. Có một số đông thanh niên và thiếu nữ khấn trinh khiết trọn đời và cả những kẻ ở bậc phu phụ cũng thỏa thuận với nhau giữ tiết dục trọn đời, họ buồn bực vì được biết đức tin Kitô giáo và sự đẹp đẽ của đức đồng trinh quá muộn; họ ước muốn (như họ cam kết) tự hiến mình cho chúa Giêsu Kitô ngay thời niên thiếu. Trong thư này còn thêm nhiều sự khác về đời sống kiểu mẫu và lương tâm trong sáng của giáo dân tân tòng. Nhưng những điều nói trên cũng đủ cho chúng ta nhận thấy một vài nét về nhân đức và sự trọn lành của bộ mặt trẻ trung của giáo hội Đàng Ngoài, mới được hai mươi ba tuổi, nhưng từ ngày nhận ánh sáng Phúc âm thì đã được tô điểm tráng lệ. Ước mong Thiên Chúa ban cho giáo hội này luôn luôn tăng tiến về sự trọn lành và được đầy ơn Thiên Chúa, để cho ta xem thấy một kỳ công tuyệt tác của vinh quang Người.

HẾT

CHÚ THÍCH

QUYỂN I

(1) Lý Thái Tổ dời kinh đô về thành Đại La và đổi tên thành là Thăng Long (1010). Đời Hồ gọi là Đông đô, tới Lê Thái Tổ thì lại gọi là Đông kinh. Từ chữ Đông kinh này mà người ngoại quốc gọi Đàng Ngoài lúc đó là Tunquin (Đông kinh).

(2) Từ Lê Thái Tổ, lệ ba năm sang cống, mỗi lần đúc hai tượng người bằng vàng, gọi là "đại thân kim nhân". Có lẽ lúc đánh trận Chi Lăng có giết mất tướng nhà Minh là Liễu Thăng và Lương Minh nên phải đúc hai người bằng vàng để thế mạng. Coi Trần Trọng Kim, sd, q.2, tr.248

(3) Đàng Trong, người ngoại quốc gọi là Cocincina. De Rhodes cắt nghĩa nguyên do tiếng gọi này.

(4) Không hiểu bởi đâu người ta gọi nhà Mạc ở Cao Bằng là "chúa Canh". Có lẽ do người Bồ gọi chúa Cao Bằng là "*ciucanghe*" (coi : Marini *Tường trình về Đàng Ngoài*" bản tiếng Pháp, tr.35.36.37).

(5) Có ý nói về Ngô Quyền đặt nền độc lập tự chủ cho đất nước (nhà Ngô 939-965).

(6) Mạc Đăng Dung cho giết vua Chiêu Tông năm 1524 và tự xưng làm vua.

(7) Ở Đàng Trong lúc này là Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635) là con Nguyễn Hoàng tục gọi chúa Tiên và là cháu Nguyễn Kim. Nguyễn Kim đã tìm được một người con rốt của vua Chiêu Tông và đặt lên làm vua tức Trang Tông (1532), coi Trần Trọng Kim, sd, q.2, tr.18.

(8) Có sự thêu dệt trong vụ Nguyễn Kim gả con gái Ngọc Bảo cho Trịnh Kiểm là một tướng giỏi, hay là theo lời bàn tán của dân gian, coi Trần Trọng Kim sd, q.2, tr.18.

(9) Bà Ngọc Bảo xin cho Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa (1558) và đây là khởi đầu tranh chấp giữa Trịnh và Nguyễn.

(10) Trịnh Kiểm mất năm 1572, Trịnh Tùng tức Bình An Vương (chúa Bằng) lên cầm quyền (1570-1620) và năm 1593 lấy được Thăng Long từ tay nhà Mạc. Nhà Mạc rút lên Cao Bằng.

(11) Thanh Đô Vương tức Trịnh Tráng. Nguyễn Hoàng đã gả con gái là Ngọc Tú cho Trịnh Tráng.

(12) Nếu tính từ nhà Ngô tới nhà Đinh, nhà Lê, nhà Lý, Trần, Hồ thì không phải là thứ tư mà là thứ bảy.

(13) Vua Nhật có chức vị nhưng quyền hành đều nằm trong tay mấy tướng lãnh phong kiến, tương tự như vua Lê với chúa Trịnh, Nguyễn của ta, gọi là tương đương thôi.

(14) Tức Trịnh Tùng, coi số 10.

(15) Nói về Trịnh Xuân làm loạn nhưng bị Trịnh Tùng tìm giết đi, coi Trần Trọng Kim sd, q.2, tr.36.

(16) Ở Âu châu mỗi tay chèo có ba hay bốn người chèo và họ ngồi mà chèo, lại kéo chèo về phía người chứ không đẩy về phía trước như ta.

(17) Trận thủy chiến năm 1644, chúa Thượng phái thế tử Dũng Lễ Hầu tức Nguyễn Phúc Tần xuất trận, sau này ông nối nghiệp gọi là Hiền Vương. Bên Hòa Lan có đề đốc Pierre Breck chỉ huy.

(18) Kẻ Chàm hay Cacciam ở Quảng Nam, làng Thanh Chiêm, tức cửa Hàn xưa gọi là đại chiêm hải khẩu. Theo bản đồ cổ thế kỷ 17 thì có cửa biển Quảng Ngãi, Qui Nhơn và cửa Ran Ran ở giáp giới Chàm thời đó (Ran Ran do tên sông Đà Ràng).

(19) Ở Âu châu chỗ chỉ huy lại ở vào đuôi tàu, với tầng cao như tầng lầu.

(20) Theo bản đồ của De Rhodes (1651) thì Đàng Ngoài gồm có bảy tỉnh : 1. Kẻ Bắc (Kinh Bắc), 2. Kẻ Đông (Hải Dương), 3. Kẻ Tây (Sơn Tây), 4. Kẻ Nam (Sơn Nam), 5. Thanh Hóa, 6. Nghệ An, 7. Bố Chính.

(21) Một triệu người ở kinh thành Thăng Long thời đó, liệu có quá đáng không ?

(22) Có thể là ba tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Bố Chính.

(23) Bên Âu châu khi danh dự bị xúc phạm thì họ có thói đấu kiếm tay đôi để triệt hạ địch thủ.

(24) Đời Mạc năm 1595, sử ghi : "Lúc đầu triều Lê, dùng theo việc cũ triều Lý, nhà Trần hằng năm cứ đầu mùa xuân, hội họp làm lễ tuyên thệ. Từ khi trung hưng đến nay không ai hành lễ ấy. Đến nay hội họp đông đủ văn võ trăm quan, lại đặt đàn tràng làm lễ tuyên thệ ở phố tả cửa Nam thành Thăng Long "*Khâm Định Việt sử*, chb.30,11. Thời Lê Thái Tông, năm 1434 cũng có hội thề, coi KĐVS, Chb.16,3).

(25) Bá tước (comte), hầu tước (marquis), nam tước (baron). Như tác giả nói, sự so sánh này không đúng, vì ở Âu châu chức nhà vua ban cho thì có quyền sở hữu một

khu vực và truyền lại cho con cả chức tước cả cơ nghiệp. Ở Việt Nam thì không thế.

(26) Chim yến, coi Borri I, số 32.

(27) Nước mắm, coi Borri I, số 28.

(28) Voi, coi Borri I, ch.4.

(29) Tê giác, coi Borri I, ch.4.

(30) le livre : tức nửa kilô, nửa cân.

(31) Coi thêm Pierre Yves Manguin, *Les Portugais sur les cotes du Vietnam et du Campa* (Người Bồ tới bờ biển Việt Nam và Chàm, thế kỷ 16, 17 và 18. EFEO, Paris 1972). Tác giả sưu tầm các tư liệu viết tay bằng tiếng Bồ và nghiên cứu những lộ trình hàng hải thời xưa. Kết luận là những cửa biển Đàng Trong được người ngoại quốc biết tới sớm hơn các cửa biển Đàng Ngoài. Họ thường đi dọc theo bờ biển Đàng Trong cho tới Hội An rồi chiếu thẳng đi Macao hay đi Nhật.

(32) Coi Borri, về các hàng bán cho ngoại quốc. P.Y. Manguin cũng kê khai sổ các hàng hóa xuất nhập khẩu vào thời đó.

(33) Về tiền bạc dùng trong thời này coi thêm Borri, I, ch.8.

(34) Năm 1434, thời Lê Thái Tông, có sắc lệnh về tiền như sau : "Chỉ huy cho kinh thành và các phủ lộ, huyện châu xã sách thôn trang hay rằng từ nay về sau tiền đồng sứt mẻ mà còn xâu vào lõi được, thì phải lưu thông tiêu dùng, không được loại bỏ, nếu đã mẻ gẫy không xâu được nữa thì không tiêu dùng". (*Đại Việt sử ký toàn thư II*, tr.81).

(35) Coi thêm : *Phép Giảng tám ngày.*

(36) Phép tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

(37) Về Phật giáo, coi thêm Borri và *Phép Giảng tám ngày*.

(38) Thực ra không phải lý thuyết uyên thâm của Lão Tử trong đạo đức kinh, nhưng là những phù phép ma thuật.

(39) Bói chân gà : trong tự vị De Rhodes ghi *giò* : chân, cẳng gà; *xem giò* : dị đoan coi chân gà để đoán điềm lành dữ.

(40) Tục gọi hồn, coi thêm Borri, II, ch.4.

(41) Luận về của cúng, coi thêm Borri, 2 ch.8.

(42) Tất cả các giáo sĩ đều nói tới việc làm ma tốn kém: Borri, Tissanier, Marini.

(43) Tục đốt vàng mã, coi thêm Phép Giảng.

(44) Marini, Tissanier tả một đám tang vua chúa hết sức tổn phí, coi sách dẫn.

(45) 12 địa chi : Tý sửu dần mão thìn tỵ ngọ mùi thân dậu tuất hợi (chuột trâu cọp mèo rồng rắn ngựa dê khỉ gà chó lợn). 10 thiên can : giáp ất bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý.

(46) Chúng tôi chưa tìm ra manh mối vị thần này.

(47) Tục dựng cây nêu.

(48) Coi thêm Borri, sd, để biết việc nghiên cứu học tiếng Việt đã manh nha từ những giáo sĩ đầu tiên tới Việt Nam : kể từ Borri cho tới Gaspar d'Amaral, De Pina, De Rhodes, nghĩa là từ những năm 1615-1622 tại Đàng Trong trước khi được tiếp tục ở Đàng Ngoài.

(49) Thanh và tên gọi các thanh :

1. Thanh trầm	(dấu huyền)	dò	Hylạp
2. Thanh hầu như trầm	(dấu nặng)	rệ	iota Hylạp
3. Thanh uốn trầm	(dấu ngã)	mĩ	Hylạp
4. Thanh bằng	(không dấu)	pha	
5. Thanh uốn dịu	(dấu hỏi)	sổ	latinh
6. Thanh sắc	(dấu sắc)	lá	Hylạp

(50) Tác giả muốn dùng sáu nốt nhạc để cho thí dụ, sáu nốt nhạc đó là : đô, rê, mi, pha, sol, la. Nhưng thí dụ hơi ép gượng và sai lạc ở *rệ*, vì chính ra là *rễ*.

(50) Về thí dụ : *ba, bà, bá, bả, bã, bạ* cũng cần phải giải thích. *Ba, bà, bá, bã* không có vấn đề, rất thông suốt. Còn *bạ* là một từ chuyên môn ở miền quê : bạ bờ, đắp bờ, nhưng *bạ* theo De Rhodes còn có nghĩa là vật bỏ rơi thuộc về người đầu tiên nhặt được (res pro derelicta quae est primo occupantis), *ai bạ thì lấy*. Còn *bả* thì lại hiểu là *vả* vì thế mới thành câu *ba bà bả bá*.

QUYỂN II

(1) Từ năm 1542 đã có thương gia ngoại quốc tới Nhật, rồi theo sau là các giáo sĩ, mà người thời danh nhất là thánh Phanchicô Xavie (1549). Nhưng năm 1617 họ trục xuất các giáo sĩ và bắt bớ giáo dân. Năm 1637 có tới 32 ngàn người chết.

(2) Coi tường trình của Baldinotti.

(3) Theo chính Baldinotti thì vừa chưa thạo đường lối vừa bị bão lớn nên sau 36 ngày mới tới nơi. Đó là năm

1626. Trái lại, như sẽ thấy sau De Rhodes chỉ đi biển có một tuần là tới.

(4) Về lộ trình của các thương gia, họ thường theo dọc bờ biển Đàng Trong từ ranh giới Chàm (cửa biển Đàràng), Qui Nhơn, Quảng Ngãi, Hội An, rồi tùy tiện họ chiếu thẳng đi Macao hay Nhật Bản. Coi bản đồ trong P.Y.Manguin, sd.

(5) Coi Baldinotti về buổi thề để cho chúa Trịnh khỏi nghi ngờ.

(6) Thực ra Lợi Mã Đậu (Matteo Ricci) năm 1603 đã cho phát hành cuốn Thiên Chúa thực nghĩa bằng chữ Hán. Như vậy, danh từ Thiên chủ đã được dùng để chỉ Thiên Chúa của giáo dân Kitô. Tự vi Việt Bồ La ghi : *thiên, trời; thiên địa, trời đất; thiên chủ, Chúa trời;* tốt hơn : Thiên Chúa; *thiên đàng, nhà trời,* tốt hơn *Thiên Chúa đàng, nhà Chúa trời.*

(7) Những bản kinh dĩ nhiên được ghi bằng chữ nôm, còn giáo sĩ thì có thể đã chép theo quốc ngữ để tiện dụng cho mình và sau này cho các thày giảng.

(8) Sự giao dịch với người Bồ, đối với nhà cầm quyền lúc đó, chỉ có mục đích trao đổi hàng hóa và nhất là được những võ khí mới để giao chiến với Đàng Trong.

(9) Năm Đinh Mão là năm 1627, Trịnh Tráng đưa quân vào đánh Chúa Sãi ở Đàng Trong, coi Trần Trọng Kim qu.2 tr.40-41. Sử cũ của ta có nói tới.

(10) Phẩm vật vừa là sản phẩm của khoa học vũ khí vừa là của hợp thời đúng lúc : một khẩu súng hộ vệ thân.

(11) Trịnh Kiểm nghe lời Ngọc Bảo cho Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa. Tới đời Nguyễn Phúc Nguyên con Nguyễn Hoàng, ông không chịu triều cống nên Trịnh Tráng cho quân vào "hỏi tội" sau khi gửi tối hậu thư. Đây là trận thứ nhất giữa Trịnh và Nguyễn.

(12) Dĩ nhiên là viết bằng chữ nôm vì lúc đó chưa đề cập tới chữ quốc ngữ là thứ chữ riêng do các giáo sĩ ngoại quốc nghĩ ra. Vị sư trở lại đạo hẳn khá tinh thông chữ Nôm và chữ Hán.

(13) Coi Borri, lần thứ nhất đã có ý lập nghĩa trang, ở đây lần thứ nhất nói tới nhà thương cho người nghèo.

(14) Sự cộng tác của giáo dân người Việt trong việc biên chép các sách kinh, sách giáo lý, dĩ nhiên lúc đầu bằng chữ Nôm.

(15) Về trận thất bại này của Trịnh Tráng, các sử ta đều nói tới :

- Đại Việt sử ký toàn thư, bản kỷ tục biên qu.18.
- Khâm định VSTGCM, chb.31-23 và 31-24.
- Đại Nam thực lục tiền biên q.2.

(16) "Lê Khuê, tướng bên địch, đem kỵ binh (quân cưỡi ngựa) vào cướp trận địa, quân ta dùng đại bác bắn lại, quân Trịnh sợ hãi rút lui. Lúc ấy Nguyễn Khải dàn doanh trại ở phía bắc sông Nhật Lệ. Nhân đêm, nước thủy triều lên, lính thủy ta bắn súng để uy hiếp, quân Trịnh sợ hãi rối loạn. Chợt lúc quân của Trịnh Tráng tiếp đến, thế quân rất mạnh, quân của ta dùng voi chặn đánh, quân Trịnh tan vỡ, bị chết rất nhiều.

Hữu Dật cùng Trương Phúc Gia bàn mưu với nhau : cho gián điệp nói phao lên là Trịnh Gia và Trịnh Nhạc sắp nổi loạn. Tráng nghe được tin ấy, trong bụng nghi ngờ, lại vì có thua luôn mấy trận, bèn dẫn quân về" (KĐVSTGCM, chb. XXXI, 24).

(17) Đây là sách hình học của Euclide (nhà toán học Hylạp thế kỷ 3 trước CN) do cha Ricci cùng người cộng tác Trung Hoa dịch và cho ấn hành, nhan đề "Kỷ hà nguyên bản".

(18) Tức ngày 23 tháng 6 năm 1627. Nên nhắc ở đây giáo sĩ tới Cửa Bạng ngày 19/3/1627.

(19) Một nét làm nổi bật trí thiển cận và kiêu căng của một nho gia thời đó. Ngoài sách thánh hiền, thì không còn biết sách khoa học, kỹ thuật nào khác.

(20) Hiểu như giáo sĩ chưa biết thưởng thức nhạc cổ truyền Việt Nam.

(21) Tức ngày 29 tháng 6.

(22) Chúng tôi chưa biết rõ về nhân vật này.

(23) Bà em gái hay chị gái Trịnh Tráng.

(24) Thơ văn của con gái bà Catarina. Thật là Hà Nội đất ngàn năm văn vật. Ngay buổi đầu đã có thơ văn về đạo Kitô. Hẳn là theo các bài giáo lý như trong Phép Giảng tám ngày. Còn cuốn thứ hai là bài văn về cuộc giảng đạo ở xứ này. Chúng tôi không được biết thêm về hai cuốn này. Nhưng vào đầu thế kỷ này, có thấy ấn hành một bài ca văn nói về đức Cha Liêu giảng đạo ở xứ ta (Mgr Retord) bằng song thất lục bát : bản này có thể tìm kiếm được. Cũng một đường lối về sau, có ca vè của cha Trần Lục Phát Diệm.

(25) Bức quốc thư này hiện còn tàng trữ tại Thư viện Vatican, Fonds Barberini, Orient 158. Coi : *Khảo Cổ tập san* số 2, Sàigòn, 1961, tr.75-76 Võ Long Tê, lịch sử văn học công giáo Việt Nam, Sàigòn, 1965, tr.113-114.

(26) Địa điểm ở chỗ nào trong vùng ngoại ô Hà Nội thì còn phải tìm kiếm. Có thể ở vùng ô Đống Mác (hay Ông Mạc), vì trong thư Bentô Thiện viết cho giáo sĩ Marini năm 1659 thấy nhắc tới địa danh này như sau : "Thầy Chicô còn ở Ông Mác song le chẳng còn ai ở cùng". Cũng có thể nhà ở ô Đống Mác về phía nam thành Hà Nội chỉ là một trong các trụ sở.

Ô Đống Mác ở vào phía nam kinh thành, gần bờ sông Hồng, tiện cho các thuyền bè ngoại quốc. Cũng nên nhớ, ô Đống Mác không xa ô Cầu Dền. Ô Cầu Dền cũng ở về phía nam kinh thành nhưng ở xa bờ sông Hồng. Miền này còn hai di tích cổ là đền Hai Bà Trưng và chùa Liên phái.

Cũng nên ghi ở đây, khi quân đội viễn chinh Pháp tới Hà Nội vào cuối thế kỷ 19, thì nhà vua cho họ đóng đồn ở vùng này, gần sông Hồng về phía nam kinh thành gọi là Đồn Thủy, tức chỗ thủy quân của ta đóng đồn và tập trận.

(27) Coi : *Phép Giảng tám ngày*. Nếu mỗi ngày sáu buổi thì mỗi buổi chừng hơn một tiếng đồng hồ.

(28) Trong *Phép Giảng tám ngày*, tác giả chỉ đề cập tới những giáo phái hay đạo vạy với những dị đoan mê tín ở ngày thứ tư, sau khi đã bàn giải về mấy nguyên lý căn bản về sự sống hằng có, về linh hồn bất tử, về nguyên nhân đệ nhất, về việc có vũ trụ và loài người, nghĩa là sau khi đã dọn đường cho lý trí hiểu biết những điều thuộc lý lẽ tự nhiên trong con người.

(29) Chương trình ngày thứ nhất, thứ hai và thứ ba.

(30) Ngày thứ bốn.

(31) Ngày thứ năm, thứ sáu và thứ bảy : mầu nhiệm Chúa nhập thể và Chúa cứu chuộc loài người.

(32) Ngày thứ bảy.

(33) Có thể là c ó Thiên Chúa thực nghĩa của Ricci đã nói qua ở trên.

(34) Như vậy các ngày lễ trong năm đã được giáo dân sốt sắng mừng rất đặc biệt. Chưa rõ các bài ca tôn giáo lúc đó là những bài ca nào, hẳn là những bài theo thể thơ lục bát hay song thất lục bát ?

(35) Lịch công giáo vào những năm gần đây vẫn còn ghi như vậy trong ba ngày Tết nguyên đán.

(36) Các lễ công giáo đã bắt đầu ăn nhập vào nếp sống nhân dân công giáo, thí dụ câu nói : ba vua lễ nến Tết đến sau lưng. Bởi vì lễ ba vua vào ngày 6 tháng 1 dương lịch, còn lễ nến vào ngày 2/2 dương lịch. Người ta còn nói: lễ ba vua chết cua chết cá, bởi vì là mùa rét nhất trong năm.

(37) Nghi thức ngâm này vẫn còn được cử hành rất sốt sắng trong các xứ đạo Việt Nam, nhất là ở ngoài Bắc, cho tới ngày nay.

(38) Hẳn là sách viết tay bằng chữ Nôm.

(39) Tức nhà Mạc ở Cao Bằng.

(40) Thói quen đọc kinh sáng tối ở nhà tư cũng bắt đầu có từ thời này, hoặc vì lúc chưa có nhà thờ hoặc vì khó có thể hội nhau.

(41) Cũng vậy, những bản này viết bằng chữ Nôm.

(42) Tỉnh Hải Dương, coi chú thích về bản đồ.

(43) Về văn châm biếm của những con người thuộc đất ngàn năm văn vật.

(44) Giáo sĩ nói là bản chữ Hán, nhưng cũng có thể là bản Nôm, bởi vì có thể ông chưa biết rõ để phân biệt Hán và Nôm.

(45) Loại thơ châm biếm để bác bẻ và tranh luận chống dị đoan mê tín.

(46) Nhà luyện tập các thày giảng, có thể gọi là chủng viện cho các thày giảng, cũng như đã thành lập chủng viện các thày giảng ở Macao.

(47) Gaspar d'Amaral sinh năm 1592, tới Macao năm 1623, tới Đàng Ngoài tháng 10 năm 1629 đến tháng 5 năm 1630 lại trở về Macao. Tới Đàng Ngoài lần thứ hai

ngày 18/2/1631. Năm 1638 trở về Macao dưỡng sức, cho tới năm 1645 lại đi tới Đàng Ngoài, nhưng bị đắm tàu và mất ngày 23 tháng 12 năm 1645. Hiện nay còn giữ hai bản tường trình viết tay bằng tiếng Bồ soạn tại Kẻ Chợ, một bản năm 1632 và một bản năm 1637. Ngài còn soạn một cuốn *Tự vị Việt Bồ* nay đã thất lạc. Cuốn này De Rhodes có nói trong bài tựa quyển *Tự vị Việt Bồ La* (1651). Coi Đỗ Quang Chính, sd, tr.51-65.

(48) Tức ngày 28 tháng 10 năm 1629.

(49) Vào những năm 1935-1945, lịch công giáo thông dụng vẫn còn ghi cả hai ngày tháng âm lịch và dương lịch. Có thể nói đây cũng là một trong những yếu tố của nền văn hóa mới bắt đầu gia nhập vào nếp sống mới.

(50) Giáo sĩ tới Đàng Ngoài ngày 19/3/1627 và bị trục xuất tháng 5 năm 1630.

(51) Một trăm thày giảng trong lúc này kể là một con số lớn. Coi những lời khấn của các thày giảng.

(52) Giáo sĩ bỏ Đàng Ngoài năm 1630 và ở Macao mười năm cho tới năm 1640 mới tới Đàng Trong lần thứ hai. Trong mười năm ở Macao, hẳn ngài đã nghiên cứu thêm về chữ quốc ngữ, soạn thảo các sách vở để sau này đem ấn hành tại Rôma, như cuốn *Tường trình về Đàng Ngoài* hay *Lịch sử Đàng Ngoài* này. Hiện còn giữ được bản viết tay về cuốn này bằng tiếng latinh viết tại Macao năm 1636. Năm 1650 ấn hành bản bằng tiếng Ý, năm 1651 bằng tiếng Pháp và năm 1652 mới in bản tiếng latinh.

(53) Đức Urbanô VIII làm giáo hoàng từ năm 1623 tới 1644. Coi : Borri số 1.

(54) Ở đây chúng tôi dịch theo bản tiếng Pháp. Về nguyên bản chữ Hán với lời dịch tiếng Việt : xin coi

phần phụ "Hai văn kiện" : thư Trịnh Tráng (1627) q.2 ch.15, thư giáo dân Đàng Ngoài (1630) q.2 ch.36.

(55) Gaspar d'Amaral coi số 47 ở trên. Nên nhớ ngài cũng đã tinh thông Nhật ngữ bởi vì ngài chuẩn bị vào đất Phù Tang, nhưng không thành.

(56) Khởi hành từ Macao 8/2/1631, tới nơi 1/3/1631. So sánh ba hành trình một của Baldinotti năm 1626, của De Rhodes năm 1627 và hành trình năm 1631 này : 36 ngày, 7 ngày và khoảng 20 ngày.

(57) Sách giáo lý nào ? Bản chữ Nôm của *Phép Giảng tám ngày* hay một bản yếu lý nào khác ?

(58) Hiêrônimô Maiorica sinh năm 1591 tại Napoli (Ý). Năm 1623 tới Macao. Vào năm 1629 ông bị trục xuất khỏi Đàng Trong, lúc này ông đã tinh thông tiếng Việt. Năm 1631 ông ra Đàng Ngoài. Chép nhiều sách bằng chữ Nôm hiện còn được tàng trữ một số ở thư viện quốc gia Paris. Mất ngày 27 tháng 1 năm 1656, có thể là ở Kẻ Chợ.

(59) Coi Marini, *Tường trình về Đàng Ngoài và nước Lào*, Paris 1666. Trong 436 trang thì 328 trang nói về Đàng Ngoài còn 108 trang nói về nước Lào : một tư liệu khá hiếm về Lào.

(60) Năm 1638.

(61) Antôn Barbosa sinh năm 1594 tại Bồ. Năm 1629 ông tới Đàng Trong rồi sau thấy ông ở Đàng Ngoài (1634-1635). Năm 1639 còn thấy ông ở Bắc, sau đó ông được về dưỡng bệnh tại Macao rồi đi Ấn Độ, mất ở Goa. De Rhodes nói tới cuốn *tự vị Bồ Việt* của ngài, nay thất lạc cũng như cuốn của Gaspar d'Amaral.

(62) Lời nhắn nhủ thắm thiết làm sao, khiến cho chúng ta phải học hỏi thêm để biết công ơn những bậc tiên phong trong đức tin.

HISTOIRE
DV ROYAVME
DE TVNQVIN,

ET

DES GRANDS PROGREZ
QVE LA PREDICATION
DE L'EVANGILE Y A FAITS
en la conuerſion des Infidelles.

Depuis l'Année 1627. *iuſques à l'Année* 1646.

COMPOSÉE EN LATIN

Par le R.P. ALEXANDRE DE RHODES, de la Compagnie de IESVS.

ET TRADVITE EN FRANÇOIS

Par le R.P. HENRY ALBI, de la meſme Compagnie.

A LYON,

Chez IEAN BAPTISTE DEVENET, en ruë Merciere, à la Croix d'Or.

M. DC. LI.

AVEC PRIVILEGE, ET APPROBATION.

AV ROY.

SIRE,

CEST vne coustume receuë parmy les Peuples de la Nation Tunquinoise (de qui i'ay entrepris de publier les habitudes & les mœurs) d'offrir tous les ans à leur Roy vn present des fruicts nouueaux de la saison, qu'ils ont recueillis de la terre; pour luy témoigner par cét effet de leur reconnoissance, que c'est sous sa protection qu'ils viuẽt, & qu'ils joüissent en liberté,

non ſeulemènt des biens que la Fortune a voulu qu'ils euſſent, mais encore des preſens qu'ils ont receus des liberalitez communes de la Nature. Et i'ay moins de ſujet de me diſpenſer de l'obligation, à laquelle toute ſorte de droicts, & de deuoirs me condamnent, de preſenter à voſtre Majeſté vn fruict nouueau de cette meſme terre ; ie veux dire la nouuelle Hiſtoire de ces Païs reculez dans les derniers confins du monde, qui commẽce à paroiſtre en France, & à luy faire connoiſtre les mœurs & les qualitez des peuples, dont à peine elle auoit appris le nom. I'ay creu meſme n'eſtre point deſauoüé de ceux d'entre ces Peuples qui ont receu

la Foy, ſi ie me declarois d'apporter à leur nom, & de leur part à Voſtre Majeſté ce preſent nouueau, comme vn iuſte hommage qu'ils rendent au premier Roy Chreſtien, & au Fils Aiſné de l'Egliſe ; dans le ſein de laquelle ils tiennent tous à gloire & à grand heur d'eſtre entrez, & de ſe dire ſes enfans. Apres cela, SIRE, ie me ſuis voulu flatter d'eſperãce que cét Ouurage (quelque petit qu'il ſoit) ne ſeroit point deſagreable à V. Majeſté, quand ce ne ſeroit que parce qu'il eſt nouueau ; La nouueauté eſtant celle qui preſte des graces aux Soleils naiſſans, aux fleurs printannieres, à la tendreſſe begayante des enfans, & à tout ce qui eſt de productions

de la Nature, ou de l'Art; & qui fe-
ra auſſi (comme i'eſpere) agréer à
V. Majeſté cette nouuelle Hiſtoi-
re ; en laquelle non ſeulement eſt
décrit l'eſtat temporel du Royau-
me de Tunquin que tant de Ter-
res, & de Mers ſeparent des con-
noiſſances de la France ; mais en-
core l'eſtat ſpirituel de l'Egliſe naiſ-
ſante que les trauaux des ouuriers
de noſtre Compagnie y ont eſta-
blie, compoſée aujourd'huy de
plus de deux cents mille Chreſtiés,
qui apres auoir renoncé à la vanité
de leurs ſuperſtitions, ſeruent Dieu
fidelement, & l'adorent en verité
au milieu d'vne Nation qui depuis
cinq mille ans n'auoit reconnu
que le Demons pour Maiſtres.

C'eſt

C'eſt auſſi (comme ie me le ſuis figuré) ce qui ſeruira d'agreable entretien à la pieté de Voſtre Majeſté, quand elle y verra ſi notablement aggrandy le Royaume des cœurs, que le Sauueur s'eſt acquis par le merite de ſon ſang; & ſon ſainct Euangile entrer tous les jours en poſſeſſion des terres neuues, que le Soleil en ſe leuant, & en ſe couchant luy découure.

Ie prie Dieu, qui pour aſſeurer la France de ſon amour, a donné Voſtre Majeſté à l'ardeur de ſes vœux, qu'il faſſe de l'Orient de voſtre Regne, vn Midy, & vn plein jour de gloire, & de proſperitez,

&

& qu'acheuant l'ouurage de ſa faueur qu'il a commencé, il nous laiſſe à faire plus de remerciemens, que de vœux à ſa Prouidence.

De Voſtre Majeſté,

Tres-humble, tres-obeïſſant, & tres-fidelle ſujet & ſeruiteur,
ALEXANDRE DE RHODES,
de la Compagnie de IESVS.

HMSACH.COM.VN

ADVIS AV LECTEVR.

CE qui a eſté dit en general des nouueautez (qu'il eſt d'elles comme des Eſtrangers) qui ſont ordinairement plus admirez, que fauoriſez : ſe dira peut-eſtre de cette Hiſtoire, que i'ay receuë Latine du R. P. Alexandre De Rhodes ; à laquelle il eſt à craindre que pluſieurs refuſent la faueur de leur approbation, pour eſtre les choſes qui y ſont rapportées, & nouuelles & eſtrangeres. Veu meſme qu'il eſt quelquesfois arriué qu'en de ſemblables Hiſtoires des Païs eſtrangers, & principalement de ceux du monde nouueau, il a eſté reconnu, des recits menſongers de choſes rapportées ſur la foy d'autruy, qui ont trompé la credulité des lecteurs. Ie puis neantmoins tenir aſſeurez ceux qui ſe voudront diuertir à la lecture de cette Hiſtoire, qu'il n'y a nul ſujet d'auoir pour ſuſpect d'aucune infidelité celuy qui nous a donné la connoiſſance de l'eſtat temporel, & ſpirituel qui ſe trouue aujourd'huy dans le Royaume de Tunquin. Car pour l'eſtat & les affaires temporelles de ce Royaume, il proteſte de ne rapporter rien, dont ſes yeux n'ayent eſté les témoins : Et pour ce qui eſt raconté de l'établiſſement, & du progrez de la Religion Chreſtienne, il l'a extrait fidellement, ou des memoires qu'il auoit luy meſme dreſſez ſur les lieux,

é des

des choſes qui arriuoient durant le temps qu'il trauailloit en cette Miſſion ; ou des lettres, & des aduis qu'il a receus des ouuriers qui luy ont ſuccedé en la culture de cette Vigne.

Il fut tiré de la Miſſion de la Cocinchine où il auoit reſidé l'eſpace de deux ans, pour aller commencer celle de Tunquin, où le P. Iulien Baldinotti de noſtre Compagnie s'eſtant joint aux Marchands Portugais qui commencerent de traffiquer en ce Royaume, auoit penetré le premier, & decouuert de grands champs propres à labourer, & des grandes diſpoſitions pour receuoir les ſemences de la Foy, & de la Religion Chreſtienne. Le P. Alexandre y entra l'an 1627. & commença heureuſement d'y publier l'Euangile, auec tant de ſuccez qu'il ſembloit que le Ciel, & la terre fuſſent d'intelligence pour aſſiſter, & fauoriſer ſes trauaux en la conuerſion de ces peuples ; & que l'Enfer qui leur auoit durant tant de ſiecles fermé les auenuës du ſalut, fut alors ſans effort, & ſans pouuoir d'y rien empeſcher. Neantmoins apres quelque temps, les Demons piquez d'enuie, & de rage, de ſe voir chaſſez de leur Empire ; & qu'vne grande partie de leurs anciens ſujets les quittoient, armerent contre luy tous les ſuppoſts de leur party, qui luy ſuſciterent diuerſes perſecutions, & firent tant par beaucoup de calomnieuſes imputations, auec leſquelles ils taſcherent de noircir ſa reputation, & l'honneur de l'Euangile qu'il preſchoit, & entr'autres publians qu'il eſtoit

ſorcier,

ſorcier, & qu'il enchantoit, & tuoit les gens de ſon ſouffle, que le Roy meſme qui luy auoit auparauant fait beaucoup de careſſes, & témoigné toutes ſortes de bien-vueillance, conceut quelque auerſion de luy, & de ſon miniſtere, & le bannit enfin du Royaume en l'an 1629. & depuis encore, comme le Pere y fuſt rentré à la faueur d'vn Vaiſſeau Portugais qui y eſtoit allé pour traffiquer, il le fit pour la ſeconde-fois ſortir de tout le Tunquin ſans eſperance de retour, en l'an 1630. apres y auoir trauaillé infatigablement l'eſpace de trois ans, auec des ſuccez, & des accidens fort diuers; & laiſsé en diuerſes Prouinces cinq mille Chreſtiens conuertys, & par tout le Royaume les ſemences d'vne abondante moiſſon arrosée de ſes ſueurs, que les Catechiſtes qu'il auoit eſtablys recueillirent à ſon abſence.

La mauuaiſe opinion que les ennemys de la Foy auoient imprimée de luy dans l'eſprit du Roy, fut cauſe que les Superieurs de la Compagnie (pour luy oſter tout pretexte d'apporter de la reſiſtance à la publication, & au progrés de l'Euangile) deſtinerent d'autres ouuriers à cette miſſion, comme il ſe verra dans la ſuite de cette Hiſtoire, leſquels entrans dans les trauaux de ceux qui les auoient deuancez, & employans leur zele à auancer le grand ouurage de la conuerſion de ces peuples, ont fait monter le nombre des nouueaux conuertys à vne ſi haute creuë, que l'on compte aujourd'huy dans le Tunquin plus de deux cents mille Chreſtiens, deux cents grandes

Egliſes, outre vne ineſtimable quantité de Chappelles, & d'Oratoires, & ſix reſidences fixes des Peres de la Compagnie. Il eſt à eſperer de la bonté de Dieu, qui intereſſe ſa Prouidence en l'accompliſſement des deſſeins de ſa gloire; qu'il donnera enfin vne benediction pleine & entiere à cét ouurage; & que tous ces Peuples Leuantins, non ſeulement de Tunquin, mais encore des autres Royaumes circonuoiſins, de la Cocinchine, de Ciampa, de Siam, de Laos, de Camboya, où les ouuriers de l'Euangile trauaillent aujourd'huy, s'aſſujettiront à l'Empire de IESVS-CHRIST, à qui toutes les nations de la terre doiuent enfin rendre hommage.

PRIVILEGE.

IE ſouz-ſigné Prouincial de la Compagnie de IESVS, en la Prouince de Lyon, ſuiuant le Priuilege octroyé à ladite Compagnie par les Roys tres-Chreſtiens, permets à IEAN BAPTISTE DEVENET, Marchand Libraire à Lyon, de faire imprimer & debiter le Liure qui porte pour tiltre, *Hiſtoire du Royaume de Tunquin, & des progrez que la Predication du ſainct Euangile y a faits depuis quelques années en la conuerſion des Infideles*, composé par le P. ALEXANDRE DE RHODES, & reueu par les Peres de la meſme Compagnie; & ce pour le terme de ſix ans, auec deffences à tous autres de l'Imprimer, ou faire Imprimer, ſur les peines contenuës audit Priuilege. Donné à Auignon le premier iour de Mars, de l'An mil ſix cens. cinquante & vn.

IEAN GAYET.

TABLE

TABLE
DES CHAPITRES
CONTENVS EN CETTE
Hiſtoire.

LIVRE PREMIER.

De l'Eſtat temporel du Royaume de Tunquin.

CHAP. I. *Du nom & de la ſituation de ce Royaume.* pag. 1
II. *De l'origine du Royaume de Tunquin.* 5
III. *Que's ſont les honneurs que rendent les Tunquinois à leur ſouuerain Seigneur, qu'ils appellent* Bua. 11
IV. *Du Ciüa, ou du Roy ſubalterne, qui gouuerne le Royaume de Tunquin, & de ſa puiſſance.* 15
V. *De la force des Galeres de Tunquin & de la Cochinchine.* 19
VI. *Du nombre & de la façon des Galeres de Tunquin.* 22
VII. *Du grand nombre des ſujets & des ſoldats du Roy de Tunquin.* 25
VIII. *Des Richeſſes du Roy de Tunquin.* 28
IX. *De la façon que les ſoldats reçoiuent la ſolde du Roy.* 31
X. *De la retenuë, modeſtie, & diſcipline des ſoldats.* 34
XI. *Du Gouuernement Politique du Royaume.* 37
XII. *Comment les Docteurs prennent leur degré en ce Royaume.* 40
XIII. *Des peines dont on punit les criminels.* 43
XIV. *De diuers fruicts de la terre, qui ſont au Royaume de Tunquin.* 47
XV. *Des Animaux qui ſe treuuent plus communement au Royaume d'Annam.* 51
XVI. *Du Traffiq & des Marchandiſes des Tunquinois.* 56
XVII. *Des Monnoyes qui ont cours dans le Royaume.* 58
XVIII. *Des ſuperſtitions des Tunquinois, & de leur premiere ſecte.* 61

XIX. *De la seconde secte superstitieuse des Tunquinois.* 65
XX. *De la veneration que les Tunquinois rendent aux Idoles.* 69
XXI. *De la troisiéme secte des Tunquinois, & des enchantemens qu'ils prattiquent enuers les malades.* 72
XXII. *Des ceremonies que les Enchanteurs Tunquinois practiquent pour les morts.* 77
XXIII. *De plusieurs superstitions prattiquées aux funerailles, & à la sepulture des morts.* 80
XXIV. *Des Festins que les particuliers & le Roy mesmes dresse à la memoire des morts.* 84
XXV. *De quelques autres superstitions prattiquées enuers les trespassez.* 89
XXVI. *Auec quelle ceremonie le Roy de Tunquin celebre sa naissance.* 93
XXVII. *De quelques obseruations superstitieuses des Tunquinois.* 95
XXVIII. *Comment les Tunquinois celebrent leurs Mariages.* 99
XXIX. *Des coustumes obseruées par les Tunquinois sur la fin de l'Année, deuant que de commencer la suiuante, & de quelques autres superstitions.* 104
XXX. *Des tons & accents de la langue vulgaire du Royaume d'Annan.* 109
XXXI. *Des diuers noms des Tunquinois.* 112

TABLE DES CHAPITRES du Liure second.

CHAP. I. *Comment la premiere connoissance du sainct Euangile est entrée en ce Royaume.* 117
II. *Comme les ouuriers de l'Euangile furent appellez de la Cochinchine à Tunquin.* 121
III. *Le Voyage & heureuse arriuée de ceux qui porterent l'Euangile à Tunquin.* 125
IV. *Plusieurs reçoiuent la Foy en la Bourgade de Sainct Ioseph, & aux autres voisines.* 130
V. *La reception que le Roy nous fit, & aux Portugais, comme il alloit à la guerre contre la Cochinchine.* 133
VI. *Du grand concours des Payens pour ouyr la parole de Dieu, en nostre premiere Eglise de Tunquin.* 138
VII. *De la conuersion de plusieurs Payens aux Bourgades voisines de nostre premiere habitation.* 143

Table des Chapitres.

VIII. *D'vne attaque que nous firent les Saj, ou les Preſtres Tunquinois.* 146

IX. *Le Roy de Tunquin retourne de la guerre de la Cochinchine.* 150

X. *Le Roy de Tunquin delibere de nous mener à ſa Cour pour demeurer auec luy.* 154

XI. *Ce qui arriua en noſtre voyage allãt à la ſuitte du Roy.* 157

XII. *De noſtre heureuſe arriuée à la Cour du Roy & de la premiere publication de l'Euangile.* 161

XIII. *De la conuerſion d'vn Saj renommé, & de beaucoup d'autres, qu'il amena à la Foy.* 165

XIV. *Vn grand nombre de Payens reçoit le bapteſme.* 169

XV. *Le Roy de Tunquin nous fait baſtir prés de ſon Palais, maiſon & Egliſe, où nous faiſons nos fonctions auec grand concours.* 172

XVI. *La methode que nous gardios à enſeigner le Catechiſme.* 175

XVII. *Quelques occaſions confirment grandement les nouueaux Chreſtiens en la Foy.* 179

XVIII. *Les nouueaux Chreſtiens gueriſſent miraculeuſement les malades, auec l'eau beniſte & la ſaincte Croix.* 183

XIX. *Quelques nouueaux Chreſtiens s'offrent pour nous ſeruir toute leur vie.* 187

XX. *Le Roy de Tunquin commence de prendre quelque auerſion de nous.* 191

XXI. *Les moyens que nous priſmes pour adoucir l'eſprit du Roy, & le détromper durant les pourſuittes malicieuſes de nos ennemis.* 195

XXII. *De la deuotion auec laquelle les nouueaux Chreſtiens celebrient les feſtes de l'Année.* 200

XXIII. *L'heureux treſpas de quelques Chreſtiens.* 204

XXIV. *Le Roy par nouuel Edit nous deffend de preſcher la Loy de* IESVS-CHRIST *en tout ſon Royaume.* 209

XXV. *Le dueil des Chreſtiens, noſtre ſolitude; & nos predications dans les maiſons.* 213

XXVI. *Comment les Chreſtiens furent ſoufferts de s'aſſembler de nouueau dans noſtre Egliſe.* 217

XXVII. *Comment le Roy nous enuoya enfin en exil.* 221

XXVIII. *De l'execution de noſtre exil, & des choſes auenuës en noſtre voyage.* 225

XXIX. *Le reſte de noſtre voyage, & la cõuerſion de noſtre Capitaine.*

Table des Chapitres.

XXX. *Nous tuenos de la Prouince de Bochin à celle de Ghean.* 236

XXXI. *Comme Dieu par sa misericorde nous fit assister dans les miseres, & les necessitez de nostre exil.* 239

XXXII. *Nous sommes tirés de nostre exil à la nouuelle arriuée d'vn Nauire Portugais.* 243

XXXIII. *Nous exerçons de nouueau nos fonctions dans la Ville Royale.* 246

XXXIV. *Diuerses vexatios dont le Diable trauailla les Chrestiẽs.* 250

XXXV. *Nous sommes contraints de sortir de tout le Tunquin & de retourner à Macao.* 254

XXXVI. *Lettre des Chrestiens de Tunquin à nostre Sainct Pere le Pape Vrbain. VIII.* 259

XXXVII. *Nos Peres retournent au Royaume de Tunquin.* 262

XXXVIII. *La Constance d'vn Neophyte à souffrir la mort, pour maintenir la Foy Chrestienne, & quelques miracles.* 265

XXXIX. *Quelques notables conuersions des Payens.* 269

XL. *Comment les nostres furent traittez du Roy, iusques au retour du Nauire des Portugais.* 272

XLI. *Quelques Vierges sont persecutées, pour la deffence de leur pureté.* 276

XLII. *Les nostres essayent d'entrer de Tunquin dans le Royaume de Laos.* 281

XLIII. *Le voyage du Royaume de Laos, mal-heureux du costé de Tunquin, reussit d'autre part.* 284

XLIV. *Vne persecution surjettée par l'entremise des Chinois se conuertit à leur confusion, & à la gloire des Chrestiens de Tunquin.* 288

XLV. *Les grands progrez de la Chrestienté de Tunquin, & la perte de quelques ouuriers qui y succomberent au trauail.* 292

XLVI. *L'heureuse & pieuse mort de quelques Neophytes.* 295

XLVII. *L'Eglise de Tunquin souffre vne grande & nouuelle persecution, de laquelle elle est en peu de temps déliurée.* 303

XLVIII. *Dieu fauorise de beaucoup de graces les Chrestiens.* 308

XLIX. *Le pitoyable naufrage d'vne trouppe d'ouuriers Euangeliques.* 312

L. *Vn sujet de grandes conuersions est fourny du costé de la Chine.* 316

LI. *Ce que nous auons fraischement appris des Chrestiens de Tunquin.* 319

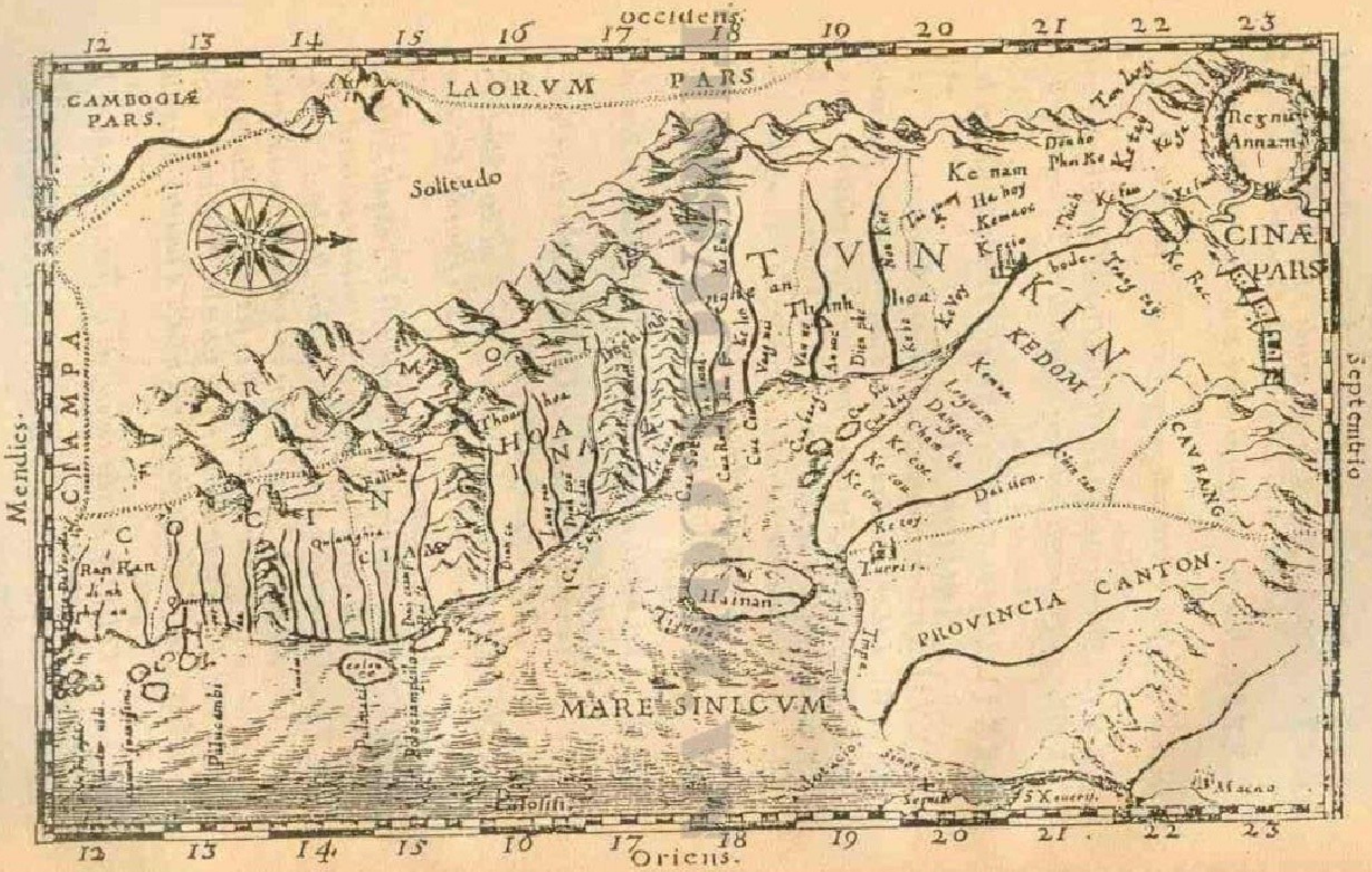

occidens
12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23
CAMBOGIÆ PARS.
LAORVM PARS
Solitudo
Regnum Annam
CINÆ PARS
Ke nam
Ha hoy
Kemaoc
Kecio
T V N
K I N
KEDOM
Thanh hoa
Ke Rac
Ke toy
Dai tien
CAVRANG
Ran Ran
Hainan
PROVINCIA CANTON.
MARE SINICVM
Macao
Mendies.
Septentrio
Oriens.

DE L'ESTAT TEMPOREL DV ROYAVME DE TVNQVIN.

LIVRE PREMIER.

Du Nom, & de la ſituation de ce Royaume.

CHAPITRE I.

QVe le Royaume de Tunquin ayt eſté autrefois l'vne des principales Prouinces du grand Empire de la Chine, nous l'apprenons du nom qu'il a retenu: Car comme Pequin (qui eſt aujourd'huy la plus floriſſante ville de la Chine, & le ſejour ordinaire des Roys) ſignifie la Cour ou la Ville Royale du Septentrion; & Nanquin

quin la Cour, ou la ville Royalle du Midy; Aussi Tunquin ne veut dire autre chose, que la Cour du Leuant; *Tun* signifiant en langue Chinoise le quartier, ou le costé du Leuant, & *quin*, le lieu où le Roy tient sa Cour. Encore qu'à vray dire, le Tunquin dont nous parlons, ne soit point au Leuant de la Chine, si l'on ne considere que les droicts confins de sa situation, mais à son Midy. Toutefois parce qu'anciennement l'Empire des Chinois s'estendoit bien loin au dela des Royaumes de Laos, & de Siam, où estoit son vray Couchant; la Cour de Tunquin pour estre Orientale à leur regard, estoit nommée la Cour du Leuant, où ressortissoient pour la commodité, toutes les Prouinces situées au Couchant de la Chine: ausquelles il eust falu faire des voyages de plus de six mois; si elles eussent esté obligées d'aller plaider les causes d'appel aux Villes de Pequin; & de Nanquin, où le Roy changeoit sa Cour comme il luy plaisoit. Mais depuis que ces Royaumes d'Occident furent eclypsez du grand Empire de la Chine, la Prouince de Tunquin demeurant sous son obeissance, fut appellée *Annan*, c'est à dire, *repos du Midy*; qui est vn nom aujourd'huy commun aux Royaumes de Tunquin, & de la Cocinchine, qui ne font qu'vne Nation, pour la Communauté qui est entr'eux, de mœurs, de coûtumes, & de langage; & qui n'ont fait autrefois qu'vn Royaume, quoy qu'ils ayent esté depuis diuisez en deux, à l'occasion que ie deduiray cy apres.

Et pour adjoûter icy quelque chose du nom qui a esté donnné au Royaume de la Cocinchine, separé aujourd'huy de celuy de Tunquin: il faut scauoir que le

nom

nom de la Ville capitale de tout le Royaume d'Annan, eſtant *Che ce*; & les Marchands Iaponois qui auoient commerce dans cette Ville, en corrompant ſon nom, l'ayant appellée *Ciciſ*; il arriua que les Portugais qui traittoient auec eux, pour diſtinguer ce *Coci*, du Cocin qui eſt en l'Inde Orientale, non loin de Goa, compoſerent le nom de Cocinchine, comme s'ils euſſent voulu dire, Cocin prés de la Chine. Et ce nom n'eſt pas ſi nouueau, que le Païs n'en ayt eſté appellé déja depuis vn Siecle paſsé: Comme nous l'apprenons des epiſtres de S. François Xauier, où il décrit vne furieuſe tempeſte qu'il ſouffrit vers la plage de ce Païs, en ſon voyage du Iapon. Meſme que le Royaume que nous appellons aujourd'huy de Tunquin, eſtoit en ce temps-là compris ſans diſtinction ſous ce nom. Dont il ne faut pas s'eſtonner ſi dans pluſieurs cartes Geographiques, voire les plus recentes, le Royaume de Tunquin ſe trouue enfermé ſous le nom, & dans l'enclos du Royaume de la Cocinchine, où (comme ils dériuent) de la Cauchinchine. Toutefois parce que déja depuis quelque nombre d'années ces deux Eſtats ſont diuiſez, nous ne parlerons icy que du Royaume de Tunquin, comme ſeparé de celuy de la Cocinchine: Encore que où le diſcours nous portera à dire quelque choſe de commun à l'vn & à l'autre, cela ſe ſera ſous le nom du Royaume d'Annan, qui leur eſt encore commun. Et voilà quant au nom.

Maintenant pour ce qui eſt de la ſituation, tout le Royaume d'Annan s'étend vers le Nord, depuis cnuiron le douziéme degré, iuſqu'au vingt-troiſiéme incluſiuement: En ſorte que tout ce qui eſt contenu

depuis le douziéme degré, iuſqu'au dixſeptiéme, appartient à la Cocinchine moderne, le reſte à Tunquin. Neantmoins auec cette difference qu'y ſont les habitans de ces Païs-là, qui comparent Tunquin à vne robbe, & la Cocinchine à la ceinture: A cauſe que le Royaume de Tunquin eſt comme déployé dans vne aſſiette égale & vnie, & de figure quarrée; Et celuy la Cocinchine tellement reſſerré dans vne enceinte de montagnes, qu'à peine trouue-t'on vingt-& vne lieuës Françoiſes à l'endroit le plus étrecy, qui prend depuis le riuage, iuſqu'aux montagnes qui ſont aujourd'huy habitées de peuples ſauuages, qu'ils nomment Remoy; noirs de teint, & differens de langage d'auec le reſte des peuples du Royaume d'Annan: quoy que dans ſa plus grande étenduë, qui eſt du Midy vers le Nord, il contienne enuiron cent quarante ſix lieuës Françoiſes. Il y en a qui ont voulu dire que la Cocinchine a eſté autrefois ſujette au Roy de Ciampa, duquel les peuples d'Annan ſecoüerent le joug, & chaſſerent de ce Pays les Ciampains qui l'habitoient; à quoy a donné quelque fondement le voiſinage de ces deux Royaumes qui ſe confinent l'vn l'autre

Bref pour conclure tout ce qui eſt de la ſituation du Royaume d'Annan: Il a pour ſes confins certains. du Nord le Royaume de la Chine, & les montagnes, qui la ſeparent, tenuës par le *Ciüa Cauh*, de qui il ſera parlé plus bas: Du Midy le Royaüme de Ciampa: Du Leuant, partie de la Mer de la Chine (que les Portugais appellent le Golfe d'Annan) qui le laue de ce coſté-là; & partie les terres du *Ciüa Cauh*: Du Ponant, il regarde en partie le Royaume de Laos, duquel il eſt

ſeparé

separé par vne vaste Solitude, seiche, & sterile de tout ce qui peut seruir à l'entretien de la vie humaine ; Ce qui oblige les Voyageurs à faire porter par des beufs où par les Elephans qui sont à leur seruice, toute l'eau & les viures qui leur sont necessaires. De l'autre partie, il est borné des Montagnes habitées par les Sauuages Remoy, dont nous auons déja parlé.

De l'Origine du Royaume de Tunquin.

CHAPITRE II.

CE Royaume commença à estre separé de celuy de la Chine depuis plus de huict cents ans ; quand les Tunquinois ne pouuant plus supporter l'outrageuse domination des Chinois, la secouërent, apres auoir massacré le Gouuerneur de la Prouince. Et pour transmettre à la posterité la memoire de cette entreprise, & éterniser par quelques marques l'acte de leur rebellion, ils ordonnerent que desormais les Tunquinois ne ramasseroient plus auec vn filé leurs cheueux longs au sommet de la teste, couuerts d'vn bonnet, à la mode Chinoise ; mais qu'en signe de liberté ils les laisseroient flotter à l'abandon en longues tresses sur les espaules. De plus, qu'ils ne porteroient plus des bottines, comme ils auoient accoustumé, pour raison des bouës qui sont tres-grandes & frequentes en leur païs : mais qu'ils iroient toûjours à la campagne, les pieds nuds, & sans chaussure, pour estre plus libres

à la courte, & aux combats contre les Chinois, quand il en ſeroit beſoin. Neantmoins il arriua aprés quelques années, que pour aſſoupir toutes les queréles qui les entretenoient en continuelle guerre, les Tunquinois traitterent par compoſition auec les Chinois, & s'obligerent d'aller de trois en trois ans à la Cour de Pequin, reconnoiſtre le Roy de la Chine auec des preſens, & luy proteſter de leurs redeuances, ce qu'ils obſeruent encore aujourd'huy. Et eux meſmes à leur tour, (apres s'eſtre rebellez contre les Chinois) ont veu dans leur Eſtat des reuoltes, & des factions inteſtines qui l'ont partagé, en ſorte qu'aujourd'huy le Royaume d'Annan qui ne faiſoit qu'vne Nation bien vnie, ſe trouue diuiſé ſous la domination de diuers Princes, qui le gouuernent chacun, ſa part.

La premiere, & principale reuolte ſe forma dans la Cour meſme du Roy, & dans ſa ville capitale de *Che ce*, il y a enuiron deux cents ans. Car le Roy s'eſtant allé diuertir pour quelques iours à la campagne, celuy à qui il auoit confié la garde de la Porte, & du Palais Royal, s'en ſaiſit, & par le moyen des intelligences qu'il auoit ſourdement pratiquées dedans, & dehors la Cour, donna la chaſſe au Roy, qu'il ſurprit dépourueu de forces pour luy reſiſter; & à qui il ne laiſſa que trois Prouinces, de ſept qui eſtoient alors dans le Royaume; ayant ſoûmis au ioug de ſa tyrannie les quatre principales, auec la ville Royale, qu'il poſſeda depuis ſans contredit, & apres luy les ſiens, qui ont ioüy durant prés de cent ans du fruict de ſa perfidie. Tellement que le Roy ſe voyant exclus de la plus belle & plus conſiderable portion de ſon Royaume, ſans moyen

de tirer raiſon de l'outrage de ſon ſeruiteur rebelle ; & ſans eſperance de retirer de ſon pouuoir les Prouinces qu'il luy auoit volées, il fit deſſein d'eſtendre les confins des terres qui luy eſtoient demeurées, vers le Midy ſur le Royaume de Ciampa ; ce qui luy ſucceda ſi heureuſement, qu'il occupa par la force des armes toutes les Prouinces eſtrangeres, voiſines des ſiennes, qui ont depuis gardé le nom de la Cocinchine. Apres cela ayant ſuffiſamment ſatisfait à ſon ambition, tout ioyeux, & glorieux de voir ſon Eſtat aggrandy au delà de ſes anciennes bornes, ſans ſe ſoucier de pouſſer plus auant ſes victoires, & de ſeconder de ſa perſeuerance le bon-heur qui luy preparoit l'entiere conqueſte du Royaume de Ciampa, il reſolut de s'aller repoſer des trauaux de la guerre, & jouïr du repos dans la Prouince de *Thin hoa* ; laiſſant la conduite de ſon armée à ſon Lieutenant General, ſur lequel il ſe voulut repoſer de tous les ſoins de la guerre.

Mais celuy-cy voyant toutes les forces de l'armée à ſon pouuoir, pouſſé autant de ſon ambition particuliere, que du zele de la Iuſtice, quittant la nouuelle conqueſte de Ciampa, dans laquelle il laiſſa de bonnes garniſons, tourna ſes armes contre le Rebelle qui auoit traiſtrement enuahy la plus noble partie du Royaume de Tunquin, cõtre lequel il donna diuerſes batailles, où la Victoire partageant ſes faueurs fut tantoſt d'vn coſté, & tantoſt d'vn autre. Cependant, quoy que ſon deſſein ſecret fuſt de regagner ces Prouinces perduës, non tant pour le Roy, lequel il voyoit deſormais peu capable des ſoins du gouuernement, & des fatigues du corps, & de l'eſprit qu'il auoit noyez

dans

dans les delices, que pour soy, & pour ses Enfans: comme il se monstroit ouuertement porté au bien public, aussi estoit-il singulierement estimé, & chery, tant du peuple qui fauorisa toûjours sa vertu, que du Roy qui commença à luy confier la conduite, & le gouuernement non seulement de l'armée, mais encore de toutes les affaires du Royaume.

D'où il arriua que la charge du General des armes fut si considerée en la personne, que toutes les affaires de l'Estat, tant de la guerre, que de la police demeurerent en sa pleine disposition, auec pouuoir de transmettre la charge à son fils, du consentement mesme du Roy; ce que la force de la coustume, & des armes ont depuis tellement authorisé, que ne demeurant presque rien que le nom au Souuerain du Royaume qu'ils appellent *Bua*, toute la puissance se treuue jointe à l'espée du General des armes du païs.

Il y a desia cent ans que celuy qui auoit recueilly cette charge, & estoit Bisayeul du Roy de la Cocinchine regnant, ayant liuré vne bataille au Rebelle dont nous auons parlé cy-dessus, dans la plaine deserte déja mentionnée qui est entre Tunquin, & Laos, & se voyant pressé de l'ennemy, & en extreme peril de sa vie, promit hautement de donner sa fille en mariage à qui l'en deliureroit: ce qu'ayant entendu vn vaillant, & courageux soldat qui estoit monté sur vn Elephant, le poussa auec tant d'ardeur contre les ennemys, ou la foule estoit la plus espaisse & auancée; auec grand auantage sur l'escadron affoibly qui couuroit le General, qu'il les fit reculer, retira son General de la presse, & du peril, le ramena sur son Elephant

en

en lieu d'aſſeurance, & luy donna moyen de r'allier ſes trouppes, & de renouueller plus heureuſement le combat. Dequoy le General ſe ſentit ſi obligé à ce braue ſoldat, que ne ſe contenant pas de luy donner ſa fille comme il l'auoit promiſe, luy donna encore la conduite d'vne partie de l'armée. Ce qui luy ſeruit de degré pour monter au plus haut de l'honneur que ſa bonne fortune luy auoit preparé. Car eſtant arriué peu apres au General de mourir, ſans que ſon fils qui eſtoit encore en bas âge peuſt ſucceder au gouuernement de l'armée que ſon Pere luy laiſſoit par ſa mort, par le pouuoir qu'il en auoit du Roy : ſon Gendre déja ſignalé pour ſes belles actions, & recommandable pour les Eſpouſailles de ſa fille vnique, prit à ſa place tout le gouuernement, & l'intendance des armes. Toutefois à peine euſt-il pris poſſeſſion (du conſentement meſme du Roy) de ces nouueaux honneurs, qu'il s'en rendit jaloux, & commença d'entrer en ombrage de ſon petit Beau-frere, lequel eſtant doüé d'vn excellent naturel, & ſe monſtrant fort ſenſible, à meſure qu'il croiſſoit en âge, aux pointes de l'honneſte ambition, le fit entrer en apprehenſion qu'il ne recherchaſt auec le temps d'auoir la charge à laquelle ſa naiſſance luy donnoit droict, & de laquelle la ſeule conſideration de ſon âge l'auoit reculé. Dont il prit vne cruelle reſolution de luy oſter la vie, deuant qu'il euſt le moyen de luy oſter la charge. Mais ce deſſein eſtant venu (ie ne ſçay comment) à la connoiſſance de ſa femme, qui n'auoit pas deſpoüillé l'amour de ſœur enuers ſon Frere, elle s'aduiſa de le deliurer de ce peril, & ſon Mary du crime qu'il meditoit, par vn ſage conſeil qu'elle luy donna,

qui fut de releguer ce ieune homme à la Cocinchine, auec le tiltre de Gouuerneur du Païs, ſous pretexte de la guerre prochaine, dont il ſe faiſoit bruit, pour conſeruer les terres de la nouuelle conqueſte. Ce qu'ayant eſté executé, le jeune homme qui auoit le ſens, & l'eſprit fort bon, s'eſtant aſſés apperceu des artifices de ſon beau-frere, du deſſein qu'il auoit de le perdre, ſe porta dans ſon Gouuernement auec tant de ſageſſe, & de conduite, qu'apres s'eſtre acquis la bien-vueillance de tous ceux du Païs, & par vne preuention pleine d'addreſſe; fait mourir ceux qu'il découurit auoir entrepris ſur ſa vie; il fit du lieu de ſon exil, ſa patrie, & d'vne terre eſtrangere, ſon heritage, & ſa poſſeſſion; s'eſtant en peu de temps rendu Maiſtre abſolu des places de ſon Gouuernement, & de toute la Cocinchine, de laquelle il prit le tiltre de Roy, ſous le Nom de *Cina ou*, qui veut dire Roy Seigneur; ſe ſoûmettant neantmoins pour achepter la paix, de la tenir à foy & hommage, & d'en payer tribut au Roy de Tunquin. Ainſi le conſeil de cette ſage Dame fut tellement profitable à ſon Frere, qu'il ne nuiſit point à ſon Mary, lequel tournant dés lors ſa penſée, & ſes armes contre les deſcendans du Rebelle, qui auoit vſurpé la plus belle portion du Royaume, & les ayant chaſſez par la force des armes, & acheué vne guerre commencée depuis tant d'années, auec beaucoup de gloire, s'acquit & à ſon Fils (qu'il laiſſa heritier de ſa Charge) le Nom de *Cina bang*, c'eſt à dire *Roy Iuſte*, auec de tres-ample pouuoirs, n'ayant laiſsé au Souuerain du Païs, qu'ils nomment *Bua*, que quelques prerogatiues d'honneur, dont nous parlerons au Chapitre ſuiuant.

Cependant

Cependant le Rebelle vaincu par les armes de *Cius bang*, s'eſtant retiré auec toute ſa famille ſur les Montagnes voiſines de la Chine, & y ayant occupé les lieux les plus auantageux d'aſſiette, y retint ambitieuſement le Nom Royal de *Cina Caub*, qu'il auoit auparauant porté ; & y reprenant (par le loiſir qu'on luy laiſſa) quelques forces, n'a ceſſé depuis de traüailler les Tunquinois par des courſes frequentes, & par les voleries qu'il a faites ſur le plat Païs : Et quoy qu'il ayt eſté ſouuentefois repouſſé, & battu par les Tunquinois, ſi n'a-t'il iamais eſté encore mis en eſtat de ne les plus inquieter.

Quels ſont les honneurs que rendent les Tunquinois à leur ſouuerain Seigneur, qu'ils appellent Bua.

CHAPITRE III.

ENTRE les autres couſtumes qui ſont religieuſement obſeruées au Royaume de Tunquin, l'vne des principales eſt celle qui ſe prattique à l'entrée, & au renouueau de chaque année, pour faire la premiere ouuerture de la Terre, & commencer ſolennellement l'exercice du labourage. Car ſur le commencement de l'année, qui ſe prend parmy ces Peuples, comme parmy les Chinois, entre le Solſtice d'Hyuer, & l'equinoxe du Printemps, à la nouuelle Lune la plus proche du cinquiéme jour de Feurier, ſelon noſtre ſupputation, au iour marqué par les Mathematiciens, ou par les Magiciens (car en ces Païs on défere

beaucoup à la superstition) qui est ordinairement le troisiéme iour apres le premier de leur An; Tous ceux qui ont quelque Charge, Office, ou dignité dans la profession des armes, ou des lettres, se doiuent rendre au Palais Royal auec les marques, & les liurées de leur Charge, pour accompagner le *Bua*, ou le Roy Souuerain, qui est porté de la en Pompe par toute la ville, iusques dans la Campagne, en la façon, & auec le train que ie vay décrire.

Les soldats ramassez de tout le Royaume marchent deuant; en bel Ordre, & en nombre prodigieux, car ils montent à plusieurs milliers, tous armez à leur mode, les vns d'arc, & de flesches; les autres de jauelines, ou de lance; & de fusils. Apres eux suiuent les Capitaines des Regimens, & toute la Noblesse montée à l'auantage, partie sur des cheuaux de parade, & partie des Elephans, au nombre de plus de trois cents, couuerts de precieux tapis & bien dressez au frein, & à l'obeyssance. Le General de la milice qui gouuerne le Royaume en qualité de Roy subalterne, appellé *Cïua thanh da VVang* fait la closture du train de la Noblesse, trainé sur vn Chariot bas, mais doré; suiuy d'vn Elephant couuert d'vne riche vesture, qu'on luy mene en main, sur lequel il monte quand bon luy semble, & le manie de differens airs pour le plaisir du peuple, qui le regarde auec respect, & admiration. Suit à pied vne troupe inestimable de Docteurs, de Licenciez, & de Bacheliers, vestus de robbes longues de soye, & d'autres étoffes precieuses de violet obscur, chacun auec la marque de son Office; ou de son degré. Et au bout paroist le Bua, ou le Roy Souuerain, porté sur les espaules de

plusieurs

plusieurs hommes, sur vn trône éclattant, paré d'vne precieuse couuerture charnarrée de [illegible] verte, qui est la couleur dont l'vsage est reserué à luy seul. Auec ce train, & cét équipage le Bua sort de son Palais appellé *Don*, comparable en estenduë de circuit à vne grande Ville, & passant par les principales ruës de sa Ville Royale appellé *Che ce*, se va rendre à vne grande plaine distante prés d'vne lieuë de la Ville, où il est attendu de tout le train qui la precedé, & d'vne multitude inombrable de Peuple; & où estant descendu de son trône, apres auoir rendu ses Vœux, & fait ses libations solennelles au Ciel, il prend le manche d'vne Charruë embellie de couleurs, & d'ouurages exquis, auec laquelle il laboure vn peu de temps, & ouure vn sillon dans le Champ, pour apprendre au Peuple qu'il faut trauailler, quitter le repos, & exercer la terre. Ce qu'ayant fait le *Cüa*, qui gouuerne tout l'Estat auec vne pleine puissance, & vne authorité éminente par dessus le reste des sujets, s'approche le premier, pour faire la reuerence au Roy, le corps abbaissé jusqu'à terre: Et apres luy de mesme les Princes, les Capitaines, & toute la Noblesse; & finalement l'armée, & tout le Peuple prosterné qui benit le Roy auec de hautes acclamations: Et c'est le plus grand honneur, & la plus solemnelle reconnoissance qui est renduë au Bua vne fois, & au commencent de chaque année.

De plus, deux fois chaque mois, à la nouuelle, & à la pleine Lune, les principaux d'entre les Docteurs, & de ceux qui font profession des lettres, viennent faire la reuerence au Bua dans son Palais, & luy rendre leurs respects, non seulement comme à leur Souuerain;

mais encore comme à celuy duquel ils prennent leurs degrez, apres les Examens dont nous parlerons plus bas. Voire c'eſt du Bua que tous les Princes, & les Grands du Royaume reçoiuent les tiltres qui les releuent ſur le commun de la Nobleſſe ; quoy que ce ſoit touſiours du gré, & de l'aduis du Ciüa, qui a toute l'Intendance de l'Eſtat. On compte auſſi les années, & on datte les Patentes, les Edicts, & toutes les Eſcritures tant publiques, que priuées depuis le jour auquel le Bua fut crée, & receut l'inueſtiture Royale des droicts de la Couronne, & du nouueau Nom qu'il prit à tel jour (ſelon la coûtume) duquel apres il eſt communement appellé. Que ſi dans le cours de l'année il arriue quelque deſolation publique dans le Royaume, comme de ſterilité, de famine, de peſte, ou autre ſemblable ; au renouueau de l'année qui ſuit, le Nom eſt changé au Bua, afin que le malheur auenu ceſſe auec le vieux Nom qu'il portoit: & on commence dés le iour qu'il a changé de Nom, à compter les années de ſon Regne, comme ſi vn nouueau Bua auoit eſté crée. Et pour ce qui eſt de la creation du Bua, encore qu'il doiue toûjours eſtre pris dans vne certaine famille de la plus ancienne Nobleſſe bien connuë dans le Païs, neantmoins l'election en depend aujourd'huy abſolument du iugement du Ciüa, que nous appellerons deſormais en cette Hiſtoire, le Roy du Païs; qui a meſme le pouuoir (tant il a empietté d'authorité) de le changer s'il eſt expedient pour le bien du public, & d'en prendre vn autre dans la meſme famille. Or la famille Royale dans laquelle le Bua eſt aujourd'huy choiſi, qui eſt la quatriéme depuis enuiron huict cents

ans

ans que le Royame de Tunchin a eu commencement, eſt nommée la Maiſon de *Lé*, celebre, & reconnuë des Chinois, vers leſquels le Bua de trois en trois ans enuoye ſes Ambaſſadeurs, qui ſont nommez au choix du Ciüa. Et ce que nous auons dit du Bua des Tunchinois a beaucoup de rapport auec ce que l'on raconte du Dairy des Iaponois.

Du Ciüa, ou du Roy ſubalterne qui gouuerne le Royaume de Tunquin, & de ſa Puiſſance.

CHAPITRE IV.

PRES que *Ciüa bang*, duquel nous auons parlé cy-deſſus, par ſa genereuſe conduite, & par la force des armes, auec vne longue patience, & d'extremes fatigues de guerre qu'il prit durant quarante ans, euſt enfin chaſſé du Royaume les deſcendans du Rebelle, qui en auoit enuahy les quatre plus belles Prouinces, & abbatu la Tyrannie qui s'y eſtoit eſleue vn trône Souuerain; il s'acquit vne ſi haute reputation, & obligea ſi fort toute la Nation Tunchinoiſe, qu'elle luy donna d'vn commun conſentement le Nom de *VVan*, qui en langage Chinois ſignifie le meſme que *Bua* en Tunchinois; & luy defera t'on, tant auec l'acquieſcement meſme du Bua qui regnoit alors, qu'il luy fut permis auec le Nom de Roy, d'en exercer encore la charge, & les pouuoirs. Dequoy il s'aquitta auec grande ſatisfaction de tout le Monde, iuſqu'à

jusqu'à ce qu'estant arriué à vne extreme vieillesse, & trauaillé d'vne maladie de laquelle il mourut, son Fils aisné impatient d'attendre le decez de son Pere, s'estant ingeré bien auant dans le gouuernement auec demonstration de quelques violences, où l'auoit emporté l'insolence de son Esprit ; son Pere qui en fut aduerty conceut vn si sensible déplaisir, de ce qu'il ne le laissoit pas mourir en paix, qu'à son commandement, dont il pressa l'execution, on luy osta la vie, apres luy auoir couppé le nerf des cuisses. Ainsi ce ieune Ambitieux estant tombé, pour s'estre trop precipité, son Cadet, aprés sa mort, & celle du Pere (de qui il auoit esté toûsiours fort aymé pour la douceur, & bonté de ses mœurs) recueillit la succession du Gouuernement, non seulement auec le Nom de *Ciüa thanh do*, comme Lieutenant du Prince Souuerain, mais auec celuy-là mesme de *VVan*, & de Roy, que son Pere auoit porté deuant luy, auec beaucoup de merite, & sans enuie de personne ; chacun se promettant beaucoup des loüables qualitez d'esprit, & de vertu qui paroissoient en ce jeune Prince.

La premiere action de conduite, & de courage qu'il entreprit à l'entrée de son Gouuernement fut d'establir vne Paix ferme, & durable dans les Prouinces du Royaume, & d'oster à tous les Esprits remuans le moyen d'y susciter iamais aucune reuolte. Ce qu'il executa heureusement, ayant fait vne leuée de cinquante mille hommes, dans les trois Prouinces qui auoient esté toûjours fidelles, & obeïssantes au Roy, qui deuoient estre entretenus dans la Cour, & la Ville Royale de *Che ce*, aux despens des quatre Prouinces

reunies,

reünies, & qui auoient eſté auparauant rebelles, pour aſſiſter le Roy en ſes deſſeins, garder ſa Perſonne, & veiller au repos du Royaume. Car cette Ville eſtant au milieu, & comme au cœur de tout l'Eſtat, il ne pouuoit ſe ſoûleuer de mouuement dans aucune Prouince, qui ne fuſt auſſi-toſt eſtouffé par la force, & le grand nombre de Soldats qui y accouroient, enuoyez du Prince. De plus, comme il n'ignoroit pas, que tout le Royaume eſt tranché de grandes & profondes riuieres, deſquelles ceux qui par le paſſé ont voulu remuer, ſe ſont ſeruis toûjours pour jetter le deſordre dans les Prouinces; s'eſtant à la fois trouué des flottes de deux cents Galiottes armées, auec leſquelles les Rebelles ont couru, & rauagé le Royaume; Il reſolut de dreſſer dans les principaux Ports du Royaume, des nombreuſes flottes de Galeres, & de Vaiſſeaux de courſe, & de guerre, fournies de Soldats, & de gens de Marine, pour rendre le Prince plus fort, & formidable à tous les rebelles.

Et pour dire icy quelque choſe de leurs Vaiſſeaux, & de leurs Galeres; Elles ſont longues, & de bas bord, comme les noſtres; voire quelques-vnes plus longues, eſtant ordinairement à vingt-cinq; ou à trente, & quelquesfois à trente-cinq, & à quarante rames de chaque bande. Leurs rames toutefois ſont beaucoup plus legeres, & déchargées de bois; en ſorte qu'vn ou deux hommes peuuent ſuffire à vne rame: Ce qu'ils ne font pas en tirant à eux l'auiron, comme font nos Galiots: mais le pouſſant deuant eux de toute leur force, & ſe tenant debout. Et ce meſtier encore n'eſt point ſi auily, & ignominieux, comme il eſt parmy nous; la

Chiorme dans les Vaiſſeaux de combat n'eſtant ordinairement compoſée que de Soldats ; & n'étant perſonne dans l'armée, lequel (ſur tout ſi le Roy ſe trouue preſent dans la Galere) ne tienne à honneur de pouſſer à la rame. Et leurs Galeres encore ne manquent point de tout l'armement, & de l'artillerie qui eſt neceſſaire pour la guerre ; n'y en ayant aucune qui n'ayt pour le moins vn Courſier, ou vne piece moyenne à la Prouë, & deux à la Pouppe. Pour les Soldats, ils s'y ſeruent habilement de toutes armes ; voire de fuſils, & de harquebuſes qu'ils tirent d'vne admirable adreſſe. Sur quoy on raconte qu'vn Fuſelier Portugais, fort adroit en ce meſtier, ayant eſté prouoqué par vn Soldat Tunquinois, de s'eſſayer auec luy au blanc ; & le Tunquinois qui tira le premier ayant percé de ſa bale le centre du rondeau ; le Portugais ſe defiant auec raiſon de le gaigner, s'aduiſa (pour ſauuer ſon honneur) de tirer ſans bale ; & comme l'on cherchoit l'endroit où il auoit touché dans le rondeau, qui ne paroiſſoit nulle part entamé ; C'eſt, dit-il, juſtement dans le poinct, & au meſme trou par où a paſſé la balle de l'autre.

***

De

De la force des Galeres de Tunquin, & de la Cocinchine.

CHAPITRE V.

LEs Galeres de Tunquin ſont de meſme façon que celles de la Cocinchine, auec cette difference neantmoins, que celles de Tunquin ſont en plus grand nombre, plus capables, & mieux embellies, pour la commodité de l'or, que les Tunquinois tirent de la Chine. Toutefois les vnes, & les autres ſont leſtes, & fort propres pour la guerre; Ce que nous pouuons apprendre de l'hiſtoire que ie vais raconter.

Le Roy de Tunquin ayant liuré la guerre au Roy de la Cocinchine, pour le ſujet que ie diray cy aprés, & ayant par trois fois attaqué la frontiere auec peu de ſuccez; il ſe reſolut de mandier quelque ſecours des Marchands Hollandois, qui auoient occupé vn Port vers la Iaua majeure, appellé Iaquetra, ou la nouuelle Hollande. Il deputa donc deuers eux auec des preſens, pour leur demander quelques-vns de leurs Vaiſſeaux ronds, à l'ayde deſquels il ſe promettoit de ruiner la flotte des Cocinchinois. Ce que les Hollandois luy accorderent volontiers, ſçachans que c'eſtoit contre le Roy de la Cocinchine, qui s'eſtoit declaré depuis quelques années ennemy de leur nation.

Ils enuoyerent donc au Roy de Tunquin trois Vaiſſeaux ronds, bien équipez, & montez de pluſieurs

pieces d'artillerie : Lesquels s'estans approchez sans dessein, en costoyant vn peu de vent qu'ils auoyent, d'vn Port de la Cochinchine, où le Roy se trouuoit de hazard auec quelques-vnes de ses Galeres : & le Roy ayant reconnu que c'estoit le secours que les Hollandois enuoyoient au Roy de Tunquin pour luy faire la guerre ; piqué de leur audace (comme s'ils le venoient brauer sur sa frontiere) entra d'abord en deliberation, s'il les deuoit faire poursuiure par ses Galeres: Dequoy ayant demandé aduis à vn Hollandois, qui depuis quelques années s'estoit échappé d'vn naufrage, & seruoit le Roy à la guerre; & ce Soldat luy ayant répondu auec vn orgueilleux dédain, que ces Vaisseaux ne craignoient que la puissance, & la colere armée du Ciel; le Roy irrité de ce mépris insolent, sans luy faire autre repartie, commanda sur le champ aux Capitaines de ses Galeres, de les détacher du Port & de les mener en diligence à l'attaque des Nauires Hollandois, qui estoient à leur veuë. Ce qu'ils firent si à propos à la faueur du calme de la Mer, qui n'estoit alors que legerement ébranlée du vent, qu'il n'y eust que le plus petit des Vaisseaux Hollandois qui ménageant bien le peu de vent qui soufflоit, hasta sa fuite, & se sauua: l'autre fuyant les Galeres qui le poursuiuoient vertement, apres auoir perdu sa route, se laissa pousser contre vn écueil, où il s'ouurit, & fut englouty des ondes: Et le troisiéme qui estoit le plus grand des trois, & qui pour estre plus pesant, & lourd, donnoit plus de peine au vent qui le pousſoit, ayant esté attaint, & inuesty de quatre Galeres, apres quelque deffense qu'il rendit, & la decharge inutile qu'il fit de son artille-

rie

rie contre les Galeres de bas-bord qui eſtoient deja attachées à ſes flancs, & qui luy auoient briſé le gouuernail, & le grand maſt, ſe treuua reduit à telle extremité, que le Capitaine, & les Soldats Hollandois ayant perdu toute eſperance de ſe ſauuer en pleine Mer, mirent le feu aux poudres, qui brûla auec le Vaiſſeau, la Chiorme, & tous les Soldats qui eſtoient dedans, au nombre de deux cents; à la reſerue de ſept, qui pour ſe garantir de la cruauté des flammes, ſe ietterent dans la Mer à la mercy des vagues, & furent recueillis dans les Galeres Cochinchinoiles pour eſtre preſentez au Roy, qui attendoit ſur le quay le retour de ſes Galeres victorieuſes & lequel ayant veu à ſes pieds les ſept Hollandois échappez du feu, & du naufrage de guerre, ſe tourna vers cét inſolent qui luy auoit vanté les Nauires de ſa Nation inuincibles, & luy dit en ſe mocquant; Hola, Compagnon, demande à ces Soldats de ta Nation d'où ils viennent? Et luy, tout confus, ayant répondu d'vne voix baſſe, & craintiue, qu'ils s'eſtoient ſauuez du malheur, où la valeur des Galeres Royales auoit ietté les Vaiſſeaux Hollandois: Donc, repartit le Roy, il ne falloit pas attendre la puiſſance armée du Ciel pour les vaincre, puis que celle de mes Galeres a eſté ſuffiſante à cét effet. Puis s'addreſſant aux Soldats de ſa Compagnie; Hola, Soldats, leur dit-il, allez coupper tout maintenant cette teſte orgueilleuſe, & defaites le monde de toute cette vermine de gens qui eſt indigne d'y viure. Ce qu'ils allerent executer ſur le champ. Et le Roy ayant de plus commandé que l'on couppaſt les extremitez du Nez, non ſeulement à ces huict Soldats qu'il auoit fait decapiter, mais enco-

re à tous les autres, dont on pourroit retrouuer les corps restez de l'embrasement, ou du naufrage : Il les enuoya dans vn Panier au Roy de Tunquin, auec vn message aigre, & picquant ; par lequel il luy disoit, de receuoir cette partie de l'armée qu'il auoit preparée pour le battre, & de se pouruoir vne autrefois d'vn meilleur secours. Ce qui toucha si fort au vif le Roy de Tunquin, qu'il ne voulut point receuoir dans les ports le premier Vaisseau Hollandois qui auoit pris la fuite, & s'y estoit conduit à la faueur du vent ; refusant mesme de luy faire donner les prouisions necessaires pour viure, qu'il fut contraint d'aller chercher iusqu'à la Chine, à six cents milles loin de là. Et de cette histoire il appert de quelle force sont pour le combat de mer les Galeres Tunquinoises, & Cocinchinoises, qui sont semblables, comme i'ay dit, & de mesme façon.

Du nombre, & de la façon des Galeres de Tunquin.

CHAPITRE VI.

ENCORE qu'il soit difficile de sçauoir precisement le nombre des Galeres de Port, & de combat, qui sont entretenuës par le Roy de Tunquin : neantmoins il est certain qu'elles surpassent de beaucoup en nombre celles de la Cocinchine. On sçait-on à peu prés combien il y en a dans les trois ports de la Cocinchine ; Dont l'vn est à l'emboucheure du grand fleuue, où l'on a compté souuent iusqu'à soixante

xante huict Galeres. L'autre qui eſt beaucoup plus capable, & eſt au milieu du Royaume, nommé par eux *Che ciam*, ſe trouue encore fourny d'vn plus grand nombre de Galeres, qui ſeruent à la garde du Royaume, & au traffiq que les Cocinchinois ont auec les Chinois qui frequentent ce Port. Et le troiſiéme eſt ſur les confins du Royaume de Ciampa pour y garder les terres de conqueſte, que les Tunquinois ont autrefois gaignées par leurs armes ſur les Ciampains ; qui ont fait à diuerſes fois de grands efforts ſur les frontieres qui les ſeparent aujourdhuy des Cocinchinois, pour regagner les terres que la violence des armes étrangeres leur a rauies, mais toûjours ; inutilement, ayant eſté repouſſez auec perte, & dommage à l'ayde du grand nombre de Galeres que les Cocinchinois y entretiennent à ce deſſein. Tellement que le tout bien compté le nombre des Galeres du Roy de la Cocinchine monte pour le moins à deux cents: & eſtant vray, comme chacun l'auouë, que le Roy de Tunquin en entretient trois ou quatre fois plus, perſonne auſſi ne doute que le nombre des Galeres Tunquinoiſes n'aille iuſqu'à cinq ou ſix cents, auſquelles les Cocinchinoiſes cedent encore, & pour la grandeur, & pour l'armaiſon, & pour les ornemens.

Et pour adjouſter icy quelque choſe de ce qui appartient à la ſtructure, & à l'ornement de ces Galeres. La prouë (au rebours des noſtres) y eſt le lieu le plus conſiderable ; d'où ſe releue vne Chambre ou vne loge ornée, & enjoliuée au dedans de riches peintures, ſans que l'or y ſoit épargné. Le bois de la Poupe eſt ſemblablement peint, doré marqueté, & enrichy

richy de beaux ouurages, par tout ce qui ſe peut voir au dehors: & il n'eſt pas iuſques aux rames, & aux Antennes qui n'ayent de particuliers embelliſſemens. Quand elles font voyages de compagnie, ſur le bruit du ſignal qui ſe donne auec vn inſtrument composé de baſtons qui s'entrechoquans font vn certain accord, de ſons graues, & aigus; Ceux qui voguent au partir, le font auec tant de dexterité, & de promptitude, qu'encore que les Galeres aillent ordinairement trois, cinq, ou ſept de front, l'vne cependant n'auance iamais d'vn pied deuant l'autre; & s'il faut s'arreſter, contourner, biaiſer, reculer, elles le font auec tant de meſure, & de correſpondance, comme ſi elles eſtoient toutes d'vne piece, & pouſsées d'vn meſme mouuement.

Quand le Roy fait voyage ſur mer, il y en a vingt-trois deſtinées pour accompagner la Royale qui marche au milieu de toutes, dont la Chambre de Prouë eſt au dedans reueſtuë de lames d'or; la Pouppe embellie, & enrichie d'ouurages tres-exquis; les voiles ondées & façonnées de diuers agréements; tous les cordages & le tendal de ſoye. Elles vont comme les noſtres, à voiles deployées quand elles ont bon vent; & quelquefois à voiles & à rames, quand on veut auancer chemin. Et il arriue ſouuent qu'elles s'exercent à la courſe, & diſputent de la viſteſſe, en la preſence du Roy, allans à rame ou à la voile à la faueur du vent, ou meſme contre vẽt, ou coſtoyant le vent; de laquelle diſpute les vainqueurs remportent toûjours (outre l'honneur) des beaux prix de la liberalité du Roy Que s'il arriue en ce combat d'honneur, que quelqu'vn des vogueurs en

pouſſant

pouſſant la rame l'ayt rompuë, pourueu que ç'ayt eſté en s'accordant auec les autres, & à la meſure cadencée des baſtons, il a toûjours la preference ſur eux en la diſtribution des prix. Et c'eſt merueille (pour dire encore cecy auant que de ſortir de ce diſcours) auec qu'elle promptitude toutes les Galeres du Port, quand le ſigne d'en partir eſt donné auec vne clochette, ſe mettent en deuoir de prendre leur rang, de ſe mettre à flot, & de faire chemin. Car encore que ſur le Port, chacune y ait ſa loge ſeparée, & comme ſon eſtuy couuert, pour la guarantir des injures du temps: ſi eſt-ce que depuis le ſignal donné iuſqu'au partir, qui ne fait pas le temps d'vn petit quart d'heure, il n'y en a pas vne qui ſe treuue hors de ſon rang, & qui ne ſoit au ſecond ſigne déja auancée dans l'eau, & en eſtat de voguer.

Du grand nombre des ſujets, & des Soldats du Roy de Tunquin.

CHAPITRE VII.

CE qui rend le Roy de Tunquin puiſſant, & redoutable à tous les Roys ſes voiſins, c'eſt la grande & ineſtimable multitude de ſujets qui viuent dans les ſept Prouinces qui ſont ſoûmiſes à ſa Couronne: dequoy il eſt aiſé de prendre quelque conjecture, conſideré ſeulement le grand nombre de perſonnes qui reſident ordinairement en la Ville de *Cheſce*, où il tient ſa Cour. Car encore que cette Ville

ayt plus de ſix mille pas de longueur, & autant de largeur, & que ſes ruës ſoient ſi larges, & ſi capables que dix, & douze cheuaux y peuuent commodement aller de front: Neantmoins deux fois le mois, c'eſt à ſçauoir à la nouuelle, & à la pleine-Lune, auquel temps ils chomment leurs feſtes, on y void vne ſi grande foule de Peuple, allant & venant, épanduë par toutes les ruës, que l'on s'y entre-heurte par tout à la rencontre; De ſorte qu'vn chacun s'y trouuant preſſé, & arreſté de toutes parts, eſt contraint de faire fort peu, de chemin en beaucoup de temps. Sur quoy, joint quelques autres conjectures, eſt fondée l'opinion commune, que le nombre des habitans de cette populeuſe Ville, monte à vn Million de perſonnes. Et il y a encore vn grand argument (pour laiſſer les autres) d'où l'on peut comprendre la grande multitude du monde qui reſide en ce lieu. Car comme les Tunquinois ont l'vſage fort frequent d'vn certain boucon, bon à la ſanté, & agreable au gouſt, qu'ils appellent *Blau cau*, fait d'vne fueille, & d'vn fruict dont nous parlerons plus bas: & que c'eſt la couſtume parmy eux d'en porter toûjours vn ſachet, ou vne bourſe pleine, attachée à la ceinture, qu'ils tiennent ouuerte allant par les ruës à la rencontre de leurs amys, leſquels apres s'eſtre ciuilement entre-ſaluez, prennent chacun d'eux vne bouchée de ce fruict preparé, dans la bourſe ouuerte de ſon amy. Delà vient que tous ceux qui ont quelques commoditez dans la Ville, font preparer à leurs ſeruans dedans leurs maiſons, ces petits preſens, qu'ils s'entredonnent en témoignage d'amitié. Mais pour en fournir au reſte du Peuple qui s'en ſert communément, & qui n'a pas des perſonnes à ſon

ſeruice

ſeruice qui le luy prepare commodément au logis. On compte iuſqu'à cinquante mille reuandeurs qui entiennent à vendre à bas prix, en diuers endroits de la Ville d'où il eſt à conclurre que le nombre du peuple qui en achepte, eſt ineſtimablement grand.

Et de cette grande multitude de peuple, & de ſujets, le Roy tire deux grands auantages. Le premier eſt, qu'il en compoſe au beſoin de formidables armées au nombre des Soldats qu'il veut. Car outre ceux qui ſont en garniſon ordinaire dans ſa Ville Royale, & ſont toûjours preſts pour aller la p.rt où ils ſeront commandez, il luy eſt aiſé de mettre à toute occaſion plus de cent mille hommes en armes, qu'il fera leuer de toutes les villes de ſon obeïſſance. Comme il fit, il n'y a pas longues années ayant entrepris de faire la guerre au Roy de la Cocinchine ſon voiſin, a deſſein de recouurer les terres qui ont eſté vſurpées ſur ſon deuancier, & qui ont fait autrefois vne piece, & vne partie de l'Eſtat de Tunquin: Car il prepara vn ſi ſuperbe, & ſi puiſſant équipage d'armes par mer, & par terre, qu'il comptoit ſix vingt mille hommes effectifs dans ſes trouppes; qui ſes terres luy furent à charge, & l'empeſcherent de recueillir le fruict de la Victoire, & de la défaitte de ſon ennemy, qui luy euſt eſté auſſi aſſeurée qu'il ſe l'eſtoit promiſe, s'il euſt mené moins de ſoldats à ſon entrepriſe. Car n'ayant fait preparer, de munitions de bouche, & d'autres prouiſions neceſſaires pour l'entretenement de l'armée, que pour trois, ou quatre mois, ſur l'opinion qu'il auoit de contraindre à moins de ce temps le Roy de la Cocinchine, à ſe rendre, & à ſoûmettre tout le Royaume à ſon obeïſſance, ou à quitter

le Païs ; & ayant rencontré vne plus longue, & plus vigoureuſe reſiſtance qu'il ne s'eſtoit imaginé des forces, & du courage de ſes ennemys : Il fut obligé, pour ne voir ſon armée reduite à perir de faim, de la ramener dans les Prouinces de Tunquin, ayant honteuſement abbandonné la grande entrepriſe du recouurement de la Cochinchine, qui luy eſtoit mal reüſſie pour y auoir mené trop de gens, & n'auoir pas pourueu de ſuffiſantes munitions pour les entretenir.

Des Richeſſes du Roy de Tunquin.

CHAPITRE VIII.

L'Autre auantage qui reuient au Roy de Tunquin de la multitude de ſes ſujets, outre celuy que i'ay déja touché, c'eſt le Tribut & les grandes richeſſes qu'il en amaſſe. Car tous les Hommes, ou maſles de ſexe qui ſont en tout le Royaume; excepté ceux à qui le Roy a donné le priuilege d'exemption, dont nous parlerons cy apres, depuis l'âge de dix-neuf ans, iuſques à ſoixãte, payent certain Tribut au Roy; auec cette difference: que ceux qui habitent dans les trois Prouinces qui ont eſté toûjours fideles, & qui n'adhererent point au Rebelle, dont nous auons parlé, ne payent point de leur monnoye, que ce qui reuient de la noſtre à deux eſcus de ſoixante ſols piece: Mais dãs les autres quatre Prouinces qui ſe détacherent de l'obeiſſance du Roy, chacun par teſte paye le quadruple, ſans compter quelques au-

tres

tres charges auſquelles ils ſont tenus en punition de leur rebellion. Et outre ce Tribut qui eſt perſonnel, & que les exacteurs leuent indifferemment, & ſans remiſſion ſur les pauures, & ſur les riches (en quoy il paroiſt quelque ſorte d'iniuſtice) ſur ceux qui ont des biens, & ſur ceux qui ne viuent que de leur induſtrie: Il y en a vn autre moindre qui ſe recueille des fruicts de la Terre, & qui eſt plûtoſt vn preſent ciuil, & volontaire à vn chacun, qu'vne taille, ou vn ſubſide reel; Encore que perſonne n'oſe s'en diſpenſer, au temps auquel l'vſage commun a eſté mis de le rendre, ce qui arriue trois, ou quatre fois dans l'année. La premiere, ſur la fin, ou au commencement de l'année en forme d'eſtrenes. La ſeconde, quand le Roy celebre, comme il a de couſtume, le iour de ſa naiſſance. La troiſiéme, au iour anniuerſaire du decez du Roy deffunct. Et la quatriéme, en la premiere ſaiſon des fruicts nouueaux. Toutefois parce que ces preſens ne ſe font pas auec la rigueur auec laquelle l'on paye, & l'on exige le tribut perſonnel. Toute la Ville, ou le Village les fait en commun, & les enuoye par des Deputez les plus qualifiez du lieu, qui les portent au Roy, & les luy preſentent au nom de la Commune.

Or encore que la plus grand part des Villes, & Villages du Royaume qui montent à vn nombre inceſtimable paye immediatement ces Tributs au Roy, ou à ceux qui les léuent à ſon nom; Il y en a neantmoins pluſieurs qui ne les payent qu'aux Seigneurs du Païs, ou aux Capitaines, & à leurs Soldats, ou à d'autres que le Roy a iugé dignes de ſa liberalité, auſquels il a aſſigné plus ou moins de places, auec pouuoir d'en prendre le

tribut ordinaire ; ou pour reconnoiſtre leur valeur, & recompenſer leurs merites ; ou pour appanage de leur naiſſance ; ou pour entretien des charges auſquelles il les a éleuez ; ou pour autres gratifications : auec cette loy receuë par tout le Royaume, que le droict qui a eſté donnè au proffit de quelqu'vn par la liberalité du Roy, ne paſſe point à ſes enfans, & à ſes heritiers, s'il ne leur eſt confirmé en don par le Roy ; Voire meſme le Pere viuant, il eſt toûſiours au pouuoir du Roy de retirer le don qu'il luy a liberalement fait, & de l'en priuer de ſa volonté, comme il arriue quelquefois ; quoy qu'il n'arriue preſque iamais qu'il ſe laiſſe aller à cette rigueur enuers perſonne, qu'en punition de quelque crime qu'il aura commis. Et encore qu'en la diſtribution de ce don, le Roy ſe monſtre ordinairement plus magnifique enuers ceux qui luy appartiennent de ſang, ou d'alliance, comme il eſt de raiſon, & enuers ceux qui ont les premieres charges de l'armée ; ſi a t'on veu quelquefois des ſimples Capitaines iouïr du tribut d'vn bon nombre de places qui auoient eſté données au merite de leur vertu, & des belles actions auec leſquelles il s'eſtoient ſignalez en guerre, qui trouuent toûjours auprés du Roy des graces, & des recompenſes. Il eſt vray neantmoins pour ne rien diſſimuler icy, qu'il n'eſt perſonne de ceux qui ont eſté ainſi auantagez qui par quelque ſorte de bien-ſeance, laquelle eſt paſſée en coûtume, ne faſſe trois ou quatre fois dans l'année des preſens au Roy de quelques pieces d'or, & d'argent, à proportion de ce qu'il tient de luy, ſans qu'il y ait aucun qui oſe y manquer, & ce faire remarquer au Roy par ſon inciuilité ; & ſon auarice, qui luy pourroient faire perdre ſes

bonnes

bonnes graces. Et comme il y a bien mille Capitaines en office dans le Royaume, on peut encore recueillir de là, combien grandes, & exceſſiues ſont les Richeſſes que le Roy tire de ſes ſujets.

De la façon que les Soldats reçoiuent la Solde du Roy.

CHAPITRE. IX.

EN la meſme façon que le Roy donne des Villes, & des places aux Capitaines pour reconnoiſtre leur merite; & leurs peines, ils les donne auſſi aux principaux Soldats pour leur ſeruir de ſolde, ou pour ſalaire de leur vertu: Auec cette difference qu'il donne ſouuent pluſieurs places à vn ſeul Capitaine, & il n'en donne ſouuent qu'vne à pluſieurs ſoldats; de ſorte qu'vne ſeule Ville qui ne ſera pas des plus grandes, ſera quelquefois ſuffiſante à ſouldoyer tous les ſoldats d'vne Galere, qui alors ont droict d'exiger au lieu qui leur a eſté aſſigné, le tribut appartenant au Roy, dont nous auons parlé cy-deſſus. Et pour les ſoldats de moindre conſideration, c'eſt ordinairement à leurs Capitaines de leur payer la ſolde au nom du Roy; comme ç'a eſté en partie pour ſubuenir à ces frais, & pour entretenir tel, ou tel nombre de ſoldats, que pluſieurs Villes leur ont eſté aſſignées auec pouuoir d'en tirer le Tribut. Auſſi en ſuitte les ſoldats qui ſont payez de la main de leurs Capitaines, ſont tellement à leur diſpoſition au temps qu'il n'y a point de

guerre;

guerre, ny d'exercice militaire, qu'ils ſont obligez de trauailler pour eux, & leur ſeruir de manœuures, s'ils les veulent ainſi employer, ou pour le ſeruice du Roy aux œuures publiques, comme à baſtir, ou à r'habiller les Galeres, à dreſſer ou redreſſer des Ponts, & ſemblables beſoignes; de ſorte qu'ils ne ſont iamais oiſifs, & ſans quelque employ.

Et comme encore tous les Capitaines qui ſe trouuent eſtre de ſéiour dans la Ville Royale, ſont obligez tous les matins d'aller faire la Courtoiſie, & d'aſſiſter à l'Audience publique qu'il donne chaque iour dans ſon Palais, au Peuple qui veut auoir recours à luy: Auſſi ont-ils chacun d'eux quand ils vont au Palais du Roy, vn certain nombre de leurs Soldats qui marchent deuant eux en ordre, auecque leurs armes, veſtus de caſaques de violet obſcur; & qui les accompagnent de meſme iuſques à leurs maiſons au retour du Palais, quand ils y ont fait leur Cour: qui ſont toutes couruées d'honneur que les ſoldats rendent par tour à leurs Capitaines. Et lors meſme que le Roy ſort du Palais, ou pour s'aller diuertir à la maiſon de plaiſance qu'il a à la Campagne; ou pour mettre à l'eſſay les Galeres qu'il a de nouueau fait baſtir ſur ſes Ports; ou pour voir exercer ſes Soldats à tirer au blanc, & à la Lutte; ce qu'ils font ordinairement deux fois le mois à la preſence du Roy: Comme tous les Capitaines qui ſont à la Cour, l'y accompagnent par honneur, les ſoldats auſſi n'y manquent iamais en bon nombre, parez de leurs liurées, & en l'equipage auquel ils ont accouſtumé de marcher deuant le Roy, faiſant en bonne partie la Pompe de ſon train, toutes les fois qu'il ſort, ou qu'il

retourne à ſon Palais. Et le Roy ſortant à la Campagne aux occaſions dont il a eſté parlé, il n'eſt pas ſeulement accompagné de cette ſuperbe eſcorte de ſoldats, qui marche deuant luy; mais vn grand nombre de Caualerie choiſie s'y trouue encore auec eux pour luy faire honneur, & plus de cent Elephans couuerts de riches tapis, ſur leſquels ſont portées les Femmes, & les Parentes du Roy, auec leurs ſuiuantes, aſſiſes commodément dans des baſſes Tours affermies ſur le dos des Elephans, qui ſont ſi puiſſants qu'ils portent à l'aiſe dans ces Tours ſix perſonnes, outre le Conducteur qui ſe tient aſſis ſur le col. Tellement que quand le Roy ſort à l'occaſion de voir les exercices de la guerre, ou de la lutte que prattiquent ſouuent ſes ſoldats, ce leur eſt vn puiſſant aiguillon de bien faire, d'auoir (outre le Roy) vne ſi belle, & auguſte compagnie de ſpectateurs, de qui ils peuuent attendre vne glorieuſe approbation de leur adreſſe, & de leur valeur. Vne remarque particuliere y a t'il en l'exercice de la lutte des ſoldats, que ie ne dois pas obmettre en ce lieu: que celuy des lutteurs qui a eſté porté à terre par la dexterité, ou par la force de ſon compagnon, n'eſt point cenſé, ny declaré eſtre vaincu, encore qu'il y ſoit abbattu ſur le ventre, ou ſur le flanc; s'il ny eſt renuerſé ſur le dos, & s'il ne la meſure des épaules.

* *
*

De la retenue, modeſtie, & diſcipline des Soldats.

CHAPITRE X.

IL y a ie ne ſçay quoy digne, & de loüange, & de merueille, en ce que les ſoldats du Royaume de Tunquin eſtant en ſi grand nombre, comme ils ſont, ſous la conduite de tant de Capitaines, & ſe trouuans ſi ſouuent aſſemblez à trouppés, en faction, & en armes, ſoit au Palais du Roy, ſoit à la Campagne, parmy meſme les careſſes des Collations que le Roy, & les Capitaines leur font pluſieurs fois pour les tenir de bonne humeur : Neantmoins on ne void iamais qu'ils ſe querelent entr'eux; ou meſme qu'ils ſe piquent, & s'offencent de paroles outrageuſes, ou de mépris; & n'a-t'on iamais ouy dire qu'ils ayent fait aucun duël ſanglant, ou qu'ils ayent tiré l'eſpée l'vn contre l'autre. Ce qui eſt grandement à la honte de nos ſoldats. Chreſtiens, qui ne ſont iamais long temps enſemble ſans amaſſer des riottes, & qui font tous les iours d'vne legere parole le fondement d'vne querelle qu'ils ne vuident que par la voye des armes, monſtrant aſſés auoir leurs paſſions moins domptées, & moins reglées, que les Payens. Or encore que l'on puiſſe attribuer cette grande retenuë à la douceur de leur naturel; qui ne s'aigrit pas ſi facilement au premier ſentiment de l'iniure : Toutefois il eſt à eſtimer qu'elle prouient principalement du

grand

grand respect, & de la veneration en laquelle ils ont le Roy, & leurs Capitaines. Car pour le Roy ils l'appellent, *le Fils du Ciel*, & le reuerent comme vne personne sacrée descenduë du Ciel pour les gouuerner: ce qui fait qu'ils n'osent rien faire, ou entreprendre en sa presence qui luy puisse déplaire, ou le fascher. A quoy a donné grand fondement vne certaine superstition qu'ils obseruent toutes les années, & est telle.

Enuiron la sixiéme Lune, qui tombe ordinairement à nostre mois d'Aoust, le Roy fait publier vn edict, que tous les soldats auec leurs Capitaines soient prests au jour marqué, de luy venir prester le serment de fidelité. Ce qui se passe auec cette ceremonie. On dresse aux places, & aux principaux quarrefours de la Ville des Autels parez de riches ornemens, dediez aux Dieux, ou plutost aux Demons que ce peuple adore: Et au milieu la formule du serment, escritte en gros characteres, & lisible du pied de l'Autel; laquelle quoy qu'en la substance du serment ne contienne rien qui ne soit licite, & loüable; veu que celuy qui le preste, promet seulement d'estre fidele à son Roy, se déuoüant à toutes sortes d'execrations, s'il luy manque de fidelité: neantmoins aux circonstances, & en l'inuocation des faux Dieux, & des Demons qu'il appelle pour estre témoins & vengeurs de son infidelité, elle est criminelle, & superstitieuse. Et en ceste ceremonie afin que l'on éuite la cõfusion qui pourroit arriuer dans le grand nombre de Soldats qui s'y doiuent presenter, & que le tout s'acheue dans le iour; On dresse vn tres-grand nombre d'Autels, à chacun desquels est assigné vn certain nombre de Capitaines auec leurs compa-

gnies, & vn Docteur nommé, & deputé du Roy pour presider à l'action, & aprés le ferment presté, donner à chacun des soldats vn billet qui le declare auoüé, & receu au seruice du Roy. Tellement que le Capitaine de chaque compagnie ayant commencé, & presté son serment solennel de fidelité au Roy regnant, il est suiuy par ordre de tous ses soldats, à chacun desquels le President donne sans delay vn biller differemment marqué, selon l'accent auec lequel il a prononcé la formule commune. Ainsi celuy qui la prononcée d'vne parole ferme, & d'vne voix haute & bien articulée, porte dans son billet la marque *Min*, qui signifie *clairement*. Celuy qui a parlé d'vne voix sombre, & basse, porte en sa marque, *bat min*, c'est adire *non pas clairement*. Et celuy enfin qui a prononcé entre deux, d'vne voix, & d'vn accent mediocre, porte pour sa marque *thuan*, c'est à dire *communement*. Et ces marques ne sont point pour neant: Car chacun des soldats, la ceremonie acheuée, ayant apporté son biller à son Capitaine qui s'estoit retiré aprés auoir presté son serment, il reçoit de ses mains en don du Roy vne robbe, ou vne casaque, meilleure, & plus longue, s'il a la premiere marque; plus courte, & de moindre étoffe, s'il a la seconde; & d'vne étoffe, & mesure mediocre; s'il a la troisiéme. De sorte que toute l'Année ils sont reconnus à la casaque qu'ils portent, de tous ceux qui les voyent, & pris pour estre plus ou moins fideles, plus, ou moins zélez, & affectionnez au seruice du Roy.

Il arriua vn iour qu'vn soldat nouueau Chrestien, ayant esté appellé par son nom, comme les autres, à prester le serment, il se presenta courageusement pour

ce faire ; & pour témoigner le peu d'estat qu'il faisoit de l'Autel duquel il detestoit la superstition ; il se tourna deuers le President qui assistoit à cette action à la corne de l'Autel, & y tenoit comme la place du Roy ; & sans s'amuser aux termes couchez dans la formule commune, parla ainsi hautement. *I'atteste le vray Dieu du Ciel, & de la Terre, Pere, Fils, & Sainct Esprit, la Compagnie des bien-heureux esprits, & toute la Cour du Ciel, que ie rendray fidele seruice iusqu'à la mort à mon Roy Than do Vuon. Que si ie mens, & si ie iure à faux, & contre ma conscience, ie suis content que le vray Dieu, Seigneur du Ciel, & de la Terre me tuë à cette heure, & me consume de ses Foudres.* Ce qu'il dit d'vn accent si ferme, & si éleué, & d'vn courage si resolu, que le President luy bailla sur le champ le billet le plus honorable, & la plus loüable marque de toutes.

Du gouuernement politique du Royaume.

CHAPITRE XI.

COmme ce Royaume n'estoit autrefois qu'vne des Prouinces du grand Royaume de la Chine, & n'estoit gouuerné que sous ses Loix ; Encore que, depuis qu'il en a esté retranché par la rebellion des peuples qui l'habitent, il y ait eu du changement en l'estat de la Monarchie, il en est neanmoins fort peu arriué en la façon du gouuernement : la reuolte generale qui éleua vn nouueau Roy sur le trône, n'ayant adjousté presque rien autre à

ſes pouuoirs, ſinon qu'il pouuoit à ſon gré, & de ſon propre mouuement, deliberer, & iuger de beaucoup de choſes, ſans conſulter l'aduis de perſonne ; quoy qu'il ne delibere iamais ordinairement d'aucune choſe importante, que de l'aduis de ſes Conſeillers. Et pour cela il a dans ſa Cour vn Conſeil ſouuerain, composé d'vn grand nombre de Docteurs, qui juge définitiuement, & en dernier reſſort de toutes les cauſes ciuiles, & criminelles; & par deuant lequel, il eſt loiſible d'appeller de la ſentence des Gouuerneurs, & des Iuges eſtablis dans toutes les Prouinces, qui ont leur juriſdiction limitée. Outre ce grand Conſeil, il y a vn Gouuerneur en chaque Prouince, qui a charge, & pouuoir d'adminiſtrer la Iuſtice, & peut meſme iuger à mort, ſi le cas requiert prompte execution, principalement ſi la Prouince eſt éloignée de la Cour : Toutefois ordinairement tous les cas où il y va de la mort, ſont renuoyez au Conſeil ſouuerain. Et generalement parlant toute l'adminiſtration de la Iuſtice en ce Royaume ſe reduit à deux Chefs, dont l'vn s'appelle *Van*, & l'autre *Vû*. Au *Van* appartiennent les Docteurs qui interpretent la loy, & ſont toûjours veſtus de robbes longues, noires, la teſte couuerte d'vn bonnet de meſme couleur, & hauſſé d'vne palme par deſſus celuy de nos Docteurs; excepté lors qu'ils vont treuuer le Roy, deuant lequel ils ne ſe monſtrent iamais qu'auec les ornemens de leur eſtat, de couleur violette. Au *Vû* appartiennent certaines perſonnes qualifiées choiſies d'entre les gens d'eſpée pour rendre en certains cas la Iuſtice, qui ne vont iamais ſans leurs armes. Et de cét ordre ſont les Gouuerneurs des Prouinces, qui ſont pris

d'entre

d'entre les Princes de ſang, ou d'entre les Seigneurs; & principaux Capitaines du Royaume, à châcun deſquels eſt aſſigné vn Docteur capable qui luy tient lieu d'Aſſeſſeur, & de Conſeiller en tous les Iugemens qu'il rend.

Il y a de plus deux Tribunaux eſtablis en quelque Ville principale de châque Prouince; l'vn plus haut qui iuge des cauſes plus importãtes, & s'appelle *Gna to*; l'autre plus bas qui iuge des affaires de moindre importance, qu'ils nomment *Gna bien*: Et tous deux ſont communs à toute la Prouince, & ne ſont remplis que de gens de lettres. Et outre ces deux ſieges de Iuſtice communs à la Prouince, Il y en a trois moins communs, & ſubordonnez l'vn à l'autre. Dont le plus bas eſt dans chaque Ville, & eſt compoſé des plus notables & anciens Citoyens, qui iugent les procés ciuils qui ſont entre leurs Patriotes. Et de ce Siege il y a appel à vn plus haut, qu'ils appellent *Gna huyen*; qui a ſous ſon reſſort dix ou douze Villes, appellées *Huyen*, qui ont vn Gouuerneur particulier, qu'ils nomment pour cela *Cai huyen*, qui iuge de l'appel interietté deuant luy: Et de ce Iuge il y a encore droict d'appellation au Tribunal du *Cai Phu*; & de celuy-cy aux Tribunaux déja mentionnez communs à toute la Prouince. Et la raiſon du partage qui a ainſi eſté fait de la Iuſtice, eſt priſe de ce que les Prouinces eſtant d'vne aſſés grande étenduë, elles ont eſté diuiſées pour le bon ordre; & pour la commodité des plaidans, en diuerſes parties principales qu'ils appellent *Phu*, & chacune de ces parties commiſe au gouuernement d'vn Seigneur, ou d'vn principal Capitaine; qui peut eſtre comparé pour la dignité, à vn

de

de nos Comtes, ou de nos Marquis : Et chaque *Phu*, ou chacune de ces portions, est encore diuisée aux *Huyen*, dont nous auons parlé, qui sont châcun sous la direction d'vn Gouuerneur particulier, comparable en dignité à nos Barons : Et enfin comme châque *Huyen* est composé d'vn certain nombre de Villes, qu'ils appellent *Xa* : aussi y a-t'il encore en châque Ville vn Gouuerneur inferieur aux sus-nommez, auquel on a donné le nom de *Cai Xa*, qui peut estre considerè, comme le sont nos Seigneurs de place. En cecy neanmoins est defaillante la comparaison que i'ay faicte, que tous ces Gouuerneurs dont il a esté fait mention; n'ont le Gouuernement que pour leur vie, sans qu'ils le puissent laisser à leurs enfans ; & les Gouuerneurs mesme des Prouinces, n'ont ordinairement la commission que pour trois ans.

Comment les Docteurs prennent leur degré en ce Royaume.

CHAPITRE XII.

DVisque, comme nous auons déja dit, tous les Conseillers du Roy sont ordinairement Docteurs, ou licenciez en droict, il est à propos de sçauoir comment ils arriuent à ces degrez, qui sont la marche à ce haut office de Iustice. C'est donc la coustume que de trois en trois ans vn certain temps est assigné par affiches publics pour commencer l'examen solennel

des

des lettres. Auquel temps tous ceux qui ont opinion d'auoir suffisamment proffité aux estudes se rendent au Palais du Bua, que l'on appelle *Den*, pour y subir le premier examen, qui est prattiqué en ceste façon. On dresse dans le Palais vne grande quantité de chambres, ou de loges qui peuuent suffire à tous ceux qui se presentent pour estre examinez; lesquels ayant pris l'argument de la composition (sur laquelle on doit iuger de leur capacité,) des principaux Docteurs deputez à presider à cet examen, sont enfermez chacun dans l'vne des chambres qui ont esté preparées, sans aucun liure, auec du papier seulement, de l'encre, & vn pinceau qui leur sert de plume; & à chacun d'eux est assigné vn soldat, ou vn garde, tant pour le seruir en ses necessitez, que pour obseruer que personne n'approche pour l'ayder, ou luy donner quelque instruction. On donne à tous le iour entier, pour trauailler à leur besoigne, sur la fin duquel, l'ayant acheuée, ils la portent aux Presidens de l'examen, marquée du seing, & du chiffre particulier d'vn chacun, qui en examinent rigoureusement les defauts, & à ceux qu'ils treuuent estre capables, & auoir satisfait en cet essay de leur esprit, Ils donnent le degré de Bachelier qu'ils appellent *Sin do*, auec leurs lettres Patentes signées de la main du Bua, qui leur seruent non seulement de témoignage authentique de leur capacité, mais encore de Priuilege pour estre exemptez de payer la moitié du tribut annuel.

Le second Examen qui se fait sur le Droict & les Loix ciuiles, se prattique comme le premier, & auec les mesmes reserues: Neantmoins auec cette diffe-

rnce, que l'on y admet point indifferemment ceux qui ſe preſentent comme au premier; mais ſeulement ceux qui depuis trois ans ont pris le degré de Bachelier; leſquels ayant eſté approuuez par l'examen des Preſidens, ſont promeus au degré de licenciez, qu'ils appellent *Huan Com*; & ayant receu leurs lettres patentes ſignées du Bua, ſont entierement exempts de Tribut. Et de ce nombre de perſonnes qui ont receu ce degré, le Roy en prend les Iuges des cauſes moins importantes, qui ſont vuidées aux Tribunaux inferieurs dont nous auons parlé cy deſſus.

En fin le troiſiéme Examen pour le Doctorat ſe fait ſeulement de ceux qui depuis trois ans paſſez ont pris le degré de licenciez en droict. Et en cette promotion, comme il y a dans le Royaume vn nombre preſix de Docteurs que l'on n'outre-paſſe point, auſſi tous ceux qui ſont iugez capables du degré, ne le reçoiuent pas, mais ſeulement ceux qui ont donné en cet examen des preuues d'vne excellente capacité, & ſelon le nombre des places qui ſe treuuent vacantes. Les autres qui reſtent ſans le degré, ſont r'enuoyez à l'examen ſuiuant, qui ſe fera dans trois ans; encore que cependant ils ſoient conſiderez, & employez ordinairement aux offices de Iuges dedans, & dehors la Cour. Mais pour ceux qui ont emporté à la rigueur de l'examen le degré de Docteurs, qu'ils appellent *Tenſi*, non ſeulement ils ſont exempts du Tribut ordinaire, mais encore leurs enfans, quoy qu'ils n'acquierent iamais aucun degré de lettres, & qu'ils faſſent vne autre profeſſion. Et outre ce ils ſont employez aux plus grandes, & importantes affaires dedans, & dehors le Royaume. D'en-

r'eux est choisi celuy qui de trois en trois ans est enuoyé Ambassadeur vers le Roy de la Chine, pour luy prester les redeuances accoustumées au nom du Roy, & du Royaume de Tunquin. De ce nombre on choisit encore les Iuges, & les Presidens du Conseil souuerain estably en la Cour du Roy. Et tous ceux enfin qui ont ce degré sont particulieremẽt cõsiderez, & honnorez du Roy, comme personnes de merite; & voit-on toûjours quelques vns d'eux autour de sa personne. On dit qu'il y auoit autrefois dans le Royaume vn quatriéme degré de lettrez; mais il n'est plus en vsage. Ce qui y est encore dans vn grand vsage, est, qu'à cause de la grande estime en laquelle ils ont les lettres Chinoises, Il n'est personne de haute, ou de basse qualité, qui ne face apprendre à ses enfans depuis leur bas âge le secret de leurs characteres, dont chacun fait vn mot, de façon qu'il s'en trouue fort peu dans le Royaume qui n'en ayent quelque connoissance, & qui en soient tout à fait ignorans.

Des peines dont on punit les Criminels.

CHAPITRE XIII.

APrés auoir parlé des Iuges, il n'est pas hors de propos d'adjouster icy quelque chose de leurs Iugemens qui sont rendus sommairement, sans tant de formalitez, d'escritures, & de Verbaux que nos Procureurs, & nos Aduocats ont mis en vsage Car, par exemple, quand quelqu'vn a esté accusé de quelque

crime, & cité à comparoir deuant les Iuges, les témoins sont ouis, & confrontez en sa presence, sur les charges, & informations auancées; que s'ils s'accordent en leurs depositions, on ne recherche rien dauantage, mais seulement on interroge le Criminel s'il a quelque contredit, ou reproche à faire contre les témoins, & leurs depositions. Que si sur ses responses, les Iuges pensent raisonnablement deuoir dilayer la sentence, pour estre plus pleinement informez; le Criminel cependant est liuré à vne compagnie de soldats pour estre tenu en seure garde; qui l'ayans mené dans la prison, au lieu de fers dont ils n'ont point l'vsage, ils luy engagent le col dans le milieu d'vn instrument fait de deux bois assés longs, & liez à trauers en mode d'eschele, en sorte qu'il est porté sur les épaules du Prisonnier en equilibre, & les bois serrez si estroittement auec des battons trauersiers autour du col, & aux deux extremitez, qu'il n'est pas à son pouuoir de les élargir. Ce qui luy donne vne incommodité qui n'est pas croyable, car il en est chargé iour, & nuict, mesme dans la prison. Et cela reuient neantmoins à cette commodité aux pauures Prisonniers qui n'ont pas dequoy viure, qu'ils sont plus librement tirez des cachots, sans crainte qu'ils échappent, & exposez auec cet équipage ignominieux aux places publiques, pour y demander l'aumosne aux passans, & auoir dequoy se sustenter dans la prison.

Ils se seruent d'vne autre façon pour tenir les femmes criminelles; Car on leur met au col vne corde, dont les deux bouts passent dans la longueur d'vn bois troüé, lequel presse le col de la femme de l'vne de ses extremitez par où la corde commence de passer, & de l'autre

l'autre retient la corde noüée afin qu'elle ne coule : Et par cette corde elle est attachée comme vn Chien, & menée au supplice, quand elle y est condamnée.

Lors que la personne criminelle a esté conuaincuë ou par la deposition des témoins contestés, ou par sa propre confession que les Iuges tirent de sa bouche par vne gesne assés douce auec laquelle on luy serre seulement les doigts des mains, ou les orteils du pied, sans grande violence, craignans que la rigueur de la gesne ne la porte à s'accuser à faux, & à calomnier son innocence; on la remene deuant le Tribunal des Iuges assemblez, ausquèls les Commissaires expliquent tout ce qui est interuenu au procés criminel, apres quoy le President prononce la sentence. Que si elle ne va pas à la mort, elle est executée aussi tost aprés que les Iuges se sont retirez : Comme au larron qui est conuaincu pour la premiere fois d'vn larcin qui n'est pas si important, on luy coupe le doigt de la main droitte qui est aprés le pouce; que s'il y est attrappé la seconde fois, il le paye de la teste ; comme encore si la premiere fois le larcin est du valant d'vne centeine d'escus. Et pour les voleurs des boys, ils sont toûiours punys de mort.

Quand donc les Iuges ont prononcé contre quelque criminel, a sentence de mort, il n'est pas aussi-tost mené du Tribunal au supplice, mais ramené par les soldats dans la prison, dans laquelle dés lors on permet l'entrée libre à la femme, aux Parens, & aux amys pour le seruir, & le consoler, encore qu'il fust declaré criminel de leze Majesté : Et comme la sentence est d'ordinaire donnée au matin, elle n'est point executée que sur le tard du mesme iour. Et pour le genre du

supplice, il est commun à tous ses coupables de mort d'auoir la teste couppée. Ce qui se prattique en cette façon. Sur les quatre heures apres midy le Capitaine de la compagnie qui à la commission de l'execution marche en teste d'vn nombre de ses soldats, qui vont depuis la prison autour du Criminel, encore chargé de l'eschelle dont nous auons parlé. Et tous estans arriuez au lieu du supplice, les soldats se rangent en cercle autour du Patient qui s'est mis à genoux : Et apres luy auoir osté du col l'eschelle criminelle, ils luy presentent sur table diuerses viandes, & l'inuitent d'en manger, desquelles il prend ce qu'il veut, encore qu'il s'en trouue fort peu, qui soient alors en appetit d'en prendre. La table estant retirée, & le Capitaine ayant donné auec vne clochette le dernier signal de l'execution ; Le soldat qui la doit faire, se tourne, haussant le cimeterre nud, vers les quatre parties du monde; auec profondes reuerences, comme demandant pardon de l'action qu'il est prest de faire, pendant que les autres soldats lient les bras du Patient, duquel s'estant approché, il luy auale d'vn seul coup la teste, qui est remise auſſi-tost, auec le corps aux Parens du mort, pour les mettre en terre ; si ce n'est que le Roy ayt commandé, (comme il arriue quelquefois en la punition de quelque crime atroce) que la teste, & le corps demeurent quelques iours sans sepulture expoſez à la place publique. Que s'il plaist au Roy faire grace à vn criminel de la mort qu'il aura meritée, on luy coupe, pour le reste, les cheueux, qu'il ne doit point depuis laisser croistre, afin qu'il ne perde iamais le souuenir de la punition meritée pour son crime, de la

grace

grace qu'il a receuë du Prince, & de l'obligation qu'il a de la reconnoiſtre.

Il ſe prattique encore par tout le Royaume ſe ne ſçay quoy de ſingulier, & de plus rigoureux qu'en pas vn autre Royaume que l'on ſçache, pour la peine des Adulteres, tant hommes, que femmes, meſme des Concubines. Qui eſt, que la perſonne conuaincuë de ce peché, eſt menée auſſi-toſt les poings liés à la Campagne, ou vn Elephant dreſſé à obeïr à tous les commandemens de ſon Maiſtre, l'enleue auec ſa trompe ſoudain que le commandement luy en eſt fait, & la jette haut en l'air, puis la reçoit quand elle tombe ſur les pointes tranchantes de ſes dents, qui la tranſperçent aux endroits du corps qui rencontrent; & en fin la ſecouë à terre, & l'ecraſe ſous les pieds, où elle vomit l'ame auec le ſang, ſi elle n'eſtoit déja morte à ſa cheute d'en-haut. Et apres la mort de l'Adultere, le complice du crime eſt puny de meſme ſupplice par le meſme Elephant.

De diuers fruicts de la Terre qui ſont au Royaume de Tunquin.

CHAPITRE. XIV.

ENcore qu'il n'y ayt point de vignes en tout ce Royaume, & qu'on ny recueille point de vin; que l'on n'y ayt point encore enſemencé les terres de blé, ny fait du pain: & qu'il ne s'y voye aucun Oliuier, & partant qu'on ny vſe point

point d'huile d'olif, qui sont les fruicts principaux de la terre, à laquelle Dieu a donné sa Benediction: si est-ce qu'il abonde en tant d'autres fruicts qu'il n'a pas dequoy se soucier beaucoup de ce qui luy manque, si ce n'est, pour le sainct Sacrifice de la Messe, du pain, & du vin, qui luy est fourny de Macao, d'où l'on en porte à suffisance. Car pour le reste des commoditez de la vie, le Rys, qui pour la fertilité de la terre y croist en tres-grande abondance; & duquel on fait deux recoltes en Iuin, & en Nouembre, de sorte qu'il y est à prix trois fois plus vil qu'à la Chine, leur tient lieu de pain. Du mesme Rys ils distilent vne boisson qui est d'vn goust assés agreable, & fort bonne pour l'estomach, & supplée à nostre vin. Et pour les potages, & les autres viandes où nous nous seruons de l'huile, ils y meslent vne certaine substance fonduë, prise dans les nids d'vne espece de Moyneaux qui nichent sur les Rochers, & les écueils de Mer voisins de leurs Costes, qui donne à toutes les viandes cuittes où ils la meslent, vne saueur fort delicate, & ne pése t'on pas que ces nids se trouuent en autre part du monde, ce qui les fait estimer fort precieux par touto où l'on en a connoissance. D'où vient que les Marchands Chinois les y acheptent fort cherement, pour les reuendre à la Chine; & qu'il n'y a que les personnes de qualité, & de moyens dans le Tunquin qui en vsent. Et pour le commun du peuple, il se sert d'vn certain suc appellé *Mam*, epreint d'vne espece de poissons salez treuuez dans leur mer, qui sert d'huile, & de verjus dans les viandes où l'on en mesle, & les rend saoureuses au goust. Et parce qu'on en met encore toûjours dans le

rys qui ſert à tous de pain; de là vient qu'il n'eſt aucune maiſon de haute, ou de baſſe condition, qui n'en ayt quelque prouiſion. Mais paſſons aux fruicts de la terre.

Et pour ne rien dire icy des fruicts qui ſont communs au Royaume de Tunquin, auec les autres regions de l'Inde, comme la figue, & la poire d'Inde, l'Ananaſie, le Iaca, le Carambola, le Manga, & les ſemblables dont les relations des autres païs ont déja fait mention, & donné connoiſſance aux Europeans. Ie ne remarqueray icy que les fruicts particuliers, qui ne ſe treuuent point (que ie ſçache) autre part que dans ce Royaume.

Le premier, & le plus excellent eſt le Coing, de la couleur, & de la figure des noſtres, mais orné d'vne couronne pour marque de ſon excellence, ce que les noſtres n'ont pas : Et cette couronne n'eſt point comme celle de nos Grenades, ſans aucun ſuc agreable, & comme la vaine parade d'vn ornement infructueux; mais pleine d'vn ſuc delicieux, & reſſemblant à vne mammelle pleine, aboutie de ſa fraiſe. Et outre cette eſpece de Coing remarquable pour ſa couronne, on en void encore beaucoup d'autres ſans couronne, qui ne luy cedent guere en ſaueur, & que l'on mange aprés les auoir dépoüillez de leur peau qui eſt en tous aſpre, & mal plaiſante au gouſt; excepté en vne ſeule eſpece qui excede les autres en groſſeur, dont on n'oſte que la premiere pellicule, & comme l'epiderme, le demeurant eſtant bon à manger, & qui a le gouſt de nos Pauies, ou de nos Peſches; & ſert non ſeulement au plaiſir du gouſt, & au rafraiſchiſſement du corps, mais encore

à la ſanté, quelque quantité que l'on en mange iuſqu'à dix, ou douze à la fois: auſſi ſe vendent-ils par tout à fort bas prix, pour eſtre fort communs, & abondans en tout le païs. La derniere eſpece de coings que l'on y treuue, & dont le peuple n'a guére d'vſage, pour eſtre fort rare, mais ſeulement les perſonnes riches qui en font leurs délices, eſt encore fort ſaine, & du gouſt de nos muſcats, ne cedant point encore en groſſeur aux derniers dont nous auons parlé.

Vne ſeconde eſpece de fruict de la couleur du coing, mais qui pour la figure reſſemble à vne groſſe peſche, & pour le gouſt retire à celuy de nos ſorbes, quand elles ſont bien meures, eſt en eſtime particuliere pour ſeruir de ſouuerain remede à la dyſſenterie; à quoy ſert encore, non ſeulement la chair, & la peau de la pomme, mais encore l'eſcorce, & la fueille de l'arbre.

Il y a de plus deux autres eſpeces de fruicts qui ont le gouſt de nos ceriſes, mais l'eſcorce dure comme celle des chaſtaignes, & ont la chair blanche au dedans. Et de ces fruicts, principalement de ceux que les Chinois appellent *Lechi*, ils en tirent vne ſorte de vin qui n'eſt point des-agreable.

On void enfin en ce païs vne eſpece de figues, qui ont le gouſt, & la figure des noſtres, mais la couleur rougeâtre quand elles ſont meures, molles, comme les noſtres, & encore plus froides; quoy qu'eſtant encore vertes, & vn peu dures, ne laiſſent pas d'auoir bon gouſt. Ie ne voudrois pas aſſeurer que les noſtres fuſſent meilleures, & plus ſauoureuſes; Neantmoins le Roy de Tunquin ayant vne fois mangé de celles d'vn figuier d'Europe, qui auoit eſté plantè en noſtre jardin,

les

les loüa grandement, & voulut que tout le fruict de l'arbre luy fuſt gardé.

Les Cannes remplies de miel, & de ſuccre y ſont fort communes ; mais comme les Tunquinois n'ont pas l'art de purifier le ſuccre, il y eſt tout noir ; encore qu'il ne laiſſe pas pour la couleur d'eſtre eſtimé, & recherché, particulierement des Iaponois.

Des Animaux qui ſe treuuent plus communement au Royaume d'Annan.

CHAPITRE XV.

LE Royaume abonde en Cheuaux, de belle & neruëuſe taille, bons a la main, & de ſi bonne nature qu'on les peut dreſſer, & rendre bien allans, en toutes les façons que l'on veut. Il nourrit encore quantité de bœufs grands, & maſſifs, dont la chair eſt fort bonne, & agreable au manger. La chair de Pourceau y eſt auſſi extremement commune, bonne, & ſaine ; de ſorte qu'il ne ſe fait iamais de feſtin, meſme aux maiſons de ceux qui n'ont pas de grands moyens, où il ne ſe tuë vn Pourceau, pour en traitter les conuiez. Les Bufles y ſont extraordinairement hauts, & releuez d'eſpaules, robuſtes, & grands trauailleurs ; de façon qu'vn ſeul ſuffit à tirer la charruë, encore que le coutre entre bien auant dans la terre ; & la chair meſme n'en eſt pas des agreable, encore que celle du bœuf y ſoit plus commune, & meilleure.

Pour les Elephans, qui ſont dans tout le Royaume

d'Annan grands & puiſſans, y ſont ordinairement amenez du Royaume voiſin de Laos, où ils ſont cheremẽt vendus aux eſtrangers qui les y vont achepter, & puis cheremẽt nourris, car vn ſeul deſpenſe plus que ne font dix hommes, en ſa nourriture. Le Roy de Tunquin en nourrit enuiron trois cents: qui ne luy ſeruent que de fois à autre, & en partie, qu'à la pompe de ſon train quand il marche, & ſort hors de la Ville: mais lors qu'il dreſſe vne armée de terre, il les y fait tous marcher, & entretient pour cela à grands gages les Maiſtres conducteurs qui les ſçauent gouuerner. C'eſt merueille de leur docilité, & comme ils ſe laiſſent facilement appriuoiſer à la conuerſation des hommes, allants ordinairemẽt par la Ville ſans offenſer perſonne, & ſans dommage d'aucun. Voire ils rendent vn ſeruice fort conſiderable aux habitans, quand le feu s'eſt pris dans la Ville en quelque maiſon, ce qui arriue fort ſouuent, a cauſe que toutes les maiſons ſont faictes de bois. Car alors on mene quelques Elephans pour abbattre les maiſons voiſines de celle qui bruſle, & empeſcher la ſuite de l'embraſement qui ſeroit capable de deſoler toute la Ville; ſi la violence du feu n'eſtoit arreſtée par ce moyen. Ce qu'ils font auec vne promptitude, & dexterité merueilleuſe: car ſur le ſigne du conducteur à qui ils obeïſſent, ils enleuent de la trompe le toict de la maiſon qui leur a eſté monſtrée, & puis renuerſent, & abbattent à leurs pieds les murailles qui reſtent, ſans outre-paſſer l'ordre, & le commandement qui leur a eſté fait. Ie les ay veus quelquesfois ayants a paſſer ſur vn pont de bois, branſler. & eſſayer les planches auecque leur muffle, pour ſçauoir ſi elles

eſtoient

estoient capables de les porter; & ayáts reconnu qu'elles n'estoient pas assés fortes, auoir cherché vn autre chemin, sans pouuoir estre contraints de passer sur ce pont. Il y en eust vn attaché à vne place de la Ville, contre lequel quelques enfans en ioüant tiroient des pierres, & puis se cachoient; dequoy l'Elephant irrité amassa les pierres qu'il peut attrapper auec sa trompe qui luy sert de main, & ayant veu paroistre vn de ces enfans, luy en rejetta vne si droittement, & auec tant de roideur, que si l'enfant ne se fust habilement caché, & retiré derriere vne muraille, il l'eust griefuement blessé. On raconte de ces Elephans, & de leur docilité, beaucoup d'autres choses plus émerueillables que ie n'ay pas veuës, & ie ne dys rien icy, que ce que i'ay veu.

TIMSACH.COM.VN

Du Rhinoceros, que les Portugais appellent *Bada*, ie n'ay veu que la teste d'vn, que l'on auoit recentement tué dans vn bois, laquelle deux puissans soldats auoient peine de porter sur les épaules, & que ie iugeay à la veuë deux fois plus grosse que celle d'vn grand Elephant. Ie mangeay encore de sa chair, qui me sembla plus delicate, & agreable au goust, que d'aucune autre venaison, ou gibier que i'aye iamais mangé. On tient que de cét Animal la Chair, la peau, les os, & principalement les dents, les ongles, & les cornes, seruent d'excellent Antidote à tous les venins.

Les Chasseurs prennent quelquefois dans les bois des Chats sauuages extremement noirs, & petits, desquels les Tunquinois font tát d'estat, qu'ils en font aussitost present au Roy, & aux plus grands Seigneurs. Ils

ont peu de Chévres, & point de Brebis. Ils n'ont auſſi point d'Aſnes, ſe ſeruans des Bœufs, & des Bufles pour les fardeaux plus lourds : Car pour les communs, & moins peſans, ceux qui ſont du menu peuple, hommes, & femmes les portent ſuſpendus à vn leuier ſur les épaules.

Tout le Païs foiſonne en volaille, principalement en Poules, que l'on y vend à fort petit prix, & ne ſont pas differentes des noſtres. Mais pour les Coqs ils ſont deux fois plus grands, & de grands prix, pour le plaiſir qu'ils donnent à ceux qui les font battre par enſemble ; ce qu'ils font aſsés ſouuent, les armant meſme d'allumelles, & de petites eſpées pour repreſenter vn duël ſanglant, comme ſi leurs armes naturelles ne ſuffiſoient pas. Et a-t'on vendu quelquefois iuſqu'à dix ou douze eſcus, l'vn de ces Coqs aguerry au combat. Ils ont des Colombiers comme nous, à nourrir des Pigeons. Les Tourterelles qu'ils nourriſſent dans de grandes cages, y ſont ſi communes que l'on en donne quinze, & vingt pour cinq ſols.

Ils ont de plus trés-grande abondance de poiſſons, & à tres-vil prix, car les meilleurs, & les plus gros qui peſent dix, & douze liures à peine y couſtent ils cinq ſols. Et cette abondance prouient de la multitude des Ports, & des peſcheurs qui ſont en ce Royaume ; Eſtant certain que d'vne cinquantaine de Ports qu'on y compte, il ſort tous les jours, (quand le Ciel le permet) plus de dix mille barques qui vont à la peſche. Auſſi les alimens les plus communs en tout le Royaume ſont le Ris, & le Poiſſon. Surquoy ie raconteray ce que le Roy de Tunquin me dit vn iour, m'ayant interrogé

de

de quelles viades on vsoit en nostre Religion aux jours de nos jeûnes ; Car luy ayant fait entendre qu'à tels iours nous nous abstenions de la Chair, mais non du Poisson. En cela (repartit le Roy) vous trouuerez beaucoup de mes Sujets qui ne feront pas difficulté de viure comme vous, & de garder vos jeûnes : Mais i'ay peine de croire que vous trouuiez personne, qui veüille viure en chasteté comme vous, & s'abstenir des femmes. C'estoit le discours à rire que tenoit vn Roy payen, qui n'auoit point de connoissance de la vocation, & de la grace du Christianisme, en vn temps auquel à peine auoit-on jette les premiers fondemens de nostre Religion : Mais depuis que la grace de IESVS-CHRIST a fait de nouueaux Chrestiens en ce Royaume, nous auons veu vn grand nombre de personnes, d'hommes, de femmes, de garçons, & de filles qui se sont consacrez à Dieu par les vœux de Continence, & de Chasteté ; Et pouuons nous compter dans ce nombre vne centaine de Catechistes, & d'Estudians qui se sont courageusement deuoüez au seruice diuin dans la profession perpetuelle du Celibat, desquels il y en a déja trois qui ont dedié cette nouuelle Eglise par le sang qu'ils ont courageusement versé pour la foy de IESVS-CHRIST ; comme il sera plus amplement dit ailleurs.

* *
*

Du

Du Traffiq, & des Marchandises des Tunquinois.

CHAPITRE. XVI.

LEs Tunquinois à peine exercent-ils aucun Traffiq hors du Royaume, pour trois raisons principales. La premiere, parce qu'ils n'ont pas l'art de la bousſole, & du nauigage, ne s'éloignans iamais dans la mer de la veuë de leurs coſtes, ou de leurs montagnes. La ſeconde, parce que leurs vaiſſeaux de port ne ſont pas à durer aux briſans des vagues, & contre les tempeſtes qui arriuent ordinairement en vn long voyage; les planches, & les pieces de bois n'eſtant point iointes, & attachées à cloux, ou à cheuilles, mais ſeulement auec certaines ligatures, qu'il faut renouueller tous les ans. Et la troiſiéme eſt, parce que le Roy ne permet pas qu'ils paſſent aux autres Royaumes, où le Traffiq obligeroit les Marchands de s'habituer, ce qui diminueroit le tribut perſonnel qu'il tire de ſes ſujets. Encore qu'il enuoye tous les ans quelques Vaiſſeaux aux Royaumes de Cambogia, & de Siam, parce qu'ils ne ſont pas beaucoup diſtans de Tunquin, & que les Vaiſſeaux ne font en ce voyage que coſtoyer la rade, ſans eſtre obligez de faire canal, & de ſe ietter en pleine mer.

Toutefois ſans ſortir des contrées du Royaume d'Annan, qui ne comprend (comme il a eſté dit) que le Tunquin, & la Cochinchine, les Marchands du païs y trafiquent

trafiquent si fort, pour la commodité, & la multitude des Ports qui y sont, & si auantageusement pour le profit, qu'ils doublent leur capital, deux ou trois fois dans l'année, sans courir les risques qui sont par tout ailleurs communs sur la mer. Certes dans toute la coste du Royaume d'Annan qui s'estend à plus de trois cents cinquante lieuës Françoises, on compte bien cinquante Ports, capables de tenir pour le moins dix ou douze grands Vaisseaux, où se déchargent quantité de riuieres; tellement que ceux qui nauigent peuuent toutes les nuicts se retirer dans quelqu'vn de ces Ports, sans estre presque iamais obligez de passer la nuict à l'ancre, à la merci des perils qui ne manquent iamais sur la mer.

Et pour les Marchands estrangers, il est vray que les Iaponois, & les Chinois auoient en tout temps trafiqué dans les Ports d'Annan, pour y achepter de la soye, & du bois d'Aloës. Et les Chinois, mesme aujourd'huy continuent le trafiq, & y apportent leurs porcellaines, leurs toiles peintes, & beaucoup d'autres choses qui seruent à la recreation, & au luxe. Mais pour les Iaponois qui y apportoient autrefois force argent pour l'achept des soyes, & force espées auec toutes autres sortes d'armes à vendre, il y a des-ja plus de vingt-cinq ans qu'ils n'y paroissent plus; Le Roy du Iapon ayant étroittement defendu à tous ses sujets d'y exercer aucun commerce, sur la connoissance qu'il eut que les Chrestiens qui auoyent esté conuertis en son Royaume, depuis que la persecution y commença en l'an 1614. y alloient à si grandes trouppes, principalement au temps du Caresme, & hors de ce temps-là,

trois, ou quatre fois l'année, pour s'y confesser à des Peres de la Compagnie, qui entendoient la langue Iaponoise, & receuoir la Communion, qu'ils rempliſſoient à chaque fois trois ou quatre Nauires ; Ce qu'ils faiſoient librement ſous le pretexte du commerce, & qu'ils auoient continué de faire prés de dix ans auec leur grande ſatisfaction, & conſolation ſpirituelle : laquelle ce cruel perſecuteur leur voulut oſter, faiſant defenſe ſous peine de la vie à tous ſes ſujets de nauiger hors de leur païs, & à ceux qui auoient paſſé au Royaume d'Annan, de r'entrer au Iapon, de crainte que quelqu'vn n'y reuint auec l'ordre de la Preſtriſe pour l'exercer en ſes terres. De ſorte que par cette defenſe les peuples du Royaume d'Annan ont eſté priuez de l'argent, & des autres commoditez temporelles que le trafiq des Iaponois leur apportoit; Et les Chreſtiens du Japon, de la frequentation des Sacremens, & des autres bonnes œuures qu'ils y prattiquoient pluſieurs fois dans l'année auec leur proffit ſpirituel.

Des Monnoyes qui ont cours dans le Royaume.

CHAPITRE XVII.

IL ne forge point de monoye en ce Royaume, comme en celuy de la Chine, ſi ce n'eſt de cuiure. Car encore que les Tunquinois ſe ſernent de l'or, & de l'argent au traffiq des marchandiſes plus importantes; ils n'vſent neantmoins point d'or,

ou

ou d'argent monoyé, forgé au coin, ou au moulinet; mais ſeulement taillé en pieces, ou en carreaux, apres auoir eſté fondu dans le creuſet. Et pour ce qui eſt des carreaux de l'argent dont ils ſe ſeruent, ceux qui ſont employez au traffiq, ſont ordinairement aſſés maſſifs, & de la valeur de dix eſcus; mais ceux de l'or ſont beaucoup moindres en maſſe, & ſelon leur poid, de plus haute, ou baſſe valeur.

De plus pour ce qui eſt de l'argent, ils ne le prennent iamais qu'apres auoir eſté eſſayé ſur la pierre de touche, & au poids en cette façon; qu'ayant, par exemple, eſté accordé entre les Marchands, que l'on donnera tant de liures de ſoye; c'eſt a ſçauoir quinze, ou vingt, pour chaque piece d'argent valant dix eſcus; quand on vend la ſoye on peſe à la balance les quinze, ou vingt liures de ſoye, & dans la meſme balance la piece d'argent, ſi elle eſt du poids qu'il faut, par exemple ſi elle peſe vne liure; Ce qu'ils prattiquent commodement, & ſans ſupercherie. Que ſi quelqu'vn doute de la bonté de l'or, ou de l'argent, il a droict de la rompre en menuës pieces, pour mieux le reconnoiſtre.

Les Monoyes de cuiure qui ont cours parmy les Tunquinois, ſont de deux façons, grandes, ou petites. Les grandes ſont communement receuës dans tout le Royaume, & y ſont apportées la pluſpart d'ailleurs, par les marchands de la Chine, & autrefois encore de ceux du Iapon. Mais les petites ne ſont metables que dans la Ville Royale, & dans les quatre Prouinces qui ſont autour; & non aux autres Prouinces du meſme Royaume, ny encore dans la Cocinchine: Ce qui a eſté ſans doute introduit depuis que ces quatre Pro-

uinces principales furent ſeparées des-autres par la rebellion dont nous auons parlé cy-deſſus. Et toutes ces monoyes de cuiure, grandes ou petites, ſont polies, & rondes, auec l'impreſſion de quatre characteres ſeulement d'vn coſté, & toutes percées au milieu, pour pouuoir eſtre enfilées auec vne cordelette, comme s'en eſt la couſtume; en ſorte que dans chaque corde il en entre ſix cents, ou dix fois ſoixante, auec vne marque de diſtinction miſe aprés chaque ſoixantaine. Ce qui leur eſt à vne grande commodité pour les porter aux bras, où ſur l'eſpaule, quand ils vont au marché, ne ſe ſeruans point comme nous de bourſes, mais ſeulement de ces cordes. Quant à la valeur de ces monoyes, à peine eſt elle iamais certaine, & conſtante, n'ayant de regle que l'abondance, ou la diſette de l'argent qui ſe treuue dans le Royaume. Ainſi ces années paſſées, onze cents pieces de la grand monoye de cuiure, ne valoient qu'vn eſcu d'or; auquel temps trois des plus grandes pieces valoient autant que cinq des petites: Et en vn autre temps la valeur de ces pieces s'eſt treuuée bien differente, & plus haute, parce qu'il y auoit moins d'argent.

* *
*

Des

Des superstitions des Tunquinois, & de leur premiere Secte.

CHAPITRE XVIII.

LEs Tunquinois, comme les Chinois, sont communement diuisez en trois Sectes, qu'ils appellent *Tam iau*, dans lesquelles ces peuples quoy que grandement ingenus, & de bon sens, prattiquoient vne infinité de superstitions deuant que la lumiere du S. Euangile les eust éclairez; Mais depuis que la Foy Chrestienne leur a esté preschée, & que plusieurs d'entr'eux ont esté amenez à la connoissance de IESVS-CHRIST, ils ont aussi esté tirez de la confusion, & des tenebres de l'erreur où ils estoient enueloppez, & de la miserable seruitude à laquelle les Demons les auoient asseruis.

La premiere Secte, & la plus celebre, est celle qu'ils appellent *Daunhu*, de laquelle ils font Autheur vn certain Confusius Chinois, qui viuoit en la Chine, selon leur Histoire, quasi en mesme temps qu'Aristote en la Grece, c'est à dire trois cents ans enuiron deuant la naissance du Sauueur. Et ce Confusius est appellé des Tunquinois par excellence, & sans queuë, *Le Sainct*; mais en vain, & contre toute raison, comme ie les en ay vne fois conuaincus. Car, ie leur disois, ou cét homme, que vous appellez le Sainct, auoit quelque connoissance du grand Dieu, Createur du Ciel & de

la Terre, ou non: s'il ne la point connu, il n'a pû estre Sainct; méconnoissant celuy qui est la source, & le principe de toute saincteté; laquelle il ne communique aux creatures capables de raison, que par la connoissance, & par l'amour de sa diuine Majesté. Que s'il la connu, ayant fait profession d'estre le Docteur, & le Maistre des autres, il les deuoit instruire de cette connoissance qui estoit necessaire au salut. Et ne l'ayant pas fait, comme il appert de ses Liures, dans lesquels il n'y fait nulle part mention de Dieu, souuerain principe de tout, il ne peut point estre appellé Sainct.

Quand ie tenois ce discours dans nostre Eglise en presence d'vne quarantaine de sectateurs, & de disciples de ce Confusius, remonstrant aux nouueaux Chrestiens qu'ils ne pouuoient point l'appeller de ce nom, sans le prophaner, & sans blesser leur conscience, ie fus écouté d'eux auec grande satisfaction; non des Confusiens qui se treuuerent alors dans l'Eglise, qui se retirerent fort tristes, & confus, mais toûjours obstinez en leur ancienne erreur; excepté vn qui auoit amené les autres, lequel estant resté auec nous, sans vouloir suiure les autres, receut vne plus ample instruction des veritez Chrestiennes, & puis le Bapteſme, auquel il fut appellé Iean, ayant mieux aymé estre disciple de IESVS-CHRIST, que de Confusius, auquel il auoit adheré iusqu'alors.

Il est vray que ce Philosophe Confusius, dans les liures qu'on a de luy, donne des instructions propres à former les bonnes mœurs: Comme quand il dit, Qu'vn chacun deuant toutes choses doit se corriger soy-mesme, & pour cela, se seruir de trois examens

tous

tous les jours, pour amender ſes défauts : Qu'apres cela il peut porter ſes penſées, & ſes ſoins à regler, & reformer ſa famille : & s'eſtant acquitté comme il faut de ces premiers deuoirs, & non deuant, paſſer à la conduite & au gouuernement de la Republique. Il traitte encore beaucoup de choſes appartenantes au droict ciuil, au iugement des procés, & à l'adminiſtration de la Iuſtice, d'où vient que les Docteurs Tunquinois conſultent ſes liures auec autant d'eſtude, que les noſtres ſçauroient faire le Code, ou le Digeſte. Il apporte encore, & éclaircit quelques maximes de la Politique, & du droict naturel ; En quoy il n'auance rien de contraire aux principes de la Religion Chreſtienne, & qui doiue eſtre rejetté, ou condamné de ceux qui en font profeſſion.

Mais quand il entreprend en l'vn de ſes liures de parler du premier principe de tout, il tombe dans vn ſi grand deſordre, & aueuglement d'eſprit, & de diſcours qu'il n'eſt pas conceuable : Car il fait le premier principe corporel, & inſenſible, ſans connoiſſance, ſans raiſon, & ſans Ame, incapable, & indigne de culte, & d'adoration ; Et cependant il veut que l'on rende des honneurs, & des reſpects religieux au Ciel, qu'il auouë eſtre ſorty, & emané de ce premier principe auquel il les refuſe. Et ces honneurs meſme il ne tient pas que tous indifferemment ſoient dignes de les rendre, mais ſeulement les Roys qui gouuernent les peuples ; comme ſi les deuoirs de la Religion n'eſtoient pas communs aux peuples, comme aux Roys. Et ce qui eſt encore grandement à blâmer en la doctrine, & aux liures de ce Philoſophe, c'eſt qu'il ne fait

iamais

iamais mention de la vie eternelle, & de l'immortalité de l'ame : Voire il fait l'homme tout corporel, & s'il luy dõne vne ame, il ne la tiet que materielle, noyée dans la masse, & confonduë dans les organes, comme celle des bruttes ; Et il fait tellement perir tout l'homme par la mort, qu'il ne demeure rien de luy, les Elemens superieurs du monde receuant la dépoüille des parties les plus subtiles, & les inferieurs des plus grossieres. Ce qui tend manifestement à l'Atheisme, & ouure la porte à toutes sortes de vices ; ne laissant qu'vne vaine image, & que l'ombre, ou l'apparence de la vertu.

Et cependant les Tunquinois, grands, & petits, ont ce Confusius dans vne si haute estime, qu'ils le reuerent comme vn Dieu; & impriment ce respect à leurs enfans depuis leur plus bas aage, car au premier iour que l'enfant entre dans l'eschole pour apprendre à connoistre les lettres Chinoises, le Maistre deuant que de le receuoir au nombre de ses Disciples, se mettant auec luy à genoux, luy fait la premiere Leçon de la façon auec laquelle il deuoit inuoquer Confusius, & implorer la faueur de son ayde, afin qu'il puisse auoir l'esprit clair, & facile à apprendre ce qui luy sera monstré, ce qu'ils appellent *Sang da*; c'est à dire, auoir le ventre clair. En quoy leur resuerie est encore plus tolerable, de se figurer, que les sciences, comme les viandes, sont receuës, & contenuës dans le ventre ; que de croire que d'vn hõme mort, & d'vn impie, ils peuuent attendre le don d'vn bon esprit. Les Docteurs mesme, & les gens de lettres sont tombez dans cette folie, quand ils vont se presenter aux examens pour receuoir

uoir le degré, d'addreſſer des Vœux, & des prieres à Confuſius, pour en auoir vn bon ſuccez; & quand ils l'ont receu, de ſe proſterner à terre deuant vn petit Autel qui luy eſt dedié, pour luy en rendre leurs actions de graces. C'eſt la folle ſuperſtition qui eſt en vſage parmy ces Payens: Mais les nouueaux Chreſtiens reconnoiſſans IESVS-CHRIST, comme la ſouueraine Sageſſe, & comme le Soleil de toutes les clartez, duquel partent les lumieres de tous les eſprits, auec de tres-humbles adorations ſe proſternans trois fois deuant ſon image, luy demandent dez leur enfance le ſecours de ſes graces pour l'heureux commencement, pour le progrez, & ſuccez de leurs eſtudes; & à luy encore rendent-ils leurs actions de graces, pour les faueurs qu'ils tiennent en auoir receuës.

De la ſeconde ſecte ſuperſtitieuſe des Tunquinois.

CHAPITRE. XIX.

LA ſeconde ſecte à laquelle la ſuperſtition des Tunquinois s'eſt attachée (qu'ils appellent *Dau thic*) a eu pour Autheur ſelon leurs liures, & leur tradition, le fils d'vn Roy des Indes, que les Iaponois appellent *Xaca*, les Chinois *Xechia*, & les Tunquinois *Thicca*, par quelque corruption de ſon nom: lequel ils diſent auoir veſcu mille ans enuiron, deuant la venuë de IESVS-CHRIST, & auoir eu pour Pere vn qu'ils nomment Timphan, qui regnoit en

l'Inde vers le temps du Roy Salomon. Ce *Thicca* n'eſtant encore aagé que de dix-ſept ans, ſe maria à vne ieune Princeſſe nommée Adudala, fille d'vn autre Roy de l'Inde, auec laquelle il veſcut deux ans, & en eut dans ce temps-là vne fille, nommée Haula. Mais comme il auoit le naturel violent & malin, il s'adonna dés ſon tendre age à la magie, & eut deux Demons familiers; deſquels il prenoit toute ſa conduite, & ſon inſtruction, qui luy conſeillerent de ſe retirer dans vne ſolitude écartée, au deſceu, tant de ſon Pere (qui en receut beaucoup de déplaiſir) comme de ſa femme qui fit de grandes plaintes de cét abandon. Apres cinq ans eſtant reuenu au Palais de ſon Pere, imbu de l'Atheiſme qu'il auoit appris ſous de ſi mauuais Maiſtres, il taſcha de le répandre dans l'eſprit de ſes ſujets. Mais comme la nature meſme par les premiers principes de la raiſon ſe rebutte de cette erreur, & a de la peine de ſecouër cette perſuaſion interieure, qu'il y a vne diuinité; c'eſt à dire vn premier eſtre, & vne cauſe ſuperieure de tout ce qui ne peut tenir l'eſtre de ſoy meſme; Il ne treuua perſonne qui vouluſt adherer auec luy à ce ſentiment, & ſe ioindre à ſa ſuitte. Thicca donques faſché de ſe voir rebutté de ſon entrepriſe, s'aduiſa par le conſeil de ſes Demons familiers d'vn autre pernicieux deſſein, qui fut de ſemer certaine Hiſtoire, & genealogie fabuleuſe des Dieux, & ſous la couuerture de ces fables, publier l'vſage des vices les plus monſtrueux, & introduire la creance de pluſieurs Diuinitez. Ce qui luy reuſſit en ſorte, dans les quarante ans de ſon regne qu'il trauailla à cet impie deſſein, que tant par ſon authorité, que par les illuſions de ſa magie, il eſtablit,

&

& étendit par toute l'Inde le culte ſuperſtitieux des Idoles qui y eſtoit auparauant inconnu: Et pour mieux colorer l'erreur, & l'idolatrie publique qu'il auoit introduitte, laiſſa artificieuſement au peuple le ſentiment dont il eſtoit communement imbu, qu'il y auoit des recompenſes au Ciel pour les gens de bien, & des ſupplices reſeruez en Enfer pour les meſchans. Ce fut par ce moyen que l'Idolatrie fut receuë dans l'Inde. Mais les Diables qui gouuernoient l'eſprit de ce malheureux Prince, n'ignorans pas que l'Atheiſme eſt pire, & plus pernicieux que l'Idolatrie, comme celuy qui fait planche à toutes ſortes de vices, perſuaderent à cét eſprit impie de ſe dédire ſur la fin de ſes iours. Ce qu'il fit, non pas deuant le peuple, mais ſeulement deuant les plus ingenieux, & les plus malins de ſes diſciples, auſquels il declara que la doctrine des Idoles qu'il auoit enſeignée durant quarante ans, n'eſtoit que pour amuſer le ſimple peuple: Mais que dans la verité tout ce qu'il auoit dit, & enſeigné, n'eſtoit qu'vn voile, & vne couuerture des ſecrets de l'Anatomie, dont il leur fit vne ſommaire explication; n'ayant iamais entendu (diſoit-il) par les figures des Idoles qu'il auoit expoſeés, que les cinq ſens, & les principaux membres internes, & externes du corps humain. Ce qu'ayant dit, il mourut dans ſon impieté, & ſa malheureuſe ame alla receuoir le chaſtiment de deux grands maux dont il auoit eſté l'Autheur; l'vn de l'Idolatrie dans laquelle le peuple trompé & enchanté des contes de ſes fables, s'eſt ietté, & a depuis perſeueré; & l'autre de l'Atheiſme, duquel ſont encore profeſſion les eſprits les plus deliez, s'abandonnans ſans crainte à

toutes ſortes de vices; cependant que le ſimple peuple abuſé s'entretient craintiuement au culte de ſes Idoles.

Or maintenant, cómment le venin de la doctrine de ce Thicca, & les ſuperſtitions dont il fut l'Autheur paſſerent par contagion de l'Inde à la Chine; & par conſequent à Tunquin, qui n'eſtoit comme nous auons dit, qu'vne Prouince de la Chine, il eſt mal aiſé de le ſçauoir au vray, la choſe eſtant ſi ancienne. S'il en faut croire aux Annales des Chinois, ce fut par le moyen d'vn Ambaſſadeur Chinois, qui ayant eſté enuoyé aux quartiers d'Occident par vn Roy de la Chine nommé *Han min ti*, pour en apporter la vraye Loy, ſelon l'aduertiſſement que Dieu luy en auoit donné en ſonge; au lieu de paſſer en ſon Occident, ſuiuant l'ordre, & la commiſſion qu'il en auoit euë, rebutté de la longueur du chemin, & des difficultez qu'il rencontra au commencement de ſon voyage, s'arreſta en l'Inde; Et là s'eſtant addreſſé aux Brachmanes, & ayant eu communication du Liure, & de la doctrine de leur *Budda*, (c'eſt à dire) *le Sage*, qui eſt le nom qu'ils ont donné au Thicca dont nous auons parlé, il l'apporta au Roy de la Chine, qui fut le premier à introduire dans la Chine le culte des Idoles, deceu de l'impoſture de ſon Ambaſſadeur, & de l'exemple du Roy la ſuperſtition en paſſa par imitation à tous les peuples de ſon obeiſſance; encore que les perſonnes lettrées & de bon iugement, ayant bien examiné au fonds la vanité, & l'infolidité de cette nouuelle doctrine, n'y voulurent point adherer.

De la veneration que les Tunquinois rendent aux Idoles.

CHAPITRE XX.

IL euſt eſté à ſouhaitter que les Tunquinois, à meſme qu'ils eurent ſecoüé la domination des Chinois, ſe fuſſent défaits des ſuperſtitions qu'ils tenoient, & qu'ils auoient appriſes d'eux; Mais les principes de la Religion, ſoit bons, ſoit mauuais, principalement eſtant imprimez par vne longue accouſtumance, ne s'effacent pas ſi aiſement de l'eſprit des peuples. Ainſi les Tunquinois apres s'eſtre retirez de l'obeiſſance des Chinois, retinrent leurs ſuperſtitions, & ſur toutes celle de l'Idolatrie qui auoit eſté apportée de l'Inde; voire ils l'ont depuis augmentée, & l'ont miſe en plus haut credit, qu'elle n'auoit iamais eſté parmy les Chinois. Eſtant vray qu'il y a auiourd'huy dans le Royaume de Tunquin vn nombre ineſtimable de Temples, & d'Idoles, n'eſtant point de petit Hameau qui n'ayt vn Temple d'Idoles, frequenté de la deuotion ſuperſtitieuſe du peuple: encore qu'il ſoit ſale, & mal tenu, pour l'auarice des Preſtres qui y ſeruent, qui conuertiſſent toutes les offrandes à leur vſage, & de leurs femmes, & enfans, ſans prendre aucun ſoin de l'ornement des Temples, & de la decence des ſimulachres de leurs Dieux.

Il eſt donc vray que deux fois le mois, c'eſt à ſçauoir à la nouuelle, & à la pleine Lune, ce peuple Ido-

latre entre dans ces Temples ſales, & enfumez, pour y reuerer ſes faux Dieux, & leur rendre auec ſes adorations, ſes vœux, & ſes offrandes. Ce qu'il obſerue ſi religieuſement, qu'à peine en treuuera t'on vn, pour incommodé qu'il ſoit de moyens, qui n'y porte en ce temps-là ſon offrande, & la preſente reuerемment aux pieds de ces Idoles poudreux. Ce qu'ayant fait il ſe proſterne pour le moins quatre fois, le viſage contre terre; & aprés (s'il n'eſt point accompagné) il fait ſa priere, & ſa demande, la commençant par la declaration de ſon nom, & de ſon païs, dequoy il faut qu'il croye que ſon Idole eſt ignorant. Que s'ils ſe treuuent pluſieurs en compagnie, comme il arriue ordinairement, celuy d'entr-eux qui eſt de condition plus releuée, fait la priere au nom de tous à haute voix, à laquelle les autres ioignent leur adueu du cœur, qu'ils témoignent par la poſture de leur corps. Cependant les Preſtres des Idoles raſſemblent toutes les offrandes, qui demeurent à la diſpoſition du premier, & principal Sacrificateur, ſans qu'aucun luy demande compte de l'application, ou de la diſtribution qu'il en fait. Et il y a encore de riches poſſeſſions affectées aux principaux Temples, dont les Preſtres ioüiſſent.

Toutefois on ne void point en ce Royaume de Communautez dreſſeés de ces Preſtres ſacrificateurs, comme en la Chine; Mais chaque *Sai ou*, (ainſi appellent-ils le Preſtre principal) habite dans vn appartement ioint à ſon Temple; auec ſa femme, & ſes enfans, & auec les moindres *Sai*, qu'il a aſſociez au ſeruice de ſes fonctions, qu'il tient comme ſeruiteurs; & ſont la plus-part de ceux qui ſe ſont deuoüez pour

toute

toute leur vie aux Idoles. Pour les enfans du *Sai* principal, à peine les laiſſe-t'il iamais ſucceſſeurs de ſa charge, leur en ayant procuré durant ſa vie quelque meilleure, qui eſt vn argument du peu d'eſtime que l'on fait en ce païs de la Preſtriſe; mais il nomme ordinairement pour ſucceſſeur l'vn des ſacrificateurs ſeruans, qu'il croid le plus propre pour s'aquitter de cette charge, & le plus zelé au ſeruice du Temple, & des Dieux.

Et ce nombre de Preſtres ſeruans n'eſt pas ſeulement employé dans les Temples, mais encore aux funerailles des perſonnes riches, non pas pour la ſepulture de leurs corps, qui appartient à d'autres, comme nous dirons; Mais pour les prieres publiques qu'ils font pour les morts au milieu des quarrefours, & des places, où ils dreſſent des autels auec vn appareil funebre, autour deſquels s'eſtant rangez en deux chœurs, ils chantent toute la nuict vne plainte lugubre, auec des voix rudes, & mal concertées. On en a meſme ouy quelquefois chanter des prieres d'vn langage inconnu à ceux là meſme qui les chantoient, qu'ils diſent auoir receuës par tradition de leurs Maieurs, dont on a ſujet de croire que ce ſont des prieres en vieux langage Indois, qui leur ont eſté dés le commencement tranſmiſes auec la ſuperſtition

* *
*

De

De la troiſiéme Secte des Tunquinois, & des enchantemens qu'ils prattiquent enuers les Malades.

CHAPITRE XXI.

CEtte Secte dont i'ay à parler, eſt la pire de toutes celles qui ont cours au Royaume de Tunquin; comme eſtant la plus familiere, & la plus attachée au ſeruice du Diable: Car tous ceux qui la reçoiuent font profeſſion de magie qui les tient deuoüez à cet eſprit malin. On appelle celuy qui en a eſté le premier Autheur *Lauu*, ancien, & inſigne magicien, lequel a toûjours eu, & a encore vn tres-grand nombre de ſectateurs, qui ſont en credit auprés du Roy, & de toutes les perſonnes de condition qui ſont dans le Royaume: Ce qui n'eſt pas merueille; le Roy meſme, & les principaux de ſa Cour s'eſtans laiſſez ſaiſir l'eſprit de cette maudite contagion. Et ce qui met encore cette ſecte en credit, ce ſont les gueriſons des maladies, auſquelles on a opinion qu'elle ſert. Car encore qu'il y ayt dans le Royaume des Medecins aſſés capables de leur art, neantmoins les perſonnes les plus qualifiées ont accouſtumé d'employer plus volontiers ces enchanteurs auſquels ils ont grande creance, ſe promettans plus confidemment la gueriſon de leurs charmes, que des remedes de la Medecine.

Ainſi quand quelqu'vn eſt tombé malade, il enuoye

uoye auſſi-toſt à la place publique vn de ſes domeſtiques, ſi le malade meſme n'y peut aller, pour demander à quelqu'vn des Sorciers de cette ſecte (& il n'y en manque iamais, principalement de pauures, & d'aueugles qui viuent de ce meſtier) d'où, & de la part de qui eſt venu le mal duquel le malade eſt attaint.

Car ils ſont dans cette folle opinion de croire, qu'il ne leur arriue point de maladie, que procurée par quelqu'vn de ſes parens, ou ayeulx decedé, à qui ils ont manqué de rendre quelques deuoirs de pieté. Alors le ſorcier iette quelque piece de monoye en l'air par ceremonie, comme pour prendre le ſort, & ſur ce, prononce auec aſſeurance, par lequel des deuanciers du malade, ſon mal luy a eſté procuré, dequoy il eſt crû: Et ſur ſon dire, comme prouenu d'vn oracle duquel il n'y a lieu de douter, le malade fait appeller dans ſon logis vn autre enchanteur, afin qu'il appaiſe par des offrandes, & des ſacrifices celuy que le ſorcier a declaré l'autheur de ſon mal. L'enchanteur pour cela ordonne que l'on prepare certaines bonnes viandes qui ſeruent à appaiſer le parent trépaſſé: Et cependant fait dreſſer vn petit autel, ſur lequel il iette le ſort, pour ſçauoir ſi la maladie ſera mortelle; ou non. Ce qu'il prattique en cette façon; Il tuë vn poulet, & apres luy auoir couppé les pieds, il les iette dans vn baſſin rempli d'eau boüillante, obſeruant curieuſement la poſture, & la ſituation que prendront les ongles de ces pieds, deſquels il prend les preſages du danger de la mort, ou de la gueriſon. Et ayant prononcé du danger, il ſe prepare à appaiſer les manes courroucez du defunct, l'inuitant ſur le tard auec vne clochette à la

table qu'il luy a fait dresser: Puis s'addressant au Demon, qu'il appelle son Roy, il implore son secours par des supplications impies contre celuy qu'il dit estre l'Autheur du mal que le malade souffre. Que s'il apprend que le mal empire, il s'eschauffe à chanter des imprecations contre ce parent defunct, & sonnant sa clochette quelquefois toute la nuict, étourdit de ce son importun le malade, & empesche entierement son repos. Et cependant faisant semblant que les manes du defunct sont suffisamment repeus de la fumée, & de l'odeur des viandes preparées, il les fait porter à son logis, où sa femme, & ses enfans auec luy proffitent en son temps les restes. Sur le matin il fait preparer vne petite barque faitte de cannes, & de carton, qui est portée sur le riuage de quelque fleuue voisin, en compagnie des domestiques du malade, & de quelques soldats armez de harquebuses, où par ordre de l'enchanteur les domestiques coulent la barque à fonds, comme pour submerger les manes du Trepassé; & les soldats déchargent trois ou quatre fois leurs bastons à feu, pour les épouuanter, & leur faire craindre le retour. Que si aprés cela, le malade (comme il arriue quelquefois) reuient à vne meilleure santé, l'enchanteur glorieux du succez ne manque point de l'attribuer à ses pouuoirs, & de demander bonne recompense de ses peines: Comme au contraire il se retire bien honteux, quand le malade meurt sans auoir receu aucun soulagement de ses inuentions. Ainsi qu'il arriua n'agueres en la mort du fils aisné du Roy, ieune Prince, tres-accompli, & de grande esperance, à qui le Roy auoit déja donné grande part dans le gouuernement, pour

l'y former ſous ſes yeux ; A la maladie duquel les enchanteurs ayant en vain éprouué toute leur ſuffiſance, & employé inutilement tous les ſecrets de leurs ſortileges, voyans que ſon mal alloit toûjours empirant, ils induiſerent d'eſſayer vn dernier remede; qui fut de le faire porter à vne maiſon étrangere, & ſubſtituer vn autre dans ſon lict, contre lequel la mort deceuë tiraſt le coup qu'elle auoit preparé contre le ieune Prince: Mais la mort qui ne peut eſtre iamais ny forcée par la puiſſance, ny trompée par les artifices, l'alla trouuer dans ce lict étranger, & mit fin tout à la fois à ſa vie, & aux plus belles eſperances du Roy, & du Royaume.

Ie ne veux pas icy obmettre vne folle inuention dont ils ſe ſeruent quelquefois quand le malade eſt à l'extremité de la vie, ou ſurpris de quelque ſymptome dangereux, auquel il ſemble que l'ame fait effort ſur le corps pour en ſortir : Car alors ils font mettre en eſtat des Cheuaux harnachez, & preſts à faire voyage pour receuoir l'ame à ſa ſortie ; pendant que les amys qui entourent le lict élancent de pitoyables crys, appellans le nom du malade, pour arreſter ſon eſprit qui eſt ſur le poinct de les quitter, iuſqu'à ce qu'enfin il expire, & que ſon ame miſerable eſt emportée, non ſur les Cheuaux qu'ils auoient preparez, mais par les Demons en Enfer.

Ie dois encore icy adjouſter que le ſortilege dont ils vſent auec les pieds des poulets pour apprendre le ſuccés de la maladie, eſt vniuerſellement prattiqué preſque en toutes les entrepriſes que font les Tunquinois, pour prendre les augures, & s'inſtruire quel en

l'euenement Ainſi s'ils doiuent faire voyage ſur terre, ou ſur mer, ſi faire la guerre, ſi ſe marier, ſi entreprendre quelque autre affaire importante quelle qu'elle ſoit; le ſort, & la poſture du pied du poulet leur eſtant preſagé d'vn bon ſuccés, ils l'entreprennent auec courage, & ſans apprehenſion; s'ils reconnoiſſent dans quelque mauuaiſe poſture du pied vn preſage mauuais, ils n'oſent point paſſer outre, & briſent là leur entrepriſe. Ce qui incommode fort ſouuent leurs affaires. Ainſi que i'ay veu vne fois arriuer à l'vn de leurs Ports, où il y auoit vingt Nauires equippez, les voiles abbatuës, & preſts à faire voyage; lequel les marchands Tunquinois n'oſerent entreprendre deuant que d'auoir conſulté le pied du poulet; qui n'eſtant pas treuué tourné de la bonne façon, leur fit changer de deſſein, plier les voiles & arreſter leur voyage. Mais en ce meſme temps me treuuant eſtre entré dans vne barque qui eſtoit preſte à partir auec le bon vent qui s'eſtoit leué, nonobſtant le mauuais preſage du pied de poulet, duquel ie me mocquois, ie preſſay le Patron (qui tout Payen qu'il eſtoit auoit de bons ſentimens de noſtre Religion) de faire voile, ſans perdre l'occaſion du beau temps qui l'inuitoit à partir: Ce qu'ayant fait, nous allaſmes à toute faueur du bon vent, & abordaſmes heureuſement le meſme iour au Port que nous auions pretendu; où c'eſt que les Nauires des marchands, (s'eſtant leué le lendemain vn temps grandement faſcheux) ne peurent partir de quinze ou de vingt iours; les vagues demeurant pendant tout ce temps hautes, & les vents impetueux, ce qui n'incommoda pas peu leurs affaires, & les obligea de faire reflexion ſur la

vanité

vanité de leurs ſortileges, & ſur la folie de la creance qu'ils y ont.

Des ceremonies que les enchanteurs Tunquinois prattiquent pour les Morts.

CHAPITRE XXII.

IL y a dequoy s'esbahir de la ſtupidité des Turquinois, en ce qu'ayant eſté abuſez des enchanteurs en la gueriſon de leurs parens, & de leurs enfans malades, ils ne laiſſent pas de les employer apres leur mort, & de ſouffrir qu'ils continuent de prattiquer entiers eux leurs folles ſuperſtitions. Donc quelque temps aprés le decés du malade, l'enchanteur auec la famille deſolée du defunct; ſe rend dans la maiſon d'vne Pythoniſſe qui eſt apoſtée à ſa deuotion; où cette ſorciere par quelques inuocations de magie ayant appellé le Demon ſous le nom du Trépaſſé, pour venir reconnoiſtre, & conſoler ſa famille qu'il a laiſſée dans le dueil, le Demon entre ſubitement dans le corps de la Pythoniſſe (Dieu le permettant ainſi en peine de l'infidelité de ce peuple) & l'agite de furieux mouuemens, faiſant paroiſtre ſon viſage, tantoſt rouge comme vn fer enflammé, tantoſt paſle, & de couleur de ſuif; & puis affreulement noir, pour témoigner le vilain hoſte qui la poſſede. Aprés quoy le Demon contre-faiſant la voix du defunct, appelle quelqu'vn de la famille de ſon propre nom, & luy parle de quelque affaire de laquelle ils auoient auparauant

traitté par enſemble, & luy confirme là deſſus ſes ſentimens; ou luy en ouure de nouueaux pour l'execution. Ce qui met en larmes, & en admiration toute la famille qui ſe proſterne à terre, pour reuerer l'eſprit de celuy qu'ils auoient oüy, & veu n'agueres parmy eux, & qu'ils croyent eſtre preſent. Dont en ſuitte ils luy font diuerſes queſtions, auſquelles le Diable reſpond obſcurement, & auec des Amphibologies qui les laiſſent en peine: & n'oublie pas en faueur du magicien, & de la ſorciere ſes bons amys, de demander des viandes deſquelles il feint d'auoir appetit, qui ſont auſſi-toſt apportées pour la ſatisfaction qu'ils croyent donner au defunct. Que s'il arriue quelquefois que le Demon ne parle point par la bouche de la Pythoniſſe, elle neantmoins, ſe demenant alors furieuſement auec d'affreuſes grimaces, debagoule beaucoup de choſes en la perſonne du defunct, ſelon l'inſtruction qu'elle a receuë de l'enchanteur; demande ce qu'il luy plaiſt, & eſt obeye, & écoutée auecque reſpect comme ſi le defunct eſtoit en preſence.

Il y a encore vne autre façon auec laquelle ces ſorciers par l'iliuſion du Demon abuſent le monde; faiſant apparoiſtre le defunct dans vn miroir enchanté, voire le faiſant parler, & demander ce qu'il deſire. Ce qui reuſſit vne fois tres-mal, & à la grande confuſion d'vne Pythoniſſe qui auoit entrepris de faire ce charme: Car deux ſoldats Chreſtiens l'en empeſcherent par leurs prieres, & par la vertu de la Croix qu'ils portoient dans leurs manches. Et quoy que cette ſorciere ſe trauaillât toute la nuict à inuoquer ſon Demon, & à l'appeller à ſon ayde; les deux Chreſtiens au contraire ne ceſſans

toute

toute cette nuict de prier Dieu, qu'il empeſchaſt le Demo d'agir en cette occaſion, afin que l'impoſture de la ſuperſtition demeuraſt ſans effet; & la ſorciere confonduë, ils obtindrent de Dieu ce qu'ils demandoient, la force de la priere ayant preualu à celle du charme.

Vn pareil effet arriua vne autrefois en vne place publique, où beaucoup de peuple eſtoit aſſemblé pour eſtre ſpectateur d'vne operation de magie qu'vn celebre enchanteur y auoit accouſtumé de faire à la veuë de tout le monde, qui eſtoit de faire marcher par la place vne ſtatuë d'homme faitte de cannes; & ſauter vne grande pierre que pluſieurs hommes enſemble n'euſſent pû remuer. Car vn ieune Chreſtien appellé Matthieu paſſant par cette place, touché au vif de l'erreur, & l'enſorcellement de ſes Patriottes, ſe confiant au pouuoir de IESVS-CHRIST, & à la vertu de ſa Croix qu'il portoit deſſus ſoy, ſe mit à exorciſer ſecrettement le Demon que l'enchanteur vouloit employer à cet effet; & luy commanda de la part du Sauueur qui l'auoit vaincu ſur la Croix de ſe retirer en Enfer, & de ne tromper plus le monde par ſes impoſtures. A quoy il fut force au Demon d'obeïr, pendant que le magicien faiſoit ſes inuocations deuant ſon autel; & ne ſentant point la preſence, & la vertu de ſon Demon, ſe tourmoit à toutes mains en fanatique, & ſe mettoit en toutes poſtures, tantoſt debout, tantoſt à genoux, & tantoſt proſterné à terre, preſſant en toutes façons l'eſprit qui l'auoit quitté de venir à luy. Ce que n'ayant pû obtenir durant trois ou quatre heures qu'il continua juſqu'à la nuict en ces mommeries, faſché, & à demy enragé de ſe voir mocqué du peuple, renuerſa par dépit

ſon autel, maudit ſon art, & ſon Demon qui l'auoit abandonné au beſoin, & ſe retira confus à ſon logis. Ce que le bon Matthieu vint raconter tout glorieux, & triomphant d'aiſe à nos Peres, qui l'aduiſerent de s'humilier, & de tenir ſecrette la grace que Dieu luy auoit faitte, ne diuulguant point ce qui auoit eſté fait, de crainte que les Payens n'en priſſent occaſion d'vſer de quelque mauuais traittement enuers les Chreſtiens.

De pluſieurs ſuperſtitions prattiquées aux funerailles, & à la ſepulture des Morts.

CHAPITRE XXIII.

IL n'eſt peut-eſtre point de nation en toute la terre habitable qui ait rendu plus de deuoirs, & plus reſpectueuſement aux ames, & aux corps des Trépaſſez, que les Peuples du Royaume d'Annan. Ce que ie diray deſormais en fera ſuffiſante foy.

Quand quelqu'vn a rendu l'ame, ils obſeruent communement trois choſes pour honorer le corps du defunct. La premiere, qu'ils font recherche du plus ſomptueux cercueil qu'ils peuuent treuuer ſelon leurs moiens, pour enfermer le corps; iuſques là que les plus riches en acheptent à haut prix de bien trauaillez, dorez, & peints auecque beaucoup d'artifice.

La ſeconde eſt, qu'ils taſchent au iour des obſeques de faire honorer le conuoy de la plus belle compagnie qu'ils peuuent aſſembler. Car outre les parents, les alliez

ailiez, & les amys qui n'y manquent iamais, ils y inuitent tous les habitans du lieu, dont la plus grand part s'y trouuent; auec le Magiſtrat qui le fait d'office enuers qui que ce ſoit originaire du lieu. Que ſi le defunct portoit qualité de noble, l'aſſemblée eſt groſſie des habitans des lieux voiſins. Et ſi c'eſtoit vn Magiſtrat, ou vn Capitaine, les compagnies des ſoldats pour honorer la pompe funebre accompagnent le corps auec leurs enſeignes, & tout leur equipage ordinaire de guerre. Et preſque en toutes les funerailles, ils ont accouſtumé de faire paroiſtre à la teſte du conuoy vne grande banniere de ſoye d'enuiron cinquante palmes de hauteur, que quatre puiſſans hommes ont peine de porter, dans laquelle eſt écrit en lettres d'or le nom du Trépaſſé, les honneurs, & les charges qu'il a éuës durant ſa vie, & vn eloge abregé de ſes plus belles actions. Les enfans, s'il y en a de viuans, & la femme marchent deuant le corps, en habit de dueil, publians plaintiuement les biens, & les careſſes qu'ils ont receuës du defunct: Ce qu'ils font auec des contenances ſi triſtes, & vne voix ſi lamentable, accompagnée de gemiſſemens, & de larmes, qu'ils émeuuent tout le monde à pitié. Iuſques là meſme que ſe tournans quelquefois vers le corps du defunct, ils ſe iettent à terre, comme pour ſe laiſſer fouler aux pieds de ceux qui le portent. Et en la façon que i'ay dite, toute la pompe du conuoy marche iuſqu'au lieu deſtiné à la ſepulture, qui eſt ſouuet éloignée de pluſieurs milles de la Ville.

La troiſiéme choſe en laquelle tous les peuples du Royaume d'Annan y ſont de beaucoup de ſuperſtition, ſans y épargner aucune deſpenſe, c'eſt à choiſir vn lieu

propre pour la sepulture de leurs Parents, dequoy ils estiment follement que depend toute la bonne fortune de la famille pour les biens, pour les honneurs, voire pour la santé du corps. Et pour faire ce choix ils employent certains imposteurs, qui font des entendus en l'art d'vne particuliere Geographie, qu'ils appellent *Diali*, lesquels contournans diuersement la bousſole dans vne campagne, & y appliquans quelques autres instrumens de Mathematique, auec le mesme empressement que s'ils cherchoient vn thresor, feignent enfin d'auoir treuué le lieu propre pour la sepulture du defunct, au grand contentement des heritiers qui ne les laissent pas sans recompense, & qui se mettent aussitost en deuoir de preparer, & bien accommoder le lieu destiné sous les ordres, & la conduite du fourbe qui la trouué. Ou (pour faire encore valoir son mestier) il designe auec ses instrumens l'endroit où doit estre la teste, & celuy que les pieds doiuent regarder; afin que le defunct repose plus doucement, & ne vienne point inquieter ses enfans. Or encore que ceux qui sont du commun du peuple ne se mettent point en soucy de loger la sepulture de leurs parens en des lieux secrets, éloignez des chemins publics: Neantmoins les personnes de qualité y font grande consideration, sur l'apprehension qu'ils ont que quelqu'vn de leurs ennemy ayant fait iniure au corps de leurs parens, ils ne se vangent sur leurs enfans, qui n'ont pas pris le soin de les en garentir.

C'est neantmoins vn crime iusticiable parmy eux, & punissable de grieues peines, si quelqu'vn a violé en quelque facon que ce soit le sepulchre d'vn mort,

encore

encore qu'il ſoit expoſé en lieu public. Ce qui eſt bien loüable en eux: Comme encore le ſoin qu'ils prennent de retirer les corps de leurs Parens qui ſont decedez hors de leur Patrie. Ce que les plus nobles, & les plus riches executent ſans delay, & auec l'appareil le plus honorable qui leur eſt poſſible. Le reſte du peuple s'aquitte de ce deuoir ſans faillir, pour le moins apres les trois ans de dueil. Car c'eſt la couſtume inuiolable parmy tous ceux de cette nation que les enfans ne quittent point le dueil de leur Pere, ny la femme de ſon mary que trois ans ne ſoient paſſez depuis le decez. Et pour les marques du dueil encore qu'il y en ayt de differentes, & d'extraordinaires en l'habit, l'ordinaire neantmoins, & celle qui eſt commune à tous, eſt en la cheuelure. Car les hommes qui ſont hors du dueil portent les cheueux de deuant couppez en demy rond ſur le front, au temps du dueil, ils les laiſſent croiſtre iuſques ſur les yeux, ce qui les incommode aſſez. Et au contraire les femmes vefues en ſigne de dueil ſe coupent vne partie de leurs cheueux, & les empeſchent de croiſtre, durant les trois ans de leur dueil, qui eſt encore le temps de leur veufuage, leur eſtant defendu ſous grieues peines de ſe remarier durant ce temps-là, qu'ils appellent *le temps des cheueux*. Lequel eſtant expiré ils font l'ouuerture du Sepulchre de leurs morts, & apres auoir parfumé les oſſemens de bonnes odeurs, & les auoir enueloppez en des linges blancs, ils les remettent dans vn plus petit cercueil, qu'ils enferment dans le [illegible] ſepulchre où ils eſtoient auparauant, ou ſi le defunct eſtoit mort en vne terre eſtrangere, ils les emportent pour les mettre repoſer en la terre de leur

Patrie. Que ſi apres tous ces ſoins, il leur arriue quelque mal-heur en leur perſonne, ou en celle de leurs enfans, & que les enchanteurs dont il a eſté parlé cy-deſſus, en faſſent oſter celuy qui eſt decedé; Ils ouurent dereclief le ſepulchre, & le cercueil où ils auoient remis les oſ; & prennent de nouueaux ſoins à les bien ajancer, pour les faire plus doucement repoſer, & à regarder de prés s'il y auroit point quelque petite pierre qui incommodaſt leur repos, & pour cela les tint de mauuaiſe humeur enuers leurs enfans.

Des Feſtins que les Particuliers, & le Roy meſme, dreſſe à la memoire des Morts.

CHAPITRE XXIV.

L'Vne des ſuperſtitions la plus commune, & la plus attachante qu'obſeruent ceux de cette nation ſous ombre de pieté; c'eſt celle du feſtin qu'ils dreſſent à la memoire de leurs parens défuncts, & qu'ils appellent *Gio*. dont l'vſage eſt fondé en trois groſſieres erreurs. La premiere, qu'ils croyent que les ames de leurs parens ſont dans la liberté de venir quand il leur plaiſt dans la maiſon de leurs enfans, ou quand ils y ſont appellez; Ignorans les barrieres eternelles qui ſeparent ces ames criminelles d'auec nous. La ſeconde, qu'ils ſe perſuadent follement, (ce que S. Auguſtin reprenoit, & condamnoit de ſon temps) que les Trépaſſez ſe repaiſſent de nos viandes; & ſe plaiſent à nos feſtins.

festins. D'où vient qu'ils ont accoustumé de leur preparer vn banquet funebre le plus somptueux qu'ils peuuent, auquel l'aisné des enfans, & l'heritier de la maison, quand la table est seruie, fait vn compliment respectueux à son Pere, comme s'il estoit present, en ces termes. *Vous soyez le bien venu dans vostre maison (mon tres honoré Pere) & où estes vous demeuré si long-temps absent, & éloigné de vos chers enfans qui vous ont de si grandes obligations, que vous auez nourris, éleuez, & instruits auec tant de soins, à qui vous auez amassé quelques commoditez auec tant de peines? Toute nostre consolation, & nos plus grands desirs sont de vous sçauoir plus souuent parmy nous, & de vous y rendre tous les deuoirs auxquels vos bontez nous ont obligez. Agréez, s'il vous plaist, ce maigre traittement que nous vous auons preparé de bon cœur, en tres-humble reconnoissance de vos biens, & pour nous soulager aucunement du dueil qui nous reste de vostre absence.* Ce qu'ayant dit, & luy, & toute la famille se iettent à terre auec de grands gemissemens, pour faire la reuerence au defunct, comme s'il estoit present, l'inuitant de se mettre à table, & de prendre sa place pour manger auec eux. Ce qu'ils s'imaginent qu'il fait, & comme ils sont dans vne troisiéme erreur plus absurde, que ne sont les deux autres, & qui tient du blaspheme, que la vie, la santé, le repos de la famille; & toute la prosperité temporelle de la maison depend de leurs parens Trépassez, A la fin l'heritier supplie son Pere, au nom de ses Freres, & de tous ceux qui sont dans la maison; qu'il n'oublie point ses enfans, & les soins de sa famille, & qu'il donne à tous bonne santé longue vie, & abondance de biens. Aprés quoy toute la famille se met à

genoux, le front abbaiſſé contre la terre, comme pour receuoir la benediction du defunct.

Cette ceremonie eſt renouuellée pluſieurs fois durant le temps du dueil, & principalement au iour anniuerſaire du decez. A quoy ſi l'heritier auoit manqué, il ſeroit tiré par les parens en Iuſtice, & infailliblement priué de l'heritage, pour l'ingratitude dont il auroit vſé enuers celuy qui le luy a laiſſé. Et ce deuoir eſt encore eſtimé ſi iuſte; que ſi le Roy auoit donné (comme nous auons dit cy-deſſus) quelques places, & leurs reuenus aux Capitaines, & aux autres perſonnes de qualité en recompenſe de leurs bons ſeruices, le don en eſt continué à la veufue, & aux enfans pour les trois ans du dueil, afin qu'ils ayent moien de faire ces feſtins à l'honneur de leurs parens Trépaſſez, ou non ſeulement ceux du parentage, mais encore les ſoldats du defunct doiuent eſtre inuitez.

Le Roy meſme qui regne aujourd'huy obſerue cette ſuperſtition enuers ſon Pere decedé, auec des excez qui ne ſont preſque pas croyables. Car il a dreſſé dans ſon Palais vne ſale magnifique en forme de Temple plus grandes que pas vn des Temples qui ſont en tout le Royaume, à deſſein d'y honorer l'eſprit de ſon Pere: où il fait bruſler tous les iours des parfums, & couurir ſomptueuſement la Table de viandes, auec les meſmes ceremonies que s'il eſtoit en vie, A quoy il a nommé vn Officier particulier, qui y ſert ordinairement de Maiſtre d'hoſtel, & aſſigné vn reuenu conſiderable, pour la deſpenſe annuelle qui s'y fait. En quoy il a eſté imité de quelques Seigneurs de plus haute qualité, qui ont des chambres dans leurs

maiſons

maiſons où ils honorent de pareille deuotion ſuperſtitieuſe, quoy qu'auec moins de deſpenſe, & de ceremonie l'eſprit de leurs parens. Et en trouue-t'on encore parmy le peuple qui ont toûjours quelque recoin ſeparé dans leur logis, qu'ils viſitent de fois à autre auec reſpect, où ils croyent reſider actuellement l'eſprit de leurs Peres.

Outre ces repas ordinaires que le Roy veut eſtre preparez tous les iours à l'eſprit de ſon Pere. Il en fait vn extraordinaire chaque année en ce meſme lieu, a la ſolennité duquel on accourt de tout le Royaume, comme auſſi de toutes parts les ſujets ſont obligez d'y apporter des preſens de viandes pour fournir les Tables, ou de contribuer quelque choſe à l'exceſſiue deſpenſe qui ſe fait à ce feſtin. Et encore que la couſtume ſoit commune à toute la nation ſoit de manger en des Tables baſſes, & rondes, qu'ils eſleuent; quand c'eſt pour les morts, de quelques palmes ſur la terre, plus ou moins ſelon l'appareil du feſtin. Toutefois au repas ſolennel qui eſt preparé de magnificence royale à l'honneur du Roy defunct, toutes les Tables qui y ſont dreſſées en bel ordre, & en grand nombre, ſont d'vne grandeur démeſurée, fort larges, & hautes de douze ou de quinze palmes, peintes, marquettées, & ornées en diuers endroits, de platines d'or enchaſſées dedans le bois. Et pour les viandes dont elles ſont chargées, la varieté, & la quantité de la volaille, & de la venaiſon qui s'y trouue, eſt ineſtimable. Outre que chaque Table a ſon veau gras entier, & ſon pourceau roſty; ſans parler des friandiſes de toutes façons precieuſement compoſees, & ſemées par toutes les Tables. Vne choſe

y a t'il

y a-t'il en effet rien de plus ridicule en tout cét appareil; C'eſt, que de ce grand nombre de tables, il y en a quelques vnes qui ne ſont chargées que de pieces de carton dorées, & argentées, leſquelles ils ſe figurent follement deuoir eſtre conuerties en vray or, & en vray argent, pour la commodité du defunct, quand elles auront eſté miſes au feu.

Tout ce pompeux, & ſuperbe feſtin eſtant mis en eſtat dans la vaſte ſalle dont nous auons parlé; Le Roy y entre auec toute ſa famille, accompagné des principaux de ſa Cour, & de ſes Capitaines, où il praticque enuers l'eſprit de ſon Pere la ceremonie commune que nous auons décrite cy-deſſus. Aprés laquelle il ſe retire pour laiſſer à ſon Pere la liberté de prendre ſa refection des viandes qui ont eſté ſeruies. Et comme s'il eſtoit repeu à ſuffiſance, le Roy reuient le lendemain au meſme lieu pour faire la diſtribution de ces ſeruices, premierement aux Gentils-hommes, puis aux ſoldats, & le reſte au menu peuple; de ſorte qu'il eſt peu de perſonnes en toute la Cour, excepté les Preſtres (qui s'en abſtiennent; comme de viandes immondes) qui n'ayt quelque part en cette diſtribution.

Il en fait dans l'année d'autres moins ſolennels, ſelon la couſtume obſeruée par les perſonnes de condition, à l'honneur de l'Ayeul, du Biſayeul, & de tous les deuanciers, du coſté tant du Pere, que de la Mere, iuſqu'à la huictiéme generation, à chacun deſquels ſon iour eſt aſſigné. Et parce qu'il eſt difficile au peuple de tenir vne aſſignation certaine de ces iours, il y a deux mois dans l'année, le ſeptiéme; & le dernier qui ſont deſtinez pour tous ceux du peuple, à celebrer la me-

moire

moire de leurs parens defunets, à cuy perſonne ne manque. Ce qui deuroit faire honte aux Chreſtiens, qui ſont moins ſoigneux de rendre ces deuoirs de piété, & de charité aux ames des Trépaſſez, à qui leurs ſuffrages peuuent beaucoup ſeruir, que ne ſont pas les Payens à prattiquer inutilement leurs ſuperſtitions pour le repos de leurs parens decedez.

De quelques autres ſuperſtitions prattiquées enuers les Trépaſſez.

CHAPITRE. XXV.

CEs extraordinaires ſentimens d'affection, que les Tunquinois conſeruent pour leurs parens defunets en l'exceſſiue deſpenſe qu'ils font aux honneurs qu'ils leur rendent, non ſeulement affoiblit leurs moyens, mais les oblige ſouuent à incommoder leurs maiſons de debtes, pour auoir dequoy fournir aux frais que la couſtume, & la bien-ſeance requierent, non ſeulement en feſtins, mais encore en beaucoup d'autres ceremonies; autant inutiles, que friuoles, dont l'vſage commun ne leur permet pas de ſe diſpenſer. Comme c'eſt de dreſſer auec grande curioſité des maiſons, & des meubles de meſnage, le tout fait de cannes, & de cartons peints, & puis y mettre le feu; dans cette folle perſuaſion que les Trépaſſez, pour qui cét appareil auoit eſté dreſſé, trouueront de belles maiſons, & vn riche ameublemẽt à leur vſage, en l'autre mõde où ils ſont

allez: Auec pareille folie ſur la fin de chaque année, ils acheptent des habillemens de toutes façons, faits de papier peint, & puis les mettent au feu; auec cette ridicule imagination, qu'ils ſe changeront en robbes neufues, & de riche étoffe, pour leur ſeruir au renouueau de l'année. C'eſt auſſi dequoy nous auons ſouuent pris ſujet de declamer en public contre leurs ſuperſtitions, & de nous mocquer de cette coûtume ridicule qu'ils ont d'enuoyer à leurs parens des robbes de papier, deſquelles il n'y a point de pauures gueux qui voulut ſe ſeruir. Et pour ce qu'ils diſent qu'elles ſe changent dans le feu. [Ouy certes leur repliquons nous, elles ſe changent, partie en cendres, & partie en flamme: Laquelle donc des deux parties leur enuoyez-vous, celle de cendre, ou celle de flamme? Si celle de cendre; ils auront froid ſous la cendre: ſi celle de flamme; ils bruſleront ſous vn habit ſi chaud. Mais, à vous dire ce qui eſt, vous leur enuoyez vne robbe de flamme, qui augmentera celle dont ils bruſlent en Enfer, pour vous auoir appris ces folles ſuperſtitions. Vous feriez beaucoup mieux, (au cas que les ames de quelques vns de vos parens ſouffrent pour leurs pechez dans les flammes du Purgatoire, & ſoyent en voye de ſalut) de donner liberalement des robbes aux pauures, & de couurir leur nudité, à ce que Dieu agreant voſtre charité bienfaiſante, comme faitte pour ſon amour, la conuertiſſe en rafraichiſſement des peines que vos parens endurent.] Et cet aduis opera ſi efficacement ſur l'eſprit, non ſeulement des Chreſtiens, mais encore de quelques vns des Payens, que les pauures en profiterent: En ſorte que l'vn d'eux a confeſſé depuis, auoir receu

receu en aumoſne dans vne année iuſqu'à vingt-huict robbes, deſquelles on luy conſeilla de faire part aux autres pauures.

Or encore (ce qui eſt vne ſorte de pieté déguiſée d'vne belle apparence) eſtendent-ils leur ſoin, & leur ſuperſtition à procurer du ſoulagement, non ſeulement aux ames de leurs parens, mais encore de ceux qui n'ayant point laiſſé d'enfans, ny de proches parens, ſont comme abandonnez de tout ſecours, qu'ils appellent *Cu hon*. Car la pluſpart des Tunquinois ont encore accouſtumé à la ſixieme Lune, qui tombe enuiron noſtre mois de Iuin, de bruſler des robbes peintes, qu'ils penſent (dans leur metamorphoſe imaginaire) pouuoir ſeruir à l'vſage de ces pauures abandonnez. Il y a deplus vne plaiſante coûtume receuë dans les Colleges en faueur de ces ames vagues; que tous les eſcholiers deux fois le mois, à la nouuelle, & pleine Lune, vont à trouppes par la Ville faire la queſte pour elles, laquelle eſt conuertie à achepter quantité de ris, duquel ils preparent certaine boüillie, & apres en auoir vn peu mangé, épanchent le reſte ſur les toicts des maiſons, s'imaginans que ces ames y prendront encore quelque refection. Et apres cela ils dreſſent vn petit autel dans leur eſchole, deuant lequel ils demandent à ces ames, bon eſprit pour apprendre, & ſe rendre ſçauans.

Outre ces ceremonies, & ſuperſtitions communes, dont nous auons parlé iuſques icy, les perſonnes qualifiées en prattiquent de particulieres de plus grande deſpenſe, qui ont neantmoins du rapport auec celles du commun. Ainſi quand quelque perſonnage d'au-

thorité & de moyés eſt decedé, les heritiers luy dreſſent vn Palais en pleine campagne de matiere legere, & combuſtible, mais par tout peint, enjoliué, & hiſtorié de figures; & tout autour des tables, des licts, des buffets, & autres meubles de maiſon; & auec ce quantité de figures en relief de meſme matiere, qui repreſentent des Elephans, des Cheuaux, des Chiens, des Chats, & ſemblables animaux domeſtiques: à quoy ils employent de grandes ſommes d'argent, s'eſtant quelquefois treuué de ces figures qui couſtoient dix, & douze eſcus, & toute la deſpenſe de cette folle repreſentation montant ſouuent à plus de mille eſcus, laquelle toutefois (ce qui eſt tout à fait digne de mocquerie, ou d'indignation) n'eſt deſtinée que pour le feu. Car tout cét appareil eſtant acheué, à la ſortie d'vn repas ſolennel, auquel ſont inuitez les Muſiciens, & les joüeurs de flûte, les Preſtres des Idoles, & les Enchanteurs, l'heritier y fait mettre le feu, ſur la creance commune dont il eſt abuſé, & qu'il eſt mal aiſé d'arracher de l'eſprit des grands, & des petits, que l'ame du trépaſſé treuuera toutes ces commoditez en meilleur eſtat au monde nouueau, où elle eſt allée.

* *

Auec

Auec quelles ceremonies le Roy de Tunquin celebre le iour de ſa naiſſance.

CHAPITRE XXVI.

OVelque temps deuant qu'arriue le iour natal du Roy, on luy apporte des preſens de toutes les Prouinces de ſon domaine, pour fournir le grand nombre de tables qu'il fait dreſſer dans ſon Palais, & ſeruir au feſtin ſolennel qu'il fait à tel iour à tous les Capitaines, & ſoldats de la milice, qui s'y preſentent ſans faillir en bel equipage, habillez de calaques neufues, pour preſter ſelon la couſtume le ſerment de fidelité qu'ils doiuent au Roy.

La ceremonie principale qui ſe prattique au iour de cette naiſſance, eſt fondée ſur vne commune erreur de la Philoſophie des Tunquinois, qui eſtiment que chaque homme, outre les trois ames qu'ils luy donnent, & qu'ils appellent *Ba hon*, qui animent en confuſion le corps où elles reſident, & a de plus ſept eſprits, qu'ils logent dans ce meſme corps, ſans qu'ils leur aſſignent leurs propres appartemens, comme nous faiſons aux eſprits vitaux, & animaux, & ſans qu'ils les diſtinguent de nom, les appellant d'vn nom commun à tous *Ba via*. Tellement que lors que quelqu'vn a eſté ſurpris d'vne grande fraycur par quelque accident inopiné, ils diſent qu'il a perdu vn eſprit: Et parce que les femmes, comme plus peureuſes que les hommes, ſont auſſi ſujettes à

perdre plus ſouuent quelqu'vn de ces eſprits, ils leur en aſſignent neuf, qu'ils appellent *Chin via:* encore que pour vne autre raiſon ils donnent aux femmes vn plus grand nombre d'eſprits qui ſeruent à leur conſeruation, parce qu'ordinairement elles viuent plus que les hommes, & que les vieilles femmes durent plus que les hommes vieux.

Mais pour le Roy, ils ſont dans cette réuerie de croire qu'à chaque année au iour de ſa naiſſance, il reçoit vn nouuel eſprit, qui ſuccede à vn de ceux qui a eſté affoibly, ou épuiſé par les ſoins du gouuernement dans le cours de l'année paſſée. Pour cela à la pointe du iour, & deuant le leuer du Soleil, l'vn des Chariots du Roy ſort vuide hors de la Ville en compagnie d'vn grand nombre de ſoldats armez, & de peuple qui le ſuit; & eſtant arriué en quelque belle campagne egayée d'arbres, & de verdure, il s'arreſte au milieu, pendant que les ſoldats, & le peuple épandu aux enuirons, s'occupent à l'enuy à cueillir des fleurs de la ſaiſon, & à coupper de beaux rameaux, & des branches verdoyantes, qu'ils ajancent apres fort proprement tout autour du ſiege du Roy, ornant tout le Chariot de feſtons, de guirlandes & de verdure. Ce qu'ayant fait, ils ramenent le Chariot en bel ordre, & comme en pompe de triomphe, auec cette imagination que le nouuel eſprit du Roy y eſt porté deſſus, à qui ils rendent tous ces honneurs. Et comme il entre dedans la Ville en cette pompe, le Roy en meſme temps ſort de ſon Palais, monté ſur vn autre de ſes Chariots d'honneur, accompagné de tous les Seigneurs de ſa Cour, de ſes Capitaines, & des ſoldats de ſa garde, pour aller au deuant

de

de l'esprit imaginaire qu'on luy amene de la campagne; & l'ayant rencontré sur le chariot dont nous auons parlé, ombragé de verdure, il y saute dessus, embrasse, & baise le branchage, & les rameaux qui le couurent; & apres auoir fait toute sorte de gracieux accueil à ce phantosme de son imagination, comme s'il estoit saisy de ce nouuel esprit, se remet tout gay, & glorieux sur le chariot qui l'auoit mené, pour retourner à son Palais, où tout le peuple l'accompagne auec de hautes, & ioyeuses acclamations; & où estant arriué, tous les Princes, & les Capitaines, courbez à genoux deuant luy, à l'occasion du nouuel esprit qu'il a receu, luy renouuellent leurs respects, & leur obeissance, pendant que les soldats, & le peuple qui a suiuy, font retentir tout le Palais de leur *Viue le Roy*, & de leurs crys de réjoüissance. La feste se conclud par vn festin solennel preparé de magnificence royale, auquel non seulement les Princes, les Seigneurs principaux, & les Capitaines, mais encore les soldats ont leur part.

De quelques obseruations superstitieuses des Tunquinois.

CHAPITRE XXVII.

POur entendre aucunement en quoy consiste l'vne des plus communes superstitions qui soit en vsage parmy les Tunquinois, voire parmy tous les peuples du Royaume d'Annan; Il faut sçauoir que comme ils diuisent le iour naturel en douze

, dont chacune vaut deux des noſtres, à qui ils ont donné les noms des douze ſignes; auſſi marquent-ils de ces ſignes les douze mois de l'année, & reduiſent à ces meſmes ſignes par vne reuolution circulaire chaque iour de l'année; & chaque année des ſiecles, ioignant ces ſignes auec dix caracteres en tel ordre, que dans ſoixante ans ils ne comptent qu'vne de leurs reuolutions, dont la fin eſt le commencement d'vne autre qui ſuit: Or ce qui geſne leur eſprit dans ces obſeruations mathematiques, & qui les trauaille ſouuent de faſcheuſes apprehenſions, c'eſt qu'ayant appris (comme ils en ſont tres-curieux) l'heure preciſe de leur naiſſance, & le ſigne ſous lequel ils ſont venus au monde, ils ſe figurent que leur mal-heureuſe deſtinée eſt attachée à tout ce qui eſt marqué du ſigne de leur horoſcope, ſoit année, ſoit mois, ſoit iour, ou meſme heure du iour. Ce qui fait qu'ils n'oſent rien entreprendre qui ſoit de quelque importance en l'année, au mois, au iour, à l'heure, qui ſelon leur mathematique eſt rangée, & reduitte ſous vn tel ſigne, craignans quelque mal-heureux ſuccez en l'affaire qu'ils auront entrepriſe. Encore que l'experience qui eſt la mere des veritez, les ayt quelquefois inſtruits, que malgré les Aſtres, & les Horoſcopes; ils pouuoient échapper les mal-heurs que ces temps, & ces heures infortunées leur auoient fait apprehender. Sur quoy ils n'ignorent pas l'exemple memorable arriué au Roy de la Cocinchine, lequel eſtant viuement preſſé de l'armée du Roy de Tunquin, qui auoit déja forcé la frontiere de ſon Royaume, & les Mathematiciens qui eſtoient auprés de luy, & l'auoient accompagné, luy ayant fait voir dans

les

les rouës de leur Horloge astronomique, que l'heure presente en laquelle il se disposoit à se battre auec l'ennemy, estoit vne heure dangereuse, comme estant marquée d'vn signe infortuné. Le Roy, ou par dépit, ou par mespris de ces réueuses obseruations, iettant loin d'vn coup de pied leur horloge; Ouy da, dit-il, que ie verray donc mon ennemy entrer dans mes terres, & ie demeureray les bras croisez sans oser le repousser, comme s'il me pouuoit arriuer de plus grande disgrace, que de voir mon Royaume perdu, & enuahy par vn estranger: Puis se tournant deuers ses soldats qui attendoient sa resolution, & ses ordres: Courage (leur dit-il, d'vne voix haute, & ferme) courage, soldats, aux armes, c'est toûjours vne bonne heure, en laquelle l'on rend vne iuste defense; & ce sera vne heure fortunée pour nous, & fatale à nostre ennemy, si nous le repoussons de nos terres, & le contraignons d'en sortir. Et auec ce, marchant auec ses trouppes contre les ennemy, qui estoient déja fort auancez, apres auoir courageusement soûtenu leurs efforts, s'obstina à sa défense, & les obligea enfin à se retirer. Ainsi l'heure que les Cocinchinois (qui sont imbus de la mesme opinion que les Tunquinois) auoient marquée comme mal heureuse, se treuua estre heureuse pour eux.

Ils s'attachent de plus par superstition à quelques autres obseruations ridicules, qui monstrent bien la foiblesse de leur esprit, & la force des illusions, dont le Diable les a miserablement enchantez; Ce qui les reduit souuent à d'extremes angoisses d'esprit dans les meilleures, & les plus pressantes affaires qu'ils auront en main. Ainsi quand sortant au matin du logis,

meſme pour quelque bon ſujet, & important au bien de leurs affaires, ils auront eu en rencontre vne femme plutoſt qu'vn homme, ſoudain ils rebrouſſent chemin, & ſe retirent triſtes à leur logis, dans l'opinion qu'ils ont que cette affaire (s'ils fuſſent paſſez outre) leur deuoit tres-mal reuſſir; encore qu'ils ſçachent bien ſouuent qu'en la dilayant ils la perdent. Pareillement, ſi ſortant de leur logis, en quelque temps que ce ſoit, il arriue qu'ils éternuent eux meſme, ou quelque autre de ceux qu'ils treuuent à leur ſortie; ils n'oſent point paſſer outre, mais ſe contiennent dans le logis; craignans que quelque mal-heur ne leur arriuaſt s'ils paſſoient plus auant, & s'ils alloient où ils auoient deſſein d'aller. Ils ont vne infinité d'autres obſeruations ſuperſtitieuſes, auſquelles ſont fort attachez ceux qui font profeſſion du paganiſme en tous ces païs-là; & deſquelles ſont deliurez tous ceux qui ayants renoncé à la vanité de leur Religion, & de leurs folles ſuperſtitions (comme il y en a déja vn tres-grand nombre qui s'augmente tous les iours) ont embraſſé le culte du vray Dieu, & reconnu dans les veritez de la Religion Chreſtienne, la fauſſeté, & l'abſurdité de leurs erreurs.

***

Comment

Comment les Tunquinois celebrent leurs Mariages.

CHAPITRE XXVIII.

COmbien que la Polygamie ſoit encore commune en ce Royaume parmy les perſonnes de condition, & qu'aucun n'y ſoit recherché, ny puny, s'il paſſe en ſeconde nopces; ou retenant ſa premiere Femme, comme le font preſque toûjours les perſonnes qualifiées; ou la congediant, comme il ſe prattique quelquefois parmy le peuple. Toutefois voulant traitter de mariage, ils ſe comportent tous ordinairement en la façon qui s'enſuit.

Les Parens commencent entr'eux le traitté de mariage, au temps meſme que leurs enfans ſont encore mineurs, & en bas âge: quoy que la premiere recherche s'en fait toûjours par les Parens du Garçon; leſquels voulans s'allier dans vne autre famille de leur condition, employent vn tiers pour ſçauoir, ſi les Parens de la Fille auront agreable que l'on traitte auec eux d'alliance par le moyen d'vn legitime mariage. L'agrément eſtant ſignifié, les Parens du garçon ſe diſpoſent à acheuer le traitté par eux-meſmes, & pour cela s'en vont au logis des Parens de la fille auec des preſens, & des arrhes conformes à leur eſtat; leſquels eſtants acceptez tiennent la place d'vne promeſſe acceptée & mutuelle d'épouſailles, de laquelle il n'eſt plus loiſible de ſe departir, ſans quelque grieue, & importante

cauſe. Cependant le beau-Pere voulant inſtruire par ſa propre experience des mœurs, & des qualitez d'eſprit, & de corps, de celuy qui luy eſt deſtiné pour gendre, le demande ordinairement auſſi-toſt qu'il a attaint l'âge de puberté, pour venir demeurer chez luy; où il le met à l'eſſay dans quelque maniement qu'il luy donne des affaires, tant du dedans, que du dehors. Que ſi dans cette épreuue, il le reconnoit vicieux, mal nay, negligent, & mal propre à la conduite du meſnage, & des affaires domeſtiques; alors, par le pouuoir que la raiſon, & la coûtume luy en donnent, il le renuoye à ſes Parens, auec les arrhes qu'il auoit receuës d'eux; Et au contraire, eſtant bien ſatisfait de luy, il le retient apres cét eſſay, vn, ou deux ans, ou plus longtemps, ſi ſa fille n'eſtoit pas encore mariable; apres quoy l'on procede aux autres ceremonies du mariage, en cette façon.

Premierement on en donne aduis à tous les Parens de la famille, de l'vn, & de l'autre party, qui conſiderent bien s'il y a quelque empeſchement de conſanguinité aux degrez prohibez par les loix du Royaume. Car ny les enfans de deux freres, ny leurs deſcendans en quelque degré qu'ils ſe treuuent éloignez, ne ſe peuuent iamais marier. Les neueux, & les deſcendans du frere, & de la ſœur ſe peuuent marier, ſe treuuans au troiſiéme degré, non iamais au ſecond; mais les enfans de deux ſœurs ſe peuuent marier, voire au ſecond degré. L'aduis du traitté de mariage eſtant donné à tous les Parens plus proches (qui ne manquent point d'enuoyer quelque preſent pour la ſolemnité de la nopce,) il en faut auſſi aduertir le Gouuerneur, & les

les plus anciens du lieu, qui ſont à meſme inuitez au premier feſtin nuptial qui ſe fera au iour qui eſt nommé. Et cét aduertiſſement public tient comme lieu de publication du mariage, & le tient-on ſi neceſſaire, qu'ayant eſté obmis, le mariage eſt cenſé nul, & non valablement contracté; voire puny comme clandeſtin par la loy, & la coûtume du Royaume. D'où l'on peut apprendre, que les mariages clandeſtins ſont reprouuez, meſme des Payens, qui ne ſont guidez que de la lumiere de la Nature.

Ces choſes ainſi obſeruées, l'eſpoux qui eſt obligé de doter ſa femme enuoye le dot qui a eſté conuenu entre les Parens communs, à la maiſon de ſon beau-Pere; duquel il ne peut point ſe preualoir, mais il le doit tout employer, où aux habillemens, où aux ameublemens de ſa fille, ſans qu'il ſoit tenu par obligation à aucune autre choſe; encore que par ciuilité il fait ordinairement de beaux dons ſelon ſa condition, qui accompagnent la fille quand elle eſt menée à la maiſon de l'époux: Car pour l'ameublement auquel vne partie du dot a eſté employé, il a eſté déja porté le iour precedent, auec quelque ſorte de pompe, & d'appareil, où ſe ſont trouués les perſonnes les plus qualifiées du lieu, quãd les nouueaux mariez ſont de bonne maiſon. Que s'ils ſont du commun du peuple, le tout eſt enuoyé le meſme iour auec l'épouſe, qui eſt conduite en la maiſon du mary par le Magiſtrat de la Ville, en compagnie des Parens, & d'vn grand nombre d'habitans qui luy font honneur.

Tout ce conuoy entré dans la maiſon de l'époux, ſe rend autour d'vn Autel qui a eſté dreſſé à l'honneur, &

à la memoire des deuanciers de la famille dans la meſme ſalle où ſe doit faire le feſtin, qui eſt toute parfumée de bonnes odeurs. Et là le Pere de l'Eſpoux (ou le plus ancien de ſes Oncles, ſi le Pere eſtoit decedé) s'eſtant mis à genoux deuant l'autel, & à ſes coſtez l'Eſpoux, & l'Eſpouſe en meſme poſture que luy, parle en cette ſorte à l'Ayeul de l'Eſpoux, l'eſprit duquel il reuere comme preſent ſur cet autel. [Voicy voſtre petit fils, mon tres-cher, & tres-honoré Pere, qui eſpouſe auiourd'huy cette fille, N. & la prend legitimement à femme; ſoyez fauorable à leur mariage, & luy donnez bon & heureux ſuccez; qu'ils viuent longues années enſemble en amitié, en ſanté, en ioye, & en proſperité de biens; & qu'il naiſſe d'eux, des enfans ſains, virgoureux, ſages, & de bonnes mœurs, qui ſoyent la ioye, & la conſolation de leurs Parens. Pour témoigner la ſatisfaction que nous auons de cette alliance, nous auons preparé ce feſtin, auquel nous vous inuitons le premier, comme le Chef de la Famille que nous vous recommandons, & ſur tout ces nouueaux mariez que nous mettons ſous voſtre protection.] Et cela dit, ſe fait la nopce, & le mariage eſt cenſé legitimement contracté, & indiſſoluble, principalement du coſté de la femme, qui ne peut iamais quitter, ou repudier ſon mary, encore que le mary, par vn abus intolerable qui s'eſt gliſſé parmy ceux de cette nation retienne le pouuoir de repudier ſa femme, pour quelque defaut reconnu, ou meſme ſi le caprice, & le degouſt luy en dit. Ce qui ſe void rarement hors des perſonnes de baſſe condition: Car pour les gens qualifiez, comme ils ont ordinairement pluſieurs femmes,

auſſi

auſſi ſe mettent ils fort peu en ſoin d'en congedier aucune, en cas de diſſenſion, ou d'inconſtance d'affection; veu principalement que par la loy commune du mariage receuë parmy ceux de cette nation, il eſt defendu à la femme vne fois mariée, d'aller à vn autre mary. Or encore que dans toute la ceremonie qui en prattiquée en ces mariages, il n'interuienne point de conſentement donné, & exprimé reciproquement entre les parties: neantmoins leur ſilence, & la poſture qu'ils tiennent aupres du Pere qui parle pour eux, & annonce leur mariage, ſont de ſuffiſans témoignages du conſentement qu'ils donnent, & de la parole qu'ils s'entre-donnent, & qu'ils expriment en cette façon, ſelon l'vſage, & la couſtume du païs.

I'adjouſteray icy vne choſe remarquable, qui peut faire accroire que la foy de la Religion Chreſtienne n'a pas eſté autrefois inconnuë au Royaume de Tunquin. C'eſt qu'auſſi-toſt qu'vn enfant eſt ſorty du ventre de ſa mere, on luy marque le front, auec de l'encre, ou de la roſette, du ſigne de la ſaincte Croix: laquelle la premiere fois que ie veis ainſi formée ſur le front d'vn petit enfant; ie demanday aux Parens, pour quelle raiſon ils l'auoient marqué de la ſorte: Et ils me reſpondirent, que c'eſtoit afin que quelque mauuais Demon (ennemy de l'enfant) ne luy nuiſiſt, ou luy portaſt dommage; Et les ayans de plus interrogez, d'où eſt-ce qu'ils ſçauoient que cette marque auoit la vertu de chaſſer les Demons malfaiſans, & de defendre l'enfant de leur puiſſance, à cela ils ne peûrent reſpondre autre choſe, ſinon qu'ils tenoient cette obſeruation d'vne ancienne couſtume prattiquée des long-temps

par

par tous ceux de la nation. Ce qui est vn signe assez euident que la foy de IESVS-CHRIST leur a esté autrefois annoncée, & le salut qu'il leur a merité par sa Croix, dont ils retiennent encore religieusement la figure; qui passera bien tost, comme il est à esperer des bontez de Dieu, du front où elle est peinte, dans les cœurs de tous ces peuples mescreans.

Des coustumes obseruées par les Tunquinois, sur la fin de l'année, deuant que de commencer la suiuante; & de quelques autres superstitions.

CHAPITRE XXIX.

C'Est vne ancienne, mais ridicule coustume qui se garde par tout le Tunquin, que les vieilles gens, hommes, & femmes, sur la fin de l'année se retirent craintiuement dans les Temples de leurs Idoles, comme en des lieux d'asyle, pour s'y garantir de la puissance d'vn Demon qu'ils nomment *Votuan*; l'office duquel, comme ils pensent, est de tuer, & d'estrangler toutes les personnes sur-âgees de l'vn, & de l'autre sexe. Ce qui fait que ces pauures miserables se contiennent les trois ou quatre derniers iours de l'année dans l'enclos de ces Temples, sans en oser sortir ny de iour, ny de nuict, iusques au premier iour de lan, auquel ils s'en retournent dans leur maison, auec

asseurance

asseurance que le pouuoir de ce Demon malfaisant, & ennemy des vieilles gens, est expiré. C'est ce qui est en vsage sur la fin de l'année parmy toutes les personnes aagées.

Pour les autres qui ont quelque charge dans les maisons, comme les Peres de famille, ils ont accoustumé au dernier iour de l'an, de faire planter prés de la porte de leur maison, vn pôteau long, qui surpasse la couuerture du toict, à la cime duquel ils attachent vn panier ou vne cassette percée de plusieurs ouuertures, & pleine de petites pieces de carton, dorées, & argentées; sur la folle imagination qu'ils ont, que leurs Parens decedez à la fin de l'année pourroient estre tombez en quelque necessité, & auoir besoin d'or, ou d'argent pour payer leurs debtes. Ce qui est fondé sur vne autre coustume qu'ils ont, que pas vn d'eux, depuis le plus grand iusques au plus petit, ne renuoye de payer ses debtes au delà de l'année en laquelle il les a contractées, si l'impuissance ne luy en oste le moyen. Ce qui seroit grandement loüable s'ils le faisoient autrement que par superstition comme ils le font; craignans que les creanciers offensez du delay ne leur, leuent quelque blasme qui redonde aux deuanciers. lesquels s'en vangent par apres sur leurs enfans, & leurs heritiers. Ce qu'ils ont en telle apprehension, que si quelqu'vn est accusé, & conuaincu en Iustice d'auoir offensé vn autre en son honneur par vn outrage qui passe à ses deuanciers, il est puny du Iuge auec la mesme rigueur que s'il estoit coûpable d'vn grand crime. Et ils payent encore leurs debtes deuant la fin de l'année pour vne autre raison superstitieuse, craignans que

les creanciers les venant exiger au premier iour de l'an, ne les obligent à laiſſer ſortir ce iour-là, du bien de la maiſon, ce qu'ils eſtiment eſtre fatal, & de mauuais augure.

De toutes leurs ſuperſtitions la plus commune, & celle de laquelle ils ont le plus de peine de ſe défaire, eſt celle de leurs Dieux domeſtiques, qu'ils reuerent ſous le nom de *Tien ſu*, c'eſt à dire, *nos anciens maiſtres.* Car à peine y a-t'il aucune maiſon, à l'entrée de laquelle il n'y ayt vn autelet dreſſé à ces *Tien ſu*, qu'ils honorent auec des parfums continuels, plus, ou moins precieux ſelon les commoditez de la famille; & à qui, le matin apres leur leuer, & le ſoir deuant que de ſe retirer, ils rendent quelque ſeruice de leur deuotion. C'eſt auſſi de la faueur, & de l'aſſiſtance de ces Dieux, que tous les artiſans, voire les Medecins, les gens de lettres, & d'eſpée, reconnoiſſent tenir toute l'induſtrie, & l'addreſſe qu'ils ont en l'exercice de leur meſtier, ou de leur profeſſion: & il n'eſt pas iuſques aux larrons, qui n'ayent leur Mercure, à qui ils rendent à leur façon, leurs reſpects religieux, & leur adorations ſous le nom de leur *Tien ſu*, & cette ſuperſtition a ſi generalement attaché leur eſprit, qu'elle ſert ſouuent d'obſtacle à leur conuerſion. Vn Medecin des leurs m'auoit heureuſement guery d'vne maladie, auquel voulant par reconnoiſſance rendre vn bon ſeruice, ie pris toute ſorte de ſoin à luy perſuader la fauſſeté de ſa religion, & l'en retirer; & mes ſoins auoient ſi bien reuſſy, qu'il eſtoit tout diſpoſé à receuoir le Bapteſme, & à donner congé à toutes ſes autres ſuperſtitions. Mais quand il fut queſtion d'abbattre l'autel des *Tien ſu*, il ne fut

iamais

iamais poſſible de l'y reſoudre; & ainſi il perſiſta, & eſt miſerable nent mort dans ſon erreur. Le meſme arriua à vn Capitaine de qualité, & Gouuerneur d'vne Prouince, âgé de quatre-vingts ans, lequel il me ſembloit auoir bien gaigné à noſtre religion; & comme i'eſtois veſtu du ſurpelis, tout preſt à luy donner le Bapteſme, il proteſta qu'il eſtoit bien reſolu de quitter toutes les ſuperſtitions que noſtre religion condamnoit, à la reſerue du *Tien ſu*, qu'il vouloit conſeruer, non tant pour ſoy, diſoit-il, que pour ſes ſoldats. Ce qui m'empeſcha de paſſer outre au Bapteſme. Peut-eſtre que Dieu luy fera la grace de ſe reconnoiſtre, & de vaincre cette difficulté.

I'adjoüteray icy pour la fin la plus pernicieuſe, & tout enſemble la plus folle ſuperſtition qui ayt vogue parmy ceux de cette nation. C'eſt qu'en chaque Ville, ou Village, ils ont vn grand Temple qu'ils appellent *Dinh*, dedié au Demon, ou au Dieu tutelaire du lieu; dans lequel les plus anciens des citoyens tiennent le Conſeil pour les affaires de la commune, ne voulans rien conclure qu'en la preſence, & ſous les auſpices de ce Dieu; à l'honneur duquel ils celebrent tous les ans des feſtes publiques, aux chants, danſes, & feſtins durant l'eſpace d'vn, ou de deux mois, ſur l'opinion qu'ils ont que toute la proſperité des biens, la fertilité des champs, & la ſanté des hommes, & des beſtes, dependent de ce Demon, qu'ils appellent, le Roy du lieu. Mais le choix de ce Dieu, ou de ce Roy ſuperſtitieux, ſe fait ſur vne cauſe auſſi ridicule, & ſotte, comme elle eſt infame. Car ſi quelque inſigne Voleur, ou quelque autre criminel a eſté ſupplicié par ſentence du

iuge hors de la Ville, & qu'il arriue par quelque accident, ou par l'artifice du Diable, qu'vn Bœuf, vn Buffle, ou mesme vn Pourceau tombe, ou s'abbatte en cette place; auprés du corps, ou sur le tombeau de ce criminel; le bruit en estant épandu, ce meschant homme par la designation casuelle de ceste beste, sera tenu desormais pour le Dieu tutelaire, & le Roy du lieu. Et il y a plus (ce qui ne peut-estre que l'effet d'vn transport fanatique, & d'vne illusion tout à fait diabolique) si quelque pareil accident de cheute est arriué à vne beste, ou à vn homme aupres du corps d'vn chien enragé, qui aura esté chassé, & tué hors de la Ville, ce Chien puant sera reconnu d'eux pour le Roy, & le Dieu auquel ils rendront des honneurs diuins.

C'est vne histoire commune dans le Royaume, qu'vne fille du Roy de la Chine; pour la vie infame, & débordée qu'elle menoit ayant esté par le commandement de son Pere iettée, & noyée dans la Mer, le corps en fut porté, & poussé par le flot à vn Port de Tunquin; où quelque accident estant arriué à vn des habitans du païs aupres du corps mort de cette fille, la Ville non seulement luy donna sepulture, mais luy dedia le Port, comme à vne Deesse tutelaire, & luy donna le nom qu'il porte encore auiourd'huy, *Cua cuja*, c'est à dire, *le port de la Reyne*. Et de ce lieu la superstition s'est tellement épandue par tout le Royaume d'Annan, qu'il n'y a point de Port en toute la coste, ou il n'y ayt vn Temple dedié à cette infame fille, à laquelle tous les Marchands, & les Mariniers rendent de grands honneurs, toutes les fois que les vaisseaux sortent du Port, ou qu'ils y abordent, comme à la Deesse,

&

& à la gouuernante des Mers. Dieu nous fera vn iour la grace, comme nous eſperons, de voir dans ces meſmes Ports, les Temples prophanes où cette Reine impudique digne de toutes execrations, eſt indignement honorée, dediez à la Vierge Reine du Ciel, la vraye eſtoile de mer; la guide, & la tutrice du ſalut des mortels.

Des tons, & des accents de la langue vulgaire du Royaume d'Annan.

CHAPITRE XXX.

ENcore que la langue vulgaire qui eſt auiourd'huy en vſage dans tout le Royaume d'Annan, ſoit differente de celle de la Chine, elle ſe prononce neantmoins auec des accents qui ne ſont pas beaucoup differens de ceux de la langue Chinoiſe; voire celle-cy n'ayant que cinq tons en ſa prononciation, celle d'Annan en a ſix, fort reſpondans aux tons de noſtre muſique, qui font vne grande difference en la ſignification des mots, dont à peine en trouue-t'on aucun qui ne ſoit marqué de quelqu'vn de ces ſix accents, qui eſt comme l'ame, & le charactere de l'intelligence du mot. Et ces accents, ou ces tons, ne ſont point marquez en leur eſcriture, mais ſeulement exprimez en leur prononciation quand ils parlent: Ce qui nous rend fort difficile, l'intelligence de leurs eſcrits. Nous nous ſommes neantmoins aduiſez de marquer differemment ces accents en toutes nos eſcri-

tures, qui nous inſtruiſent de la difference qu'il faut apporter en l'expreſſion, pour en comprendre la ſignification.

Donc le premier de leurs accents, eſt graue; qu'ils expriment en baiſſant la voix, comme l'on fait en la baſſe de la muſique; & nous le marquons auec l'accent graue des Grecs, comme au mot *dò*, qui ſignifie *vn piege*. Le ſecond eſt preſque graue, ou approchant du graue, qu'ils expriment auec quelque effort, comme le tirant de la poitrine; & nous le marquons auec vn poinct ſous la voyele, à la façon que les Grecs ſouſcriuent leur jota, comme au mot *re*, qui ſignifie *vne racine*. Le troiſiéme eſt le circonflex graue, qu'ils expriment auec quelque inflexion de voix, & vn peu d'effort de la poitrine; & nous le marquons auec l'accent circonflex des Grecs, comme au mot *mj*, qui eſt le nom d'vne noble famille du païs. Le quatriéme eſt égal, qu'ils expriment ſans accent, & que nous ne marquons auſſi d'aucun accent; comme au mot *fa*, ou plûtoſt *pha*, qui ſignifie *meſler*, parce qu'en cette langue il n'y a point de f, qui ne ſoit aſpiré. Le cinquiéme eſt encor circonflex, mais plus doux, qu'ils expriment comme nous faiſons l'interrogation; & nous le marquons auſſi auec le poinct d'interrogation des Latins; comme au mot *ſo*, qui ſignifie *catalogue*. Le ſixiéme eſt aigu, qu'ils expriment d'vne voix aigre, comme fait celuy qui parle auec cholere; & nous le marquons auec l'accent aigu des Grecs, comme au mot *là*, qui ſignifie *vne fueille*. Et ainſi ces ſix accents (comme i'ay dit) peuuent reſpondre aux ſix tons de noſtre muſique, *dò, re, mj, pha, ſo, là*.

Vne

Vne choſe y a-t'il encore en leur langue qui fait vne grande difficulté pour ceux qui la veulent apprendre : C'eſt que toutes ces differences de tons, & d'accents, ſe trouuét quelquefois en vn ſeul de leurs mots, ou de leurs ſyllabes, auec autant de differences de ſignification. Comme au mot *ba*, lequel eſtant prononcé auec vn accent graue, ſignifie *Dame*, ou *Ayeul* : ſi auec l'accent approchant du graue, ſignifie *coller*, où *vne choſe abbandonnée* : ſi auec le circonflex graue, ſignifie *le marc*, qui reſte d'vne herbe, où d'vn fruict, dont le ſuc a eſté épraint : ſi ſans accent, & d'vn ton egal, ſignifie le nombre de *trois* : ſi auec le circonflex doux ; ou en interrogation, ſignifie *vn ſoufflet*, ou *ſouffletter* : ſi auec vn accent aigu, ſignifie *la Concubine d'vn Prince*. Et ainſi ce ſeul mot eſtant prononcé pluſieurs fois conſecutiuement, auec ces differences de ton *ba*, *bà*, *ba*, *bá*, ſignifiera *trois Dames ſoufflettent la Concubine*. Pareillement la ſeule ſyllabe *ca*, prononcée auec la difference de ces tons, à quatre ſignifications. Car auec le ton graue *cà* ſignifie *des pommes ſauuages* : auec le ton egal *ca* ſignifie *vne chanſon* : auec le ton d'interrogation *cá* ſignifie *grand*, & auec le ton aigu *cá* ſignifie *vn poiſſon*.

Delà il arriue ſouuent que ceux qui ne ſont point verſez en la connoiſſance de ces tons, ou de ces accents, ſe meſcontent fort ; & prennent vn ſens ridicule, où impertinent, pour vn autre. Ainſi qu'il arriua vn iour à vn de nos Peres, qui ayant voulu commander à vn valet du païs d'achepter des poiſſons, il dit bien le mot *ca*, mais il le prononça auec vn accent graue ; le deuant prononcer auec vn accent aigu ; qui fut cauſe, qu'au lieu de poiſſons, qu'il auoit intention de faire

achepter,

achepter, le valet luy apporta vn panier plein de pommes sauuages : & s'excusa pertinemment sur le commandement qu'il luy auoit fait. Ainsi vn autre, ayant vne autrefois commandé à vn domestique de coupper quelque cannes, & ayant prononcé le mot *le* auec l'accent d'interrogation qui signifie *des enfans*, au lieu de le prononcer d'vn accent egal, auec lequel il signifie *des Cannes*; Il arriua que tous les enfans qui estoient dans la maison oyant ce commandement prirent la fuitte, se figurans qu'on les vouloit mal traitter; & ne peut-on les faire r'entrer qu'apres qu'ils eurent esté instruits de l'intention de celuy qui auoit fait le commandement, & de l'equiuoque qu'il auoit fait par l'ignorance de l'accent. Il peut mesme arriuer que cette difference d'accents estant ignorée, il y aura vne telle mesprise du sens, que l'on exprimera quelque saleté, voulant signifier quelque chose saincte; à quoy ceux qui preschent la parole de Dieu doiuent prendre garde, pour ne la rendre point ridicule, & mesprisable à ces peuples.

Des diuers noms des Tunquinois.

CHAPITRE XXXI.

C'Est chose merueilleuse combien les Tunquinois sont superstitieux en l'imposition, & au changement de leurs noms. Car (par exemple) si quelqu'vn de leurs enfans leur est mort; ils se gardent bien d'imposer son nom à vn autre, de crainte

que

que le Demon qu'ils eſtiment auoir eſté le meurtrier de celuy qui eſt decedé, oyant le meſme nom, duquel on appelle l'enfant nouueau-né, ne le vienne tuer, comme il a fait l'autre. Et parce qu'ils attribuent encore à l'enuie, & à la malice de quelque Demon toutes les maladies, & les accidens qui arriuent à leurs enfans, ils leur donnent ordinairement les noms des choſes fort ſales, croyans follement d'éloigner de la perſonne de leurs enfans cét outrageux Demon, par la ſaleté de leur nom; ſans conſiderer que cét ennemy declaré de leur bien, & de leur ſalut ne ſe plaiſt en rien, tant que dans les ordures.

Enſuitte de cette folle imagination ils ſe ſont laiſſez aller par l'inſtinct du Demon à vne étrange manie, iuſqu'à ſe ſoüiller d'vn cruel parricide enuers leurs enfans. Car ſi le premier de leurs enfans leur eſt mort par l'enuie, comme ils penſent, ou par la haine du Demon, & qu'apres le ſecond ſe treuue attaint de quelque maladie qui ſoit ſans remede, deuant que cét enfant meure, ils le portent à la campagne, & auec vn coutelas ils le tranchent cruellement en deux, ſe figurans d'eſtonner le Demon par cét acte inhumain, & de luy donner quelque apprehenſion de continuer à faire du mal aux autres enfans qui leur naiſtront. Ainſi le Diable les a rendus impies ſous pretexte de quelque pieté; & ſur vne folle apprehenſion à authoriſé vn execrable parricide enuers leurs propres enfans. Ce que les nouueaux Chreſtiens aujourd'huy apprehendent tellement, qu'ils n'ont de plus grand ſoin que de diuertir les Payens de cette cruauté: ou pour le moins de baptiſer les enfans pour ſauuer leurs ames, quand ils les voyent grieuement ma-

lades, ou condamnez à mourir. Qui eſt vn zele qui a touché ſi au vif vn bon Chreſtien nommé Antoine, qu'ayant remis tout le ſoin de ſes affaires domeſtiques à ſa femme, il ne s'employe qu'à ce ſainct exercice, courant (ſans ſe laſſer) la Prouince, pour ne laiſſer mourir les petits enfans ſans bapteſme. Auquel employ ſes peines luy reuſſiſſent auec tant de fruict, qu'il s'eſt treuué en auoir baptiſé deux cents dans vn an, deſquels il a eſté ſoigneux d'eſcrire les noms, & nous en apporter le catalogue.

Il y a vne autre coûtume receüe parmy ceux de cette nation, que lors qu'il eſt nay vn enfant qui doit eſtre l'heritier, & comme la ſouche de la famille, apres que le Pere luy a impoſé le nom (ce qu'il fait le meſme iour qu'il eſt venu au monde) il faut que non ſeulement le Pere, mais encore l'Ayeul, & tous ceux de la famille changent leur nom. Ainſi quand l'enfant, par exemple, aura eſté appellé *Dun*, qui ſignifie *cuiure*, le Pere quittant le nom dont il eſtoit auparauant appellé, quelque beau, & honorable qu'il fuſt, s'appellera deſormais, *le Pere du Cuiure*; & l'Ayeul de l'enfant, *l'Ayeul du Cuiure*; & de meſme la Mere, & l'Ayeule. Toutefois auec cette difference, que l'Ayeul, & l'Ayeule ne changent plus de nom à la naiſſance des autres enfans leurs deſcendans: mais le Pere, & la Mere, naiſſant vn enfant à leur fils aiſné, quittent le nom de Pere, & de Mere de leur fils, & prennent le nom d'Ayeul, & d'Ayeule de ce petit fils. Voire l'Oncle, & la Tante, s'ils n'ont point encore eu d'enfans de leur mariage, prennent le nom de leur neueu, & ſont appellez par exemple, l'Oncle, & la Tante du cuiure. Et cét enfant

fant meſme heritier de la famille ne portera plus le nom de cuiure, qui luy a eſté impoſé à ſa naiſſance, quand il aura eu vn frere puiſné; Car alors quittant ce premier nom, il ſera appellé, frere aiſné de ce puiſné, iuſques à ce qu'il ayt luy meſme des enfans, & qu'il prenne le nom de Pere du premier enfant qui naiſtra de luy.

Il eſt neantmoins à remarquer icy que cette coûtume ne s'obſerue que parmy le peuple, & ceux de moindre condition; car pour les perſonnes de qualité, on fait par reſpect beaucoup de conſiderations à les appeller de leur nom propre; n'eſtant perſonne qui oſe ſans leur faire injure,& déplaiſir, les appeller du nom qu'ils ont receu en leur naiſſance, qu'ils appellent *Ten touc*, c'eſt à dire *nom vilain*. Voire l'on prend bien garde en parlant deuant eux, ou deuant leurs enfans de ne proferer point ce nom, quand meſme le diſcours engageroit quelqu'vn à ſe ſeruir de ce mot, mais il faut prendre vn autre terme, ou déguiſer celuy-là, pour n'offenſer ces perſonnes. C'eſt auſſi vne prattique commune parmy les perſonnes de condition, qu'à leur mort les enfans pour honorer leur memoire, leur impoſent vn nouueau nom, qui porte en emphaſe la dignité, à laquelle le deſir de deuenir plus grands les pouuoit faire aſpirer, comme de Roy, de Duc, de Marquis, & les ſemblables; ſoit que leur merite euſt pû la leur faire obtenir ou non. Et ce nom eſt toûjours marqué en lettre d'or, au drappeau dont nous auons parlé cy-deſſus, qui eſt porté en la pompe de leurs obſeques.

C'eſt iuſqu'icy quelque partie que i'ay fidellement

recüeillie de l'eſtat temporel, des mœurs, & des ſuperſtitions des Tunquinois; qui peut nous donner de la compaſſion de voir vne nation ſi ingenuë, & ſi capable de ciuiles, & ſainctes inſtructions, abuſée d'erreur, & miſerablement enchaiſnée ſous la tyrannie du Diable; Mais auſſi qui doit nous faire eſperer, que les lumieres de l'Euangile, & la grace victorieuſe du Sauueur du monde, défaiſant toute l'illuſion qui a ſaiſy l'eſprit de ces peuples, & rompant toutes les chaiſnes qui les tiennent captifs, les ameneront à la connoiſſance de ſon nom, à la ſaincte Foy, & à l'obeiſſance du Dieu de la verité. Ce qui a eſté déja accompli en vn grand nombre de nouueaux Chreſtiens conuertis à la Religion Catholique, comme nous dirons au liure ſuiuant.

* *
*

DE

DE L'INTRODVCTION, ET DV PROGREZ DE LA FOY, ET RELIGION CHRESTIENNE Dans LE ROYAVME DE TVNQVIN.

LIVRE SECOND

Comment la premiere connoissance du Sainct Euangile est entrée en ce Royaume.

CHAPITRE PREMIER.

LE P. Hierôme Rodriguez Portugais de nation, Visiteur de la Prouince du Iapon, & de la Vice-Prouince de la Chine, de la compagnie de IESVS, Personnage doué d'vne excellente pieté, & probité de mœurs, ayãt esté contraint par la violente persecution

excitée dans le Iapon contre tous ceux qui y faisoient profession de la foy de IESVS-CHRIST, de sortir de Nangazaqui, où il auoit long-temps gouuerné le College de la Compagnie qui y estoit établi ; Il se retira auec vn nóbre de Peres que la mesme persecution auoit chassez de tout le Royaume, en la Ville de Macao, qui est le port du grand Royaume de la Chine, de la Prouince de Canton : mais où a toûiours esté le principal College de la Prouince du Iapon, & l'vnique seminaire des missions appartenantes à cette Prouince. Là ce bon Pere considerant les pitoyables degats que la cruauté de la persecution faisoit dans l'Eglise du Iapon, & que tant de bons ouuriers qui estoient auprés de luy, pour estre exclus des moiens de deployer leur zele dans le Iapon, où ils auoient esté destinez, & d'y assister les Chrestiens de cette nation, demeuroient presque inutiles, & sans employ dans Macao ; Il se resolut de les disperser par les Royaumes voisins qui demandoient du secours, & où les lumieres de la Foy n'auoient pas encore fait iour, qui pourroient seruir de iuste employ à leurs trauaux, & fournir d'exercice à leur zele.

En suitte de sa resolution il enuoya en l'an. 1614. le P. Gabriel de Mattos Portugais, qui estoit reuenu de Rome Procureur de la Prouince du Iapon, auec cinq autres qu'il luy associa au Royaume de la Cochinchine, ou, (ainsi qu'on l'apprenoit des lettres de ceux qui trauailloient en cette mission) les nouuelles semences de la Foy preparoient vne glorieuse, & abondante moisson de la conuersion de ces peuples. Et au mesme temps il destina le P. Iules Cæsar Margico Italien au Royaume de Sia, qui estoit vn chãp propre à porter de grãds fruicts;

quand

quand sur la premiere montre de la fertilité qu'il promettoit, le Pere qui y trauailloit courageusement, finit sa vie, & ses trauaux par la perfidie de quelques Apostats qui luy donnerent du poison dans la prison où ils l'auoient fait confiner. Il attendit deux ans aprés, sur le commencement de l'année 1626. d'enuoyer le P. Iulien Baldinotti Italien, auec vn de nos freres. Coadjuteur, nommé Iules Pianj, au Royaume de Tunquin, à l'occasion d'vn Nauire de Marchands Portugais qui y alloient de Macao; non tant pour y trauailler, que pour faire la découuerte de ce païs que la commune reputation auoit rendu fameux; & reconnoistre l'esperance que l'on pouuoit prendre d'y annoncer l'Euangile; & la Foy du Christianisme. Le Pere, auec son compagnon sortit du port de Macao le second iour de Feurier dedié à la feste de Nostre-Dame la Chandeleur, pour bon augure de la belle lumiere de la Foy qu'il portoit à ce Royaume tout occupé des tenebres de l'infidelité; & fut conduit heureusement dans le vaisseau Portugais, à la faueur du bon vent qui l'accompagna, & ne le quitta point qu'il n'eust abordé au port de Tunquin. La nouuelle de l'arriuée de ce vaisseau fut tres agreable au Roy, desireux d'entretenir le commerce des Portugais dans son Royaume; dont il donna ordre que ses Officiers leur fissent par tout grand accueil; & luy mesme les receut fort amiablement, & les caressa auec toute sorte de demonstrations d'agréement pour leur venuë: mesme qu'ayant apprehendé qu'ils ne fussent logez incommodement dans la Ville Royale qui est fort populeuse, & qu'ils n'y fussent en quelque danger du feu, à cause que les maisons y sont presque toute de bois, au

cas que quelqu'vn par malice mit le feu dans leur logement; Il commanda qu'on leur bastist aux Fauxbourgs de la Ville qui sont tres grands, vne maison qui fust capable de les loger, & de tenir leurs marchandises; & qu'il y eust de iour, & de nuict, vne compagnie de soldats en garde auprés d'eux pour leur seureté.

Ces premieres caresses, & ces témoignages extraordinaires de la bien veillance du Roy, furent suiuis selon la coustume de beaux presens enuoyez de part, & d'autre. Le Capitaine des Portugais fit les siens le premier, assortis de deux grands attraits pour estre agréez, de richesse, & de rareté; enuers qui le Roy vsa aussi-tost de retour, & le regala si magnifiquement qu'il eut dequoy en faire part à tous ceux qui estoient en sa compagnie. Le P. Baldinotti n'oublia point à cette occasion de faire aussi ses presens au Roy, lesquels, encore que simples, & religieux luy furent agreables, pour estre nouueaux; & non iamais veus. Toutefois il ne fut pas alors au pouuoir du Pere, de luy offrir le precieux thresor de l'Euangile, pour n'auoir point encore de connoissance, ny d'vsage de la langue du païs, ny mesme de truchement propre qui luy peust expliquer nos mysteres: quoy que son silence, & sa graue modestie fist assés connoistre au Roy, & aux Seigneurs de sa Cour, qu'il y auoit quelque chose d'extraordinaire, & de plus grand que le commun, caché sous l'humble apparence du pauure habit qui le couuroit. Et à cette haute estime ne contribua pas peu l'honneur, & le respect que les Portugais luy rendoient deuant toute la Cour. Car le Roy s'estant apperceu que le Capitaine mesme qui y paroissoit à sa mode superbement vestu, & le reste des

Portugais

Portugais qui l'accompagnoient, bien parez, honoroient beaucoup le Pere, tout pauurement accouſtré qu'il eſtoit, luy deferoient, & luy donnoient le pas deuant, entra en opinion qu'il eſtoit quelque choſe de plus qu'il ne monſtroit. Dont il commença auſſi à luy faire de l'honneur; & depuis à le faire ſouuent viſiter par vn Saï qui eſtoit l'vn des principaux Preſtres de la ſecte de laquelle il faiſoit profeſſion, &. qu'il tenoit comme ſon maiſtre; auec lequel le P. Iulien fit étroitte amitié autant que leur communication luy en donna de moien; & il euſt eſperé du bon naturel de ce Saï, de l'amener à la vraye creance (qui euſt eſté vn moien tres-auantageux, pour planter la Foy en ce Royaume) s'il euſt eu la connoiſſance de la langue Tunquinoiſe, ou vn truchement pour ſe faire entendre, & l'inſtruire des veritez de la religion.

Comme les ouuriers de l'Euangile furent appellez de la Cocinchine à Tunquin.

CHAPITRE II.

Ependant le P. Iulien fut ſoigneux de remarquer durant le ſejour qu'il fit au Royaume de Tunquin, le naturel ouuert, & docile; & les mœurs des Tunquinois fort ſuſceptibles comme il iugeoit de l'impreſſion des veritez Chreſtiennes, s'il y auoit quelqu'vn qui les leur annonçaſt en leur langue, ſur quoy il n'eſtima point deuoir vſer de remiſe pour l'importance de l'affaire, de laquelle dependoit le ſalut

eternel de tant d'ames. Sçachant donc, que depuis quelque temps, vn nombre de nos Peres eſtoit paſſé à la Cocinchine, pour inſtruire ceux de cette contrée, à la Foy; & ſe perſuadant qu'ils ſe ſeroient déja rendus capables d'entendre, & de parler le langage de cé païs-là, qui n'eſt point different de celuy que l'on parle au Royaume de Tunquin, il delibera de procurer que quelqu'vn d'eux fuſt détaché de la miſſion de la Cocinchine pour venir ietter les premieres ſemences de l'Euangile dans la terre de Tunquin: encore qu'il n'ignoraſt point l'inimitié qui eſtoit entre les deux Roys, ce qui pouuoit rendre difficile le traiect de nos Peres de la Cocinchine à Tunquin; & qu'il apprehendaſt meſme que le Roy de Tunquin ayant eu quelque connoiſſance du commerce de nos lettres d'vn Royaume à l'autre, n'entraſt en ombrage de quelque ſecrette intelligence entre nous, & le Roy de la Cocinchine, qu'il ſçauoit depuis longues années auoir fait alliance auec les Portugais. Aprés auoir donc chaudement recommandé à Dieu le ſuccez de cette entrepriſe, il enuoya vn Meſſager dans le plus grand ſecret qui luy fut poſſible, ſous la promeſſe qu'il luy fit d'vn tres-bon ſalaire, auec des lettres addreſſées au P. Gabriel de Matos qui faiſoit alors la charge de Viſiteur en la Cocinchine, dans leſquelles il luy expliquoit la grande diſpoſition qu'il auoit trouuée en tout le Royaume de Tunquin pour receuoir les ſemences de la ſaincte Foy, s'il y auoit des ouuriers intelligens de la langue du païs qui les vinſſent ietter, & cultiuer ce beau champ, ioint les bonnes inclinations qu'il auoit reconnuës au Roy, & aux principaux Seigneurs du Royaume, pour agréer nos fonctions,

ctions, & les exercices de noſtre religion: Dont il le conjuroit par tout l'amour qu'il auoit pour la gloire de Dieu, & le ſalut de tant d'ames, de diſpoſer pour cét employ quelqu'vn des Peres qui reſidoient en la miſſion de la Cocinchine. Et parce qu'il ſeroit difficile, & qu'il y auroit meſme du danger, qu'aucun ouurier paſſaſt de ce Royaume droit à celuy de Tunquin, pour la diuiſion qui eſtoit alors entre les deux Roys, & pour les preparatifs de la prochaine guerre qui ſe faiſoient de part, & d'autre; Il eſtoit d'aduis que celuy des noſtres qui ſeroit choiſy pour cette entrepriſe, prit ſon détour vers Macao du coſté de la Chine, & que de là il ſe rendit à Tunquin pour oſter tout l'ombrage que les Tunquinois pourroient prendre de ſa venuë en leur Païs.

Le Meſſager eſtant heureuſement arriué auec les lettres du P. Iulien, nos Superieurs qui eſtoient en la Cocinchine ayant leu ſa iuſte demande, ietterent leur penſée ſur moy, qui auois ſejourné déja prés de deux ans dans le païs, & auois fait durant ce temps-là quelque eſtude pour apprendre la langue commune. En ſuite dequoy ie me preparay, conformement à l'aduis du P. Iulien, pour retourner à Macao, où i'arriuay en peu de iours ayant eu la nauigation tres-heureuſe, attendant ſelon le deſſein qui auoit eſté pris, de trouuer quelque commodité de paſſer delà, au Royaume de Tunquin.

Cependant le Meſſager Tunquinois, nonobſtant qu'il euſt eſté ſoudain expedié, & renuoyé auec ſa Reſponſe, qui aſſeuroit le P. Iulien de la reſolution de nos Peres d'executer ſon conſeil en la façon qu'il l'auoit ſa-

gement projetté, ne fut pas ſi diligent à ſon retour, qu'il ne tint le P. Iulien qui l'attendoit impatiemment, en quelque apprehenſion, & en peine. Et encore ſommes nous en cette opinion, que le Roy de Tunquin eut quelque connoiſſance, ou pour le moins quelque ſoupçon des lettres qui auoient eſté enuoyées de Tunquin à la Cocinchine, veu les defiances qu'il en témoigna. Neantmoins, comme il ne vouloit point rompre auec les Portugais, dont il redoutoit la puiſſance, & deſiroit conſeruer l'amitié, il ſe contenta pour guerir les apprehenſions qu'il auoit priſes, ſur l'opinion qu'il auoit de leur religieuſe pieté, de tirer d'eux vn ſerment, qu'ils n'auoient point de mauuais deſſein contre ſa perſonne, ny contre ſon eſtat: Ce qu'ils firent, le P. Iulien preſent (afin qu'il ne ſe paſſaſt rien en cette action qui choquaſt la conſcience, ou la religion) iurans ſolennellement deuant l'image de noſtre Sauueur, & prenans le Dieu du Ciel & de la Terre, & le Seigneur de la vie, & de la mort à témoin qu'ils n'auoient rien entrepris en choſe quelconque, contre la perſonne du Roy de Tunquin, ny contre ſon Royaume. Dequoy le Roy ſe monſtra entierement ſatisfait. Les affaires neantmoins des Marchands Portugais ne ſe porterent pas mieux de ce trouble de la Cour: leur retour à Macao en fut dilayé pour quelque temps; & ils n'y arriuerent auec le P. Iulien que deux mois aprés que i'y fus venu de la Cocinchine

* *
*

Le voyage; & l'heureuse arriuée de ceux qui porterent l'Euangile à Tunquin.

CHAPITRE III.

CE fut en ce mesme temps que le P. André Palmier Portugais arriua de l'Inde, où il auoit exercé durant huict ans la charge de Visiteur, pour la continuer en la Prouince du Iapon, & en la vice-Prouince de la Chine; Auec qui il falut deliberer du nouueau dessein de la mission de Tunquin, sur lequel il le presentoit alors quelques difficultez, que le Diable ennemy des bonnes œuures auoit suscitées, pour en trauerser ou empescher l'execution. Car d'vn costé les Portugais estoient entrez en de grandes apprehensions, tant des ombrages que le Roy de Tunquin auoit pris d'eux; comme de la mauuaise volonté qu'vn certain Seigneur qui residoit en la Cour de Tunquin, & estoit en grand credit auprés du Roy, auoit conceuë contre la nation Portugaise: Et d'autre part les marchands qui auoient trafiqué les derniers en ce Royaume s'estant reconnus de notables pertes qu'ils y auoient faittes, auoient tellement refroidy les autres, qu'il ne se trouuoit plus de marchand qui vouluſt entreprendre d'y faire vn nouueau voyage, sans esperance de proffit, & auec opinion tres-probable de perte. Et à cela n'aydoit point quelques froideurs que le P. Iulien monstroit de retourner en ces païs. Car encore qu'il publiaſt des merueilles de

la riche moisson spirituelle qui estoit preparée en ce grand champ, toutefois reconnoissant bien que l'ignorance de la langue y rendroit inutiles ses bonnes volontez, il ne témoignoit point d'ardeur pour y refaire vn autre voyage, ayant attaché toute son affection à la mission du Iapon, dans laquelle il se promettoit de faire plus de fruict, pour la connoissance qu'il auoit de la langue Iapponoise. Toutefois le nouueau dessein qu'il prit, Dieu en disposant ainsi par sa prouidence, n'eut pas le succez que son bon zele luy auoit fait esperer. Car estant party du port de Macao pour le Iapon auec quatre compagnons, à peine auoit-il fait vn peu de chémin, qu'vn subit & furieux orage ayant rompu le gouuernail d'vn vaisseau, le contraignit de regaigner le port qu'il auoit quitté. Dont, comme il attendoit aprés de iour à autre, vne autre commodité pour faire voyage au Iapon, Dieu luy en assigna vn autre à faire dans le Ciel, pour y receuoir la recompense de ses trauaux, & de la grande volonté qu'il auoit de trauailler à la mission du Iapon; comme des soins qu'il auoit pris pour commencer & establir celle de Tunquin, où n'ayant eu le moien, faute de la langue, & de truchemeur, comme il en auoit le desir de prescher, & annoncer l'Euãgile à ceux qui en pouuoient estre capables; il y baptisa neantmoins quatre petits enfans moribonds, qui furent les heureuses premices de la conuersion de ces peuples, qu'il enuoya au Ciel, où sans doute ils obtindrent de Dieu par leurs innocentes prieres l'acheminement du dessein de cette mission, & les moiens de le faire reussir à sa gloire, & pour le salut de la nation Tunquinoise.

En effet lors que l'on audit presque perdu toute esperance qu'aucun voulust entreprendre vn nouueau voyage en Tunquin. Vn Portugais habitué dans Macao, noble autant de sa pieté, que de generosité, & de sang, nommé Iean Pinto de Fonseca, chaigea vn nauire, & le garnit de tout ce qu'il faloit pour faire le voyage, sans obmettre les prouisions de bouche necessaires pour nos Peres qu'il esperoit d'y mener: voire il sembloit n'auoir entrepris ce voyage que pour eux, & pour leur donner le moien de porter l'Euangile en ce Royaume; en quoy il pensoit sagement ne rencontrer pas moins de gloire que de proffit spirituel, quand le temporel mesme luy eust deu manquer. Ce qui apporta vne ioye nompareille au P. André Palmier, qui m'assigna incontinent vn Compagnon, & le P. Pierre Marquez Portugais pour Superieur de la mission, homme d'aage, & de beaucoup d'experience en ces missions Leuantines, encore qu'il ne sçeust point la langue du païs où il estoit enuoyé.

Ce fut donc en l'an 1627. le 12. de Mars jour dedié à S. Gregoire le grand que nous partismes du port de Macao, & fismes voile à la faueur d'vn bon vent, qui nous donna moien de saluer en passant le venerable Sepulchre, où reposa autrefois le corps de S. François Xauier en l'Isle de Sanchoan, d'où nous entrasmes en la mer d'Ainan, decriée pour les tempestes ordinaires qui tourmentent furieusement les vaisseaux, mais qui nous fut renduë calme, & bonasse par la faueur des Anges gardiens de Tunquin, durant les trois iours que nous costoyasmes ses grands & estendus riuages. Mais apres six ou sept iours de bon vent, comme nous ap-

prochions

prochions du port, le Ciel se chargeant de nuées qui menaçoient de se creuer sur nous, nostre nauire fut attaqué sur la nuict d'vn impetueux orage qui le secoüoit auec grand danger, & en mesme temps parurent dans l'air au milieu des éclairs qui le tranchoient des spectres horribles formez par les Demons, qui donnerent bien de l'épouuante aux Mariniers, iusques à ce que le matin iour consacré à la memoire du glorieux S. Ioseph, le Ciel s'estant éclaircy, les spectres éuanoüis, & les flots abbaissez, nous decouurismes vn port que les Tunquinois appellent *Cua bang*, nous le voulûmes nommer le port de S. Ioseph, pour y estre entrez heureusement au iour de sa feste, & sous l'esperance que Dieu l'accorderoit pour tutelaire, & pour nourrissier de l'Eglise naissante de Tunquin. Le Pilote du nauire estant passé dans vn esquif pour sonder le port, & l'ayant trouué bon, & abordable, nous y fismes aisement descente, & rendismes nos actions de graces à Dieu, qui nous y auoit heureusement conduits.

A peine eusmes nous pris port, qu'vn grand nombre de ceux du païs qui nous auoient veu aborder, vindrent dans des barques du Village voisin nous faire feste, & nous interroger, quelles gens nous estions, d'où nous venions, & quelles nouuelles marchandises nous portions? Ausquels ie respondis, faisant l'office d'interprete pour tous ceux de la compagnie, que c'estoit vn vaisseau de Portugais, gens assés connus en tout l'Orient, & pour la valeur de leurs armes, & pour les precieuses marchandises qu'ils y ont depuis long-temps apportées de leur païs. Et qu'à cette occasion ils venoient debiter aux Tunquinois vne precieuse perle,

qui rendroit riches, & heureux tous ceux qui l'achepteroient ; le prix de laquelle n'eſtoit point ſi haut qu'il ne fuſt au pouuoir des plus pauures de l'achepter, pourueu qu'ils ne manquaſſent point de bonne volonté. Sur quoy témoignans de grands deſirs d'en auoir la montre, ie leur fis entendre qu'elle ne pouuoit eſtre veuë des yeux du corps, mais bien de ceux de l'eſprit qui ſçait diſcerner le vray, d'auec le faux : Et en vn mot qu'on venoit leur enſeigner la vraye Loy, dont le prix ſurpaſſoit celuy de toutes les marchandiſes de l'Inde, & qui pouuoit ſeule leur ouurir le chemin à la vraye, & eternelle felicité.

Donc ayant oüy parler de Loy qu'ils appellent *Dau* en la langue des lettrez, & *Dang* en la langue vulgaire, lequel mot ſignifie *chemin*, ils ſe rendirent d'autant plus curieux de ſçauoir de moy quelle eſtoit cette vraye Loy, & ce vray chemin que nous voulions leur monſtrer. Sur quoy ayant pris ſujet de les entretenir du ſouuerain Principe de tout l'eſtre crée, ie me reſolus dés lors de le leur annoncer ſous le nom du Seigneur du Ciel, & de la Terre, ne trouuant point dans leur langue de nom propre pour ſignifier *Dieu* ; Car ce qu'ils nomment communement *Phat* ou *But*, ne ſignifie chez eux qu'vne Idole. Mais ſçachant que le culte des Idoles eſt fort raualé d'eſtime parmy les principaux, & les Docteurs du Royaume, ie ne creu pas deuoir appeller Dieu, de ce nom, mais plûtoſt de celuy dont l'Apoſtre S. Paul l'appella preſchant aux Atheniens, qui auoient dreſſé vn autel au Dieu inconnu ; le Dieu, leur diſoit-il, que vous adorez ſans le connoiſtre, eſt le Seigneur du Ciel, & de la Terre. Ce fut donc

sous ce nom plein de majesté en la pensée mesme des Payens; que ie leur annonçay d'abord, que la vraye Loy consistoit premierement, & principalement à rendre nos legitimes deuoirs au Seigneur du Ciel, & de la Terre, par les moiens qu'il nous auoit reuelez. Ce que leur ayant declaré autant que ie les creu capables de le comprendre, & deux des principaux Auditeurs en ayant esté touchez, apres quelques iours, durant lesquels ils furent plus amplement instruits sur les poincts de nostre creance, ils receurent le Baptesme auec leurs familles; au premier desquels nous donnasmes le nom de Ioseph, à l'honneur de ce sainct Espoux de la Vierge, à la feste de qui nous abordasmes au port; & à l'autre celuy d'Ignace, Patriarche de nostre Compagnie.

Plusieurs reçoiuent la Foy en la Bourgade de S. Ioseph. & aux autres voisines.

CHAPITRE IV.

IL se passa quinze iours auant que le Roy de Tunquin receust les aduis de nostre venue dans les terres, durant lesquels n'estant point sortys du port de S. Ioseph; & n'y voulant pas estre oisifs, nous eusmes des conferences auec quantité de personnes, tant du Bourg de S. Ioseph, que des autres voisins; dont Dieu auoit touché les cœurs des premiers rayons de sa grace. La premiere conqueste que nous y fismes importante à l'establissement de la Foy, fut du

Maistre

Maiſtre d'eſchole de ce lieu qui inſtruiſoit la ieuneſſe aux lettres Chinoiſes, & aux erreurs du Paganiſme, mais qui apres auoir eſté maiſtre, & Docteur de l'erreur, ſe rendit diſciple de la verité, auec toute ſa famille qu'il attira à la ſuite de ſon exemple.

Nous luy donnaſmes au Bapteſme le nom de Pierre, & luy laiſſaſmes par écrit les prieres Chreſtiennes qu'il deuoit enſeigner aux enfans qui eſtoient ſoûmis à ſon inſtruction, les iours de Dimanche, auquel office nous luy ſubſtituaſmes ſon fils nommé Paul à ſon Bapteſme, ieune homme de bon eſprit, & déja bien intelligent des lettres Chinoiſes.

Il ſe preſenta à moy d'vn autre Bourg vn fameux enchanteur, qui auoit dreſſé dans ſa maiſon vingt-cinq autels aux Demons, deſquels il eſtoit cruellement tourmenté; & me demanda le moien de ſe pouuoir deliurer de la miſerable ſeruitude à laquelle ſon malheur l'auoit engagé. Il eſtoit plein de bonne volonté d'abiurer le culte ſuperſtitieux qu'il rendoit à ces Tyrans de ſa vie, & de renuerſer les autels qu'il leur auoit dediez; mais il craignoit d'eſtre plus tourmenté d'eux apres les auoir irritez. Nous luy donnaſmes courage. & le remplifmes de confiance en la Foy de IESVS-CHRIST, & en la vertu de la ſaincte Croix, le ſeau, & la terreur certaine des Demons; & ayant dilaye de luy donner le Baptéſme, iuſques à ce qu'il euſt détruit les autels d'impieté qu'il auoit dreſſez, comme il ſe fut religieuſement aquitté de tous ſes deuoirs, il fut receu par le Bapteſme au nombre des enfans de Dieu, & ſa maiſon deliurée par le ſigne de la ſaincte Croix, & par l'aſperſion de l'eau benite, de la poſſeſſion des Demons

Il s'en rencontra vn autre dans le mesme lieu fort addonné au culte des Idoles, desquels ayant reconnu les faussetez, & les impostures, non seulement il renonça tout à fait au seruice qu'il leur rendoit dans leurs Temples, mais ayant esté établi, pour le zele tres-ardent qu'il témoignoit à la Foy, comme maistre, & directeur des nouueaux Chrestiens, il prit depuis le soin de les assembler les Dimanches dans sa maison, où ils faisoient leurs prieres communes à la mode Chrestienne, ne pouuans pas encore auoir le bien d'entendre la saincte Messe, ny la commodité d'vne Eglise.

Nous estions pour lors au temps de la semaine saincte, auquel attendans la response du Roy, nous conceusmes auec les Portugais de planter la saincte Croix sur la cime d'vne montagne voisine, exposée en veuë de toute la mer; tant pour nous renouueller alors, par deuotion, la memoire de la passion du Sauueur, & donner exemple aux nouueaux Chrestiens des respects, & de l'adoration qu'ils deuoient à cét instrument sacré de nostre salut, que pour chasser les Demons par la force de ceugne, de la longue, & ancienne possession qu'il auoit prise de ces pais, de deliurer les Tunquinois de la domination tyrannique qu'il exerçoit sur eux. En effet il y auoit en ce port vn Temple consacré à cette infame fille Chinoise, noyée dans la mer, dont nous auons parlé cy-dessus, lequel n'estant pas à nostre pouuoir de détruire, nous prismes certaine confiance que la saincte Croix qui dominoit sur ce port, chasseroit par sa vertu le Demon qui s'y faisoit adorer. Donc ayant couppé dans vne prochaine

Foreſt

Foreſt la plus haute fuſte d'arbre que nous peumes trouuer, & en ayant formé vne Croix; nous allaſmes tout ce que nous eſtions de Chreſtiens, vieux, & nouueaux, la porter ſur nos eſpaules le iour du grand Vendredy ſur la plus haute crouppe de cette montagne, où apres les benedictions ordinaires nous la dreſſaſmes comme le glorieux trophée de toutes les puiſſances de l'Enfer, & luy rendiſmes nos plus humbles, & religieuſes adorations. C'eſt cette meſme Croix que le Roy de Tunquin voyant comme il paſſoit par cette mer, au temps qu'il faiſoit les preparatifs de la guerre contre la Cocinchine; & ayant demandé ſi c'eſtoit là le ſigne que les Portugais auoient planté ſur ſes ports, & vn de ſa ſuite amy des Chreſtiens luy ayant reſpondu, que c'eſtoit vn ſigne qui les attiroit à tous les lieux où ils le voyoient, il en témoigna de la ſatisfaction, ſe figurant que par ce moien les nauires des Portugais ſeroient attirées dans ſes ports, & y entretiendroient le commerce.

La reception que le Roy nous fit, & aux Portugais, comme il alloit à la guerre contre la Cocinchine.

CHAPITRE V.

NOus trauaillions à l'inſtruction, & à la conuerſion des Bourgades voiſines du port que nous auions aborde, & auions déja donné le Bapteſme à trente deux perſonnes, qui furent les premiers fruicts de nos trauaux, que nous cueilliſmes

dans le Tunquin ; Quand vn Messager venu de la part du Roy, nous fit entendre comme il estoit party de la Cour pour la guerre de la Cocinchine, & qu'il s'attendoit de nous voir sur son chemin. Tellement qu'ayant dit adieu à nos nouueaux Chrestiens, & les ayant exhortez à tenir constamment la creance qu'ils auoient receuë, nous montâmes sur vn vaisseau que nous assigna l'Eunuque qui auoit esté enuoyé de la part du Roy pour nous conduire vers luy ; & entrâmes aprés deux iours dans vn grand fleuue de plus de dix milles de largeur, ou nous rencontrâmes le Roy, & la puissante flotte de son armée nauale qui alloit en bel ordre, ainsi que ie le vay descrire.

Deuant le Roy marchoient plus de deux cents Galeres bien trauaillées, éclatantes d'or ; & ornées de riches peintures. Tous les soldats vestus de leurs Casaques, de la façon qui a esté cy-dessus descritte, & portans chacun en teste vn bonnet rond de couleur de pourpre, & les armes à leur mode belles & luisantes. Toute l'armée monstroit autant de pompe, qu'elle donnoit de terreur. Et ce qui estoit admiré de tous ceux qui le consideroient, & qui a esté déja remarqué, c'est que toute cette nombreuse flotte alloit, tournoit, s'arrestoit auec tant de mesure, & d'égalité, qu'il sembloit que ce ne fust qu'vn corps, & qu'il ny eust qu'vne mesme vertu mouuante qui l'esbranlast. Suiuoit le train ordinaire qui accompagne le Roy ; composé de vingt-quatre Galeres, plus longues que les autres, & plus superbement embelies ; le bois par tout entaillé d'ouurages, & doré ; & tout le funin qui attachoit, ou arrestoit les voiles de soye cramoisie. La magnifique

Galere

Galere qui portoit le Roy eſtoit au milieu entourée également des autres, dans laquelle il nous receut fort humainement, & auec témoignage d'auoir tres-agreable noſtre venuë en ſes terres.

Les Portugais qui eſtoient auec nous, luy firent des preſens qui leur ſemblerent plus ſortables, & plus propres du temps, c'eſt à ſçauoir de belles armes completes pour couurir la perſonne du Roy, s'il vouloit s'en ſeruir à la guerre. Nous luy offriſmes encore de noſtre pauureté des preſens religieux, qu'il agrea, quoy que petits, & daigna recompenſer auec de plus grands. Il n'eut pas alors le loiſir de nous entretenir de plus longs diſcours, ayant toutes ſes penſées tournées à l'attaque qu'il alloit faire; mais il nous commanda de le ſuiure, iuſques à ce qu'il nous marquaſt le lieu où nous pourrions nous arreſter. Ainſi nous ſuiuîmes l'armée dans le vaiſſeau ſur lequel nous eſtions venus trouuer le Roy, & eulmes moien de voir le reſte de l'armée naual, & l'arriere-garde auſſi nombreuſe que la Flotte qui marchoit deuant; ſans compter vne infinité de barques, & de ſelouques qui eſtoient du train, & qui portoient auec le bagage vn grand nombre de femmes, qu'on deuoit laiſſer en la Prouince prochaine de *Thinhoa*, pour y eſtre éloignées des courſes de l'ennemy. On faiſoit encore compte de 500. vaiſſeaux qui ſuiuoient; & portoient les prouiſions de bouche neceſſaires pour l'entretenement de l'armée de mer, & de celle de terre, qui auoit auancé la marche par les coſtes voiſines, auec trois cents Elephans qui trainoient l'artillerie. Tellement que nous nous laiſſaſmes dire, que l'vne, & l'autre armée montoit à prés de deux cents

mille

mille hommes effectifs Nous fusmes dans l'armée à la suite du Roy enuiron huict iours, durant lesquels il ne nous manqua pas d'occasions, principalement quand l'armée faisoit quelque descente pour se rafraischir, d'entretenir de bons discours ceux qui nous approchoient,& de leur donner connoissance de la vraye Loy: mais quelque attention qu'ils prestassent à nos discours, leur affection qui estoit alors diuertie par les pensées de la guerre, ne s'y attachoit pas. Il arriua vn iour que le Roy s'estant arresté auec toute l'armée en vne grande campagne, auprés d'vn Bourg dit *du vuc*, pour y faire vn sacrifice prophane en veuë d'vn rocher, éleué sur le bord du grand fleuue, à la façon d'vne haute Pyramide, à la cime de laquelle estt basty vn Temple d'Idoles, les Elephans qui auoient esté depuis peu amenez du Royaume de Laos, & n'estoient pas encore bien dressez, passans en desordre pousserent vn soldat dans l'eau du bord du fleuue qui estoit fort haut, tellement qu'on le croyoit mort, & en effet ayant esté tiré de l'eau, il ne donnoit aucun signe de vie: nous y accourûmes par charité, & apres auoir prié Dieu pour luy, & luy auoir fait prendre quelque chose par la bouche, nous le remismes en peu de temps en tel estat, qu'il reprit ses forces, & ses armes, & se rangea à son quartier. Ce qu'estant venu à la connoissance du Roy, il loüa grandement les charitables assistances que nous auions renduës a ce soldat, & nous commanda en suite de l'attendre en cette meme Prouince iusques à son retour de la guerre; nous recommandant cependant, & les Portugais qui estoient auec nous, à vn Eunuque de son Palais, homme de bonnes mœurs, qu'il

prist

priſt ſoin de nous, & nous donnaſt des gardes, afin que l'on ne nous fiſt aucun déplaiſir. Dequoy il s'aquitta fort bien; nous ayant meſme fait accommoder vn logement aſſés ample, de bois, à la façon du païs, où nous dreſsâmes vne chappelle, & vn autel auec l'image du Sauueur.

Et il ne ſera pas hors de propos d'adjoûter icy le ſujet que prit le Roy de Tunquin pour faire la guerre au Roy de la Cocinchine. C'eſt que depuis que *Ciüa ou* (comme il a eſté raconté au premier Liure) ſe fut ſaiſy accortement de la domination des Prouinces de la Cocinchine, où ſon beau-frere l'auoit enuoyé en qualité de Gouuerneur, & que pour achepter la paix il ſe fuſt obligé en reconnoiſſance de luy payer vn certain tribut. Depuis ayant continué de le payer (tant luy, que ſon fils *Ciüa ſai* qui luy auoit ſuccedé) aux Roys de Tunquin leurs Parens, il arriua que *Ciüa ſai* encouragé & aguerry par le commerce des Portugais, & s'appuyant encore de l'amitié, & de la faueur de quelques Seigneurs Tunquinois puiſſans en la Cour du Roy, prit reſolution de ſecouër l'obligation de cette redeuance que ſon Pere luy auoit impoſée. Neantmoins pour ne rompre point d'abord auec ſon Couſin; il s'aduiſa de luy enuoyer comme en preſent deux caſſettes richement ornées; pleines de quelques raretez exquiſes qu'il auoit recouuertes des Portugais, où acheptées des marchands de la Chine, & du Iapon. Celuy qui les porta, eſtoit expreſſement chargé (apres auoir rendu ſes complimens au Roy de Tunquin de la part de ſon maiſtre) de luy preſenter l'vne de ces caſſettes, & l'autre aux Princes de ſa Cour qui ſe trouueroient preſens.

Ce qu'ayant entrepris de faire, le Roy ne pouuant plus diſſimuler le reſſentiment de ce meſpris iniurieux à ſa dignité; Il ſemble (dit-il à cet Ambaſſadeur auec vn accent de cholere) que con maiſtre par l'égalité de ſes preſens, vueille reconnoiſtre deux Roys de Tunquin, & me traitter de pair auec mes ſujets; Va, rapporte luy ſes caſſettes, & dys luy que ie n'ay pas beſoin de ſes preſens; & pour le tribut qu'il me doit, que ie l'iray moy-meſme prendre ſur mes Prouinces auec vne armée. C'eſt le ſujet de la guerre à laquelle alloit le Roy de Tunquin, quand nous arriuaſmes en ſes terres, de laquelle il auoit fait les preparatifs durant plus de trois ans.

Du grand concours des Payens pour ouïr la parole de Dieu en noſtre premiere Egliſe de Tunquin.

CHAPITRE VI.

AVſſi toſt que nous eûmes vn lieu propre pour faire nos fonctions, & preſcher le ſainct Euangile, il y eut vn grand nombre d'auditeurs qui y affluerent, & qui aprés l'inſtruction de la Foy, y receurent le ſainct Baptiſme; entre leſquels ſe firent remarquer quelques Preſtres des Idoles qui ouurirent le chemin par leur exemple à la conuerſion de ces peuples. Le principal, & le plus ancien des *Saï*, que tous les Preſtres de la Prouince reconnoiſſoient, & reueroient comme leur Superieur,

fut

fut aussi le premier qui embrassa la Foy, & la Religion Chrestienne; estant aagé de quatre-vingts cinq ans, & fut nommé au Bapteſme Ioachim, homme d'authorité, & de bonne vie, qui attira apres luy quantité d'autres personnes de l'vn, & de l'autre sexe. Entre les vertus de ce venerable vieillard ie remarquay particulierement vn ardent desir qu'il auoit d'apprendre ce qui pouuoit seruir à son salut; ce qui faisoit qu'il vouloit toûjours estre aupres de nous, pour s'instruire plus amplement des veritez Chrestiennes, & des mysteres de nostre Foy. Il arriua vn iour qu'apres le disné, ie me seruis d'vn ieune garçon pour transcrire quelques prieres Catholiques à l'vsage des nouueaux conuertys, n'ayant point appellé le bon vieillard par consideration du temps auquel ie m'estois figuré qu'il vouloit prendre quelque repos. Ce qu'ayant appris il me fit de grosses plaintes de ce que ie m'estois serui d'vn autre plûtost que de luy en des choses qui luy appartenoient plûtost qu'à tout autre; veu qu'ayant esté par le passé Maistre, & Docteur de l'erreur, il estoit raisonnable qu'en ce où ie voulois prendre quelque ayde pour enseigner la verité, ie l'employasse plûtost que les autres. Ie loüay sa ferueur, & le remerciay de sa bonne volonté; luy promettant de l'employer, comme ie fis aux occasions, & auec auantage; car estant mieux versé que les autres en la connoissance des lettres Chinoises; il couchoit aussi mieux, & plus habilement qu'eux, ce que ie luy dictois. Et il ne se contenta pas de rendre ce seruice à la nouuelle Chrestienté de son païs; mais s'apperceuant que le lieu où nous celebrions nos mysteres; & preschions la parole de Dieu

estoit trop étroit, pour le nombre des auditeurs qui s'y assembloient, il donna vn champ voisin qui luy appartenoit pour bastir vne Eglise plus capable, qui fut bien tost dressée de bois à la façon du païs, par la ferueur des nouueaux Chrestiens, & ornée par la liberalité des Portugais, dont nous fismes la dedicace solennelle le troisiéme de May, iour dedié à l'Inuention de la saincte Croix.

En ce mesme temps il arriua qu'vn des soldats du Roy tomba griéuement malade, au lieu, & à la Ville où nous estions, appellée *No*; dequoy quelques vns des nouueaux Chrestiens nous ayants donné aduis, nous l'allâmes visiter, & luy imprimâmes si auant par nos entretiens les sentimens de la vraye Foy, qu'il demanda le Baptesme, & le receut deuotement quelque temps deuant sa mort, en laquelle il nous donna de grandes marques de sa predestination. Nous fismes ses obseques les plus pompeuses & solennelles qu'il nous fut possible; ausquelles assisterent en bel ordre tous nos Portugais, auec les nouueaux Chrestiens. Ce qu'ayant esté fait publiquement à la veuë d'vn grand nombre de Payens, non seulement ils furent bien edifiez de la charité des Chrestiens, mais aussi touchez en ame de bons sentimens de la Religion.

La Sœur mesme du Roy qui se trouua lors en cette Ville, ayant appris ce qui s'estoit passé nous fit appeller pour s'informer par nous mesmes de nostre creance, de laquelle ie l'entretins quelque temps deuant deux cents soldats de sa garde. Elle auoit depuis peu de temps perdu son mary, l'vn des principaux Seigneurs de la Cour du Roy, qu'elle auoit vniquement aymé,

& passion

& passionnoit fort de l'ayder de son pouuoir en l'autre vie à laquelle il estoit passé. Dont elle nous fit vne premiere question ; Quel merite nous auions trouué en ce pauure soldat qui estoit decedé, pour luy rendre de si charitables deuoirs ; comme nous auions fait? Et nous luy ayants respondu, que ce n'estoit pas de son merite ; mais de la bonté, & misericorde de Dieu, qu'il auoit receu la grace de croire en Iesvs-Christ auant que de mourir, & auec elle les arrhes d'vne vie eternellement bien-heureuse en l'autre monde. Elle s'estonna de ce discours, & comme elle auoit sa pensée, & ses affections alors plus portées au bien de son mary ; qu'à son propre salut ; elle nous fit vne seconde question, non sans larmes ; Si nous sçauions quelque moien d'ayder efficacement son defunct mary? A cela nous respondîmes ce mot de nos liures sacrez ; que la part où tomboit l'arbre, soit au Midy, ou au Septentrion, là il demeuroit sans se pouuoir releuer ; Et que pour nous, nous n'estions point enuoyez du Seigneur du Ciel, & de la Terre, pour annoncer l'Euangile aux morts, mais aux viuans, estant impuissans de donner aucun secours à ceux qui estoient morts dans l'infidelité. Desquelles paroles elle témoigna de s'affliger, donnant des larmes au mal-heureux estat, auquel nous luy disions que son mary estoit mort, sans pourtant prendre la pensée de pourueoir à soy-mesme, & au salut de son ame. Mais quelques Dames de sa Cour en firent mieux leur profit, resoluës de se procurer durant leur vie le bien dont nous auions parlé. Vne d'entr'elles fit ce discours dans son esprit, comme elle me le raconta depuis ; si ces bons estrangers vouloient

parer la Sœur du Roy dans son affliction, & luy faire accroire qu'ils obeïssoient d'assister en l'autre vie l'esprit de son mary : ils obtiendroient sans faillir d'elle, & de son credit, tout ce qu'ils voudroient : Puis donc-ques qu'ils estiment si peu sa faueur, & les auantages qu'ils pourroient pretendre d'elle à cette occasion, il faut croire que la doctrine qu'ils preschent est vraye, & il la faut embrasser pour iouïr du bien qu'elle promet : Ainsi discourut sagement cette Dame, & ayant pris vne ferme resolution de se faire Chrestienne, elle receut le Bapteſme auec plusieurs autres qu'elle attira par son exemple, & par sa persuasion, & fut appellée Monique. La Sœur encore du Roy, quoy qu'oublieuse de son propre salut, le procura à la Mere de son mary suraagée, & fort malade, nous ayant fait appeller aupres d'elle, pour l'instruire en nostre Religion, & luy donner le Bapteſme, qu'elle receut, & fut nommée Anne ; & ayant suruescu fort peu de temps à sa conuersion, alla iouïr au Ciel, comme nous esperons, d'vne meilleure, & plus heureuse vie.

* *
*

De la conuerſion de pluſieurs Payens aux Bourgades voiſines de noſtre premiere habitation.

CHAPITRE VII.

DV lieu où nous fiſmes noſtre premiere habitation, la reputation de l'Euangile que nous preſchions, paſſa aux enuirons de tous coſtez, & donna commencement à la conuerſion de pluſieurs Bourgades voiſines. Vn des principaux Gouuerneurs de la Prouince, nous ayant appellez à ſa maiſon au iour d'vne ioyeuſe feſte qu'il y celebroit auec concours d'vn grand monde, nous donna occaſion de diſcourir amplement deuant cette nombreuſe aſſemblée, des principaux myſteres de la Foy. Duquel diſcours encore que luy ne profita point pour la grande & attachante affection qu'il auoit à ſes richeſſes, pluſieurs autres neantmoins y prirent occaſion d'embraſſer les veritez de la Foy qu'ils auoient iuſques alors méconnuës. Entre leſquels fut vn *Sai* fort renommé en tous ces quartiers là, qui auoit charge du Temple d'Idoles, poſé ſur la cime du Rocher en forme de Pyramide, dont nous auons parlé cy-deſſus; & eſtoit vniuerſellement en telle eſtime de vertu, & de ſainteté parmy ceux de ſa nation, que le Roy allant à la guerre de la Cochinchine s'eſtoit recommandé à ſes prieres. Mais ſoudain qu'il fut inſtruit de la fauſſeté de ſa religion, &

de

de la verité de la nostre, il abandonna ce Temple infame, où il auoit seruy les Demons, auec tous les instruments de ses diaboliques superstitions, & receut le Baptesme auquel il eut nom Iean, auec sa femme qui fut nommée Anne, & toute leur famille; en sorte qu'il fit de toute sa maison, comme vn Oratoire, & vn Temple sacré. La plùspart mesme des habitans de la Bourgade *d'Anvue*, qui auoient auparauant adheré à sa secte, & aux superstitions qu'il leur auoit enseignées, meus de son exemple & de ses exhortations receurent apres luy le Baptesme, & augmenterent de beaucoup le nombre des Chrestiens conuertys. Anne aussi sa femme qui ne cedoit point à son mary en vertu, & en zele d'aduancer les affaires de Dieu, le déploya enuers ses Parens, & alliez auec tant de soin, & d'assiduité, qu'elle les attira tous, tant du viuant de son mary, qu'aprés sa mort, à la connoissance de la Foy, ialouse de les rendre participans du bien qu'elle auoit receu.

En vne autre Bourgade de l'autre costé du fleuue, appellée *Vauvo*, vne bonne vieille auparauant fort addonnée à la superstition des Idoles, depuis qu'elle eut receu la Foy auec le Baptesme, conceut vn zele si ardent pour la conuersion de tous ses Patriotes, qu'elle en disposa vn grand nombre à la vraye creance, tant par ses paroles pleines de feu, que par les charitables œuures ausquelles la deuote Lina (ainsi l'appelloit-on) estoit incessamment occupée. Elle n'estoit affligée que des resistances que son mary rendoit à la grace, & à la vocation de l'Euangile pour estre engagé en sa vieillesse dans de folles, & des-honnestes amours, dont il auoit peine de se défaire. Mais enfin les feruentes

priere

prieres que Lina fit pour sa couuersion, & la constante assiduité qu'elle rendit à l'exhorter au bien, amollirent tellement la dureté de son cœur, pour receuoir la grace du Sainct Esprit, qu'apres auoir congedié la Concubine qui tenoit son ame captiue au peché, il fut baptisé, & nommé Ioseph, & auec luy tous les enfans qu'il auoit eûs de cette femme, qu'il retint dans sa maison; de laquelle ces bons Vieillars ayant conuerty tous leurs soins aux œuures de pieté, firent vn Oratoire de deuotion pour les Chrestiens; & sans se lasser de bien faire, ajoûterent à l'Eglise (que les nouueaux Chrestiens auoient déja bastie en ce lieu) vn Hospital pour les pauures; dans lequel ils ont depuis prattiqué de tres-loüables exercices de charité.

Il y auoit non loin de nostre Eglise vne Maladerie, où se tenoit vn nombre de lépreux que nous allâmes visiter, & à qui nous n'eûmes pas beaucoup de peine à persuader les veritez de nostre Foy, & à les disposer au Bapteſme, qu'ils receurent tous auec sentiment de deuotion; s'estant bien figuré (comme il est) que s'ils menoient ça bas vne vie langoureuse, & pleine de miseres, ils se rendroient capables d'en posseder vn iour vne autre plus heureuse, pleine de biens, & de delices. Le principal d'entr'eux, qui fut nommé Simon, comme il estoit assez intelligent des lettres Chinoises, mit par écrit les prieres; & les Commandemens du Decalogue, que nous luy dictâmes, afin qu'il les appriſt, & les enseignât aux autres, dequoy il s'aquitta diligemment. Et veu qu'ils estoient infects, & separez de la conuersation commune des autres hommes; ils dresserent dans l'enceinte de leur logement vn Oratoire,

où ils s'aſſembloient tous les Dimanches pour faire leurs prieres deuant vne Image que nous leur auions donnée.

D'vne attaque que nous firent les Saj, ou les Preſtres Tunquinois.

CHAPITRE VIII.

LA Foy Chreſtienne faiſoit en peu de temps de ſi heureux progrez, que les Demons en furent piquez de rage contre nous, laquelle ne pouuans exercer par eux meſmes, ils ſe ſeruirent des *Saj*, c'eſt à dire de leurs Preſtres, & de leurs emiſſaires pour nous trauerſer. Ceux-cy eſtoient faſchez de voir le culte de leur Religion abandonné de ſes principaux ſuppoſts; meſme de quelques Preſtres les plus renommez de leur Secte, qui eſtoient paſſez dans noſtre party. Dequoy eſtant touchez au vif, ils s'aſſemblerent vn jour, & vinrent en trouppe nous attaquer. & nous prouoquer à la diſpute ſur le fait de la Religion. Nous leur accordâmes volontiers ce qu'ils demandoient: Et comme la plus part de l'Aſſemblée qui ſe fit autour de nous (meſme des Payens) euſt deſiré que nous donnaſſions commencement à la diſpute par l'expoſition de quelque poinct de noſtre creance, & ſur tout du premier principe, & du ſouuerain facteur de tout l'eſtre creé; & eux au contraire faiſans inſtance de commencer la diſpute par la lecture qu'ils vouloient faire (de-

quoy

quoy nous auions eſté aduertis) d'vn papier remply de blaſphemes & d'iniures contre la Religion Chreſtienne; Nous diſmes, que nous ne faiſions pas difficulté de les laiſſer parler les premiers; & meſme de leur permettre la lecture de leur papier; pourueu que ce fuſt hors de noſtre habitation, où ſi nous ſouffrions leurs blaſphemes, nous craignions que le Dieu que nous ſeruons ne les vangeaſt ſur eux, & ſur nous. Et cependant pour rompre leur mauuais deſſein, nous les priâmes ciuilement de nous dire qui eſtoit l'Autheur de cét écrit qu'ils vouloient publier, afin que de la qualité de l'Autheur on priſt quelque connoiſſance du merite de l'eſcriture. Ce qu'ayant obſtinément refuſé de nous declarer, nous fiſmes deuant tout ce monde ouuerture de la ſaincte Bible qui contient ce que Dieu nous a reuelé, & fiſmes lecture à haute voix des premieres paroles Latines de la Geneſe; *Au commencement Dieu crea le Ciel, & la Terre.* Et comme tous admiroient ce Liure, proprement relié, & la nette beauté des characteres (quoy que menus) ils nous preſſerent inſtamment de leur expliquer en leur langue la ſentence que nous auions leuë. Ce fut alors que les *Saj* taſcherent de troubler tout par leurs crieries, & de faire nouuelle inſtance qu'il leur fuſt permis de lire leur papier: Ce que ne pouuans obtenir, ils s'emporterent contre nous à d'atroces iniures; & ie ne ſçay s'ils ne fuſſent point paſſez à quelque violence, ſi leur rage n'euſt eſté arreſtée par vn Eunuque du Palais du Roy qui ſuruint (Homme d'authorité) à la preſence duquel ils n'oſerent plus remuer; & nous fuſmes en pleine liberté d'interpreter (comme nous fiſmes) les paro-

les de la Geneſe, pendant quoy les *Saj* ſe retirerent grondans, & menaçans de malheur ceux qui embraſſeroient la doctrine que nous preſchions. Ce qui n'empeſcha pas que pluſieurs, meſmes de leurs eſcholiers, ne ſe rangeaſſent à noſtre party, & renonçaſſent à leur ſuperſtition.

Il y auoit prés de noſtre habitation vne place qui eſtoit tous les iours au matin frequentée de beaucoup de peuple, par où il nous falloit ſouuent paſſer; & où prenans occaſion du monde oiſif que nous y trouuions aſſemblé; nous leur tenions de fois à autre des diſcours de l'autre vie; & de l'éternité des recompenſes, ou des peines qui couronnent les merites, ou qui puniſſent les pechez des hommes: & comme la parole de Dieu qui eſt vne ſemence feconde, n'eſt iamais ſterile de fruict; elle eſtoit toûjours receuë auecque profit dans quelque bon cœur. Vn certain iour, vn ieune homme de bon eſprit; & ſçauant aux lettres Chinoiſes; ayant eſté touché de ces diſcours, nous ſuiuit dans noſtre logis pour eſtre plus amplement inſtruit, & ſe rendit ſi docile aux veritez Chreſtiennes; qu'encore qu'il fuſt auparauant fort addonné au culte des Idoles, il les abjura de grande reſolution pour embraſſer la Foy de IESVS-CHRIST: voire il nous témoigna vne ardente volonté de viure deſormais auec nous, & de vaquer auec nous à l'inſtruction, & à la conuerſion des autres; laquelle n'ayant pû accomplir, pour s'eſtre trouué engagé dans vne obligation de mariage, qu'il ne luy eſtoit point loiſible de rompre, il ne laiſſa pas de nous ayder de bon cœur en tout ce qui fut de ſon pouuoir. Vn autre nommé Simon, apres ſa conuerſion

fut

fut dans la meſme volonté, & nous eûmes bien de la peine à le faire ſortir de chez nous, & à le faire retirer vers ſa femme, qu'il amena apres auec toute ſa famille à la profeſſion de la Foy. Il ſe trouua finalement entre ces auditeurs vn homme déja d'âge, habitant d'vne Ville voiſine, ditte-*Haian*, qui ayant eſté gaigné à Dieu par nos diſcours, & eſtant entré par le Bapteſme au nombre des fideles, fut ſaiſy d'vn ſi grand zele pour rendre les autres participans de la grace qu'il auoit receuë, qu'apres auoir fait connoiſtre la verité à tous ſes domeſtiques, il eſtendit ſon zele à tous les habitans du lieu, faiſant l'office de Catechiſte, de Predicateur, & d'Apoſtre dans ſon pays: & ayant ſceu qu'vne Dame de qualité eſtoit trauaillée du Demon, il luy perſuada de ſe faire Chreſtienne ſi elle vouloit eſtre deliurée de ce cruel ennemy de ſon repos; Ce qu'ayant fait, elle receut auec le Bapteſme l'effet qui luy auoit eſté promis de ſon entiere deliurance. Toute ſa famille apres elle fut baptiſée, & renduë Chreſtienne; & nous fuſmes appellez pour benir ſa maiſon, de laquelle le Diable ſe retira, quittant la place à l'Image de la ſaincte Vierge que nous y attachaſmes, qui en prit poſſeſſion.

* *
*

Le Roy de Tunquin retourne de la guerre de la Cochinchine.

CHAPITRE. IX.

IL s'estoit desia passé deux mois, depuis que le Roy de Tunquin allant à la guerre de la Cochinchine nous auoit laissez en la Prouince de *Thiu hoa*, dans laquelle nous comptions prés de deux cents Chrestiens conuertys, petite trouppe, mais bien animée de la vigueur, & de l'esprit de la grace, & déja formidable aux Demons. Quand le Roy ayant trouué plus de difficulté à l'entrée du Royaume qu'il estoit allé attaquer, qu'il ne s'estoit au commencement figuré; pour ne perdre son armée où les viures commençoient à defaillir, & pour ne tomber en quelque plus grande confusion, s'il s'opiniâtroit dauantage à forcer l'entrée que les Ennemys defendoient auec grand courage; craignant d'ailleurs qu'il ne se soûleuast quelque faction dans son armée, dans laquelle le Roy de la Cochinchine auoit de puissans Parens, & Amys; Il se resolut de quitter la poursuite de son entreprise, & de faire rebrousser toute son armée de terre, & de mer. Il ne manqua pas alors de personnes qui nous donnerent l'alarme, nous voulans faire accroire que le Roy de Tunquin estoit fort irrité contre nous, de ce que les Portugais auoient armé contre luy pour le Roy de la Cochinchine; Ce qui estoit faux

en

en effet, encore qu'au commencement on en euſt eu l'opinion ; ſur vn ſtratageme dont s'eſtoient ſeruys les Cocinchinois, ayant diſposé ſur la crouppe d'vne montagne frontiere vn grand nombre de fantoſmes veſtus à la façon des Portugais, armez de baſton, en poſture de fuſeliers qui menaçoient les Tunquinois d'approcher ; qui n'eſtoit qu'vn ſtratageme innocent à leur faire peur.

Mais les Cocinchinois s'eſtoient ſeruis adroittement d'vne autre ruſe plus malicieuſe qui endommagea beaucoup l'armée du Roy de Tunquin : C'eſt que dans le premier port du Royaume qu'ils nomment *Cua fai*, duquel les Galeres Tunquinoiſes ſe deuoient ſaiſir pour faire leur deſcente ; ou plûtoſt à l'embouchеure du grand fleuue par où deuoit entrer l'armée Nauale, le Roy de la Cocinchine auoit fait cacher dans l'eau de groſſes cordes tenduës vers les bords, heriſsées par tout de grands clous aigus, & de pointes trenchantes, à deſſein d'embarraſſer les Galeres qui en approcheroient. Ce qui arriua comme il l'auoit projetté, car vne partie de la flotte eſtant entrée aiſément dans le port, comme elle voulut aller à l'attaque des Galeres ennemies qui ſe tenoient à l'emboucheure du fleuue pour empeſcher la deſcente des Tunquinois elle ſe trouua engagée dans le piege des cordes qui auoit eſté preparé, qui en renuerſerent vne partie, & de leurs pointes aiguës bleſſerent, & tuerent preſque tous les ſoldats qui tomberent dans l'eau, ſi bien qu'il en mourut enuiron trois mille à l'entrée du port. Cela n'empeſcha point qu'vn grand nombre de Galeres ne paſſaſt, & qu'vne partie de l'armée ne fiſt deſcente à terre,

terre, & ne donnât combat. Mais soit pour la vigoureuse resistance que rendirent les Cocinchinois, soit pour la crainte qu'eust le Roy de Tunquin de quelque nouuelle embusche, ou que les viures manquassent à son armée, s'il s'opiniâtroit dauantage, il prit resolution de se retirer.

Le Roy donc reuenant, quoy que nous fussions incertains quel cœur il rapportoit pour nous, & pour les Marchands Portugais, nous prîmes neantmoins resolution de luy aller au deuant, & de luy témoigner nostre joye pour la conseruation de sa personne. Dont encore ayant trouué entre nos petits meubles vn Liure de la Sphere d'Euclide, qu'vn de nos Peres qui sont en la Chine auoit composé en lettres Chinoises, & enrichy de belles figures de Mathematiques, nous le presentâmes au Roy apres luy auoir fait la reuerence, lequel il prit auec vn visage ioyeux témoignant fort d'agréer ce present, & nous commandant de nous asseoir auprés de luy, pour luy dire, & luy expliquer dequoy parloit ce Liure. Ce que nous entreprîmes de faire, encore que la nuict approchait, & qu'il fust déja bien tard, donnant ouuerture à nostre entretien par vn discours de la grandeur démesurée, & du mouuement regulier des Cieux, que le Roy écoutoit auec grande attention, & satisfaction; Mais comme il estoit las du voyage, & de l'agitation de la Mer, & voulant neantmoins que nous continuassions de parler, il demanda ciuilement (qui fut vn traict d'vne extreme bonté) que nous luy permissions de se delasser sur vne couchette, & que cela n'empeschoit pas qu'il ne se rendist attentif à ce que nous dirions. Nous

le

ſe remerciâmes de l'honneur qu'il nous faiſoit ; & voyans qu'il eſtoit en repos , & preſt à nous écouter; nous reprîſmes le diſcours commencé du mouuement des corps celeſtes , d'où il nous fut aiſé de paſſer au tout-puiſſant Ouurier de cette machine , & à la Cour Royale qu'il a dans le plus éleué de ces grands corps, dans laquelle il fait éclatter ſa gloire , & où il rend heureux, & glorieux pour l'eternité tous les Courtiſans qu'il y reçoit, apres qu'ils l'ont fidellement ſeruy en ce monde. Noſtre diſcours auoit duré prés de deux heures, & nous eſtions déja entrez auant dans la nuict, ſans que le Roy, ny les Seigneurs de ſa Cour donnaſſent aucun ſigne d'en eſtre ennuyez, quand nous demandâmes permiſſion au Roy de le finir pour ne luy eſtre pas importuns. Nous eſtant donc retirez auec ſon congé, il nous fit ſuiure auec des preſens, & de l'argent; dont nous priſmes vne certaine aſſeurance, non ſeulement que le Roy n'eſtoit point faſché contre nous, mais qu'il nous eſtoit meſme fauorable, & affectionné. Dequoy nous rendiſmes à Dieu nos actions de graces, comme d'vn grand bien qui nous eſtoit ineſperément arriué.

Et nous fuſmes encore alors confirmez dans l'opinion que nous auions priſe, que la parole de Dieu ne reuenoit iamais vuide vers ceux qui la diſpenſent à bonne fin, car encore qu'il ne paruſt point qu'elle euſt porté de fruict dans le cœur du Roy pour n'eſtre point alors preparé par la grace du S. Eſprit, le Capitaine neantmoins de ſa garde en fut ſi ſenſiblement, & ſi fortement touché, qu'il nous vint trouuer quelque temps apres pour receuoir vne plus ample inſtruction

des veritez de la Foy, auec le Bapteſme que nous luy donnâmes, & à toute ſa famille qui proffita de l'exemple, & ſuiuit les ſentimens de ſon Chef.

Le Roy de Tunquin delibere de nous mener à ſa Cour pour demeurer auec luy.

CHAPITRE X.

NOus eſtions traittez auec tant de témoignages d'honneur, & de bien-vueillance du Roy, que nous auions meſme en tout temps l'accez fort libre auprés de ſa perſonne: Mais cependant nous ne trouuions en toute ſa Cour aucun de ceux qui ſembloient nous eſtre les plus affectionnez, qui voulut, ou qui oſaſt faire la demande au Roy de ce qui nous importoit le plus, qui eſtoit d'eſtre retenus en ſon Royaume, le Nauire des Portugais s'en retournant à Macao. Et comme nous eſtions en cette peine, & que nous recommandions inſtamment cette affaire à Dieu: Voila qu'il arriua qu'au iour de la Vigile de S. Iean Baptiſte, eſtant allez viſiter le Roy par honneur; ſoudain qu'il nous apperceut, il nous appella pour entrer dans ſa Galere, où s'eſtant fait apporter la monſtre d'horloge à rouës, & le poudrier dont nous luy auions fait preſent, quand il alloit à la Cochinchine, il nous demanda à quoy cela ſeruoit, n'ayant iamais rien veu de ſemblable, & ne ſe ſouuenant pas de ce que nous luy auions dit de leur vſage. Ayans donc

donc monté la monſtre pour l'heure qu'il falloit, comme elle eut ſonné, nous tournâmes le poudrier, & diſmes au Roy, que lors que toute la poudre qui eſtoit en la phiole d'en haut ſeroit tombée en bas; le tymbre de l'horloge ſonneroit vne autre heure. Le Roy donc y prit bien garde, & voulant attendre qu'il ſonnaſt vne autre heure, il nous mit encore en main le Liure Chinois que nous luy auions preſenté depuis peu de iours, pour luy en expliquer quelque choſe. Ce que nous fiſmes, & durant l'explication, le poudrier eſtant écoulé, le Roy qui y prit garde, & qui l'attendoit; Voila bien, dit-il, la poudre coulée, & cependant l'horloge ne ſonne pas? Ce qu'à peine auoit-il dit, que l'heure ſonna, auec tant d'eſtonnement, & de ioye du Roy qu'il ne pouuoit ſe contenir. De ſorte qu'en ce meſme temps eſtant ſuruenu l'vn des principaux Docteurs du Royaume, fort eſtimé du Roy, & le Roy l'ayant fait aſſeoir aupres de luy, il luy monſtra, & luy fit grande feſte, tant de l'horloge, comme du Liure de Mathematique, dequoy ce Docteur témoigna faire grand eſtat: Mais en ſe retirant, il tint ce diſcours au Roy. Quant à l'artifice (Sire) de cette horloge, il eſt admirable, & digne de la curioſité d'vn Roy; Mais pour le liure, noſtre Confulius nous ſuffit, & nous n'auons beſoin dans le Royaume d'aucun autre. Ce qu'ayant dit, il prit congé du Roy, & ſe retira.

Mais tant l'eſtime, que l'affection du Roy (Dieu en diſpoſant ainſi) ſe trouuerent tellement gagnées en noſtre faueur par ces petits preſens, ioint quelque autre conſideration d'intereſt pour attirer dans ſon

Royaume le commerce des Portugais, qu'il luy prit enuie de nous retenir, si nous n'y faisions de resistance. Dont se tournant vers nous, il nous parla amiablement en ces termes. Voila que le Nauire des Portugais qui vous a amenez, ne tardera pas beaucoup de s'en retourner d'où il est venu : Pour vous autres, vous me ferez plaisir, & ie vous en prie de demeurer vn, ou deux ans auec moy, afin que i'aye le loisir, comme ie le desire, de m'entretenir auec vous de beaucoup de choses. A quoy ayans répondu auec tout respect, que nous estions entierement à la disposition de sa Majesté, estants prests (s'il nous le commandoit, & si nostre seruice luy estoit agreable) de demeurer dans son Royaume, non pas, vn ou deux ans seulement, mais toute nostre vie. Il nous demanda apres, si nous voulions demeurer tous deux, ou moy seul qui sçauois la langue du païs? Et ie luy respondis qu'il nous seroit fascheux de nous separer, & à moy particulierement, à qui le Compagnon que i'auois, comme estant encore jeune, m'auoit esté donné comme Pere; & s'il plaisoit à sa Majesté, nous demeurerions tous deux pour le seruir. Ce que le Roy trouua fort bon, adjoustant qu'il voyoit bien qu'il me seroit fascheux de demeurer seul, & sans Compagnon dans vn païs estranger, & inconnu. Ayant donc rendu tres-humbles graces au Roy, nous nous en retournâmes fort ioyeux à nostre logis, pour nous preparer à continuer nostre voyage auec le Roy; Reconnoissans en cela la conduite speciale de la Prouidence de Dieu, qui auoit inspiré cette pensée au Roy de nous retenir, sans qu'il fust besoin d'employer aucun autre de sa Cour, pour luy en faire

la

la demande, dont il euſt peu entrer en quelque ſoupçon de nous. Cependant nos nouueaux Chreſtiens triomphoient d'aiſe, de voir l'accueil que le Roy nous faiſoit, & l'eſtime en laquelle il nous auoit : Auſquels ayant fort recommandé de faire grand eſtat de leur vocation, & de tenir conſtamment la Foy qu'ils auoient receuë par vne grace ſpeciale du Ciel, nous leur diſmes adieu, & fiſmes voile quand le Roy partit auec toute l'Armée.

Ce qui arriua en noſtre Voyage allant à la ſuite du Roy.

CHAPITRE. XI.

TOut le voyage & le chemin que nous fiſmes à la ſuitte du Roy, allant à ſa Cour depuis noſtre partement de la Prouince de *Thinhoa*, fut ſans entrer dans la Mer, dans les canaux des grandes riuieres, qui ſont tellement diſpoſez qu'ils tranchent tout le païs, & ſe communiquent en ſorte pour la commodité, que l'on peut paſſer de l'vn à l'autre ſans grande difficulté. Or il arriua vn iour que ſe faiſant vn beau concert de Muſique dans la Galete du Roy pour le réjoüir, il nous enuoya vn de ſes gens dans vne Galiotte toute peinte & dorée pour nous prendre, & nous mener vers ſa Galere, où il vouloit que nous euſſions part au plaiſir de la Muſique. Nous nous y rendîmes en diligence, & trouuâmes le Roy occupé à cette honneſte

recreation, qui nous fit l'honneur de nous faire asseoir aupres de luy; & nous demanda comme on chãtoit en Musique en nostre païs: Nous luy expliquâmes ce qui en estoit, loüans cependant beaucoup (comme il falloit) celle du Roy: lequel ayant pris garde (quand ie parlois) au Chapelet de la Vierge qui estoit attaché à ma ceinture, il me le demanda, & l'ayant eu, il le mit au col d'vne petite niepce maladiue de trois ans qu'il caressoit sur ses genoux (enquoy il monstroit l'estat qu'il faisoit des choses de nostre Religion) se figurant qu'elle pourroit receuoir la gueriso de sa maladie par l'attouchement de ce Chapelet, & recouurer la sãnté du corps, n'ayat aucune pensée de celle de l'ame; A quoy ie pẽsay neantmoins, & sans luy parler alors du remede du Baptesme beaucoup plus efficace, iugeay le pouuoir differer iusques à ce que nous fussions arriuez à la Cour.

Cependant (en quoy se fait voir l'inconstance des choses humaines) comme le Roy prenoit le diuertissement de sa Musique, ne pensant qu'à se réjoüir; voila qu'vn messager luy vint donner la nouuelle que le rebelle *Ciüa Caub*, qui sentant le Roy de Tunquin dans sa Cour, se tenoit retiré dans les montagnes, à son absence; le voyant occupé à vne guerre estrangere, estoit descendu au plat païs; & entré dans les Riuieres auec deux cents Galeres, pour rauager le Royaume, & y exercer ses voleries ordinaires. Dequoy le Roy grandement ému, commanda soudain que toute l'Armée tournast contre cét ennemy de son estat, & du repos de ses Peuples. Ce qu'estant venu à la connoissance du Rebelle, il se disposa à la fuite au plutost qu'il luy fut possible, rebroussant son chemin pour regagner ses

monta

montagnes : mais vn peu trop tard. Car le Roy de Tunquin le faiſant pourſuiure auec vn grand nombre de Galeres qui alloient plus viſtes que les ſiennes, & l'ayant déja attaint de bien prés; le Rebelle ſe défiant de pouuoir rendre combat; & reſiſter à de plus grandes forces; ſortant de ſes Galeres auec tous ſes gens, ſe déroba la nuict, & ſe retira à trauers les champs en grande haſte, ayant abandonné toutes ſes Galeres vuides à ceux qui le pourſuiuoient, qui fut vne perte ineſtimable pour luy. L'Armée cependant du Roy de Tunquin, n'ayant au matin point trouué de reſiſtance dans la flotte ennemie qu'elle eſtoit allé attaquer, tous les ſoldats en eſtant ſortys, le Roy commanda qu'on les pourſuiuit viuement par terre : Mais parce qu'ils auoient gagné vn grand auantage, ayant marché toute la nuict, on ne peut attrapper des fuyards qu'vne cinquantaine, à tous leſquels le Roy fit tailler la teſte en diuers lieux.

Pour moy voyant alors ces miſerables menez au ſupplice, & ne pouuant me partager à tous pour les aſſiſter à bien mourir, i'en ſuiuis vn, & courus ſi à propos apres luy, que ie me trouuay encor à temps pour luy expoſer les myſteres les plus neceſſaires de la Foy, & le diſpoſer au Bapteſme; qu'il fut content de receuoir. Ie regarday alors où ie pourrois trouuer de l'eau pour le baptiſer; & n'en trouuant point tout autour de moy, & craignant que les ſoldats ne l'executaſſent pendant que i'irois en prendre à la riuiere. Dans cette peine m'auançant de quelque pas, i'apperçeus de l'eau de pluye dans vne foſſette de terre, où elle eſtoit tombée la derniere nuict, nonobſtant, comme ie

penſe

penſe, pour l'arroſement de la terre; que pour le ſalut de ce miſerable, de laquelle ie portay dans le creux de la main ce qui me ſuffiſoit pour ſon bapteſme, que ie luy donnay, & le nommay Pierre; pource que c'eſtoit à ce iour la Feſte de Sainct-Pierre. Et à peine euſ-je acheué la ſaincte ceremonie, que le ſoldat luy aualla la teſte d'vn ſeul coup d'eſpée, qui tomba à terre; pendant que ſon ame nettoyée par la grace du Sacrement, monta (comme i'eſpere) au Ciel. I'accouruis chercher les autres, ſi ie pourrois leur rendre quelque ſecours; mais ie les trouuay tous decapitez, le ſeul Pierre par la miſericorde de Dieu (qui eſt admirable en la predeſtination de ſes éleus) ayant reçeu la grace du bapteſme, que ie luy allay donner plutoſt qu'aux autres, par le mouuement que Dieu m'en inſpira.

Eſtant apres celà retourné vers la Galere du Roy, & voyant de grands preparatifs que l'on faiſoit pour vn Sacrifice ſuperſtitieux, que le Roy deuoit faire en action de graces au Ciel, pour la Victoire qu'il venoit de remporter ſur ſon Ennemy; ie m'approchay de luy, & apres luy auoir témoigné mes réjouyſſances pour vne Victoire ſi glorieuſe ſans perte des ſiens; luy exagerant le bon-heur qui auoit accompagné ſes deſſeins, & luy voulant doucement faire entendre, que c'eſtoit au grand Dieu, Seigneur du Ciel, & de la Terre, qui donne toutes les victoires; à qui il deuoit toutes ſes reconnoiſſances; & non au Ciel qui eſtoit vn Corps inſenſible, & ſans ame; & incapable de connoiſtre le bien de la Victoire qui luy eſtoit arriué. Il me répondit, qu'il luy faloit alors remercier le Ciel pour la victoire qu'il auoit gaignée, à la façon de ſes Majeurs; & que

quand

quand nous serions arriuez à sa Cour; il s'informeroit de moy à loisir des autres façons de remerciement, & de reconnoissance. Tellement que n'ayant pû empescher ce Sacrifice plein de superstition, ie me retiray dans la Galere que le Roy nous auoit assignée, attendant d'acheuer le reste de nostre voyage.

De nostre heureuse arriuée à la Cour du Roy, & de la premiere publication de l'Euangile.

CHAPITRE. XII.

NOstre premiere venuë au Royaume de Tunquin, ayant esté le iour du Glorieux Sainct Ioseph, comme nous auons remarqué en son lieu, nostre entrée à la Cour du Roy (Dieu le disposant ainsi) fut au jour dedié à la Visitation de la Glorieuse Vierge, & Reine du Ciel; afin que sous les heureux auspices de cette grande Reine, la lumiere de l'Euangile entrast dans la Cour du Roy de Tunquin, au mesme jour auquel elle apporta sa benediction à la maison de Saincte Elizabeth.

Ce fut donq le second jour du mois de Iuillet de l'An 1627. que nous entrâmes dans la Cour, & la Ville Royale de *Che ce*, à la suite, & à la compagnie du Roy, reuenant de la guerre de la Cocinchine, ou plûtost venant de donner la chasse depuis trois iours à *Ciüa Canh*, & de remporter sur luy vne victoire tres-importante

à tout ſon Eſtat : Eſtant certain que ſi le Roy fuſt demeuré plus long temps abſent de ſon Royaume, qu'il auoit dépoüillé de ſes principales forces ; le Rebelle qui s'eſtoit preparé à tirer aduantage de cette occaſion, eſtoit pour reprendre les quatre Prouinces qu'il auoit autrefois tenuës ; veu le grand nombre de Galeres armées, & de ſoldats qu'il auoit menez ; ou pour le moins qu'il ne deſolaſt par vn general rauage la plus floriſſante contrée du Royaume où il eſtoit entré. Ce qui fut cauſe d'vne grande & commune joye dans tout le Païs, & qui fit ſortir tout le peuple de la Ville Royale au deuant du Roy, pour le receuoir comme triomphant à ſon arriuée, & l'accompagner auec hautes acclamations iuſqu'à ſon Palais.

Là encore nous arriuâmes, à la ſuite du Roy, & dans le train de cette triomphante entrée, ſans ſçauoir où nous trouuerions logis, n'y ayant point encore en toute la Ville de Chreſtien conuerty qui nous pût loger. Dieu toutesfois toucha le cœur d'vn Payen de haute condition, nommé *Man tai*, qui nous ayant conſiderez, nous offrit d'abord, & ſans en eſtre recherché, ſa maiſon, pour nous y retirer, & pour y faire nos fonctions, iuſqu'à ce que le Roy nous eût pourueu de logement ; comme les témoignages qu'il nous auoit rendus de ſa bonté, nous l'auoient fait eſperer. Et ce fut merueille comment ce bon Seigneur ſe prit d'affection à tout ce qui eſtoit de nos affaires. Il nous preparoit luy meſme l'Autel pour la Meſſe ; il eſtoit aſſidu à oüir les Catechiſmes, & la Predication ; & voulut meſme que ſa femme, & tous ſes domeſtiques (apres auoir eſté bien inſtruits des poincts de noſtre

Religion,

Religion) receuſſent le Bapteſme, encor que luy ne le receut point alors, ny eſtant pas aſſez diſpoſé, pour quelques empeſchemens qui le retenoient, qu'il n'auoit pas encore courage de vaincre; protestant neantmoins toûjours, qu'il ne mourroit point ſans le Bapteſme, lequel il vouloit remettre à vn autre temps, auquel il flattoit ſon eſperance, & le deſir de ceux qui aimoient ſon bien, de ſe dégager des liens qui tenoient ſa liberté captiue. En quoy il hazardoit grandement l'affaire de ſon ſalut; ne pouuant pas s'aſſeurer en ce temps-là de la grace de Dieu, qu'il refuſe ſouuent à ſes temporiſeurs qui en preſument trop largement; & qui remettent leur conuerſion au temps auenir. Le bon Dieu neantmoins, meu des prieres de ſa femme, & de ſes enfans; & peut-eſtre en conſideration de l'office charitable d'hoſpitalité qu'il nous auoit rendu de ſi bon cœur, l'attendit apres dix ans, auquel temps il tomba grieuement malade; Et ſa femme, Dame vertueuſe, nommée Agathe, nous ayant auſſi-toſt appellez, nous luy rendîmes tres-volontiers, & auec grande joye, les dernieres aſſiſtances, en reconnoiſſance des obligations que nous luy auions; & l'ayans trouué fort diſpoſé à receuoir le Bapteſme, pour auoir congedié de ſa maiſon le principal empeſchement de ſa conuerſion; eſtant d'ailleurs depuis long-temps bien inſtruit de tous nos myſteres, & des poincts de la Foy, nous luy donnâmes le Bapteſme auec le nom de Iean, apres lequel il ne tarda pas beaucoup de mourir, & paſſa heureuſement (comme nous eſperons) de cette vie, dans l'immortelle, & bien-heureuſe.

Soudain que l'on eut connoiſſance à la Cour de no-

ſtre arriuée, & du logis que nous aüions pris, il s'y fit vn ſi grand concours de perſonnes de toute condition, que nous auions grande peine de ſatisfaire à tous. La perſonne la plus apparente, & la premiere de celles qui receurent le Bapteſme auec la Foy, fut la ſœur meſme du Roy: laquelle pour eſtre ſçauante des lettres Chinoiſes, & bien verſée en la Poëſie, nous appellâmes Catherine, afin qu'elle fuſt ſemblable à cette Saincte, autant en zele & en vertu, qu'elle l'eſtoit aux belles qualitez d'eſprit, & en nobleſſe de ſang. Auſſi elle ne tarda pas de faire part à ſa Mere de la grace que Dieu luy auoit faite, & de l'attirer à la profeſſion du Chriſtianiſme, qui fut vne tres-importante acquiſition que fit cette Egliſe naiſſante: Car cette Dame eſtoit encor bien intelligente des lettres Chinoiſes, & auparauant, ſi fort adonnée au culte des Idoles, que les Saj l'appelloient *Thaj*, c'eſt à dire *Maiſtreſſe*, pour la capacité qu'elle auoit d'inſtruire les autres: Mais elle changeant de Religion, changea auſſi de zele, qu'elle appliqua à l'inſtruction de quantité de ieunes Dames qu'elle forma aux mœurs, & à la pieté Chreſtienne par ſes enſeignemens.

Sa Fille auſſi, Madame Catherine, ſe rendit ſi affectionnée à la connoiſſance, & à la meditation de nos myſteres; que comme elle eſtoit bien verſée en la Poëſie du pays, elle compoſa en beaux vers toute l'hiſtoire du Catechiſme; commençant depuis la Creation du monde, iuſques à la venuë, la Vie, la Paſſion, la Reſurrection, & l'Aſcenſion de Noſtre Seigneur. Voire elle adjoûta à la fin de ſon Poëme, la deſcription de noſtre arriuée au Royaume de Tunquin, & les

commen

commencemens de la publication de l'Euangile. Duquel Ouurage il en reuint ce bien, que non ſeulement les nouueaux Chreſtiens chantoient ces vers dans les maiſons, à la Ville ; & à la Campagne ; mais encor beaucoup de Payens les chantant, dans le plaiſir qu'ils prenoient à la douceur du chant, s'inſtruiſoient des myſteres, & des veritez de la Foy.

De la conuerſion d'vn Saj renommé, & de beaucoup d'autres qu'il amena à la Foy.

CHAPITRE XIII.

C'Eſt vne remarque que nous auons faitte dans le Royaume de Tunquin, que de tous les Infideles que nous y auõs cultiuez, & tâché d'attirer à la connoiſſance de la vraye Foy, nous n'en auons point reconnu de plus ſuſceptibles de noſtre Religion ; & plus conſtans à la retenir ; que ceux qui ont eſté auparauant fort attachez au culte des Idoles. Entre ces ſuperſtitieux adorateurs, il faut icy auec raiſon faire mẽtion d'vn Saj fort eſtimé, habitant d'vne Bourgade dite *Vu Xa*, diſtante vne, ou deux iournées de la Ville Royale. Cét homme auoit eſté choiſy pour ſa probité exemplaire, par vne des Concubines du Roy, Dame de cette Bourgade ; pour auoir charge d'vn Temple d'Idoles qu'elle y auoit fait baſtir, auec vn autel au fonds ; & vn Tabernacle d'vne ſuperbe ma-

nufacture, enrichy d'or; & embely de peintures, dans lequel elle croyoit follement que son esprit demeureroit apres sa mort. Mais soudain que le bon Saj eut receu dans l'instruction que nous luy donnâmes, les premiers rayons de la grace, & de la vocation au Christianisme, sans s'arrester à la consideration de ses interests temporels, & du credit de celle qui l'auoit nommé à la charge du Temple, qui pouuoit s'offencer contre luy s'il l'abandonnoit, en sortit comme d'vn lieu contagieux à la profession qu'il vouloit faire; & se retira avec sa femme en sa maison particuliere, pour s'y preparer plus deuotement à la reception du Baptesme, auquel le Saj fut appellé Antoine, & sa femme, Paule. Depuis Antoine épris d'vn grand zele, pour ne laisser sans fruict la grace qu'il auoit receuë, fit de sa maison, comme vne Eglise, où il appelloit, & attiroit par sa reputation les habitans du lieu, qui s'y rendoient à si grande foule pour receuoir ses instructions, que le Temple des Idoles fut entierement deserté; ne se trouuant d'ailleurs plus personne qui en vouluſt prendre la charge apres qu'Antoine l'eût quittée. Dequoy la Concubine, Dame du lieu, ayant appris ce qui s'estoit passé, entra en si haute rage, qu'elle manda à son Frere qui commandoit dans le lieu à son nom, qu'il fist r'entrer le Saj conuerty dans sa premiere charge, & au cas qu'il refusast de la reprendre, qu'il le fist foüetter au milieu de la Place publique. Ce qu'il executa, sur le refus courageux qu'Antoine luy en fit, l'ayant fait attacher à vn poteau au milieu de la Place, & foüetter cruellement à la veuë de tous les habitans qui en fremissoient. Ce qu'Antoine souffrit

auec

auec vne grande conſtance; & ſans ſe rebutter de cét indigne traittement qu'il auoit receu ; voire glorieux du témoignage public qu'il auoit donné de ſa Foy, il s'appliqua auec plus d'ardeur que deuant à preſcher l'Euangile de IESVS-CHRIST, & à ſolliciter tous les hommes de ſe ranger de ſon party ; pendant que ſa femme Paule, qui ne luy cedoit point en zele, & en vertu, appliquoit les meſmes ſoins à inſtruire les femmes, & à les diſpoſer au Bapteſme. Ce qui eſtant venu à la connoiſſancé de la Concubine, peu s'en falut qu'elle ne fiſt éclatter ſa fureur ſur la teſte du pauure Antoine: Craignant neantmoins de faire mourir ſans cauſe vn homme de bien, & tenu ſans reproche, elle eut le pouuoir de le bannir de ſon païs, & de luy confiſquer ſes biens, qu'il abandonna d'vn grand courage pour Dieu, & pour la gloire de ſon Nom ; n'eſtant point tant faſché d'en eſtre priué, que de s'eſloigner d'vne centaine de Chreſtiens qu'il auoit gagnez à Dieu, qu'il laiſſoit encores tendres en la Foy, & foibles pour reſiſter à vne forte tentation. Et eux auſſi euſſent eſté inconſolablement affligez de ſe voir priuez en vn meſme iour de deux perſonnes qui leur eſtoient ſi neceſſaires, & qu'ils tenoient en lieu de Pere, & de Mere ; s'ils n'euſſent adoucy leur affliction par l'expedient qu'ils prirent en cét abandon, d'aller faire leurs exercices de deuotion en vne Bourgade voiſine, appartenante à vn autre Seigneur, où ils ſe figuroient qu'ils ſeroient bien receus, & en liberté de faire profeſſion de ce qu'ils eſtoient.

L'exil d'Antoine cauſé par la paſſion d'vne femme inſolente, fut ſelon la raiſon, & le deſſein de Dieu;

qui

qui l'addreſſoit par ſa prouidence à vn païs eſtranger, où il deuoit par ſon induſtrie, & par ſon zele, diſpoſer beaucoup de Payens à receuoir la Foy. Auſſi il n'y fut pas plutôt arriué, qu'il commença à y faire l'office de Catechiſte, & d'Apoſtre, à preſcher, & publier nos myſteres, à ébranler les conſciences, à conuaincre les eſprits, & à faire des conqueſtes ſur le Demon. En effet, il ne venoit iamais à la Ville Royale (ce qu'il faiſoit ſouuent) qu'il ne nous amenât à baptiſer, tantoſt vingt; tantoſt trente, & vne fois meſme quatre-vingts Catechumenes; & entre ceux-cy vn bon nombre de ſçauans aux lettres Chinoiſes, encore que luy n'y fuſt pas beaucoup verſé, & que ſemblables perſonnes pour le marque de cette capacité ne ſoient pas en grande eſtime parmy les Tunquinois: Mais l'Eſprit de Dieu qui reſidoit en ſon ame, & animoit tout ce qui partoit de luy, le rendoit reſpectable, meſme à tous les Sçauans; & ſes paroles puiſſamment efficaces, voire enuers les plus endurcis. Ayant vne fois reconnu vn de ces nouueaux Chreſtiens fort relâché aux exercices de la deuotion, & qu'il s'abſentoit meſme ſans cauſe les Dimanches, des Aſſemblées communes; il l'a la trouuer, & luy ayant repreſenté le mauuais eſtat où il ſe trouuoit, & le precipice qu'il ouuroit à ſa totale ruine, ſe diſpoſa parfaittement à r'entrer dans ſon deuoir, & à ſe remettre aux bonnes graces de Dieu; luy propoſant l'exemple du Centenier Longin, que de la cruelle playe qu'il fit au coſté du Sauueur receut la lumiere, & la grace du Ciel. Et nous ne ſçauons pas qu'il euſt appris d'autre que du S. Eſprit, cét exemple de Longin, dõt il ſe ſeruit pour r'amener le Chreſtiẽ débauché.

Vn grand

Vn grand nombre de Payens reçoit le Bapteſme.

CHAPITRE XIV.

IL y a non loin de la Ville Royale vn Pont celebre, dit *Caugien*, qui donne le nom à tout vn païs voiſin, qui eſt habité de pluſieurs Idolatres, hommes, & femmes, vnis par vne particuliere profeſſion qu'ils font de s'employer à de bonnes œuures vtiles au public; comme à releuer les Ponts qui ſont tombez, à bâtir des maiſons pour receuoir les Pelerins, & aux ſemblables; Et comme les hommes de cette profeſſion ſont appellez *Saj*, les femmes ſont nommées *Vaj*: Et pour expliquer l'vnion d'eſtat, & de profeſſion qui eſt entr'eux, on les nomme d'vn nom compoſé de deux, *Saj Vaj*. D'où eſt venu que ceux-là meſme qui ſont fort adonnez au culte des Idoles, & qui en ſuite portent leurs ſoins particuliers à prattiquer ſemblables bonnes œuures, ſont communement appellez *Saj Vaj*. Il y auoit donc vn grand nombre de ces *Saj Vaj*, habitans de la Bourgade ditte *Caugien*, diſtante enuiron demie lieuë de la Ville Royale, leſquels ayant eu connoiſſance de noſtre arriuée à ladite Ville, touchez de quelque ſecret mouuement du Sainct Eſprit, vinrent ſoudain à grandes trouppes nous trouuer, nonobſtant l'incommodité du temps qui eſtoit pluuieux, & des chemins qui eſtoient tous détrempez de bouës; pour eſtres inſtruits

de la Loy que nous preschions : Et témoignerent depuis vne si grande auidité de l'apprendre, qu'ils ne manquoient aucun iour, quelque temps qu'il fit, de se rendre à nostre Eglise à l'heure que nous y enseignions le Catechisme : De sorte que dans peu de temps douze d'entr'eux des mieux instruits furent baptisez, qui ont depuis beaucoup aydé au progrez du Christianisme en ce païs-là, & trauaillé de grand ardeur au bastiment, & à la dotation du premier Hospital à receuoir les pauures, qui ayt esté dressé dans le Royaume de Tunquin.

Ce ne fut pas seulement des Idolatres, & des ignorans qui faisant ioug à la verité, furent appellez en ces commencemens à la profession du Christianisme ; Il ne manqua pas de lettrez, & de Sçauans qui vinrent prendre chez nous, auec beaucoup d'humilité, les premieres instructions de la Foy ; Et entr'autres vn *Oun ghe* (ainsi appellet'on ceux d'entre les lettrez, qui ont esté, ou qui sont dans la fonction de quelque charge publique) âgé de soixante dix ans, vint auec sa femme, déja vieille, demander l'instruction que nous donnions aux autres, & apres cela le Baptesme ; lequel ils receurent auec de tendres témoignages de gratitude enuers Dieu qui les auoit attendus si long-temps, & conseruez iusques à cét âge, pour les éclairer des lumieres de la vraye Foy. Et ils firent tant d'estat de la grace qu'ils auoient receuë, que pour témoigner leur reconnoissance ils nous amenerent vn nombre de leurs parens de diuerses Prouinces, pour leur faire auoir part à vn bien qu'ils estimoient tant. Celuy-cy fut suiuy d'vn ieune Licencié fort habile, qui ne marchanda

chanda pas beaucoup sa conuersion ; & fut appellé Iean en son Bapteſme, & depuis si heureux à imprimer ses sentimens dans l'esprit de sa mere, & de toute la famille, qu'il nous l'amena, toute bien instruitte des principes de la Religion, pour luy donner le Bapteſme; son pere s'y accordant de bon cœur, quoy qu'il manquaſt luy meſme de cœur, & ne se peuſt alors resoudre de le prendre.

Noſtre logis fut des le commencement frequenté de pluſieurs autres lettrez, que la curioſité nous amenoit, plûtoſt que la deuotion, ou le deſir d'apprendre ce qui eſtoit de leur bien ; auſſi n'en rapportoient-ils pas beaucoup de fruict, aueuglez de la vanité de leur ſuffiſance ; & cherchans plûtoſt de contredire à ce que nous diſions, & preſchions de nos myſteres, que de s'en inſtruire pour leur proffit ; en qui nous trouuions verifiée la parole du Fils de Dieu, qui dit ; qu'il y en a beaucoup d'appellez, mais peu de choiſis.

* *
*

Le Roy de Tunquin nous fait bastir prés de son Palais, Maison & Eglise, où nous faisons nos fonctions auec grand concours.

CHAPITRE XV.

LE Nauire des Portugais qui nous auoit amenez à Tunquin, estant prest à partir, le Roy qui de sa grace nous y auoit arrestez, voulut par vn surcroist de bonté, écrire vne lettre de ciuilité par le retour du Nauire, au P. André Palmier lors Visiteur, pour le remercier de nous auoir enuoyez à son Royaume, & luy expliquer la satisfaction qu'il receuoit de nostre venuë. Mesme qu'en témoignage d'affection, & de magnificence, il ne voulut point qu'elle fust écritte sur le papier du païs à l'ordinaire (encore qu'ils en employent de fort beau, peint, & doré auec grand artifice) mais sur vne lame d'argent estendyë, puis grauée, & pliée en rouleau.

Toutefois il arriua par malheur que le Nauire perit par vn fortunal de mer contre l'Isle d'Ainan : Tellement que la lettre du Roy estant tombée au pouuoir dés habitans de l'Isle, qui auoient recueilly le bris du naufrage, fut depuis racheptée par le P. Palmier, & portée à Macao.

Cependant comme nous eusmes reconnu que le logis de nostre habitation estoit trop étroit pour nos fonctions

fonctions, & moins propre à ſatisfaire au concours du grand monde qui venoit à nous : Nous allaſmes trouuer le Roy, & luy exposâmes trés-humblement noſtre incommodité, le ſuppliant de nous aſſigner vn autre lieu plus commode la part où il luy ſembleroit bon. Ce que le Roy non ſeulement approuua, mais adjouſta de ſa grace qu'il auoit reſolu de nous dreſſer vne habitation dans ſon propre Palais ; & partant que nous fiſſions choix du lieu que nous iugerions plus propre pour nos fonctions, & qu'il commanderoit auſſi-toſt de le baſtir, & accommoder à nos vſages. Sur ce il ne manqua pas de perſonnes bien affectionnées qui nous conſeilloient d'accepter l'offre du Roy, & de nous loger dans l'enceinte du Palais, tant pour nous garantir du danger des embraſemens qui ſont aſſez frequens en cette Ville ; comme des voleries ordinaires que les larrons y exercent. Toutefois parce que l'entrée du Palais du Roy pour beaucoup de conſiderations euſt eſté plus difficile à l'abord des nouueaux Chreſtiens, nous choiſiſmes plûtoſt de nous loger hors du Palais auec quelque incommodité, quoy que non gueres loin, pour aller plus commodement vers le Roy quand nous ſerions appellez. De ſorte que dans peu de iours nous eûmes vne maiſon dreſſée par le commandement du Roy, en la place que nous auions choiſie, auec tous les auantages que nous euſſions peu deſirer. Le baſtiment n'eſtoit que de bois à la façon du pais, mais bien capable, & d'vne ſtructure pareille à celle des maiſons qui ſont habitées des Nobles.

Ce fut donc ſur la fin du mois de Nouembre, quatre mois aprés noſtre entrée dans la Ville Royale, que

nous passâmes à nostre nouuelle habitation, dont vne partie fut dediée à nous seruir d'Eglise, & où (soudain que nous en eusmes pris possession) nous fusmes visitez d'vne si grande affluence de monde, qu'il nous fallust Prescher iusques à six fois le iour, trois fois dans la matinée, & trois fois apres le disné, pour satisfaire à l'attente de ceux qui venoient, & qui se succedoient les vns aux autres. Le fruict aussi que nous recueillions de nos trauaux, & de la semence de la parole de Dieu que nous jettions, estoit si grand qu'il nous faloit prendre deux iours dans la semaine, pour donner le Bapteſme à ceux qui le demandoient, & ordinairement à vingt; & quelquefois à quarante personnes, entre lesquels il y auoit des gens de condition, mesme de la Maison du Roy. Il est vray qu'il nous falut au commencement soûtenir la dispute contre certains esprits curieux, & contentieux, qui ne venoient nous oüir, que pour contredire à la doctrine que nous preschions. Ce qui non seulement troubloit l'ordre de nos sermons, occupant le temps precieux qui leur estoit destiné, que nous donnions à répondre à leurs questions, & à resoudre leurs doutes; mais jettoit encore du trouble dans leurs esprits, & empeschoit le fruict de l'Euangile. Dont nous prïmes resolution, de n'admettre personne à proposer des questions, qui ne se fust rendu durant huict iours auditeur assidu de la doctrine que nous enseignions: D'où il arriua, que, ou ces esprits coquilleux se retiroient par impatience deuant ce terme, ou s'ils se rendoient assidus à nous oüir durant tout ce temps, ils estoient à la continuë éclaircis de leurs doutes, & n'auoient rien plus à nous

pro

proposer au contraire : Et ainsi il y auoit moins de perte de temps, & moins de danger de troubler par ces contentions puntilleúses, ou friuoles, les Auditeurs bien intentionnez.

La methode que nous gardions à enseigner le Catechisme.

CHAPITRE XVI.

ENcore que plusieurs de ceux qui ont annoncé la doctrine de l'Euangile aux autres Royaumes des Infideles, ayent esté d'aduis qu'il faloit premierement détruire les erreurs du paganisme, & desabuser les esprits saisis de fausses opinions, auant que d'establir, & d'enseigner les poincts, & les principes de la Religion Chrestienne; suiuant l'ordre que Dieu donna à vn Prophete, luy disant; Ie t'ay mis pour détruire, & arracher; pour édifier & planter: Et pour le tres-auguste mystere de la saincte Trinité, de ne l'exposer aux Catechumenes qu'au temps qu'ils se trouueroient disposez à receuoir le Baptesme; pour n'embroüiller d'abord leur esprit des doutes qui leur pourroient nâistre sur ce tres-haut, & ineffable mystere: I'estimay neantmoins par l'experience que i'en pris, deuoir tenir entre deux vne methode d'instruction pour les peuples de ce Royaume. C'est à sçauoir de ne combattre point les erreurs des sectes Tunquinoises, auant que d'auoir posé quelques principes connoiss-

noiſſables par la ſeule lumiere de la Nature; comme de la Creation du monde; de la fin pour laquelle le ſouuerain principe de l'eſtre creé, a fait & ordonné la creature raiſonnable, & des obligations qu'elle a de le reconnoiſtre, & de le ſeruir: tant pour ietter dans leur eſprit quelque fondement aſſeuré, ſur lequel le reſte de leur creance ſe puiſſe aucunement appuyer; comme pour ne les rebutter point d'abord d'oüir décrier & rendre ridicules leurs deuotions, quoy que fauſſes, & leurs obſeruations ſuperſtitieuſes, ce qui eſt ſouuent arriué. Il m'a donc mieux reüſſi, autant que ie l'ay pû remarquer, de leur imprimer quelques ſentimens de pieté, & d'amour naturel enuers le Createur, & le premier principe de leur eſtre. Puis par le recit de l'hiſtoire du deluge general, & de la confuſion des Langues, leur donner quelque apprehenſion du Dieu qu'ils doiuent craindre & adorer; & de là deſcendre à la refutation de l'Idolatrie, laquelle meſme le Diable n'a pas introduitte dans le monde qu'apres le deluge. En quoy ie ſuis bien d'accord auec les autres, qu'il ne faut point expoſer aux Payens que l'on veut conuertir, les myſteres de la Saincte Trinité, de l'Incarnation, & de la Paſſion du Fils de Dieu, & ietter la ſainte ſemence de ces grandes veritez dans leurs cœurs, deuant que d'en auoir arraché les erreurs, & la ſuperſtition de l'Idolatrie.

Toutefois il ne me ſemble pas qu'il faille attendre le temps proche du Bapteſme, pour propoſer aux Catechumenes la creance de la Trinité des diuines Perſonnes: mais plûtot commencer par la declaration de ce myſtere, d'où il eſt plus aiſé de deſcendre à l'Incarnation

nation du Fils de Dieu, qui eſt la ſeconde Perſonne; puis aprés à ce qu'il a ſouffert pour ſauuer le monde perdù par le peché; à ſa Reſurrection; & aux autres myſteres de noſtre Religion; qui eſt la ſuitte, & la methode qui a eſté obſeruée par les Apoſtres au Symbole de la Foy qu'ils nous ont laiſsé. Et pour moy durant tant d'années que i'ay employées à l'inſtruction des Payens, ie n'en ay iamais trouué aucun qui ſe ſoit rebutté de noſtre Foy, ſur la propoſition du ſecret incomprenable du myſtere de la Trinité: voire i'ay toûjours reconnu qu'ils ont bien plus de peine à croire celuy de l'Incarnation: Et la raiſon en eſt, parce qu'ils ne treuuent pas étrange que Dieu, dont ils connoiſſent par vn raiſonnement naturel, la nature inconceuable & éleuée au deſſus de nos connoiſſances, ſoit auſſi moins explicable par nos diſcours en ſes proprietez, & aux perſonnes que nous propoſons à leur creance. Mais la grande peine que nous auons, eſt à leur perſuader que celuy qui eſt vn pur eſprit, qui eſt eternel, & immortel, & qui regne dans le Ciel couronné de gloire, ſe ſoit reueſtù de chair, ayt pris naiſſance dans le temps, ayt eſté ſujet à la mort, & expoſé à toutes ſortes d'opprobres, & de miſeres. C'eſt pourquoy quand il eſt queſtion de propoſer aux Catechumenes les myſteres de la Paſſion; il le faut faire auec addreſſe, & vn peu autrement, que l'on ne fait pas à nos Chreſtiens; en obſeruant ces trois choſes. La premiere de releuer beaucoup les prodiges qui arriuerét en la mort de IESVS-CHRIST; comme toute la nature s'effraya de l'attentat commis en ſa perſonne; comme le Soleil retira ſes rayons, & ne voulut point éclairer la terre

coupable d'vn si execrable sacrilege; comme les tombeaux s'ouurirent, les rochers se fendirent, la terre trembla, & toutes les creatures témoignerent la douleur qu'elles auoient de la mort de leur Createur. D'où il faut conclurre, que s'il est mort, ce n'a esté que de sa volonté, & par la permission du pouuoir qu'il en a donné à ses meurtriers, pour operer le rachapt, & le salut du genre humain. En second lieu, aprés auoir expliqué le grand amour, & les admirables vertus qu'il a témoignées en patissant; & mourant; il est à propos de leur exposer pour la premiere fois l'image du Crucifix pour estre adorée, auec cierges allumez, & autres semblables ceremonies de deuotion. Tiercement il ne leur faut iamais expliquer la Passion, & la mort du Sauueur, que l'on n'adjouste aussi-tost le recit de sa glorieuse Resurrection, comme il ressuscita de sa propre vertu le troisiéme iour, & se leua triomphant du tombeau, où on l'auoit mis; afin que de là il apparoisse mieux; que s'il s'est pû donner la vie en surmontant la mort; il estoit Seigneur de la vie, & de la mort, & comme tel il se pouuoit empescher de mourir, & se déliurer des mains des Iuifs, s'il l'euſt ainsi voulu. Et ce discours leur doit estre souuent reïteré, & imprimé dans l'ame, afin qu'ils conçoiuent plus d'amour, & de respect enuers le Sauueur. L'experience nous ayant fait connoistre, que plus ils sont affectionnez, & deuots à la Passion du Sauueur, ils sont aussi estimés faits Chrestiens, plus fermes, & plus constans à la pratique de la vertu.

Quelques

Quelques occaſions confirment grandement les nouueaux Chreſtiens en la Foy.

CHAPITRE XVII.

DArmy ceux qui ſe rendoient fort aſſidus à l'inſtruction des Catechiſmes que nous faiſions tous les iours en noſtre Egliſe, il y eut vn certain Saï, à qui la Mere du Roy, deuant qu'elle euſt embraſſé noſtre Religion, auoit donné la charge de l'vn des principaux Temples des Idoles, voiſin du Palais Royal, qu'elle auoit fait baſtir. Cét homme durant cinq iours continus qu'il frequenta nos aſſemblées, preſtant vne ſinguliere attention à la doctrine Chreſtienne qui eſtoit expliquée, auoit donné à tous ceux qui l'auoient conſideré, vne grande eſperance de ſa conuerſion : Quand le cinquiéme iour ſa femme entra dans noſtre Egliſe, effarée, & tranſportée de fureur comme vne Proſerpine, & s'addreſſant à ſon mary qu'elle auoit cherché dans la trouppe: Et comment, luy dit elle; es tu deuenu ſi fol, & ſi abandonné de ſens, d'embraſſer vne Loy qui t'obligera de quitter tes Dieux, & ton Temple? he inconſideré que tu es, quand tu auras quitté le ſeruice de ton Temple qui ſe donne dequoy viure; où prendras tu dequoy entretenir ta maiſon, ta femme, & tes enfans? & d'où tireras-tu la ſubuention de toutes tes neceſſitez? Ainſi declamoit hautement cette furieuſe, ſans que le bon Saï

oſaſt luy repliquer vn ſeul mot, ou reſiſter à l'inſtance qu'elle luy faiſoit de ſortir de l'Egliſe, & de ſe retirer à ſon logis: Ce qu'il fit laſchement auec le regret de ceux qui auoient beaucoup eſperé de ſa conuerſion.

Cependant l'infidele laſcheté de ce Saï ne ſeruit pas de peu à confirmer les nouueaux Chreſtiens en leur Foy par vne occaſion qu'il en donna, qui fut l'effet (comme il n'en faut point douter) d'vne ſpeciale prouidence de Dieu. Car cét homme qui auoit encore l'eſprit ſaiſi des poincts de la doctrine Chreſtienne qu'il auoit ouïs, eſtant entré le matin d'vn iour de Dimanche dans noſtre Egliſe, à l'heure que les Chreſtiens ſe preparoient pour entendre la Meſſe, il leur monſtra vn Liure écrit en lettres Chinoiſes, qui eſtoit marqué en la premiere page du ſainct Nom de IESVS, peint en gros caracteres: Ce que ie voulus voir, & reconnus auſſi-toſt, que c'eſtoit vn Liure apporté de la Chine, & compoſé par quelqu'vn de nos Peres; mais i'eſtois ébahy comment il pouuoit eſtre tombé entre les mains de ce *Saj*. Sur quoy il me ſatisfit en me racontant, comme ſon Pere autrefois ayant accompagné l'Ambaſſadeur qui eſt enuoyé de trois ans en trois ans pour preſter l'hommage, & payer le tribut ordinaire au Roy de la Chine, auoit rapporté ce Liure de la Cour de Pequin; duquel il faiſoit ſi grand eſtat, que mourant il le luy auoit laiſſé en heritage, & comme precieux threſor qu'il preferoit au reſte de ſes biens; luy adjouſtant qu'il l'auoit receu eſtant à Pequin en compagnie de l'Ambaſſadeur; des Docteurs du grand Occident, auec aſſeurance qu'ils luy auoient donnée, que celuy qui croiroit, & obſerueroit ce qui eſtoit

contenu

contenu dans ce Liure, paſſeroit ſainctement, & heureuſement de ce monde dans le Ciel. Que depuis la mort de ſon Pere, qui l'auoit laiſſé ieune orphelin, aagé ſeulement de dix ans, il auoit cherement conſerué ce Liure dans vne caſſette l'eſpace de trente ans; & l'ayant quelquefois ouuert, & leu ce qu'il contenoit, il n'y auoit iamais rien entendu, iuſques à ce dernier temps, qu'aprés auoir ouy nos Sermons, il auoit commencé d'y comprendre quelque choſe. Ie l'interrogeay s'il entendoit la ſignification de ces grandes lettres qui eſtoient figurées au commencement du Liure; & il me reſpondit ingenuëment, que non. En ſuitte de quoy ie luy monſtray les meſmes lettres dans vn autre de nos Liures, qui exprimoient le ſainct Nom de IESVS: Ce qui donna vne grande joye à tous les nouueaux Chreſtiens, voire les confirma grandement en la creance des veritez qui leur auoient eſté enſeignées; quand ils eurent reconnu, comme ie leur fis voir, que le contenu du Liure que le *Saj* auoit apporté, n'eſtoit autre que leur Catechiſme, ſans difference ny en l'ordre des choſes, ny en la methode de l'inſtruction. Nos Chreſtiens preſſerent fort ce *Saj* de leur laiſſer ſon Liure, pour le tranſcrire, mais il leur refuſa, & le voulut emporter. Il ne laiſſa pas de confeſſer naifuement deuant tous, ſans en eſtre preſſé de perſonne, que la foy Chreſtienne qui eſtoit compriſe dans ſon Liure, & que nous enſeignions en conformité, eſtoit le vray, & aſſeuré chemin du ſalut; & que s'il n'en faiſoit pas alors luy meſme la profeſſion que ſa conſcience luy dictoit, ſa pauureté en eſtoit cauſe, n'ayant pas le moyen de viure d'ailleurs, &

d'entretenir sa famille, que du seruice qu'il rendoit à son Temple. Plaise à Dieu qu'il puisse vn iour se mieux reconnoistre, & vaincre cet obstacle qui le retient dans l'infidelité.

Nos Neophytes se sont encore grandement affermis en la creance, & en l'estime de la Religion Chrestienne dont ils font profession, voyants beaucoup de prodiges pleins de merueilles, que Dieu operoit en ce mesme temps par la vertu de la saincte Croix, & par l'eau benite; principalement lors que nous les appliquions aux malades, mesme moribonds, & à ceux qui estoient possedez des malins esprits. Aussi quand nous estions appellez pour rendre ces assistances à ceux qui les demandoient (ce qui arriuoit si souuent qu'à peine y pouuions nous suffire) nous estions accompagnez d'vn si grand nombre de Payens, meslez parmy les Chrestiens, & les Catechumenes, qu'ils tenoient toutes les ruës par où nous allions; leur curiosité les portant à venir remarquer la ceremonie auec laquelle nous imposions les mains aux malades, où nous leurs appliquions; & aux possedez, l'eau benite, & la Croix, d'où ils voyoient souuent arriuer non sans estonnement, qui les tenoit tous rauis, que les malades estoient soudainement gueris, & les possedez deliurez du demon qui les tourmentoit.

* * *

Les

Les nouueaux Chrestiens guerissent miraculeusement les malades, auec l'Eau-beniste, & la saincte Croix.

CHAPITRE XVIII.

ON peut iustement appliquer à la nouuelle Eglise de Tunquin, ce que Sainct Gregoire le grand disoit de l'Eglise Chrestienne naissante ; Que tout ainsi que l'on arrose les arbrisseaux qui sont recentement plantez, iusques à ce qu'ils ayent pris racine & consistence dans la terre ; Aussi il falloit que l'Eglise Chrestienne fust au commencement nourrie par les miracles ; iusques à ce qu'elle eust pris quelque accroissement, & des forces suffisantes pour se maintenir. Et ie veux dire qu'il faloit aussi que pour fortifier au commencement les nouueaux Chrestiens de l'Eglise de Tunquin ; Dieu par quelques operations miraculeuses donnast approbation à la creance dont ils faisoient profession. Ce qu'il fit principalement par le moyen de l'eau-benite, de laquelle se seruant soit par aspersion, soit par infusion de quelque goutte dans la bouche des malades, ils ont operé grande quantité de guerisons. Dont ils ont eu depuis cette eau en telle veneration, que non seulement ils la tiennent dans leurs maisons ; mais encore faisans voyage ils la portent dans des boëttes comme du baûme precieux,

precieux, pour s'en ſeruir au beſoin pour eux,& pour les autres.

Vn certain ſoldat nommé Simon en ſon bapteſme, ayant à faire voyage à ſon païs diſtant pluſieurs lieuës de la Ville Royale, nous demanda vn petit vaſe plein d'eau benite pour y porter. Où il ne fut pas pluſtôt arriué, qu'y ayant trouué beaucoup de ſes compatriotes affligez de maladie, il les guerit tous, en leur faiſant prendre par la bouche vn peu d'eau benite. Et la preſſe eſtoit ſi grande de ceux qui le faiſoient appeller de tous coſtez, qu'encore qu'il n'en diſtribuaſt à chacun qu'vne gouttelette, ſon vaſe neantmoins en peu de temps fut preſque tout épuisé : de ſorte que s'apperceuant qu'il n'en reſtoit que fort peu au fonds, & ne voulant pas fruſtrer ceux qui l'appelloient ſans ceſſe, de la gueriſon qu'ils auoient eſperée, il prit vn conſeil que Dieu ſans doute luy inſpira, qui fut de s'en aller à la fontaine d'vne montagne voiſine, où ayant verſé dans vn plus grand vaſe ce qui luy reſtoit de ſon eau benite, il le remplit apres de l'eau de la fontaine, ſur laquelle il prononça par vne innocente ſimplicité toutes les prieres Catholiques qu'il auoit appriſes, y iettant meſme quelques grains de ſel, comme il nous l'auoit veu prattiquer. Et ce fut merueille qu'ayant depuis donné de cette eau à vne grande quantité de malades, il les guerit tous, Dieu le voulant ainſi, comme il faiſoit auparauant auec la premiere.

Vn grand Seigneur, encore Payen, Gendre du Roy, voyant que dans l'vne des Bourgades de ſon domaine, la plus part de ſes ſujets eſtoient attaints

d'vne

d'vne maladie contagieuſe qui auoit rauagé tout ce lieu, & emporté vne partie des habitans, ce qui auoit déja diminué notablement ſon reuenu ; nous vint demander inſtamment l'aſſiſtance de nos remedes, & particulierement de noſtre eau benite pour arreſter le cours de cette maladie populaire qui deſoloit tout. Et pour cét effet il auoit commandé à deux de ſes valets d'apporter deux grands vaſes, pour les rapporter pleins de l'eau que nous auions benite. Nous luy accordâmes volontiers ce qu'il demandoit, iugeans que c'eſtoit vne œuure de Dieu, & choiſimes ſix de nos Chreſtiens les plus zelez, pour aller rendre à cette Bourgade affligée cét office de charité. Ils y allerent pleins de courage, chacun d'eux portant ſa Croix, & ſon Chapelet. Et ſoudain aprés leur arriuée dreſſerent dans la premiere maiſon où ils furent retirez, vn petit autel, auec vne Image de deuotion, deuant laquelle ils firent vne courte, mais feruente priere ; puis ils firent charpenter trois grandes Croix, qu'ils porterent, & planterent aux d'eux extremitez, & au milieu du Bourg, en ſigne de victoire. Ce qu'ayant fait ils ſe partagerent, & parcoururent deux à deux toutes les maiſons infectes, en chacune deſquelles ils attachoient vne Croix au lieu le plus eminent, auec deſſein d'en chaſſer les demons qui en auoient pris poſſeſſion, qui furent ouïs en quelques endroits, ſe plaindre en grommelant de la violence qui leur eſtoit faitte. En ſomme dans huict iours, par la vertu de la ſaincte Croix, & par l'application de l'eau benite qu'ils faiſoient prendre aux malades, ils les guerirent tous, au nombre de deux cens ſoixante-dix, vn ſeul excepté qu'ils trouue-

rent en l'extreme agonie prest à rendre l'ame, auquel ils donnerent le Baptesme, apres vne sommaire instruction des mysteres de la Foy, & l'acte de Contrition auec lequel il s'y disposa. On remarqua que tous ceux qui guerirent de ce mal contagieux, apres auoir pris vn peu d'eau benite, iettoient par la bouche vne eau sale & puante, qui estoit vn indice du charme diabolique, qu'ils auoient receu, & la marque de leur guerison.

Ces bons Chrestiens estans reuenus de ce lieu publioient les victoires qu'ils y auoient remportées sur Satan, auec demonstration de grande joye ; qui fut aucunement détrempée par l'accident qui arriua à celuy que nous auions établi comme le superieur, & le chef des autres : Car il mourut peu de temps apres son retour subitement, & sans remede. De laquelle mort si soudaine, comme nous témoignions estre faschez, & aucunement ébahys ; Ne vous estonnez pas, (nous dit vn de ses compagnons) de la mort de cét homme : Elle est arriuée par vn iuste iugement de Dieu, car ayant esté instruit de rendre gratuitement à tous les offices de pieté & de charité qui nous auoient esté commandez, il n'en a pas ainsi vsé ; ayant receu vne belle robbe que luy a presenté en recompense de ses peines le Seigneur du lieu où nous auons esté. Ce que ce Chrestien ayant raconté en presence des autres, ils furent tous saisis d'vne grande frayeur. Et il nous souuint alors de la lépre dont Grezi fut frappé pour vne semblable auarice, ayant esté puny de la mesme maladie de laquelle Naaman auoit esté gueri. Car de mesme ce Chrestien auoit esté frappé de la ma-

ladie

lidie, & de la mort de laquelle les autres auoient esté deliurez, pour auoir pris recompense de la santé qu'il leur auoit donnée. Ce qui rendit depuis les Chrestiens fort retenuz en cette matiere, qu'ils faisoient mesme scrupule de boire, & de manger chez les malades qu'ils alloient guerir.

Quelques nouueaux Chrestiens s'offrent pour nous seruir toute leur vie.

CHAPITRE XIX.

COmme c'est la coustume au Royaume de Tunquin, que certains meûs d'vne fausse deuotion se dedient pour toute leur vie au seruice des Idoles, ou des Demons qui les tiennent comme esclaues de leur puissances: Vn bon soldat, déja Chrestien, nommé Antoine, robuste de corps, & qui estoit aagé, de plus de trente ans touché d'vn sentiment plus religieux, & plus sainct, demanda congé à son Capitaine quoy que payen, de quitter le seruice qu'il rendoit dans les armées au Roy de Tunquin, pour seruir le Roy du Ciel, & IESVS-CHRIST en son Eglise. Ce qu'ayant obtenu il ne voulut point donner ny vendre ses armes à vn autre qui s'en pouuoit mal seruir, mais les ietta dans vn lac profond, afin que personne n'en pût iamais estre offencé: Et s'en vint apres à no-

ſtre maiſon; nous demandant auec grande humilité & deuotion d'eſtre receu chez nous pour ſeruiteur: eſtant preſt (comme il diſoit) de nous ſeruir, & obeïr en tout ce que nous luy voudrions commander, ſans attendre de nous aucune recompenſe, mais ſeulement de Dieu, qu'il croyoit ſeruir en nos perſonnes. Nous euſmes fort agreable l'offre de ſa bonne volonté, & le receûmes en noſtre maiſon, où il nous rendit de grands ſeruices, principalement à porter ſur ſes eſpaules, depuis la riuiere qui eſtoit fort éloignée de noſtre habitation, toute l'eau qui nous eſtoit neceſſaire, tant pour le meſnage, que pour faire de l'eau beniſte, à quoy il falloit tous les iours employer vne grande quantité d'eau, pour ſatisfaire à la deuotion de tous ceux qui en demandoient. Et c'eſtoit auſſi vn motif qui piquoit merueilleuſement la diligence du bon Antoine, quand il ſe figuroit que l'eau qu'il portoit deuoit ſeruir à chaſſer les Diables, à donner la ſanté aux malades, & à eſtendre le nom, & la gloire de IESVS-CHRIST. Il a perſeueré durant vingt-ans, iuſques à maintenant dans les ſeruices d'humilité, qu'il nous a rendus d'vne tres-grande affection & deuotion, aux temps meſme les plus difficiles, comme il ſera dit en ſon lieu.

Et Dieu ne nous pourueut pas ſeulement par ſa bonté de ſeruice domeſtique pour nos neceſſitez, mais encore d'ayde pour la conuerſion & l'inſtruction du peuple, à quoy ie ne pouuois point ſuffire tout ſeul, eſtant obligé de preſcher, ou Catechiſer, quatre, cinq, ou ſix fois le iour. Celuy qui ſe preſenta le premier capable de cette fonction, fut vn nommé François,

François; qui s'y employe encore aujourd'huy fort vtilement; & auec vn grand zele; la conuerſion duquel arriua en cette façon. Ie faiſois vn iour vne inuectiue en preſence des nouueaux Chreſtiens, & des Payens, contre l'impieté du Xaca, ou du Thicca, de qui nous auons parlé ailleurs; qui a le premier introduit parmy les Tunquinois le culte ſuperſtitieux; & ſacrilege des Idoles. Et à ce diſcours ſe trouua preſent noſtre François qui faiſoit alors l'office de *Saj*, par lequel ayant eſté conuaincu de l'abus criminel de l'Idolatrie qu'il auoit ſolennellement exercée, à la fin du Sermon il ſe leua ſur pied, & s'addreſſant à moy, parla deuant tous en cette ſorte. I'ay paſsé déja dix-ſept ans de mon âge ſeruant auec fidelité; & aſſiduité au Temple des Idoles, ſur l'opinion que i'auois que par mes ſeruices ie pouuois meriter au prés des Dieux que i'adorois, qu'ils feroient quelque bon traittement en l'autre vie à l'ame de mon Pere defunct, qui me laiſſa eſtant encore enfant: Mais comme i'apprens de voſtre diſcours, i'ay perdu mon temps à ſeruir ces fantoſmes, & me ſuis bien trompé en l'opinion que i'auois priſe d'eux. Que dois-je faire donc pour reparer ma faute & corriger l'abus où i'ay eſté? Ie luy reſpondis, que ie luy conſeillois d'auoir bon courage; & que le grand Seigneur de tout, qui merite ſeul tous nos ſeruices auoit tant de bonté; qu'ils ne rejettoit perſonne de ceux qui ſe conuertiſſoient à luy de tout leur cœur: Qu'il luy faloit faire comme font les voyageurs qui ont perdu vne partie de leur iournée en des routes égarées; car auſſitoſt qu'ils s'apperceuoient de leur meſpriſe, s'eſtant remis dans le bon chemin ils auançoient le pas auec

autant plus de diligence, qu'ils auoient plus perdu de temps à le retrouuer. Que luy de mesme, ayant perdu tant de belles années à seruir en vain, & criminellement tant de fausses diuinitez, il deuoit sans delay renoncer au seruice qu'il leur auoit rendu, & se ranger à la profession de la verité qu'il auoit commencé de connoistre, où il trouueroit le pardon de ses fautes, & la recompense legitime de ses merites. Il écouta de bon cœur l'aduis que ie luy donnay, & l'executa aussi-tost, ayant quitté le Temple qu'il seruoit, & les grands emolumens qu'il en tiroit pour obeïr à la vocation, & à la grace du Sainct Esprit, de laquelle il fit part à vn grand nombre d'Idolatres qui auoient grande creance en luy, lesquels il amena à la connoissance de la verité; & luy (ayant esté baptisé au iour de la feste de sainct François Xauier) receut en son Baptesme le nom de François. Et sa deuotion ne s'arresta pas là, car quelques iours apres il nous vint retrouuer, nous demandant instamment qu'il luy fust permis de demeurer auec nous. Ce que nous luy accordâmes volontiers, tant pour auoir en luy vn témoin considerable de nostre vie priuée, comme pour le rendre plus sçauant des poincts du Catechisme, que nous luy dictions vne heure châque iour, qu'il apprit par cœur durant quelques mois, s'estant par sa diligence rendu capable de l'enseigner aux autres, comme il a fait depuis; auec grand proffit. Ce fut alors qu'il nous confessa, qu'vne des raisons pour lesquelles il auoit recherché de viure auec nous, c'estoit pour découurir si nostre vie s'accordoit auec nostre doctrine; & qu'ayant reconnu que nous menions vne vie encore

plus

plus étroitte, que celle que nous conſeillions aux autres, il auoit eſté fort conuaincu, & confirmé en ſa creance. Il eſt entré depuis en noſtre Compagnie, quinze ans apres ſa conuerſion, ſans iamais ceſſer, (meſme du temps de ſon Nouitiat pour la neceſſité que nous auions d'ouuriers) de faire l'office de Catechiſte, qu'il exerce dignement, & auec vn fruict ineſtimable des peuples.

Le Roy de Tunquin commence de prendre quelque auerſion de nous.

CHAPITRE XX.

A Peine pouuions-nous ſouhaitter de plus grands, & plus heureux ſuccez en la nouuelle Chreſtienté de Tunquin; eſtant vray que depuis la feſte de Noël, iuſques à celle de Paſques, il s'eſtoit conuerty plus de cinq cents Payens, entre leſquels il y en auoit quelques-vns de la premiere Nobleſſe, & quantité d'autres qui ayant tenu pluſieurs femmes deuant leur Bapteſme, ſelon l'vſage du pais, les auoient courageuſement congediées, n'en retenans qu'vne legitime: qui auoit eſté vne action de victoire ſi agreable à Dieu, qu'en recompenſe il auoit fait la grace à vn nombre d'eux de chaſſer par leurs prieres les demons du corps des poſſedez.

Ce fut auſſi ce qui échaufa la rage du demon contre nous, qui trauailla depuis de tout ſon pouuoir à former,

mer dans l'esprit du Roy quelque auersion de nous, & de nos ministéres. A celà il employa premierement ces mesmes Concubines que les Chrestiens conuertis auoient congediées, lesquelles dedaignans de se donner à des hommes de moindre condition que les premiers, excitoient de grands vacarmes par la Ville; de sorte que le brüit, & les plaintes en vinrent aux oreilles du Roy, qui en entretenoit luy mesme beaucoup & ne les voulant pas quitter, s'offensoit qu'il y eust de ses sujets, meilleurs, & plus consciencieux que luy. Dont piqué contre nous, qui obligions les nouueaux Chrestiens à faire ce diuorce; il nous enuoya vn message fascheux, & bien aigre, qui ne sentoit pas de la bien-vueillance qu'il nous auoit iusques alors temoignée. Le message estoit conceu en ces termes. *Quelle est cette Loy (Peres) que vous publiez en mon Royaume? Vous ordonnez à mes sujets, qu'ils ne doiuent auoir qu'vne femme, & ie veux qu'ils en ayent plusieurs, afin qu'ils ayent aussi plus d'enfans qui me soient fideles. Déportez vous donc desormais de publier cette Loy: que si vous n'obeïssez point, il me sera aisé de vous faire coupper la teste, & de vous empescher d'attenter desormais à continuer de faire ce que ie vous defens.* Ayant appris ce message que l'on nous disoit estre enuoyé de la part du Roy, nous entrasmes en quelque doute s'il venoit de luy, qui ne nous auoit iamais parlé de cét air, ny tenu semblables discours; ou s'il n'estoit point de l'inuention de celuy qui le portoit, que nous sçauions estre engagé dans les amours d'vn grand nombre de Concubines. Nous souuenant de ce qui nous estoit arriué, il ny auoit pas long temps, qu'vn larron estant entré la nuict dans

nostre

noſtre maiſon, & ayant rencontré vn bon vieillard qui ne dormoit point, il luy dit, pour l'empeſcher de crier, qu'il auoit ordre du Roy de me venir tuer dans le lict; ce qui ferma la bouche au vieillard; qui le laiſſa entrer dans ma chambre, d'où il enleua tout ce qui luy pleut, encore qu'il ne m'offenſa point en la perſonne. Nous demeuraſmes donc en ce doute ſans nous pouuoir bien reſoudre, & n'en oſaſmes point pourtant parler au Roy, mais continuâmes à noſtre ordinaire de combattre, & de condamner la pluralité des femmes, ſans craindre la menace que l'on nous auoit portée de la mort, que nous auions plûtoſt en deſir, & qui euſt eſté la plus glorieuſe recompenſe de nos petits trauaux, que noſtre bon-heur nous euſt pû preparer en ces terres.

Le Diable nous ſuſcita de plus d'autres ennemis auprés du Roy; ce furent les Eunuques, qui ont en garde les Concubines. Car craignans que le Roy qu'ils auoient reconnu par le paſsé nous eſtre fort affectionné, ſe fiſt en fin Chreſtien, & que ſelon la profeſſion du Chriſtianiſme il congediaſt ſes Concubines, par le moyen deſquelles ils obtiennent tout ce qu'ils veulent; ils perſuaderent au Roy que i'eſtois vn ſorcier qui enſorcelois les gens de mes paroles, leur faiſant faire ce que ie voulois, & les tuois auſſi quand ie voulois de mon ſouffle. Ce qu'ils faiſoient afin que le Roy ne me voulut plus ouïr parler, & ne m'appellaſt plus auprés de ſa perſonne, que ie pouuois (comme ils diſoient) faire mourir de mon ſouffle. Dont ne ſçachant point cette maligne impreſſion qu'ils auoient donnée de moy, i'eſtois bien ébahy que le Roy ne m'appelloit

plus à ſa conuerſation, & à ſa table meſme, comme il auoit auparauant accouſtumé, me faiſant ſeoir auprés de luy, & me ſeruant de ſa main : Que ſi i'auois eſté depuis receu, meſme rarement, pour parler à luy, c'eſtoit de loin ; de ſorte que, comme il eſtoit vn peu ſourd, il faloit qu'vn Eunuque luy rapportaſt mes paroles qu'il deguiſoit à ſa fantaiſie : Et ie ne ſçauois point alors d'où prouenoit ce changement.

Et ce bruit que i'eſtois ſorcier, & que ie tuois les gens de mon ſouffle s'ils m'approchoient, fut ſi fort ſemé par toute la Cour ; qu'vn iour vn des Capitaines du Roy eſtant venu à noſtre Egliſe à l'heure que ie preſchois, & ſe tenant à la porte, comme ie le voulus inuiter ciuilement à s'approcher de moy, pour mieux ouïr ce que ie diſois, il ſortit, & ſe retira : Et me dit-on apres, que c'eſtoit de crainte que s'approchant de moy, comme ie l'y auois appellé, ie ne le fiſſe mourir de mon ſouffle. En quoy i'admiray, & la ſimplicité des hommes, & la malice artificieuſe du Diable, pour les détourner d'ouïr la parole de Dieu. Ce malin meſme taſcha de decrier par ce moyen, & rendre ſuſpect le Bapteſme que nous donnions : Car vn iour de Dimanche, apres le diſné, eſtant tout preſt à donner le Bapteſme à plus de quatre vingts perſonnes, eſtant arriué à la ceremonie du ſel beny que ie tenois dans vn plat, vn Payen ſuſcité par le Diable entrant dans l'Egliſe ſe mit à crier à haute voix ; *Prenez garde, miſerables, prenez garde au ſortilege qui eſt dans ce plat.* Ce qu'ayant dit, il s'enfuit. Ce qui m'obligea à monſtrer à tous les aſſiſtans, qu'il n'y auoit dans ce plat que du ſel du païs, qui auoit eſté beny. Ce qu'ils creurent, &

ne

ne furent pas pour cela empeſchez de receuoir deuotement le Bapteſme.

Les moyens que nous priſmes pour adoucir l'eſprit du Roy, & le détromper durant les pourſuittes malicieuſes de nos ennemis

CHAPITRE XXI.

EN ce meſme temps, auquel nous n'eſtions point receus, comme deuant, en la confidence du Roy, il arriua vne eclypſe de lune, de laquelle nous fiſmes courir la deſcription figurée, & peinte dans vne charte, quelques iours deuant qu'elle paruſt auec vne ſommaire explication de ſa durée, de ſon commencement, & de ſa fin: Adjouſtans que quand bien on laſcheroit, comme l'on auoit accouſtumé, toute l'Artillerie du Royaume, on n'abbregeroit pas vne minute de ſa durée; & quand on ne feroit rien pour ſecourir la lune, & pour chaſſer ou étonner le Dragon qui s'efforce alors de deuorer cét aſtre, neantmoins il ne ſeroit eclypsé du corps de la lune: que la quantité que nous auions marquée. Et n'ayans point pour lors l'accez libre au Palais du Roy, nous euſmes moyen de luy faire tomber entre les mains la figure que nous auions publiée. Laquelle ayant bien conſiderée, il fit defenſe ſous griéues peines, qu'on ne tiraſt aucun Canon, & qu'on ne fit au-

tre chose de celles qui estoient accoustumées en la nuict que l'eclypse deuoit paroistre. Et ayant bien obserué, que tout estoit arriué en la façon que nous l'auions predit, il loüa grandement nostre science, & entreprit de nous defendre contre ceux qui faute de nous connoistre, parloient mal de nous : Encore qu'il nous eust encore en quelque apprehension, & n'eust pas en nous la confiance qu'il auoit auparauant; ayant son esprit combattu par deux autres sortes de personnes qui auoient entrepris de nous perdre.

Les premiers estoient les enchanteurs, qui, comme le Roy estoit déja enclin à leurs folles, & diaboliques superstitions, le trouuoient aussi disposé à écouter leurs calomnies. Ce qui les mit en mauuaise humeur contre nous, fut qu'ils voyoient les nouueaux Chrestiens operer par tout de merueilleux effets en la guerison des malades, ce qui mettoit leurs sortileges au rabais, & diminuoit bien de leurs prattiques, & de leurs profits. Et prenans garde d'ailleurs, qu'il estoit mort quelque nombre de malades que nous auions baptisez ayant esté appellez à l'extremité du mal, ils appelloient nostre loy, vne loy de mort, & faisoient entendre au Roy que nous estions venus pour tuer ses sujets, & ses meilleurs soldats, afin qu'ayant affoibly ses forces nous le fissions enfin tomber entre les mains de ses ennemis; qui estoit vne calomnie grossiere, de laquelle le Roy nous purgeoit assés par la bonté de son esprit, & parraison.

Il presta plus facilement l'oreille aux accusations que les *Sai* forgerent contre nous, lesquels estant grandement piquez de voir leurs Temples desertez, &

leurs

leurs emolumens affoiblys, firent tous leurs efforts auprés du Roy, qui approuuoit fort le culte que l'on rendoit aux Idoles, pour le nous rendre ennemy. Il eſtoit arriué en ce temps qu'vn bon Gentil-homme s'eſtoit conuerty auec toute ſa famille, lequel ayant fait baſtir (lors qu'il eſtoit encore Payen) vne maiſon qu'il deſtinoit pour ſeruir de Temple aux Idoles, ſans qu'il y euſt pourtant encore dreſsé d'autel, ny posé d'Idole: Comme il euſt pris le Bapteſme, il changea de deſſein, & delibera de conuertir ſa maiſon en Egliſe, où Dieu, & IESVS-CHRIST ſon Fils fuſſent ſeruis, & adorez. Il la nous offrit donc pour en faire la dedicace à la façon, & auec les ceremonies qui ſont en vſage parmy les Chreſtiens. Nous ne voulûmes toutefois rien entreprendre, ny l'accepter qu'apres l'auoir veuë, & l'eſtat auquel elle eſtoit; de crainte qu'elle ne ſe trouuaſt de la condition d'vn certain autre Temple qui eſtoit hors de la Ville, & auoit eſté baſty par quelques Chreſtiens deuant leur conuerſion, qu'ils nous auoient de meſme offert pour le conuertir en Egliſe; Lequel ayant trouué pollu d'Idolatrie, & les Idoles encore ſur les autels, nous ne le voulûmes point receuoir, mais le laiſſer perir par abandon; de crainte qu'en briſant les Idoles contre la volonté de ceux qui les adorent, nous attiraſſions ſur eux leur haine, & leur perſecution: qui a eſté la raiſon de la defence que les Canons en ont tres-ſagement faite. Mais pour cette maiſon apres l'auoir viſitée, & reconnu qu'elle eſtoit bien ſituée, ſans auoir iamais ſeruy aux Idoles, nous l'acceptaſmes, & la dediaſmes ſolennellement à la Mere de Dieu, ayant posé

sur l'autel son Image, portant son Fils nostre Sauueur, comme il fut adoré des Mages; sur lequel nous celebrasmes encore le sainct Sacrifice de la Messe, à la fin de laquelle se fit vn Sermon propre de la ceremonie de cette dedicace, deuant vne grande audience de peuple, composée tant de nouueaux Chrestiens que de Payens, qui en témoignerent grande satisfaction.

Mais le Diable n'en estoit pas content, qui bruslant de rage, & d'enuie suscita les Prestres ses Ministres pour nous aller calomnier deuant le Roy, comme ils firent, que nous auions brisé les Idoles d'vn de leurs Temples; que c'estoit au Roy à y pouruoir, & à iuger, si la loy que nous preschions, qui destruisoit le culte des Idoles, & l'ancienne Religion receuë dans le Royaume, y deuoit estre tolerée. Sur quoy le Roy, sans autre information par vn conseil precipité fit vn Edit par lequel il defendoit sous griéues peines à tous les sujets de son Royaume, d'embrasser desormais la loy des Chrestiens qui brisoit les Idoles qui y auoient esté de tout temps adorées. L'Edict fut affiché contre la porte de nostre habitation en nostre presence, & deuant la plus part des nouueaux Chrestiens: Ce qui nous mit en grande alarme, & nous obligea d'accourir soudain au Palais du Roy, & luy demander audience, qu'il nous accorda; en laquelle nous luy exposâmes comme la haine de nos ennemis ne cessoit de controuuer tous les iours des fausses & calomnieuses accusations pour nous perdre, qu'vne prudence si éclairée comme celle de sa Majesté sçauroit bien decouurir; que c'estoient les graces & les grandes

faueurs

faueurs que nous auions receuës de ſa bonté qui auoient attiré ſur noſtre innocence l'enuie, & les calomnies de nos accuſateurs : Que nous le ſupplions tres-humblement de ne nous condamner point ſur les faux rapports de nos ennemis auant que de nous auoir ouïs ; Et pour celà qu'il luy pleuſt, en attendant d'eſtre mieux informé, reuoquer l'Edit qui auoit eſté attaché par ſon commandement à la porte de noſtre logis.

Ce fut vne merueille, comment noſtre ſupplication adoucit, & nous gaigna l'eſprit du Roy, qui nous accorda ſur le champ noſtre demande ; nous redonnant vn ample pouuoir de preſcher noſtre loy, auec la condition que nous ne briſerions point les Idoles. Nous luy rendiſmes nos tres-humbles remercimens pour la grace qu'il nous faiſoit, & l'aſſeurâmes en ſuite que nous n'auions iamais enſeigné les Chreſtiens de briſer les Idoles, voire que nous leur auions fait vne expreſſe defenſe de leur faire aucune injure, & recommandé étroitement de viure en paix auec tout le monde. Ce qui contenta tellement le Roy, qu'il nous fit ſuiure auec des preſens de diuerſes viandes, deſquelles nous fiſmes part aux Chreſtiens qui eſtoient demeurez dans l'Egliſe, pour faire leurs prieres à noſtre Seigneur quand nous eſtions allé trouuer le Roy ; leſquels nous voyans reuenus auec le gain de noſtre cauſe, & les bonnes graces du Roy recouuertes (ce qu'ils concluoient des preſens dont il nous auoit regalez) donnerent à Dieu mille benedictions.

De la deuotion auec laquelle les nouueaux Chrestiens celebroient les festes de l'année.

CHAPITRE XXII.

NOvs auions déja celebré la feste de la naissance de nostre Seigneur auec toute la solennité dont nous nous estions pû aduiser ; C'est à sçauoir par le Bapteſme public de plusieurs Catechumenes, qui furent regenerez en IESVS-CHRIST, au iour qu'il estoit nay pour nous au monde : De plus par les Noëls, & cantiques de deuotion qui furent chantez la nuict de sa Saincte naissance auec vne joye extraordinaire des nouueaux Chrestiens. Et parce que cette nuict, on ne permit pas, par consideration, aux femmes l'entrée de l'Eglise, elles furent si matineuses, qu'elles se trouuerent auoir remply toute l'Eglise à la pointe du iour. Apres nous presentâmes à tous vne figure du petit Enfant IESVS nouueau-nay à adorer, & à baiser, ce que tous firent auec des tendresses inexplicables de deuotion.

Il failoit en suite commencer la nouuelle année : Et comme c'est la coustume des Payens d'en prophaner les trois premiers iours par quelques superstitions, nous ordonnâmes aux Chrestiens de plus saincts exercices à prattiquer ces trois iours ; & à la place de la caisse qu'ils attachent à vne haute perche à l'entrée de leurs maisons, dont nous auons parlé au premier

Liure,

Liure, nous les exhortâmes d'y attacher la ſaincte Croix, ce qu'ils firent. Tellement que l'on voyoit preſque en toutes les ruës de la Ville ce ſigne venerable de noſtre ſalut, releué ſur la couuerture des toicts, qui donnoit de la terreur aux Demons, & de la ioye aux Anges. Le Roy meſme s'en apperceut, eſtant porté par les principales ruës ſur l'entrée de l'an, en la pompe qui a eſté décritte ailleurs; & voyant ces Croix hautement plantées, voilà, dit il, le ſigne des Chreſtiens. Pour les trois premiers iours, ils les paſſerent en cette ſorte, comme nous les auions inſtruits: Le premier en memoire du bien-fait de la Creation, & conſeruation, qu'ils conſacrerent à Dieu le Pere: Le ſecond en reconnoiſſance du bien-fait ineſtimable de la Redemption, qu'ils dedierent au Fils de Dieu: Et le troiſiéme en tres-humble remerciment au S. Eſprit de la grace de la vocation au Chriſtianiſme. Et il ny eut perſonne d'eux qui ne s'affectionnaſt à cette ſaincte prattique, & n'en receuſt de la conſolation.

Suiuit peu de temps apres la feſte dediée à la Purification de la Vierge, en laquelle nous fiſmes ſolennellement la benediction des chandelles, ayant donné ordre qu'vn chacun des nouueaux Chreſtiens en portaſt à la main vne allumée dans l'Egliſe, ce qu'ils firent auec joye, & auec des ſentimens tendres de deuotion; & outre cela que tous en empoſtaſſent vne autre dans leur maiſon, pour leur ſeruir en cas de mort, & leur en renouueller meſme le ſouuenir, qui ne leur eſt point deſagreable. Car encore que les Payens ayent le nom meſme de la mort en horreur, & que perſonne n'oſe le prononcer deuant vne perſonne de

condition, & que pour ne l'offenser il faille vser de destour, & de circonlocution. Les Chrestiens neantmoins, mesme ceux qui sont de qualité, ne se rebutent nullement d'ouïr ce nom qui fasche les autres, & d'apprendre les moyens de se preparer à bien mourir, à quoy ils ne doutent point que ces chandelles benites ne seruent, pour chasser en ce dernier, & dangereux periode de leur vie, le Prince des tenebres, & l'ennemy de leur salut.

Nous nous approchâmes du sainct ieusne du Careſme, obserué religieusement en l'Eglise Chrestienne, lequel il n'a pas esté mal aisé d'introduire parmy les Tunquinois conuertis. Car n'ignorans pas les ieusnes rigoureux que certains Payens prattiquent par vne fausse deuotion à l'honneur de leurs Idoles, s'abstenans non seulement de la viande, & des œufs (sans parler du laictage qui n'est pas en vsage en ces païs) mais aussi de toute sorte de poissons, & ce non seulement pour vn ou deux mois, mais encore pour toute leur vie, iusques à tomber dans cette folle superstition de croire qu'ils font vn grand peché, de tuer quelque beste, ou oiseau que ce soit, ne faisans point de difference de crime entre le meurtre d'vn homme, & d'vn poulet. Sçachans, dis-je, que les ieusnes commandez par l'Eglise ne vont pas à cette rigueur, il ne se trouue personne de ceux que la mesme Eglise n'a pas exemptez de sa loy, qui ne les garde fort religieusement tout le temps du Careſme. Voire leur ayant fait entendre au commencement de l'Aduent, que c'estoit vne saincte deuotion de quelques vns de ieusner tout ce temps, iusques aux festes de Noël, il y eut

eut fort peu de nouueaux Chreſtiens qui n'entrepriſſent par deuotion ce ieuſne.

Nous fiſmes la benediction des Rameaux ſelon la couſtume à la fin du Careſme : Et parce qu'il n'y a point d'Oliuiers en tout le Royaume d'Annan, & que le païs abonde en belles palmes, nous en vſaſmes en cette ceremonie. Et le concours fut ſi grand non ſeulement des Chreſtiens, mais encore des Payens pour auoir de ces palmes benites, que tout noſtre logis, meſme hors de l'Egliſe, n'eſtoit pas capable de les contenir, encore que la place en ſoit aſsés grande, de ſorte que pluſieurs en furent exclus. Les Chreſtiens garderent religieuſement celles qu'ils emporterent à leurs maiſons, & s'en ſeruirent contre les eſprits malins, & à la deliurance des poſſedez. Tous ſe confeſſerent en ce ſainct temps, auec grand ſentiment, mais ne ſe communierent point, faute d'hoſties, tout ce que nous en auions ayant eſté conſumé par le feu. Il ne ſe peut dire auec combien de tendreſſe, & de larmes, ils vinrent à l'adoration du Crucifix au iour du grand Vendredy, qui eſt vne deuotion de laquelle ils ſont fort ſenſiblement touchez.

Ne pouuans pas faire en la ſaincte ſemaine l'office des Tenebres, pour le peu de perſonnes, que nous eſtions, & n'y pouuans pas eſtre aydez par les nouueaux Chreſtiens, qui ne ſont pas intelligens de nos liures. Pour n'en fruſtrer point leur deuotions nous leur partageâmes les myſteres de la Paſſion en quinze chefs principaux : En ſorte qu'apres auoir recité par enſemble vne dizaine de leur Chapellet, il ſe faiſoit vne lecture, & vne briefue conſideration de l'vn.

de ces chefs de la Passion, & l'on éteignoit aussi l'vne des quinze chandeles qui estoient allumées selon la coustume de l'Eglise Romaine. Durant laquelle ceremonie ils jetterent tant de larmes, auec des cris, & des gemissemens de compassion sur les souffrances, & la mort du Sauueur, qu'ils estoient ouïs de tout le voisinage : De façon qu'il falut les aduertir de se moderer, pour ne donner point de sujet aux Payens de iuger mal de leur deuotion, n'en estant pas capables.

L'heureux tresPas de quelques Chrestiens.

CHAPITRE XXIII.

DAns l'Octaue de la feste de Pasque, que nous auions celebrée auec grande joye, & solennité, Dieu appella à soy trois Chrestiens des plus deuots, cueillant d'entr'eux, ce qui estoit de plus meur pour l'eternité.

Le premier fut vn certain qui n'estoit Chrestien que depuis sept mois, & auoit esté nommé en son baptesme Thadée; homme de bien, & tres-religieux obseruateur de tous les deuoirs d'vn bon Chrestien; foible de corps, mais vigoureux d'esprit, & qui employoit les iours, & les nuicts à la meditation de la loy de Dieu. Estant tombé grieuement malade, & presentant que sa fin n'estoit pas éloignée, il nous fit appeller, pour s'instruire des moyens de la faire bonne, & Chrestienne. Nous fusmes aussi-tost à luy, & l'ayans

l'ayans trouué fort abbaiſsé, nous l'aduertiſmes de ſe munir des Sacremens pour faire heureuſement ce dernier, & dangereux paſſage, & de commencer par la confeſſion. Sur quoy nous ayant demandé, s'il luy faloit confeſſer les pechez qu'il auoit commis deuant ſon bapteſme; & nous luy ayans reſpondu, que non, ces pechez ayant eſté entierement effacez par ce premier Sacrement, & quoy qu'il fuſt bon de renouueller le repentir de tous ſes pechez paſſez, qu'il ne deuoit neantmoins confeſſer que ceux qu'il auoit commis depuis le bapteſme, qui ſont la propre matiere du Sacrement de penitence, qui eſt appellé pour cela, la ſeconde table apres le naufrage. Ce que le bon Thadée ayant entendu, loüé ſoit Dieu, dit il, ie ne ſçay donc que confeſſer; ma conſcience ne me reprochant point depuis mon bapteſme d'auoir commis aucun peché, m'eſtant toûjours ſoigneuſement étudié d'accomplir auec toute l'exactitude qui m'a eſté poſſible, la loy, & les commandemens de Dieu. Et ce diſant, il auoit ſur ſa teſte ſon liuret de prieres, où eſtoit écrit le Decalogue. Ie priay pour luy aupres de ſon lict, ſelon la couſtume, & apres quelque conſolation que ie luy donnay, m'eſtant vn peu retiré pour le laiſſer repoſer; eſtant reuenu peu de temps apres, ie le trouuay auoir pris le dernier repos en noſtre Seigneur, ſerrant étroittement des bras ſur ſa poitrine ſon cher liure de prieres, où eſtoit écrit de diuin Decalogue.

Deux autres moururent preſque en meſme temps, illuſtres pour leur naiſſance, mais plus pour leur rare, & religieuſe pieté. Ils auoient tous deux pour nom de leur bapteſme, Pierre, & moururent tous

deux au iour que l'Eglise fait lire l'Euangile de la visite de S. Pierre au tombeau de nostre Seigneur, ànostre grand regret, & de tous les Chrestiens, qui voyoient tombées en eux les deux principales colonnes de l'Eglise naissante de Tunquin. Le premier estoit ce Capitaine de la garde du Roy, de la conuersion duquel il a esté parlé cy-dessus, qui auoit esté toûjours pour sa fidelité tres-cher aũ Roy regnant, & au feu Roy son Pere. Ce vertueux Capitaine ne fut pas plûtost enrôllé en la milice de IESVS-CHRIST, qu'il declara à ses enfans, qui estoient en bon nombre, qu'il ne les tiendroit iamais en cette qualité, s'ils ne reconnoissoient le grand Dieu createur de tout, pour Pere, & IESVS-CHRIST son Fils; de sorte qu'il les attira tous à la profession du Christianisme, auec sa femme, & ses domestiques. Il témoignoit encore son zele, & sa deuotion en l'assiduité qu'il rendoit à nostre Eglise: Car soudain qu'il auoit fait au Palais ce qui estoit de sa charge, & accompagné le Roy à l'audience publique, auec la garde de sa personne, il se rendoit à nostre Eglise, & apres auoir fait sa deuotion, il se retiroit à la porte, pour empescher que le bruit, & la foule de ceux qui arriuoient ne troublast les sermons, tellement qu'il sembloit estre le portier de nostre maison: Et comme il estoit de credit aupres du Roy, il contenoit tout le monde en son deuoir; & les Payens mesme, qui ne venoient souuent à nostre Eglise que par curiosité. Dieu le prepara à sa mort par vn sujet de charité, & de patience qu'il luy donna sur la fin du Caresme; auquel temps il eut dans sa maison iusques à seize malades, tant de ses enfans, que de ses

seruiteurs

seruiteurs, desquels quelques vns moururent, & auſquels il rendit iour, & nuict toutes sortes de charitables assistances; se montrant aussi constant, & infatigable à les seruir, qu'il fut patient à les voir mourir. Tant de peines qu'il prit luy causerent vne forte maladie, durant laquelle nous l'assistâmes sans le quitter presque iamais, iusques à ce qu'il rendit tres-deuotement, & auec vne franche, & genereuse resignation son esprit à Dieu. Nous l'eussions souhaitté plus long-temps en vie, pour l'appuy, & les grands auantages que nous tirions de son credit. Mais Dieu par sa secrette prouidence en voulut autrement disposer. Nous eusmes apres sa mort des occasions de regretter sa perte, & beaucoup de crainte, auec raison, de voir le bastiment de cette pauure Eglise détaché, depuis que sa grande colonne auoit defailly. Et cependant nos ennemis eurent bien la malice de nous calomnier d'auoir tué par nos enchantemens vn homme qui nous estoit si necessaire, & le voulurent méme persuader au Roy pour nous faire haïr de luy.

La mort qui arriua au mesme iour de l'autre Pierre, acheua de nous accabler de dueil: C'estoit ce Gentil-homme duquel il a esté nagueres parlé, qui conuertit en Eglise la maison qu'il auoit en son infidelité destinée pour les Idoles: Il estoit tres-cher, & intime au frere du Roy; & estant allé pour quelques affaires qui luy estoient importantes en la Prouince de *Thinhoa*, il y estoit tombé griéuement malade, & ne voulant pas mourir sans nous voir, & sans receuoir nos dernieres assistances, il prioit Dieu de tout son cœur qu'il luy en donnast le moyen. Se voyant donc condamné

damné par les Medecins à la mort ; il ſe fit porter par ſes ſoldats à la Ville Royale, diſtante de pluſieurs iournées, n'apprehendant point la longueur, & la fatigue du chemin, ny meſme la mort qui luy auoit eſté dénoncée, pourueu qu'il peuſt arriuer, & nous voir eſtant en vie. Le bon Dieu luy accorda ce qu'il ſouhaittoit ſi ardemment. Il arriua à ſon logis épuiſé de vigueur, & auec tant ſoit peu de reſte de vie, n'ayant de forces que celles que luy donnoient ſon courage, & ſa deuotion. A la nouuelle de ſon arriuée nous accourûmes à luy, qui ne nous eut pas plûtoſt veus, qu'il commença comme vn autre Simeon, à chanter qu'il mouroit content ; laiſſant ſon ame entre nos mains pour la remettre entre celles de ſon Createur. Il en voulut rendre ſes actions de graces à Dieu, & pour cela s'eſtant fait mettre à genoux pour le prier à ſa couſtume, il expira paiſiblement, & ſans effort entre les bras de ceux qui le tenoient en cette deuote poſture. Sa femme vertueuſe Demoiſelle, nommée Anne, nous pria d'enterrer ſon corps à la façon des Chreſtiens dans noſtre Egliſe : Ce que nous fiſmes auec la plus grande ſolennité qu'il nous fut poſſible, tous les nouueaux Chreſtiens aſſemblez s'eſtans trouuez à ſes obſeques.

* *
*

Le Roy par vn nouuel Edict nous deffend de preſcher la Loy de IESVS-CHRIST *en tout ſon Royaume.*

CHAPITRE XXIV.

LE decez de ces deux perſonnes ſi fort qualifiées ſeruit à nos ennemis de matiere de diſcours, & de calomnie pour attirer du blâme, & à nous, & à la Religion dont ils auoient fait profeſſion, & pour nourrir meſme quelque auerſion que le Roy en auoit conceuë. Ce qui fut cauſe que nous paſſaſmes tout le temps de Paſque qui eſt vn temps de joye, dans beaucoup d'ennuis, & d'apprehenſions : Encor que la predication de l'Euangile, & nos autres fonctions euſſent toûjours leur cours, & que le fruict en paruſt en la multitude de ceux qui receuoient le bapteſme, & accroiſſoient le nombre des Chreſtiens, qui montoit déja en cette année 1628. deuant la feſte de la ſaincte Trinité, à plus de ſeize cens. Les diſpoſitions encore n'eſtoient pas petites dans la plus part des Prouinces du Royaume, où vn bon nombre de Chreſtiens conuertis, en la Ville Royale s'eſtoient retirez, meus d'vn grand zele de rendre leurs compatriotes participans du bien qu'ils auoient receu; De façon que nous les voyons de temps en temps arriuer icy auec les fruicts de leur conqueſtes, ſuiuis de belles trouppes de leurs parens, & amis, qui nous deman-

doient le Baptesme. En quoy la ferueur d'vn soldat nommé Pierre, fut remarquable, qui nous amena de son païs diſtant de plus de deux cents milles, sa femme & ſes enfans encore tendres d'âge, pour les faire enfans de Dieu par le Bäptesme, n'ayant point voulu épargner de peine, ny de pas, pour les auancer vers le Ciel.

Mais cependant le Diable ne s'endormoit point dans le deſſein qu'il auoit commencé d'arreſter les beaux progrés que la Religion Chreſtienne faiſoit en ce Royaume. Il ſuſcita donq vn homme à perir; & perdu de conſcience, originaire du païs, tenu par le *Ciüa canh*, lequel ayant durant quelque temps fait l'office de *Saj*, & n'y trouuant pas ſon compte, pour eſtre ſon Temple preſque deſerté depuis l'approbation cõmune que les peuples donnoient à la predication de l'Euangile, reſolut de prendre vn autre meſtier, & s'eſtant fait Chef de quelques bandoliers, alloit à la petite guerre ſous les enſeignes du rebelle *Ciüa canh*, exerçant toute ſorte de voleries dans le Royaume de Tunquin. Mais en fin ayant eſté pris par les trouppes du Roy; qui couroient le païs pour le nettoyer des voleurs, & mené dans les priſons, voyant bien qu'il ne pouuoit pas euiter la mort, il s'aduiſa d'vn moyen pour la dilayer; promettant (ſi on luy vouloit faire quelque grace) de découurir vne ſecrette conſpiration contre le Roy, & ſon Eſtat. On le voulut ouïr; & il dit en ſa depoſition, que le Preſtre Européan qui preſchoit librement au milieu de la Ville, & de la Cour du Roy de Tunquin, auoit de ſecrettes intelligences, tant auec le *Ciüa canh*, comme auec le

Roy

Roy de la Cocinchine;& qu'ils auoiét arresté entr'eux, qu'au temps auquel il leur donneroit aduis, chacun venant de son costé auec vne armée leste, luy auec ses Chrestiens mettroit le feu dans le Palais du Roy, & que dans cette surprise il leur seroit aisé de reduire à leur pouuoir le Roy, & le Royaume. C'est la calomnie que ce voleur fabriqua contre nous, qui fut aussi-tost portée au Roy, & qui vint à la connoissance mesme de nos Chrestiens, qui soudain nous en donnerent aduis. Mais nous ne iugeâmes point dans l'asseurance que nous prenions de nostre innocence, d'y deuoir apporter autre remede, que de remettre le tout aux soins de la prouidence de Dieu, qui s'est chargée de la defense des siens, ne voulans rien dire, ny nous purger iusques à ce que nous eussions esté appellez du Roy.

Cependant le Roy sur le bruit de tant d'accusations anciennes, & nouuelles qui nous estoient imputées, ne sçachant que croire, ny que faire, se resolut enfin, de nous empescher d'agir, & de nous rendre inutiles en son Royaume, par vn Edict solemnel qu'il publia en cette forme. *Nous, Roy de Tunquin, encore que nous soyons assez informez que les Prestres Europeans qui sont en nostre Cour, n'ont point enseigné au peuple iusques à maintenant de mauuaise, & pernicieuse doctrine: Toutefois ne sçachans point qu'est ce qu'ils feront à l'auenir, ou qu'est-ce qu'ils machinent de present; Nous defendons desormais sous peine de la vie à tous nos sujets, de les aller trouuer, ou d'embrasser la Loy qu'ils preschent.* C'est la teneur de l'Edict, qui ne fut point affiché en papier à l'ordinaire, mais graué sur vn tronc ap-

plany, qui fut planté deuant noſtre logis.

C'eſtoit le iour de la ſaincte Trinité durant lequel toute la Ville fut en tumulte, qui paſſa iuſques à noſtre maiſon; deuant laquelle il y eut vn flux, & reflux perpetuel de Payens, qui en approchoient confuſément à trouppes pour inſulter ſur noſtre diſgrace, & puis ſe retiroient nous intimidant de menaces : de ſorte que dans ce trouble, & ces apprehẽſions, ny nous n'oſions pas méme celebrer la Meſſe, ny les Chreſtiens entrer dans noſtre Egliſe, pour prier Dieu, ou pour nous conſoler. Quelques vns nous voulurent aſſeurer, que l'on nous deuoit ce meſme iour faire mourir. Ce qui ne nous eſtonna pas beaucoup, nous propoſant la gloire qui nous reuiendroit, ſi à ce meſme iour auquel le Sauueur nous commandoit en l'Euangile d'aller enſeigner tous les peuples, & de les baptiſer au nom du Pere, du Fils, & du ſainct Eſprit, nous eſtions ſi heureux que de répandre noſtre ſang en la confeſſion de la meſme tres-ſaincte, & eternelle Trinité: Pource ayant dit adieu à tous nos Chreſtiens qui parurent alors, & les ayant fait retirer de crainte qu'il ne leur meſarriuaſt à noſtre occaſion; A peine nous nous fuſmes mis à genoux deuant noſtre autel, attendant ce qu'il plairoit à Dieu diſpoſer de nous; Que voicy entrer vn ie ne ſçay qui, armé d'vn gros baſton, qui nous fait commandement de demolir noſtre autel, & d'oſter l'Image qui eſtoit poſée deſſus. Nous luy reſpondiſmes, que c'eſtoit de l'authorité du Roy que cette maiſon auoit eſté dreſſée auecque l'autel, & que ce n'eſtoit auſſi que par ſon commandement qu'il deuoit eſtre oſté, & enleué de ſa place. Mais luy

hauſſant

hauſſant la voix inſolemment ; C'eſt moy (dit il) qui le commande, & qui veux que tout cela aille à bas. Et cela dit, hauſſant ſon baſton en furieux & fanatique, il en déchargea vn coup ſur l'Image du Sauueur qui eſtoit attachée ſur l'autel ; de laquelle il froiſſa, & deſchira la main. Mais du coup duquel il outragea l'Image, il nous frappa le cœur, tellement que ne pouuans pas ſouffrir qu'il continuaſt à luy faire iniure, nous la priſmes, & la couuriſmes de noſtre corps, luy preſentant nos eſpaules pour frapper deſſus nous, pourueu que l'Image fuſt ſauue. Il ſortit de l'Egliſe, apres auoir fait cét exploit de ſa fureur : mais la Iuſtice de Dieu ne laiſſa pas ſon ſacrilege impuny ; Car enuiron quatre mois apres il fut conuaincu d'auoir fait vn larcin, pour lequel le Iuge le condamna à auoir les doigts couppez en la façon qu'il auoit couppé & dechiré la main à l'Image du Sauueur.

Le dueil des Chreſtiens, noſtre ſolitude, & nos predications dans les maiſons.

CHAPITRE XXV.

NOſtre autel n'eſtoit plus en eſtat ; mais on n'auoit point touché à noſtre habitation qui nous demeuroit libre, & entiere : Toutefois il n'eſtoit point permis aux Chreſtiens de nous approcher, y ayant toûjours vne garde de ſoldats à noſtre porte qui leur en empeſchoit l'abord : Ce qu'ils portoient à

grand regret; demeurans chez eux tous tristes, dans les larmes, & dans le dueil de se voir priuez de nous, & de l'entrée de nostre Eglise. Nous prismes bien vne fois la resolution d'aller trouuer le Roy, & de luy faire sçauoir toutes choses, mais les soldats ne nous le permirent pas. Dont nous deliberasmes d'attendre en silence, & en patience ce qu'il plairoit à Dieu disposer de nous. Cependant dans cette remise de nos trauaux continuez durant sept mois entiers, nos corps commencerent à sentir vne certaine lassitude, & vn abbattement de forces que nous n'auions iamais reconnu durant nos plus aspres, & plus tenduës fatigues. Dont iouïssans d'vn peu de repos que la persecution de nos ennemis nous auoit procuré, nous employasmes quinze iours dans la douce retraitte des exercices spirituels, à dessein de renouueller nostre esprit, & de reparer, & augmenter les forces de nostre ame. En quoy Dieu vsa encore enuers nous de grande bonté, & d'vne prouidence particuliere, nous ayant donné le moyen dans ce repos de remettre vn peu les forces de nostre corps, qui estoit pour defaillir dans la continuation de la peine. Estant donc aucunement refaits d'esprit, & de corps, & ne pouuans pas prescher en public, comme nous auions fait iusques alors, nous resolûmes de chercher quelque expedient pour aller prescher dans les maisons priuées. Il est vray que l'amour ingenieux de nos Chrestiens leur auoit fait trouuer des inuentions pour venir à nous: Car les vns s'habilloient en pauures quaymans, pour se glisser dans nostre logis; sous ombre de demander l'aumosne: les autres passoient par des breches qu'ils

auoient

auoient faites secrettement aux maisons de leurs voisins & de leur consentemẽt : Les autres enfin couuerts la nuict de l'obscurité des tenebres entroient chez nous, quand les gardes dormoient. Mais nous craignans toûjours que les gardes ne s'en apperceussent, ce qui les eust exposez à quelque chastiment, aymasmes mieux sortir nous mesmes secrettemẽt, & les aller trouuer dans leurs maisons, tant pour les consoler, que pour donner le baptesme à plusieurs qui le demandoient.

Le premier que nous fusmes visiter fut vn homme de condition nommé Ignace, Capitaine d'vne compagnie de Caualerie, qui auoit vn extreme desir de nous voir, & qui n'osant pas venir à nous durant le temps que nous gardasmes la retraitte, nous auoit souuent enuoyé de ses valets, & particulierement vn ieune Chrestien âgé de dix-sept ans, nommé Linus, qu'il auoit adopté, n'ayant point d'enfant masle; ieune hõme bien fait, mais si zelé & si adroit, qu'ayant esté le premier conuerty de la famille d'Ignace, il auoit attiré, & gaigné à la foy, non seulement tous les domestiques, mais encore son Pere d'adoption. Ce fut donc dans sa maison qu'Ignace nous prepara vn Oratoire commode, & capable pour y faire nos sermons, & pour y donner le baptesme à ceux qui se trouueroient disposez pour le receuoir : où nous demeurasmes quelques iours, & ne recueillismes guere moins de fruict de nos trauaux, que si nous eussions esté dans nostre maison. Neantmoins estans appellez en ce mesme temps à la campagne où nous estions asseurez de trouuer vne grande moisson preparée, & des Chrestiens conuertis qui nous souhaittoient auec passion,

nous

nous priſmes l'occaſion d'y faire vn petit tour. L'vn de ceux qui nous y receut auec grande joye, fut vn Chreſtien zelé nommé Pierre, qui auoit amené à la foy non ſeulement toute ſa famille mais encore beaucoup d'autres, tant du lieu où il habitoit, que de ceux d'alentour. Ce fut lors qu'il prit le ſoin de les appeller tous à ſa maiſon, pour s'inſtruire au Catechiſme que nous y faiſions, où tous les iours arriuoit encore tant d'autres perſonnes pour cette fin, que ſa maiſon quoy que capable ne les pouuoit pas contenir. Et nous connuſmes alors la difference qu'il y auoit de ces ſermons de campagne, d'auec ceux que nous faiſions auparauant à la Ville; qu'en ceux-cy où pluſieurs ne venoient que par curioſité, il y en auoit moins qui fuſſent touchez efficacement de la parole de Dieu; mais en ceux de la campagne, encore que le nombre des auditeurs ne fuſt pas ſi grand, toutefois parce que tous y venoient bien intentionnez, il y en auoit auſſi plus qui en faiſoient leur proffit: de ſorte qu'à proportion du temps, nous baptiſaſmes plus de perſonnes, que nous n'euſſions fait à la Ville.

Ie ne puis icy omettre le ſoin que prenoit ce bon Pere de famille à faire prattiquer à ſes domeſtiques les exercices de la deuotion. Il ſe leuoit tous les jours le premier de tous deuant l'aube, & les aſſembloit deuant vn autel qu'il auoit dreſſé auec vne belle Image, où il commençoit à haute voix en la langue du païs les prieres des Chreſtiens, que chacun diſoit apres luy, auquel exercice il les tenoit pres d'vne demie-heure. Il en faiſoit autant deuant que de s'aller coucher: Où ie remarquay entre ſes enfans, vn petit âgé ſeulement

de

de cinq ans, qui s'estant quelque fois endormy durant la priere, son pere l'alla toûjours éueiller auec quelque coup de foüet; qui sans se plaindre, ny crier, ioignant deuotement les mains, se remettoit soudain à son deuoir. Ce qui me donna de la compassion pour ce petit innocent; dont ie priay son pere de le traitter plus doucement, & de faire plûtost cette deuotion deuant le soupper, auquel temps les enfans n'estoient pas si pressez du sommeil.

Comment les Chrestiens furent soufferts de s'assembler de nouueau dans nostre Eglise.

CHAPITRE XXVI.

DVrant le temps de la persecution qui empescha les Chrestiens de s'assembler dans nostre Eglise, ils ne laisserent pas de faire des assemblées les Dimanches, & les festes dans des maisons particulieres. A cette fin ils se diuiserent dans la Ville en six bandes, qui auoient leurs quartiers, & leurs maisons assignées; où ils deuoient se trouuer ensemble à certaines heures pour prier & faire leurs deuotions. Ce qui nous donnoit grande consolation, voyant que la persecution ne diminuoit rien de leurs ferueurs, & que leur amour dans cét orage iettoit plus de flammes. Aussi pour les entretenir dans ces genereux sentimens, nous leur addressions à chaque fois qu'ils s'assembloient des lettres, qui contenoient des aduis spirituels; tirez

de l'Euangile courant, où des festes des Saincts qui se rencontroient, dont vne copie estoit enuoyée à chaque Congregation où ils estoient leus, & écoutez auec autant d'attention, & de deuotion que s'ils leur fussent venus du Ciel. Et ces assemblées particulieres continuerent durant quatre mois depuis la publication de l'Edict : Apres lesquels arriua vn accident qui nous fit donner quelque liberté de faire nos fonctions dans la Ville, & aux Chrestiens de nous approcher. Ce fut, que ce faisant quelques ieux solennels aupres de la riuiere, le Roy present, & le Canonier qui estoit Chrestien ; & s'estoit donné au Roy apres auoir seruy les Portugais, ayant esté brullé du feu qui s'estoit mis casuellement à la poudre, pendant qu'il tiroit l'Artillerie, comme le Roy l'auoit commandé en signe de tejouïssance publique ; Le Roy touché de cette mort arriuée à son occasion, voulut que les Chrestiens luy fissent à ses despens les plus honnorables obseques qu'ils pourroient. Dequoy nous prismes la charge, ayant assemblé pour cét effet plus de mille Chrestiens qui accompagnerent le corps en belle pompe iusques au lieu destiné à sa sepulture, qui fut à la campagne ; où ie preschay à tous sur ces paroles du sacré Cantique ; *L'hyuer est passé, & les pluyes sont iessées* : Leur monstrant que les persecutions que Dieu permet arriuer à son Eglise sont pour mettre à l'essay la fidelité des Chrestiens ; estant chose constante, & bien reconnuë, que les bons s'y affermissent en la foy, comme des arbres bien plantez qui prennent durant l'hyuer de plus fortes racines : mais que les lasches y empirent, & se laissent emporter à la tentation, com-

me

me la paille au vent. Qu'au reste il falloit esperer de la bonté de Dieu que la persecution qui auoit affligé l'Eglise naissante de Tunquin ne seruiroit qu'à la mieux establir: Et cependant ne nous ayant pas voulu tenter par dessus nos forces, qu'il en auoit adoucy la violence, & nous auoit fait trouuer le moyen de nous reuoir tous assemblez. Ce que quand ie leur representois, ils crouloient tous en larmes de consolation. Ie leur donnay neantmoins aduis d'vser moderement de la permission qu'ils auoient de nous venir voir, pour ne donner point de sujet aux Payens de nouuelles accusations.

Vne chose y eut il qui nous osta alors de peine, & qui fauorisa beaucoup la ferueur, & la deuotion des Chrestiens: C'est que presque toutes les maisons voisines de la nostre appartenant à des Chrestiens, nous eusmes vn moyen tres-aisé de faire nos assemblées plus secrettement, & de tenir nos fonctions moins exposées, en les faisant dans ces maisons, où elles ne furent pas moins profitables tant à ceux de la Ville, comme aux estangers qui nous y vinrent trouuer de bien loin.

Entre ceux-cy la vocation fut remarquable d'vne femme aagée de quatre-vingts quatre ans, laquelle ayant oüy parler de la foy Chrestienne en son païs, distant cent milles de la Ville Royale, inspirée de Dieu se mit en chemin sur cette premiere, & confuse connoissance, pour venir se faire instruire: dont estant arriuée dans la Ville, & n'ayant point eu de repos qu'elle ne nous eust trouuez, elle se rendit si attentiue aux explications du Catechisme, qu'en peu de temps elle fut disposée pour receuoir le Bapteſme. Ayant

neãtmoins ſceu que nous n'y receuions ordinairement perſonne qui n'euſt appris par cœur le Symbole des Apoſtres, l'Oraiſon Dominicale, & le Decalogue, elle ne perdit point courage, & n'en voulut point eſtre diſpensée pour ſon âge; mais elle s'y appliqua d'vne ſi grande affection, qu'elle eut appris cela dans quatre iours; & ayant apres cela receu deuotement le bapteſme; auquel elle fut appellée Anne, elle s'en retourna plus ioyeuſe en ſon païs, d'y aller Chreſtienne, que ſi elle y euſt porté vn threſor.

Nous receûmes encore alors des preuues du zele, & de la deuotion d'vne autre Anne, déja Chreſtienne, femme du Gouuerneur de la Prouince *Che Dun*; laquelle n'ayant pû gagner ſon mary, & l'attirer à la profeſſion de noſtre foy, pour quelques attachemens qu'il auoit à la chair, elle y amena neantmoins le reſte de ſa famille: Et fut ſi heureuſe, & ſi adroitte à donner de bonnes impreſſions de noſtre Religion à vn grand nombre de perſonnes de la Prouince, qu'elle ne venoit iamais à la Cour; où elle eſtoit ſouuent obligée de venir à la place de ſon mary pour les affaires de ſon gouuernement, qu'elle ne nous amenaſt des gens tous diſpoſez à ſe conuertir. A quoy le bon Ignace, dont nous auons parlé, & parlerons encore ailleurs, contribuoit beaucoup par ſes zelées inſtructions.

* *
*

Comment

Comment le Roy nous enuoya en fin en exil.

CHAPITRE XXVII.

LE Roy connoiſſoit aſſez que toutes les accuſations auec leſquelles nos ennemis taſchoient de nous decrier, eſtoient des blaſmes controuuez, & des imputations calomnieuſes : Toutefois (comme nous auons depuis decouuert) le principal motif qu'il auoit eu de nous retenir dans ſon Royaume, auoit eſté d'y attirer à noſtre occaſion le traffiq des Marchands Portugais, & que depuis que le Nauire qui nous auoit menez, s'en eſtoit retourné à Macao, & qui auoit bris à l'Iſle d'Ainan, il n'en eſtoit point venu d'autre ; il entra en opinion que les Portugais nous auoient abbandonnez : Ce qui luy fit prendre reſolution de nous renuoyer ; & en ſuite ſe preſentant la commodité du retour de quelques Vaiſſeaux de la Chine, il nous enuoya dire, ſi nous voulions nous en aller auec eux. Nous fiſmes reſponſe, que nous obeïrions à ce que le Roy nous commanderoit, mais que nous n'auions rien afaire à la Chine, & auions ſujet de craindre qu'il nous arriuaſt du mal en chemin. Que lors que nous eſtions ſur le poinct de nous en retourner dans le Vaiſſeau des Portugais il nous auoit arreſtez ; partant que nous le ſupplions tres-humblement de nous permettre d'en attendre vn autre. A cela le Roy n'euſt que dire, reſolu de ne nous point preſſer iuſques au-

temps que les Vaisseaux Portugais auoient la commodité de voyager en Tunquin.

Nous estions alors dans l'année 1629. quand le Roy n'ayant point vû arriuer dans ses ports de Vaisseau Portugais au temps accoustumé, la saison de la nauigation estant déja passée, il nous enuoya vn de ses Secretaires qui nous dit de sa part, que nous nous tinssions prests pour passer à la Cocinchine, où nous trouuerions des Nauires Portugais qui nous remeneroient à Macao. Et entre les causes pour lesquelles le Secretaire nous dit que le Roy nous mettoit hors de son Royaume; c'estoit parce que plusieurs de ceux à qui nous auions donné le Baptesme, estoiét morts, peu de temps apres. Que c'estoit peut-estre la seule, ou la principale des accusations que l'on auoit dressées contre nous, qui tenoit à l'esprit du Roy. A quoy ayans respondu, qu'il ne se pouuoit faire autrement, que du grand nombre de personnes malades à l'extremité qui nous appelloient pour receuoir le baptesme, il n'en mourust plusieurs apres l'auoir receu. Lors le Secretaire meû de quelque compassion enuers nous: Ie m'estonne donc de vous autres (nous dit il) que sçachans bien que le peuple ignorant vous imputera, & à vostre, baptesme la mort de ces malades moribonds, vous alliez à eux pour les assister, ou pour les baptiser, ayant hors d'eux tant d'autres personnes aupres desquelles vous vous pouuez vtilement employer. Mais l'ayans remercié de l'affection qu'il nous témoignoit, nous luy fismes entendre que son conseil seroit bon, & que nous deurions le suiure, si nous n'auions soin que du corps; mais que Dieu nous ayant principalement re-

commandé

commandé le ſoin des ames, nous ne deuions point negliger d'accourir à l'aſſiſtance de ceux dont l'on attendoit la prochaine mort, deſquels, à l'heure que l'on a perdu pour eux toute eſperance de la ſanté, & de la vie du corps, nous ſauuions l'ame par le bapteſme. Il loüa grandement noſtre inſtitut, & noſtre zele, mais cependant il nous aduertit de nous tenir preſts, ſelon la volonté du Roy, à partir pour la Cocinchine.

Incontinent que les Chreſtiens eurent connoiſſance de ce mandement, ils vinrent à foule à noſtre maiſon pour nous témoigner leur déplaiſir auec beaucoup de larmes. Les Payens meſme qui auoient déja pris quelque teinture de noſtre foy, nous venoient preſſer de leur donner deuant noſtre partement le bapteſme: De ſorte que le peu de iours qu'il nous fut permis d'arreſter dans la Ville nous ne fuſmes pas ſans occupation. Ce fut donc apres quelques iours que le Roy nous enuoya vn des principaux Eunuques du Palais, qui nous apporta vingt eſcus d'or, & du drap precieux pour nous habiller, auec commandement precis d'aller de ce pas entrer dans la Galere qui nous attendoit. En ſuite dequoy il nous conſigna par ordre du Roy au Capitaine de la Galere, qui eſtoit preſent accompagné, de ſes ſoldats. Et quoy que nous fiſſions alors toute ſorte d'inſtance qu'il nous fuſt permis d'aller faire la reuerance au Roy, & de le remercier des biens que nous auions receus de ſa Majeſté durant les deux années que nous auions eſté dans ſon Royaume: on nous le refuſa. Il ne fut pas meſme dés lors permis aux Chreſtiens de nous approcher, à cauſe des ſoldats qui nous enuironnoient. Ce qui fut cauſe qu'ils s'allerent

ſerent ranger à trouppes, tant hommes, que femmes dans les ruës par où nous deuions paſſer, les faiſans retentir de pitoyables cris, & de gemiſſemens, de ſorte que les Payens en eſtoient fort eſtonnez. Ils nous ſuiuirent meſme iuſques à la riuiere, & ne leur eſtant point permis de monter aprés nous dans la Galere pour nous dire le dernier adieu, comme ils le deſiroient, ils entrerent dans l'eau ſi auant qu'ils peurent pour s'approcher de nous. Ie leur fis pour adieu vn petit diſcours, les exhortant d'auoir grande confiance en Dieu, qui ne les abandonneroit point de ſa protection, & les ayderoit infailliblement de ſes graces pour perſeuerer en la foy qu'ils auoient receuë, laquelle ie me promettois de leur conſtance qu'il retiendroient iuſques à la mort. Et parce que quelques-vns d'eux deſiroient alors de ſe confeſſer, & ne le pouuoient pas, & s'affligeoient encore d'eſtre priuez du moyen de la faire apres que nous les aurions quittez: pour les ſatisfaire en cette neceſſité, ie fis entendre à tous qu'ils ſe diſpoſaſſent par vn acte de contrition, & qu'ils me témoignaſſent le deplaiſir qu'ils auoient de leurs pechez en ſe frappant la poitrine, & que ſur cela ie leur donnerois l'abſolution. Ils le firent, & reciterent l'acte de Contrition enuiron quinze cents qu'il eſtoient, ſe frappans la poitrine auec beaucoup de gemiſſemens, & de larmes; En ſuite dequoy ie leur donnay l'abſolution ordinaire au nombre pluriel; *Ie vous abſous* &c. & les congediay en noſtre Seigneur. La penſée que i'eus alors que quelques-vns de ces bons Chreſtiens qui nous auoient accompagnez pourroient bien-toſt mourir ſans le ſecours du Sacrement de penitence,

nitence: (qui fit que i'vſay du remede dont on ſe ſert en peril de naufrage) ne fut pas vaine. Le bon Docteur Ioachim qui auoit vn office d'Auditeur au Palais, âgé de plus de ſoixante-dix ans, fut ſi ſenſiblement affligé de noſtre depart, qu'il nous accompagna toûjours ſans nous perdre de veuë, pleurant, & gemiſſant comme vn petit enfant qui perd ſa mere: Et ne pouuant plus nous ſuiure du corps, il nous dit adieu, comme nous partions, veſtu de la robbe longue de ſon office, abbaiſſant ſon corps quatre fois iuſques à terre (qui eſt le plus grand ſigne de veneration qui ſoit en vſage parmy ceux de cette nation) & ſe retira à ſon logis le cœur ſerré d'vne telle triſteſſe, que ſans autre nouuelle maladie, il en mourut peu de iours apres.

De l'execution de noſtre exil; & des choſes auenuës en noſtre Voyage.

CHAPITRE XXVIII.

CE fut ſur la fin du mois de Mars de l'année 1629. que nous partiſmes de la Ville Royale de *Chece*, ſur la Galere que le Roy nous auoit fait prepārer, qui eſtoit petite, n'eſtant que de quinze ou ſeize rames à châque bande, mais commode pour voyager par les riuieres dans leſquelles il nous faloit aller. Le Capitaine de la Galere qui auoit paru au commencement vn peu rude, ayant veu les grands témoignages d'amour, & de reſpect que les Chreſtiens nous auoient rendus ſur noſtre de-

part, & entr'eux meſme quelques-vns de plus haute condition, que luy, commença auſſi à nous faire de l'honneur, & à nous quitter la place la plus honnorable qu'il deuoit tenir dans la Galere; dans laquelle il n'auoit permis l'entrée qu'à deux Chreſtiens, entre pluſieurs qui s'eſtoient preſentés pour nous accompagner en noſtre voyage; c'eſt à ſçauoir à Ignace le Catechiſte, & à Antoine qui eſtoit le ſoldat qui s'eſtoit donné à noſtre ſeruice depuis vn an & demy qu'il s'eſtoit conuerty. Nous auions laiſsé à deux Catechiſtes qui reſtoient (François & André) le ſoin principal des nouueaux Chreſtiens, & l'ordre de donner le bapteſme à céux qui en ſeroient capables.

Durant noſtre nauigation, nous ne manquions point tous les iours ſur le tard d'ouurir vn diſcours des myſteres de noſtre Religion, dont nous entretenions le Capitaine, & les ſodats de la Galere, ce qui nous les auoit grandement adoucis, & rendu fauorables. Ignace auſſi les endormoit tous les ſoirs auec des chanſons Spirituelles qu'il auoit composées, par leſquelles il leur donnoit quelque gouſt des veritez Chreſtiennes. Et le zele de nos Chreſtiens nous prepara encore par le chemin (aux deſcentes que nous faiſions à terre) de beaux ſujets d'employ. Car quelques-vns de ceux qui eſtoient étrangers de la Ville, ayant appris la reſolution de noſtre exil, & le chemin que nous deuions tenir, eſtoient ſortis en diligence, pour diſpoſer aux lieux par où il nous faudroit paſſer, ceux qui eſtoient aſsés inſtruits pour receuoir le bapteſme. En quoy ſe ſignala la pieté d'vn Gentilhomme de marque, Gouuerneur d'vn lieu appellé

Che bo,

Che bo, diſtant enuiron cent milles de la Ville Royale; lequel eſtant venu au deuant de noſtre Galere accompagné de ſes ſoldats, pria le Capitaine de nous permettre de deſcendre à ſon logis, auec promeſſe qu'il luy fit, de nous ramener en toute aſſeurance; ce qu'il obtint. Il auoit aſſemblé dans ſa Chapelle domeſtique fort capable, vn grand nombre de Catechumenes qu'il auoit luy meſme inſtruits à la Foy; où pendant que nous trauaillions à les former du tout, & à leur donner les dernieres diſpoſitions pour le bapteſme, le deuot Gentil-homme nommé Paul, auec ſa femme (vertueuſe Dame) appellée Luce, allerent vn peu entretenir le Capitaine de la Galere, & ſes ſoldats, auec des preſens, & des rafraiſchiſſemens qu'ils leur firent apporter, pour les faire attendre noſtre retour auecque plus de patience. Nous acheuaſmes l'œuure de Dieu, & apres retournaſmes à la Galere auec le deuot Gouuerneur qui nous y voulut reconduire: & comme il falloit, pour y rentrer, paſſer par vn lieu plein de bouë, ne ſe contentant pas de l'ayde que nous receuions de ſes ſoldats, il voulut luy méme, malgré nous, & quelque reſiſtance que nous ſceuſmes luy rendre, nous prendre ſur ſes épaules; tenant à gloire de rendre ce ſeruice aux ſeruiteurs du grand Dieu.

De là, continuans noſtre voyage, nous arriuaſmes dans vn iour à la Bourgade de *Che no*, où auoit eſté noſtre ancienne, & premiere demeure, apres noſtre arriuée au Royaume de Tunquin, & où auoit eſté dreſsée la premiere Egliſe Catholique, que nous trouuaſmes augmentée d'vn bel Hoſpital, pour y ſou-

lager les neceſſitez des pauures Chreſtiens, & y traitter les malades; meſme les Payens qui auoient témoigné ſe vouloir conuertir. Là il nous fut encore permis en paſſant d'exhorter les fideles qui y auoiẽt autrefois receu le Bapteſme, que nous recommandaſmes aux ſoins des plus anciens, & à la pieté d'vne deuote femme nommée Anne, qui s'eſtoit dediée au ſeruice des malades. Mais le baſtiment de l'Egliſe, comme nous appriſmes apres, ne ſubſiſta pas: Car apres le decez du bon vieillard Ioachin (dont nous auons parlé en ſon lieu) qui auoit donné liberalement le fonds pour baſtir cette Egliſe, ſes enfans qui n'auoient pas herité de ſa pieté, comme de ſes biens, rẽdemanderent en Iuſtice ce fonds, ſous pretexte de l'Edict du Roy publié contre les Chreſtiens, qui leur fut adjugé, & en ſuite le feu mis à l'Egliſe, qui la reduiſit en cendres. Il arriua neantmoins quelques iours apres l'embraſement, que la deuote Anne remuant les cendres, & cherchant ſi elle y trouueroit quelque choſe qui euſt échappé le feu, elle decouurit le tiltre de la ſaincte Croix, qui y auoit eſté exposée, entier, & ſans leſion, marqué d'vn coſté de nos lettres ordinaires, & de l'autre de ces paroles, écrittes en lettres Chinoiſes; *Le ſainct ſigne, du vray Seigneur du Ciel, & de la Terre.* Nous l'auons veu auec admiration au retour de noſtre exil, repaſſant par ce lieu, & pris vne certaine aſſeurance, que Dieu qui auoit miraculeuſement conſerué cette eſcriture dans les flaimmes qui auoient conſumé les poutres, ne laiſſeroit point perir; & abolir ſa ſaincte Loy dans le Royaume de Tunquin. Et noſtre preſage n'a pas eſté vain, car depuis la ſaincte Foy a merueil-

leuſement

leuſement refleury en tous les lieux de la Prouince: Et void-on aujoud'huy en ce lieu meſme (mais de l'autre coſté de la riuiere) vne belle Egliſe baſtie, & vne reſidence des noſtres, qui fait de grands fruicts en toute cette contrée.

Nous tirâmes depuis de la Prouince de *Thin hoa*, vers la Prouince de *Che an*; & allaſmes ſurgir au Port de la Reine, appellé de ceux, du païs *Cua Ciüa*; où eſt adorée cette fille débauchée, dont nous auons parlé ailleurs, & où (Dieu le permettant ainſi en punition des diaboliques ſuperſtitions qui y ſont prattiquées) le Diable exerce ſur les payens de ce païs là, diuerſes cruautez; & ſe rend meſme formidable aux eſtrangers qui y abordent. Noſtre Capitaine qui eſtoit Payen, comme nous en approchions, commença d'entrer en apprehenſion de quelque accident, & ſe preparoit deſia à faire des ſacrifices ſuperſtitieux pour appaiſer les Demons, quand nous le priâmes de s'en abſtenir, & prendre confiance au vray Seigneur du Ciel & de la Terre, & des Mers, qui auoit le pouuoir de le tirer de tous les perils qui le menaçoient, & le conduire heureuſement au port. Il s'en abſtint ſur noſtre parole; & nous pria cependant d'adreſſer nos vœux à ce grand Seigneur de tout, à noſtre façon; ce que nous fiſmes & abordâmes heureuſement au port pretendu.

Le bon ſoldat, nommé Simon, duquel nous auons parlé cy deſſus, & des gueriſons qu'il operoit auec l'eau benite, n'eſtoit pas éloigné de ce port, dont ayant eu la nouuelle de noſtre arriuée, il nous vint trouuer en grande diligence; & obtint du Capitaine

par ſes prieres, que nous allaſſions faire vn tour iuſques à ſa maiſon, où il auoit diſpoſé beaucoup de ſes parens, & de ſes voiſins pour receuoir le bapteſme; & enſemble preparé grande quantité de vaſes remplis d'eau, auſquels nous donnâmes la benediction ordinaire. Apres quoy il nous ramena la nuict meſme dans noſtre Galere, comme il l'auoit promis.

Vn autre ſoldat, nommé André, eſtoit ſorty de la Ville Royale en grande diligence pour prendre le deuant, s'eſtant figuré que nous venant rencontrer à ce port, éloigné quelques lieuës de ſon païs, il pourroit nous y mener, & y faire donner le bapteſme à ſa mere, à ſa belle mere, & à ſa femme : Mais nous ayant manquez pour eſtre venu vn peu apres noſtre depart, qui fut dans la nuict, & n'ayant point de barque pour nous ſuiure, il ſe reſolut à vn penible deſſein, qui fut de mener ſadite mere, & ſa belle mere, femmes déja bien âgées, auec ſa femme, tout à pied, à trauers de rudes montagnes, pour coupper le chemin, & nous atteindre deuant que nous arriuaſſions à la Cochinchine. Et parce qu'ils craignoient d'eſtre repouſſez à l'entrée, à cauſe de la guerre qui eſtoit entre les deux Roys, ils s'eſtoient chargez de rys, pour faire ſemblant de l'aller vendre ſur la frontiere. Dieu leur fit la grace de nous rencontrer commodement où ils l'auoient projetté, & de receuoir le bien qu'ils auoient ſi ardemment deſiré, & qu'ils eſtoient venu chercher ſi loin auec tant de fatigue.

Nous eſtions alors arriuez ſur les marches du Royaume, entre la Prouince *Che an*, & celle de *Bochin*, où il falut changer de Vaiſſeau, la Galere ſur laquelle nous eſtions

estions venus n'estant pas iugée pouuoir tenir contre les vagues, & les escueils qu'il nous faloit trauerser. Et comme il faloit que les soldats qui nous auoient menez, ramenassent la Galere au port de la Ville Royale : vne partie d'entr'eux qui auoient esté touchez des discours de la vraye Religion que nous leur auions tenus durant quinze iours de voyage ; c'est à à sçauoir dix-sept, ou dix-huict s'adressans à nous; Vous nous auez (nous dirent-ils) fait souuent entendre, que nous ne pouuions point esperer de salut que dans vostre Religion, & par le moyen du bapteſme ; Voila donc de l'eau, baptisez nous deuant que nous vous quittions. A quoy nous respondimes que s'ils croyoient de tout leur cœur au vray Seigneur, & Createur du Ciel, & de la terre, & à son fils Iesus-Christ nostre Sauueur, qui nous auoit racheptez par son sang, selon ce que nous leur auions annoncé, & s'ils estoient prests à quitter leurs vaines superstitions, & renoncer au culte des Idoles, qui n'estoient que fausses diuinitez, nous leur donnerions le bapteſme : de quoy nous ayant protesté, & promis d'obseruer ce que nous leur auions enseigné, nous les baptisasmes sur le riuage, & leur donnasmes des lettres pour les recommander aux Chrestiens plus anciens de la ville Royale où ils alloient, & où ils arriuerent plus heureux, & plus riches qu'ils n'en estoient partis.

* *
*

Le reste de nostre Voyage, & la conuersion de nostre Capitaine.

CHAPITRE XXIX.

CEstoit en la semaine saincte que l'on nous prepara vn autre Vaisseau pour nous porter à la Prouince de *Bochin*, auquel temps il ne nous fut point loisible (estant au milieu d'vne Nation peruerse, & toute payenne) de rendre aucun témoignage exterieur de nostre deuotion, en la memoire de la Passion du Sauueur. Et toutes choses estant preparées s'estant leué vn bon vent la nuict deuant la feste de Pasque, nous fismes voile auec nostre Capitaine; & six soldats qu'il auoit retenus. Nous l'auions instamment prié deuant qu'il eust pris la resolution de faire partir le Vaisseau, de laisser toutes les ceremonies superstitieuses que les Payens ont accoustumé de practiquer pour auoir les vents, & la mer fauorables, mais qu'il mist seulement son esperance au Seigneur Dieu, qui gouuerne la terre & les mers, & à qui tous les vents obeïssent. Et il sembla alors adjouster foy à nos paroles, sur l'experience qu'il auoit du passé: Mais le bon vent qui l'auoit conuié de partir, s'estant changé apres vn peu de temps en vn orage impetueux, qui agitant furieusement les vagues, poussoit le vaisseau contre les écueils, il entra aussitost en haute colere, & commença à faire vne petite

tempeste

tempeſte de ſa bouche : Et n'oſant pas encore s'en prendre à nous ,' & nous éueiller (ſçachant que nous dormions en ce temps-là) il eſcumoit contre Ignace qui luy auoit fort diſſuadé, à la ſortie du port de ſe ſeruir de ſes ſuperſtitions payennes. Et ce qui alluma dauantage ſon feu , ce fut qu'il prit garde à vne Idole poſée ſur la pointe d'vne horrible montagne , en veuë de laquelle ſe trouuoit alors le Vaiſſeau, s'eſtant figuré que cette Idole auoit ſuſcité l'orage qui tourmentoit le Vaiſſeau , en punition de ce qu'il auoit negligé de l'appaiſer par quelque ſacrifice. Tellement que ſur ſa cholere il ne menaça pas de moins Ignace , que de le faire mourir ; & le ietter dans la mer. Ces menaces aigres & hautes nous ayant eueillez , nous tachâmes d'addoucir ſon eſprit ; & apres luy auoir fait vne douce plainte de ce qu'il auoit leué l'anchre pour partir ſans nous éueiller , & nous donner moyen de preſenter nos vœux à Dieu pour noſtre heureuſe nauigation , nous le rempliſmes d'aſſeurance qu'il verroit bien toſt les vagues abbaiſſées, & le vent adoucy. Et là deſſus inuoquans S. Laurens pour patron , & le prians de nous impetrer le calme, à peine euſmes nous acheué de reciter vne fois le *Pater*, & *Aue* , que le vent contraire eſtant tout à fait abbatu , & le Ciel eſſuyé, vn doux & fauorable vent commença à ſouffler du coſté de l'Idole , qui faiſoit pallir noſtre Capitaine, qui applaniſſant les flots nous accompagna doucement iuſques dans le port où nous pretendions aborder. Ce fut alors que le Capitaine rauy d'vn ſi ſubit changement arriué dans vn element ſi mutin , au delà de tout ce qu'il pouuoit eſperer , & dans l'apprehen-

sion d'vn peril qu'il s'estoit figuré extreme, & insurmontable à tout art, se resolut d'embrasser cette Religion en laquelle le Dieu qui y estoit adoré se monstroit si secourable aux necessitez de ses seruiteurs. Dont sans delay, comme il n'auoit point besoin de plus grande instruction que celle qu'il auoit prise durant le voyage, estant d'ailleurs homme de bon sens, & intelligent des lettres Chinoises, apres auoir fait prendre le bapteſme à six de ses soldats, qui auoyent esté touchez de mesme sentiment, & se trouuoient pareillement bien disposez, il le receut luy mesme en public, & y fut nommé Augustin.

Cette conuersion arriuée à cette occasion, sur la fin de nostre voyage, fut vn coup merueilleux de la misericorde de Dieu pour nostre Capitaine, & vn traict particulier de sa Prouidence pour nous. Car n'estant nullement expedient ny aux Chrestiens de Tunquin, ny à nos Peres de la Cocinchine que nous parussions exilez dans ce Royaume; estant à craindre que le Roy de la Cocinchine prist quelque pareille occasion de chasser nos Peres de son Royaume: Nous priâmes nostre Augustin (lequel depuis qu'il fut conuerty écoutoit volontiers nos aduis) que puis qu'il auoit en ses ordres de nous consigner au Gouuerneur de la Prouince de *Bochin* qui nous deuoit faire passer à la Cocinchine, & nous mettre en estat de nous pouuoir retirer à *Macao* dans quelque Vaisseau Portugais, il persuadast au susdit Gouuerneur de nous laisser en liberté de chercher ce Vaisseau la part où nous voudrions; sans nous faire traduire à la Cocinchine, où l'on n'auoit pas opinion qu'aucun Nauire Portugais fust

fuſt arriué cette année là. Ce que le deuot Auguſtin fit adroittement, comme nous l'en auions prié.

Ce Gouuerneur eſtoit homme de grande reputation, pour l'integrité de la Iuſtice qu'il rendoit à cette Prouince, aagé de quatre-vingts ans, lequel non ſeulement nous traitta auec toute ſorte de ciuilitez, mais nous donna encore liberalement dequoy faire noſtre dépenſe, durant le temps que nous ferions ſéjour dans ſa Prouince. Nous vouluſmes vſer enuers luy de reconnoiſſance, luy faiſant offre de ce qui valoit mieux que tous ſes preſens, qui eſtoit l'inſtruction du Catechiſme de la Loy Chreſtienne, que nous luy donnaſmes meſme écrit en lettres Chinoiſes, deſquelles il eſtoit bien capable; Mais il rejetta la grace que le bon Dieu luy faiſoit, & mourut ſix mois apres en ſon infidelité, s'eſtant rendu indigne de la faueur que Dieu luy auoit preſentée. Et autant en arriua t'il à l'hoſte chez qui il nous auoit logez, où nous eſtions fort commodément, homme auſſi fort auancé en âge, qui ne trouua pas mauuais que ſa femme âgée comme luy, & la fille qu'il auoit euë de ſa Concubine ſe fiſſent Chreſtiennes, mais luy ne voulant point rompre l'attache du fol amour qui le tenoit engagé depuis pluſieurs années, mourut peu de temps apres dans ſon peché, & dans ſon erreur.

* *
*

Nous reuenons de la Prouince de Bochin à celle de Ghean.

CHAPITRE XXX.

PEndant que nostre Capitaine s'en retournoit apres sa commission acheuée à la Ville Royale, auec des lettres de recommandation que nous luy donnasmes aux nouueaux Chrestiens pour le faire connoistre d'eux ; Nous ne demeurasmes pas oyseux au lieu où nous nous estions arrestez : Car ayans presché en la place publique, & sur le riuage de la mer, vingt-cinq Payens furent conuertys par nos predications ; entre lesquels il y auoit vn licencié sçauant aux lettres Chinoises, à qui nous laissasmes par écrit les prieres Catholiques, afin qu'il les apprist aux nouueaux Chrestiens de cette Prouince, & prit le soin de leur instruction : delà nous iugeasmes expedient pour le bien de cette Chrestienté, de rebrousser à la Prouince de *Ghean*, d'où peu auparauant nous estions sortys.

Le premier logis que nous fismes, fut la maison des feruens Chrestiens Pierre, & André, qui portez d'vn grand zele de conuertir tous leurs Patriottes à la Foy, auoient si bien disposé l'esprit de tous les habitans du lieu, que sans prendre presque aucune nouuelle peine pour leur instruction, nous en baptisasmes cent, & douze dans les trois iours que nous y fismes sejour. De

là nous

là nous tirasme vers le port principal de la Prouince appellée *Rum*, où residoit le Gouuerneur qui nous fit tres-bon accueil; Mais les habitans du lieu sur la connoissance qu'on leur auoit dõnée de nostre exil, & sur quelque opinion extrauagante qu'ils auoient prise que nous estions cause qu'il ne pleuuoit pas, ne nous voyoient pas de bon œil, tellement que nous auions peine de trouuer qui nous voulust loger en ce lieu: Mais le bon Dieu qui n'abandonne iamais les siens effaça les apprehensions que ceux de ce Païs auoient prises de nous, par vne grande abondance de pluye qu'il leur donna vn peu apres nostre arriuée, qui les réjouït merueilleusement, & fit qu'il nous laisserent la liberté de prescher la parole de Dieu, & la commodité aux Chrestiens de tout le voisinage de la venir ouïr, qui accouroient à nous sans apprehension depuis qu'ils eurent connoissance que nous estions sous la protection du Gouuerneur de ce lieu, & fauorisez de sa bien-vueillance. Et ce qui nous l'acquit fut l'occasion d'vne Eclypse de Soleil qui arriua en mesme temps: car en ayans precisément predit l'heure quatre iours deuant qu'elle parust; & en ayant presenté la figure, & la description au Gouuerneur auec toutes les circonstances qui la deuoient accompagner, il fut si rauy voyant qu'elle estoit arriuée punctuellement selon nos obseruations, & conceut vne si haute opinion de nous, qu'il entreprit depuis par tout nostre defense contre ceux qui blasmoient, ou combattoient nostre doctrine. Se seruant entre autres de cét argument. Si ces gens icy (disoit-il) sçauent predire auec tant d'asseurance, & de verité les secrets du Ciel, &

des Astres, qui nous sont inconnus, & surpassent nos capacitez; Est-il pas à croire qu'ils ne se trompent pas en la connoissance de la Loy du Seigneur du Ciel, & de la terre, & des veritez qu'ils nous preschent, encore qu'elles soient éloignées de nos sentimens, & moins exposées à la prise de nos esprits?

Certes les faueurs que nous receusmes de ce Gouuerneur, & l'approbation qu'il donna à nostre doctrine nous mit en si grande consideration dans la plus part des esprits, que l'on venoit à foule vers nous pour prendre instruction de la foy, & de la loy que nous preschions; en sorte que dans le temps de nostre exil qui ne dura pas huict mois entiers, nous baptisasmes plus de six cents nouueaux Chrestiens sans compter ceux qui auient esté conuertys, & baptisez dans la necessité par les Catechistes. Le zele de nostre Ignace, qui ne nous abandonna iamais, ne seruit pas de peu à disposer les esprits de ceux qui se conuertirent: Car comme il estoit ingenieux, & bien versé en la connoissance des sectes Tunquinoises, il composa en la langue du pays vne chanson en vers elegans, & d'vn air parfaitement agreable, dans laquelle il auoit rendu si absurdes, & ridicules toutes les erreurs, & superstitions, qu'apres les auoir gaignez par les oreilles à la douceur charmante de sa voix, il les reduisoit en fin à quitter vne si honteuse profession, & à se faire instruire de la nostre. Il ne manqua pas pourtant de payens zelés pour ces sectes superstitieuses, qui entrans en rage de les voir ainsi mocquées, & abandonnées, & ne pouuans pas s'en prendre à nous, ny à Ignace, qui n'estoit pas soûmis à leurs pouuoirs pour

estre

eſtre natif d'vne autre Prouince; déchargerent toute leur cholere ſur l'hoſte qui nous auoit logez, & s'eſtoit fait Chreſtien; & trauaillerent auec tant de violence a le ruiner, que luy ayant fait confiſquer ſes biens, le firent encore bannir du païs, auec ſa femme; ce qu'il ſupporta auec grande conſtance, & amour de la Religion, pour laquelle il eſtoit perſecuté.

Comme Dieu par ſa miſericorde nous fit aſſiſter dans les miſeres, & les neceſſitez de noſtre exil.

CHAPITRE XXXI.

NOs ennemis eſtans bien informez de l'Edit de noſtre banniſſement, qui ne nous laiſſoit point la liberté de faire ſejour en cette Prouince, qui eſtoit dans l'enclaue des Eſtats de Tunquin; apres auoir fait declarer tous ceux qui nous retiroient dans leurs maiſons, criminels, & preuaricateurs des Edits du Prince, les faiſoient punir de la confiſcation de leurs biens, qui eſtoit la moindre peine à laquelle ils eſtoient condamnez. Ce que ces genereux Chreſtiens ſouffroient auec vne ioye admirable; s'eſtimans heureux de pouuoir baſtir leur ſalut, de leurs pertes, & de releuer la gloire du nom Chreſtien ſur les ruines de leurs propres biens. Cependant afin que nous ne fuſſions pas la cauſe de leurs maux, & des mi-

seres où nous les voyons reduits qui nous donnoient bien de la compassion; Veu mesme que les persecuteurs s'attachoient encore à nous par beaucoup de déplaisirs qu'ils nous rendoient, iusques à jetter des pierres contre nous, & contre la maison où nous estions logez; nous resolûmes de quitter la Ville, & de nous retirer dans nostre petite barque de riuiere, où nous souffrions de grandes incommoditez du lieu, des pluyes, & des vents, & sur tout de la necessité du viure. Car encore que partans de *Macao*, nous eussions esté pourueus de Viatique necessaire pour vn an; neantmoins dans le sejour que nous auions déja fait de trois ans au Royaume de Tunquin, nonobstant nostre grande épargne, nous l'auions consumé auec tout ce que nous auions receu de presens du Roy, n'ayans iamais voulu estre à charge aux nouueaux Chrestiens, ny receuoir d'eux les aumônes qu'ils nous presentoient de tres-bon cœur, prests à nous dõner mesme leurs yeux, si nous les leurs eussions demandez, pour leur laisser cette persuasion que nous cherchions leurs ames, & non leurs biens. Ce qu'ils auoient en grande admiration; & se seruoient quelquefois de cét argument de l'affection desinteressée que nous rapportions à leur salut, pour persuader aux payens la bonté, & la saincteté de nostre Religion, & la verité de la Foy que nous preschions.

Neantmoins pour ne les priuer pas du merite de leur charité bien-faisante; nous les auions exhortez d'enuoyer aux Hospitaux que nous auions fait dresser pour l'entretien des Catechistes de leur nation, les aumosnes qu'ils nous presentoient; leur faisant entendre

tendre que nous attendions de Macao le secours qui nous seroit enuoyé pour nostre subsistance. Dont en suite les liberalitez que les Chrestiens ont faites à ces Hospitaux ont esté si abondantes qu'vne centaine de Catechistes y ont esté entretenus, lesquels ayans tout quitté pour se deuouër au seruice de Dieu, & de l'Eglise, ont operé des fruicts inestimables, & ont esté, & sont encore aujourd'huy nos aydes, associez, & vnis auec nous en mesme dessein pour la conuersion de ces peuples.

Cependant comme nous nous trouuasmes reduits à l'extreme necessité, pour ne point tenter Dieu, si nous nous opiniâtrions dauantage à ne vouloir receuoir aucun secours pour viure, de la charité des Chrestiens; Nous prismes resolution d'enuoyer nostre Antoine vers les Chrestiens de *Chece*, auec des lettres, par lesquelles nous leur faisions sçauoir la grande necessité où nous estions tombez par le retardement du Nauire des Portugais que nous auions attendu depuis deux ans, & laquelle nous estions contraints en l'extremité où nous nous trouuions, de leur representer, les priant de nous assister de quelque petite somme, ou par aumosne, ou en prest iusques à la venuë des Marchands Portugais. Antoine porta nos lettres en grande diligence, & les rendit; non aux plus riches, mais aux plus deuots des Chrestiens qu'il connoissoit fort-bien, lesquels ayant appris nostre misere, apres nous auoir donné les larmes de leur compassion, amasserent entr'eux promptement vne vingtaine d'escus, auec lesquels ils renuoyerent Antoine vers nous, pour nous en soulager au plûtost, pendant qu'ils se dispo-

seroient eux mesmes à venir, & à nous apporter dequoy nous tirer de toutes nos necessitez. A cette occasion vne femme deuote nommée Monique plus riche de charité que de moyens se signala sur tous, nous enuoyant dix escus en aumosne, pour nous en assister, & subuenir à nostre pauureté de ses propres dépoüilles.

Quelque prompt, & diligent que fut Antoine à nous rapporter ce secours des Chrestiens de *Che ce*, nous fusmes reduits deuant son retour à vn si pitoyable estat, à cause des pluyes excessiues qui tomberent en ce temps là, & des grands orages qui secoüoient, & agitoient furieusement nostre barque déja vieille, & qui commençoit à faire eau de tous costez, qu'il ne nous estoit plus possible de demeurer sur la riuiere, sans nous exposer à vn danger euident de perir: même que nous y estions fort mal traittez des Payens, qui ne cessoient de nous tirer des pierres, de nous brauer, & d'insulter à nostre misere. Et cependant il ny auoit point de Chrestiens qui osast alors nous retirer dans son logis, pour crainte des peines dont ils estoient menacez des Payens qui auoient tous conspiré nostre perte. Ce qui toucha tellement de pitié vn pauure mais deuot Chrestien, nommé Simeon, qui auoit vne cabane où il logeoit au pied de la montagne, qu'il nous la vint offrir, n'ayant d'ailleurs aucun bien à perdre, quand il seroit recherché de nous auoir retirez dans sa pauure logette, nous acceptasmes son offre; & luy auec sa petite famille trouua moyen pour quelque temps de se loger ailleurs, glorieux d'auoir achepté vn grand, & precieux merite, par la petite incommodité qu'il souffrit.

Nous

Nous sommes tirez de nostre exil à la nouuelle arriuée d'vn Nauire des Portugais.

CHAPITRE XXXII.

IL s'estoit passé quinze iours depuis que nostre Antoine estoit party de la Ville Royale, quand il nous apporta auec l'aumosne des Chrestiens, vne lettre du P. Gaspar d'Amaral de nostre Compagnie, arriué dans le Nauire des Portugais au port de la Prouince de *Ghean*, où nous nous trouuions. Ce que nous auons toûjours reconnu auoir esté vn traict particulier de la bonté, & de la prouidence de Dieu, qui dressa la route de ce Vaisseau, pour nostre consolation, & pour nostre soulagement à ce port écarté, ou iamais ny deuant, ny apres aucun Nauire Portugais n'aborda, pour estre moins asseuré, & le plus éloigné de la Ville Royale. A cette bonne nouuelle qui nous remplit le cœur de joye, & noya tout le sentimét de nos miseres passées, nous sortismes de la cabane que le bon Simeon nous auoit prestée, & allasmes droit vers le Nauire qui estoit arriué, où ayans trouué nos Peres que nous auions si long-temps, & si ardemment attendus, apres les tendres embrassemens accompagnez de nos larmes, que nous leur donnasmes; & receûmes d'eux, nous passasmes le reste du iour, & vne partie de la nuict à prendre des nouuelles de nos Peres, & du reste du monde, dont depuis prés de trois ans nous n'auions non plus oüy

parler que s'il n'euſt point eſté en nature: Et parce que nous auions déja demeuré pres de huict mois ſans dire la Meſſe faute de matiere pour conſacrer, auſſi-roſt que nous fuſmes leüez au matin, nous priaſmes les Portugais de nous preparer vn lieu propre dans le Nauire, ny en ayant point d'autre au dehors, où nous puiſſions celebrer. Ce qu'ils firent: & ce fut le iour de S. Simon, & S. Iude que nous euſmes la conſolation de manger ce pain de vie, & d'appaiſer aucunement la grande faim, & les extremes auiditez auec leſquelles nous l'auions ſi long-temps ſouhaitté.

Quelque temps apres vn Eunuque enuoyé de la part du Roy auec ſauf-conduit pour faire paſſer le Nauire, & les Marchands Portugais à la Ville Royale, ayant fait difficulté de nous y laiſſer aller auec eux, pour l'Edict de noſtre banniſſement qui n'eſtoit pas encore reuoqué: Et les Marchands Portugais d'ailleurs ayant conſtamment refuſé d'y paſſer ſi nous n'y allions en leur compagnie auec les deux Peres qu'ils auoient menez, il fut contraint, encore qu'il n'euſt point d'ordre du Roy, de ſouffrir que nous r'entraſſions dans la Ville, de laquelle il y auoit enuiron huict mois que nous auions eſté chaſſez.

En ce meſme temps le Catechiſte André, zelé, & infatigable ouurier de la nouuelle Egliſe de Tunquin, ne pouuant ſupporter l'impatience qu'il auoit de nous reuoir depuis qu'il nous euſt perdus de veuë, eſtant demeuré au temps de noſtre partement malade à *Che ce*, eſtoit deſcendu pour nous viſiter en noſtre exil, & ioindre ſes trauaux aux noſtres dans les employs que nous voudrions luy donner. Mais nous

ayant

ayant trouuez en estat de remonter au lieu d'où il venoit, il reprit aussi son chemin vers la Ville Royale, semant par tout où il passoit ses trauaux, & ses feruentes instructions, qui porterent en son temps de grands fruicts. Et ce fut en ce voyage que Dieu luy prepara vne belle occasion de patience; Car ayant esté attendu sur le chemin lors qu'il y pensoit le moins, il fut attaqué par vne trouppe de galans, & excedé si outrageusement à coups de baston (sans que l'on ayt sceu qu'autre les eut poussez à cela que le Diable) qu'il en demeura tout moulu; & comme mort sur la place. D'où s'estant releué apres quelque temps; & ayant prié pour ceux qui l'auoient ainsi mal traitté, il se remit en chemin, meurtry, comme il estoit par tout le corps de grandes playes, mais le cœur remply de joye d'auoir esté trouué digne de souffrir quelque chose pour l'amour de Dieu.

L'autre Catechiste, nommé Ignace, qui nous auoit suiuis, marcha en diligence à grandes iournées vers la Ville Royalle, pour s'y trouuer deuant nous, & y tenir aduertis les nouueaux Chrestiens de la bonne nouuelle de nostre retour; & sur tout leur defendre de nostre part, de n'en rendre pour cela aucunes demonstrations extraordinaires; & publiques de réjoüissance: qui pourroient offencer les payens; & attirer sur nous leur enuie; de ne venir point à trouppes au deuant de nous; & d'vser de grande retenuë aux premieres visites: qui fut vn aduis important; & necessaire pour moderer l'excez de la ioye qui les eut emportez à nous en rendre de plus éclattans témoignages; veu mesme que nonobstant l'aduis qu'ils receurent, ils

curent de la peine à retenir l'ardeur inconſiderée des joyes qui les tranſportoient à nous bien veigner, & à s'entre-communiquer la nouuelle de noſtre retour, pour lequel ils rendirent mille actions de graces à Dieu, qui nous auoit ramenez pour leur bien, & leur conſolation.

Nous exerçons de nouueau nos fonctions dans la Ville Royale.

CHAPITRE XXXIII.

ENcore que nous euſſions eu l'entrée dans la Ville Royale, ſi n'euſmes nous iamais d'accez aupres de la perſonne du Roy, par l'artifice, & la malice des Eunuques, qui ſont les Gardes ordinaires de ſes femmes, & de ſon Palais, qui nous en éloignerent touſiours. Cela n'empeſcha pas que par la permiſſion, ou tolerance du Roy nous ne repriſſions tous les employs que nous auions eu deuant noſtre exil, & que nous ne nous occupaſſions ordinairement à Catechiſer, à baptiſer, & à ouyr les confeſſions des Chreſtiens. En quoy les payens nous donnerent quelque trouble, principalement pour les Confeſſions des femmes, auec leſquelles il ne pouuoient ſouffrir que nous traittaſſions dans le ſecret, encore que ce fuſt en lieu public, & expoſé à la veuë du monde, & qu'il y euſt entre-elles, & nous (ſelon la couſtume) vn

ais

ais de separation. Dont il arriuoit souuent que les soldats que nous ne pouuions point sans faire du bruit, empescher d'entrer dans nostre Eglise, s'approchoient des Confessionaux pour ouyr ce qui s'y disoit, dans le secret du Sacrement. A quoy nous ne peusmes apporter autre remede que par vn conseil que nous prismes de nous seruir de deux maisons joignantes de nos Chrestiens, dans l'vne desquelles estoient les femmes qui y venoient pour se confesser, & nous dans l'autre pour ouyr leurs confessions. Et pource encore que les payens s'offensoient du grand nombre de Neophytes, & de Catechumenes qui accouroient tous les iours à nous pour receuoir l'instruction, & les Sacremens, nous aduisâmes de dresser vne nouuelle Eglise, éloignée plus de deux mille de nostre habitation, ou se partageoient les Chrestiens, & les Catechumenes; ce qui augmentoit beaucoup nos peines, mais nous sauuoit en quelque façon de la persecution, & de l'enuie des payens.

Apres tout depuis nostre retour à la Cour, la ferueur & la deuotion des nouueaux Chrestiens fut si grande en tout, & principalement pour s'approcher des Sacremens de la Confession, & Communion, que nous ne pouuions point suffire à leur donner satisfaction, ayant esté quelquefois obligez de passer les nuicts entieres à ouyr des Cõfessions, ausquelles ils apportoiẽt tant de soin pour s'en bien acquitter, & vne conscience si tendre, que si elle leur reprochoit quelque faute, encore qu'elle ne fust point griéue, ny quelquefois coupable, comme d'auoir par quelque oubly, ou ignorance mangé de la viande les vendredys.

dys, ou les samedys, ils n'eussent iamais osé s'aller coucher, auant que de l'auoir confessée. Et pour la Communion, ceux que nous auions iugez capables de s'en approcher, s'y disposoient durant plusieurs iours, auec vn appareil si étudié, d'affections, de desirs, & de bonnes œuures, qu'ils sembloient estre tous fondus dans les ardeurs de leur deuotion. Et nous encore, pour les ayder à renouueller souuent le souuenir de cette saincte viande, & de l'agneau sans tâche qu'ils auoient le bon-heur de manger à la saincte Table, nous leur donnions à chacun d'eux vn *Agnus* de cire sacrée, reuestu de soye, & de canetille, qu'ils portoient pendu au col; & n'en ayans pas pour tous, Madame Catherine sœur du Roy (de laquelle il a esté parlé cy dessus) en trauailloit de sa main si artistement, qu'ils ne cedoient en rien à ceux que nous auions apportez de Macao, & qui estoient venus d'Europe.

Nous estions sur tout rauys de la tendre deuotion qu'ils temoignoient à la Passion de nostre Sauueur; estant vray que nous auons souuent obserué, qu'ils ne jettoient iamais les yeux sur vn Crucifix, qu'ils ne jettassent beaucoup de larmes que l'ardeur de leur amour fondoit, & faisoit couler par leurs yeux. Ils estoient aussi fort deuots & assidus à entendre la saincte Messe, quand elle se disoit, mesme les iours ouuriers. Et pour les iours de Dimanche, ceux qui n'estoient éloignez que trois ou quatre lieuës de la Ville, partoient si matin de leur maison, qu'ils se trouuoient à temps pour assister à la Messe, & au sermon, apres quoy ils se retiroient chez eux sans prendre aucune re-

fection

fection corporelle ; mais l'esprit repeu de la parole de Dieu, & renforcé de sa grace. Mais ceux qui estoient si éloignez de la Ville, qu'ils ne pouuoient le matin s'y rendre à temps pour assister au diuin seruice, partoient depuis le samedy apres le disner, & ne s'en retournoient que le Dimanche apres auoir fait toutes leurs deuotions. Et parce que nous disions la Messe, & le sermon assés tard pour la commodité de ceux qui estoient éloignez de la Ville, & s'y vouldient trouuer : Cependant ceux de la Ville, & les autres qui s'estoient rendus à l'Eglise depuis le matin, s'occupoient deuant la Messe durant deux heures en prieres, & meditations. Qui est vn sainct entretien lequel est tellement passé en coustume par tout le Royaume de Tunquin, où il y a des Chrestiens, qu'encore qu'ils n'ayent point de Messe, ils ne laissent pas d'employer religieusement tout ce temps qu'ils ont consacré aux prieres, & s'ils n'ont point de compagnie pour les faire ensemble ; ils les font dans les maisons particulieres toute la famille assemblée ; ou mesme seuls, s'ils se trouuent en voyage à la campagne, ou sur la mer ; tant ils sont exacts en tout ce qui concerne les exercices de la deuotion. Et pour ne se mesprendre point aux iours des festes, & des Dimanches, ils ont trouué moyen de dresser vn Calendrier, où sont marquées toutes les festes, & les ieusnes de l'année, que les Catechistes font imprimer en la Ville Royalle, & distribuer apres par tout le Royaume.

Diuerses

Diuerses vexations dont le Diable trauailla les Chrestiens

CHAPITRE XXXIV.

IL y auoit dans la Ville Royale vne Chrestienne nommée Monique femme deuote, mais qui (deuant qu'elle euſt receu le baptesme) auoit eſté addonnée à quelques ſuperſtitions de Magie, & auoit meſme exercé l'Art diabolique de Pythoniſſe; auquel temps elle auoit eſté ſouuent poſſedée du malin eſprit, & agitée de fureurs maniaques, & renduë ſi redoutable à ſon Mary, qu'il n'oſoit point dire qu'il eſtoit ſon Mary, mais s'appelloit par reſpect ſon Nourriſſier, comme ſi c'euſt eſté la fille d'vn Prince, qui luy eût eſté commiſe pour auoir ſoin de ſon entretien. Nous n'auions pas manqué de l'aduertir, comme les autres qui auoient eſté auparauant engagez à la ſeruitude du Diable, de ſe garder de ce cruel ennemy, qui ne s'oublieroit pas de les guetter pour les rauir à Dieu, & qu'il feroit ſans doute tous ſes efforts, pour reprendre les places que Ieſus-Chriſt auoit conqueſtées ſur luy, & pour rentrer dans ſon ancien logis, apres qu'il auroit eſté purgé & nettoyé de ſes ordures. Et pource nous leur auions encore recommandé de ne ſortir iamais de la maiſon, ſans s'armer du ſigne de la Croix, & ſans prendre de l'eau benite. Ce que noſtre Monique ayant laiſſé vn jour de pratiquer, à peine fut-elle ſortie à la ruë, que le Dia-

ble

ble r'entrant dans son corps, la ietta par terre & l'agita d'vne si étrange façon, qu'il ne sortoit de ses yeux, que feu, que fureur, & que menaces. Son Mary nõmé Iean, homme deuot, aydé de quelques autres Catholiques la reména par force dans sa maison; Où (comme le Diable continuoit à la tourmenter) il nous appella pour exorciser, & chasser le Demon. Ce que i'entrepris de faire, & après luy auoir commandé de la part de Dieu de laisser Monique en repos, & dans la liberté de son esprit, ie n'eus pas plutost demandé à la possedée si elle vouloit confesser ses pechez, que le Diable ne pouuant souffrir ce discours, se retira & abbandonna la possession qu'il auoit injustement reprise: & la bonne Monique ayant doucement respondu qu'elle desiroit grandement de nettoyer son ame par la confession, elle se reconcilia auec Dieu, renonça de nouueau à tout le commerce d'enfer qu'elle auoit eu, & fut depuis entierement deliurée du malin esprit.

Mais il arriua que ce Demon quittant la possession de Monique, & Dieu ne luy ayant point donné de pouuoir sur aucun des domestiques de Iean, qui estoient tous Chrestiens, & deuots, il s'alla saisir du corps d'vn ieune Catechumene encore Payen, cousin de Iean, qui estoit alors dans vne autre chambre de ceme sme logis (qui commença à se debattre en fureur, & à donner des signes euidens du cruel hoste qui le possedoit. On nous l'amena pour employer encore sur luy les remedes de l'exorcisme; mais Dieu ne voulut point leur donner aucun efficace, iusques à ce qu'il eust receu le bapteſme, par lequel il fut deliuré quant au corps; & quant à l'ame de la possession

de Sathan. Vn autre Chrestien estranger, autrefois seruiteur d'vn Portugais, s'estant enfuy; & retiré du seruice de son Maistre, viuoit parmy les Payens, non seulement dans l'oubly de sa Religion, mais dans la profession ouuerte du Paganisme; & de l'Idolatrie. Mais par vn iuste iugement de Dieu ayant esté liuré à Sathan, il fut si cruellement traitté de ce tiran impitoyable, qu'il donnoit de l'horreur & de la compassion mesme aux payens, qui prirent la pensée de le mener du Bourg où il estoit à la ville Royale, pour nous le mettre entre les mains. Ayant donc esté appellez à la maison d'vn payen où il auoit esté porté, nous le trouuasmes couché, & horriblement tourmenté du Demon, qui luy tenoit encore les yeux fermez, en sorte qu'il ne pouuoit aucunement ouurir les paupieres; encore qu'il asseuraſt en cét estat, qu'il voyoit vn Demon d'vne corpulence épouuentabble, qui enjamboit le couuert de la maison où il se trouuoit. Nous vsasmes des exorcismes ordinaires, & l'exhortâmes à se confesser, ce qu'il fit; & soudain apres il ouurit librement les yeux, & fut deliuré de la possession du Demon.

I'adiousteray icy vne chose memorable de la possession d'vne deuote Chrestienne nommé Elizabeth, que Dieu permit au Diable, non tant pour chastier ses pechez, que pour exercer sa vertu, & augmenter ses merites. Elle auoit esté extremement addonnée au culte des Idoles, auant qu'elle embrassast la Religion Chrestienne, & en recompense du zele, & de la deuotion ardente qu'elle auoit pour honorer superstitieusement les Demons par dessus les autres, qui faiſ-

soient la mesme profession, elle auoit esté toûjours griéuement tourmentée au corps de ces cruels bourreaux. Ce qui l'auoit fait resoudre de quitter ces maistres, ou plutost ces tyrans, qui recompensoient si mal le seruice qu'on leur rendoit, & de se ranger sous la Loy de IESVS-CHRIST, duquel elle auoit appris les diuines qualitez, & les incomparables merites aux Catechismes qui se faisoient en nostre Eglise. Elle receut donc fort deuotement le bapteſme, sans estre pourtant deliurée des vexations ordinaires dont les Demons la trauailloient; Dieu le permettant ainsi pour leur confusion, & pour l'exercice de la vertu d'Elizabeth, qui souffroit ces peines auec tant de patience, & auec vne resignation si parfaite aux volontez de Dieu, qu'elle en estoit deuenuë formidable aux Demons, lesquels elle chassoit par la vertu de ses prieres, du corps des autres possedez, encore qu'elle ne peust, ou plutost ne vouluſt point les chasser du sien. Ce qui n'empeschoit pas qu'elle ne vaquast à toutes sortes d'exercices de pieté, & de charité; ayant conuerty le faux zele qu'elle auoit eu pour les Idoles, en vn tres-ardent amour de Dieu, & du prochain. Car ne s'estant pas contentée d'auoir attiré à la Religion Catholique son mary, qui fut nommé Thomas en son bapteſme, & toute sa famille; elle en a gaigné plusieurs autres, tant au lieu de sa demeure ordinaire, qui est vis à vis de la Ville Royale de l'autre costé de la riuiere, comme dans sa Patrie, qui est en la Prouince de *Thin hoa*, ayant basty aux deux lieux des Eglises, où les Chrestiens de ce païs s'assemblent aux iours de festes, pour faire leurs prieres, & deuotions.

Nous sommes contraints de sortir de tout le Tunquin, & de retourner à Macao.

CHAPITRE XXXV.

L'Eglise de Tunquin estoit en l'estat que nous auons décrit iusques à maintenant; dans laquelle nous auions trauaillé l'espace de trois ans, auec des succez, & des accidens fort diuers. Elle comptoit déja plus de cinq mille Chrestiens, & les sainctes semences de la Foy qui auoient esté iettées dans la plus part des Prouinces, nous promettoient à l'aduenir vne tres-grande & tres-abondante moisson: Quand le Nauire des Marchands Portugais estant en estat de s'en retourner à Macao, d'où il estoit venu, le Roy nous fit aduertir de nous tenir prests pour partir dans ce mesme Nauire; qui fut vne triste nouuelle pour nous, & vn commandement donné à contre-temps de nos meilleures esperances; mais que nous ne iugeasmes point pouuoir faire changer; veu la difficulté que l'on nous faisoit de nous laisser approcher le Roy, & les mauuais seruices que les Eunuques du Palais nous rendoient aupres de luy, l'ayant toûjours sollicité de ne nous souffrir point dans son Royaume; de crainte qu'ils auoient que le Roy embrassant en fin la Religion Chrestienne, & congediant ses femmes, ils ne fussent aussi cassez de leurs charges, & mis hors du Palais.

Il

Il nous reſta neantmoins apres le mandement qui nous fut apporté de la part du Roy, cinq ou ſix iours deuant noſtre depart, que nous employâmes à ouyr les Confeſſions des Payens, qui venoient à nous auec tant de preſſe, qu'à peine auions-nous la nuict vne heure libre pour prendre quelque repos. Il nous témoignoient tous auec leurs larmes, l'affliction qu'ils auoient de ſe voir encore vne fois abandonnez de noſtre conduitte : mais nous les conſolions comme nous pouuions, ſur l'eſperance de la venuë d'vn autre Nauire Portugais qui leur ameneroit de nos Peres.

Vne choſe y eut-il qui nous mit en quelque ſoucy : Et ce fut que les Catechiſtes meſmes nous donnerent aduis, qu'il y auoit des Chreſtiens qui les preſſoient de ſe marier dans leurs familles, pretendans par l'alliance de ſes perſonnes capables d'inſtruire les autres, & rendre particulier vn bien, qui deuoit eſtre commun à tous les Chreſtiens. Tellement que voulans rõpre ce deſſein qui tendoit à la ruine de la Chreſtienté de ce Royaume, nous trouuâmes vn moyen que nous propoſâmes aux Catechiſtes ; qui fut de les faire obliger par ſerment, qu'ils ne prendroient point femme à mariage, pour le moins iuſqu'à ce qu'ils vint dãs le païs quelques-vns de nos Peres, qui y peuſſent ſoûtenir le party de la Religion, & prendre la charge des Chreſtiens : Ce qu'ils agréérent. De ſorte que le dernier iour que nous diſmes la Meſſe aux Chreſtiens, la Meſſe, & les Communions acheuées, les trois principaux Catechiſtes, François, André & Ignace deuant tous les Chreſtiens, s'eſtans mis à genoux, la main ſur

les

les Saincts Euangiles, prononcerent l'vn apres l'autre leur ſerment qui contenoit trois chefs ; le premier que pour eſtre plus libres à exercer l'office de Catechiſtes. qui leur auoit eſté imposé ; & detachés de tout autre ſoin qui les peuſt détourner de cette fonction, ils ne ſe lieroiét par mariage auec aucune femme, iuſques à la venüe de quelques nouueaux Preſtres qui ſe chargeroient de l'inſtruction des Chreſtiens. Le ſecond, qu'ils n'auroient point de pecule ny de bien propre à eux; mais que les aumoſnes qui leurs ſeroient faittes par les Chreſtiens, ſeroiét gardées en commun: Le troiſiéme qu'ils obeïroient à celuy que nous nommerions pour Superieur, iuſques à la venuë de nos Peres. François commença, & prononça ſon ſerment auec tant de ſentiment de pieté, & d'vn accent ſi ferme, qu'il fit pleurer tous les Chreſtiens. André, & Ignace qui ſuiuirent, témoignerent vne pareille deuotion. Nous leur ioïgniſmes Antoine qui s'eſtoit depuis long-temps dedié à nous ſeruir dans noſtre maiſon, & qui nous auoit fidelement accompagnez par tout, pour leur ſeruir de Coadjuteur aux choſes temporelles, qui fit le meſme ſerment. Et peut-on dire que depuis ce temps-là les Chreſtiens les tinrent au lieu de Peres, & de Maiſtres, & les honnorerent auec toutes ſortes de reſpects : & eux meſmes ſe conſeruerent par leur vertu, & leurs bons exemples, tant de credit dans ceſte nouuelle Egliſe, qu'il ne ſe faiſoit rien que de leur aueu, & par leur authorité. Et il arriua meſme que l'exemple de leur conuerſation, & de leur bonne vie, attira tant de ieunes gens à leur ſuite, pour s'inſtruire au prés d'eux, & pour les ayder aux miniſteres ſpirituels,

tuels, & temporels ; qu'il s'en fit vne Congregation de pres de cent personnes ; qui ayant esté dispersez par le Royaume y ont fait des fruicts inestimables qui durent encor auiourdhuy ; Dieu nous ayant voulu faire connoistre, que son Esprit qui souffle où il luy plaist, se fait des Apostres, & des Ministres de son Euangile, en quelque lieu qu'il se vueille faire adorer. Nous laissasmes des Regles, & vn ordre de leur conduite, qu'ils ont tousiours exactement obserué.

Ces choses ainsi ordonnées nous dismes le dernier adieu à nos Chrestiens, & leur laissâmes tout ce que l'amour que nous auions pour eux, nous suggera de sainctes recommandations. Nous leur demandasmes leurs prieres en lieu de toutes les reconnoissances dont ils se protestoient nos redeuables ; lesquelles ils nous promirent de si bon cœur, que depuis vingt ans ils n'ont iamais cessé tous les jours le matin & le soir, de faire dans leurs maisons des prieres particulieres pour nous, & les jours de Dimanche & de feste, des publiques. Plusieurs d'entr'eux se presenterent pour nous accompagner, ce que nous accordâmes au seul François Catechiste auec lequel nous auions encore à traitter pour le bien de cette Eglise, & à peu d'autres qui nous deuoient conduire par le chemin dans leurs maisons, où ils auoient disposé quelques personnes à receuoir le bapresme.

Nous fusmes arrestez durant nostre voyage en diuers endroits pour y entendre des Confessions, & rendre les assistances, spirituelles dont nous estions requis par les nouueaux Chrestiens. Entre lesquels le deuot Paul Chebo, de qui nous auons parlé autre part,

nous témoigna des sentimens nompareils d'affection, nous ayant logez dans sa maison, où nous baptisâmes beaucoup de personnes; & assigné dans son enclos, pour l'auenir, vn lieu capable pour vne Eglise, & pour vn logement à receuoir les nostres.

Continuant nostre chemin., nous entrâmes par occasion dans vne Ville appellée *Chebich*, située sur la mer, où nous trouuâmes dans la maison de Thomas, & d'Elizabeth, quatre vingts Catechumenes bien instruits, & qui nous attendoient pour receuoir le bapteſme. Et enfin apres auoir laissé par tout où nous peusmes aborder, la consolation, & les aduis que nous iugeasmes propres, nous arriuasmes au port appellé de la Reyne, où le Nauire des Portugais nous attendoit, & où il nous falut encore arrester quelque-temps pour satisfaire à vn nombre de Chrestiens des lieux voisins qui s'y estoient rendus, tant pour la Confession, comme pour le Bapteſme que nous donnâmes à vingt-deux Catechumenes, que le zele, & la pieté de deux Chrestiens nommez Paul, & Antoine, venus là de la Ville Royale, y auoient disposez pour nostre passage. Ce fut encore là qu'estans prests à faire voile, & voulans congedier le bon François qui nous auoit accompagnez depuis *Che ce*, il fut si sensiblement touché au cœur de cét adieu; qu'il sembloit deuoir fondre en larmes, & expirer, de regret à nos pieds. Il nous conjura par tout ce qui est de plus saint, de le mener auec nous à Macao, pour y viure, & mourir en nostre Compagnie: Mais nous luy representâmes le besoin qu'il faisoit à l'Eglise de Tunquin, à laquelle sa presence, & ses soins estoient encore si necessaires, qu'il

qu'il ne pouuoit l'abbandonner ſans offenſer tous ſes deuoirs,& la grace de ſa vocation. Il s'addoucit ſur ce diſcours, & ſur l'aſſeurance que nous luy donnâmes qu'il reuerroit bien-toſt de nos Peres en Tunquin.

Lettre des Chreſtiens de Tunquin, à Noſtre S. Pere le Pape Vrbain VIII.

CHAPITRE XXXVI.

IE rapporteray icy la teneur de la lettre que les nouueaux Chreſtiens de l'Egliſe de Tunquin nous baillerent à noſtre ſortie de la Ville royale, pour la faire tenir à Noſtre S. Pere le Pape Vrbain VIII. ſouuerain Paſteur de l'Egliſe vniuerſelle, écritte en characteres Tunquinois, que nous auions traduite fidelement en Latin ſans y rien changer, & eſt telle.

NOus Tunquinois, tant que nous ſommes de la Secte de Noſtre Seigneur IESVS-CHRIST, *nos teſtes courbées contre terre en action de graces adorons le Seigneur du Ciel, & de la Terre, & prenons la hardieſſe d'addreſſer cette Lettre à voſtre Saincteté, qui tient la place de* IESVS-CHRIST *en terre.*

Voſtre Saincteté par le zele qu'elle a de l'honneur de Dieu, ordonne & enuoye des Preſtres

par tous les Royaumes de la terre, pour les dresser au chemin de la verité. Depuis les premiers Siecles, iusques à ces derniers temps, la lumiere de la vraye Loy n'auoit point éclairé nostre Royaume de Tunquin. En fin en nostre age, nous tres fortunez, auons veu deux Peres de la Compagnie de IESVS, du grand Occident; qui mépriſans les flots épouuantables, & les horribles tempeſtes de la Mer, par des routes tres-difficiles, ont penetré iuſques dans nostre Royaume, & y ont publié la vraye Loy: & par leurs exhortations, & predications ont perſuadé au monde la veneration, & le culte du vray Seigneur du Ciel & de la terre; Dont en ſuite plus de cinq mille des nostres, contens, & volontaires ont obey à la ſaincte Loy; & il y en a encore plus qui ſont diſpoſez à les ſuiure. Et encore que le Roy qui gouuerne ce pays, & quelques-vns de ces Princes (ignorans de la Verité) contrediſent aux Peres, & s'oppoſent opiniâtrement à eux; Neantmoins la Loy qu'ils nous ont preſchee, n'a pas eſté condamnée: Mais pour nous, ſeruiteurs de IESVS-CHRIST, nous perſiſtons, ſans branſler en cette verité, & ſommes reſolus de perſeuerer conſtamment en la Foy que nous auons receue. Et pour renforcer & affermir cette bonne volonté que nous auons

nous

nous oſons addreſſer cette Lettre à Voſtre Sainteté, comme au Pere commun des Fideles, pour implorer pour ce noſtre Royaume vn ſecours fauorable; & la ſupplier de jetter ſur nous les yeux ſurueillans de ſa pieté, & les regards de ſa prouidence Paternelle, qui encores que rudes, & mal polis, proſternez aux pieds ſacrez de voſtre Saincteté, attendons auec grande confiance, & auidité des Docteurs de l'Euangile, afin que par leur celeſte doctrine tous ceux de noſtre pays, grands & petits, quittans leurs erreurs, s'aſſujettiſſent à la vraye Loy, ſe guarantiſſent des tourmens eternels, & jouiſſent en fin de la felicité eternelle.

Nous Iaponois, ſoldats de IESVS-CHRIST, *nos teſtes abaiſſées iuſques à terre, preſentons cette Lettre à voſtre Sainteté, l'an de ſalut* 1640.

Nous enuoyaſmes cettre lettre accompagnée d'vne des noſtres, au R. P. Mutio Vitelleſchi, General de noſtre Compagnie, le priant de la preſenter au Pape de la part des Chreſtiens de Tunquin; ce qu'il fit, comme il nous en aſſeura par vne des ſiennes de l'an 1633. en ces termes. *I'ay preſenté moy meſme à ſa Saincteté la lettre que les Chreſtiens de Tunquin luy ont eſcritte, qui la receuë auec grande demonſtration de joye. Quand nous aurons eû ſa reſponce, nous la ferons tenir en ces quartiers d'Orient; en laquelle le S. Pere fera entendre*

à ſes deuots fideles l'amour, & la bien-veillance particuliere dont il les embraſſe, & les vnit comme Souuerain Paſteur au bercail de l'Egliſe Catholique, &c. Toutesfois la Reſponce dont il eſt icy fait mention, ſi elle a eſté enuoyée, n'eſt point arriuée aux Chreſtiens de Tunquin.

Nos Peres retournent au Royaume de Tunquin.

CHAPITRE XXXVII.

NOſtre retour de Tunquin à Macao fut dans lan 1630. où nous trouuaſmes le P. André Palmier, qui apres auoir fait la viſite de la Miſſion de la Chine, s'eſtoit rendu comme nous au College de Macao ; & qui ayant appris l'eſtat de la miſſion de Tunquin, où tant de bons Chreſtiens eſtoient delaiſſez ſans l'aſſiſtance d'aucun Preſtre, delibera de tenter tout moyen pour renouueller cette miſſion, pendant que les Chreſtiens y retenoient encore leur premiere ferueur. Et parce que le P. Gaſpar d'Amaral qui en eſtoit fraiſchement reuenu auec nous, ſe trouuoit aſsés inſtruit des mœurs, & du genie de ceux de ce païs, il l'y deſtina. Ce bon Pere auoit eu auparauant de grandes inclinations pour trauailler à la miſſion du Iapon, d'où il ſçauoit fort bien la langue, & eſtoit ſouuent entré dans des Vaiſſeaux pour s'y rendre ; mais en vain, ayant toûjours eſté empeſché par quelque ſecret

de la

de la Prouidence de Dieu, qui deſtinoit vn ſi bon Ouurier à la miſſion de Tunquin, à laquelle ayant certainement reconnu qu'il eſtoit appellé de Dieu, il acquieſça de cœur à ſes diuins ordres, & pour s'en rendre plus capable s'addonna entierement à apprendre la langue du païs, iuſques au temps qu'il falut partir. On luy ioignit deux compagnons, le P. Antoine de Fontes Portugais, qui auoit trauaillé ſix ans à la miſſion de la Cocinchine, & ſe trouuoit pour lors renuoyé à Macao, & le P. Antoine Cardin, qui meditoit de paſſer de Tunquin au Royaume de Laos, duquel il auoit appris la langue au Royaume de Siam, qui eſt commune auec celle de Laos, de quoy nous parlerons plus bas.

Le Nauire marchand qui deuoit faire voile en Tunquin ſe trouuant preſt le huictiéme de Feurier de l'an 1631. nos Peres s'y mirent dedans, & apres l'heureuſe nauigation d'vn mois, prirent port dans le Royaume de Tunquin le premier de Mars de la meſme année. Leur arriuée apporta vne ioye inexplicable à tous les Chreſtiens, qui triomphoient d'aiſe de voir reuenus pour leur ſecours, & pour leur conſolation leurs bons Maiſtres qu'ils auoient ſi paſſionnement deſirez. Et nos Peres ne ſentirent gueres moins de ioye, voyant ces bons Chreſtiens eſtre demeurez ſi fermes dans la profeſſion qu'ils auoient embraſsée. Trois choſes principalement leur donnerent grande conſolation; l'vne fut le zele tres-ardent des Catechiſtes, Francois, André, & Ignace, qui dans l'eſpace de dix mois que nous fuſmes abſens du Royaume, auoient parcouru preſque toutes les Prouinces, & y auoient inſtruit, & baptiſé.

3340. Chrestiens ; & qui nonobstant qu'ils eussent limité leur ferment de ne se marier point, iusques à la venuë de nos Peres ; le voulurent étendre iusques à la fin de leur vie ; En quoy ils ont esté depuis suiuis de plusieurs autres, qui se sont dediez à cette mesme fonction. L'autre chose qui les consola grandement, fut la ferueur, & la deuotion des nouueaux Chrestiens, qui dans le temps de nostre absence, se trouuoient auoir basty dans le Royaume vingt Eglises, pour auoir plus de commodité de s'y assembler les Dimanches, & y faire en commun leurs prieres. Et outre cela, l'vnion & la charité qui regnoit entre eux, qui est le Caractere de l'estat du Christianisme, & la vraye marque des Disciples du Sauueur ; d'où venoit qu'ils s'entr'aymoient tous comme freres, & que les riches traittoient humblement sans dedain, & auec vne admirable condescendence auecque les pauures, qu'ils n'eussent pas auparauant daigné regarder. A quoy il faut adjouster vne grande sincerité de mœurs, & pureté de vie, dans l'exacte obseruation des loix du Christianisme : Ce qui fit dire à vn Portugais, apres les auoir bien reconnus dans leur conuersation, qu'on les pouuoit comparer, non seulement aux Chrestiens seculiers d'Europe, qui font profession particuliere de pieté, mais aux Nouices mesmes des Religions les plus reformés. Ce que nos Peres reconnoissoient encore mieux en leurs Confessions, ausquelles ils ne trouuoient point souuent de matiere suffisante d'absolution, tant ils auoient l'ame pure, & la conscience nette de peché. Nos Peres receurent en dernier lieu vne particuliere consolation de la constance que

témoigna

témoigna vn de ces Chreſtiens à ſouffrir de cruels tourments, & la mort pour la confeſſion de la foy. Ce que ie vay raconter au chapitre ſuiuant.

La conſtance d'vn Neophyte à ſouffrir la mort pour maintenir la Foy Chreſtienne, & quelques miracles.

CHAPITRE XXXVIII.

CE Chreſtien eſtoit nommé François, & n'auoit receu la foy, auec le bapteſme, que depuis deux ans: mais il en auoit pris vne ſi profonde teinture, & eſtoit ſi bien imbu de la grace de ſa vocation, qu'on le voyoit inceſſamment occupé aux œuures de charité, & de miſericorde; & principalement à enſeuelir les corps morts qu'il portoit ſouuent ſur ſes épaules pour leur donner ſepulture Cela fut rapporté au frere du Roy, homme farouche, & ennemy du nom Chreſtien, au ſeruice duquel eſtoit François, & l'vn de ceux qui portoient ſa littiere: lequel l'ayant fait appeller, & luy ayant defendu de continuer dans la profeſſion qu'il faiſoit du Chriſtianiſme, & dans ce ſale exercice auquel il s'occupoit, diſant que c'eſtoit choſe meſſeante, & indigne qu'il vint toucher ſa littiere, & ſa chaire apres qu'il auoit manié les corps morts; François luy répondit modeſtement, mais courageuſement, qu'il eſtoit voirement Chreſtien;

& que faiſant profeſſion, comme il faiſoit de la Loy de IESVS-CHRIST, qui eſtoit ſaincte & neceſſaire au ſalut, il ne pouuoit ny y renoncer ſans perfidie & ſans crime ; ny quitter ſans vn lâche meſpris les œuures de pieté, & de charité qu'elle ordonne. Que pour ce qui regardoit ſon ſeruice, il ne manqueroit iamais à aucun de ces deuoirs : Mais auſſi qu'il le prioit de ne trouuer pas mauuais s'il ſe monſtroit fidele à garder la Loy de IESVS-CHRIST qu'il auoit embraſſée, & à la main tenir iuſques au dernier ſoûpir de ſa vie. Cette reſponce n'eſtoit point offenſante ; Et toutefois le Prince ſe piquant de cette liberté, luy commanda ſur le champ de ſortir de ſon Palais, & de ne ſe monſtrer iamais deuant luy. A quoy François obeït auſſi toſt, & quittant le Palais, & le ſeruice du frere du Roy, ſe dedia entierement, & joyeuſement au ſeruice du Roy des Roys dans tous les charitables employs que ſa deuotion peut luy ſuggerer. Dequoy le Prince eſtant aduerty, entra en tel dépit, qu'il le fit de nouueau rappeller, & luy commanda derechef de quitter la Foy & la Loy des Chreſtiens. Ce que le genereux François ayant proteſté ne pouuoir faire ſans ſe ſoüiller d'vn crime inexpiable, & ſans renoncer à ſon propre ſalut; Le Prince enragé de ſe voir deſobey comanda qu'il fuſt fuſtigé, & mis en vne étroitte priſon, où il fut encore cruellement tourmenté aux cuiſſes; & enfin ſe monſtrant toûjours plus conſtant dans les tourmens qu'on luy faiſoit ſouffrir pour luy faire changer de volonté ; il fut decapité par le commandement de ce Tyran. Ce fut la premiere victime de IESVS-CHRIST, qui dedia

l'Egli-

l'Egliſe de Tunquin par ſon ſang, & la premiere fleur que cette nouuelle Chreſtienté preſenta à Dieu ; la quelle parfuma, & réjouyt de ſa bonne odeur tous les fideles de ce païs, & les nouueaux ouuriers qui y venoient d'arriuer, qui conceurent de grandes eſperances des fruicts qu'ils recueilleroient à l'auenir de la ſemence genereuſe de ce premier ſang.

A la conſtance inuincible de ce Neophyte, qui eſt vn argument certain que la foy ſe conſeruoit bien viue dans le cœur des Chreſtiens de Tunquin, ie ioints icy vn autre grand argument de la vigueur de leur foy, qui eſt vne ineſtimable quantité de miracles qui s'eſtoient faits parmy eux, & à leur prieres ; deſquels nos Peres ayans voulu tenir quelque compte, & s'informer de ceux qui s'eſtoient faits en la gueriſon des malades, & en l'expulſion des Demons du corps des poſſedez, il leur fut répondu qu'ils eſtoient innombrables. Ce qu'ils creurent facilement ayant appris qu'vn ſeul Chreſtien d'entr'eux, nommé Pierre, occupé meſme en des charges publiques, auoit par ſes prieres deliuré trente poſſedez du malin eſprit. En la Prouince de *Ghean*, qui a eſté vn theatre de ſemblables merueilles, il en eſt arriué entre autres, vne tout à fait prodigieuſe, qui a mis la Religion Chreſtienne dans vne tres-haute eſtime ; ça eſté en la perſonne d'vne Chreſtienne nommée Maure, qui auoit vn fils (auſſi Chreſtien) nommé Benoiſt, ieune homme grandement deuot ; & qui auoit recherché de ſe ioindre aux Catechiſtes pour mener vne vie Apoſtolique ; mais on auoit iugé que les deuoirs de pieté l'obligeoient de viure auec ſa mere, & de la ſoulager dans ſa pauureté.

Cette bonne mere eſtant tombée dans vne griéue, & longue maladie, en fin elle en mourut: & comme l'on ſe diſpoſoit à faire ſes obſeques, & à la porter en terre, ſon fils Benoiſt touché d'vn grand regret, non tant de ſa mort, que de ce qu'elle eſtoit morte ſans les Sacremens à l'abſence des Peres, ſe mit à genoux, & plein d'vne grande confiance pria tous les Chreſtiens qui eſtoient venus pour aſſiſter aux funerailles de ioindre leurs prieres aux ſiennes, pour obtenir l'effet duquel il eſtoit dans vne ſaincte attente; puis ſe leuant ietta quelques gouttes d'eau benite dans la bouche de la defuncte; & voila ſoudain que Maure reuint en vie au grand eſtonnement de tous les Aſſiſtans Chreſtiens & Payens, qui diuulguerent le miracle dont ils auoient eſté ſpectateurs, par toute la Prouince; d'où pluſieurs accoururent pour voir la reſuſcitée, & en ſuite duquel il ſe fit vn grand nombre de conuerſions.

Et ce n'eſt pas merueille que Dieu opere tant de miracles par les prieres des Chreſtiens qui ſont ſes enfans, veu qu'il en fait encore par l'entremiſe des Catechumenes: comme il eſt arriué à vn d'eux; qui ayant rencontré dans vn bois vn homme demy-mort, & n'ayant point d'eau-benite, de laquelle il ſçauoit que les Chreſtiens ſe ſeruoiét pour donner la ſanté aux malades, meu d'vne grande compaſſion de l'eſtat où il auoit trouué ce pauure homme, il prit de l'eau de la riuiere, & l'ayant benie auec le ſigne de la Croix qu'il auoit appris; & recité ſur elle, l'oraiſon Dominicale, il en guerit ſur le champ le pauure abbandonné, ſur lequel il en auoit verſé quelques gouttes.

Quel

Le Seigneur Arabiles conuertit des Payens.

CHAPITRE XXXIX.

IE mets en premier lieu celle d'vn fameux Enchanteur, & maistre iuré de superstitions, qui ayant eu roûjours l'esprit rebelle contre les veritez de la foy, & de la Religion Chrestienne, sur le bruit qui couroit des merueilles que les Chrestiens operoient en vertu de leurs prieres, prit resolution de s'instruire premierement par soy mesme, qu'est-ce que c'estoit de cette profession; dont ayant rencontré vn Catechisme catholique, comme il se fut mis à l'ouurir pour le lire; voila que les yeux luy enflerent si horriblement auec vne poignante douleur, qu'il fut contraint de quitter le liure, & la lecture. Cestoit vn effet de l'enuie, & de la malice de Sathan qui luy fermoit ces portes par où les lumieres de la verité pouuoient entrer dans son ame; & qui ne se contentant pas de cela, commença à le tourmenter par tout le corps auec beaucoup de cruauté, en vsant ainsi pour étourdir le dessein que cét homme là auoit pris de s'instruire de la Religion Chrestienne, par les douleurs qu'il luy faisoit sentir. Mais en vain, car Dieu faisant interieurement connoistre à cét homme le mauuais estat où il se trouuoit, & qu'il estoit iustement puny pour ses pechez, & pour les iniustes vexations dont il auoit persecuté les Chrestiens, il se resolut d'auoir

recours à la charité de ceux qu'il auoit tant haïs, & de les prier de prendre la peine de venir chez luy, & d'employer leurs prieres pour luy obtenir le pardon de ſes fautes, & la deliurance du cruel ennemy qui le tourmentoit. Ce que les Chreſtiens n'eurent pas plûtoſt fait, & commandé au Diable au nom de IESVS-CHRIST de ſe retirer, qu'il ſortit du corps de cét homme, & le laiſſa en liberté. Mais ce malin eſprit ſoudain s'eſtant ſaiſy de ſa femme qui eſtoit addonnée aux meſmes ſuperſtitions diaboliques, il fut encore contraint de quitter cette poſſeſſion, par le pouuoir que les prieres des Chreſtiens eurent ſur luy. Cependant l'enchanteur n'ayant pas encore receu le bapteſme eſtoit toûjours trauaillé du mal de ſes yeux, iuſques à ce qu'ayant eſté aduerty en ſonge par vne venerable Matrone, d'employer ce ſainct, & ſalutaire remede pour ſa gueriſon, il ſe fit inſtruire, & apres le bapteſme qu'il receut auec ſa femme, & toute ſa famille, il fut entierement guery, & éclairé au corps, & en l'ame; & depuis autant zelé à attirer les payens à la vraye Religion, qu'il l'eſtoit auparauant à les en retirer. Apres cette conuerſion il s'en fit vne autre memorable de l'vn des principaux Seigneurs de la Cour, qui donna vn grand ſujet de ioye à nos nouuellement venus. Ce Seigneur auoit deja eu tés de connoiſſance de la foy, & de la loy des Chreſti s, ayant meſme permis à ſa femme, & à ſa fille qui eſt t mariée auec le plus ieune des freres du Roy, de receuoir le bapteſme, & de viure ſelon les loix du Chriſtianiſme; encore que pour luy il tint bon dans l'erreur, attaché non tant par aucunes perſuaſions, que par

la

la violente affection qu'il portoit à ſes Concubines. Mais Dieu qui le vouloit retirer du malheur où ſa paſſion le tenoit engagé, pour ſauuer ſon eſprit, frappa ſon Corps d'vne griéue, & dangereuſe maladie qui le reduiſit à l'extremité, & donna vne forte pensée à ſa femme qui eſtoit Chreſtienne depuis quatre ans, & auoit receu le nom d'Anne en ſon bapteſme; de repreſenter par cette occaſion à ſon Mary, que puiſque l'on auoit ſi peu d'eſperance de luy ſauuer la vie du corps, il miſt en aſſeurance le ſalut de ſon ame, receuant le bapteſme des Chreſtiens, par le moyen duquel il le pouuoit obtenir; leſquelles paroles auec l'inſpiration de Dieu qui s'y ioignit gracieuſement, frapperent ſi à propos ſon cœur, que non ſeulement il reſolut dés lors de prendre le bapteſme, & auec ce de donner congé à tous les entretiens de ſes folles amours; mais encore fit vœu de baſtir vne belle Egliſe à l'honneur du Dieu qu'il vouloit ſeruir, s'il releuoit de cette maladie. Tout cecy ſe paſſa, ſon gendre, frere du Roy preſent, qui approuua grandement ſa reſolution, & fut temoin du bapteſme qu'il receut ſans beaucoup de delay auquel il fut nommé Ioachin, comme auſſi du meilleur eſtat qui parut auſſi toſt, de ſa ſanté, qui le diſpoſa à vne parfaitte conualeſcence. Cette conuerſion remplit de ioye, & de confiance tous les Chreſtiens, ſe figurans d'auoir acquis vn ſignalé appuy, & vne ferme colonne à la Chreſtienté de Tunquin, principalement dans la Prouince de *Ghean* dans laquelle il eſtoit tout puiſſant.

Comment

Comment les noſtres furent traittez du Roy, iuſques au retour du Nauire des Portugais.

CHAPITRE XI.

LA ſerueur des Payens qui eſtoient touchez de bons ſentimens de la Religion Chreſtienne, & ſe monſtroient fort diſpoſez à receuoir la foy, parut tres-grande durant les deux mois que les noſtres trauaillerent en ce Royaume, qui fut tout le temps que les Marchands Portugais qui les auoient menez, y firent de ſejour, dans lequel plus de mille Catechumenes receurent le bapteſme. A quoy ayda beaucoup l'opinion qu'ils prirent que nos Peres eſtoient agreables au Roy, ſur les temoignages de bien vueillance qu'il leur rendit à leur arriuée en compagnie des Portugais, deſquels il eſperoit receuoir du ſecours en la guerre, qu'il meditoit contre le Roy de la Cociuchine: qui fut la cauſe qu'il leur permit d'abord de preſcher librement la foy Chreſtienne par tout ſon Royaume, & d'y donner le bapteſme à tous ceux qui le demanderoient, pourueu que les Chreſtiens ne briſaſſent point les Idoles qui eſtoient en veneration dans le païs: Mais depuis qu'il euſt bien reconnu, que les Portugais, qui eſtoient tres-fideles, & conſtans en leur amitié ne ſe departiroient point de l'ancienne alliance qu'ils auoient faitte auec le Roy de la Cocinchine, iuſques

à porter

à porter les armes contre luy, il relascha aussi des demonstrations de son affection ; & fit sçauoir aux nostres, que c'estoit sa volonté qu'ils se retirassent à Macao dans le Nauire des Portugais quand il seroit prest à partir. Ce qui troubla toutes leurs ioyes, & fit qu'ils taschierent par tous moiens de faire changer cét ordre. Mais ils ne peurent obtenir autre chose du Roy, sinon qu'vn ou deux pour le plus d'entr'eux pourroit demeurer, à condition qu'ils n'instruiroient personne aux mysteres de nostre Religion.

Le Nauire donques des Portugais party, les deux Peres qui resterent sans perdre courage, prirent resolution de se comporter en sorte enuers le Roy, qu'ils se rendissent agreables à luy; & cependant luy tinsent cachez les soins qu'ils prendroient aupres des Chrestiens. Dont en suite ils s'obligerent tous les jours l'vn ou l'autre de paroistre au Palais parmy les Courtisans, & de se faire voir au Roy; pour luy laisser l'opinion qu'ils ne vaquoient point à l'instruction des Chrestiens ; encor qu'ils ne manquoient point d'ailleurs de leur rendre secrettement toutes les assistances necessaires. Ce qu'ils prattiquerent encore auec plus de commodité à l'arriuée d'vn autre Vaisseau Portugais qui mena deux de nos Peres, P. Hierôme Majorica, & P. Bernardin Regio, tous deux Italiens, & le premier bien intelligent de la langue qu'il auoit apprise durant le sejour de plusieurs années qu'il auoit fait à la Cocinchine : car depuis quelques vns d'eux se monstroient fort assidus au Palais, pendant que les autres trauailloient dans les maisons particulieres où les Chrestiens s'assembloient ; à quoy les payens ne

noient pas garde, non pas meſme quand ils s'aſſembloient dans les Egliſes pour y faire leurs prieres, où nos Péres ſe trouuoient rarement pour ne donner point d'ombrage aux payens.

Si ne peurent-ils pas ſe comporter dans cette retenuë à la feſte de Noël, laquelle ils celebrerent en public auec toute ſorte d'appareil, ayant dreſſé fort proprement vne creche, où eſtoit repreſentée la Naiſſance du Sauueur, & tout autour les autres myſteres de ſon enfance; ce qui n'auoit point encore eſté veu. dont le concours du monde; & des perſonnes de toute condition fut ineſtimable, non ſeulement des Chreſtiens, mais encore des payens, auſquels par occaſion en expliquoit ces myſteres; de ſorte qu'en l'eſpace de ſept mois deuant le depart de ce dernier Nauire, plus de trois mille d'eux furent baptiſez. Et la ferueur des Chreſtiens ne fut pas moindre durant l'octaue de ces feſtes, en laquelle trois de nos Peres furent inceſſamment occupez à entendre leurs Confeſſions, en la plus part deſquelles à peine trouuoient-ils matiere de leur donner l'abſolution, ſi grande eſt la pureté de leur conſcience. Et cependant ils ne s'approchent iamais de ce Sacrement qu'aprés le ieuſne rigoureux d'vn jour, & vne bonne diſcipline qu'ils prennent pour s'exciter à la contrition. Et c'eſt auſſi leur couſtume de ſe donner la diſcipline tous les Vendredys de l'année, en memoire de la paſſion de Noſtre Sauueur; laquelle il n'obmettent iamais, ſe trouuans meſme en voyage, où ſur la mer. Ce qui eſtonna bien vne fois vn Portugais qui faiſoit voyage dans vne meſme barque; auec quelques vns de ces Chreſtiens; car ayant

oüy de nuict le bruit de cette discipline, il estoit rauy que la pluye, ou la gresle tombast en vn temps, & en vn Ciel aussi serain qu'il en eust encor veu : mais ayant connu que c'estoit la gresle des coups que les Chrestiens Tunquinois deschargeoient sur leurs espaules, il ne cessa depuis de loüer par tout les exemples de leur pieté. Mais encore ce qui porte par tout sa douce odeur de leur vertu, c'est l'incomparable vnion d'amour qui est entr'eux, & la charité auec laquelle ils se monstrent officieux, mesme enuers les estrangers, & sur tout enuers les miserables qui ont besoin de leur secours ; voire enuers ceux qui ont esté condamnez par Iustice, lesquels auec la permission des Magistrats ils assistent dans les prisons, les instruisent en la foy Chrestienne, les accompagnent au lieu du supplice, donnent ordre qu'ils ne meurent point sans bapteſme, & leurs rendent les derniers deuoirs auec l'admiration de tous, & auec la mesme liberté qu'on le prattique dans l'estat des Princes Chrestiens ; qui sont toutes actions qui contraignent les plus infidelles de respecter la foy des Chrestiens, quelque haine qu'ils en ayent conceuë.

* * *

Quelques Vierges sont persecutées pour la defense de leur pureté.

CHAPITRE XLI.

CE qui a esté remarqué par quelques Autheurs Ecclesiastiques, que la vie lasciue, & les débauches de l'Empereur Neron, allumerent les premiers feux de la persecution que souffrit l'Eglise naissante dans Rome, a esté verifié en la persecution qu'a soufferte l'Eglise naissante de Tunquin, pour la vie débauchée, sinon du Prince, pour le moins de quelques vns du païs. Vne ieune Chrestienne nommée Darie, qui dans vn corps doüé d'vne singuliere beauté, tenoit cachée vne ame encore plus belle, ayant esté sollicitée par le Seigneur du lieu de sa naissance, à luy seruir de Concubine (ce qui est ordinaire en ces païs) elle qui auoit horreur de cette deshonneste, & infame prattique, & craignoit cependant qu'on luy fist quelque violence, eut recours aux Chrestiens du mesme lieu, pour estre tirée de ce peril de son honneur, & de sa conscience, & mise en lieu de sureté. Ils le firent accortement, & dans vn grand secret. Mais ce Seigneur payen enragé, que la belle proye qu'il pourchassoit luy fust échappée, s'addressa aux Chrestiens ses sujects, à qui il s'estoit ombragé que Daric auoit communiqué le dessein de sa fuite, & leur commanda imperieusement de la trouuer la part où

elle

elle s'eſtoit retirée, & de la luy amener ſous peine de ſa diſgrace. A quoy, eux tous, ſoixante qu'ils eſtoient en nombre, ayans courageuſement reſpondu, que la loy Chreſtienne ne permettoit point à Darie de ſeruir de Concubine, ny à eux de la liurer à cette fin, quand ils ſçauroient où elle eſtoit: ce tyran impie entrant en fureur de la liberté de cette reſponſe, apres auoir deſchargé ſur eux la premiere eſcume de ſa cholere, par toute ſorte de menaces, & de reproches outrageux, les abandonna à la licence de ſes ſoldats, pour exercer ſur leurs perſonnes, & ſur leurs biens toutes les violences dont ils ſe pourroient auiſer. Leſquels obeïſſans à ce cruel, & injuſte commandement, ne ſe contenterent pas de piller leurs maiſons, & de rauir les biens qui furent expoſez à leur proye; mais ils en battirent encore cruellement quelques-vns, denonçans à tous de la part du Seigneur du lieu, de quitter la nouuelle Religion qu'ils auoient embraſſée, & de ſacrifier aux Idoles; ſouz peine aux hommes d'eſtre iettez dans les priſons du Prince, pour eſtre punys comme il ſeroit iugé, & aux femmes d'eſtre noyées dans la riuiere. Sur laquelle ſentence eſtant entrez en conſultation de ce qu'ils auoient à faire, apres auoir ſainctement iuré, & promis à Dieu, de n'abbandonner iamais la foy de IESVS-CHRIST quand il faudroit perdre les biens, & la vie pour vn ſi glorieux ſujet; ils delibererent de quitter leurs maiſons; & tout ce qu'ils poſſedoient en ce lieu; & de ſe retirer ſecrettement dans la Ville Royale, où ils ſeroient plus difficilement reconnus parmy vn ſi grand nombre de peuple qui l'habite. Ce qu'ils executerent

terent d'vn grand courage, & y eſtant entrez furent recueillys dans la maiſon d'vn bon, & charitable Chreſtien qui leur donna le couuert, d'où ils écriuirent vne lettre à nos Peres, en laquelle ils leur declaroient le ſujet de leur retraitte, les priant de les venir entendre en confeſſion, deuant qu'ils ſe ſeparaſſent pour fuir la perſecution du Tyran. Nos Peres les viſiterent dans cette maiſon, & furent rauis de l'aiſe qu'ils témoignerent d'auoir eu l'honneur de ſouffrir quelques pertes pour la pieté, & pour la gloire de la Religion qu'ils preferoient à tout l'Empire de la Fortune. Cette genereuſe reſolution leur attira les charitez des Chreſtiens de la Ville, & toucha le cœur d'vne Dame de qualité qui retira Darie, & mit ces bons Chreſtiens à couuert de la vexation, & de l'iniure qu'ils ſouffroient.

Vne autre ieune fille Chreſtienne nommée Pie, ſe rencontra dans vn pareil combat pour ſa pureté, mais qui luy fut d'autant plus glorieux qu'elle eſtoit dans vn plus violent danger de la perdre. Elle auoit receu la foy, & le bapteſme à l'inſceu de ſes parens qui eſtoient payens, & du Gentil-homme meſme qui l'auoit éleuée dés ſon enfance dans ſa maiſon pour luy ſeruir auec le temps de Concubine : Et dans les inſtructions qu'elle auoit priſe de la ſainteté du Chriſtianiſme, elle auoit conceu d'extremes amours pour la pureté de ſon corps, & de ſa conſcience. Ce qui luy fit rejetter toutes les des-honneſtes propoſitions de ſon nourriſſier, & les indignes perſuaſions auec leſquelles ſes parens entreprirent de la vaincre, & de la porter à donner cét infame conſentement. Le Gentil-homme

eſt-homme piqué de ſe voir ainſi rebutté, & trompé de ſon attente, apres s'eſtre beaucoup trauaillé, mais en vain; tantoſt par promeſſes, & par flatteries, & tantoſt par menaces à luy faire quitter la foy qu'elle auoit embraſsée à ſon deſceu, laquelle il iugeoit bien la tenir dans l'humeur, & la reſolution où il la voyoit eſtre, l'outragea de ſoufflets, la battit, & la foüetta ſi cruellement par pluſieurs fois qu'elle fut contrainte de tenir le lict, affoiblie des coups, & du mauuais traittement qu'elle auoit receu, mais toûjours plus forte, & plus ferme de reſolution. Dont le Gentil homme entra en telle rage, voyant qu'il n'auoit rien gagné aupres d'elle, que changeant ſon amour en haine, il ſe reſolut de la faire mourir: Dequoy elle ayant eu quelque connoiſſance ſe dérobba ſecrettement du logis de ce Tygre, & ſe retira chez vne deuote Chreſtienne femme d'âge, nommée Françoiſe, qui luy ſauua l'honneur, & la vie.

Ie pourrois fournir icy vn nombre de pareils exemples de courage, que les nouueaux Chreſtiens témoignent tous les iours, pour défendre l'honneur de la vertu, & de la Religion de laquelle ils font profeſſion. Ie ne puis taire la conſtance d'vn ieune garçon nommé Ignace, qui s'eſtant fait Chreſtien contre le gré, & la volonté de ſes Parens qui eſtoient payens, ſouffrit d'eux la plus dure perſecution qui ſoit imaginable, pour renier ſa Foy, mais qu'il conſerua malgré les rigueurs qu'ils luy tinrent, en vn âge qui ne pouuoit auoir de reſolution pour vn ſujet ſi éloigné des ſentimens de la nature, ſinon celle qui luy venoit du Ciel. Ils prirent vne particuliere occaſion de renouueller

leur

leur perſecution au temps du Careſme, auquel le ieune garçon voulant s'abſtenir des viandes que la loy, & la couſtume des Chreſtiens defend, & eux ayans inutilement employé toutes ſortes de raiſons, & d'artifices pour luy en faire manger; ils en vinrent enfin aux menaces, & aux coups, iuſques à le battre cruellement, & à l'enſanglanter de verges. Auec quoy voyans qu'ils ne gaignoient rien ſur ſa reſolution, ils luy oſterent les bons accouſtremens donc il eſtoit veſtu, & luy en donnerent de vils, & tout déchirez: & non contens de cette rigueur, ayans publié vne abdication ſolennelle par laquelle ils le deſauoüoient pour leur enfant, ils le chaſſerent de leur maiſon, & l'expoſerent à la commune du lieu, pour receuoir vne confuſion publique de tous les habitans, qui s'eſtans bandez contre luy trauaillerent beaucoup à luy perſuader d'obeyr à la volonté de ſes parens, & de ſuiure leur Religion: Mais reconnoiſſans qu'ils parloient à vne roche, & qu'ils perdoient aupres de luy leurs paroles, & leur temps, ils le chaſſerent honteuſement par les eſpaules de leur Bourg: Et luy glorieux de ce que Dieu luy reſtoit pour Pere, & le Ciel pour patrie, qu'on ne luy auoit pû oſter; ſe retira chez nous à *Che*, s'offrant de nous ſeruir de valet, ſans demander autre loyer que la grace de ſeruir Dieu en liberté dans noſtre maiſon.

Les

Les noſtres eſſayent d'entrer de Tunquin dans le Royaume de Laos.

CHAPITRE XLII

LA Religion Catholique faiſoit vn tel progrez dans le Royaume de Tunquin, que l'eſtime, & la reputation de la vertu des Chreſtiens de ce païs en eſtoit deuenuë comme publique aux Royaumes eſtrangers. Ce fut auſſi ce qui rendit curieux vn Ambaſſadeur du Roy de Laos qui ſe trouuoit alors à la Cour de Tunquin, de s'informer de cette Loy, & d'en prendre des inſtructions particulieres par la conuerſation meſme qu'il prattiqua auecque les noſtres, en laquelle il fut tellement gaigné qu'il leur fit offre de les conduire à ſon retour au Royaume de Laos. Toutefois le P. Gaſpar d'Amaral qui auoit alors charge de cette Miſſion, ne iugea pas qu'il faluſt ſe ſeruir des amiables offres de cét Ambaſſadeur, auant que de ſçauoir l'aggréement du Roy, & d'auoir quelque plus expreſſe declaration de ſon conſentement. Il écriuit donc vne lettre au Roy en l'an 1634. par laquelle il luy demandoit permiſſion d'aller en ſon Royaume annoncer à ſes ſujets la Loy, & l'Euangile de IESVS-CHRIST. Ayant neanmoins trouué bon, que deux Chreſtiens Tunquinois bien inſtruits, Iean & Thomas y allaſſent en compagnie de l'Ambaſſadeur, & portaſſent au Roy vne belle peinture du Sauueur en

preſent, & en gage des bonnes volontez de nos Peres. Le Roy receut la lettre, & le preſent auec grand témoignage d'affection; & rendit à l'Image du Sauueur (qu'il expoſa en veuë des Seigneurs de ſa Cour) toute ſorte d'honneur, & de reſpects religieux. Et ne ſe contentant pas de cela, de l'aduis des meſmes Seigneurs, il fit ſçauoir par lettre audit P. d'Amaral, la ſatisfaction qu'il auroit s'il vouloit prendre la peine de venir en ſon Royaume, & d'y publier la ſaincte Loy; ayant voulu que ſon Ambaſſadeur meſme fuſt le porteur de cette lettre; lequel retourna en Tunquin en compagnie de Thomas (Iean ayant eſté retenu aupres du Roy) auec ordre que ſi le Pere ſe diſpoſoit à partir, Thomas reuint, vn, ou deux iours deuant luy pour en donner aduis, afin qu'il fuſt receu auec honneur entrant dans ſa Ville.

Ceſtoit merueille de la grande diſpoſition qu'euſt alors trouuée l'Euangile dans tout ce Royaume, où les principaux meſme de la Cour ſur les diſcours de nos myſteres qu'ils auoient entendus aux entretiens familiers de Thomas, auoient déja témoigné d'entieres volontez d'embraſſer noſtre Religion, & de receuoir le bapteſme à la venuë du Pere. Toutefois le Pere d'Amaral, quelque grand deſir qu'il eût de s'y tranſporter, en fut alors retenu, pour trois raiſons. La premiere, qu'ayant pris la charge de la miſſion de Tunquin; il ne pouuoit la quitter ſans l'auoir communiqué auec ſes Superieurs, qui pouuoient mettre quelqu'autre à ſa place. L'autre, qu'il ſe trouuoit grandement affoibly, & épuiſé de forces, pour les penibles, & rudes fatigues qu'il auoit priſes en cette

miſſion

mission, où le P. Bernardin Regio son compagnon, estoit naguere mort, consumé des grands, & continuels trauaux qu'il auoit pris à satisfaire à la deuotion des Chrestiens. Et il voyoit apres tout vn grand empeschement d'entreprendre si tost ceste nouuelle mission, pour la disette des ouuriers, qui ne pouuoient pas mesme suffire aux grandes, & nouuelles dispositions qui s'ouuroient tous les jours dans le Royaume de Tunquin. Il s'excusa donc enuers le Roy sur sa maladie, s'il n'obeissoit pas pour lors à ses commandemens; le suppliant de luy conseruer ses bonnes volontez pour la prochaine année, en laquelle il esperoit d'auoir recouuert sa santé & ses forces, pour luy aller rendre son obeïssance, & ses seruices; ioignant à sa lettre vn nouueau present de deuotion pour adoucir son esprit, & luy faire mieux agréer son excuse.

Cependant le P. d'Amaral tint aduerty de tout cecy le P. Emanuel Dias, qui auoit succedé en la charge de Visiteur au P. André Palmier decedé, & qui auoit vn grand zele pour secourir de bons ouuriers ces nouuelles missions, ayant mesme depuis peu enuoyé en Tunquin le P. Felix Morelli Romain; au commencement de l'année 1637. Lequel ayant esté instruit de nouueau de tout ce qui se passoit, destina deux bons ouuriers pour les missions de Tunquin; & de Laos, qu'il tira du College de Macao, & les choisit entre plusieurs qui se presentoient, le P. Iean Baptiste Bonel Italien, qui y auoit la charge de Recteur; & P. Raymond de Gouea Aragonois, qui y faisoit l'office de Prefect des estudes: Ausquels il adjousta le P.

Martin Coellio Portugais, tous trois pleins de courage pour trauailler en ces miſſions, & y conſumer leurs vies au ſeruice de Dieu, & de ſon Egliſe.

Le Voyage du Royaume de Laos, malheureux du coſté de Tunquin, reuſſit d'autre part

CHAPITRE XLIII.

LE P. Iean Baptiſte Bonel eſtant party pour la Miſſion de Tunquin, de laquelle il fut nommé Viſiteur, touché d'vn tres-ardent zele de ſecourir ces pauures Nations abbandonnées d'aſſiſtances ſpirituelles pour leur ſalut, ſe dedia courageuſement apres quelques mois de ſejour qu'il fit dans le Royaume de Tunquin, pour aller commencer la Miſſion de Laos, & inſtruire ces peuples, qu'il auoit appris eſtre fort ſuſceptibles des myſteres du Chriſtianiſme. Il n'eſtoit lors aagé que de cinquante trois ans, encore qu'il euſt le corps aſſez vſé des trauaux paſſez; mais auec le courage qu'il auoit plus grand que ſes forces, il entreprit de faire ce voyage par terre, auec André le Catechiſte, qu'il choiſit pour l'accompagner, comme eſtant vn ouurier tres-zelé, & infatigable à la peine; auquel ſe ioignirent quelques autres ieunes Catechiſtes, auec Thomas qui auoit eu déja quelque connoiſſance de ce païs. Ils ſe mirent en chemin au commencement du mois d'Octobre de l'année

1638. qu'ils continuerent quelque temps, non sans beaucoup de peine, mais auec des consolations qui faisoient sentir à leur ame, qu'il y a des plaisirs mesme dans les souffrances; & qu'il n'est rien de terrible à ceux qui esperent en Dieu, & qui sont touchez du zele de sa gloire. Toutesfois deuant que le mois fust acheué, se trouuans sur les montagnes de la vaste solitude, qui separe le Royaume de Tunquin de celuy de Laos, dans des chemins qui d'eux mesmes faisoient horreur, ils commencerent à estre penetrez d'vn froid si rigoureux (principalement les nuicts, qui estoient extremement froides, n'ayans pas porté dequoy se couurir) que leurs corps en demeurerent tous gelez, & comme stupides. Le P. Bonel en fut le premier saisy auec plus de violence, à qui les forces, & la chaleur des esprits glacez de froid, ayant entierement defailly, & voyant cependant qu'il n'estoit encore arriué qu'à la moitié du chemin, dans le sentiment que Dieu luy donna que son heure estoit arriuée, il se prepara franchement, & auec vne grande douceur d'esprit à la mort; l'agreant & l'embrassant toute telle qu'elle luy estoit presentée de la main de Dieu aussi ioyeux de mourir sur les rochers, & sur vn lict de glace, que sur vn lict de fleurs. Dont apres auoir remarqué de sa main quelques poincts qui appartenoient à son office, il conjura André (qu'il nomma Superieur des autres, & de la mission) de prendre courage, & de continuer le voyage qu'ils auoient entrepris pour la gloire de Dieu, & sous les auspices du grand Redempteur, qui ne les abandonneroit point de son secours, au dessein qu'ils auoient pris de pu-

blier sa Loy;& son Euangile. Ainsi les ayant animez, & consolez comme il peut, la chaleur luy manquant, il rendit deuotement & sans effort son esprit à Dieu, le quatriéme de Nouembre, iour dedié à Sainct Charles Borrhomée, à qui il auoit vne particuliere deuotion.

Le Catechiste André obeïssant au commandement du Pere, poursuiuit le voyage auec ses compagnons, auec lesquels il arriua enfin apres beaucoup de peines, & de grandes difficultez de la saison, & des chemins, au Royaume de Laos. Où ils commencerent tous auec vne grande ferueur d'esprit, à publier la saincte Doctrine, & la Loy de IESVS-CHRIST qu'ils auoient apprise à Tunquin: Mais le Roy, & les principaux de la Cour, considerans plus les personnes qui parloient, que les paroles qu'ils disoient, se dedaignoient de les écouter; adjoustans que cettoit de mauuaise grace, que ceux là leur decriassent le culte des Idoles, qui le leur auoient enseigné (car c'estoit du Royaume de Tunquin que l'Idolatrie estoit entrée par communication de voisinage, dans celuy de Laos.) Que s'ils vouloient, que l'on adjoustast foy à leurs paroles, ils deuoient amener auec eux quelqu'vn des Peres d'Europe qui leur auoit esté promis, à qui ils donneroient creance. Ces bons Catechistes leur respondoient qu'ils l'auoient amené & qu'il estoit mort de froid par le chemin; mais cela ne les contentoit point, & ils faisoient toûjours instance qu'ils vouloient voir quelcun des Peres d'Occident, aux paroles de qui ils vouloient deferer leurs aueus; & leur obeïssance. Ainsi les Catechistes Tunquinois ayans attendu en vain

tout

tout vn an, que quelques Peres de la miſſion de Tunquin les vinſſent ſecourir (ce qui ne fut pas à leur pouuoir pour la diſette des perſonnes qui ne pouuoient quitter l'employ qu'ils auoient) ils conclurent de s'en retourner. Mais à leur retour, le bon André, ouurier tres-precieux, & d'vn zele incomparable, à qui l'Egliſe de Tunquin eſt redeuable de la conuerſion d'vn millier de perſonnes, mourut de faſcherie, & de peine, & auec luy Hierôme, ieune homme de grande eſperance : Dieu le voulant ainſi ; que le ſuccez de cette miſſion quoy qu'entrepriſe auec des ſainctes intentions, ne reuſſiſt point alors, comme on l'auoit attendu.

Il en auoit reſerué la gloire, & le merite au P. Iean Marie Leria, qui apres auoir eſté chaſſé de la Cochine, où il trauailloit ardemment à la gloire de Dieu, & au ſalut des ames, ayant propoſé à l'auidité de ſon zele la conqueſte du Royaume de Laos, il eſſaya d'y paſſer par le Royaume de Syam ; mais ayant rencontré par cette voye des obſtacles à ſon entrepriſe, il trouua enfin l'entrée fauorable par le fleuue Camboza, ſe iette dans la mer ; & s'y rendit heureuſement, zez, qui deſcendu des montagnes de Laos, par Camaccompagné de quelques Catechiſtes Cochinchinois qu'il auoit menez pour luy ſeruir d'aydes. Et Dieu a tellement beny ſon deſſein, & ſes peines, qu'eſtant entré bien auant dans les bonnes graces du Roy, & des principaux Seigneurs de la Cour, par le moyen de quelques preſens de deuotion qu'il leur a faits, & des Mathematiques auſquelles il eſt fort bien verſé, il trauaille heureuſement auiourd'huy à leur conuerſion ;

vn grand nombre des peuples de ce Royaume ayant déja receu le bapteſme;& embraſſé la Foy Chreſtienne, auec eſperance que la reduction des peuples de cette contrée ira touſiours croiſſant, & que la Foy y ſera vn iour en ſon regne, & la Croix auec l'Euangile du Sauueur par tout adorée.

Vne perſecution ſuſcitée par l'entremiſe des Chinois ſe conuertit à leur confuſion, & à la gloire des Chreſtiens de Tunquin.

CHAPITRE XLIV.

PEndant que le P. d'Amaral fut rappellé à Macao par ordre de ſes Superieurs pour s'y remettre des langueurs, & des longues infirmitez qui le flettriſſoient en la miſſion de Tunquin, qu'il gouuernoit, & reparer ſa ſanté: qui eſtoit ſi vtile à ces peuples. Les Chreſtiens de la Prouince de *Ghean*, ſouffrirent vne perſecution, de laquelle Dieu qui moiſſonne où il n'a pas ſemé, recueillit ſa gloire, & les fideles de la conſolation auec du merite. En cette Prouince les Chreſtiens qui y eſtoient en aſſez grand nombre auoient bâty vne belle Egliſe en la Ville de *Rum*, où ils faiſoient leurs aſſemblées, & où eſtoïent attirez tous les jours des Infideles qui ſe rangeoient au party de la Foy. Ce que les Idolatres ne pouuans ſupporter, & n'oſans

n'osans par eux mesmes venir aux effets de violence que leur suggeroit leur enuie, & leur rage, ils suscitèrent certains Marchands Chinois Idolatres qui trafiquoient à leur port, pour attenter (comme ils firent) aux personnes des Chrestiens, & au lieu dedié à leurs deuotions. Ce fut vn jour qu'ils estoient assemblez dans l'Eglise, où le P. Hierôme Majorica les instruisoit à la Foy, & à la Pieté Chrestienne selon sa coustume; & où cinquante Chinois estant entrez de furie & auec armes, blesserent, non seulement quelques Chrestiens, mais encore le P. Hierôme, lequel l'vn d'eux frappa de quelque coups de marteau sur les espaules. Ce que l'vn de nos domestiques n'ayant pû souffrir, à l'exemple de Sainct Pierre qui entreprit de vanger son maistre, rendit le coup à ce sacrilegue Chinois, & tous les Chrestiens s'animans à repousser cette violence, contraignirent les Chinois de sortir de l'Eglise. Mais il arriua que le lendemain les Chinois rapporterent le corps mort de celuy qui auoit frappé le P. Hierôme, & auoit esté refrappé de nostre domestique; & à mesme temps firent plainte criminelle au Magistrat de l'homicide commis par les Chrestiens: lequel estant mal affectionné à nostre Religion mit en prison le P. Hierôme qui auoit esté grieuement blessé, auec quelques Chrestiens. Et la chose alla si auant que le Pere fut traduit à la Cour, pour estre iugé deuant le Roy. Mais le Roy ayant pris connoissance de cette cause, & reconnu l'accusation, friuole, & frauduleuse des Chinois, leur imposa silence, & declara le Pere innocent. Cependant neantmoins que le procés criminel du Pere estoit examiné à la Cour,

les Payens prenans auantage du trouble des Neophytes, demolirent leur Egliſe, & continuerent de leur faire de mauuais traittemens, iuſques à ce que le retour du P. Hierôme dans la Prouince rapportant du iugement du Roy vne declaration glorieuſe de ſon innocence; abbattit l'humeur inſolente de ces Idolatres, & redonna vne pleine paix aux Chreſtiens. Et il arriua que non ſeulement les Chreſtiens rendirent de grands témoignages de ioye pour ſon retour; mais encore le premier Magiſtrat de la Ville, qui ayant eſté bien informé de ſon innocence, luy fit compliment à ſon entrée, l'inuita chez luy à diſner, luy donna toute liberté de traitter auec les Chreſtiens, & commanda que l'Egliſe fuſt rebaſtie en la forme qu'elle eſtoit auparauant. Tellement que la ſerenité ayant ſuccedé à l'orage ſuſcité par les Chinois, qui auoit interrompu le progrés du Chriſtianiſme en cette Prouince, l'on y compta dans la ſeule année 1639. qui ſuiuit, iuſqu'à deux mille quatre cents ſoixante & douze payens conuertys, & baptiſez de la main du Pere. Et ce fut encore vn nouueau ſujet de ioye, & de conſolation aux Chreſtiens, quand à l'arriuée d'vn autre Nauire Chinois en cette Prouince, ils virent dans leur Egliſe renouuellée deuant l'image du Sauueur, le Capitaine du Vaiſſeau fort affectionné aux Chreſtiens, auec ſa ſuite, faire amende honnorable à genoux pour ceux de ſa nation, & faire au Pere des preſens qu'il auoit apportez de la Chine.

Encore ne dois-je pas icy obmettre la iuſte vengeance que Dieu tira des Chinois ſacrilegues, qui firent dans l'Egliſe l'inſolent attentat dont nous auons parlé,

y adjouſtans des mocqueries des choſes ſainctes, & s'eſtans reueſtus par deriſion des habits ſacerdotaux. Car ayans ſceu que le Roy de Tunquin les vouloit punir de leur inſolence, ils ſe ioignirent à quelques Marchands Hollandois, auec leſquels ils s'accorderent de paſſer au Iapon: Et comme la malice des meſchans monte toûjours aux excez, il arriua qu'ils exercerent enuers eux durant le voyage vne ſi noire perfidie, que les ayant vn iour veus pris du vin qu'ils auoient beu trop largement, ils les tuerent tous, & ſe ſaiſirent de toute la ſoye dont leur Nauire eſtoit chargé: de laquelle ayant fait trois portions, qu'ils mirent dans trois autres Vaiſſeaux pour n'eſtre reconnus; l'vn d'eux ayant abordé à vn port de la Chine, y fut pris, & confiſqué par les Gouuerneurs de la Prouince: l'autre ayant tiré vers la Cocinchine, y fut auſſi retenu, & les Marchands punys pour eſtre venus d'vne terre ennemie. Le troiſieme enfin ayant pris la route du Royaume de Camboya, & les Officiers du Roy ayant reconnu ſur les balles la marque des Hollandois, les Marchands Chinois furent appliquez à la queſtion, & ſur la confeſſion de leur crime chaſtiez de mort. Ainſi la Iuſtice de Dieu qui veille ſur les crimes pour ne les laiſſer impunys, attrapa tous ces ſacrilegues en leur fuite; & les attacha à la peine qu'ils auoient meritée.

Les grands progrez de la Chrestiente de Tunquin; & la perte de quelques ouuriers qui y succomberent au trauail.

CHAPITRE XLV.

QVelque oppolition que l'Enfer, & la terre ayent pû apporter à la conuersion de ces peuples, les graces de Dieu au contraire ont esté si puissantes que le nombre des Chrestiens est notablement accreu, dans tout le Royaume de Tunquin; de sorte qu'en l'année 1639. nous y comptions quatre vingts deux mille & cinq cens Chrestiens; & en cette seule année, douze mille deux cents trente qui estoient entrés dans le sein de l'Eglise, sans y comprendre ceux qui auoient esté baptisez en la Prouince de *Bochin*. Il y auoit plus de cent grandes Eglises basties en diuers lieux; où les Chrestiens s'assembloient pour receuoir les Sacremens, & entendre la parole de Dieu, quand nos Peres les visitoient, & six vingts plus petites pour faire les prieres, les festes, & Dimanches; outre vn tres-grand nombre d'Oratoires dans les maisons des particuliers. Dans la seule Prouince de *Ghean*, soixante dix Bourgades auoient déja receu la Foy: Et ce qui est merueilleux, & qui ne peut estre qu'vn effet de la grace abondante du S. Esprit, qui se veut consacrer parmy ces peuples des Temples viuans.

il n'y auoit pas vne de ces Bourgades, où il n'y euſt des garçons, & des filles qui auoient fait vœu à Dieu de perpetuelle Chaſteté. Il y a eu de ieunes mariez qui ont fait ce vœu au premier iour de leurs nopces. Quelques autres qui auoient veſcu quelques années dans le mariage, ont temoigné de grands regrets de n'auoir pas eu plûtoſt connoiſſance de la Foy, & de la beauté de cette vertu, pour en faire profeſſion en leurs ieunes ans. Les ieunes veuues y font communement vœu de continence. Et les exemples y ſont frequens de ieunes gens de l'vn, & de l'autre ſexe, qui ont beaucoup ſouffert des eſtrangers pour la deffence de leur pureté, & de leurs parens meſme, pour la conſeruer hors du mariage. On ſeroit en peine de trouuer aucun Royaume de ceux qui ont nouuellement embraſſé la Foy Chreſtienne, où l'amour de la chaſteté ayt eſtably vn empire plus abſolu dans le cœur des Fideles.

Mais cependant que l'Egliſe de Tunquin s'accroiſſoit ſi notablement, en nombre de fideles, & en ſainſteté de mœurs; les grands trauaux qui accablerent alors le peu d'ouuriers qui s'y trouuoit, en diminuerét encore le nombre: quelques vns eſtant tombez dans des langueurs qui les ont rendus inutiles, & d'autres morts dans l'exercice de leurs peines. Depuis que le P. Damaral ſe fut retiré à Macao, épuiſé des fatigues de cette Miſſion, le P. Emanuel Dias Viſiteur, y auoit enuoyé deux ouuriers au ſecours, le P. Baltazar Caldeira de la premiere Nobleſſe de Portugal, & le P. Joſeph Mauro Italien de nation. A peine y furent-ils arriuez que la Prouince de *Thinhoa*, où le nombre des

Chreſtiens

Chrestiens est tres-grand, échieut en partage aux soins du P. Ioseph ; où comme il estoit homme de grand zele, & d'vn naturel tres-feruent, il s'employa d'abord dans toutes les fonctions de son Ministere, à entendre les confessions, à prescher, à catechiser, & à donner le bapteſme aux enfans,& aux Catechumenes, auec tant d'assiduité, & sans donner presque iamais aucun relasche à son corps, qu'il en prit deuant la fin de l'année vne fieure aiguë, qu'il sentit incontinent estre la messagere de sa derniere heure;dont il en dóna soudain aduis au P. Baltazar,qui par bonne rencontre se trouuoit alors en vn Bourg qui n'estoit pas beaucoup éloigné de luy, & qui estant aussi-tost accouru pour l'assister, nonobstant la grosse pluye pour laquelle on l'auoit voulu arrester,à peine eut-il entendu sa confession, que l'ardeur de la fieure le jetta dans la resuerie, & luy osta bien tost apres la vie mortelle, pour luy donner(comme nous esperons)l'immortelle, n'estant encore aagé que de trente & vn an. Ce fut aussi ce qui le fit grandement regretter, non seulement aux Chrestiens de cette Prouince, pour auoir esté si-tost priuez des charitables aydes de son zele; mais encore à tous ceux qui connoissoient les excellentes qualitez d'esprit, & de vertu dont il estoit doüé, auec lesquelles il pouuoit rendre de grands seruices au public.

Le P. Antoine Barbosa ne receut gueres meilleur traittement des peines qu'il prit en cette Mission, car aprés y auoir trauaillé quatre où cinq ans de grand courage, & par dessus ses forces, il fut enfin accueilly d'vne fieure lente, qui flétrit toute la vigueur de son corps,

corps, ſans diminuer pourtant celle de ſon eſprit, qui le faiſoit tenir ſans relaſche à tous les employs laborieux auſquels il s'eſtoit auparauant occupé, qu'il ne vouloit quitter qu'auecque la vie. Ses Superieurs neantmoins eurent le pouuoir de le retirer de la Miſſion, & des ſujets qui l'attachoient à la peine, pour eſſayer de le guerir dans vn autre air, & dans le repos; mais quelques remedes que l'on apportaſt pour ſa gueriſon, la fieure continuant à rauager le reſte de ſes forces, termina dans peu d'années les merites d'vne vie qui auoit eſté vsée à la gloire de Dieu, & à l'vtilité publique; & commença les recompenſes dont ſon ame alla iouïr au Ciel.

L'heureuſe, & pieuſe mort de quelques Neophytes.

CHAPITRE XLVI.

TE commenceray ce recit par la mort violente que la cruauté d'vn Gouuerneur, gendre du Roy, a fait ſouffrir au Catechiſte Iean, en la Prouince de *Bochin*, où cet ouurier infatigable auoit trauaillé ſept ou huict ans, auec des profits ineſtimables des peuples qui auoient rendu ſes peines precieuſes deuant Dieu, & deuant les hommes. Il auoit receu de Dieu vn don des gueriſons, qui rendoit ſa vertu, & ſa perſonne venerable à vn chacun; & il n'eſtoit pas iuſques aux Infideles, & au Gouuerneur meſme, quoy

que

que payen qui en auoit éprouué les effets en sa personne, qui ne luy rendissent des honneurs, & ne recherchassent son amitié. Cela fut cause qu'vne des Concubines du Gouuerneur, pour laquelle il auoit de tres-grandes passions, & qui s'estoit neantmoins déclarée ennemie des Chrestiens, & de la loy Chrestiénne, estant tombée en vne griéue maladie; le Gouuerneur qui l'aymoit cherement, enuoya querir Iean, pour la guerir, comme il l'esperoit, par ses prieres. Mais le bon seruiteur de Dieu s'estant formé ignorammẽt la conscience, qu'il ne pouuoit point employer à cette occasion la grace que Dieu luy auoit faitte, en faueur d'vne meschante femme, ennemie de IESVS-CHRIST, & qui blasphemoit outrageusement sa Loy, & son nom, refusa constamment d'aller à elle; & nonobstant qu'il fust appellé plusieurs fois, & pressé instamment, voire auecque menaces, s'il n'obeissoit au commandement qui luy estoit fait; il protesta toûjours qu'il souffriroit plus volontiers la mort, que de faire l'action que le Gouuerneur luy commandoit, & que Dieu luy defendoit. Surquoy le Gouuerneur entrant en haute fureur, commanda à sept de ses soldats de le tirer à la campagne, & là de le tuer à coups de lances. Ce qu'ils executerent cruellement sur cét homme de bien, qui rẽdouta moins la mort, que le peché qu'il croyoit commettre, s'il eust ployé la conscience qu'il s'estoit formée, aux volontez du Gouuerneur. Dieu aussi ne tarda pas de prendre la cause de cet innocent, & de vanger l'excez commis sur sa personne, ayant fait tomber la femme, & les enfans du Gouuerneur entre les mains du Roy

de la

de la Cochinchine, qui les enleua prisonniers, en vne course qu'il fit sur la Prouince où commandoit ce Gouuerneur: & luy mesme ayant esté arresté dans les prisons du Roy de Tunquin, vers qui il s'estoit refugié, sur quelques crimes d'estat dont il fut conuaincu, fut condamné à mourir de faim dans la prison, & son corps mort estre exposé durant trois jours à la place publique, qui est vne punition fort ignominieuse parmy les Tunquinois.

L'heureux decez de deux autres Chrestiens merite d'auoir icy place. L'vn d'eux s'appelloit Caie, homme de grand zele pour attirer les Infideles à la Foy, & tout de feu pour auancer les affaires de Dieu. Il auoit eu l'honneur d'estre pris, lié, & tourmenté pour la Religion, & de gaigner la glorieuse qualité de Confesseur de la Foy; qu'il prescha toujours hautement parmy les tourmens qu'on luy fit souffrir. Mais estant sorty victorieux de cette rude épreuue de sa vertu, il tomba (Dieu le voulant ainsi pour augmenter ses merites) dans vne autre bien étrange, qui fut vne ladrerie si horrible, & si puante, qu'il estoit insupportable mesme à ses enfans. Il estoit playé, & pourry en tout son corps, comme vn autre Iob, & souffroit en cet estat de grandes douleurs, sans que toutefois on l'ouït iamais se plaindre de son mal, iamais dire vne parole qui témoignast la moindre impatience, toûjours doux, & muet comme le poisson, dans la mer de ses amertumes; si ce n'est lors qu'il estoit question d'exhorter ses enfans à l'amour du Sauueur, & à la fidelité inuiolable qu'ils deuoient à sa Loy, & à sa Religion. La pourriture, & les venins de son mal

s'estant dans quelques iours saisys de son cœur ; & luy presentant assés que son heure approchoit, il ordonna à ses enfans de ietter son corps puant à la voirie, où dans quelque lieu si profond que la puanteur n'en peust offenser personne : Apres quoy tournant son cœur à Dieu, & luy addressant sa parole, mourut sainctement en de tres-doux, & deuots entretiens, auec celuy qui estoit l'objet de son amour, & de son esperance, & la couronne de ses peines.

L'autre Chrestien qui auoit pareillement beaucoup souffert pour la Religion, se nommoit Ioachim. Lequel ayant basty à ses frais vne Eglise dans son Bourg pour y assembler les Chrestiens ; & pour le zele qu'il témoignoit enuers la Foy, & la Religion Chrestienne, ayant esté par-oy , tion des Infideles vexé en plusieurs façons, mis en prison, battu, banny de son païs, & ce qui l'affligeoit le plus veu son Eglise bruslée ; mourut enfin chargé d'années, & de merites en l'aage de quatre vingts ans. Lors que voyant ses enfans en soucy de luy preparer quelque robe neuue selon la coustume, pour la ceremonie des funerailles ; ne vous mettez pas en peine, mes enfans (leur dit-il) de couurir cette chair pourrie, il suffit que mon ame soit parée par la misericorde de Dieu de la robbe de la gloire dans le Ciel, où l'assigne l'esperance que m'en donne le sang qu'il a versé pour moy.

Ie dois icy adjouster le pieux trespas de trois Catechistes, Ignace, Thadée, & Thomas, ausquels la Chrestienté de Tunquin a des obligations qui ne doiuẽt iamais mourir dans le souuenir de la posterité : principalement à Ignace, le fidele compagnon de nos

Peres

Peres exilez, & l'inuincible defenſeur de la Foy, qui ayant abbregé ſes iours par ſes continuelles fatigues du corps, & de l'eſprit, & par les grandes auſteritez de ſa vie, merita de la finir en l'aage de quarante cinq anspar vne ſaincte mort.

La pieuſe mort de ces trois Catechiſtes, a eſté accompagnée de celle de trois ieunes hommes, Charles, François,& Ange. Dont le premier apres auoir preferé l'humilité de la vie Chreſtienne à vn riche,&ſóptueux heritage, mourut (comme meurent les Saincts) d'vne fieure hectique qui l'emporta en la fleur de ſon aage. Le ſecond s'eſtant dedié à ſeruir les Chreſtiens, pour les neceſſitez de leur cómunication, dans des voyages continuels, épuiſa tous ſes eſprits, & les forces d'vn aage vigoureux dans cet employ de charité, iuſques à cracher le ſang, & les poulmons, auec des violences qui donnoient de la compaſſion aux hommes, & de l'amour aux Anges. Le troiſiéme veritablement Ange de nom, & d'effect, l'amour, & les delices de tous les Chreſtiens de la Prouince du Midy; apres auoir beaucoup ſouffert des Payens, pour les demonſtrations publiques du zele qu'il auoit pour les affaires de la Religion, paſſa les dernieres heures que deuancerent ſa mort en des entretiens ſi tendres au le Sauueur, la S. Vierge, & les Anges auſquels il pa it comme s'ils euſſent eſté preſens, qu'il ſembloit que tout le Paradis fuſt deſcendu dans ſa Chambre.

Comme les femmes ne cedent point icy en pieté,& en ferueur de deuotion aux hommes; pluſieurs d'entr'elles apres auoir ſainctement veſcu, ſont mortes de la mort qui couronne toutes les bonnes,& ſainctes

vies. Vne Dame de qualité nommée Colombe, tres-deuote à la Vierge, à laquelle elle auoit dreſſé vn Oratoire dans ſa maiſon en la Ville Royale, & tres-charitable enuers les pauures, à qui, & aux Catechiſtes elle donnoit liberalement de ſes biens pour leur entretien, eſtant tombée en vne griéue maladie; de laquelle elle mourut durant vn voyage quelle auoit entrepris; & auant que de mourir ayant commandé que l'on enterraſt auec elle vne precieuſe Croix qu'elle portoit toûjours auec ſoy; Il arriua qu'vn payen qui auoit eu le ſoin de faire les frais de ſes funerailles, quarante iours aprés ſon decez, ayant fait ouurir ſon tombeau pour retirer la Croix, le corps de la Dame Colombe fut trouué auſſi entier, & ſans nulle corruption, comme ſi elle fuſt venuë de rendre l'ame, voire exhalant vne douce odeur qui toucha ſenſiblement ce payen qui en donna auſſi toſt aduis, & conſola grandement tous les Chreſtiens qui eurent la communication, & la connoiſſance de cette merueille.

Vne autre Dame riche de biens, & de vertu nommée Line, l'vne des premiéres femmes qui receut la Foy dans le Royaume de Tunquin, apres en auoir durant dixſept-ans fait profeſſion ouuerte, diſposé, & attiré beaucoup de perſonnes à embraſſer la vertu, & les veritez de noſtre creance, & par vne tres-liberale diſpenſation de ſes moyens, orné les Egliſes, ſecouru les pauures, nourry les Catechiſtes, à qui elle auoit meſme baſty vne maiſon tres-commode, paſſa de ce monde auec tant de douceurs, & de ſinceres ioyes de ſon ame, qu'elle donna ſujet à tous les Chreſtiens qui aſſiſterent à ſon ſainct treſpas, de louër, &

benir

benir de bon cœur le Dieu, qui ne ſe laiſſe iamais vaincre de liberalité, & d'amour. Il ſembla que Dieu luy voulut donner auant ſa mort, vn gage, & vn auant-goûſt de la felicité qu'il luy gardoit au Ciel: car comme elle tenoit entre ſes mains vne image de la Vierge à qui elle parloit amoureuſement, vne brillante lumiere ſortit de l'image, auec vne tres douce odeur, qui remplit de ſainctes delices le cœur de la malade, & l'ame des Aſſiſtans qui virent la lumiere; & ſentirent l'odeur, d'admiration des bontez de Dieu, qui met la mort des gens de bien à vn prix d'honneur qui pourroit donner enuie de mourir.

Ie concluray ce Chapitre, qui n'auroit point de fin, ſi ie le voulois eſtendre, par le recit d'vne belle viſion qu'euſt vn bon Chreſtien nommé Yues, & de la mort extraordinaire qu'il fit. Il eſtoit mort, comme on le croyoit par vn ſubit accident, & tenu de tous pour mort, ſans poulx, & ſans aucun ſigne de vie; quand apres quelques heures, il ſe dreſſa ſur ſes pieds, & mit en fuite tous ceux qui eſtoient au tour de ſon corps, de la crainte qu'ils prinrent de luy, comme d'vn mort reſuſcité. Il les rappella de la main, & de la voix, & les voyant r'aſſeurez de la frayeur qui les auoit ſaiſis, leur raconta, comme dans le temps qu'ils auoient veu ſon corps eſtendu mort; il auoit eſté conduit en eſprit par ſix ieunes garçons d'vne excellente beauté par vn chemin paué d'argent dans vn païs remply de delices, où il auoit veu vn Roy venerable flamboyant des eſclairs d'vne haute majeſté aſſis ſur vn thrône d'or; & deux autres de meſme aſſis à ſes coſtez; & brillans d'vne pareille gloire: & que

ſes guides luy auoient fait entendre, que c'eſtoient là les trois Perſonnes de la tres-auguſte, & adorable Trinité. Au deſſous (diſoit-il) i'ay veu de part, & d'autre en demy cerne de beaux ſieges de cryſtal, où entre pluſieurs qui y eſtoient aſſis, ie reconnus quelques vns de noſtre nation qui eſtoient decedez depuis quelque temps, qui m'inuiterent à prendre place auprés d'eux. Mais les guides qui me menoient ne m'ayant pas permis de m'arreſter dauantage en ce beau païs, me firent deſcendre dans vn lieu obſcur, d'où ie vis vne baſſe, & vaſte grotte, d'vne moitié pleine de flammes, & de l'autre remplie d'vn lac heriſſé de glaçons, où pluſieurs perſonnes que ie ne connoiſſois pas, eſtoient tourmentées pour auoir mal veſcu, & condamnées à endurer ces cruelles peines. Enfin (adjouſtoit-il) i'ay eſté commandé par mes guides de retourner à mon corps, de raconter à tous ce que i'ay veu, de prendre ſoin de mes Parens auſquels il ne reſte de vie que iuſques au premier iour de la nouuelle Lune, & qu'aprés leur auoir rendu les derniers deuoirs, & donné ſepulture, ils m'ont aſſeuré qu'ils me viendroient requerir, pour me conduire au païs de lumiere, & de gloire qui m'auoit eſté monſtré. Ainſi le deuot Yues raconta ſa viſion, qui laiſſa dans l'eſprit des Chreſtiens de grands ſentimens d'eſperance, & de ſainctes frayeurs. Et l'éuenement tant de la mort de ſes Parens, que de la ſienne iuſtifia que cette viſion n'eſtoit point vaine, ny vne creuſe reſuerie. Car deux mois apres, ſes Pere, & mere moururent, & furent enſeuelys en meſme iour; & le lendemain le bon Yues apres auoir mis ordre à ſes affaires, recommandé

mandé à sa femme la deuotion enuers Dieu ; & la fermeté en la Foy, se mettant sur sa couche, & abbandonnant doucement sa teste sur le cheuet, comme pour dormir, expira sans fiévre ; & sans maladie, & passa heureusement dans le Ciel, duquel il auoit veu quelque Image, comme sa ferueur, & sa bonne vie l'ont fait esperer.

l'Eglise de Tunquin souffre vne grande, & nouuelle persecution, de laquelle elle est en peu de temps deliurée.

CHAPITRE XLVII.

EN l'année 1640. la quatorziéme depuis nostre entrée dans le Royaume de Tunquin, la nouuelle Eglise comptoit déja pres de cent mille Chrestiens, & les dispositions qui estoient par tout nous promettoient encore de grands, & de nouueaux accroissemens de cette Chrestienté, à laquelle le peu d'ouuriers que nous estions ne pouuoit point suffire. Ce qui obligea nos Superieurs de Macao, d'enuoyer de temps en temps des secours de personnes Apostoliques pour trauailler en cette Mission. Le premier qui y vint alors fut le P. Thomas Rodriguez Portugais, homme infatigable, & qui attiré de la douceur qu'il goustoit à cueillir les grands fruicts de ses trauaux, se laissa en peu de temps accabler sous le faix;

laissant

à tous ceux qui auoient eu connoissance de sa vertu, où qui en auoient senty les effets, de grands regrets de sa perte. Au P. Thomas auoient succedé les Peres Pierre Albert, & Emanuel Cardozo encore Portugais; & à ceux cy les Peres Paul Calobrozi Italien, & Onophre Borgez Suisse; Tous de bon aage, & pleins de courage, & de forces pour durer dans les peines qu'il faut prendre en cette precieuse conqueste des ames que le Sauueur a racheptées auecque son sang.

Cependant d'autre part Satan, le grand ennemy du Sauueur, & du salut de ces peuples, ne cessant point auec tous ses efforts de se maintenir autant qu'il pouuoit, dans la possession d'vn païs où il auoit regné paisiblement durant tant de siecles, y r'alluma de nouueaux feux, & suscita, lors que l'on y pensoit le moins, vne nouuelle persecution contre les Chrestiens, qui les affligea plus sensiblement que toutes celles du passé. Car outre l'Edict du Roy qui fut attaché à vn pôteau deuant nostre habitation, par lequel il estoit defendu aux Chrestiens de faire desormais profession de la Loy Chrestienne, & de nous frequenter; & nous mesmes estions taxez, & condamnez de prescher au peuple des fausserez, & des mensonges: Il ordonna de plus qu'on mit dans le feu, & qu'on brûlast les Images qui auoient esté exposées, les Rosaires, & les Catechismes où estoit expliquée la doctrine Chrestienne Ce qui fut executé. On n'en estoit pas encore veu si auant en toutes les persecutions passées: ce qui obligea nos Peres de recourir plus particulierement à Dieu, & d'implorer l'assistance; &

les

les prieres de la Saincte Vierge, & de Sainct François Xauier, Patron de cette Miſſion, pour eſtre ſecourus en cette grande, & ſoudaine affliction, qui les auoit ſurpris; A quoy ils employerent diuers ieuſnes, prieres, diſciplines, & autres mortifications qui ne furent pas inutiles aupres de Dieu: Car quelques ſemaines apres, l'eſprit du Roy ſe trouuant ſoudainement adoucy (l'on ne ſçait pourquoy, ny comment) il fit appeller le P. Hierôme Majorica (lors Superieur de la miſſion) & luy temoigna dans vne grande douceur, qu'il ſentoit en ſon ame quelque déplaiſir de la rigueur qu'il auoit tenuë à nos Peres, & aux Chreſtiens, en l'Edict qu'il auoit fait publier, & particulierement d'auoir fait bruſler les liures des Catechiſmes, qu'il s'eſtoit laiſſé aller à cette ſeuerité, meu des plaintes de ſes ſujets, qui accuſoient les Chreſtiens d'auoir briſé leurs Idoles: Mais qu'au reſte il dónoit permiſſion à nos Peres de demeurer en ſon Royaume, & d'y viure comme deuant en toute ſeureté. Ce changement ineſperé du Roy, & ces paroles prononcées auec vn eſprit de douceur, redonnerent le cœur au Pere, & firent reuiure toutes ſes ioyes. Dont apres auoir rendu de tres-humbles remerciemens au Roy, il vint ſoudain faire part de cette bonne nouuelle à ſes compagnons, qui en loüerent, & benirent tous enſemble les bontez de Dieu, qui n'abbandonne iamais ceux qui le ſeruent, & ſe confient en luy. Cependant l'Edict du Roy demeuroit toûjours affiché contre le pôteau deuant les portes de noſtre logis, comme en reproche de la Doctrine que nous preſchions. & en opprobre de la Religion Chreſtienne: Ce qui fit que le P. Hierôme

e it le courage d'aller trouuer le Roy, & de le ſupplier de faire oſter ce pôteau qui nous rendoit encor criminels apres la grace que nous auions receuë de ſa bonté; ce que le Roy luy accorda volontiers, & enuoya auſſitoſt des ſoldats qui enleuerent le pôteau, & l'Edict, dequoy les Chreſtiens receurent vne ioye inexplicable, & des congratulations meſme de la part des payens.

Cette perſecution auoit deja duré trois mois, pendant leſquels il ne nous manqua pas, & aux nouueaux Chreſtiens, dedans, & dehors la Cour, des occaſions de beaucoup ſouffrir. Noſtre maiſon fut continuellement inueſtie, ou remplie durant les huict premiers iours de ſoldats inſolens, qui mirent dans le feu tout ce qu'ils trouuerent chez nous d'images, & de choſes ſacrées. Les Chreſtiens auſſi furent par tout maltraittez de leurs ennemys: A pluſieurs deſquels leurs biens furent enleuez, ou confiſquez; & d'autres vexez d'outrages en toutes façons pour quitter leur Foy, & leur Religion. La conſtance que témoignerent trois ieunes filles de la Prouince qu'on nomme d'Orient, qui auoient fait vœu à Dieu de Virginité, & leur reſolution à la premiere nouuelle de cette perſecution fut grandement remarquable. Elles écriuirent vne belle lettre à nos Peres, dans laquelle elles leur temoignoient le courage que Dieu leur donnoit de venir ſe declarer Chreſtiennes deuant le Roy, & de luy proteſter qu'elles ne gardoient pas vne gourte de ſang qu'elles ne donnaſſent volontiers pour maintenir ce nom, & cette qualité glorieuſe en laquelle elles vouloient viure, & mourir. Ces Vierges ſe

nom

nommoient, Monique, Nymphe,&. Vitte; auſquelles Dieu prepara peu de temps apres, vne forte épreuue de leur courage, & vne belle occaſion de merite. Car Vitte ayant eſté ſurpriſe à l'écart, & ſollicitée de ſon honneur par vn ſoldat impudent, iuſques à luy tirer leſpée nuë contre le ſein, & à la menacer de la tuer, ſi elle ne vouloit conſentir à ſes volontez. Cette genereuſe fille; ſans diſputer; ouy dea (luy dit elle) tu m'oſteras bien plûtoſt la vie, que l'honneur de mon corps que i'ay voüé à Dieu: & luy preſentant le col, & le ſein; frappe, adjouſta telle, où tu voudras, ie mourray volontiers, mille fois plûtoſt que de conſentir à ta deshonneſte demande, & au peché contre le Dieu que ie ſers. Cette reſolution eſtonna le ſoldat & ſauua l'honneur à la Vierge. Les autres deux ne ſe monſtrerent pas moins courageuſes dans vne pareille épreuue où à leur Foy fut attaquée. Elles s'en alloient à la Ville Royale en compagnie d'vne bonne vieille nommée Françoiſe, pour y receuoir les ſacremens, & ſe fortifier contre les aſſauts de la perſecution; & ayant eſté rencontrées en chemin par des ſoldats payens, & interrogées de la foy dont elle faiſoient profeſſion ſur la cõfeſſion franche, & reſoluë qu'elles en rendirét, ſans s'effrayer de leurs menaces, apres quelque traittement inſolent de paroles, elles furent iettées dans des foſſes, cou & uertes de terre iuſques au col, auquel eſtat elles demeurerent toute la nuict, iuſqu'au matin, que Dieu voulut qu'elles fuſſent rencontrées par des Chreſtiens, qui les tirerent de là, & les menerent dans la Ville. Depuis ces trois filles ont eſté retirées dans vn lieu d'aſſeurance; & cinq où ſix autres portées de meſme

reſolution, & obligées par leurs vœux à garder perpetuelle Virginité, ſe ſont iointes à elles dans vn meſme logis, où elles font vn petit Chœur de Vierges, & menent vne vie d'Anges. Ie ne puis icy omettre, la ſoudaine punition dont Dieu chaſtia la ſale pourſuite d'vn ieune lubrique, qui ſe voyant rebutté d'vne ieune veuue qui auoit fait vœu de continence, comme il ſe preparoit à la forcer, elle implorant dans ſa detreſſe le ſecours de la Vierge, enuers qui elle auoit toûjours eu vne tres-grande, & tendre deuotion, & la priant de tout ſon cœur de la garantir; ſa priere attira ſoudainement le chaſtiment ſur cét impudique, qui fut frappé d'vne main inuiſible, & tomba mort ſur la place.

TIMSACH.COM.VN

Dieu fauoriſe de beaucoup de graces les Chreſtiens.

CHAPITRE XLVIII.

NOus pouuons dire auec verité que depuis que le Sainct Euangile a eſté publié, & receu dans le Tunquin, non ſeulement les erreurs populaires ont cedé aux veritez de la foy, mais que les vertus Chreſtiennes y ont encore triomphé des vices. Il y a plus, que non ſeulement les Chreſtiens y ont eſté dans la practique des vertus communes, mais encore des plus hautes, & des plus difficiles qui ſoient dans le Chriſtianiſme, principalement de celles qui appartien-

nent

nent à l'abnegation Euangelique, & à la maceration du corps, à quoy ils se portent ordinairement auec tant de ferueur, qu'ils ont plûtost besoin de frein, que d'esperon. On en a veu de bien aisez qui ont refusé de prendre deux robbes en hyuer, de crainte de se flatter par quelque sensualité; & qui ont couché sur la platte terre, sans materas, & sans paille, pour matter leur chair, & faire souffrir quelque chose à leur corps. Vn certain estant interrogé par son Confesseur d'où venoit qu'il le voyoit plus defait, & emmaigry quà l'ordinaire: C'est, luy dit-il, que vous m'auez apris, que le chemin du Paradis est étroit, & la porte petite; & pour cela ie tiens mon corps le plus abbaissé, & déchargé que ie puis, afin que i'y puisse plus facilement entrer. On pourroit apporter vne infinité d'autres exemples de patience, d'humilité, de charité, que ie laisse, capables de grossir vn volume.

Mais aussi, d'autant plus que ces bons Chrestiens s'addonnent à la pratique genereuse de toutes les vertus, Dieu les fauorise de ses benedictions, & de graces plus abondantes, iusques à leur faire part du don des miracles, & à leur donner commandement sur les Demons, & sur les bestes sauuages. Et c'est vne chose aujourd'huy assez commune dans le Royaume, que les payens estans possedez du malin esprit, en sont deliurez entrant seulement dans les Eglises où les Chrestiens font leurs prieres. On a encore remarqué, que les Tygres ayant cessé d'infester quelques Bourgs depuis que les Chrestiens y eurent basty des Eglises; y reuinrent du milieu des bois plus furieux que deuant, & y firent des grands rauages, soudain que les

Egliſes durant la perſecution y furent demolies. C'eſt choſe de plus auerée, que le Seigneur d'vn certain lieu, ayant au temps de la meſme perſecution, fait vn commandement, que l'Egliſe des Chreſtiens, fuſt le lendemain miſe bas; la nuict deuant ſon fils fut trouué mort dans le lict. Dans vn autre Bourg les payens ayans bruſlé vne Egliſe, tous ceux qui furent du complot, & qui contribuerent à cette action ſacrilegue furent punys de Dieu, en ſorte que d'vne année entiere, il ne tomba pas vne goutte de pluye dans leurs champs, encore que ceux des voiſins tout autour en fuſſent largement arroſez. Ce qu'ayant eſté bien reconnu ſur l'aduis qu'en donna vn ſage payen nouuellement conuerty, ces payens criminels en ayant demandé pardon aux Chreſtiens, & s'eſtants offerts à reparer tout le dommage, voire quatre vingts d'eux ayants receu le Bapteſme, leurs champs ont auſſi reçeu la commune benediction de la pluye du Ciel.

Iadjouſteray que Dieu agrée tellement la vie innocente des nouueaux Chreſtiens, qu'il donne à pluſieurs les faueurs, & les graces de l'eſtat d'innocence. Vn bon Chreſtien tres-innocent nommé Simon, du Bourg appellé *Tam dang* de la Prouince d'Occident; apres auoir religieuſement obſerué le ieuſne, & l'abſtinence du Careſme, ayant apperceu à la campagne aux Feſtes de Paſque, vn ſanglier qui fouïlloit aupres d'vn bois, addreſſa dans vne grãde ſimplicité ſa priere au Sauueur, luy demandant que puis qu'il auoit rigoureuſement obſerué la Loy de ſon Egliſe, s'abſtenant tout le Careſme de la viande, & qu'il eſtoit dans le temps auquel il luy eſtoit permis de manger de la chair,

chair, qu'il luy pleuſt luy donner la grace qu'il auoit autrefois faite, à l'homme en l'eſtat de ſon innocence, qu'il peût commander, & ſe faire obeir à ce ſanglier qui ſe preſentoit à luy. Ce qu'ayant dit, & auec ce fait le ſigne de la Croix, & recité vne fois l'oraiſon Dominicale, il commanda confidemment à ce ſanglier de venir à luy, ce qu'il fit ſe laiſſant egorger ſans reſiſtance comme vn agneau, au bon Simon, qui en dreſſa depuis vn feſtin aux Chreſtiens, auquel il appella les pauures, exhortant vn chacun à louer, & à benir Dieu de la grace qu'il luy auoit faitte.

Et il n'y a pas tant de merueille que Dieu faſſe ces graces aux Chreſtiens, puis qu'il les accorde meſme quelquefois aux payens. En vn Bourg nommé *Kero*, vn Gentil-homme payen durant vn temps s'eſtoit monſtré ſi ennemy des Chreſtiens, qu'il auoit meſme fait mourir le nourriſſier de ſon Fils, en haine de la Foy Chreſtienne qu'il auoit embraſsée : Mais depuis ayant adoucy ſon eſprit à la veuë de tant de merueilles que Dieu operoit en vertu de la Foy des Chreſtiens, particulierement par le ſigne de la Croix qu'ils adorent, il luy prit enuie de faire experience par luy meſme de la vertu & du pouuoir qu'il admiroit. Car ayant veu que tout ſon beſtail mouroit ſans remede à la campagne, il planta la Croix des Chreſtiens au milieu du champ où ces beſtes paiſſoient, qui en arreſta la mortalité en ſorte, que depuis il n'en mourut plus. Ce qui le gaigna tellement à la Religion Chreſtienne en laquelle ce ſigne eſt adoré, que non ſeulement il voulut eſtre Chreſtien, mais lors meſme que la perſecution eſtoit allumée par tout le Royaume,

me, & qu'ailleurs on demolissoit les Eglises des Chrestiens, il leur en fit bastir vne à ses frais, & en fit la dedicace solennelle.

Le pitoyable naufrage d'vne trouppe d'Ouuriers Euangeliques.

CHAPITRE XLIX.

LE P. Emanuel d'Azeuedo nouueau Visiteur de la Prouince du Iapon, & de la Vice-Prouince de la Chine, estant venu des Indes à Macao, & ayant appris les grands fruicts que Dieu operoit par les trauaux de nos Peres au Royaume de Tunquin, & la moisson qui estoit toute meure en l'Isle d'Ainan, où il n'y auoit neantmoins qu'vn seul ouurier pour la cueillir, qu'estoit le P. Benoist de Mattos Portugais; destina aussi-tost sept de nos Peres, quatre pour le Tunquin, & trois pour l'Isle d'Ainan. Le Conducteur, & le Chef de cette trouppe estoit le P. Gaspar d'Amaral, qui auoit recouuert au College de Macao, la santé, & les forces qu'il auoit autrefois grandement affoiblies en la mission de Tunquin, où il retournoit de grande volonté; à qui auoient esté adjoints pour Compagnons le P. Pierre Albert Portugais, qui auoit déja trauaillé en cette mission; le P. Iean Ignace Leuiski Polonnois, & le P. François Ascanio Ruida Italien, tous intelligens de la langue Tunquinoise. Les trois

restans,

reſtans, Pl'ean-André Lubelli, le P. Antoine Conſtantin, tous deux Italiens, & le P. Valentin Noguera Portugais, deuoient s'arreſter en l'Iſle d'Ainan.

Cette trouppe choiſie de nouueaux conquerans des ames, partit du port de Macao le 23. de Feurier de l'an 1646. le Ciel eſtant déja vn peu troublé, & la mer émuë; & arriuerent le lendemain, iour de Sainct Mathias à l'Iſle *Sanchoan*, ennoblie du ſepulchre ancien de Sainct François Xauier le grand Apoſtre d'Orient, où l'on void vne grande pierre dreſsée de quinze palmes de haureur, grauée de nos Caracteres, & de lettres Chinoiſes à l'honneur de ce Sainct. Là le Vaiſſeau s'eſtant arreſté vn iour, tant pour attendre que la mer ſe calmaſt, qui menaçoit d'vne tempeſte, comme pour donner du temps à la deuotion de nos Peres de rendre leurs vœux au ſepulchre de Sainct Xauier; ils leuerent le lendemain matin l'anchre, les vagues de la mer où ils eſtoient entrez fort ſujette à la violence des orages, eſtant encore vn peu hautes: & ne ceſſerent pourtant tout ce iour là, iuſques vers la minuict d'aller vers l'Iſle d'Ainan d'vn vent à quartier qui n'eſtoit point extraordinairement impetueux: Quand apres la minuict vn grand orage ſe forma dans les nuës, qui pouſſa de telle violence le Nauire contre vn écueil, que le P. Albert qui eſtoit couché ſur la liſſe du bord fut ſecoüé dans la mer, & ſoudain (ce qui fut merueilleux) relancé dans le Vaiſſeau par le flot qui s'eſleua du choq de l'eſcueil. En cét accident qui ne laiſſa douter perſonne de ceux qui eſtoient dans le Vaiſſeau, d'vne perte certaine, nos Peres penſans plûtoſt à ſauuer les ames des payens

qui naui geoient auec eux, que leurs propres vies, firent tout deuoir de les inſtruire ſommairement à la Foy, & de les baptiſer; pendant que les Mariniers effrayez, & deſeſperans de ſauuer le Vaiſſeau du bris qu'il creurent eſtre inéuitable apres le furieux coup qu'il auoit donné, deſcendirent dans vne barque vuide qui ſuiuoit le Vaiſſeau, pour garantir leur vies. Ainſi le Nauire que les Mariniers auoient abbandonné; eſtant demy-briſé, ouuert, & faiſant eau de tous coſtez; coula bien toſt à fonds, & fut engloutу des ondes, dans leſquelles le Capitaine du Nauire, nos Peres, & preſques tous les autres qui ſe trouuerent dedans furent noyez, à la reſerue du P. André Lubelli, & de fort peu d'autres, qui ſe ſauuerent. Ce Pere apres auoir eſté quelque temps balotté des flots, ne voyant nulle apparence de ſauuer ſa vie, ſe reſolut de rendre quelque ſeruice à Dieu, auant que de mourir, en ſauuant quelque ame de ceux qu'il voyoit perir auec luy dans l'eau. En effet il a aſſeuré depuis, qu'il auoit entr'autres donné l'abſolution à vn, qui apres la luy auoit demandée, eſtoit coulé auec luy preſques à fonds: & comme il fut reuenu ſur l'eau, cherchant de ſubuenir à quelque autre en cette extremité, qu'il s'eſtoit trouué caſuellement (ou plutoſt Dieu le voulant ainſi) ſur vne piece de bois; ſur laquelle il fut pouſſé du flot vers le bord, d'où les Mariniers qui auoient déja pris terre auec leur barque le vinrent retirer, & le porterent demy-mort auprés d'vn feu qu'ils auoient allumé; où ayant repris, & réchaufé peu à peu ſes eſprits, & apprenant la perte de ſes chers compagnons, il la pleura, comme il deuoit; regret-

tant

tant (diſoit-il dans vne de ſes lettres) la condition auec laquelle il auoit eſté ſeul ſauué de ce naufrage, pour eſtre comme l'vn des ſeruiteurs de Iob, échappé ſeul pour raconter l'infortune des autres; ou comme vn Ionas fugitif, vomy ſur le riuage par la tourmente, dont par ſes pechez il auoit eſté cauſe.

Entre les autres qui ſe ſauuerent, outre le P. André, & les Mariniers; il y eut vn ieune Chreſtien Tunquinois appellé Gilles, qui auoit accompagné le P. Albert allant pour des affaires de Tunquin a Macao, & retournoit auec luy en Tunquin; lequel (comme il eſtoit adroit) voyant que c'eſtoit fait du Nauire, roula dans vne petite barque qui reſtoit, vne balle où eſtoient les choſes les plus precieuſes que portoient nos Peres, & ſe ſauua la dedans; & gaigna le riuage auec vne autre qui le ſuiuit. De là le bon & fidele Gilles ſe conduiſit à vn port de Tunquin, diſtant de cinquante milles, d'où il paſſa vers nos Peres, & leur fut meſſager du triſte naufrage, & de la perte de ceux qui leur venoient au ſecours, ce qui les affligea grandement: encore que dans ce malheur, ils receurent quelque ſoulagement de la balle que Gilles leur rendit fidellement, où ils trouuerent dequoy ſubuenir à leur entretenement, & faire encore preſent au Roy de quelques raretez qui y auoient eſté miſes à ce deſſein: ce qui ne ſeruit pas de peu à nous gaigner l'eſprit du Roy, qui témoigna du regret, tant de noſtre perte; comme de celle du Vaiſſeau Portugais qui venoit traffiquer dans ſon Royaume, qui eſt choſe dont il fait grand eſtat, & qu'il deſire de grande paſſion.

Vn sujet de grandes conuersions est fourny du costé de la Chine.

CHAPITRE L.

L'Euangile de IESVS-CHRIST faisoit iusques à maintenant de si heureux progrez dans le Tunquin, que les ministres de sa saincte parole estoient rauys de voir les grands effets de la grace de Dieu, & le succez de leurs trauaux qui surmontoit leurs esperances. Neantmoins encore Dieu qui est riche, & abondant en ses misericordes, voulut preparer lors que l'on y pensoit le moins, vn nouueau sujet qui seruit à faire accroistre de beaucoup la conuersion de ces peuples.

Vn de nos Peres nommé André Xauier Allemand, & excellent Mathematicien, estant allé l'an 1644. dans la Chine, pour trauailler à cette grande Vigne, s'estoit coulé en peu de temps par sa vertu, & par les belles experiences de sa Mathematique, dans l'estime & dans la confidence priuée d'vn Vice-Roy Chrestien nommé Luc, qui gouuernoit l'vne des Prouinces plus voisines du Royaume de Tunquin. Ce fut en mesme temps, qu'vn Ambassadeur du Roy de Tunquin retournoit à son païs de la Cour de Pequin, où il auoit porté quelques presens selon la coustume, de la part de son Roy, au Roy de la Chine. Dont le P. André desireux de profiter cette occasion en faueur

de

de la miſſion de Tunquin, pria le Vice-Roy de faire honneur, & careſſe à cet Ambaſſadeur, à deſſein de gaigner ſon affection enuers nos Peres. Voire il luy perſuada d'eſcrire vne lettre au Roy de Tunquin, comme il fit, dans laquelle il luy loüoit la Loy Chreſtienne, dont il faiſoit luy meſme profeſſion, apres en auoir bien reconnu la ſainteté, & le merite; & enſemble luy recommandoit la vertu de nos Peres qui la preſchoient dans ſon Royaume, comme eſtant dignes de l'honneur de ſes graces, & de ſa protection. Et cette lettre il ne la voulut point donner à l'Ambaſſadeur, mais il la fit porter par vn de ſes ſoldats, à qui il commanda d'aller à la ſuite de l'Ambaſſadeur, & de la preſenter au Roy de ſa part, auec les offres tres-humbles de ſes reſpects, & de ſes ſeruices. Ce que le ſoldat executa fidellement: & le Roy liſant dans la lettre du Vice-Roy (qu'il voulut communiquer à ſon fils, lequel il auoit deja fait receuoir à la ſucceſſion de la Couronne) de ſi hautes recommandations de la Loy Chreſtienne, qu'vn homme de cette qualité auoit embraſſée, & vn témoignage ſi conſiderable de l'eſtime qu'il faiſoit de la vertu, & du merite de nos Peres, qu'il appelloit ſes maiſtres; il prit vne ſi grande opinion de la Loy Chreſtienne, & des noſtres, & l'vn, & l'autre, tant l'ancien, comme le nouueau Roy, declarerent les nouueaux ſentimens de leur eſtime par des demonſtrations ſi certaines, que tous les peuples en ayant eſté informez furent ébranſlez: de ſorte que dans moins de ſix mois, il y en eut pres de douze mille qui prirent le party de la Religion Catholique; & le ſeul P. Antoine de Fontes Portugais, ancien ou-

urier de cette mission, durant ce tẽps là en baptisa quatre mille. Et le nombre depuis des nouueaux cõuertys est monté à vne si haute creüe, que l'on compte aujourdhuy dans le Royaume de Tunquin plus de deux cent mille Chrestiens : & les esperances par tout se monstrent si belles, qu'elles nous promettent de voir vn iour la Foy de IESVS-CHRIST regner dans tous les cœurs, & sa Croix arborée, & adorée sans contredit dans tout le Royaume. Ce qui donne tant de consolation à ceux qui trauaillent dans cette mission, & tant de desir aux autres qui ont appris de si belles dispositions, pour venir secourir le peu d'ouuriers qu'il y a pour vne si grande, & abondante moisson, que nonobstant la perte de ceux que le naufrage a empeschez d'arriuer à Tunquin où ils estoient enuoyez, pour les ietter dans le port du Ciel, où Dieu les auoit destinez, cinq autres y sont heureusement arriuez pour tenir leur place, sur la fin de l'an 1646. C'est à sçauoir, le P. Iean Cabral Visiteur de cette mission, auparauant Recteur du College de Macao, & Vice-Prouincial du Iapon ; le P. François Rongel Professeur en Theologie, le P. François Figueira Predicateur de reputation, tous trois Portugais, auec les Peres François Montescoli, & Staniſlas Torrente, Italiens de nation, tous resolus d'employer leurs peines, leurs forces, & leurs vies pour le salut de ces peuples.

* *
*

Ce que nous auons fraiſchement appris des Chreſtiens de Tunquin.

CHAPITRE LI.

L'Hiſtoire qui a eſté continuée iuſqu'icy, contient le progrez qu'a fait le Chriſtianiſme en la miſſion de Tunquin depuis l'année 1627. iuſques à l'année 1646. Ce qui ſera dit pour la ſuite en ce Chapitre, eſt pris de deux lettres; l'vne du P. Iean Cabral de qui nous venons de parler, Viſiteur de cette miſſion écritte à noſtre R. P. General, du mois d'octobre, de l'an 1647. En laquelle il luy rend compte de ſa viſite, & des nouueaux fruicts cueillis en cette miſſion. L'autre du P. Iean Barboſa ancien ouurier de cette miſſion, & qui en parle auec grande connoiſſance.

Le P. Cabral aſſeure en ſa lettre, qu'aux deux ſeules années 45. & 46. l'Egliſe de Tunquin eſt accreuë de plus de vingt quatre mille Chreſtiens conuertys à la Foy. Qu'il y auoit dans le Royaume deux cents grandes Egliſes, auec des maiſons ioignantes pour l'vſage des noſtres, quand ils reſident aux lieux où ſont baſties ces Egliſes, où qu'ils y viennent trauailler. Qu'il n'auoit trouué l'an 46. que ſept des noſtres diſperſez en cinq Reſidences; & qu'encore l'vn d'eux nommé P. Paul Caloproſi Neapolitain, courageux, & infatigable ouurier, y eſtoit mort peu de temps apres. Qu'outre les quatre nouueaux ouuriers ſus mentionnez ve-

nus

nus auec luy, il en estoit arriué vn sixiéme, P. Philippe Marin Genois, qui s'y estoit arresté faute de commodité de passer au Royaume de Camboya où il estoit destiné : tellement qu'il auoit eu moien de dresser vne sixiéme Residence, pour seruir plus commodement ce grand nombre de Chrestiens conuertys. Qu'il a reconnu, depuis qu'il a esté dans le païs, la nation Tunquinoise plus traittable, & plus susceptible de nostre Religion, que pas vne autre des Orientales, moralement plus innocente, & moins tachée des vices qui sont communs ailleurs, & qui sont des grãds empeschemens à la Foy, & des difficultez presque insurmontables aux vertus qui doiuent accompagner la profession Chrestienne. Que les nouueaux Chrestiens y sont aussi fermes en leur creance, comme s'ils l'auoient receuë depuis plusieurs siecles, de leurs deuanciers ; & aussi éloignez d'inclination, de leurs anciennes superstitions, comme s'ils n'en auoient iamais eu de connoissance. Qu'ils sont dans la prattique des vertus Chrestiennes, & dans l'horreur des vices communs, tres-exacts en l'obseruation des Commandemens de Dieu ; fort addonnez à la deuotion, & à la priere, pour laquelle ils se leuent tous deuant le iour, y employans apres leur leuer, pour le moins vne demye-heure, & autant deuant leur coucher ; tres-obeïssans & tres-affectionnez à nos Peres, & si desireux de reconnoistre leurs peines par quelques effets de leur gratitude, qu'il n'est rien qui les afflige plus sensiblement, que lors qu'ils refusent leurs presens. Que les demonstrations de leur ioye à la venuë de nos Peres passent dans l'excez, iusques à faire des ieux,

& des

& des Feſtes publiques pour la témoigner.

Il dit beaucoup d'autres choſes que ie laiſſe, pour adjouſter en concluſion le gage authentique de la bien-vueillance extraordinaire que le nouueau Roy de Tunquin a voulu laiſſer par vne Patente expreſſe au P. Felix Morel, Superieur de la miſſion, qui nous donne de grandes eſperances de voir fleurir la Chreſtienté durant ſon Regne, & le Sauueur adoré dans toute l'eſtenduë de ſes terres. Ce Prince auant qu'il fuſt declaré Roy, auoit déja quelque-fois dit au P. Morel, qu'en preuue de l'affection qu'il auoit pour luy, il le vouloit adopter pour ſon fils: (c'eſt en ce païs là vn témoignage que rendent les Grands d'vne ardente affection enuers ceux à qui ils veulent du bien) mais pour le reſpect qu'il portoit à ſon Pere, lequel il voyoit auoir conceu quelque auerſion de nous, il n'auoit pas encore voulu faire connoiſtre publiquement cét effet de ſon affection. Depuis ayant eſté inſtallé Roy, & pris l'adminiſtratiõ de tout l'Eſtat, du conſentement, & de la volonté de ſon Pere, déja vieil, & caſſé d'années; & par vne bonne rencontre nos Peres s'eſtants trouués en la Chine dans quelque credit aupres du Roy, pour procurer quelques faueurs aux Ambaſſadeurs du Roy de Tunquin, & encore quelques ſubuentions neceſſaires, à leur retour; le nouueau Roy ayant apperçeu que ſon Pere, ſur le rapport que luy auoient fait ſes Ambaſſadeurs des aſſiſtances que nos Peres leur auoient renduës à la Chine, commençoit à les gouſter, & à les louër, & recommander comme vtiles à ſon Eſtat; Il ſe reſolut en fin de declarer, à la façon du païs, par vne Patente

d'honneur, l'affection qu'il auoit pour le P. Morel, de luy en laisser ce témoignage public. Ce fut donc l'onziéme de Mars de l'an 1647. qu'il luy addressa, & enuoya sa patente, peinte, & écritte en lettres Chinoises, de la teneur suiuante, fidellement traduite de l'Original.

LE Serenissime Roy Kien Thuong, Seigneur tout-puissant, & absolu dans le Royaume de Tunquin, ie t'addresse cette Patente écritte, de ma propre main, en témoignage de l'amour que ie te porte, ô Felix, premier Maistre, & Docteur de la Loy qui adore le Seigneur du Ciel, & de la terre.

Depuis le temps que tu entras dans mon Royaume, ie te pris singulierement en affection par dessus tous les Maistres estrangers qui y sont venus enseigner cette mesme Loy. Ie te considere comme un champ planté de fleurs Solaires qui se tournent vers l'Astre qui les regarde, & qui les échauffe; & ie te regarde aussi comme mon tres-cher Fils; & pour te témoigner le grand amour que i'ay pour toy, ie te donne une nouueau nom Plucher, *qui signifie un homme veritable, & de grand iugement. Partant il faudra desormais que tu n'ayes qu'un mesme vouloir, & non vouloir auec moy, comme le doiuent faire tous ceux que l'amour a vnys d'affection; & qui n'ont qu'un*

qu'vn mesme cœur. Que si tu en vses ainsi, tu seras mis au nombre de ceux qui sont paruenus à vne haute reputation, & à de grands honneurs, pour auoir obserué cette Loy d'amour, & tu auras satisfait à mon affection.

Ce sont les termes de la Patente du nouueau Roy, par laquelle il adoptoit le P. Morel pour son fils; qui fut portée de sa part à nostre maison, auec l'appareil d'vne magnifique pompe de Courtisans; & receuë auec tous les témoignages d'honneur, & de reconnoissance dont les nostres se pûrent aduiser; le Capitaine des Portugais auec toute sa suitte ayant voulu assister à cette solennité; nostre maison, & tous les enuirons retentissans du son des trompettes, & des tambours, qui voulurent encore le mesme iour accompagner le Pere allant au Palais rendre ses remerciemens au Roy. Et tout cecy est extrait de la lettre du P. Iean Cabral Visiteur de la mission.

Le P. Iean Barbosa dans la sienne décrit amplement la deuotion, & la ferueur des nouueaux Chrestiens de Tunquin, comparable, comme il dit, à celle des Nouices d'vne Religion reformée; de laquelle i'ay tiré & abbregé ce que i'en vay dire. Il loüe premierement, comme a fait le P. Cabral, leur diligence, & leur assiduité à la priere du matin, & du soir, qu'ils n'obmettent iamais, non plus que si c'estoit vne occupation, & vn exercice iuré: & que pour cela ils ont tous dans leurs maisons des Oratoires bien trauaillez, & embellis des plus precieux ornemens, dont ils les peuuent parer selon leurs moyens; aymans

mieux ſoûtraire quelque choſe aux neceſſitez de leur viure, & de leur veſtir, que de manquer à cét effet de leur deuotion. Que dans ces Oratoires, outre les Images, & les Croix de matieres precieuſes qu'ils font artiſtement trauailler d'eſcailles de Tortuë, & d'Yuoire, ils y ont tous vn beau vaſe attaché pour tenir l'eau benite, auec leurs Roſaires, & leurs diſciplines appenduës, & les autres inſtrumens de mortification dont ils ſe ſeruent ordinairement. Voire il adjouſte, ce qui eſt plus admirable, qu'ils ont des Oratoires portatifs, peints, & ſurdorez qu'ils portent auec eux quand ils font voyage, & dreſſent dans les hoſtelleries, & dans les lieux où ils doiuent paſſer la nuict, pour ſeruir à leur deuotion. Il dit de plus, qu'ils ſont tellement affectionnez à entendre tous les iours les Meſſes quand elles ſe diſent en nos Egliſes, qu'ils voudroient tous les entendre toutes; de ſorte que nous ſommes contraints de les chaſſer, & de les departir à tour à diuers iours, & à diuerſes heures, pour n'offenſer les payens à la veuë de ces grands concours de Chreſtiens. Que l'on ne peut qu'auec de grandes peines ſatisfaire à la deuotion qu'ils ont de s'approcher deux, & trois fois le mois des Sacremens de la Confeſſion, & Communion. Qu'ils ont des reſpects, de l'amour, & des reconnoiſſances pour nos Peres qui ne ſont point imaginables, n'eſtant rien qui les faſche à l'egal du refus que nous leur faiſons de leurs biens. Qu'ils ont entre-eux vne charité, & vn amour qui rauit tous les payens en admiration, qui faic que pluſieurs d'eux viuent en commun, & que tous ceux qui ont quelque peu de moyens, ont toûjours

jours vne table pour receuoir charitablement les pelerins, & les estrangers ; d'où il est quelque fois arriué, que des voyageurs payens ont feint d'estre Chrestiens, pour estre receus, & traittez plus commodement en leurs voyages. Qu'ils sont souuent liberaux par dessus les forces de leurs moiens à faire des aumosnes aux pauures, & aux Catechistes; & principalemẽt à ceux qui ont esté dépouïllez de leur biens pour la deffense de la Foy, qui sont ordinairement pourueus de viures, & de vestemens ; eux, leurs femmes & leurs enfans, sans qu'ils leur manque chose qui soit de leurs necessitez. Enfin qu'vn grand nombre de ces Chrestiens zelez (aspirans à la perfection des conseils Euangeliques) recherchent de s'obliger à nous par vœu d'obeïssance, dequoy nous les refusons à leur grand regret : qu'il s'en est trouué beaucoup qui ont donné, & distribué tous leurs biens aux pauures, pour vaquer auec plus d'humilité à leur salut, & auec plus de liberté à celuy du prochain : & vn plus grand nombre de ieunes garçons, & de filles qui ont fait vœu de perpetuelle virginité ; & mesme de mariez, qui d'vn consentement mutuel ont fait vœu de perpetuelle continence, bien marris d'auoir eu si tard conoissance de la Foy Chrestienne, & de la beauté de la Virginité, qu'ils eussent (comme ils protestent) offerte, & consacrée à IESVS-CHRIST dés leurs plus tendres années. Il est adjousté dans cette lettre beaucoup d'autres-choses de la vie irreprochable, & de la netteté de conscience de ces nouueaux Chrestiens. Et cecy peut suffire pour faire comprendre quelques traicts de vertu, & de perfection, dont la ieune face de l'Eglise

de Tunquin, qui ne compte encore que vingt-trois ans de ſon âge, a eſté embellie depuis qu'elle a receu la lumiere du Sainct Euangile. Plaiſe à Dieu, qu'elle aille toûjours croiſſant en perfection, & que rempliſſant la meſure de ſes graces, elle y faſſe voir vn ouurage achcué de ſa gloire.

FIN

TIMSACH.COM.VN

MỤC LỤC

Lời nói đầu	**VII**
Lời giới thiệu	**IX**

QUYỂN I

TÌNH HÌNH THẾ TỤC XỨ ĐÀNG NGOÀI

	Bản Việt ngữ	Bản Pháp ngữ
Chương 1. Danh hiệu và vị trí	*1*	1
Chương 2. Nguồn gốc xứ Đàng Ngoài	3	5
Chương 3. Đàng Ngoài tôn thờ vua của họ thế nào	*7*	11
Chương 4. Về Chúa hay phó vương cai trị xứ Đàng Ngoài và về quyền hành của ông	*10*	15
Chương 5. Về lực lượng thuyền chiến của Đàng Ngoài và Đàng Trong	*12*	19
Chương 6. Về số lượng và cách đóng thuyền chiến ở xứ Đàng Ngoài	*14*	12
Chương 7. Về số dân và số binh lính của chúa Đàng Ngoài	*16*	25
Chương 8. Về những nguồn lợi của chúa Đàng Ngoài	*18*	*28*
Chương 9. Về cách chúa trả lương cho quân sĩ	*20*	31
Chương 10. Về ỷ tứ, khiêm tốn và kỷ luật quân binh	*21*	34
Chương 11. Về hành chính trong nước	*24*	37
Chương 12. Trong nước này thi đỗ tiến sĩ thế nào	*26*	40
Chương 13. Về những hình phạt tội phạm	*28*	43
Chương 14. Về những thổ sản của xứ Đàng Ngoài	*30*	47
Chương 15. Về súc vật thường thấy ở nước Annam	*32*	51

Chương 16. Về thương mại và hàng hóa của người Đàng Ngoài 35 56
Chương 17. Về tiền bạc trao đổi trong nước 37 58
Chương 18. Về những mê tín dị đoan của người Đàng Ngoài và về giáo phái thứ nhất 38 61
Chương 19. Về giáo phái dị đoan thứ hai của người Đàng Ngoài 41 65
Chương 20. Về các thần thánh người Đàng Ngoài thờ kính 44 69
Chương 21. Về giáo phái thứ ba của người Đàng Ngoài và về những phù phép làm cho người đau yếu 46 71
Chương 22. Về việc cúng tế người chết của các thầy pháp 49 77
Chương 23. Về những dị đoan trong đám tang và chôn cất người chết 51 80
Chương 24. Về yến tiệc tư nhân và vua chúa thết đãi vong linh người quá cố 53 84
Chương 25. Về mấy mê tín khác đối với người quá cố 57 89
Chương 26. Ngày đản nhật chúa Đàng Ngoài mừng thế nào 59 93
Chương 27. Về một ít dị đoan khác của người Đàng Ngoài 61 95
Chương 28. Người Đàng Ngoài làm lễ cưới thế nào 63 99
Chương 29. Về những tục lệ người Đàng Ngoài giữ vào cuối năm và đầu năm, và về mấy dị đoan khác 66 104
Chương 30. Về cung giọng và dấu trong tiếng nói thông dụng nước Annam 69 109
Chương 31. Về thay đổi tên gọi nơi người Đàng Ngoài 71 111

QUYỂN II

VỀ SỰ GIA NHẬP VÀ TIẾN TRIỂN CỦA ĐỨC TIN TRONG XỨ ĐÀNG NGOÀI

Chương 1. Phúc âm-gia nhập vào xứ này thế nào 75 117

Chương 2. Các thợ Phúc âm được gọi từ Đàng Trong tới Đàng Ngoài thế nào	78	121
Chương 3. Những người đem Phúc âm tới Đàng Ngoài khởi hành và may mắn tới nơi	80	125
Chương 4. Nhiều người nhận đức tin trong xóm thánh Giuse và những xóm lân cận	83	130
Chương 5. Chúa tiếp đón chúng tôi và người Bồ, khi ngài đi giao chiến với Đàng Trong	86	133
Chương 6. Rất đông lương dân tuôn đến nghe Lời Thiên Chúa trong nhà thờ đầu tiên của chúng tôi ở Đàng Ngoài	89	138
Chương 7. Ở những thôn lân cận với trụ sở đầu tiên của chúng tôi có mấy lương dân trở lại	92	143
Chương 8. Các thầy Sãi hay chư tăng phản đối chúng tôi	94	146
Chương 9. Chúa Đàng Ngoài đi đánh Đàng Trong trở về	96	150
Chương 10. Chúa Đàng Ngoài nhất định đưa chúng tôi về phủ đế ở với ngài	99	154
Chương 11. Những điều xảy đến trong cuộc hành trình theo Chúa	101	157
Chương 12. Chúng tôi may mắn tới phủ chúa và lần đầu tiên rao giảng Phúc âm	103	161
Chương 13. Về một thầy Sãi danh tiếng trở lại và nhiều người khác thầy đưa về đức tin	106	165
Chương 14. Một số đông lương dân chịu phép rửa tội	109	169
Chương 15. Chúa Đàng Ngoài cho dựng gần cung điện ngài nhà ở và nhà thờ cho chúng tôi thừa hành chức vụ rất đông giáo dân	111	172
Chương 16. Phương pháp chúng tôi dùng để dạy giáo lý	113	175
Chương 17. Mấy cơ hội làm cho giáo dân rất vững đức tin	115	179
Chương 18. Giáo dân tân tòng dùng nước phép và thánh giá làm phép lạ chữa người bệnh	118	183
Chương 19. Có mấy giáo dân tân tòng hiến thân suốt đời phục dịch chúng tôi	120	187

Chương 20. Chúa Đàng Ngoài bắt đầu xa lánh chúng tôi	123	191
Chương 21. Những cách thế chúng tôi dùng để xoa dịu tâm trí chúa và đánh tan ngờ vực trong khi thù địch theo dõi chúng tôi	126	195
Chương 22. Giáo dân tân tòng sốt sắng mừng các lễ trong năm	129	200
Chương 23. Cái chết lành thánh của mấy giáo dân	132	204
Chương 24. Chúa ban sắc lệnh mới cấm giảng đạo trong toàn cõi	135	209
Chương 25. Giáo dân chịu tang tóc chúng tôi đơn độc và giảng tại gia	138	213
Chương 26. Bởi đâu giáo dân lại được phép hội nhau trong nhà thờ	140	213
Chương 27. Sau cùng chúa đẩy chúng tôi thế nào	142	217
Chương 28. Thi hành án phát vãng và những sự xảy ra trong cuộc hành trình	145	225
Chương 29. Quãng hành trình còn lại và việc thuyền trưởng theo đạo	149	232
Chương 30. Từ Bố Chính trở về Nghệ An	152	236
Chương 31. Trong cơ cực và nghèo túng nơi đầy ải, Thiên Chúa nhân lành che chở chúng tôi thế nào	154	239
Chương 32. Được tin có tàu người Bồ mới tới, chúng tôi thoát cảnh đầy ải	156	243
Chương 33. Chúng tôi lại thừa hành chức vụ trong kinh thành	158	246
Chương 34. Ma quỉ phiền nhiễu giáo dân thế nào	161	250
Chương 35. Chúng tôi đành phải ra khỏi Đàng Ngoài và trở về Macao	163	254
Chương 36. Bức thư giáo dân Đàng Ngoài dệ trình Đức Thánh cha Giáo hoàng Urbano VIII	167	259
Chương 37. Các cha dòng chúng tôi trở lại Đàng Ngoài	169	262
Chương 38. Lòng kiên trì của một giáo dân tân tòng chịu chết để giữa đức tin Kitô giáo và mấy phép lạ	171	265
Chương 39. Mấy lương dân có thế giá trở lại	173	269

Chương 40. Chúa cư xử thế nào với các cha dòng chúng tôi cho tới khi tàu người Bồ trở lại	175	272
Chương 41. Mấy trinh nữ chịu hành hạ để bảo vệ đức trinh	178	276
Chương 42. Các cha dòng chúng tôi thử từ Đàng Ngoài vào nước Lào	181	281
Chương 43. Hành trình đi Lào, bất hạnh về phía Đàng Ngoài, thành công về phía bên kia	183	284
Chương 44. Một vụ bắt bớ do người Tàu gây nên, nhưng đã xoay trở lại làm cho họ xấu hổ và làm vinh danh cho giáo dân Đàng Ngoài	185	288
Chương 45. Những tiến triển lớn lao của giáo đoàn Đàng Ngoài và có mấy thợ mất trong khi hành sự	188	292
Chương 46. Cái chết có phúc và lành thánh của mấy giáo dân tân tòng	190	295
Chương 47. Giáo hội Đàng Ngoài qua một cơn bắt bớ lớn lao và mới, nhưng ít lâu sai được thoát khỏi	195	303
Chương 48. Thiên Chúa ban nhiều ơn cho giáo dân	198	308
Chương 49. Một toán thợ Phúc âm bị chết đuối thảm thương	201	312
Chương 50. Về phía Trung Quốc đã đem lại một lý do cho người ta trở lại đông đúc	203	316
Chương 51. Những điều chúng tôi mới nhận được về giáo dân Đàng Ngoài	205	319

Chú thích 211 223

Histoire du Royaume de Tunquin

Livre premier 1 - 116

Livre second 117 - 326

Mục lục I - V

LỊCH SỬ VƯƠNG QUỐC ĐÀNG NGOÀI
của ALEXANDRE DE RHODES

Bản dịch Việt ngữ : Hồng Nhuệ

ỦY BAN ĐOÀN KẾT CÔNG GIÁO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
chịu trách nhiệm xuất bản

NHÀ XUẤT BẢN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
xuất bản

Chịu trách nhiệm bản thảo : TRƯƠNG BÁ CẦN
PHAN ĐỨC MINH
Trình bày : TRẦN QUANG HOÀI
Bìa : NGUYỄN HÀ
Sửa bản in : ANH KHOA

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai - Q. I
Dây nói : 225340 - 222726 - 296764 - 296713

In 1000 cuốn. Khổ 13x19. Tại Nhà in Lao động .
Giấy phép số 1470CT/TP của Cục Xuất bản.
In xong nộp lưu chiểu Quý I 1994

TIMSACH.COM.VN

ALEXANDRE DE RHODES
(1593-1660)

Alexandre de Rhodes sinh ngày 15/3/1593 tại Avignon, miền Nam nước Pháp.

Năm 1612 vào Tập viện Dòng Tên ở Rôma.

Năm 1618 thụ phong linh mục. Truyền giáo ở Đàng Trong từ cuối tháng 12/1624 đến tháng 7/1626.

Truyền giáo ở Đàng Ngoài từ 19/3/1627 cho tới tháng 5/1630.

Truyền giáo ở Macao từ tháng 5/1630 cho tới đầu năm 1640.

Trở lại truyền giáo ở Đàng Trong

từ tháng 12/1640 đến tháng 7/1641.

từ tháng 1/1642 đến tháng 7/1643.

từ tháng 3/1644 đến tháng 7/1645.

Tháng 12/1645, Alexandre de Rhodes trở về châu Âu rồi đi truyền giáo ở Iran và mất tại Ispahan ngày 5/11/1660.

Alexandre de Rhodes đã viết và xuất bản một số sách kể lại các hành trình, các hoạt động truyền giáo của mình. Đặc biệt, ông đã soạn thảo và xuất bản những cuốn sách đầu tiên bằng Việt ngữ (**Tự điển Việt-Bồ-La; Ngữ pháp tiếng Việt; Phép giảng tám ngày**), đặt nền tảng cho việc định hình và phát triển chữ quốc ngữ của chúng ta ngày nay.

THƯ VIỆN HDM.VN